

CÔNG TY TNHH VINA CHANG TAI



BÁO CÁO ĐỀ XUẤT CẤP GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG

CỦA CƠ SỞ “CẢI TẠO NHÀ MÁY SẢN XUẤT ĐỒ LÓT
CAO CẤP, CÔNG SUẤT TỪ 1.544.098 SẢN PHẨM/NĂM
LÊN 2.750.000 SẢN PHẨM/NĂM”

Địa điểm: 183/2A, khu C, khu phố Đông An, phường Tân Đông Hiệp, thành
phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương

Bình Dương, tháng 2 năm 2025

CÔNG TY TNHH VINA CHANG TAI



BẢO CÁO ĐỀ XUẤT CẤP GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG

CỦA CƠ SỞ “CẢI TẠO NHÀ MÁY SẢN XUẤT ĐỒ LÓT
CAO CẤP, CÔNG SUẤT TỪ 1.544.098 SẢN PHẨM/NĂM
LÊN 2.750.000 SẢN PHẨM/NĂM”

Địa điểm: 183/2A, khu C, khu phố Đông An, phường Tân Đông Hiệp, thành
phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương

CHỦ CƠ SỞ
**CÔNG TY TNHH VINA
CHANG TAI**
GIÁM ĐỐC

ĐƠN VỊ TƯ VẤN
**CÔNG TY CỔ PHẦN KỸ THUẬT
MÔI TRƯỜNG THẾ GIỚI XANH**
GIÁM ĐỐC

Digitally signed by CÔNG TY
TNHH VINA CHANG TAI
DN: E=huongduongbonbon518@
gmail.com,
OID.0.9.2342.19200300.100.
1.1=MST:3700228069, CN=
CÔNG TY TNHH VINA
CHANG TAI, O=CÔNG TY
TNHH VINA CHANG TAI,
L=183/2A, Khu C, Khu Phố
Đông An, Phường Tân Đông
Hiệp, Thành Phố Dĩ An, Tỉnh
Bình Dương, Việt Nam, S=
Bình Dương, C=VN
Reason: I am the author of
this document
Location:
Date: 2025.02.19
15:02:11
+07'00'
Foxit PDF Reader Version:
2024.4.0

Digitally signed by Công Ty Cổ
Phần Kỹ Thuật Môi Trường Thế
Giới Xanh
DN:
OID.0.9.2342.19200300.100.1.1
=MST:0304903187, CN=Công
Ty Cổ Phần Kỹ Thuật Môi
Trường Thế Giới Xanh, S=Hồ
Chí Minh, C=VN
Reason: I am the author of this
document
Location:
Date: 2025-02-19 15:17:55
Foxit Reader Version: 9.0.0

Bình Dương, tháng năm 2025

CÔNG TY TNHH VINA CHANG TAI

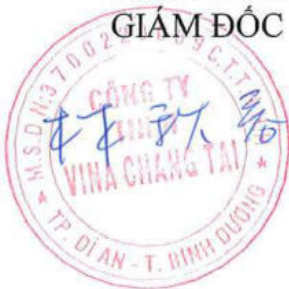


BẢO CÁO ĐỀ XUẤT CẤP GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG

CỦA CƠ SỞ “CẢI TẠO NHÀ MÁY SẢN XUẤT ĐỒ LÓT
CAO CẤP, CÔNG SUẤT TỪ 1.544.098 SẢN PHẨM/NĂM
LÊN 2.750.000 SẢN PHẨM/NĂM”

Địa điểm: 183/2A, khu C, khu phố Đông An, phường Tân Đông Hiệp, thành
phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương

CHỦ CƠ SỞ
CÔNG TY TNHH VINA
CHANG TAI
GIÁM ĐỐC



LIN CHIU JUNG

ĐƠN VỊ TƯ VẤN
CÔNG TY CỔ PHẦN KỸ THUẬT
MÔI TRƯỜNG THẾ GIỚI XANH
GIÁM ĐỐC



Hồ Huy Cui

Bình Dương, tháng 2 năm 2025

MỤC LỤC

MỤC LỤC	i
DANH MỤC CÁC TỪ VÀ CÁC KÝ HIỆU VIẾT TẮT	iii
DANH MỤC CÁC BẢNG	iv
DANH MỤC CÁC HÌNH VẼ	v
CHƯƠNG I. THÔNG TIN CHUNG VỀ CƠ SỞ	1
1. Tên chủ cơ sở	1
2. Tên cơ sở	1
2.1. Tên cơ sở	1
2.2. Quy mô của cơ sở theo quy định tại Điều 25 Nghị định 05/2025/NĐ-CP	4
3. Công suất, công nghệ, sản phẩm sản xuất của cơ sở	5
3.1. Công suất hoạt động của cơ sở	5
3.2. Công nghệ sản xuất của cơ sở	7
3.3. Sản phẩm của cơ sở	9
4. Nguyên liệu, nhiên liệu, vật liệu, phế liệu, điện năng, hóa chất sử dụng, nguồn cung cấp điện, nước của cơ sở	10
4.1. Nhu cầu nguyên liệu, nhiên liệu, hóa chất	10
4.2. Nhu cầu sử dụng điện	11
4.3. Nhu cầu sử dụng nước	11
5. Các thông tin khác liên quan đến cơ sở	13
5.1. Khoảng cách an toàn về môi trường theo quy định của cơ sở	13
5.2. Tổ chức quản lý và thực hiện cơ sở	14
5.3. Hiện trạng các hạng mục công trình bảo vệ môi trường của Cơ sở	15
CHƯƠNG II. SỰ PHÙ HỢP CỦA CƠ SỞ VỚI QUY HOẠCH, KHẢ NĂNG CHỊU TẢI CỦA MÔI TRƯỜNG	18
1. Sự phù hợp của cơ sở với quy hoạch bảo vệ môi trường quốc gia, quy hoạch tỉnh, phân vùng môi trường	18
2. Sự phù hợp của cơ sở đối với khả năng chịu tải của môi trường	19
CHƯƠNG III. KẾT QUẢ HOÀN THÀNH CÁC CÔNG TRÌNH, BIỆN PHÁP BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG CỦA CƠ SỞ	20
1. Công trình, biện pháp thoát nước mưa, thu gom và xử lý nước thải	20
1.1. Thu gom, thoát nước mưa	20
1.2. Thu gom, thoát nước thải	22
1.3. Xử lý nước thải	24
2. Công trình, biện pháp xử lý bụi, khí thải	33
3. Công trình, biện pháp lưu giữ, xử lý chất thải rắn thông thường	36
3.1. Chất thải rắn sinh hoạt	36
3.2. Chất thải rắn công nghiệp thông thường	38
4. Công trình, biện pháp lưu giữ, xử lý chất thải nguy hại	39
5. Công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung	42
6. Phương án phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường	43
6.1. Phòng ngừa sự cố hệ thống xử lý nước thải	43
6.2. Phòng ngừa sự cố rò rỉ, vỡ đường ống cấp thoát nước	44
6.3. Sự cố phòng chống cháy nổ	44
6.4. Sự cố tai nạn lao động	45
6.5. Biện pháp phòng ngừa, ứng phó tai nạn giao thông	46
7. Công trình, biện pháp bảo vệ môi trường khác	46
8. Các nội dung thay đổi so với quyết định phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường	47
CHƯƠNG IV. NỘI DUNG ĐỀ NGHỊ CẤP, CẤP LẠI GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG	48

1. Nội dung đề nghị cấp phép đối với nước thải	48
2. Nội dung đề nghị cấp phép đối với khí thải	49
3. Nội dung đề nghị cấp phép đối với tiếng ồn, độ rung	49
4. Nội dung đề nghị cấp phép đối với chất thải nguy hại	50
5. Nội dung đề nghị cấp phép đối với chất thải rắn công nghiệp thông thường	50
6. Nội dung đề nghị cấp phép đối với chất thải rắn sinh hoạt	50
7. Thời gian xin cấp phép môi trường	50
CHƯƠNG V. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG VÀ TÌNH HÌNH THỰC HIỆN CÔNG TÁC BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG CỦA CƠ SỞ	51
1. Thông tin chung về tình hình thực hiện công tác bảo vệ môi trường:	51
1.1. Tình hình tổ chức thực hiện các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường, yêu cầu của cơ quan có thẩm quyền mà chủ cơ sở phải thực hiện	51
1.2. Các vấn đề liên quan đến môi trường của chủ cơ sở đã gửi cơ quan có thẩm quyền	51
2. Kết quả hoạt động của công trình xử lý nước thải	52
2.1. Quan trắc định kỳ nước thải	52
2.2. Quan trắc nước thải liên tục tự động	55
2.3. Quan trắc định kỳ nguồn nước mặt	55
3. Kết quả hoạt động của công trình xử lý bụi, khí thải	58
3.1. Quan trắc định kỳ khí thải	58
3.2. Quan trắc tiếng ồn, vi khí hậu và không khí xung quanh định kỳ	58
3.3. Quan trắc khí thải tự động, liên tục	60
4. Tình hình phát sinh, xử lý chất thải	61
4.1. Thống kê chất thải rắn sinh hoạt	61
4.2. Thống kê chất thải rắn công nghiệp thông thường	61
4.3. Thống kê chất thải rắn nguy hại	62
5. Kết quả kiểm tra, thanh tra về bảo vệ môi trường đối với cơ sở	62
5.1. Kết quả kiểm tra, thanh tra về bảo vệ môi trường của cơ quan có thẩm quyền đối với cơ sở trước thời điểm lập báo cáo đề xuất cấp Giấy phép môi trường	62
5.2. Trường hợp vi phạm về bảo vệ môi trường của Cơ sở	63
CHƯƠNG VI. KẾ HOẠCH VẬN HÀNH THỬ NGHIỆM VÀ CHƯƠNG TRÌNH QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG CỦA CƠ SỞ	64
1. Kế hoạch vận hành thử nghiệm công trình xử lý chất thải của cơ sở	64
2. Chương trình quan trắc chất thải (tự động, liên tục và định kỳ) theo quy định của pháp luật	64
2.1. Chương trình quan trắc môi trường định kỳ	64
2.2. Chương trình quan trắc tự động, liên tục chất thải	64
2.3. Hoạt động quan trắc môi trường định kỳ, quan trắc môi trường tự động, liên tục khác theo quy định của pháp luật có liên quan hoặc theo đề xuất của chủ cơ sở	64
3. Kinh phí thực hiện quan trắc môi trường hàng năm	64
CHƯƠNG VII. CAM KẾT CỦA CHỦ CƠ SỞ	65
PHỤ LỤC BÁO CÁO	66

DANH MỤC CÁC TỪ VÀ CÁC KÝ HIỆU VIẾT TẮT

BHLĐ	Bảo hộ lao động
BOD	Nhu cầu oxy sinh hóa
BTNMT	Bộ Tài nguyên và Môi trường
BTCT	Bê tông cốt thép
BVMT	Bảo vệ môi trường
BXD	Bộ Xây dựng
BYT	Bộ Y tế
CB-CNV	Cán bộ, công nhân viên
COD	Nhu cầu oxy hóa học
CP	Chính phủ
CTNH	Chất thải nguy hại
CTR	Chất thải rắn
CTRCN	Chất thải rắn công nghiệp
CTRSH	Chất thải rắn sinh hoạt
ĐABVMTCT	Báo cáo đề án bảo vệ môi trường chi tiết
GPMT	Giấy phép môi trường
GPXD	Giấy phép xây dựng
HTXLNT	Hệ thống xử lý nước thải
HTXL	Hệ thống xử lý
HTXLKT	Hệ thống xử lý khí thải
HTXLNTSX	Hệ thống xử lý nước thải sản xuất
NĐ	Nghị định
NM	Nhà máy
PCCC	Phòng cháy chữa cháy
QCVN	Quy chuẩn Việt Nam
QĐ	Quyết định
SS	Chất rắn lơ lửng
TCVN	Tiêu chuẩn Việt Nam
TCXDVN	Tiêu chuẩn Xây dựng Việt Nam
TDS	Tổng chất rắn hoà tan
THC	Tổng Hydrocarbon
TNHH	Trách nhiệm hữu hạn
TP	Thành phố
TP.HCM	Thành phố Hồ Chí Minh
TSS	Tổng chất rắn lơ lửng
TT	Thông tư
UBND	Ủy ban nhân dân
VHTN	Vận hành thử nghiệm
WHO	Tổ chức Y tế Thế giới

DANH MỤC CÁC BẢNG

Bảng 1. 1. Tọa độ ranh giới khu đất của cơ sở	2
Bảng 1. 2. Quy hoạch sử dụng đất hiện hữu của cơ sở.....	5
Bảng 1. 3. Hạng mục công trình chính, công trình phụ trợ và công trình bảo vệ môi trường của cơ sở.....	5
Bảng 1. 4. Công suất sản xuất của cơ sở.....	7
Bảng 1. 5. Danh mục máy móc, thiết bị sản xuất của cơ sở	9
Bảng 1. 6. Sản phẩm của cơ sở	9
Bảng 1. 7. Nhu cầu sử dụng nguyên liệu, nhiên liệu và hóa chất của cơ sở.....	10
Bảng 1. 8. Nhu cầu sử dụng điện thực tế của cơ sở.....	11
Bảng 1. 9. Nhu cầu sử dụng nước và nước thải của toàn cơ sở theo ĐTM phê duyệt .	12
Bảng 1. 10. Nhu cầu sử dụng nước và lưu lượng nước thải phát sinh thực tế.....	12
Bảng 1. 11. Nhu cầu lao động của cơ sở theo ĐTM phê duyệt	14
Bảng 4. 1. Các chất ô nhiễm và giá trị giới hạn của các chất ô nhiễm trong dòng nước thải của cơ sở.....	48
Bảng 5. 1. Thống kê vị trí điểm quan trắc và kết quả quan trắc nước thải năm 2024	53
Bảng 5. 2. Thống kê vị trí điểm quan trắc và kết quả quan trắc nước mặt năm 2024 ..	56
Bảng 5. 3. Kết quả quan trắc vi khí hậu và không khí xung quanh năm 2024	59
Bảng 5. 4. Bảng thống kê chất thải rắn sinh hoạt trong năm 2024	61
Bảng 5.5. Bảng thống kê chất thải rắn công nghiệp thông thường trong năm 2024	61
Bảng 5.6. Bảng thống kê chất thải nguy hại trong năm 2024.....	62

DANH MỤC CÁC HÌNH VẼ

Hình 1. 1. Vị trí tiếp giáp của cơ sở.....	2
Hình 1. 2. Sơ đồ sản xuất của cơ sở	8
Hình 1. 3. Tổ chức quản lý và thực hiện của cơ sở	15
Hình 1. 4. Hình ảnh hiện trạng của cơ sở	17
Hình 3. 1. Sơ đồ tổng quan hệ thống thu gom và thoát nước mưa của cơ sở.....	20
Hình 3. 2. Hình ảnh vị trí đầu nổi nước mưa của cơ sở	22
Hình 3. 3. Sơ đồ thu gom, thoát nước thải sinh hoạt của cơ sở.....	23
Hình 3. 4. Bể tự hoại 03 ngăn.....	25
Hình 3.5. Sơ đồ quy trình công nghệ xử lý nước thải 50 m ³ /ngày.đêm của cơ sở.....	27
Hình 3.6. Sơ đồ HTXLNT công suất 20 m ³ /ngày.đêm tại cơ sở.....	30
Hình 3.7. Hình ảnh lưu chứa chất thải rắn sinh hoạt của cơ sở.....	38
Hình 3.8. Hình ảnh khu lưu giữ chất thải rắn công nghiệp thông thường của cơ sở	39
Hình 3.9. Hình ảnh khu lưu giữ chất thải nguy hại của cơ sở.....	41
Hình 3.10. Sơ đồ quy trình thu gom chất thải tại 5 nhà máy của cơ sở	42
Hình 3.11. Sơ đồ quy trình ứng phó sự cố cháy nổ	45

CHƯƠNG I. THÔNG TIN CHUNG VỀ CƠ SỞ

1. Tên chủ cơ sở

- Tên chủ cơ sở: Công ty TNHH Vina Chang Tai (Sau đây gọi là Chủ cơ sở)
- Địa chỉ văn phòng: 183/2A, khu C, khu phố Đông An, phường Tân Đông Hiệp, thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương.
- Người đại diện theo pháp luật của chủ cơ sở:
 - + Ông LIN HSIU CHUAN Chức vụ: Tổng Giám đốc.
 - Loại giấy tờ pháp lý của cá nhân: Hộ chiếu nước ngoài
 - Số giấy tờ pháp lý của cá nhân: 361853088; Ngày cấp: 28/03/2023; Nơi cấp: Đài Loan.
 - Sinh ngày: 15/11/1952; Quốc tịch: Trung Quốc (Đài Loan);
 - Địa chỉ thường trú: 210 Chian Hseng RD, Tou-iu City, Yun-lin Hsien, Trung Quốc (Đài Loan).
 - + Bà LIN CHIU JUNG Chức vụ: Giám đốc.
 - Loại giấy tờ pháp lý của cá nhân: Hộ chiếu nước ngoài
 - Số giấy tờ pháp lý của cá nhân: 360074661; Ngày cấp: 14/01/2022; Nơi cấp: Đài Loan.
 - Sinh ngày: 22/12/1955; Quốc tịch: Trung Quốc (Đài Loan);
 - Địa chỉ thường trú: 210 Chian Hseng RD, Tou-iu City, Yun-lin Hsien, Trung Quốc (Đài Loan).
 - + Bà LIN CHIH YUN Chức vụ: Phó Giám đốc.
 - Loại giấy tờ pháp lý của cá nhân: Hộ chiếu nước ngoài
 - Số giấy tờ pháp lý của cá nhân: 311138268; Ngày cấp: 18/05/2015; Nơi cấp: Đài Loan.
 - Sinh ngày: 07/1/1984; Quốc tịch: Trung Quốc (Đài Loan);
 - Địa chỉ thường trú: 210 Chian Hseng RD, Tou-iu City, Yun-lin Hsien, Trung Quốc (Đài Loan).
 - + Địa chỉ liên lạc: 183/2A, khu C, khu phố Đông An, phường Tân Đông Hiệp, thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương.

- Điện thoại: 0274. 0375 0802

Fax: 0274. 0375 0804

- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty TNHH Một thành viên mã số: 3700228069, đăng ký lần đầu ngày 07/11/2007, đăng ký thay đổi lần thứ 6 ngày 09/01/2024 do Phòng Đăng ký kinh doanh thuộc Sở Kế hoạch và đầu tư tỉnh Bình Dương cấp.

- Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư số: 9857471056 chứng nhận lần đầu ngày 18/01/1997, chứng nhận điều chỉnh lần thứ 6 ngày 23/08/2023 do Sở Kế hoạch và đầu tư tỉnh Bình Dương cấp.

2. Tên cơ sở

2.1. Tên cơ sở

- Tên cơ sở: Cải tạo nhà máy sản xuất đồ lót cao cấp, công suất từ 1.544.098 sản phẩm/năm lên 2.750.000 sản phẩm/năm (Sau đây gọi là Cơ sở)
- Địa điểm cơ sở: 183/2A, khu C, khu phố Đông An, phường Tân Đông Hiệp, thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương.
- + Vị trí tiếp giáp của cơ sở:
 - Phía Nam: Giáp đường N1;

- Phía Bắc: Giáp đường N2;
 - Phía Tây: Giáp đường nội bộ khu dân cư;
 - Phía Đông: Giáp đường nội bộ khu dân cư.
- + Tọa độ ranh giới khu đất cơ sở như sau:

Bảng 1. 1. Tọa độ ranh giới khu đất của cơ sở

Tên điểm	Tọa độ VN 2000	
	X (m)	Y (m)
1	1.206.804	612.868
2	1.206.955	613.038
3	1.206.828	613.041
4	1.206.810	612.884

(Nguồn: Công ty TNHH Vina Chang Tai, năm 2025)



Hình 1. 1. Vị trí tiếp giáp của cơ sở

❖ Văn bản thẩm định thiết kế xây dựng, cấp các loại giấy phép có liên quan đến môi trường, phê duyệt cơ sở

- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty TNHH Một thành viên mã số: 3700228069, đăng ký lần đầu ngày 07/11/2007, đăng ký thay đổi lần thứ 6 ngày 09/01/2024 do Phòng Đăng ký kinh doanh thuộc Sở Kế hoạch và đầu tư tỉnh Bình Dương cấp.

- Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư số: 9857471056 chứng nhận lần đầu ngày 18/01/1997, chứng nhận điều chỉnh lần thứ 6 ngày 23/08/2023 do Sở Kế hoạch và đầu tư tỉnh Bình Dương cấp.

- Hợp đồng thuê đất số 399/HĐ/TĐ ngày 25/09/1997 giữa Sở Địa chính tỉnh Bình Dương và Công ty TNHH Vina Chang Tai;

- Phụ kiện hợp đồng thuê đất số 468/PKHĐ.TĐ ngày 27/02/2006 (Hợp đồng thuê đất số 399/HĐ/TĐ ngày 25/09/1997) giữa Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bình Dương và Công ty TNHH Vina Chang Tai;

- Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CX763943 ngày 29/12/2020 của ở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bình Dương cấp cho Công ty TNHH Vina Chang Tai;

- Giấy phép xây dựng số 74/GP-XD ngày 19/04/1997 của Sở Xây dựng tỉnh Bình Dương cấp cho công trình tường rào Công ty TNHH Vina Chang Tai.

- Giấy phép xây dựng số 171/GPXD ngày 16/1/2017 của Sở Xây dựng tỉnh Bình Dương cấp cho Công ty TNHH Vina Chang Tai.

- Quyết định số 173/QĐ-UB ngày 17/01/1998 của UBND tỉnh Bình Dương về việc phê duyệt báo cáo thẩm định hồ sơ thiết kế kỹ thuật của công trình Nhà máy sản xuất đồ lót cao cấp của Công ty TNHH Vina Chang Tai.

- Hợp đồng lập bản vẽ hiện trạng số 13/HĐ-XD ngày 19/05/1998 của Sở Xây dựng tỉnh Bình Dương cho Nhà máy sản xuất trang phục lót của Công ty TNHH Vina Chang Tai.

- Biên bản kiểm tra hoàn công số 47/1998/BB-XD ngày 14/04/1998 của Sở Xây dựng tỉnh Bình Dương cho Nhà máy sản xuất trang phục lót của Công ty TNHH Vina Chang Tai.

- Công văn số 621/1998/CV-XD ngày 02/07/1998 của Sở Xây dựng tỉnh Bình Dương về việc kiểm tra xây dựng hoàn công các hạng mục công trình của Nhà máy sản xuất trang phục lót của Công ty TNHH Vina Chang Tai.

- Biên bản kiểm tra xây dựng số 365/BB-XD ngày 17/03/2003 của Sở Xây dựng tỉnh Bình Dương cho công trình Nhà xưởng của Công ty TNHH Vina Chang Tai.

- Công văn số 365/BB-XD ngày 17/03/2003 của Sở Xây dựng tỉnh Bình Dương về việc kiểm tra xây dựng kiểm tra xây dựng hoàn thành công trình của Công ty TNHH Vina Chang Tai.

- Công văn số 142/SXD-QLXD ngày 16/01/2017 của Sở Xây dựng tỉnh Bình Dương về việc thông báo kết quả thẩm định thiết kế xây dựng công trình của Công ty TNHH Vina Chang Tai.

- Quyết định số 277/QĐ-CT ngày 22/01/2023 của Sở Xây dựng tỉnh Bình Dương về việc chấp thuận thiết kế kỹ thuật và xây dựng Công trình Nhà máy sản xuất đồ lót cao cấp (Giai đoạn 2) của Công ty TNHH Vina Chang Tai.

- Giấy chứng nhận thẩm định về thiết kế và thiết bị phòng cháy chữa cháy số 284/PC23 ngày 05/09/2002 của Phòng Cảnh sát phòng cháy và chữa cháy.

- Giấy chứng nhận thẩm duyệt thiết kế về phòng cháy và chữa cháy số 10/TD-PCCC-P2 ngày 03/01/2017 của Cảnh sát PC&CC tỉnh Bình Dương.

- Biên bản kiểm tra nghiệm thu và bàn giao hệ thống, thiết bị phòng cháy chữa cháy ngày 08/01/2018 của nhạng mục Nhà xưởng (17M x 24M).

- Công văn 36/CSPC&CC-P2 ngày 26/01/2018 của Cảnh sát PC&CC tỉnh Bình Dương về việc xác nhận nghiệm thu hệ thống phòng cháy chữa cháy.

❖ Quyết định phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường; các giấy phép môi trường, các giấy phép môi trường thành phần

- Quyết định số 1336/QĐ-STNMT ngày 6/11/2017 của Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bình Dương về việc phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường của dự án “Cải tạo nhà máy sản xuất đồ lót cao cấp, công suất từ 1.544.098 sản phẩm/năm lên 2.750.000 sản phẩm/năm của Công ty TNHH Vina Chang Tai” tại số 183/2A, khu C, khu phố Đông An, phường Tân Đông Hiệp, thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương.

- Giấy phép xả nước thải vào nguồn nước số 32/GP-STNMT ngày 17/03/2022 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bình Dương cấp cho Công ty TNHH Vina Chang Tai.

- Sổ đăng ký chủ nguồn thải chất thải nguy hại mã số QLCTNH 74.000839.T cấp ngày 23/06/2010 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bình Dương cấp cho Công ty TNHH Vina Chang Tai.

2.2. Quy mô của cơ sở theo quy định tại Điều 25 Nghị định 05/2025/NĐ-CP

❖ Quy mô của cơ sở (phân loại theo tiêu chí quy định của pháp luật về đầu tư công)

- Quy mô của cơ sở theo quy định tại Điều 25 Nghị định 05/2025/NĐ-CP: Tổng vốn đầu tư của cơ sở là 100.000.000.000 đồng (*Bằng chữ: Một trăm tỷ đồng*). Căn cứ theo tiêu chí quy định của Luật đầu tư công số 39/2019/QH14 thì Cơ sở thuộc tiêu chí phân loại dự án nhóm B (*theo khoản 4 Điều 8 và khoản 3 Điều 9 Luật Đầu tư công số 39/2019/QH14 ngày 13/06/2019*).

- Loại hình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ: nhà máy sản xuất các sản phẩm may (nhà máy sản xuất quần áo lót phụ nữ).

❖ Phân nhóm theo tiêu chí quy định của Luật Bảo vệ môi trường

- Phân nhóm dự án đầu tư: nhóm III. Dự án nhóm B quy định tại số thứ tự 2, mục II, Phụ lục V Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06 tháng 01 năm 2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

- Cơ sở không thuộc loại hình sản xuất kinh doanh, dịch vụ có nguy cơ gây ô nhiễm môi trường theo quy định tại Phụ lục II Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06 tháng 01 năm 2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

- Cơ sở không có yếu tố nhạy cảm về môi trường theo quy định tại điểm c khoản 3 Điều 28 Luật Bảo vệ môi trường, khoản 4 Điều 25 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP của Chính phủ, khoản 6 Điều 1 Nghị định số 05/2025/NĐ-CP của Chính phủ;

- Cơ sở đã được phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường và đã đi vào hoạt động theo ĐTM phê duyệt. Do đó, Cơ sở thuộc đối tượng phải có giấy phép môi trường theo quy định tại khoản 2, Điều 39 Luật Bảo vệ môi trường số 72/2020/QH14.

- Thẩm quyền cấp giấy phép môi trường:

+ Cơ sở thuộc thẩm quyền cấp giấy phép môi trường của Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Dương theo quy định tại Điều 41 Luật Bảo vệ Môi trường.

+ Theo Quyết định số 975/QĐ-UBND ngày 26 tháng 4 năm 2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Dương về việc ủy quyền cho Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bình Dương thẩm định, phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường; phương án cải tạo, phục hồi môi trường trong hoạt động khai thác khoáng sản và cấp Giấy phép môi trường thuộc thẩm quyền của Ủy ban nhân dân Bình Dương.

+ Nội dung và cấu trúc báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường cho Cơ sở tuân thủ theo hướng dẫn tại Phụ lục X (Mẫu báo cáo đề xuất cấp, cấp lại giấy phép môi trường của cơ sở đang hoạt động) Phụ lục kèm theo Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06/01/2025 của Chính phủ.

3. Công suất, công nghệ, sản phẩm sản xuất của cơ sở

3.1. Công suất hoạt động của cơ sở

❖ Quy mô xây dựng của cơ sở

Quy mô sử dụng đất cơ sở:

Diện tích đất sử dụng: Cơ sở được thực hiện trên khu đất với tổng diện tích đất sử dụng là 8.178,13 m² theo Hợp đồng thuê đất số 399/HĐ/TĐ ngày 25/09/1997 giữa Sở Địa chính tỉnh Bình Dương và Công ty TNHH Vina Chang Tai. Quy hoạch sử dụng đất của cơ sở như sau:

Bảng 1. 2. Quy hoạch sử dụng đất hiện hữu của cơ sở

Stt	Hạng mục công trình	Diện tích (m ²)	Tỷ lệ (%)
1	Các công trình xây dựng	5.405,00	66,10
2	Đường nội bộ	1.087,43	13,29
3	Cây xanh	1.635,70	20,00
4	Đất dự phòng	50	0,61
	TỔNG CỘNG	8.178,13	100,00

(Nguồn: Công ty TNHH Vina Chang Tai, năm 2025)

Các hạng mục công trình chính, công trình phụ trợ và công trình bảo vệ môi trường của cơ sở:

- Các hạng mục công trình chính, công trình phụ trợ và công trình bảo vệ môi trường hiện hữu của cơ sở được thể hiện bằng bảng sau:

Bảng 1. 3. Hạng mục công trình chính, công trình phụ trợ và công trình bảo vệ môi trường của cơ sở

Stt	Hạng mục công trình	Diện tích (m ²)	Tỷ lệ (%)
I	Các công trình xây dựng	5.405,00	66,10
A	Công trình chính	5.270,67	64,45
1	Xưởng cắt	122	1,49
2	Xưởng may	2.735,47	33,45
3	Kho nguyên vật liệu	186	2,27
4	Kho thành phẩm	275	3,36
5	Kho xuất hàng	244	2,98
6	Phòng đóng gói	162	1,98
7	Nhà xưởng 2 (3 tầng)	714	8,73

Stt	Hạng mục công trình	Diện tích (m ²)	Tỷ lệ (%)
7.1	Tầng trệt	714	8,73
-	Kho thành phẩm	300	3,66
-	Kho nguyên liệu	360	4,40
-	Nhà vệ sinh	18	0,22
-	Cầu thang	36	0,44
7.2	Tầng 1	714	8,73
-	Xưởng may	660	8,07
-	Nhà vệ sinh	18	0,22
-	Cầu thang	36	0,44
7.3	Tầng 2	714	8,73
-	Xưởng may	660	8,07
-	Nhà vệ sinh	18	0,22
-	Cầu thang	36	0,44
8	Nhà bảo vệ	10	0,12
9	Nhà để xe gắn máy	250	3,06
10	Khối văn phòng	260,5	3,17
11	Nhà nghỉ	260,5	3,17
12	Nhà vệ sinh công nhân	51,2	0,63
B	Công trình phụ trợ	134,33	1,64
13	Trạm biến thế	12,25	0,15
14	Phòng máy phát điện	16	0,19
15	Đài nước và bồn chứa nước	60	0,73
16	Nhà chứa chất thải rắn	15	0,18
17	Hệ thống xử lý nước thải	31,08	0,38
II	Đường nội bộ	1.087,43	13,29
III	Cây xanh	1.635,70	20,00
IV	Đất dự phòng	50	0,61
	TỔNG CỘNG	8.178,13	100,00

(Nguồn: Công ty TNHH Vina Chang Tai, năm 2025)

- Hệ thống thu gom, thoát nước mưa:

+ Hệ thống thu gom nước mưa được tách riêng hoàn toàn với hệ thống thu gom nước thải nội bộ.

+ Nước mưa từ mái nhà xưởng được thu gom bằng ống dẫn đặt dọc theo mái nhà đến mương dẫn, nước mưa chảy tràn được thu gom về mương dẫn. Nước mưa tập trung về hố ga và đầu nối vào hệ thống thoát nước chung của khu vực trên đường N1 tại 3 vị trí.

- Hệ thống thu gom, thoát nước thải:

+ Nước thải sinh hoạt phát sinh từ nhà vệ sinh của nhà xưởng 1 và văn phòng được thu gom bằng hệ thống ống nhựa uPVC Ø60 mm ÷ Ø114 mm. Nước thải sau đó theo tuyến ống nhựa uPVC Ø114 mm tự chảy về bể tự hoại 3 ngăn thể tích 60m³, sau đó cùng với nước thải sinh hoạt phát sinh từ rửa sàn lavabo của nhà xưởng 1 và văn phòng; nước thải từ vệ sinh xả cặn tháp giải nhiệt (6 tháng/1 lần) được thu gom dẫn về hố thu gom của hệ thống xử lý nước thải sinh hoạt công suất 50m³/ngày.đêm của cơ sở để xử lý.

+ Nước thải từ nhà ăn chuyên gia được dẫn qua bể tách dầu mỡ (hồ thu – tách mỡ) sau đó được dẫn về hố thu gom của hệ thống xử lý nước thải sinh hoạt công suất 50

m³/ngày.đêm bằng đường ống nhựa PVC Ø 90mm.

+ Nước thải sinh hoạt phát sinh từ nhà vệ sinh của nhà xưởng 2 được thu gom bằng hệ thống ống nhựa uPVC Ø90 mm. Nước thải sau đó theo tuyến ống nhựa uPVC Ø90 mm tự chảy về bể tự hoại 3 ngăn thể tích 10m³, sau đó cùng với nước thải sinh hoạt phát sinh từ rửa sàn lavabo của nhà xưởng 2 được thu gom bằng hệ thống ống nhựa uPVC Ø90 mm dẫn về hố thu gom của hệ thống xử lý nước thải sinh hoạt công suất 20m³/ngày.đêm của cơ sở để xử lý.

- Hệ thống cấp điện: Sử dụng nguồn điện cấp từ Lưới điện quốc gia thông qua Công ty Điện lực Bình Dương – Điện lực Dĩ An.

- Hệ thống cấp nước: Được cung cấp từ Công ty Cổ phần Nước – Môi trường tỉnh Bình Dương.

- Khu vực lưu chứa chất thải rắn và CTNH:

+ Chất thải rắn sinh hoạt: Hằng ngày chất thải sinh hoạt sau khi được phân loại sẽ được nhân viên vệ sinh thu gom, tập kết vào thùng chứa 240 lít đưa về khu vực tập kết chất thải sinh hoạt của nhà máy.

+ Chất thải rắn công nghiệp thông thường: sau khi phân loại sẽ được thu gom vào bao chứa và tập kết tại khu vực lưu trữ chất thải rắn công nghiệp thông thường của nhà máy.

+ Chất thải nguy hại: Bố trí 01 khu lưu giữ CTNH diện tích 5 m².

❖ Quy mô công suất của cơ sở

- Cơ sở hoạt động sản xuất các sản phẩm: chủ yếu sản xuất các loại sản phẩm như áo ngực, quần lót, quần nịt, áo ngủ, áo lót đầm, dây lưng, nịt eo và áo tắm với sản lượng trung bình khoảng 2.750.000 sản phẩm/năm theo ĐTM phê duyệt. Cụ thể công suất sản xuất như sau:

Bảng 1. 4. Công suất sản xuất của cơ sở

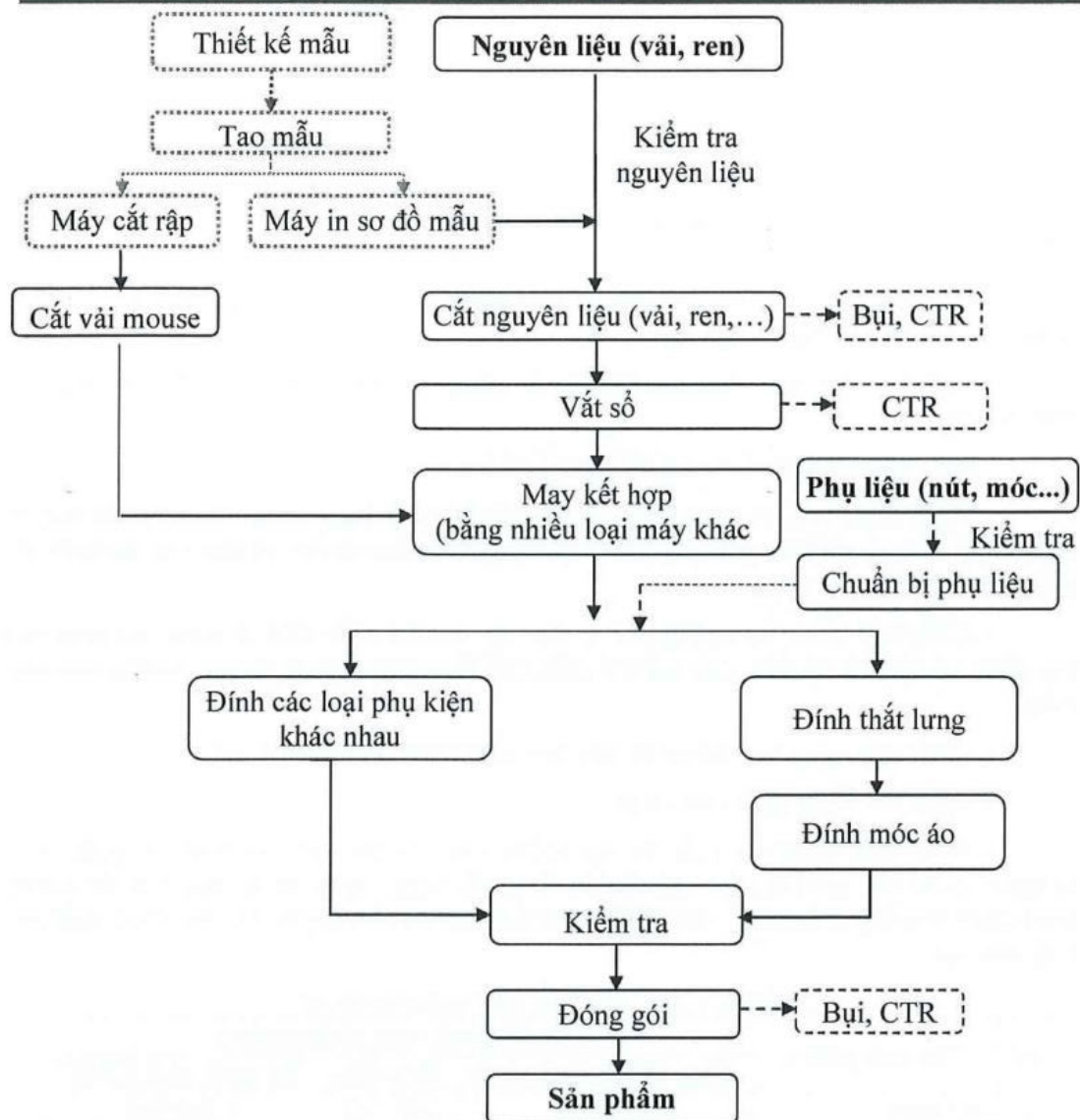
Stt	Tên sản phẩm	Khối lượng (sản phẩm/năm)		
		Theo ĐTM phê duyệt	Hiện hữu	Đề nghị cấp GPMT
1	Áo ngực	1.500.000	165.190	1.500.000
2	Quần lót	800.000	165.190	800.000
3	Quần lót có dây lưng	80.000	-	80.000
4	Nịt eo	80.000	-	80.000
5	Quần nịt	80.000	-	80.000
6	Áo ngủ	100.000	-	100.000
7	Áo lót đầm	60.000	-	60.000
8	Áo tắm	50.000	-	50.000
Tổng cộng		2.750.000	330.380	2.750.000

(Nguồn: Công ty TNHH Vina Chang Tai, năm 2025)

3.2. Công nghệ sản xuất của cơ sở

3.2.1. Công nghệ sản xuất của cơ sở

Sơ đồ quy trình công nghệ sản xuất của cơ sở không thay đổi so với ĐTM đã phê duyệt, cụ thể như sau:



Hình 1. 2. Sơ đồ sản xuất của cơ sở

Thuyết minh quy trình công nghệ sản xuất:

- Các mẫu mã sản phẩm được bộ phận thiết kế của Công ty thiết kế và tạo mẫu các loại sản phẩm. Sau đó các mẫu thiết kế được vẽ mẫu bằng máy cắt rập và máy in sơ đồ. Máy in sơ đồ được sử dụng để in các chi tiết được thiết kế trong bản vẽ kỹ thuật in ra khổ giấy 1,6m.

- Tùy vào nguyên liệu là vải, ren các loại hoặc vải mouse được đưa vào máy cắt tự động để cắt theo từng kích cỡ khác nhau, sau đó được chuyển qua máy vắt sổ và may biên. Vải, ren được vắt sổ, may biên và vải mouse được cắt hoàn chỉnh theo mẫu thiết kế sẽ được chuyển qua công đoạn may kết hợp bằng nhiều loại máy khác nhau như máy may 1 kim, 2 kim....

- Sau khi may kết hợp để định hình sản phẩm, các loại phụ kiện liên quan (dây thun, móc, vòng điều chỉnh, cọng thép, nhãn...) được chuẩn bị và đưa vào quy trình để đính vào sản phẩm (quy trình sản xuất của Công ty không có công đoạn ủi).

- Sản phẩm hoàn chỉnh được chuyển qua tổ QC để kiểm tra chất lượng.

- Một số sản phẩm bị dính dầu máy và vết bẩn sẽ được nhân viên kiểm tra sử dụng miếng vải nhỏ thấm nước ẩm chấm nhẹ một ít xà bông cục lifebuoy và chà nhẹ lên vết bẩn sau đó sử dụng máy khí nén xịt khô sản phẩm tại vị trí cần làm sạch.

- Sản phẩm sau khi được kiểm tra được chuyển qua bộ phận đóng gói thành phẩm và mang tiêu thụ.

3.2.2. Danh mục máy móc thiết bị phục vụ hoạt động sản xuất của cơ sở

❖ Danh mục máy móc, thiết bị của cơ sở

Hiện nay, máy móc và thiết bị tại cơ sở đã đầu tư đang hoạt động ổn định. Danh mục máy móc, thiết bị được thể hiện bảng sau:

Bảng 1. 5. Danh mục máy móc, thiết bị sản xuất của cơ sở

Stt	Tên Thiết bị	Đơn vị	Số lượng	Tình trạng sử dụng
1	Máy 1 kim	Cái	266	80%, đang sử dụng tốt
2	Máy 2 kim	Cái	65	80%, đang sử dụng tốt
3	Máy zizac	Cái	162	80%, đang sử dụng tốt
4	Máy đính bộ	Cái	28	80%, đang sử dụng tốt
5	Máy vắt sỏ	Cái	59	80%, đang sử dụng tốt
6	Máy đính nút	Cái	9	80%, đang sử dụng tốt
7	Máy trụ	Cái	37	80%, đang sử dụng tốt
8	Máy luồn thun	Cái	131	80%, đang sử dụng tốt
9	Máy cuốn vải	Cái	1	80%, đang sử dụng tốt
10	Máy xả vải	Cái	2	80%, đang sử dụng tốt
11	Máy cắt	Cái	12	80%, đang sử dụng tốt
12	Máy cắt tay	Cái	5	80%, đang sử dụng tốt
13	Máy cắt đẩy	Cái	2	80%, đang sử dụng tốt
14	Bàn cắt	Cái	22	80%, đang sử dụng tốt
15	Máy ép vải	Cái	10	80%, đang sử dụng tốt
16	Máy ép vải bọc	Cái	5	80%, đang sử dụng tốt
17	Máy cắt rập	Cái	1	80%, đang sử dụng tốt
18	Máy in sơ đồ	Cái	1	80%, đang sử dụng tốt
19	Máy cắt dây	Cái	7	80%, đang sử dụng tốt
20	Máy lạnh	Cái	24	80%, đang sử dụng tốt
21	Tháp giải nhiệt	Cái	8	80%, đang sử dụng tốt
22	Máy nén khí	Cái	3	80%, đang sử dụng tốt
23	Máy ép nhiệt	Cái	3	80%, đang sử dụng tốt
24	Máy hỗ trợ kéo vải	Cái	16	80%, đang sử dụng tốt
25	Máy đính nhãn	Cái	11	80%, đang sử dụng tốt

(Nguồn: Công ty TNHH Vina Chang Tai, năm 2025)

3.3. Sản phẩm của cơ sở

Sản phẩm của nhà máy chủ yếu là các loại sản phẩm như áo ngực, quần lót, quần nịt, áo ngủ, áo lót đầm, dây lưng, nịt eo và áo tắm với sản lượng trung bình khoảng 2.750.000 sản phẩm/năm theo ĐTM phê duyệt. Công suất sản xuất của cơ sở như sau:

Bảng 1. 6. Sản phẩm của cơ sở

Stt	Tên sản phẩm	Khối lượng (sản phẩm/năm)		
		Theo ĐTM phê duyệt	Hiện hữu	Đề nghị cấp GPMT
1	Áo ngực	1.500.000	165.190	1.500.000
2	Quần lót	800.000	165.190	800.000
3	Quần lót có dây lưng	80.000	-	80.000
4	Nịt eo	80.000	-	80.000
5	Quần nịt	80.000	-	80.000
6	Áo ngủ	100.000	-	100.000
7	Áo lót đầm	60.000	-	60.000
8	Áo tắm	50.000	-	50.000
Tổng cộng		2.750.000	330.380	2.750.000

(Nguồn: Công ty TNHH Vina Chang Tai, năm 2024)

4. Nguyên liệu, nhiên liệu, vật liệu, phế liệu, điện năng, hóa chất sử dụng, nguồn cung cấp điện, nước của cơ sở

4.1. Nhu cầu nguyên liệu, nhiên liệu, hóa chất

Nhu cầu sử dụng nguyên, nhiên, vật liệu và hóa chất phục vụ hoạt động của cơ sở được thể hiện bảng sau:

Bảng 1. 7. Nhu cầu sử dụng nguyên liệu, nhiên liệu và hóa chất của cơ sở

Stt	Tên nguyên, nhiên, vật liệu	Đơn vị	Khối lượng		
			Theo ĐTM phê duyệt	Hiện hữu	Đề nghị cấp GPMT
I	Nguyên, nhiên, vật liệu				
1	Chỉ các loại	kg	6.469	123	6.469
2	Dây vải	m	2.029.573	38.560	2.029.573
3	Giấy để can	cái	3.372.092	64.066	3.372.092
4	Giấy trắng	kg	7.200	137	7.200
5	Mực in	kg	120	2	120
6	Kẹp áo	cái	2.451.505	46.576	2.451.505
7	Miếng nhựa	cái	4.867.248	92.472	4.867.248
8	Móc	cái	901.643	17.130	901.643
9	Móc áo	cái	2.457.163	46.683	2.457.163
10	Móc áo ngực	cái	4.889.346	92.892	4.889.346
11	Đăng ten	m	1.086.619	20.644	1.086.619
12	Nhãn hiệu	cái	6.725.161	127.770	6.725.161
13	Nhãn treo	cái	4.902.539	93.143	4.902.539
14	Ren bông	cái	8.223.121	156.230	8.223.121
15	Ruy băng	m	8.821.337	167.595	8.821.337
16	Ruy băng chéo	cái	2.611.375	49.613	2.611.375
17	Thùng giấy carton	cái	507.903	9.650	507.903
18	Túi plastic	cái	3.342.316	63.500	3.342.316
19	Vải	m ²	24.050	457	24.050
20	Vải 100% nylon	m ²	290.527	5.520	290.527
21	Vải lưới	m ²	78.234	1.486	78.234
22	Vải lót chóp	bộ	1.220.771	23.193	1.220.771
23	Vải mouse	m ²	32.235	612	32.235
24	Vòng ngực sắt	cái	432.712	8.221	432.712
25	Vòng điều chỉnh	cái	7.880.000	149.711	7.880.000

Stt	Tên nguyên, nhiên, vật liệu	Đơn vị	Khối lượng		
			Theo ĐTM phê duyệt	Hiện hữu	Đề nghị cấp GPMT
II	Hóa chất				
26	Chlorine	kg	100	1,62	100
27	Vì sinh xử lý nước nước thải Microbelift	lít	36	0,58	36

(Nguồn: Công ty TNHH Vina Chang Tai, năm 2024)

4.2. Nhu cầu sử dụng điện

- Nguồn điện cung cấp: Nguồn điện từ lưới điện quốc gia thông qua Công ty điện lực Bình Dương – Điện lực Dĩ An. Ngoài ra, công ty còn trang bị thêm 1 máy phát điện dự phòng công suất 500 KVA, sử dụng khi sự cố mất điện lưới, nhằm duy trì hoạt động sản xuất và sinh hoạt của cơ sở.

- Nhu cầu sử dụng điện:

+ Theo ĐTM phê duyệt: Nhu cầu sử dụng điện của cơ sở là 61.400 KWh/tháng.

+ Nhu cầu sử dụng điện theo thực tế của cơ sở tính từ tháng 01/2024 đến tháng 12/2024 được thống kê dưới bảng sau:

Bảng 1. 8. Nhu cầu sử dụng điện thực tế của cơ sở

Tháng \ Năm	Lưu lượng (kWh) Năm 2024
Tháng 01	26.200
Tháng 02	15.900
Tháng 03	29.400
Tháng 04	28.900
Tháng 05	30.300
Tháng 06	27.200
Tháng 07	29.200
Tháng 08	29.200
Tháng 09	24.300
Tháng 10	29.200
Tháng 11	26.598
Tháng 12	24.155
Tổng cộng	230.553
Trung bình tháng	26.712,75

(Nguồn: Công ty TNHH Vina Chang Tai, năm 2025)

4.3. Nhu cầu sử dụng nước

- Nguồn cung cấp nước: Nước sử dụng tại nhà máy chủ yếu phục vụ cho nhu cầu sinh hoạt của công nhân làm việc tại cơ sở. Được cung cấp từ Công ty Cổ phần Nước - Môi trường Bình Dương.

- Nhu cầu sử dụng nước: Nhu cầu sử dụng nước của dự án bao gồm nước cấp chủ yếu phục vụ cho sinh hoạt của công nhân viên, nước cấp nhà ăn chuyên gia, nước dùng để tưới cây, nước rửa sân đường nội bộ, nước cấp cho tháp giải nhiệt làm mát nhà xưởng.

+ Nhu cầu sử dụng nước và xả thải tại cơ sở đã được phê duyệt báo cáo đánh giá tác

động môi trường như sau:

Bảng 1. 9. Nhu cầu sử dụng nước và nước thải của toàn cơ sở theo ĐTM phê duyệt

Stt	Hạng mục sử dụng	Nhu cầu sử dụng (m ³ /ngày)	Nước thải (m ³ /ngày)	Ghi chú
1	Nước cấp sinh hoạt	60,3	60,3	Nước thải tính bằng 100% nước cấp
2	Nước cấp nhà ăn chuyên gia	1,0	1,0	Nước thải tính bằng 100% nước cấp
3	Nước tưới cây	9,81	-	-
4	Nước tưới rửa đường nội bộ	1,09	-	-
5	Nước bù cho tháp giải nhiệt	15,68	-	-
Tổng lượng nước cấp sử dụng $Q_{\text{nước cấp}} = (1+2+3+4+5)$		87,88	-	-
Tổng lượng nước thải phát sinh $Q_{\text{nước thải}} = 100\% Q_{\text{nước cấp}}$		-	61,3	-
Tổng lượng nước thải phát sinh lớn nhất $Q_{\text{thải max}} = Q_{\text{nước thải}} \times k (k=1,1)$		-	67,4	-

(Nguồn: Báo cáo đánh giá tác động môi trường của dự án Cải tạo nhà máy sản xuất đồ lót cao cấp từ 1.544.098 sản phẩm/năm lên 2.750.000 sản phẩm/năm của Công ty TNHH Vina Chang Tai, tháng 11/2007)

Ngoài ra, lượng nước cấp cho PCCC theo TCVN 4513:1988. Tính toán trong trường hợp có cháy xảy ra, hệ thống chữa cháy sẽ phun nước trong 3 giờ, mỗi giờ cấp 10 lít nước. Vậy lưu lượng nước chữa cháy là:

$$W_{cc} = 10 \text{ lít/s/đám cháy} \times 3 \text{ h} \times 3.600 \text{ s/1.000} = 108 \text{ m}^3/\text{giờ}.$$

+ Nhu cầu sử dụng nước và nhu cầu xả thải thực tế của cơ sở:

Lượng nước sử dụng căn cứ theo hóa đơn sử dụng nước thực tế tính từ tháng 01/2024 đến tháng 12/2024 tại Cơ sở được thống kê dưới bảng sau:

Bảng 1. 10. Nhu cầu sử dụng nước và lưu lượng nước thải phát sinh thực tế

Tháng/năm	Nhu cầu sử dụng nước cấp		Nhu cầu xả thải tính theo nước cấp	Nhu cầu xả thải tính theo đồng hồ đo lưu lượng		Nước tưới cây, rửa đường, nước cấp tháp giải nhiệt
	m ³ /tháng	m ³ /ngày	m ³ /ngày	m ³ /tháng	m ³ /ngày	m ³ /ngày
Tháng 1/2023	464	19,33	19,33	185	8,41	10,92
Tháng 2/2023	399	16,63	16,63	96	8,73	7,57
Tháng 3/2023	331	13,79	13,79	142	6,76	7,12
Tháng 4/2023	491	20,46	20,46	121	6,05	14,41
Tháng 5/2023	406	16,92	16,92	130	5,91	11,01
Tháng 6/2023	293	12,21	12,21	118	5,90	6,31
Tháng 7/2023	265	11,04	11,04	124	5,39	5,65
Tháng 8/2023	246	10,25	10,25	121	5,5	4,75
Tháng 9/2023	253	10,54	10,54	102	5,37	5,17
Tháng 10/2023	254	10,58	10,58	147	6,39	4,19
Tháng 11/2023	296	12,33	12,33	116	5,27	7,06

Tháng/năm	Nhu cầu sử dụng nước cấp		Nhu cầu xả thải tính theo nước cấp	Nhu cầu xả thải tính theo đồng hồ đo lưu lượng		Nước tưới cây, rửa đường, nước cấp tháp giải nhiệt
	m ³ /tháng	m ³ /ngày	m ³ /ngày	m ³ /tháng	m ³ /ngày	m ³ /ngày
Tháng 12/2023	255	10,625	10,625	120	5,45	5,175
Trung bình	329,42	13,725	13,725	118,5	6,26	7,44

(Nguồn: Công ty TNHH Vina Chang Tai, năm 2025)

- Tổng nhu cầu dùng nước hiện nay của cơ sở khoảng 13,725 m³/ngày, trong trường hợp có sự cố cháy xảy ra thì tổng nhu cầu dùng nước là 121,725 m³/ngày.

- Tổng lưu lượng xả thải hiện nay là 6,26 m³/ngày, được thu gom và xử lý tại HTXLNT công suất 50 m³/ngày.đêm của xưởng 1, HTXLNT công suất 20 m³/ngày.đêm của xưởng 2 đạt QCVN 40:2011/BTNMT, cột A, K_q = 0,9, K_f = 1,2 trước khi đầu nối vào cống thoát nước chung của khu vực trên đường N2, sau đó chảy ra suối Siệp.

5. Các thông tin khác liên quan đến cơ sở

5.1. Khoảng cách an toàn về môi trường theo quy định của cơ sở

Mối tương quan của cơ sở với các đối tượng tự nhiên và kinh tế - xã hội xung quanh dự án:

- Hiện trạng hệ thống đường giao thông khu vực: Hệ thống giao thông trong Khu dân cư tại khu vực đã được bê tông hóa, trải nhựa hoàn chỉnh. Cơ sở cách đường ĐT 743B khoảng 800m về phía Nam. Hệ thống giao thông có tuyến đường trục chính vào KCN Tân Đông Hiệp B, đường giao thông tại KCN Tân Đông Hiệp B tương đối hoàn chỉnh, đảm bảo lưu thông vận chuyển hàng hóa được thuận lợi dễ dàng. Hệ thống đường giao thông của cơ sở sân đường nội bộ cũng đã được bê tông, thảm nhựa hoàn toàn. Vị trí tiếp giáp của cơ sở như sau:

+ Phía Bắc cơ sở tiếp giáp với đường N2.

+ Phía Nam cơ sở tiếp giáp với đường N1.

+ Phía Đông và phía Tây cơ sở tiếp giáp với đường nội bộ của Khu dân cư.

- Hệ thống sông suối, kênh rạch: Trong khu vực cơ sở có các sông suối kênh rạch sau:

+ Suối Siệp: dài khoảng 3.115m, rộng khoảng 2,5 - 6m, là nguồn tiếp nhận nước mưa và nước thải từ các hộ dân và các cơ sở sản xuất nằm ngoài Khu công nghiệp trong thành phố Dĩ An và địa phận Đồng Nai. Suối Siệp là nơi tiếp nhận nguồn nước thải trực tiếp của cơ sở. Cơ sở cách Suối Siệp khoảng 600m về phía Nam.

+ Rạch Tân Vạn: dài 2.059m, rộng 14,95 - 4,96m, là nguồn tiếp nhận nước mưa và nước tiêu thoát từ suối Siệp, rạch Bà Khâm. Khu vực suối Siệp đổ vào rạch Tân Vạn.

+ Khu dân cư: Vị trí cơ sở nằm trong Khu dân cư thuộc khu phố Đông An, phường Tân Đông Hiệp. Điểm giao giữa đường N1 và đường ĐT 743B có chợ Chang Tai, tập trung đông dân cư cách dự án khoảng 250m.

+ Các đối tượng sản xuất, kinh doanh, dịch vụ: Xung quanh cơ sở thuộc khu dân cư nên tập trung chủ yếu là các hộ dân. Các đối tượng kinh doanh trong khu vực:

+ Phía Bắc: Mầm Non Khu Vườn Nhỏ cơ sở trông giữ trẻ quy mô nhỏ. phía Đông Bắc cơ sở là Nhà máy sản xuất nước Nano Kiểm Seiwa, Quán nem 39 kinh doanh dịch vụ

ăn uống.

+ Phía Nam: có Nhà ăn công nghiệp cho công nhân, phục vụ ăn uống cho Công ty Vina Chang Tai; Công ty TNHH Gỗ Phước Thanh, xưởng cơ khí tư nhân quy mô nhỏ, một số cửa hàng tập hóa nhỏ, giải khát và dãy phòng trọ cho thuê.

+ Phía Đông: Chi nhánh Công ty TNHH SX TM G.B.C.O, phía Đông Nam có Công ty TNHH Phúc Gia Phạm.

+ Ngoài ra trong khu vực có các dự án có tác động lớn đến khu vực như: cách 600m về hướng Đông Bắc là Mỏ đá Tân Đông Hiệp, là nơi khai thác đá quy mô lớn và có tác động lớn về môi trường đối với khu vực. Cách 600m về hướng Tây Bắc là KCN Tân Đông Hiệp, là nơi tập trung các nhà máy sản xuất công nghiệp quy mô lớn của địa bàn, có tác động lớn tới kinh tế xã hội cũng như giao thông đi lại của khu vực.

- Các công trình văn hóa: Xung quanh cơ sở với khoảng cách 1km không có công trình văn hóa.

- Các công trình tín ngưỡng, tôn giáo: cách 600m về hướng Đông Nam là Nghĩa trang Phước Lạc Viên, cách 1km về hướng Đông Nam là nghĩa trang liệt sĩ thành phố Dĩ An.

5.2. Tổ chức quản lý và thực hiện cơ sở

❖ Nhu cầu lao động và thời gian làm việc của cơ sở

Bảng 1. 11. Nhu cầu lao động của cơ sở theo ĐTM phê duyệt

Stt	Loại hình	Số lượng		Tổng
		Người Việt Nam	Người nước ngoài	
1	Cán bộ quản lý sản xuất	6	2	8
2	Cán bộ văn phòng	3	-	3
3	Cán bộ kỹ thuật	12	-	12
4	Công nhân phổ thông	667	-	677
Tổng		698	2	700

(Nguồn: Công ty TNHH Vina Chang Tai, năm 2025)

- Số lượng công nhân viên hiện nay làm việc tại cơ sở là 150 người. Khi cơ sở hoạt động tối đa công suất sản xuất theo ĐTM phê duyệt sẽ thực hiện tuyển thêm cán bộ công nhân viên là 700 người theo ĐTM phê duyệt.

- Thời gian làm việc của cơ sở:

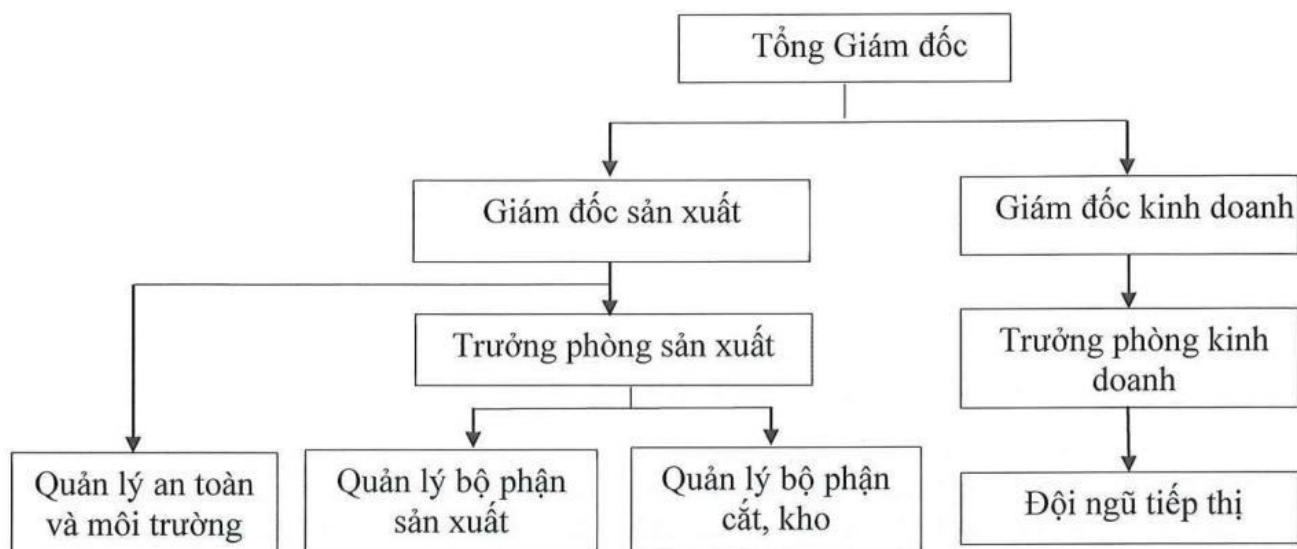
+ Theo ĐTM phê duyệt: 8h/ngày, 6 ngày/tuần.

+ Hiện hữu: Do tình hình hoạt động sản xuất hiện nay sản xuất chiếm 12,01% công suất sản xuất ĐTM phê duyệt, do đó Chủ cơ sở điều chỉnh thời gian làm việc hiện nay là 8h/ngày, 5 ngày/tuần.

+ Đề nghị cấp GPMT: Khi cơ sở hoạt động tối đa công suất theo ĐTM phê duyệt sẽ tăng thời gian làm việc như ĐTM phê duyệt: 8h/ngày, 6 ngày/tuần.

❖ Tổ chức quản lý và thực hiện của cơ sở

Cơ sở sẽ do Chủ cơ sở là Công ty TNHH Vina Chang Tai làm chủ trì triển khai và



thực hiện. Sơ đồ tổ chức quản lý của cơ sở như sau:

Hình 1. 3. Tổ chức quản lý và thực hiện của cơ sở

5.3. Hiện trạng các hạng mục công trình bảo vệ môi trường của Cơ sở

- Hiện trạng cơ sở: Nhà xưởng và các hạng mục công trình hạ tầng kỹ thuật, sân bãi, đường nội bộ,... đã được xây dựng hoàn chỉnh và đưa vào hoạt động đến nay.

- Hệ thống giao thông: Hệ thống giao thông trong Khu dân cư tại khu vực đã được bê tông hóa, trải nhựa hoàn chỉnh. Cơ sở cách đường ĐT 743B khoảng 800m về phía Nam. Hệ thống giao thông có tuyến đường trục chính vào KCN Tân Đông Hiệp B, đường giao thông tại KCN tương đối hoàn chỉnh,... đảm bảo lưu thông vận chuyển hàng hóa được thuận lợi dễ dàng. Tại cơ sở sân đường nội bộ cũng đã được bê tông, thảm nhựa hoàn toàn.

- Hệ thống cấp nước: Hiện tại, khu vực cơ sở đã đấu nối cấp nước với tuyến ống cấp nước của khu vực. Nguồn nước sử dụng cho cơ sở được lấy trực tiếp từ đường ống cấp nước của Công ty Cổ phần Nước - Môi trường Bình Dương

- Hệ thống thu gom, thoát nước thải:

+ Nước thải sinh hoạt từ nước thải sinh hoạt từ nhà vệ sinh xưởng 1 và văn phòng; từ lavabo, nước thải sinh hoạt khác xưởng 1 và văn phòng; nước thải từ nhà ăn chuyên gia; nước thải từ vệ sinh xả cặn tháp giải nhiệt; nước thải từ khu vực chứa rác, vệ sinh thiết bị lưu chứa rác được thu gom theo đường ống uPVC Ø90mm kín và dẫn về hệ thống xử lý nước thải công suất 50 m³/ngày.đêm của Công ty theo phương pháp tự chảy, xử lý đạt QCVN 40:2011/BTNMT, cột A, K_q = 0,9, K_f = 1,2 trước khi xả ra nguồn tiếp nhận là suối Siệp – rạch Tân Vạn – sông Đồng Nai.

+ Nước thải sinh hoạt nhà vệ sinh xưởng 2; từ lavabo, nước thải sinh hoạt khác xưởng 2 được thu gom theo đường ống uPVC Ø90mm kín và dẫn về hệ thống xử lý nước thải công suất 20 m³/ngày.đêm của Công ty theo phương pháp tự chảy, xử lý đạt QCVN 40:2011/BTNMT, cột A, K_q = 0,9, K_f = 1,2 trước khi xả ra nguồn tiếp nhận là suối Siệp – rạch Tân Vạn – sông Đồng Nai.

+ Hiện nay, HTXLNT công suất 20 m³/ngày.đêm đã ngưng tiếp nhận nước thải, chỉ sục khí và cấp dinh dưỡng để duy trì vi sinh trong cụm bể xử lý. Do nhu cầu đơn hàng của Công ty vào năm 2025 ít, nên tình hình sản xuất của nhà máy giảm, cơ sở chỉ hoạt động tại xưởng 1, ngưng hoạt động tại xưởng 2. Vì vậy, để đảm bảo về mặt kinh tế cho Công ty, Chủ cơ sở đã dừng hoạt động HTXLNT công suất 20 m³/ngày.đêm từ ngày 25/01/2025.

Khi nhu cầu đơn hàng tăng, tình hình sản xuất của nhà máy tăng cần hoạt động tại xưởng 2 và có nhu cầu hoạt động lại HTXLNT công suất 20 m³/ngày.đêm thì Chủ cơ sở sẽ thực hiện xin cấp lại Giấy phép môi trường trước khi thực hiện hoạt động tại xưởng 2 cũng như hoạt động lại HTXLNT công suất 20 m³/ngày.đêm. Do đó, nội dung báo cáo Giấy phép môi trường này chỉ thực hiện xin cấp phép về nước thải đối với HTXLNT công suất 50 m³/ngày.đêm.

- Hệ thống thu gom, thoát nước mưa: Toàn bộ nước mưa trên mặt bằng các nhà xưởng được thu gom vào hố ga và dẫn nối vào hệ thống thoát nước mưa chung của khu vực trước cổng Công ty trên đường N1 tại 3 vị trí.

- Hệ thống PCCC: cơ sở đã được đầu tư hoàn chỉnh hệ thống PCCC. Hệ thống PCCC của cơ sở đã được nghiệm thu theo quy định.

- Khu vực tập kết chất thải: Hiện tại, các nhà máy của cơ sở đã được bố trí các khu tập kết chất thải sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường và kho chứa chất thải nguy hại. Chủ cơ sở đã bố trí các thùng chứa, dán nhãn phân loại theo quy định và hợp đồng với đơn vị có chức năng để thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải nguy hại phát sinh của cơ sở theo quy định.

- Một số hình ảnh hiện trạng cơ sở:



Nhà xe của Cơ sở



Khuôn viên cây xanh nhà máy



Hệ thống thoát nước mưa của Cơ sở



Hệ thống xử lý nước thải của Cơ sở



Kho chứa chất thải



Tháp giải nhiệt

Hình 1. 4. Hình ảnh hiện trạng của cơ sở

CHƯƠNG II. SỰ PHÙ HỢP CỦA CƠ SỞ VỚI QUY HOẠCH, KHẢ NĂNG CHỊU TẢI CỦA MÔI TRƯỜNG

1. Sự phù hợp của cơ sở với quy hoạch bảo vệ môi trường quốc gia, quy hoạch tỉnh, phân vùng môi trường

Công ty TNHH Vina Chang Tai thành lập và đi vào hoạt động vào năm 1997 tại xã Tân Đông Hiệp, huyện Thuận An, tỉnh Bình Dương (nay là phường Tân Đông Hiệp, thành phố Dĩ An) theo giấy phép đầu tư số 1418/GP do Bộ Kế hoạch và Đầu tư cấp ngày 18/01/1997, chuyên sản quần áo lót phụ nữ cao cấp. Đến năm 2007, Công ty TNHH Vina Chang Tai đã được UBND tỉnh Bình Dương, Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Dương cấp giấy chứng nhận đăng ký đầu tư số 9857471056 cấp lần đầu ngày 18/01/1997, chứng nhận thay đổi lần thứ 6 ngày 23/08/2024 cho dự án đầu tư “Nhà máy sản xuất quần áo lót phụ nữ”. Đến năm 2007, Công ty TNHH Vina Chang Tai được UBND tỉnh Bình Dương cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 3700228069 chứng nhận lần đầu ngày 07/11/2007, hoạt động tại số 183/2A khu C, khu phố Đông An, phường Tân Đông Hiệp, thị xã Dĩ An (nay là thành phố Dĩ An), tỉnh Bình Dương.

Theo giấy phép thì Công ty TNHH Vina Chang Tai được hoạt động với mục tiêu là sản xuất quần áo lót phụ nữ, thực hiện quyền xuất nhập khẩu, phân phối bán lẻ (không thành lập cơ sở bán lẻ) các hàng hóa không thuộc danh mục cấm xuất khẩu, nhập khẩu hoặc không được phân phối theo quy định của pháp luật Việt Nam. Vì vậy, dự án hoàn toàn phù hợp với ngành nghề được phép đầu tư.

Đồng thời, trong quá trình hoạt động cơ sở chấp hành, tuân thủ các quy định về bảo vệ môi trường. Cơ sở đã được Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bình Dương phê duyệt Báo cáo ĐTM dự án cải tạo nhà máy sản xuất đồ lót cao cấp, công suất từ 1.544.098 sản phẩm/năm lên 2.750.000 sản phẩm/năm tại số 183/2A Khu C, khu phố Đông An, phường Tân Đông Hiệp, thị xã Dĩ An (nay là thành phố Dĩ An) của Công ty TNHH Vina Chang Tai tại Quyết định số 1336/QĐ-STNMT ngày 6/11/2017.

Cơ sở hoạt động trên khu đất đã được ký Hợp đồng thuê đất giữa Công ty TNHH Vina Chang Tai và Sở địa chính tỉnh Bình Dương, cụ thể như sau:

- Hợp đồng thuê đất số 399/HĐ/TĐ ngày 25/09/1997 giữa Sở Địa chính tỉnh Bình Dương và Công ty TNHH Vina Chang Tai;

- Phụ kiện hợp đồng thuê đất số 468/PKHĐ.TĐ ngày 27/02/2006 (Hợp đồng thuê đất số 399/HĐ/TĐ ngày 25/09/1997) giữa Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bình Dương và Công ty TNHH Vina Chang Tai;

- Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CX763943 ngày 29/12/2020 của ở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bình Dương cấp cho Công ty TNHH Vina Chang Tai;

Cơ sở đã được Sở Xây dựng tỉnh Bình Dương cấp Giấy phép xây dựng số 74/GP-XD ngày 19/04/1997 cấp cho Công ty TNHH Vina Chang Tai xây dựng công trình công trình tường rào Công ty.

Ngày 17/01/1998, UBND tỉnh Bình Dương có Quyết định số 173/QĐ-UB về việc phê duyệt báo cáo thẩm định hồ sơ thiết kế kỹ thuật của công trình Nhà máy sản xuất đồ lót cao cấp của Công ty TNHH Vina Chang Tai.

Ngày 14/04/1998, Sở Xây dựng tỉnh Bình Dương có Biên bản kiểm tra hoàn công số 47/1998/BB-XD cho Nhà máy sản xuất trang phục lót của Công ty TNHH Vina Chang Tai và Công văn số 621/1998/CV-XD ngày 02/07/1998 về việc kiểm tra xây dựng hoàn công các hạng mục công trình của Nhà máy sản xuất trang phục lót của Công ty TNHH Vina Chang Tai.

Ngày 17/03/2003, Sở Xây dựng tỉnh Bình Dương có Biên bản kiểm tra xây dựng số 365/BB-XD cho công trình Nhà xưởng của Công ty TNHH Vina Chang Tai và Công văn số 365/BB-XD về việc kiểm tra xây dựng hoàn thành công trình của Công ty TNHH Vina Chang Tai.

Ngày 16/01/2017, Sở Xây dựng tỉnh Bình Dương cấp Giấy phép xây dựng số 171/GPXD cho Công ty TNHH Vina Chang Tai được xây dựng công trình Nhà xưởng và Công văn số 142/SXD-QLXD về việc thông báo kết quả thẩm định thiết kế xây dựng công trình của Công ty TNHH Vina Chang Tai.

Ngày 22/01/2023, Sở Xây dựng tỉnh Bình Dương có Quyết định số 277/QĐ-CT về việc chấp thuận thiết kế kỹ thuật và xây dựng Công trình Nhà máy sản xuất đồ lót cao cấp (Giai đoạn 2) của Công ty TNHH Vina Chang Tai.

Quyết định số 3613/QĐ-UBND ngày 26/12/2016 của UBND tỉnh Bình Dương về việc phê duyệt Quy hoạch tài nguyên nước tỉnh Bình Dương về việc phê duyệt Quy hoạch tài nguyên nước tỉnh Bình Dương giai đoạn 2016-2025, tầm nhìn đến năm 2035 thì nguồn tiếp nhận nước thải là suối Siệp – rạch Tân Vạn – sông Đồng Nai không sử dụng cho mục đích cấp nước sinh hoạt.

Công ty TNHH Vina Chang Tai đã được Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bình Dương cấp Giấy phép xả nước thải vào nguồn nước số 32/GP-STNMT ngày 17/03/2022.

Do đó, cơ sở thực hiện hoàn toàn phù hợp với quy hoạch chung của thành phố Dĩ An nói riêng và tỉnh Bình Dương nói chung, cũng như phù hợp với quy hoạch bảo vệ môi trường quốc gia, quy hoạch tỉnh, phân vùng môi trường tỉnh Bình Dương.

2. Sự phù hợp của cơ sở đối với khả năng chịu tải của môi trường

Trong quá trình hoạt động của cơ sở có phát sinh nước thải sinh hoạt, lưu lượng xả nước thải tối đa của cơ sở và phương án đầu nối đã được phê duyệt theo ĐTM tại Quyết định số 1336/QĐ-STNMT ngày 6/11/2017 của Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bình Dương, cụ thể như sau:

Nước thải sinh hoạt phát sinh từ nhà vệ sinh của nhà xưởng 1 và văn phòng được xử lý sơ bộ bằng bể tự hoại 3 ngăn thể tích 60m^3 , nước thải từ nhà ăn chuyên gia được dẫn qua bể tách dầu mỡ (hồ thu – tách mỡ), sau đó cùng với nước thải sinh hoạt phát sinh từ rửa sàn, lavabo; nước thải từ vệ sinh xả cặn tháp giải nhiệt (6 tháng/1 lần) được thu gom bằng hệ thống ống nhựa uPVC dẫn về hồ thu gom của hệ thống xử lý nước thải sinh hoạt công suất $50\text{m}^3/\text{ngày.đêm}$ của công ty.

Nước thải sinh hoạt phát sinh từ nhà vệ sinh của nhà xưởng 2 được thu gom về bể tự hoại 3 ngăn thể tích 10m^3 , sau đó cùng với nước thải sinh hoạt phát sinh từ rửa sàn, lavabo dẫn về hồ thu gom của hệ thống xử lý nước thải sinh hoạt công suất $20\text{m}^3/\text{ngày.đêm}$ của công ty.

Theo ĐTM phê duyệt lượng nước thải phát sinh lớn nhất của cơ sở là $67,4\text{m}^3/\text{ngày.đêm}$ (đã tính với hệ số không điều hòa $k = 1,1$). Chủ cơ sở đã đầu tư xây dựng 02 hệ thống xử lý nước thải công suất $50\text{m}^3/\text{ngày.đêm}$ và $20\text{m}^3/\text{ngày.đêm}$ để xử lý đạt QCVN 40:2011/BTNMT, Cột A, $K_f = 1,2$, $K_q = 0,9$ trước khi đầu nối vào cống thoát nước chung của khu vực trên đường N2. Công ty đã được Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bình Dương cấp Giấy phép xả nước thải vào nguồn nước số 32/GP-STNMT ngày 17/03/2022.

CHƯƠNG III. KẾT QUẢ HOÀN THÀNH CÁC CÔNG TRÌNH, BIỆN PHÁP BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG CỦA CƠ SỞ

1. Công trình, biện pháp thoát nước mưa, thu gom và xử lý nước thải

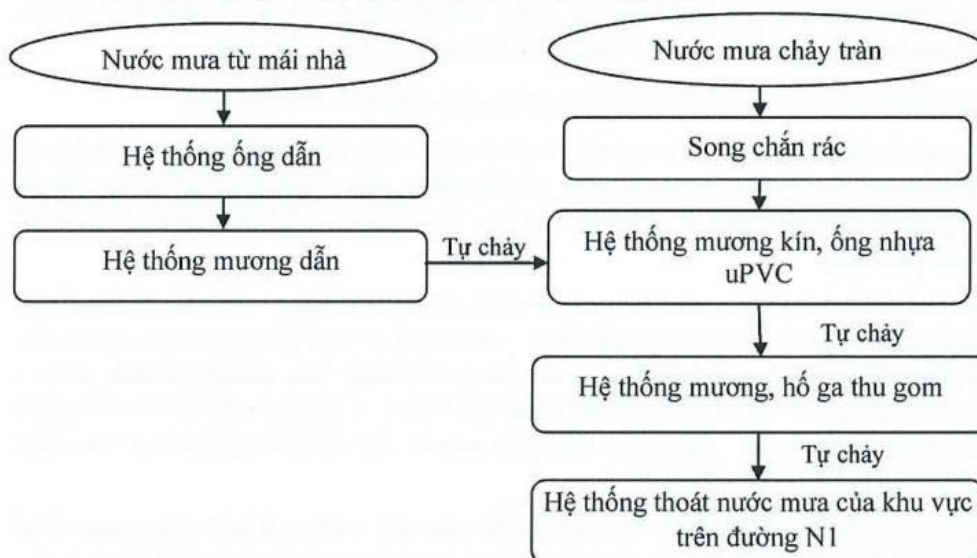
1.1. Thu gom, thoát nước mưa

Thoát nước mưa: để đảm bảo không ô nhiễm nguồn nước mưa chảy tràn, Chủ cơ sở đã thực hiện các biện pháp sau:

- Chủ cơ sở đã xây dựng hoàn thiện hệ thống thu gom, thoát nước mưa riêng biệt với hệ thống thu gom, thoát nước thải. Nước mưa của cơ sở được đầu nối với hệ thống thoát nước mưa chung của khu vực trên đường N1 tại 03 điểm đầu nối.

- Nước mưa từ mái nhà xưởng được thu gom bằng ống dẫn đặt dọc theo mái nhà đến mương dẫn. Nước mưa chảy tràn được thu gom về hệ thống thoát nước mưa tại cơ sở là hệ thống mương kín, ống nhựa uPVC được bố trí xung quanh khu vực nhà xưởng, văn phòng và các tuyến đường nội bộ, tại miệng hố ga có bố trí song chắn rác nhằm giữ lại các chất thải bị cuốn theo nước mưa như lá cây, nilon,... Toàn bộ nước mưa phát sinh tại dự án sẽ chảy theo hệ thống này và dẫn vào hệ thống thoát nước mưa của khu vực tại 03 hố ga trên đường N1.

- Sơ đồ tổng quan thu gom, thoát nước mưa như sau:



Hình 3. 1. Sơ đồ tổng quan hệ thống thu gom và thoát nước mưa của cơ sở

- Thông số kỹ thuật của công trình thu gom và thoát nước mưa:

+ Nước từ mái của nhà xưởng được thu bằng hệ thống đường ống uPVC Ø114mm bố trí dọc theo nhà xưởng và được dẫn vào mương thoát nước chung của cơ sở.

+ Nước mưa được thu gom bằng mương kín kích thước 0,4m x 0,4m đặt xung quanh cơ sở.

+ Từ đây, nước mưa tự chảy qua các hố ga và dẫn vào hệ thống thoát nước mưa của khu vực tại 03 hố ga trên đường N1 thuộc khu phố Đông An.

+ Hố ga thu gom nước mưa: vật liệu bê tông cốt thép, kích thước loại loại 800mmx800mm.

- Nước mưa của cơ sở sau khi thu gom vào hệ thống thu gom nước mưa và đầu nối vào hệ thống thoát nước mưa của khu vực tại 3 vị trí trên đường N1, khu phố Đông An.

- Vị trí điểm thoát nước mưa bề mặt: Nước mưa của cơ sở được thu gom tập trung vào hố ga nội bộ thoát nước mưa của cơ sở theo phương thức tự chảy và đầu nối vào hệ thống thoát nước mưa khu vực tại 3 vị trí trên đường N1, khu phố Đông An.

- Vị trí xả nước mưa: hệ thống thoát nước mưa của khu phố Đông An.

- Toạ độ vị trí xả nước mưa của cơ sở (theo VN 2000, kinh tuyến trực $105^{\circ}45'$, múi chiều 3°):

+ Vị trí đầu nối số 01 trên đường N1: X (m) = 1.207.146; Y (m) = 394.290.

+ Vị trí đầu nối số 02 trên đường N1: X (m) = 1.207.133; Y (m) = 394.340.

+ Vị trí đầu nối số 03 trên đường N1: X (m) = 1.207.202, Y (m) = 394.415.



Hệ thống thoát nước mưa nội bộ của Cơ sở



Hố ga nước mưa nội bộ



Hố ga đầu nối trên đường N1 tại vị trí số 1



Hồ ga nước mưa nội bộ



Hồ ga đầu nổi trên đường N1 tại vị trí số 2



Hồ ga nước mưa nội bộ



Hồ ga đầu nổi trên đường N1 tại vị trí số 3

Hình 3. 2. Hình ảnh vị trí đầu nổi nước mưa của cơ sở

1.2. Thu gom, thoát nước thải

❖ Nguồn phát sinh nước thải

- Nguồn phát sinh:

Nhà xưởng 1 và văn phòng:

- + Nước thải sinh hoạt phát sinh từ nhà vệ sinh của nhà xưởng 1 và văn phòng.
- + Nước thải sinh hoạt phát sinh từ rửa sàn, lavabo của nhà xưởng 1 và văn phòng.
- + Nước thải từ nhà ăn chuyên gia.
- + Nước thải phát sinh từ vệ sinh xả cặn tháp giải nhiệt (6 tháng/1 lần).

Nhà xưởng 2:

- + Nước thải sinh hoạt phát sinh từ nhà vệ sinh của nhà xưởng 2.
- + Nước thải sinh hoạt phát sinh từ rửa sàn, lavabo của nhà xưởng 2.

❖ Công trình thu gom nước thải

Nước thải sinh hoạt:

- Chủ cơ sở đã đầu tư xây dựng hoàn chỉnh hệ thống thu gom, thoát nước mưa tách riêng hệ thống thu gom, thoát nước thải của mỗi nhà máy.

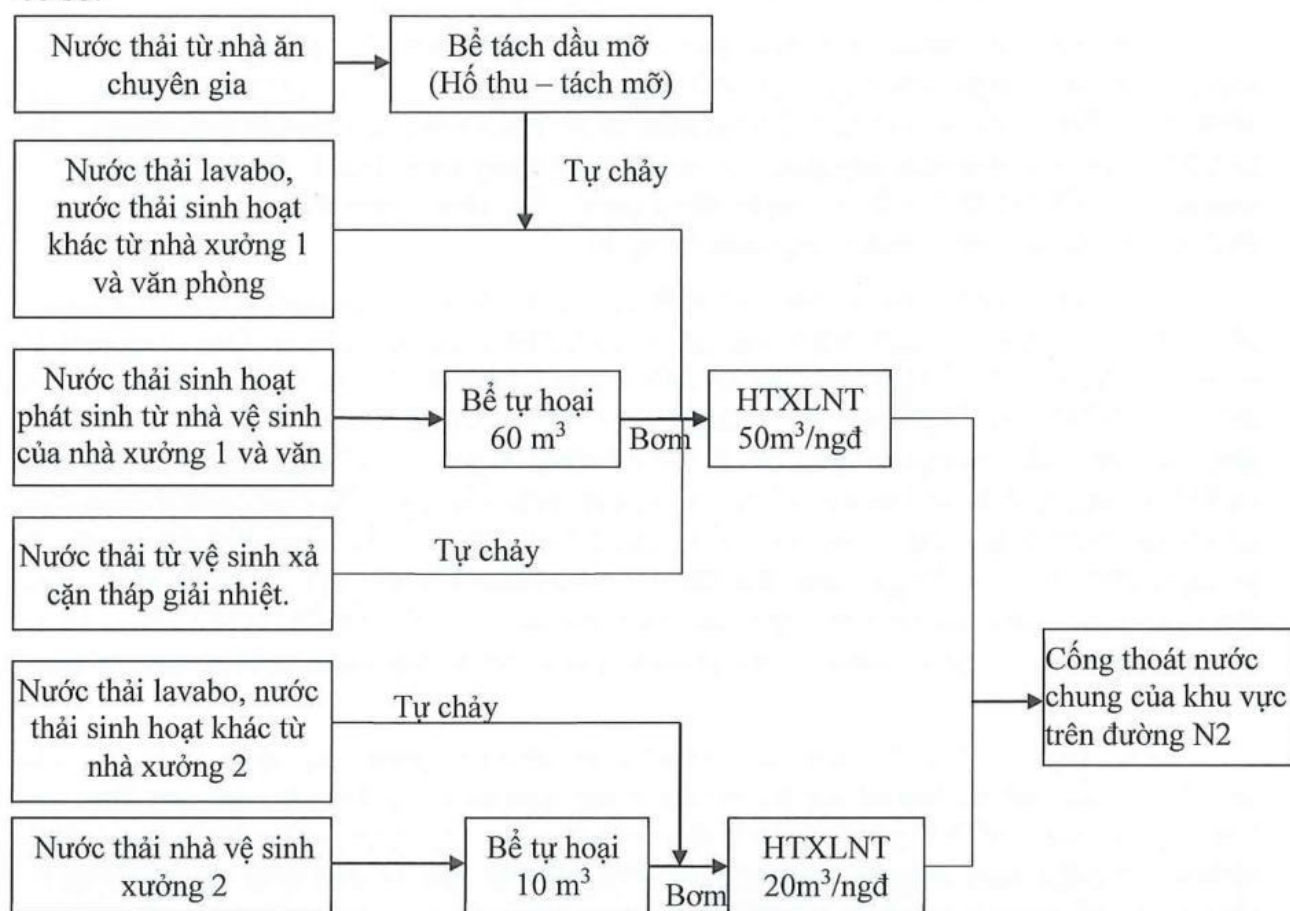
+ Nước thải sinh hoạt phát sinh từ nhà vệ sinh của nhà xưởng 1 và văn phòng được thu gom bằng hệ thống ống nhựa uPVC Ø60 mm ÷ Ø114 mm. Nước thải sau đó theo tuyến ống nhựa uPVC Ø114 mm tự chảy về bể tự hoại 3 ngăn thể tích 60m³, sau đó cùng với nước thải sinh hoạt phát sinh từ rửa sàn lavabo của nhà xưởng 1 và văn phòng; nước thải

từ vệ sinh xả căn tháp giải nhiệt (6 tháng/1 lần) được thu gom dẫn về hố thu gom của hệ thống xử lý nước thải sinh hoạt công suất 50m³/ngày.đêm của cơ sở để xử lý.

+ Nước thải từ nhà ăn chuyên gia được dẫn qua bể tách dầu mỡ (hố thu – tách mỡ) sau đó được dẫn về hố thu gom của hệ thống xử lý nước thải sinh hoạt công suất 50 m³/ngày.đêm bằng đường ống nhựa PVC Ø 90mm.

+ Nước thải sinh hoạt phát sinh từ nhà vệ sinh của nhà xưởng 2 được thu gom bằng hệ thống ống nhựa uPVC Ø90 mm. Nước thải sau đó theo tuyến ống nhựa uPVC Ø90 mm tự chảy về bể tự hoại 3 ngăn thể tích 10m³, sau đó cùng với nước thải sinh hoạt phát sinh từ rửa sàn lavabo của nhà xưởng 2 được thu gom bằng hệ thống ống nhựa uPVC Ø90 mm dẫn về hố thu gom của hệ thống xử lý nước thải sinh hoạt công suất 20m³/ngày.đêm của cơ sở để xử lý.

- Sơ đồ hệ thống thu gom, xử lý và thoát nước thải sinh hoạt và nước thải bếp ăn của cơ sở:



Hình 3. 3. Sơ đồ thu gom, thoát nước thải sinh hoạt của cơ sở

❖ Công trình thoát nước thải

Nước thải sinh hoạt: tại các nhà xưởng sau khi được xử lý sơ bộ bằng bể tự hoại ba ngăn và bể tách dầu mỡ sẽ dẫn vào hệ thống thu gom nước thải để về HTXLNT, cụ thể như sau:

+ Nước thải sau xử lý của hệ thống xử lý nước thải công suất 50m³/ngày.đêm dẫn hố ga thu gom nước thải sau xử lý.

+ Nước thải sau xử lý của hệ thống xử lý nước thải công suất 20m³/ngày.đêm dẫn về hố ga của hệ thống xử lý nước thải công suất 50m³/ngày.đêm.

+ Sau đó, từ hố ga thu gom nước thải được xả ra cống thoát nước chung của khu vực trên đường N2 tại 1 vị trí bằng hệ thống ống uPVC Ø90mm theo phương pháp tự chảy sau đó chảy vào Suối Siệp.

❖ **Điểm xả nước thải sau xử lý:**

- Toạ độ vị trí xả nước thải của cơ sở (theo VN 2000, kinh tuyến trục $105^{\circ}45'$, múi chiều 3°): $X=1.207.881$ (m); $Y=696.590$ (m).

- Nguồn tiếp nhận nước thải: cống thoát nước chung của khu vực trên đường N2, sau đó ra Suối Siệp, chảy vào rạch Tân Vạn và cuối cùng đổ về hạ lưu sông Đồng Nai.

1.3. Xử lý nước thải

Theo ĐTM phê duyệt số Quyết định số 1336/QĐ-STNMT ngày 6/11/2017, lượng nước thải phát sinh lớn nhất của cơ sở là $67,4 \text{ m}^3/\text{ngày.đêm}$ (đã tính với hệ số không điều hòa $k = 1,1$). Chủ cơ sở đã đầu tư xây dựng 02 hệ thống xử lý nước thải công suất $50 \text{ m}^3/\text{ngày.đêm}$ và $20 \text{ m}^3/\text{ngày.đêm}$ để xử lý đạt QCVN 40:2011/BTNMT, Cột A, $K_f = 1,2$, $K_q = 0,9$ trước khi đầu nối vào cống thoát nước chung của khu vực trên đường N2. Công ty đã được cấp Giấy phép xả nước thải vào nguồn nước số 32/GP-STNMT ngày 17/03/2022 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bình Dương cấp.

Hiện nay, lưu lượng nước thải phát sinh thực tế theo đồng hồ đo lưu lượng tại Cơ sở trung bình hàng ngày khoảng $6,26 \text{ m}^3/\text{ngày.đêm}$ được xử lý tại HTXLNT công suất $50 \text{ m}^3/\text{ngày.đêm}$. Đối với HTXLNT công suất $20 \text{ m}^3/\text{ngày.đêm}$, do nhu cầu đơn hàng ít, nên tình hình sản xuất của nhà máy giảm, cơ sở chỉ hoạt động tại xưởng 1, ngưng hoạt động tại xưởng 2, do đó HTXLNT $20 \text{ m}^3/\text{ngày.đêm}$ ngưng tiếp nhận nước thải, chỉ sục khí và cấp dinh dưỡng để duy trì vi sinh trong cụm bể xử lý.

Do toàn bộ lượng nước thải phát sinh của cơ sở là nước thải sinh hoạt, cơ sở không phát sinh nước thải sản xuất. Nước sau xử lý của 02 hệ thống xử lý nước thải công suất $50 \text{ m}^3/\text{ngày.đêm}$ và $20 \text{ m}^3/\text{ngày.đêm}$ đạt QCVN 40:2011/BTNMT, Cột A, $K_f = 1,2$, $K_q = 0,9$ theo như ĐTM phê duyệt số Quyết định số 1336/QĐ-STNMT ngày 6/11/2017 và Giấy phép xả nước thải vào nguồn nước số 32/GP-STNMT ngày 17/03/2022 của Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bình Dương, vì vậy trong quá trình xin cấp Giấy phép môi trường Chủ cơ sở xin phép điều chỉnh nước sau xử lý của 02 hệ thống xử lý nước thải công suất $50 \text{ m}^3/\text{ngày.đêm}$ và $20 \text{ m}^3/\text{ngày.đêm}$ đạt QCVN 14:2008/BTNMT, cột A, hệ số $K=1$ - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải sinh hoạt thay cho QCVN 40:2011/BTNMT, Cột A, $K_f = 1,2$, $K_q = 0,9$ - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp như đã được phê duyệt.

Hiện nay, HTXLNT công suất $20 \text{ m}^3/\text{ngày.đêm}$ đã ngưng tiếp nhận nước thải, chỉ sục khí và cấp dinh dưỡng để duy trì vi sinh trong cụm bể xử lý. Do nhu cầu đơn hàng của Công ty vào năm 2025 ít, nên tình hình sản xuất của nhà máy giảm, cơ sở chỉ hoạt động tại xưởng 1, ngưng hoạt động tại xưởng 2. Vì vậy, để đảm bảo về mặt kinh tế cho Công ty, Chủ cơ sở đã dừng hoạt động HTXLNT công suất $20 \text{ m}^3/\text{ngày.đêm}$ từ ngày 25/01/2025. Khi nhu cầu đơn hàng tăng, tình hình sản xuất của nhà máy tăng cần hoạt động tại xưởng 2 và có nhu cầu hoạt động lại HTXLNT công suất $20 \text{ m}^3/\text{ngày.đêm}$ thì Chủ cơ sở sẽ thực hiện xin cấp lại Giấy phép môi trường trước khi thực hiện hoạt động tại xưởng 2 cũng như hoạt động lại HTXLNT công suất $20 \text{ m}^3/\text{ngày.đêm}$. Do đó, nội dung báo cáo Giấy phép môi trường này chỉ thực hiện xin cấp phép cho HTXLNT công suất $50 \text{ m}^3/\text{ngày.đêm}$.

❖ **Công trình xử lý sơ bộ nước thải sinh hoạt**

- Nước thải lavabo, nước thải sinh hoạt: được xử lý sơ bộ bằng bể tự hoại ba ngăn, sau đó được thu gom về hệ thống xử lý nước thải để xử lý.

- Nước thải từ nhà ăn chuyên gia: được xử lý sơ bộ bằng bể tách dầu để tách bớt phần dầu mỡ phát sinh nhằm tăng hiệu quả xử lý cho các công trình phía sau, sau đó được thu gom tập trung về hệ thống xử lý nước thải sinh hoạt để xử lý.

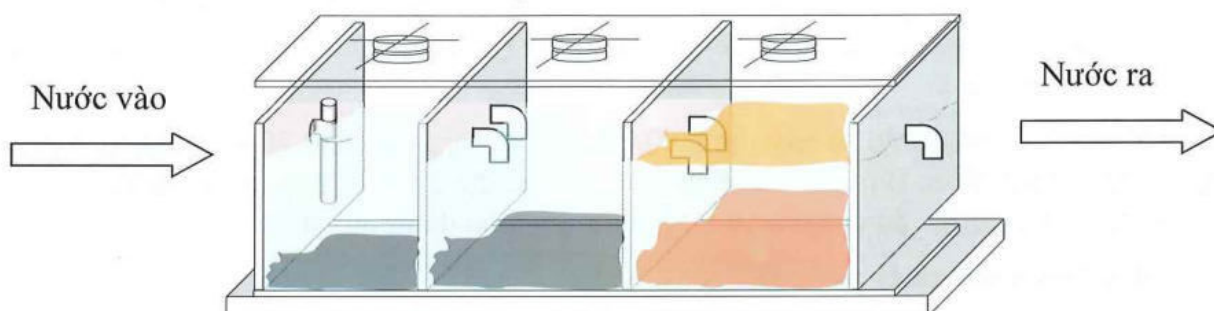
Bể tự hoại ba ngăn và bể tách dầu mỡ:

- Quy mô và kích thước bể tự hoại ba ngăn và bể tách dầu mỡ đã được đầu tư xây dựng tại cơ sở như sau:

Bảng 3. 1. Quy mô và kích thước bể tự hoại ba ngăn của cơ sở

Stt	Hạng mục công trình	Quy mô
1	Bể tự hoại ba ngăn xường 1	01 bể, dung tích 60m ³ Vật liệu: Tường gạch, tô bê tông, đáy BTCT
2	Bể tự hoại ba ngăn xường 2	01 bể, dung tích 10m ³ Vật liệu: Tường gạch, tô bê tông, đáy BTCT
3	Bể tách dầu mỡ (Hố thu – tách mỡ)	01 bể, dung tích 5m ³ Vật liệu: Tường gạch, tô bê tông, đáy BTCT

+ Cấu tạo của bể tự hoại ba ngăn:



Hình 3. 4. Bể tự hoại 03 ngăn

+ Chức năng và nguyên lý hoạt động của bể tự hoại ba ngăn: Nước thải sinh hoạt được đưa vào ngăn thứ nhất của bể tự hoại, có vai trò làm ngăn lắng lên men kỵ khí, đồng thời điều hòa lưu lượng và nồng độ chất bẩn trong dòng nước thải. Nhờ các vách ngăn hướng dòng, ở những ngăn tiếp theo, nước thải chuyển động theo chiều từ dưới lên trên, tiếp xúc với các vi sinh vật kỵ khí trong lớp bùn hình thành ở đáy bể trong điều kiện động, các chất bẩn hữu cơ được các vi sinh vật hấp phụ và chuyển hóa, đồng thời cho phép tách riêng hai pha (lên men axit và lên men kiềm). Bể tự hoại cho phép tăng thời gian lưu bùn, nhờ vậy hiệu quả xử lý tăng trong khi lượng bùn cần xử lý lại giảm. Ngăn cuối cùng là ngăn lọc kỵ khí có tác dụng làm sạch bổ sung nước thải, nhờ các vi sinh vật kỵ khí gắn bám trên bề mặt các hạt của lớp vật liệu lọc, và ngăn chặn lơ lửng trôi ra theo nước.

+ Chức năng: bể tách dầu mỡ được thiết kế chia làm 3 ngăn. Ngăn thứ nhất được gắn lưới chắn rác để chặn và thu lại các loại rác có trong nước thải. nước thải được tách dầu ở ngăn thứ 2 và ngăn thứ 3 của bể. Bể tách dầu mỡ được áp dụng theo phương pháp trọng lực, vận tốc của nước trong bể tách dầu mỡ dao động trong khoảng 0,005 đến 0,01 m/s. Đối với các hạt dầu có đường kính từ 80 đến 100 μm, vận tốc nổi lên của hạt bằng 1 đến 4 mm/s. Dầu mỡ có trọng lượng riêng nhỏ hơn nước nên sẽ nổi lên trên bề mặt nước. Định kỳ 03 tháng công nhân thực hiện vớt, thu hồi lượng dầu mỡ này để giao cho đơn vị thu gom xử lý. Phần nước đã giảm lượng dầu mỡ theo đường ống thu gom nước thải được dẫn về HTXLNT của cơ sở.

+ Tính toán thể tích bể tự hoại:

Theo nguồn tham khảo: PGS.TS.Nguyễn Việt Anh – Bể tự hoại và bể tự hoại cải tiến của –Trường Đại học Xây dựng, Nhà xuất bản xây dựng, Hà nội – 2007. Thể tích bể tự hoại được tính toán theo công thức sau: $W = \frac{aT(100-p_1)bcN}{1000(100-p_2)} (*)$

Trong đó:

- W: Thể tích bể tự hoại (m³)

- a: Lượng cặn trung bình sinh ra; $a = 0,8 \text{ l/người.ngày}$
- b: Hệ số giảm thể tích khi lên men cặn; $b = 0,7$
- c: Lượng bùn cặn giữ lại tương ứng với 20% sau mỗi lần hút; $c = 1,2$
- T: Thời gian giữa hai lần hút cặn; $T = 183 \text{ ngày}$
- p_1 : Độ ẩm của cặn tươi; $p_1 = 95\%$
- p_2 : Độ ẩm của cặn đã lên men; $p_2 = 90\%$
- N: Số người; $N = 700 \text{ người}$

$$W = \frac{aT(100-p_1)bcN}{1000(100-p_2)} = \frac{0,8 \times 365 \times (100-95) \times 0,7 \times 1,2 \times 700}{1000 \times (100-90)} = 43,04 \text{ m}^3$$

Với tổng số lượng công nhân viên làm việc tại dự án là 700 người thì lượng nước thải sinh hoạt phát sinh sẽ được dẫn về bể tự hoại xử lý sơ bộ, theo tính toán thể tích bể tự hoại là $W = 43,04 \text{ m}^3$.

Như vậy, Chủ dự án sẽ xây dựng 02 bể tự hoại tổng thể tích 70 m^3 hoàn toàn đáp ứng khả năng tiếp nhận. Bùn thải từ bể tự hoại thì chủ dự án sẽ ký hợp đồng với đơn vị có chức năng để thu gom, vận chuyển và xử lý định kỳ theo đúng quy định.

❖ Công trình xử lý nước thải sinh hoạt:

Toàn bộ nước thải sau khi xử lý sơ bộ được dẫn về HTXLNT công suất $50 \text{ m}^3/\text{ngày.đêm}$ và HTXLNT công suất $20 \text{ m}^3/\text{ngày.đêm}$ để tiếp tục xử lý đạt QCVN 14:2008/BTMNT, cột A, $K=1$ trước khi đầu nối vào cống thoát nước chung của khu vực trên đường N2.

Hệ thống xử lý nước thải sinh hoạt, công suất $50 \text{ m}^3/\text{ngày.đêm}$

Công ty đã đầu tư xây dựng hệ thống xử lý nước thải và đưa vào vận hành năm 2010, hệ thống đã được kiểm tra và nghiệm thu theo văn bản số 954/STNMT-MT ngày 28/04/2010. Sau đó hệ thống được bảo trì bảo dưỡng thường xuyên và đến nay vẫn hoạt động ổn định với công suất $50 \text{ m}^3/\text{ngày.đêm}$, hiệu quả xử lý đạt QCVN 40:2011/BTNMT, Cột A, cột A với $K_q = 0,9$; $K_f = 1,2$. Công ty đã được cấp Giấy phép xả nước thải vào nguồn nước số 32/GP-STNMT ngày 17/03/2022 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bình Dương cấp.

- Công nghệ xử lý: xử lý sinh học.

- Công suất thiết kế: $50 \text{ m}^3/\text{ngày.đêm}$.

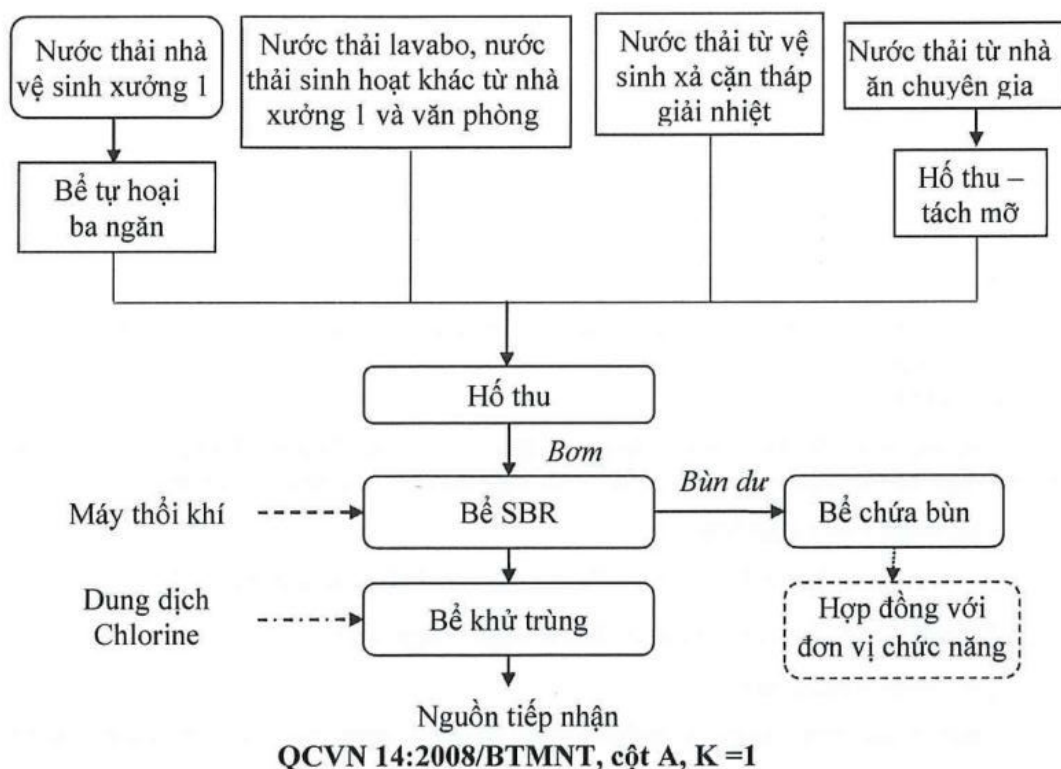
- Hệ thống, thiết bị quan trắc nước thải tự động, liên tục: Cơ sở không thuộc đối tượng phải quan trắc nước thải tự động, liên tục (theo quy định tại Điều 97 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP).

- Hóa chất, vật liệu sử dụng: Chlorine, vi sinh xử lý nước thải Microbelift.

- Chế độ vận hành: liên tục 24/24 giờ.

- Quy chuẩn áp dụng đối với nước thải sau xử lý: QCVN 14:2008/BTMNT, cột A, $K=1$.

- Sơ đồ quy trình công nghệ xử lý nước thải sinh hoạt của cơ sở được trình bày tại hình sau:



Hình 3.5. Sơ đồ quy trình công nghệ xử lý nước thải 50 m³/ngày.đêm của cơ sở
- Thuyết minh quy trình công nghệ xử lý nước thải:

Nước thải từ căn tin:

+ Hố thu - tách mỡ: Nước thải nhiễm bẩn từ nhà ăn chuyên gia có chứa một số lượng lớn dầu mỡ, các cặn bẩn và chất hoạt động bề mặt... theo hệ thống thu gom về hố thu và tiếp tục tự chảy qua ngăn tách dầu. Do có cấu tạo đặc biệt hướng dòng và dưới tác dụng của trọng lực dầu nổi lên trên, dầu nổi trên bề mặt sẽ được thu hồi xử lý theo quy định như chất thải nguy hại. Nước sau bể tách mỡ dẫn về hố thu tập trung phần nước thải khu vệ sinh.

Nước thải từ khu vệ sinh tập trung:

+ Hố thu: Nước thải nhiễm bẩn từ khu vệ sinh tập trung sau khi được xử lý sơ bộ bằng bể tự hoại sẽ cùng với nước thải lavabo, nước thải sinh hoạt khác từ nhà xưởng 1 và văn phòng được dẫn vào hố thu, nước thải từ vệ sinh xả cận tháp giải nhiệt (6 tháng/1 lần). Tại đây có đặt song chắn rác, các vật thể rắn được giữ lại tại song chắn rác được thu gom xử lý định kỳ hoặc đổ bỏ.

+ Bể thổi khí - lắng: Cụm bể xử lý sinh học (Green@tank) này là sự kết hợp những ưu điểm của bể xử lý sinh học dạng mẻ (SBR) và bể xử lý liên tục dạng UNITANK. Các ưu điểm của quy trình cụm bể xử lý sinh học như sau:

- Kết cấu đơn giản và bền hơn.
- Vận hành dễ dàng và hạn chế được nhân công.
- Kết cấu liên tục và chắc chắn.
- Có thể lắp đặt từng modul và dễ dàng khi mở rộng.

• So với những công nghệ khác, cụm bể này chiếm diện tích nhỏ nhất, linh động mọi địa hình, mọi hình dạng.

• Hiệu quả xử lý chất ô nhiễm cao (98%) và ổn định. Hiệu quả xử lý không thay đổi khi tải trọng chất ô nhiễm (COD) tăng 20% và lưu lượng thay đổi 10-15%.

• Khả năng khử Nitơ và Photpho lên đến 95% khi vận hành đúng hướng dẫn kỹ thuật.

• Không cần bể lắng.

Nạp nước vào kết hợp với cường độ sục khí cao. Tại đây, các hợp chất hữu cơ được hòa trộn và phân hủy thành các hợp chất vô cơ (CO_2 , H_2O) và hữu cơ vô hại dưới tác dụng của bùn hoạt tính.

Sục khí liên tục theo cường độ giảm dần về cuối bể. Quá trình phân hủy sinh học các chất hữu cơ tiếp tục diễn ra đến điểm cực đại, được mô tả bằng phản ứng sau:

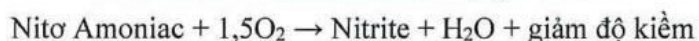
Quá trình OXH chất hữu cơ:



$\text{C}_5\text{H}_7\text{NO}_2$: các hợp chất hữu cơ (hay tế bào vi sinh vật)

Quá trình Nitrate hóa:

Chuyển hóa Nitơ Amoniac thành Nitrite dưới tác dụng của vi khuẩn Nitrosomonas:

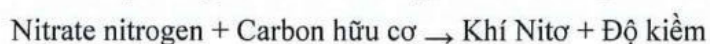


Chuyển hóa Nitrite thành Nitrate dưới tác dụng của vi khuẩn Nitrobacter:



Quá trình khử Nitrate:

Trong quá trình khử Nitrate bằng phương pháp sinh học, Nitrate được chuyển thành khí Nitơ tự do. Khí Nitơ sinh ra thoát vào không khí. Ngược với quá trình Nitrate hóa, quá trình khử Nitrate bằng phương pháp sinh học diễn ra trong môi trường thiếu khí và sử dụng các hợp chất hữu cơ có mặt trong nước thải như nguồn Carbon. Quá trình diễn ra như sau:



Ngoài ra với việc sử dụng đan xen giữa quá trình hiếu khí, yếm khí và thiếu khí làm hiệu quả khử Nitơ và photpho đạt 90-95%

Quá trình khử photphat:

Photpho tồn tại trong nước thải dưới dạng Orthophosphate, Polyphosphate và photpho hữu cơ. Trong quá trình xử lý sinh học, photpho trong nước thải được vi sinh vật tiêu thụ để xây dựng nên cấu trúc của tế bào.

+ Bể khử trùng: Bể khử trùng là công đoạn cuối cùng trước khi nước thải được xả trực tiếp ra ngoài môi trường. Nước thải sau khi qua bể thổi khí-lắng sẽ được dẫn vào bể khử trùng, hầu hết các loại vi khuẩn có trong nước thải không phải là vi trùng gây bệnh, nhưng không loại trừ khả năng tồn tại nhiều loại vi khuẩn gây bệnh. Vì vậy, trước khi xả ra ngoài môi trường, nước được đưa đến bể khử trùng, một lượng hóa chất Chlorine được châm vào để tiêu hủy các vi khuẩn trong dòng nước ra.

Nước thải sau khi qua bể khử trùng đạt QCVN 14:2008/BTMNT, cột A, K=1, sau đó đầu nối vào cống thoát nước chung của khu vực trên đường N2 trước khi xả vào Suối Siệp.

+ Bể chứa bùn: Lượng bùn dư từ hệ thống xử lý sinh học sẽ được đưa qua bể chứa bùn. Bùn sẽ được tách làm 2 phần: phần bùn đặc lắng xuống đáy, sau thời gian lưu lại trong bể sẽ được xe hút bùn hút đi định kỳ, còn phần nước trong ở trên sẽ được đưa về lại hồ thu gom.

Với quy trình công nghệ trên (chủ yếu sử dụng công nghệ sinh học), hiệu quả xử lý sẽ rất cao, tiết kiệm được vốn đầu tư, chi phí vận hành thấp.

Thông số kỹ thuật của hệ thống xử lý nước thải:

Bảng 3. 2. Thông số kỹ thuật các hạng mục công trình HTXLNT công suất 50 m³/ngày.đêm của cơ sở

Stt	Tên công trình, thiết bị	Mã số ký hiệu	Đặc tính kỹ thuật
1	Hồ thu kết hợp bể gạn mỡ	T101	- Chức năng: lưu trữ nước thải - Kích thước: 1m x 1,8m x 2,5m - Số lượng: 01 bể - Chất liệu: Đáy làm bê tông, tường gạch, quét Sika chống thấm tường trong - Thiết bị kèm theo: thiết bị lọc rác thô, bơm nước thải chìm, phao báo mức nước - Thời gian lưu nước: 30-60 phút
2	Bể điều hoà	T102	- Chức năng: ổn định lưu lượng và nồng độ chất ô nhiễm cho hệ thống. - Kích thước: 5m x 1m x 2,5m - Số lượng: 01 bể - Chất liệu: Bê tông cốt thép M200, quét Sika chống thấm tường trong - Thiết bị kèm theo: Bơm nước thải dạng chìm - Thời gian lưu nước: 6 giờ
3	Bể SBR (sinh học hiếu khí + lắng)	T103/A/ B/C	- Chức năng: Xử lý triệt để chất hữu cơ có khả năng phân hủy sinh học - Hệ số tăng sinh khối Y (kgCOD/m³xday): 0,8 - Hệ số phân hủy nội bào (K_d) (gVSS/gVSSxngđ): 0,065 - Kích thước: (5m x 1m x 2m)x2 - Số lượng: 02 ngăn - Chất liệu: CT3, sơn chống rỉ - Thiết bị kèm theo: máy thổi khí, hệ thống phân phối khí, máy bơm bùn dư
4	Bể chứa bùn		- Chức năng: chứa và ổn định bùn - Kích thước: V = 1m³ - Số lượng: 1 bể - Chất liệu: PE - Thiết bị kèm theo: hệ thống ống dẫn bùn uPVC - Hóa chất sử dụng: Javel tinh khiết

 Hệ thống xử lý nước thải sinh hoạt, công suất 20m³/ngày.đêm

+ Công ty đã đầu tư xây dựng hệ thống xử lý nước thải và đưa vào vận hành năm 2018. Sau đó hệ thống được bảo trì bảo dưỡng thường xuyên và đến nay vẫn hoạt động ổn định với công suất 20m³/ngày.đêm, hiệu quả xử lý đạt QCVN 40:2011/BTNMT, Cột A, cột A với K_q = 0,9; K_f = 1,2. Công ty đã được cấp Giấy phép xả nước thải vào nguồn nước

số 32/GP-STNMT ngày 17/03/2022 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bình Dương cấp. Do nhu cầu đơn hàng của Công ty vào năm 2025 ít, nên tình hình sản xuất của nhà máy giảm, cơ sở chỉ hoạt động tại xưởng 1, ngưng hoạt động tại xưởng 2. Vì vậy, để đảm bảo về mặt kinh tế cho Công ty, Chủ cơ sở đã dừng hoạt động HTXLNT công suất 20 m³/ngày.đêm từ ngày 25/01/2025. Khi nhu cầu đơn hàng tăng, tình hình sản xuất của nhà máy tăng cần hoạt động tại xưởng 2 và có nhu cầu hoạt động lại HTXLNT công suất 20 m³/ngày.đêm thì Chủ cơ sở sẽ thực hiện xin cấp lại Giấy phép môi trường trước khi thực hiện hoạt động tại xưởng 2 cũng như hoạt động lại HTXLNT công suất 20 m³/ngày.đêm.

- Công nghệ xử lý: xử lý sinh học.

- Công suất thiết kế: 20 m³/ngày.đêm.

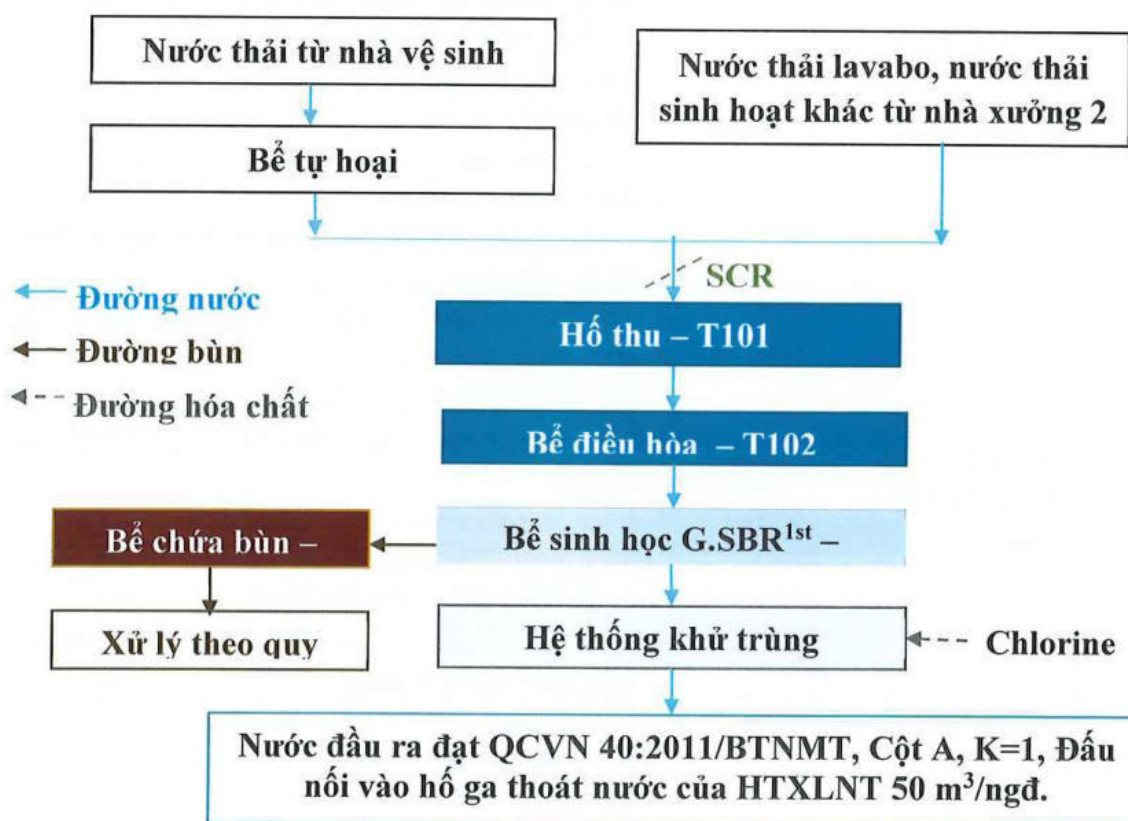
- Hệ thống, thiết bị quan trắc nước thải tự động, liên tục: Cơ sở không thuộc đối tượng phải quan trắc nước thải tự động, liên tục (theo quy định tại Điều 97 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP).

- Hóa chất, vật liệu sử dụng: Chlorine, vi sinh xử lý nước thải Microbelift.

- Chế độ vận hành: liên tục 24/24 giờ.

- Quy chuẩn áp dụng đối với nước thải sau xử lý: QCVN 14:2008/BTMNT, cột A, K=1.

- Sơ đồ quy trình công nghệ HTXLNT công suất 20m³/ngày.đêm của cơ sở:



Hình 3.6. Sơ đồ HTXLNT công suất 20 m³/ngày.đêm tại cơ sở

- Thuyết minh quy trình công nghệ xử lý nước thải:

Giai đoạn 1: Xử lý sơ bộ

+ Hố thu - T101: Nước thải từ các hệ thống đường ống dẫn nước được gom vào hố thu của hệ thống xử lý. Trước khi đi vào hố thu nước thải được dẫn đi qua hệ thống song chắn rác thô có kích thước 5mm nhằm loại bỏ những vật thể rắn tránh khả năng làm nghẹt

bơm... Lượng rác này được gom vào thùng chứa rác và được Công ty có chức năng thu gom và xử lý định kỳ. Nước thải được bơm từ hố thu qua bể điều hòa – T102.

+ Bể điều hòa – T102: Bể điều hòa được thiết kế nhằm đảm bảo:

Điều hòa lưu lượng cho hệ thống hoạt động 24/24;

Ổn định tải lượng ô nhiễm: BOD, Nito, photpho, các nguyên tố vi lượng ... cho các giai đoạn vi sinh hoạt động hiệu quả tối ưu.

Thành phần nước thải phát sinh sẽ không đồng nhất, vì vậy, bể điều hòa được khuấy trộn đều trong bể bằng hệ thống phân phối khí thô dưới đáy bể, có tác dụng trộn lẫn các thành phần ô nhiễm, giúp ổn định lưu lượng và chất lượng nước thải trước khi được bơm đến các công trình xử lý phía sau, đồng thời ngăn ngừa quá trình lắng cặn và quá trình lên men yếm khí xảy ra. Nước thải sau bể điều hòa được bơm vào giai đoạn xử lý vi sinh theo lưu lượng ổn định.

Giai đoạn 2: Xử lý vi sinh

+ Bể vi sinh G.SBR^{1st} – T201A/B: Công nghệ **G.SBR^{1st}**: hoạt động liên tục trong một bể. Công nghệ này được cải tiến và phối hợp từ công nghệ SBR và Aerotank. Diễn ra lần lượt qua 2 vùng.

Vùng 1: Thiếu khí - Anoxic

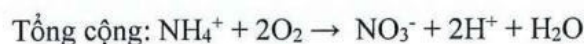
Tại vùng anoxic xảy ra quá trình khử Nitơ và photpho nhờ vào sự sinh trưởng – phát triển của vi sinh vật đặc chủng trong điều kiện môi trường thiếu oxy, vi khuẩn Nitrosomonas và Nitrobacter sẽ oxy hóa hàm lượng Amonia thành Nitrate, quá trình khử Nitrate này diễn ra trong môi trường thiếu oxy. Mức oxy hòa tan DO < 1,5 mg/l.

Bên cạnh quá trình chuyển hóa các chất hữu cơ thành carbonic CO₂ và nước H₂O, vi khuẩn hiếu khí Nitrisomonas và Nitrobater còn oxy hóa ammonia NH₃ thành nitrite NO₂⁻ và cuối cùng là nitrate NO₃⁻. Sử dụng CH₃OH làm chất xúc tác cung cấp cacbon cho sự chuyển hóa nitrate NO₃⁻ thành N₂.

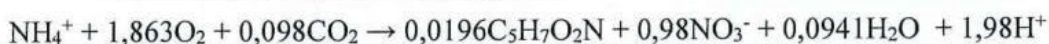
Giai đoạn 1: Quá trình Nitrat hóa chuyển hóa Nitơ thành Nitrite dưới tác dụng của Vi khuẩn Nitrisomonas:



Giai đoạn 2: Chuyển hóa Nitrite thành Nitrate dưới tác dụng của vi khuẩn Nitrobater: $2\text{NO}_2^- + \text{O}_2 \rightarrow 2\text{NO}_3^-$



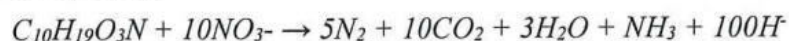
Trên cơ sở phương trình tổng hợp sau:



Giai đoạn 3: Sử dụng các hợp chất hữu cơ có trong nước thải (sử dụng cacbon hữu cơ)



Quá trình khử nitơ (*denitrification*) từ nitrate NO₃⁻ thành nitơ dạng khí N₂ được thực hiện nhằm đạt chỉ tiêu cho phép của nitơ. Quá trình sinh học khử nitơ liên quan đến quá trình oxy hóa sinh học của nhiều cơ chất hữu cơ trong nước thải sử dụng nitrate hoặc nitrit như chất nhận điện tử thay vì dùng oxy, trong điều kiện không có DO hoặc dưới nồng độ DO giới hạn (<2 mg O₂/L).



Nitơ tự do N_2 sinh ra từ quá trình phân hủy sẽ được thoát ra ngoài nhờ vào quá trình sục khí ở ngăn tiếp theo.

Vùng 2: Hiếu khí - Aerobic

Tại vùng này diễn ra 2 quá trình sau:

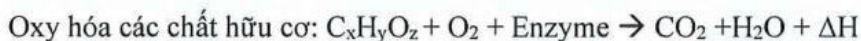
Quá trình 1: Hiếu khí – Aerobic.

Tại bể lắp đặt nhiều thiết bị sục khí, với nhiệm vụ khử COD/BOD – Nitơ – photpho theo tỷ lệ thiết kế nhất định

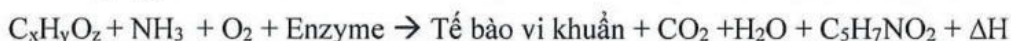
Kiểm soát nồng độ oxy hòa tan: $> 1,5 \text{ mg/l}$;

Chủng loại vi khuẩn đặc thù: achromobater, acinetobater, agrobacterium, alcaligenes, arthrobacter, corynebacterium, flavobacterrium, moraxella, neisseria, alcaligenes... là những vi khuẩn luôn gắn liền với quá trình xử lý hiếu khí. Đặc biệt hai chủng loại vi khuẩn Nocardia, microthrix chính là nguyên nhân gây hình thành lớp bọt trên bề mặt sục khí.

Các phản ứng chuyển hóa BOD tuần tự diễn ra như sau:



Tổng hợp tế bào mới:



Phân hủy nội bào:



Quá trình 2: Hoạt động độc lập theo nhiều pha riêng lẻ: Nạp nước – Lắng – xả

Pha nạp nước: nước vẫn tiếp tục dòng chảy vào bể trong suốt quá trình thủy phân của vi sinh.

Pha Lắng: giai đoạn lắng các bông cặn vi sinh hình thành sau quá trình xử lý hiếu khí. Quá trình lắng xảy ra theo nguyên lý trọng lực.

Hỗn hợp rắn – lỏng được phân thành 02 lớp:

+ Lớp 1: Lớp cặn nằm ở dưới đáy bể

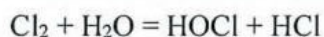
+ Lớp 2: nước trong nằm phía trên

Pha Xả: Theo đường ống thu nước được hai bơm trục ngang bơm đến hạng mục tiếp theo.

Giai đoạn 3: Hoàn thiện

+ Hệ thống khử trùng: Tại đây, nước được khử trùng bởi hóa chất khử trùng là Chlorine. Quá trình diệt vi sinh vật xảy ra qua hai giai đoạn. Đầu tiên chất khử trùng khuếch tán xuyên qua vỏ tế bào vi sinh, sau đó phản ứng với men bên trong tế bào và phá hoại quá trình trao đổi chất dẫn đến sự diệt vong của tế bào vi sinh.

Các phản ứng hóa học xảy ra khi cho Clo vào nước (Clo hóa nước):



Hoặc ở dạng phương trình phân ly: $Cl_2 + H_2O = 2H^+ + OCl^- + Cl^-$

Mục đích của khử trùng nhằm loại bỏ các vi trùng, vi khuẩn... gây bệnh còn sót lại trong nước sau xử lý.

Nước thải sau khi xử lý đạt tiêu chuẩn QCVN 14:2008/BTMNT, cột A, K =1 dẫn

về hồ ga của hệ thống xử lý nước thải công suất 50m³/ngày.đêm trước khi đầu nối vào vào cống thoát nước chung của khu vực trên đường N2, sau đó chảy Suối Siệp.

Giai đoạn 4: Xử lý bùn

+ Bể chứa bùn – T301: Bể chứa bùn là những công trình đơn vị cần thiết trong chuỗi công nghệ xử lý. Lượng bùn dư được thu gom và tích trữ tại đây, nhằm làm tăng nồng độ, giảm khối tích khi được đưa đi xử lý theo quy định.

Thông số kỹ thuật của hệ thống xử lý nước thải:

Bảng 3. 3. Thông số kỹ thuật các hạng mục công trình HTXLNT công suất 20 m³/ngày.đêm tại cơ sở

Stt	Tên công trình, thiết bị	Mã số ký hiệu	Đặc tính kỹ thuật
1	Hố thu	T101	- Chức năng: lưu trữ nước thải - Kích thước: 1m x 1m x 2,5m - Số lượng: 01 bể - Chất liệu: Đáy làm bê tông, tường gạch, quét Sika chống thấm tường trong - Thiết bị kèm theo: thiết bị lọc rác thô, bơm nước thải chìm, phao báo mức nước - Thời gian lưu nước: 30-60 phút
2	Bể điều hòa	T102	- Chức năng: ổn định lưu lượng và nồng độ chất ô nhiễm cho hệ thống. - Kích thước: 2m x 2m x 2,5m - Số lượng: 01 bể - Chất liệu: gạch đinh Mac 75, tường 200 chống thấm - Thiết bị kèm theo: Bơm nước thải dạng chìm
3	Bể sinh học G.SBR ^{1st}	T201A/B	- Chức năng: Xử lý triệt để chất hữu cơ có khả năng phân hủy sinh học - Hệ số sử dụng chất nền, Y (gVSS/gCOD): 0,4 - Hệ số phân hủy nội bào, k_d (g/g.d): 0,18 - Kích thước: (5,5m x 2m x 2m) - Số lượng: 02 ngăn - Chất liệu: gạch đinh Mac 75, tường 200 chống thấm
4	Hệ thống khử trùng		- Bồn hoá chất Clorine: PE. - Bơm định lượng: Q=80-100l/h, H=0,2 bar.
5	Bể chứa bùn	T301	- Chức năng: chứa và ổn định bùn - Kích thước: V = 2m³ - Số lượng: 01 bể - Chất liệu: bồn nhựa PE

2. Công trình, biện pháp xử lý bụi, khí thải

2.2.1. Bụi từ quá trình bốc dỡ nguyên vật liệu, thành phẩm

Để hạn chế tác động bụi tối đa đối với người lao động trực tiếp trong nhà xưởng sản xuất, một số biện pháp được đề xuất như sau:

- Nhà xưởng được thiết kế cao ráo có độ thông thoáng tự nhiên tốt, đảm bảo phát tán bụi nhỏ, làm giảm nồng độ bụi trong phân xưởng.

- Bố trí hợp lý thời gian vận chuyển nguyên vật liệu cũng như bốc xếp hàng hóa, sử dụng các loại xe mới, kiểm tra bảo dưỡng thường xuyên.

- Các đường nội bộ được bê tông hóa.
- Các xe vận chuyển nguyên nhiên liệu và sản phẩm không chở quá 90% thể tích của thùng xe và được bao phủ kín khi vận chuyển.

2.2.2. Bụi và khí thải phát sinh từ các phương tiện vận chuyển

- Sử dụng nhiên liệu có hàm lượng lưu huỳnh thấp (dầu DO hàm lượng lưu huỳnh 0,05%).
- Các phương tiện đi vào khu dự án phải đậu đúng vị trí, tắt máy trong thời gian chờ nhận bốc hàng.
- Các xe vận chuyển không cho phép chở quá trọng tải cho phép của xe, không chở quá 90% thể tích của thùng xe, có bạt che.
- Thường xuyên bảo dưỡng máy móc và các phương tiện vận chuyển.
- Quản lý mật độ phương tiện tham gia giao thông, tránh lưu thông vào những giờ cao điểm. Bắt buộc các phương tiện này phải tuân thủ nghiêm ngặt các quy định về an toàn của sở Giao thông.
- Đối với dầu mỡ, chất thải nguy hại do các phương tiện vận chuyển, các thiết bị máy móc rò rỉ ra được công nhân lau bằng giẻ lau hoặc đổ cát lên phần dầu mỡ đó để thu gom lượng dầu mỡ đó lại sau đó tập kết tại khu vực chứa CTNH để chuyển giao cho đơn vị có chức năng thu gom để mang đi xử lý đúng quy định.

2.2.3. Bụi phát sinh từ quá trình cắt xả vãi, kiểm tra sản phẩm

Để giảm thiểu lượng bụi phát sinh và ảnh hưởng của bụi đến công nhân lao động, công ty sẽ thực hiện một số biện pháp sau:

- Đầu tư hệ thống trang thiết bị hiện đại, đồng bộ.
- Áp dụng các giải pháp quản lý nội vi như: quét dọn, thu hồi lượng bụi rơi vãi quanh khu vực phát sinh thường xuyên,...
- Trang bị đầy đủ các thiết bị bảo hộ lao động cần thiết cho cán bộ, công nhân viên làm việc tại nhà máy.
- Khuyến khích cán bộ công nhân nhà máy sử dụng khẩu trang và các thiết bị bảo hộ cần thiết tại những nơi phát sinh lượng bụi lớn.

2.2.4. Biện pháp phòng ngừa, giảm thiểu mùi từ khu vực tập trung chất thải rắn

- Tổ chức thu gom rác liên tục, không để tồn trữ rác thải tại các khu vực sản xuất;
- Chất thải được lưu trữ trong các thùng chứa có nắp đậy kín và được vận chuyển ngay trong ngày về khu tập kết chất thải rắn hiện hữu, không để tình trạng tồn đọng gây phân hủy phát sinh mùi;
- Tại các miệng cống thoát nước mưa có song chắn rác, thu gom rác thường xuyên, tránh tình trạng chất thải rắn làm bít miệng cống và làm tắt đường ống;
- Tăng cường chất lượng công tác vệ sinh toàn khu vực, khu vực nhà xưởng thường xuyên lau chùi, rửa sạch những nơi thường xuyên phát sinh mùi hôi;
- Thường xuyên kiểm tra, vệ sinh khu vực tập kết chất thải.
- Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom rác thải, tránh tình trạng tồn ứ lâu ngày.

2.2.5. Biện pháp giảm thiểu khí thải máy phát điện

Cơ sở sử dụng 01 máy phát điện diesel với công suất là 500KVA để cung cấp điện cho chiếu sáng, bơm nước,... khi xảy ra sự cố. Máy phát điện được đầu tư công nghệ mới đảm bảo các yêu cầu kỹ thuật trước khi đưa vào sử dụng, nhiên liệu sử dụng là dầu DO có hàm lượng lưu huỳnh 0,05% vì vậy giảm thiểu đáng kể nồng độ khí thải phát sinh.

Nhằm giảm thiểu tác động của tiếng ồn, độ rung và khí thải ống khói máy phát điện đến khu vực xung quanh dự án đã áp dụng các biện pháp sau:

- Chủ dự án đã trang bị máy phát điện đạt tiêu chuẩn hiện hành để không gây ô nhiễm môi trường.
- Chủ dự án lắp đặt khu vực máy phát điện bên ngoài nhà xưởng sản xuất.
- Lắp đặt hệ thống giảm chấn (chống rung) do nhà cung cấp kèm theo trong phụ kiện khi giao máy phát điện dự phòng, có thùng cách ly chống ồn và được trang bị bộ giảm thanh kèm theo phụ kiện khi giao máy của nhà cung cấp (Phụ kiện đi kèm máy phát điện có: Bộ giảm thanh và hệ thống giảm chấn). Chân đế máy được kê kích, giảm chấn, cân chỉnh, cố định đảm bảo máy được nằm cố định trên mặt phẳng ngang khi vận hành không bị di chuyển, giảm độ rung động truyền tải lên nền. Vì vậy mà hạn chế tiếng ồn và độ rung trong giới hạn cho phép. Tất cả các loại vật liệu và hạng mục trên đều có tác dụng tiêu âm, giảm âm khi vận hành. Âm thanh từ máy phát được truyền vào các lớp vật liệu có tính phân tán và triệt tiêu. Do vậy âm được triệt tiêu nên sau khi lắp đặt thì gần như cách ly hoàn toàn với môi trường bên ngoài.
- Ống khói máy phát điện với chiều cao 3m để phát thải khí thải. Ngoài ra máy phát điện chỉ sử dụng khi có sự cố với tần suất và thời gian hoạt động ngắn vì vậy các tác động được đánh giá là không đáng kể.

Tính toán chiều cao ống khói của máy phát điện dự phòng:

Trong quá trình đốt nhiên liệu chạy máy phát điện, giả sử hệ số dư so với tỉ lệ hợp thức là 30% và nhiệt độ khí thải khoảng 70°C, thể tích khí thải thực tế sinh ra khi đốt 1 kg dầu được tính theo công thức:

$$V_t = \left(\frac{7,5a}{32 \times 1000} + \frac{b}{28 \times 100} + \frac{4,25c}{2 \times 100} + \frac{7,5d}{12 \times 100} \right) \times \frac{22,4}{273} \times T$$

- a : Hàm lượng % lưu huỳnh có trong dầu DO (0,25%)
- b : Hàm lượng % Nitơ có trong dầu DO (0,2%)
- c : Hàm lượng % Hydro có trong dầu DO (22,85%)
- d : Hàm lượng % Carbon có trong dầu DO (76,7%)
- T : Nhiệt độ khí thải (343⁰K)
- V_t : Thể tích khí thải ở nhiệt độ T (với hệ số dư 30%)

Thay số liệu về thành phần dầu DO vào công thức trên ta có V_t = 27,18 m³/kg.

Theo tính toán trong thời gian chạy máy phát điện 1 kg dầu DO khi đốt cháy trong điều kiện bình thường sẽ thải ra 27,18 m³ khí thải, ứng với mức tiêu thụ dầu của máy phát điện công suất 500 KVA là 39,36 kg/h. Như vậy, lưu lượng khí thải ra trong 1 giờ khi vận hành máy phát điện công suất 110KVA là: L_{kt} = 27,18 m³/kg x 39,36 kg/h = 1.069,8 m³/h = 0,3m³/s;

- Nhiệt độ khí ra: t₁ = 150°C;
- Nhiệt độ môi trường: t₂ = 25°C;

- Độ chênh lệch nhiệt độ: $t = 125^{\circ}\text{C}$;

Áp dụng theo mô hình BERLLAND và các cộng sự để ước tính chiều cao ống khói (Trần Ngọc Chấn, Ô nhiễm không khí và xử lý khí thải, tập 1, Ô nhiễm không khí và tính toán khuếch tán chất ô nhiễm, 2000). Chiều cao ống khói được xác định bằng chiều cao hiệu quả của ống khói theo công thức: $H_o = h + \Delta H$ (1)

Trong đó :

- H_o : Chiều cao hiệu quả của ống khói, (m);
- h : Chiều cao thực của ống khói, $h = 1$ m;
- ΔH : Độ nâng cao tổng cộng của luồng khói do động năng ban đầu và do chênh lệch nhiệt độ, (m).

$$\Delta H \text{ được tính toán theo công thức: } \Delta H = 1,875 \frac{\omega D}{u_{10}} + 1,6 \frac{gL\Delta T}{u_{10}^3 \cdot T_{xq}} \quad (2)$$

Trong đó:

- ω : Vận tốc ban đầu của luồng khói tại miệng ống khói: 10 m/s
- D : Đường kính của miệng ống khói: $D=0,3$ m;
- u_{10} : Vận tốc gió 4 m/s
- g : Gia tốc trọng trường : $9,8 \text{ m/s}^2$
- L : Lưu lượng khói thải tại miệng ống khói (m^3/s)
- ΔT : Chênh lệch nhiệt độ không khí giữa khói và không khí xung quanh: $150^{\circ}\text{C} - 25^{\circ}\text{C} = 125^{\circ}\text{C}$.
- T_{xq} : Nhiệt độ không khí xung quanh: 25°C .

Thay số vào phương trình (2), tính được $\Delta H = 1,77$ m. Thay số vào phương trình (1), tính được chiều cao ống khói máy phát điện công suất 500KVA là $H_o = 1 + 1,77 = 2,77$ m, chọn chiều cao ống khói là: $H_o = 3$ m;

- Khí thải máy phát điện được thoát ra ngoài thông qua ống khói máy phát điện cao 3m so với mặt đất, phía trên ống khói có lắp chụp khói để che mưa. Ống dẫn khói thải được lắp tiêu âm và cách nhiệt, có bộ lọc đặt bên trong ống khói để giảm lượng ô nhiễm từ khí thải và tránh gây ảnh hưởng tới cơ sở xung quanh.

3. Công trình, biện pháp lưu giữ, xử lý chất thải rắn thông thường

3.1. Chất thải rắn sinh hoạt

- Nguồn phát sinh: Chất thải rắn sinh hoạt phát sinh từ hoạt động sinh hoạt của công nhân viên làm việc tại khu vực văn phòng, khu vực nhà xưởng và nhà vệ sinh và khu bếp ăn chuyên gia của cơ sở.

- Khối lượng phát sinh:

+ Khối lượng chất thải rắn sinh hoạt theo ĐTM phê duyệt: số lượng công nhân viên làm việc của cơ sở là 700 người, ước tính mỗi người phát sinh tối đa định mức khoảng 0,5 kg/ngày thì tổng khối lượng chất thải sinh hoạt phát sinh là:

$$700 \text{ người} \times 0,5 \text{ kg/người/ngày} = 350 \text{ kg/ngày.}$$

+ Khối lượng chất thải rắn sinh hoạt theo thực tế là 1,033 tấn/năm, tương đương khoảng 86,083 kg/tháng, 3,311 kg/ngày.

- Biện pháp, phương án thu gom, vận chuyển chất thải rắn sinh hoạt:

+ Quy mô, công suất, quy trình vận hành của công trình lưu giữ, xử lý chất thải: Bố trí khu lưu giữ chất thải sinh hoạt tập trung ở gần cổng ra vào của cơ sở để thuận tiện cho xe thu gom rác đến thu gom, vận chuyển theo quy định.

+ Quy trình vận hành: chất thải phát sinh $\rightarrow$ phân loại (Chất thải thực phẩm; Chất thải rắn có khả năng tái sử dụng, tái chế và chất thải rắn sinh hoạt khác) $\rightarrow$ Thùng chứa rác 240 lít $\rightarrow$ Khu tập kết CTRSH $\rightarrow$ Hợp đồng đơn vị có chức năng thu gom, xử lý theo quy định;

+ Chất thải sinh hoạt phát sinh được thu gom và lưu trữ trong các thùng rác loại 60 – 120 lít có nắp đậy của cơ sở. Chủ cơ sở đã thực hiện các quy định về phân loại chất thải rắn theo quy định của Luật bảo vệ môi trường hiện hành, và sẽ hướng dẫn công nhân thi công của đơn vị thi công về ý nghĩa, lợi ích của việc phân loại chất thải rắn sinh hoạt tại nguồn và yêu cầu đơn vị thi công, lắp đặt máy móc thiết bị phân loại rác thải tại nguồn thành 03 loại, cụ thể như sau:

- Chất thải rắn có khả năng tái sử dụng, tái chế: gồm tạp chí, giấy báo các loại; các vật liệu bằng nhựa; vỏ bao bì kim loại; túi nhựa mỏng các loại, vỏ chai bia, nước ngọt, chai đựng thực phẩm,... đựng trong bao bì, thùng chứa có dán nhãn phân loại. Khuyến khích sử dụng các loại túi có thể tái sử dụng nhiều lần.

- Chất thải thực phẩm: gồm thức ăn thừa và các loại thực phẩm hết hạn sử dụng; lá thực vật, hoa các loại; bã trà, bã cà phê; rau, củ, quả, trái cây các loại và các phần thải bỏ từ việc sơ chế, chế biến; thịt và các sản phẩm từ thịt, trứng, xác gia cầm, gia súc; thịt và vỏ của thủy sản,... đựng trong bao bì, thùng chứa có dán nhãn phân loại;

- Chất thải rắn sinh hoạt khác: đựng trong bao bì, thùng chứa có dán nhãn phân loại;

+ Hiện khu vực cơ sở đã bố trí các thùng nhựa có nắp đậy đặt xung quanh khuôn viên cơ sở để phân loại tại nguồn, chứa rác và cuối mỗi ngày tập kết về khu vực lưu chứa CTRSH của cơ sở. Hướng dẫn công nhân phân loại rác vào thùng thu gom CTR sinh hoạt của cơ sở theo quy định.

+ Chất thải rắn sinh hoạt sẽ được thu gom tập trung vào thùng rác 240 lít đặt tại khu tập kết chất thải rắn sinh hoạt hiện hữu đặt gần khu vực cổng ra vào của cơ sở. Trong đó, tại mỗi nhà máy bố trí 6 thùng rác loại 240 lít để thu gom tập trung.

+ Quy định công nhân làm việc tại khu vực phải để rác đúng nơi quy định, không được phép xả rác bừa bãi và có phân khu vực riêng biệt.

- Tính toán thiết bị thu gom rác:

Với tổng khối lượng chất thải rắn sinh hoạt phát sinh khoảng 350 kg/ngày. Trong đó, khối lượng rác thực phẩm chiếm 73,5%, khối lượng riêng là 315 kg/m^3 và rác còn lại là rác có khả năng tái sử dụng, tái chế có khối lượng riêng là 132 kg/m^3 .

+ Khối lượng rác hữu cơ: $73,5\% \times 350 \text{ kg/ngày} = 257,25 \text{ kg/ngày}$;

+ Khối lượng rác có thể tái chế, tái sử dụng: $21,5\% \times 350 \text{ kg/ngày} = 75,25 \text{ kg/ngày}$;

+ Khối lượng rác sinh hoạt khác: $5\% \times 350 \text{ kg/ngày} = 17,5 \text{ kg/ngày}$;

+ Thể tích rác hữu cơ: $(257,25 \text{ kg/ngày}) / (315 \text{ kg/m}^3) = 816,67 \text{ L/ngày}$;

+ Thể tích rác có thể tái chế, tái sử dụng: $(75,25 \text{ kg/ngày}) / 132 \text{ kg/m}^3 = 570,08 \text{ L/ngày}$;

+ Thể tích rác sinh hoạt khác: $(17,5 \text{ kg/ngày}) / 132 \text{ kg/m}^3 = 132,58 \text{ L/ngày}$.

Tổng thể tích rác thải sinh hoạt phát sinh là: $816,67 + 570,08 + 132,58 = 1.419,33 \text{ L/ngày}$.

Loại thùng rác để chứa rác khu tập kết chất thải rắn tập trung là thùng 240 lít với dung tích 80%, tổng số thùng đầu tư là 3 thùng, kích thước mỗi thùng $D \times R \times C = 733 \times 585 \times 1092$ mm. Trong đó, 6 thùng chứa rác thực phẩm, 4 thùng chứa rác có khả năng tái sử dụng, tái chế và 1 thùng chất thải rắn sinh hoạt khác.

Tổng thể tích thùng chứa rác của cơ sở cần là:

$$6 \times 240 = 1.440L = 1,44m^3$$

Như vậy, với thể tích thùng rác bố trí hiện hữu gồm 6 thùng loại 240L hoàn toàn đáp ứng được lượng rác thải phát sinh từ cơ sở. Tuy nhiên, nếu lượng rác thải phát sinh vượt sức chứa thì chủ cơ sở sẽ tăng tần suất thu gom rác, đảm bảo xử lý rác thải đúng quy định.

- Chủ cơ sở đã thu gom tập trung vào thùng chứa rác sinh hoạt 240 lít của nhà máy hiện hữu, đơn vị có chức năng đến thu gom, xử lý theo đúng quy định. Công ty đã thực hiện ký hợp đồng với hợp đồng với Công ty TNHH TM - XD Xử lý Môi trường Thanh Long để thu gom, vận chuyển chất thải rắn sinh hoạt và công nghiệp thông thường theo hợp đồng ngày 01/07/2024 để thu gom, vận chuyển rác thải sinh hoạt với tần suất 1 lần/ngày.



Hình 3.7. Hình ảnh lưu chứa chất thải rắn sinh hoạt của cơ sở

3.2. Chất thải rắn công nghiệp thông thường

- Nguồn phát sinh: Chất thải rắn công nghiệp thông thường của cơ sở chủ yếu là giấy carton, bao bì nilon, vải vụn, chỉ vụn, dụng cụ bảo hộ lao động thải bỏ,...

- Khối lượng:

+ Khối lượng CTRCNTT phát sinh tại các nhà máy của cơ sở khi hoạt động tối đa công suất (theo ĐTM phê duyệt) khoảng 18.214 kg/năm, tương đương 1.517,83 kg/tháng.

+ Khối lượng CTRCNTT phát sinh thực tế theo biên bản bàn giao CTRCN thông thường từ tháng 01/2024 đến tháng 12/2024 thì khối lượng phát sinh khoảng 2.822 kg/năm, tương đương 235,17 kg/tháng.

- Thành phần: Khối lượng và thành phần từng loại CTRCNTT phát sinh của cơ sở như bảng sau:

Bảng 3. 4. Thành phần và khối lượng chất thải rắn công nghiệp thông thường

Stt	Nhóm CTRCNTT	Khối lượng
-----	--------------	------------

		Theo ĐTM phê duyệt		Hiện hữu		Đề nghị cấp GPMT
		Kg/tháng	Kg/năm	Kg/năm	Kg/tháng	Kg/năm
1	Giấy carton	533,33	6.400	2.822	235,17	6.400
2	Bao bì nilon	104,17	1.250			1.250
3	Vải vụn, chỉ vụn	800	9.600			9.600
4	Dụng cụ bảo hộ lao động thải bỏ....	75	900			900
5	Dầu mỡ thải	5,33	64			64
	Tổng khối lượng	1.517,83	18.214	2.822	235,17	18.214

(Nguồn: Công ty TNHH Vina Chang Tai, năm 2025)

- Quy mô, công suất, quy trình vận hành của công trình lưu giữ, xử lý: CTRCN thông thường sẽ được phân loại, thu gom vào các bao chứa. Tất cả chất thải công nghiệp sau khi phân loại sẽ được thu gom và vận chuyển vào khu vực lưu trữ chất thải công nghiệp không nguy hại của Công ty. Tại khu vực lưu trữ chất thải công nghiệp không nguy hại có diện tích rộng, có mái che, không bị ảnh hưởng bởi nước mưa chảy tràn.

- Quy trình vận hành: chất thải phát sinh → Thùng chứa rác, bao đựng rác → Khu tập kết CTRCNTT → Hợp đồng đơn vị có chức năng thu gom, xử lý theo quy định;

- Các biện pháp lưu giữ, xử lý:

+ Công ty bố trí đặt thùng rác, bên trong có lót túi nilon và bao bì chứa rác. Các thùng rác này được đặt trong xưởng sản xuất để thu gom rác thải từ quá trình sản xuất;

+ Công ty đã thực hiện ký hợp đồng với Công ty TNHH TM-XD Xử lý môi trường Thanh Long để thu gom, vận chuyển chất thải rắn sinh hoạt và công nghiệp thông thường theo hợp đồng số ngày 01/07/2024 (Hợp đồng có hiệu lực đến ngày 01/07/2025) để thu gom, vận chuyển rác thải rắn công nghiệp thông thường với tần suất 1 lần/tuần.



Hình 3.8. Hình ảnh khu lưu giữ chất thải rắn công nghiệp thông thường của cơ sở

4. Công trình, biện pháp lưu giữ, xử lý chất thải nguy hại

- Nguồn phát sinh: Chất thải nguy hại của cơ sở chủ yếu bao gồm bóng đèn huỳnh quang thải; giẻ lau dính nhàu nhớt thải; can thùng dầu nhớt thải; dầu nhớt thải.

- Khối lượng:

+ Khối lượng CTNH phát sinh của cơ sở khi hoạt động tối đa công suất (theo ĐTM phê duyệt) khoảng 87.829 kg/tháng.

+ Khối lượng CTNH phát sinh hiện hữu trung bình theo chứng từ CTNH từ tháng 01/2024 đến tháng 12/2024 thì khối lượng phát sinh khoảng 60 kg/năm, trung bình phát sinh 5 kg/tháng.

- Thành phần: Khối lượng và thành phần từng loại CTNH phát sinh như sau:

Bảng 3. 5. Khối lượng và thành phần chất thải nguy hại của cơ sở

Stt	Tên chất thải	Mã CTNH	Trạng thái	Khối lượng (Kg/năm)		
				Theo ĐTM phê duyệt	Hiện hữu	Đề nghị cấp GPMT
1	Bóng đèn huỳnh quang và các loại thủy tinh hoạt tính thải	16 01 06	Rắn	78	41	78
2	Dầu động cơ, hộp số và bôi trơn tổng hợp thải	17 02 03	Lỏng	320	10	320
3	Chất hấp thụ, vật liệu lọc (bao gồm cả vật liệu lọc dầu chưa nêu tại các mã khác), giẻ lau, vải bảo vệ thải bị nhiễm các thành phần nguy hại	18 02 01	Rắn	420	0	420
4	Bao bì nhựa cứng (đã chứa chất khi thải ra là CTNH) thải. (Thùng đựng dầu nhớt thải)	18 01 03	Rắn	66	09	66
5	Pin, ắc quy chì thải	19 06 01	Rắn	20	0	20
6	Hộp mực in thải có chứa các thành phần nguy hại	08 02 04	Rắn	20	0	20
Tổng khối lượng				924	60	924

(Nguồn: Công ty Vina Chang Tai, năm 2025)

- Quy mô, công suất, quy trình vận hành của công trình lưu giữ, xử lý chất thải: Chất thải nguy hại giai đoạn hiện hữu được tập kết tại nhà chứa CTNH rộng 15m², với tường cao 2,5m, mái lợp tôn, được chia làm 3 ngăn. Bên trong nhà chứa CTNH đặt các thùng kín có biển dấu hiệu cảnh báo, dán nhãn phân loại mã CTNH theo quy định.

- Quy trình vận hành: chất thải phát sinh → Phân loại tại nguồn theo từng mã chất thải → Thùng chứa CTNH theo từng mã (thùng có nắp đậy kín) → Khu tập kết CTNH → Hộp đồng đơn vị có chức năng thu gom, xử lý theo quy định;

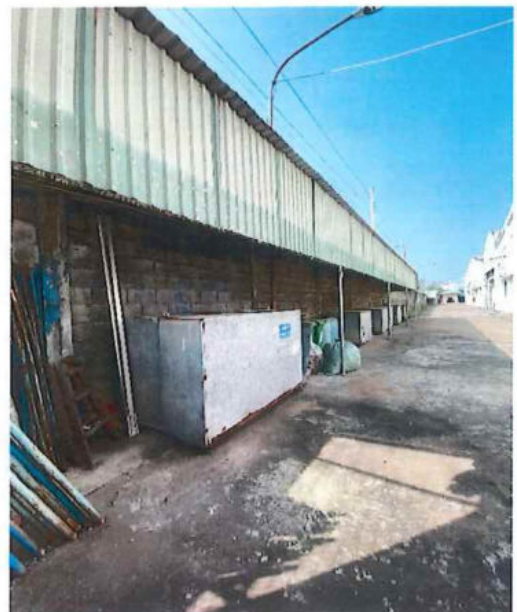
- Các biện pháp lưu giữ, xử lý:

+ CTNH được nhân viên nhà máy thu gom và lưu giữ riêng biệt theo từng mã chất thải; các thùng chứa CTNH được dán nhãn, phân biệt các loại CTNH;

+ Có tường bao quanh, mái che kín, được ngăn chia thành các ô riêng.

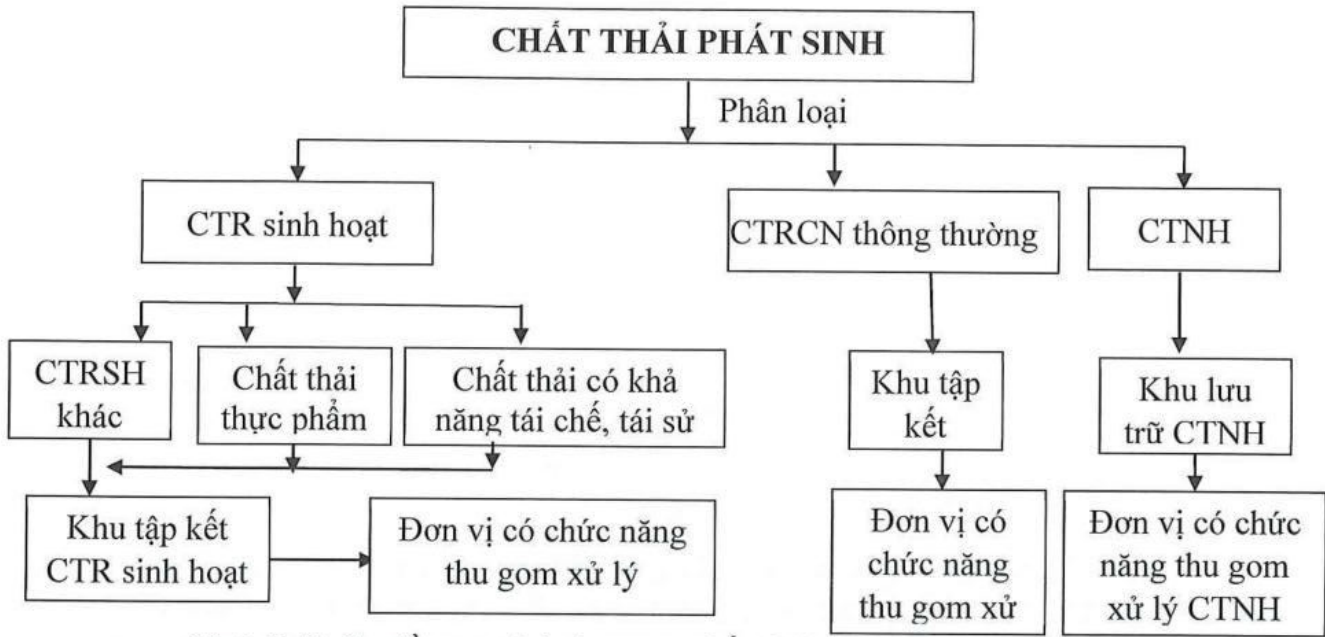
+ Mặt sàn được đổ bê tông, nền cao, tránh nước mưa chảy tràn từ bên ngoài vào.

- + Các thùng chứa được đặt thẳng đứng trên sàn, xây gờ chống tràn dầu.
- + Có trang bị bình PCCC, có trang bị vật liệu hấp phụ như cát khô và xẻng để sử dụng trong trường hợp rò rỉ, rơi vãi, đổ tràn CTNH ở thể lỏng.
- + Bên ngoài khu vực kho lưu trữ chất thải nguy hại được gắn dấu hiệu cảnh báo nguy hiểm.
- + Việc dán nhãn CTNH bao gồm các thông tin sau:
 - Tên chất thải nguy hại, mã CTNH theo danh mục CTNH.
 - Mô tả về nguy cơ do CTNH có thể gây ra (dễ cháy, dễ nổ, dễ bị oxi hóa,...).
 - Dấu hiệu cảnh báo, phòng ngừa theo quy định.
- + Công ty đã thực hiện đăng ký sổ chủ nguồn thải CTNH với Sở TN&MT tỉnh Bình Dương, mã số 74.000839.T ngày 23/06/2010;
- + CTNH được Chủ cơ sở ký hợp đồng với Chi nhánh xử lý chất thải - Công ty Cổ phần –Tổng Công ty Nước - Môi trường Bình Dương (Đã chuyển đổi thành Công ty TNHH Một thành viên Liên hợp Khoa học – Công nghệ - Môi trường BIWASE theo văn bản số 20/TB-KHCNMT.TCKT ngày 09/07/2024 của Công ty Cổ phần –Tổng Công ty Nước - Môi trường Bình Dương) để thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải nguy hại theo hợp đồng số 2329-RNH/HĐ-KT/23 ngày 02/11/2023 (hiệu lực 03 năm kể từ ngày ký).



Hình 3.9. Hình ảnh khu lưu giữ chất thải nguy hại của cơ sở

Dưới đây là quy trình thu gom chất thải phát sinh của cơ sở:



Hình 3.10. Sơ đồ quy trình thu gom chất thải tại 5 nhà máy của cơ sở

5. Công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung

Nhà máy đã và đang áp dụng các biện pháp sau đây để giảm thiểu tiếng ồn, độ rung do quá trình hoạt động của máy móc, thiết bị phục vụ cho sản xuất, hệ thống xử lý nước thải,... của công ty:

- Đối với tiếng ồn do phương tiện giao thông:
 - + Bố trí hợp lý thời gian xe vận chuyển nguyên vật liệu và sản phẩm ra vào cơ sở;
 - + Xe ra vào yêu cầu đi với tốc độ chậm 5km/h, không bóp còi.
 - + Không cho các xe nổ máy trong lúc chờ nhận hàng.
 - + Thường xuyên kiểm tra và bảo trì các phương tiện vận chuyển, đảm bảo tình trạng kỹ thuật tốt.

+ Ngoài các xe chuyên chở nguyên vật liệu, sản phẩm và thu gom chất thải, các loại phương tiện đều phải tắt máy khi tập kết, bốc dỡ hàng.

- Đối với tiếng ồn từ các máy móc, thiết bị máy may, máy cắt,... trong sản xuất:

Để hạn chế đến mức thấp nhất tiếng ồn trong quá trình sản xuất Công ty sẽ lựa chọn các biện pháp chính như sau:

+ Các xưởng may được thiết kế với không gian kín, cách âm, để hạn chế tiếng ồn ra môi trường bên ngoài.

+ Thời gian sản xuất chủ yếu hoạt động trong giờ hành chính, trong trường hợp tăng ca theo yêu cầu của từng đơn đặt hàng thì việc tiến hành sản xuất vào giờ trưa, ban đêm chỉ tiến hành làm các công việc không phát sinh tiếng ồn.

+ Thực hiện lắp đặt máy móc, thiết bị đúng yêu cầu kỹ thuật nhằm làm giảm chấn động khi hoạt động như: thiết kế bộ máy riêng cho mỗi loại máy, cân bằng máy khi lắp đặt, dùng các kết cấu đàn hồi để giảm rung,....

+ Bố trí khoảng cách giữa các máy móc, thiết bị có độ ồn lớn hợp lý.

+ Thường xuyên bảo dưỡng các máy móc, thiết bị để đảm bảo máy luôn trong tình trạng hoạt động tốt.

+ Trang bị cho công nhân vận hành các trang thiết bị chống ồn như nút bịt tai, quần áo bảo hộ.

+ Có kế hoạch kiểm tra và theo dõi chặt chẽ việc sử dụng các phương pháp giảm thiểu tác động của tiếng ồn mà Đơn vị đã đặt ra.

Tại thời điểm lập báo cáo, Chủ cơ sở đã tiến hành lấy mẫu đo đạt cường độ ồn của các xưởng đang hoạt động, thiết bị, máy móc của các nhà máy đang hoạt động bình thường. Cường độ ồn tại các khu vực trong nhà xưởng sản xuất của các xưởng đo được như sau:

Bảng 3. 6. Kết quả đo đặc tiếng ồn tại một số khu vực của cơ sở

STT	Vị trí	Cường độ ồn (dBA)	QCVN 24:2016/BYT
1	Khu vực xưởng cắt nhà xưởng 2	60	≤ 85 (dBA)
2	Khu vực xưởng may	72	

(Đơn vị phân tích: Trung tâm công nghệ Môi trường Coshet, năm 2025)

Nhận xét: qua kết quả đo cường độ ồn tại các khu vực cơ sở có máy móc thiết bị tập trung nhiều làm phát sinh tiếng ồn, cho thấy tiếng ồn tại các khu vực này thấp hơn QCVN 24:2016/BYT. Tiếng ồn còn phát sinh do hoạt động của các phương tiện vận chuyển và giao thông xung quanh Cơ sở. Nguồn ồn này không liên tục, tần suất ra vào của các xe không thường xuyên.

6. Phương án phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường

6.1. Phòng ngừa sự cố hệ thống xử lý nước thải

Các biện pháp phòng ngừa sự cố hệ thống xử lý nước thải, Chủ cơ sở đã và đang áp dụng như sau:

- Công ty có bộ phận chuyên phụ trách việc kiểm tra và vận hành hệ thống xử lý môi trường.

- Vận hành và bảo trì các máy móc thiết bị trong hệ thống một cách thường xuyên theo đúng hướng dẫn kỹ thuật của nhà cung cấp; theo đúng quy trình đã hướng dẫn.

- Lập hồ sơ giám sát kỹ thuật các công trình đơn vị để theo dõi sự ổn định của hệ thống, đồng thời cũng là tạo ra cơ sở để phát hiện sự cố một cách sớm nhất.

- Thực hiện chương trình giám sát chất lượng môi trường và có biện pháp khắc phục kịp thời khi nồng độ các chất ô nhiễm vượt tiêu chuẩn cho phép.

- Hệ thống đường ống bị nghẹt hoặc vỡ: Khi hệ thống đường ống bị nghẹt hoặc vỡ, lưu lượng nước thải thu gom sẽ bị giảm, làm ảnh hưởng đến các hoạt động của cơ sở. Trước hết phải dừng hệ thống bơm, nếu lượng nước thải không đủ để hoạt động và khóa van dẫn nước; sau đó dựa vào tài liệu thiết kế về sơ đồ thu gom của toàn bộ hệ thống thu gom, xử lý nước thải và cấu tạo của từng công trình để xác định nguyên nhân hệ thống bị nghẹt, vỡ để có biện pháp thay thế và sửa chữa kịp thời.

- Hệ thống bơm hư hỏng: Do hệ thống xử lý nước thải không có bể chứa dự phòng nên khi hệ thống bơm nước hoặc nén khí không hoạt động, cần ngắt van, ngắt điện và chuyển công tắt ngay lập tức qua bơm dự phòng. Sau đó mới tiến hành sửa chữa bơm hư để tránh ngưng trệ hệ thống hoạt động.

- Trong hệ thống xử lý nước thải được thiết kế luôn có 2 motor luân phiên hoạt động, và máy thổi khí luôn có sẵn một máy dự phòng, do đó khi một motor bị hỏng phải được sửa chữa kịp thời trong khi motor còn lại sẽ tiếp tục hoạt động.

Để kiểm soát sự cố đối với hệ thống xử lý nước thải, chủ cơ sở tuân thủ các yêu cầu thiết kế, nhân viên vận hành phải tập huấn chương trình vận hành và bảo dưỡng hệ thống xử lý nước thải tập trung. Mặt khác tuân thủ nghiêm ngặt các yêu cầu vận hành, thực hiện tốt việc quan trắc hệ thống xử lý:

- Hàng ngày kiểm tra lưu lượng nước thải, tính chất nước thải đầu vào và đầu ra hệ thống xử lý nước thải.

- Khẩn trương xác định rõ hệ thống nào gặp trục trặc, tiến hành sửa chữa từng đơn nguyên một để vận hành tiếp tục hệ thống.

6.2. Phòng ngừa sự cố rò rỉ, vỡ đường ống cấp thoát nước

- Đường ống cấp, thoát nước phải có đường cách ly an toàn.

- Thường xuyên kiểm tra và bảo trì những mối nối, van khóa trên hệ thống đường ống dẫn đảm bảo tất cả các tuyến ống có đủ độ bền và độ kín khít an toàn nhất.

- Không có bất kỳ các công trình xây dựng trên đường ống dẫn nước.

6.3. Sự cố phòng chống cháy nổ

Công ty đã tuân thủ đúng theo các quy định về PCCC, trang bị đầy đủ các trang thiết bị PCCC cần thiết theo yêu cầu của cơ quan địa phương như sau:

- Xây dựng nội dung PCCC;

- Trang thiết bị các bình chữa cháy cá nhân, xây dựng bể dự trữ nước chữa cháy, vòi chữa cháy.

- Tại ngay lối ra vào hoặc vị trí cầu thang có gắn sơ đồ lối thoát hiểm phòng khi có sự cố xảy ra cũng như việc gắn chuông báo cháy tại các khu vực lối lên cầu thang.

- Nền nhà xưởng được kẻ vạch và sơn phản quang nhằm khi có sự cố công nhân sẽ dễ dàng theo hướng dẫn.

- Định kỳ tổ chức huấn luyện PCCC tại nhà máy và kiểm tra các thiết bị PCCC thường xuyên, đảm bảo các thiết bị PCCC luôn trong tình trạng sẵn sàng.

- Nhiên liệu dễ cháy được dán nhãn cảnh báo và được để ở khu vực riêng biệt tránh nơi có hiện tượng thường xuyên có lửa;

- Bố trí máy móc, thiết bị khoa học, gọn gàng và đảm bảo khoảng cách an toàn phù hợp với cự ly chữa cháy và thuận tiện để dễ dàng thao tác khi có sự cố xảy ra.

- Hệ thống đường nội bộ trong khu vực nhà xưởng thông thoáng, đảm bảo cho xe cứu hỏa ra vào thuận tiện.

Ngoài ra, công ty cũng đề ra một số biện pháp để khắc phục sự cố cháy nổ sau:

- Các thiết bị điện, dây dẫn đều có tiết diện hợp lý với cường độ dòng, có thiết bị bảo vệ quá tải, dây điện được bảo vệ kỹ;

- Thường xuyên kiểm tra hệ thống đường dây điện, hợp cầu dao;

- Huấn luyện thường xuyên cho cán bộ công nhân viên và đội phòng chống sự cố của cơ sở, duy trì khả năng giải quyết tại chỗ.

- Cán bộ công nhân viên không được hút thuốc, không mang bật lửa, diêm quẹt, các dụng cụ phát ra lửa trong khu vực có thể gây cháy. Tất cả các hoạt động sửa chữa, hàn cắt (nếu có) phải được giám sát nghiêm ngặt.

Quy trình phòng chống và ứng cứu sự cố cháy nổ:

- Huấn luyện thường xuyên cho nhân viên và đội phòng chống sự cố của cơ sở khả năng giải quyết tại chỗ.

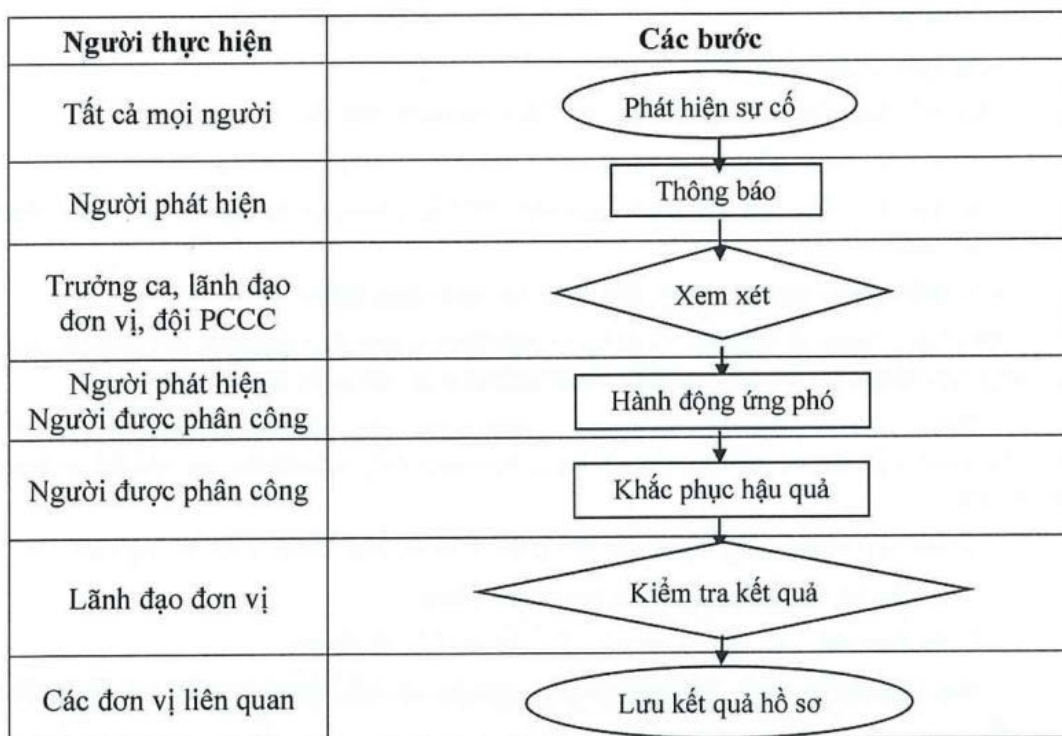
- Tại các khu vực chứa hóa chất dễ cháy, lắp đặt hệ thống báo cháy, hệ thống thông tin, báo động. Các phương tiện phòng cháy chữa cháy được kiểm tra thường xuyên và ở trong tình trạng sẵn sàng.

- Các loại nhiên liệu dễ cháy được lưu trữ trong các kho cách ly riêng biệt, tránh xa các nguồn có khả năng phát lửa và tia lửa điện; giữ khoảng cách an toàn giữa các công trình.

- Ghi bảng nội quy cấm hút thuốc, không mang bật lửa, diêm quẹt, các dụng cụ phát ra lửa trong khu vực có thể gây cháy. Tất cả các hoạt động sửa chữa, hàn cắt phải được giám sát nghiêm ngặt.

- Tập huấn nhân viên làm việc tại cơ sở đối phó với các tình huống xảy ra sự cố.

Quy trình đề ra những biện pháp thống nhất để chuẩn bị ứng phó kịp thời đối với tình trạng khẩn cấp xảy ra, nhằm giảm thiểu tác động của chúng tới môi trường và sức khỏe con người. Quy trình ứng phó được đề xuất như sau:



Hình 3.11. Sơ đồ quy trình ứng phó sự cố cháy nổ

6.4. Sự cố tai nạn lao động

Biện pháp phòng ngừa

- Công ty sẽ thực hiện đầy đủ và nghiêm ngặt các quy định về an toàn lao động do Nhà nước Việt Nam và cơ quan chức năng tại địa phương quy định.

- Nâng cao ý thức của công nhân viên nhà máy về an toàn lao động để phòng chống tai nạn lao động đến mức thấp nhất.

- Lập nội quy an toàn lao động, phổ biến đến tất cả các nhân viên, công nhân trong công ty.

- Tập huấn nội quy an toàn cho toàn bộ cán bộ, công nhân viên theo định kì, mở lớp tập huấn cho công nhân mới vào.
- Cán bộ, công nhân viên phải tuân thủ đầy đủ các nội quy an toàn lao động.
- Trang bị các biển báo đặt tại các khu vực nguy hiểm, các biển báo này phải rõ ràng, có khả năng gây chú ý cao nhất.
- Đảm bảo chiếu sáng cho những khu vực làm việc, đảm bảo các điều kiện vi khí hậu theo QCVN 26:2016/BYT, tránh tình trạng công nhân làm việc quá sức.
- Trang bị phòng y tế tại công ty nhằm xử lý nhanh chóng và kịp thời các thương tổn nhẹ. Tại khu vực lò hơi và lò gia nhiệt, bố trí tủ thuốc đảm bảo thường xuyên có thuốc chống bỏng nhằm xử lý sơ bộ kịp thời khi có sự cố gây bỏng xảy ra.
- Định kì cho công nhân kiểm tra sức khỏe, trường hợp nào không đủ sức khỏe để làm việc cần có hướng xử lý kịp thời, tránh xảy ra tai nạn.
- Trang bị bảo hộ lao động như đồng phục, nút tai chống ồn, khẩu trang,... cho các công nhân làm việc trực tiếp tại các bộ phận sản xuất.
- Trang bị các dụng cụ, thiết bị y tế cần thiết cho việc sơ cấp cứu khi có sự cố về an toàn lao động xảy ra.

Ứng phó tai nạn lao động

- Cách ly khu vực xảy ra tai nạn, lắp đặt biển cảnh báo khu vực nguy hiểm.
- Nhanh chóng di chuyển công nhân bị nạn ra khỏi khu vực nguy hiểm.
- Sơ cứu tại chỗ người bị nạn trước khi đội cấp cứu chuyên nghiệp đến hoặc đưa đến nơi cấp cứu.

6.5. Biện pháp phòng ngừa, ứng phó tai nạn giao thông

Để phòng ngừa và hạn chế sự cố liên quan đến tai nạn giao thông có thể xảy ra trong quá trình vận hành của Cơ sở, các biện pháp phòng ngừa được đề ra như sau:

- Thống nhất với các đơn vị cung cấp nguyên vật liệu giao hàng tránh vào giờ cao điểm, tuyên truyền các tài xế vận chuyển hàng hóa của công ty tuân thủ các qui tắc an toàn giao thông;
- Tránh tình trạng công nhân tập trung trước cổng gây ùn tắc giao thông khu vực.
- Vận chuyển hàng hóa đúng tải trọng cho phép.
- Luôn tuân thủ các luật lệ an toàn giao thông khi đi đường.
- Sắp xếp các khu vực chứa hàng hóa, nguyên vật liệu hợp lý, không để lấn chiếm lối đi lại.
- Thường xuyên tổ chức các lớp học, các hoạt động về an toàn giao thông cho toàn bộ cán bộ công nhân viên của nhà máy.

7. Công trình, biện pháp bảo vệ môi trường khác

❖ Biện pháp giảm thiểu nhiệt thừa

Để hạn chế ảnh hưởng của lượng nhiệt này và cũng để đảm bảo môi trường vi khí hậu tốt cho công nhân trong xưởng sản xuất. Công ty sẽ tiếp tục áp dụng một số biện pháp sau:

- Công ty sẽ trang bị hệ thống điều hòa không khí, hệ thống điều hòa nhiệt độ khu vực văn phòng. Thông gió tại các khu có phát sinh nhiệt nhằm đảm bảo môi trường làm

việc mát mẻ cho công nhân.

- Trang bị đầy đủ bảo hộ lao động cho người lao động trong khu vực xưởng sản xuất như giày bảo hộ, áo, găng tay, khẩu trang, nón, bịt tai chống ồn và chống nóng....

- Thiết kế mái xếp chồng thoát nhiệt.

8. Các nội dung thay đổi so với quyết định phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường

Cơ sở “Cải tạo nhà máy sản xuất đồ lót cao cấp, công suất từ 1.544.098 sản phẩm/năm lên 2.750.000 sản phẩm/năm” tại địa chỉ 183/2A, khu C, khu phố Đông An, phường Tân Đông Hiệp, thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương đã được Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bình Dương phê duyệt ĐTM theo Quyết định số 1336/QĐ-STNMT ngày 6/11/2017. Đến nay cơ sở đã hoàn thành xây dựng các hạng mục công trình và đi vào hoạt động chính thức. Cơ sở không có thay đổi so với ĐTM theo Quyết định số 1336/QĐ-STNMT ngày 6/11/2017.

CHƯƠNG IV. NỘI DUNG ĐỀ NGHỊ CẤP, CẤP LẠI GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG

1. Nội dung đề nghị cấp phép đối với nước thải

Do nhu cầu đơn hàng của Công ty vào năm 2025 ít, nên tình hình sản xuất của nhà máy giảm, cơ sở chỉ hoạt động tại xưởng 1, ngưng hoạt động tại xưởng 2. Vì vậy, để đảm bảo về mặt kinh tế cho Công ty, Chủ cơ sở đã dừng hoạt động HTXLNT công suất 20 m³/ngày.đêm từ ngày 25/01/2025. Khi nhu cầu đơn hàng tăng, tình hình sản xuất của nhà máy tăng cần hoạt động tại xưởng 2 và có nhu cầu hoạt động lại HTXLNT công suất 20 m³/ngày.đêm thì Chủ cơ sở sẽ thực hiện xin cấp lại Giấy phép môi trường trước khi thực hiện hoạt động tại xưởng 2 cũng như hoạt động lại HTXLNT công suất 20 m³/ngày.đêm. Do đó, nội dung báo cáo Giấy phép môi trường này chỉ thực hiện xin cấp phép về nước thải đối với HTXLNT công suất 50 m³/ngày.đêm.

- Nguồn phát sinh nước thải:

+ Nguồn số 01: Nước thải sinh hoạt từ nhà vệ sinh xưởng 1 và văn phòng.

+ Nguồn số 02: Nước thải sinh hoạt từ lavabo, nước thải sinh hoạt khác từ nhà xưởng 1 và văn phòng.

+ Nguồn số 03: Nước thải từ nhà bếp nhà ăn chuyên gia;

+ Nguồn số 04: Nước thải từ vệ sinh xả cặn tháp giải nhiệt.

- Lưu lượng xả nước thải tối đa: 50 m³/ngày.đêm (theo công suất thiết kế của hệ thống xử lý nước thải công suất 50 m³/ngày.đêm), tương đương với 2,08 m³/giờ.

- Dòng nước thải: Chủ cơ sở đề nghị cấp phép cho 01 dòng nước thải gồm 04 nguồn thải là nước thải sinh hoạt từ nhà vệ sinh xưởng 1 và văn phòng; từ lavabo, nước thải sinh hoạt khác xưởng 1 và văn phòng; nước thải từ nhà ăn chuyên gia; nước thải từ vệ sinh xả cặn tháp giải nhiệt; được xử lý đạt QCVN 14:2008/BTMNT, cột A, K=1 – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải sinh hoạt trước khi đầu nối vào cống thoát nước chung của khu vực trên đường N2, sau đó ra chảy là Suối Siệp.

- Chất lượng nước thải trước khi xả vào nguồn nước tiếp nhận phải đảm bảo đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và Quy chuẩn kỹ thuật môi trường đối với nước thải, cụ thể như sau: các chất ô nhiễm và giới hạn nồng độ chất ô nhiễm trong nước thải không vượt quá Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp QCVN 14:2008/BTMNT, cột A, K=1.

Bảng 4. 1. Các chất ô nhiễm và giá trị giới hạn của các chất ô nhiễm trong dòng nước thải

Stt	Chất ô nhiễm	Đơn vị tính	Giá trị giới hạn cho phép	Tần suất quan trắc định kỳ	Quan trắc tự động, liên tục
			QCVN 14:2008/BTMNT, cột A, K=1		
1	pH	-	5-9	Không thuộc đối tượng phải quan trắc định kì (theo quy định tại khoản 2, khoản 3 Điều 97 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP)	Không thuộc đối tượng phải quan trắc nước thải tự động, liên tục (theo quy định tại khoản 2, khoản 3 Điều 97 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP)
2	BOD ₅	mg/l	30		
3	TSS	mg/l	50		
4	TDS	mg/l	500		
5	Nitrat	mg/l	30		
6	Phosphat	mg/l	6		
7	Amoni	mg/l	5		
8	Sunfua	mg/l	1		
9	Chất hoạt động bề mặt	mg/l	5		

Stt	Chất ô nhiễm	Đơn vị tính	Giá trị giới hạn cho phép	Tần suất quan trắc định kỳ	Quan trắc tự động, liên tục
			QCVN 14:2008/BTMNT, cột A, K=1		
10	Dầu mỡ động thực vật	mg/l	10	08/2022/NĐ-CP)	08/2022/NĐ-CP)
11	Tổng Coliforms	MPN/100ml	3.000		

- Vị trí, phương thức xả nước thải và nguồn tiếp nhận nước thải:

+ Vị trí xả nước thải: Tại địa chỉ 183/2A, khu C, khu phố Đông An, phường Tân Đông Hiệp, thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương.

+ Vị trí đầu nổi xả thải: cống thoát nước chung của khu vực trên đường N2 thuộc khu dân cư Đông An và ra nguồn tiếp nhận là Suối Siệp.

+ Tọa độ vị trí xả nước thải (theo VN 2000, múi chiều 3°, kinh tuyến trực 105°45'): X=1.207.881; Y=696.590.

+ Phương thức xả thải: Toàn bộ nước thải sinh hoạt sau xử lý đạt QCVN 14:2008/BTMNT, cột A, K=1 được dẫn về hồ ga đầu nổi bằng hệ thống cống kín uPVC Ø90 mm trước khi xả vào cống thoát nước chung của khu vực khu dân cư Đông An và ra nguồn tiếp nhận là Suối Siệp.

+ Chế độ xả nước thải: xả liên tục (24/24 giờ).

+ Nguồn tiếp nhận nước thải: Nước thải sau xử lý đạt QCVN 14:2008/BTMNT, cột A, K=1 xả vào cống thoát nước chung của khu vực trên đường N2 thuộc khu dân cư Đông An và ra nguồn tiếp nhận là Suối Siệp.

2. Nội dung đề nghị cấp phép đối với khí thải

Không đề nghị cấp phép.

3. Nội dung đề nghị cấp phép đối với tiếng ồn, độ rung

- Nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung:

+ Nguồn số 01: Tiếng ồn, độ rung từ máy bơm của hệ thống xử lý nước thải;

+ Nguồn số 02: Tiếng ồn, độ rung từ máy móc thiết bị phục vụ cho sản xuất;

+ Nguồn số 03: Tiếng ồn, độ rung từ phương tiện vận chuyển khi ra vào cơ sở.

- Giá trị giới hạn đối với tiếng ồn, độ rung: Tiếng ồn, độ rung phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và Quy chuẩn kỹ thuật môi trường đối với tiếng ồn, độ rung (QCVN 26:2010/BTNMT Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn và QCVN 27: 2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung), cụ thể như sau:

+ Tiếng ồn:

Stt	Từ 6 giờ đến 21 giờ (dBA)	Từ 21 giờ đến 6 giờ (dBA)	Tần suất quan trắc định kỳ	Ghi chú
1	70	55	-	Khu vực thông thường

+ Độ rung:

Stt	Thời gian áp dụng trong ngày và mức gia tốc rung cho phép (dB)	Tần suất quan trắc định kỳ	Ghi chú
-----	--	----------------------------	---------

	Từ 6 giờ đến 21 giờ	Từ 21 giờ đến 6 giờ		
1	70	60	-	Khu vực thông thường

4. Nội dung đề nghị cấp phép đối chất thải nguy hại

Khối lượng, chủng loại chất thải nguy hại phát sinh thường xuyên:

STT	Tên chất thải	Mã CTNH	Trạng thái	Khối lượng (Kg/năm)
1	Bóng đèn huỳnh quang và các loại thủy tinh hoạt tính thải	16 01 06	Rắn	78
2	Dầu động cơ, hộp số và bôi trơn tổng hợp thải	17 02 03	Lỏng	320
3	Chất hấp thụ, vật liệu lọc (bao gồm cả vật liệu lọc dầu chưa nêu tại các mã khác), giẻ lau, vải bảo vệ thải bị nhiễm các thành phần nguy hại	18 02 01	Rắn	420
4	Bao bì nhựa cứng (đã chứa chất khi thải ra là CTNH) thải. (Thùng đựng dầu nhớt thải)	18 01 03	Rắn	66
5	Pin, ắc quy chì thải	19 06 01	Rắn	20
6	Hộp mực in thải có chứa các thành phần nguy hại	08 02 04	Rắn	20
Tổng khối lượng				924

5. Nội dung đề nghị cấp phép đối với chất thải rắn công nghiệp thông thường

Khối lượng, chủng loại chất thải rắn công nghiệp thông thường phát sinh:

Stt	Nhóm CTRCNTT	Khối lượng	
		Kg/năm	Kg/tháng
1	Giấy carton	533,33	6.400
2	Bao bì nylon	104,17	1.250
3	Vải vụn, chỉ vụn	800	9.600
4	Dụng cụ bảo hộ lao động thải bỏ....	75	900
5	Dầu mỡ thải	5,33	64
Tổng khối lượng		1.517,83	18.214

6. Nội dung đề nghị cấp phép đối với chất thải rắn sinh hoạt

Khối lượng chất thải rắn sinh hoạt phát sinh: 350 kg/ngày, tương đương 9.100 kg/tháng = 9,1 tấn/tháng.

Stt	Nhóm CTRSH	Khối lượng (tấn/tháng)
1	Thức ăn thừa, vỏ trái cây	9,1
2	Giấy vệ sinh	
3	Vỏ lon thải, chai nhựa	
4	Bao nylon	
Tổng cộng		9,1

7. Thời gian xin cấp phép môi trường

Thời gian đề nghị cấp giấy phép môi trường cho cơ sở là: 10 năm.

CHƯƠNG V. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG VÀ TÌNH HÌNH THỰC HIỆN CÔNG TÁC BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG CỦA CƠ SỞ

1. Thông tin chung về tình hình thực hiện công tác bảo vệ môi trường:

1.1. Tình hình tổ chức thực hiện các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường, yêu cầu của cơ quan có thẩm quyền mà chủ cơ sở phải thực hiện

Trong năm 2024, tình hình tổ chức thực hiện các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường, yêu cầu của cơ quan có thẩm quyền mà chủ cơ sở phải thực hiện như sau:

- Ngày 13/03/2024 của Chi cục Bảo vệ môi trường có công văn số 552/CCBVMT-QLCT về việc ý kiến đối với hồ sơ Báo cáo công tác bảo vệ môi trường năm 2023 của Công ty TNHH Vina Chang Tai.

Công ty TNHH Vina Chang Tai (Công ty) có địa chỉ số 183/2A, Khu C, Khu phố Đông An, Phường Tân Đông Hiệp, Thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương xin được giải trình hồ sơ Báo cáo công tác bảo vệ môi trường năm 2023 Công ty đã nộp đến Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bình Dương tiếp nhận ngày 12/01/2024, cụ thể như sau:

Theo ý kiến của Chi cục Bảo vệ môi trường tỉnh Bình Dương đối với hồ sơ Báo cáo công tác bảo vệ môi trường năm 2023 tại mục số 1 của công văn số 552/CCBVMT-QLCT ngày 13/03/2024 có ý kiến ***“đối với chất thải rắn công nghiệp thông thường và chất thải rắn sinh hoạt, báo cáo chưa làm rõ đơn vị xử lý hoặc tái chế của các loại chất thải trên”***.

- Công văn số 1375/CCBVMT-QLCT ngày 02/04/2024 của Chi cục Bảo vệ môi trường về việc ý kiến đối với việc thu gom, vận chuyển và xử lý CTRCNTT của Công ty TNHH Vina Chang Tai.

Chi cục Bảo vệ môi trường tỉnh Bình Dương đối với việc thu gom, vận chuyển và xử lý CTRCNTT tại công văn số 1375/CCBVMT-QLCT ngày 02/04/2024 có ý kiến ***“qua xem xét cho thấy việc chuyển giao chất thải của Công ty chưa đảm bảo đúng quy định tại Điều 58 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP của Chính phủ (đối với CTRSH) và Khoản 1 Điều 82 Luật Bảo vệ môi trường năm 2020 (đối với CTRCNTT)”***.

- Công văn số 2133/CCBVMT-QLCT ngày 22/04/2024 của Chi cục Bảo vệ môi trường về việc ý kiến đối với việc thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải rắn công nghiệp thông thường.

- Ngày 24/07/2024, Chi cục Bảo vệ môi trường tổ chức buổi họp trực tiếp hướng dẫn Công ty thực hiện đúng theo quy định.

- Biên bản làm việc về việc ý kiến đối với việc thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải rắn lúc 09h30 ngày 24/04/2024 tại Chi cục Bảo vệ môi trường.

1.2. Các vấn đề liên quan đến môi trường của chủ cơ sở đã gửi cơ quan có thẩm quyền

Trong năm 2024, các vấn đề liên quan đến môi trường của chủ cơ sở đã gửi cơ quan có thẩm quyền:

- Căn cứ Công văn số 552/CCBVMT-QLCT ngày 13/03/2024 của Chi cục Bảo vệ môi trường về việc ý kiến đối với hồ sơ Báo cáo công tác bảo vệ môi trường năm 2023, Công ty TNHH Vina Chang Tai đã thực hiện rà soát báo cáo và có ý kiến giải trình, bổ sung, làm rõ tại Công văn số 03/CV-MT ngày 19/03/2024 gửi Chi cục Bảo vệ môi trường.

- Căn cứ Công văn số 1375/CCBVMT-QLCT ngày 02/04/2024 của Chi cục Bảo vệ môi trường về việc ý kiến đối với việc thu gom, vận chuyển và xử lý CTRCNTT của Công ty TNHH Vina Chang Tai. Công ty TNHH Vina Chang Tai đã thực hiện rà soát báo cáo và

có ý kiến giải trình, bổ sung, làm rõ tại Công văn số 04/CV-MT ngày 11/04/2024 gửi Chi cục Bảo vệ môi trường.

2. Kết quả hoạt động của công trình xử lý nước thải

2.1. Quan trắc định kỳ nước thải

2.1.1. Quan trắc định kỳ nước thải sinh hoạt

- Thời gian quan trắc: Công ty đã thực hiện quan trắc nước thải sau xử lý của HTXLNT công suất 50 m³/ngày.đêm vào ngày 02/04/2024; 20/06/2024; 13/09/2024 và 24/12/2024.

- Tần suất quan trắc: 3 tháng/lần theo báo cáo đánh giá tác động môi trường được phê duyệt.

- Vị trí các điểm quan trắc: Điểm quan trắc tại vị trí đầu ra của HTXLNT công suất 50 m³/ngày.đêm (nước thải sau xử lý)

- Tổng số lượng mẫu thực hiện quan trắc: 1 mẫu/đợt.

- Quy chuẩn kỹ thuật áp dụng QCVN: QCVN 40:2011/BTNMT, Cột A, (Kq=0,9, Kf=1,2).

- Đơn vị thực hiện quan trắc:

+ Trung Tâm Công Nghệ Môi Trường COSHET, số Vimcerts: 026.

+ Công ty TNHH Môi Trường Dương Huỳnh.

- Vị trí quan trắc, số lượng mẫu quan trắc vượt quy chuẩn: Không có

- Vị trí quan trắc, số lượng mẫu quan trắc năm 2024:

Bảng 5. 1. Thống kê vị trí điểm quan trắc và kết quả quan trắc nước thải năm 2024

TT	Tên điểm quan trắc	Ký hiệu điểm quan trắc	Thời gian quan trắc	Vị trí lấy mẫu kinh độ (Y)	Vĩ độ (X)	Chỉ tiêu quan trắc vượt QCVN	Kết quả quan trắc	Giá trị QCVN
1	Điểm quan trắc sau HTXLN T công suất 50 m ³ / ngày.đề m	355- 03/24- 3.5NT.	02/04/202 4	1.207.22 5	613.048	-	pH	6,14
						-	TSS	31
						-	COD	54
						-	BOD ₅	26
						-	NH ₄ ⁺ N	1,20
						-	Tổng N	4,80
						-	Tổng P	1,22
						-	Pb	KPH
						-	Cd	KPH
						-	Hg	KPH
						-	As	KPH
						-	Tổng dầu mỡ khoáng	KPH
						-	Coliform	2.100
2	Điểm quan trắc sau HTXLN T công suất 50 m ³ / ngày.đề m	670- 06/24- 3.2NT1.	20/06/202 4	1.207.22 3	613.038	-	pH	7,82
						-	TSS	42
						-	COD	38
						-	BOD ₅	20
						-	NH ₄ ⁺ N	1,40
						-	Tổng N	4,20
						-	Tổng P	0,14
						-	Pb	KPH
						-	Cd	KPH
						-	Hg	KPH
						-	As	KPH
						-	Tổng dầu mỡ khoáng	KPH
						-		10,8

3	Điểm quan trắc sau HTXLN T công suất 50 m ³ / ngày.đề m	NT.09454	13/09/2022 4	1.207.22 5	613.048	-	Coliform	2.600	3.000
						-	pH	7,16	6 – 9
						-	TSS	34	54
						-	COD	58	81
						-	BOD ₅	16	32,4
						-	NH ₄ ⁺ N	3,39	5,4
						-	Tổng N	<6,67	21,6
						-	Tổng P	3,43	4,32
						-	Pb	KPH	0,108
						-	Cd	KPH	0,054
						-	Hg	KPH	0,0054
						-	As	KPH	0,054
						-	Tổng dầu mỡ khoáng	KPH	5,4
4	Điểm quan trắc sau HTXLN T công suất 50 m ³ / ngày.đề m		24/12/2022 4	1.207.22 5	613.048	-	Coliform	2.200	3.000
						-	pH	6,78	6 – 9
						-	TSS	26	54
						-	COD	63	81
						-	BOD ₅	28	32,4
						-	NH ₄ ⁺ N	2,14	5,4
						-	Tổng N	18,4	21,6
						-	Tổng P	1,85	4,32
						-	Pb	<0,00 5	0,108
						-	Cd	KPH	0,054
						-	Hg	KPH	0,0054
						-	As	KPH	0,054
						-	Tổng dầu mỡ khoáng	<1	10,8
						-	Coliform	1.700	3.000

(Đơn vị phân tích: Trung tâm công nghệ môi trường COSHET và Công ty TNHH Môi Trường Dương Huỳnh, năm 2024)

Nhân xét: Đối chiếu kết quả quan trắc nước thải của HTXLNT công suất 50 m³/ngày.đêm (bảng 1.1) qua 4 đợt quan trắc trong năm 2024 với QCVN 40:2011/BTNMT cột A, K_q=0,9, K_f=1,2 cho thấy chất lượng nước thải sau xử lý có các thông số ô nhiễm đều nằm trong quy chuẩn cho phép. Từ kết quả quan trắc trên thấy rằng HTXLNT dự án đang vận hành ổn định đảm bảo nước thải sau xử lý đạt quy chuẩn cho phép trước khi thoát ra ngoài hệ thống thoát nước chung của khu vực và chảy ra nguồn tiếp nhận nước thải là suối Siệp.

2.1.2. Quan trắc định kỳ nước thải công nghiệp

Do lĩnh vực hoạt động của cơ sở là may mặc, không phát sinh nước thải công nghiệp. Vì vậy, Công ty không thực hiện quan trắc nước thải công nghiệp định kỳ.

2.2. Quan trắc nước thải liên tục tự động

Dự án không thuộc đối tượng phải thực hiện quan trắc nước thải liên tục, tự động theo quy định.

2.3. Quan trắc định kỳ nguồn nước mặt

Dự án không thuộc đối tượng phải thực hiện quan trắc nước mặt định kỳ. Tuy nhiên do nước thải sau xử lý của dự án thải ra nguồn tiếp nhận là suối Siệp, Công ty đề xuất thực hiện quan trắc định kỳ nguồn nước mặt suối Siệp.

- Thời gian quan trắc: Công ty đã thực hiện quan trắc nguồn nước mặt của suối Siệp vào ngày 02/04/2024; 20/06/2024; 13/09/2024 và 24/12/2024.

- Tần suất thực hiện quan trắc định kỳ: 3 tháng/lần

- Vị trí các điểm quan trắc: Điểm quan trắc tại vị trí trên suối Siệp cách vị trí xả thải 30m về phía hạ nguồn.

- Tổng số lượng mẫu thực hiện quan trắc: 1 mẫu/đợt.

- Quy chuẩn kỹ thuật áp dụng QCVN:

+ Áp dụng QCVN 08:2023/BTNMT (mức B- Bảng 2).

- Đơn vị thực hiện quan trắc:

+ Trung Tâm Công Nghệ Môi Trường COSHET số Vimcerts: 026.

+ Công ty TNHH Môi Trường Dương Huỳnh

- Vị trí quan trắc, số lượng mẫu quan trắc vượt quy chuẩn: Không có

- Vị trí quan trắc, số lượng mẫu quan trắc năm 2024:

Bảng 5. 2. Thống kê vị trí điểm quan trắc và kết quả quan trắc nước mặt năm 2024

TT	Tên điểm quan trắc	Ký hiệu điểm quan trắc	Thời gian quan trắc	Vị trí lấy mẫu kinh độ (Y)	Vĩ độ (X)	Chỉ tiêu quan trắc vượt QCVN	Kết quả quan trắc	Giá trị QCVN 08:2023/BTNMT (Mức B – Bảng 2)
1	Điểm quan trắc trên suối Siệp cách vị trí xả thải 30m về phía hạ nguồn	355-03/24-3.5NM.	02/04/2024	1.207.881	696.590	-	pH	6,74
						-	TSS	24
						-	COD	11
						-	BOD ₅	5
						-	NH ₄ ⁺ N	0,20
						-	N-NO ₂ ⁻	KPH
						-	N-NO ₃ ⁻	1,93
						-	P-PO ₄ ³⁻	0,054
						-	Tổng dầu mỡ	KPH
						-	Coliform	4.800
2	Điểm quan trắc trên suối Siệp cách vị trí xả thải 30m về phía hạ nguồn	670-06/24-3.2NM.	20/06/2024	1.207.881	696.590	-	pH	6,51
						-	TSS	38
						-	COD	13
						-	BOD ₅	6
						-	NH ₄ ⁺ N	0,28
						-	N-NO ₂ ⁻	KPH
						-	N-NO ₃ ⁻	0,94
						-	P-PO ₄ ³⁻	0,078
						-	Tổng dầu mỡ	KPH
						-	Coliform	4.300
3	Điểm quan trắc trên suối Siệp cách vị trí xả thải 30m về phía hạ nguồn	NM.09119	25/09/2024	1.207.881	696.590	-	pH	7,04
						-	TSS	75
						-	COD	12
						-	BOD ₅	5
						-	NH ₄ ⁺ N	0,148
						-	N-NO ₂ ⁻	<0,016
						-	N-NO ₃ ⁻	0,676
						-	P-PO ₄ ³⁻	<0,067
						-		
						-		

					-	Tổng dầu mỡ Coliform	KPH 4,6x10 ²	5,0 ≤5.000
					-	pH	7,12	6,0 – 8,5
					-	TSS	76	≤100
					-	COD	13	≤15
					-	BOD ₅	5	≤6
					-	NH ₄ ⁺ N	0,154	0,3
					-	N-NO ₂ ⁻	0,018	0,05
					-	N-NO ₃ ⁻	0,682	-
					-	P-PO ₄ ³⁻	<0,067	-
					-	Tổng dầu mỡ Coliform	KPH 3.300	5,0 ≤5.000
4	Điểm quan trắc trên suối Siệp cách vị trí xả thải 30m về phía hạ nguồn	25.01.12	24/12/2024	1.207.881	696.590			

(Đơn vị phân tích: Trung tâm công nghệ môi trường COSHET và Công ty TNHH Môi Trường Dương Huỳnh, năm 2024)

Nhận xét: Đối chiếu kết quả quan trắc chất lượng nước mặt với QCVN 08:2023/BTNMT (Mức B – Bảng 2) cho thấy các thông số ô nhiễm của nước mặt trên suối Siệp đều nằm trong giới hạn cho phép của QCVN 08:2023/BTNMT (Mức B – Bảng 2), nước dùng cho mục đích cấp nước sinh hoạt có qua hệ thống xử lý phù hợp và bảo tồn động thực vật thủy sinh. Nước thải sau xử lý tại cơ sở đạt QCVN 40:2011/BTNMT cột A, K_q=0,9, K_r=1,2 nên không ảnh hưởng nhiều đến chất lượng nước mặt tại suối Siệp.

3. Kết quả hoạt động của công trình xử lý bụi, khí thải

3.1. Quan trắc định kỳ khí thải

Cơ sở không thuộc đối tượng phải thực hiện quan trắc khí thải định kỳ

3.2. Quan trắc tiếng ồn, vi khí hậu và không khí xung quanh định kỳ

Cơ sở không thuộc đối tượng phải thực hiện quan trắc khí thải định kỳ. Tuy nhiên, để đảm bảo chất lượng không khí tại nhà xưởng sản xuất, Chủ cơ sở đã đề xuất thực hiện quan trắc tiếng ồn, vi khí hậu và không khí xung quanh định kỳ khu vực nhà xưởng.

- Vị trí quan trắc:
 - + Khu vực xưởng cắt của nhà xưởng 2;
 - + Khu vực xưởng may của nhà xưởng.
- Tần suất quan trắc: 06 tháng/lần
- Đơn vị thực hiện quan trắc:
 - + Trung Tâm Công Nghệ Môi Trường COSHET, số Vimcerts: 026.
 - + Công ty TNHH Môi Trường Dương Huỳnh
- Thời gian quan trắc: ngày 20/06/2024 và ngày 23/12/2024
- Tổng số lượng mẫu thực hiện quan trắc: 2 mẫu/đợt
- Quy chuẩn kỹ thuật áp dụng: QCVN 26:2016/BYT, QCVN 02:2019/BYT, QCVN 03:2019/BYT, QCVN 24:2016/BYT, QCVN 22:2016/BYT.

Bảng 5. 3. Kết quả quan trắc vi khí hậu và không khí xung quanh năm 2024

Stt	Tên điểm quan trắc	Ký hiệu điểm quan trắc	Thời gian quan trắc	Vị trí lấy mẫu kinh độ (Y)	Vĩ độ (X)	Chỉ tiêu quan trắc vượt QCVN	Kết quả quan trắc	Giá trị QCVN
I	Khu vực 1					-	Bụi	0,65
						-	CO	3,06
						-	SO ₂	0,061
						-	NO ₂	0,053
						-	Cường độ ồn	64
						-	Nhiệt độ	26,5
						-	Độ ẩm	64,7
						-	Ánh sáng	635
						-	Bụi	0,044
						-	CO	4,71
						-	SO ₂	KPH
						-	NO ₂	0,008
						-	Cường độ ồn	60
						-	Nhiệt độ	29,7
						-	Độ ẩm	72,3
						-	Ánh sáng	510
						-	Bụi	0,73
						-	CO	2,86
						-	SO ₂	0,079
						-	NO ₂	0,067
						-	Cường độ ồn	68
						-	Nhiệt độ	28,0
						-	Bụi	0,73
						-	CO	2,86
						-	SO ₂	0,079
						-	NO ₂	0,067
						-	Cường độ ồn	68
						-	Nhiệt độ	28,0
						-	Bụi	0,73
						-	CO	2,86
						-	SO ₂	0,079
						-	NO ₂	0,067
						-	Cường độ ồn	68
						-	Nhiệt độ	28,0
						-	Bụi	0,73
						-	CO	2,86
						-	SO ₂	0,079
						-	NO ₂	0,067
						-	Cường độ ồn	68
						-	Nhiệt độ	28,0
						-	Bụi	0,73
						-	CO	2,86
						-	SO ₂	0,079
						-	NO ₂	0,067
						-	Cường độ ồn	68
						-	Nhiệt độ	28,0
						-	Bụi	0,73
						-	CO	2,86
						-	SO ₂	0,079
						-	NO ₂	0,067
						-	Cường độ ồn	68
						-	Nhiệt độ	28,0
						-	Bụi	0,73
						-	CO	2,86
						-	SO ₂	0,079
						-	NO ₂	0,067
						-	Cường độ ồn	68
						-	Nhiệt độ	28,0
						-	Bụi	0,73
						-	CO	2,86
						-	SO ₂	0,079
						-	NO ₂	0,067
						-	Cường độ ồn	68
						-	Nhiệt độ	28,0
						-	Bụi	0,73
						-	CO	2,86
						-	SO ₂	0,079
						-	NO ₂	0,067
						-	Cường độ ồn	68
						-	Nhiệt độ	28,0
						-	Bụi	0,73
						-	CO	2,86
						-	SO ₂	0,079
						-	NO ₂	0,067
						-	Cường độ ồn	68
						-	Nhiệt độ	28,0
						-	Bụi	0,73
						-	CO	2,86
						-	SO ₂	0,079
						-	NO ₂	0,067
						-	Cường độ ồn	68
						-	Nhiệt độ	28,0
						-	Bụi	0,73
						-	CO	2,86
						-	SO ₂	0,079
						-	NO ₂	0,067
						-	Cường độ ồn	68
						-	Nhiệt độ	28,0
						-	Bụi	0,73
						-	CO	2,86
						-	SO ₂	0,079
						-	NO ₂	0,067
						-	Cường độ ồn	68
						-	Nhiệt độ	28,0
						-	Bụi	0,73
						-	CO	2,86
						-	SO ₂	0,079
						-	NO ₂	0,067
						-	Cường độ ồn	68
						-	Nhiệt độ	28,0
						-	Bụi	0,73
						-	CO	2,86
						-	SO ₂	0,079
						-	NO ₂	0,067
						-	Cường độ ồn	68
						-	Nhiệt độ	28,0
						-	Bụi	0,73
						-	CO	2,86
						-	SO ₂	0,079
						-	NO ₂	0,067
						-	Cường độ ồn	68
						-	Nhiệt độ	28,0
						-	Bụi	0,73
						-	CO	2,86
						-	SO ₂	0,079
						-	NO ₂	0,067
						-	Cường độ ồn	68
						-	Nhiệt độ	28,0
						-	Bụi	0,73
						-	CO	2,86
						-	SO ₂	0,079
						-	NO ₂	0,067
						-	Cường độ ồn	68
						-	Nhiệt độ	28,0
						-	Bụi	0,73
						-	CO	2,86
						-	SO ₂	0,079
						-	NO ₂	0,067
						-	Cường độ ồn	68
						-	Nhiệt độ	28,0
						-	Bụi	0,73
						-	CO	2,86
						-	SO ₂	0,079
						-	NO ₂	0,067
						-	Cường độ ồn	68
						-	Nhiệt độ	28,0
						-	Bụi	0,73
						-	CO	2,86
						-	SO ₂	0,079
						-	NO ₂	0,067
						-	Cường độ ồn	68
						-	Nhiệt độ	28,0
						-	Bụi	0,73
						-	CO	2,86
						-	SO ₂	0,079
						-	NO ₂	0,067
						-	Cường độ ồn	68
						-	Nhiệt độ	28,0
						-	Bụi	0,73
						-	CO	2,86
						-	SO ₂	0,079
						-	NO ₂	0,067
						-	Cường độ ồn	68
						-	Nhiệt độ	28,0
						-	Bụi	0,73
						-	CO	2,86
						-	SO ₂	0,079
						-	NO ₂	0,067
						-	Cường độ ồn	68
						-	Nhiệt độ	28,0
						-	Bụi	0,73
						-	CO	2,86
						-	SO ₂	0,079
						-	NO ₂	0,067
						-	Cường độ ồn	68
						-	Nhiệt độ	28,0
						-	Bụi	0,73
						-	CO	2,86
						-	SO ₂	0,079
						-	NO ₂	0,067
						-	Cường độ ồn	68
						-	Nhiệt độ	28,0
						-	Bụi	0,73
						-	CO	2,86
						-	SO ₂	0,079
						-	NO ₂	0,067
						-	Cường độ ồn	68
						-	Nhiệt độ	28,0
						-	Bụi	0,73
						-	CO	2,86
						-	SO ₂	0,079
						-	NO ₂	0,067
						-	Cường độ ồn	68
						-	Nhiệt độ	28,0
						-	Bụi	0,73
						-	CO	2,86
						-	SO ₂	0,079
						-	NO ₂	0,067
						-	Cường độ ồn	68
						-	Nhiệt độ	28,0
						-	Bụi	0,73
						-	CO	2,86
						-	SO ₂	0,079
						-	NO ₂	0,067
						-	Cường độ ồn	68
						-	Nhiệt độ	28,0
						-	Bụi	0,73
						-	CO	2,86
						-	SO ₂	0,079
						-	NO ₂	0,067
						-	Cường độ ồn	68
						-	Nhiệt độ	28,0
						-	Bụi	0,73
						-	CO	2,86
						-	SO ₂	0,079
						-	NO ₂	0,067
						-	Cường độ ồn	68
						-	Nhiệt độ	28,0
						-	Bụi	0,73
						-	CO	2,86
						-	SO ₂	0,079
						-	NO ₂	0,067
						-	Cường độ ồn	68
						-	Nhiệt độ	28,0
						-	Bụi	0,73
						-	CO	2,86
						-	SO ₂	0,079
						-	NO ₂	0,067
						-	Cường độ ồn	68
						-	Nhiệt độ	28,0
						-	Bụi	0,73
						-	CO	2,86
						-	SO ₂	0,079
						-	NO ₂	0,067
						-	Cường độ ồn	68
						-	Nhiệt độ	28,0
						-	Bụi	0,73

Báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường

					-	Độ ẩm	65,2	40-80
					-	Ánh sáng	611	≥500
					-	Bụi	0,043	6,25
					-	CO	5,56	15,562
					-	SO ₂	KPH	3,90625
					-	NO ₂	0,008	3,90625
					-	Cường độ ồn	72	≤85
					-	Nhiệt độ	29,8	18-32
					-	Độ ẩm	70,5	40-80
					-	Ánh sáng	570	≥500
2	Khu vực xưởng may của nhà xưởng	823-24/KQPT	23/12/2024	1.207.178	612.998			

(Nguồn: Theo Báo cáo công tác bảo vệ môi trường năm 2024 của nhà máy và kết quả phân tích mẫu khí thải của nhà máy năm 202

Ghi chú:

- KPH: Không phát hiện;
- QCVN 19:2009/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ.

Nhận xét: Dựa vào kết quả quan trắc không khí khu vực nhà xưởng của 2 đợt năm 2024, tất cả các chỉ tiêu đều nằm trong giới hạn cho phép của QCVN 24:2016/BYT; QCVN 26:2016/BYT; QCVN 22:2016/BYT; QCVN 02:2019/BYT và QCVN 03:2019/BYT cho thấy chất lượng không khí khu vực nhà xưởng sản xuất đều nằm trong giới hạn cho phép theo quy định.

3.3. Quan trắc khí thải tự động, liên tục

Dự án không thuộc đối tượng phải thực hiện quan trắc khí thải tự động, liên tục.

4. Tình hình phát sinh, xử lý chất thải

4.1. Thống kê chất thải rắn sinh hoạt

- Nguồn phát sinh: Chất thải rắn sinh hoạt chủ yếu phát sinh từ hoạt động ăn uống, sinh hoạt của nhân viên tại dự án... Chất thải rắn hữu cơ: thức ăn thừa, vỏ trái cây, giấy vệ sinh... Chất thải rắn còn lại: vỏ lon thải, chai nhựa, bao nilon...

- Hình thức lưu trữ: Hằng ngày chất thải sinh hoạt sau khi được phân loại sẽ được nhân viên vệ sinh thu gom, tập kết vào thùng chứa 240 lít đưa về khu vực lưu chứa chất thải sinh hoạt của nhà máy. Trong từng khu vực đều có trang bị 2 loại thùng đựng chất thải rắn sinh hoạt có nắp đậy, có dán nhãn phân loại trên thân thùng. Các thùng chứa rác được đặt tại khu vực tập kết có mái che, không bị ảnh hưởng bởi nước mưa chảy tràn, không gây mùi khó chịu cho công nhân viên và những người sống xung quanh.

Bảng 5. 4. Bảng thống kê chất thải rắn sinh hoạt trong năm 2024

Stt	Nhóm CTRSH	Khối lượng – năm 2024 (tấn)	Tổ chức, cá nhân tiếp nhận CTRSH	Khối lượng năm gần nhất - năm 2023 (tấn)
1	Thức ăn thừa, vỏ trái cây	1,033	Công ty TNHH TM - XD Xử lý Môi trường Thanh Long	0,585
2	Giấy vệ sinh			
3	Vỏ lon thải, chai nhựa			
4	Bao nilon			
Tổng cộng		1,033		0,585

Tổng khối lượng chất thải rắn sinh hoạt trong năm 2024 là 1,033 tấn. Công ty không tự xử lý chất thải sinh hoạt tại cơ sở mà đã thực hiện ký hợp đồng với Công ty TNHH MTV Môi trường Thành Tài Phát để thu gom, vận chuyển chất thải rắn sinh hoạt thông thường theo hợp đồng số 09/24SH ngày 02/01/2024 và hợp đồng với Công ty TNHH TM - XD Xử lý Môi trường Thanh Long để thu gom, vận chuyển chất thải rắn sinh hoạt và công nghiệp thông thường theo hợp đồng ngày 01/07/2024 để thu gom, vận chuyển rác thải sinh hoạt với tần suất 1 lần/tuần.

4.2 . Thống kê chất thải rắn công nghiệp thông thường

- Nguồn phát sinh: Chất thải rắn công nghiệp chủ yếu là giấy carton, bao bì nilon, vải vụn, chỉ vụn, dụng cụ bảo hộ lao động thải bỏ....

- Hình thức lưu trữ: Chất thải rắn công nghiệp được phân loại, thu gom vào các bao chứa. Tất cả chất thải công nghiệp sau khi phân loại sẽ được thu gom và vận chuyển vào khu vực lưu trữ chất thải công nghiệp thông thường của nhà máy. Tại khu vực lưu trữ chất thải công nghiệp thông thường có diện tích rộng, có mái che, không bị ảnh hưởng bởi nước mưa chảy tràn.

Bảng 5.5. Bảng thống kê chất thải rắn công nghiệp thông thường trong năm 2024

Stt	Nhóm CTRCNTT	Khối lượng – năm 2024 (kg)	Tổ chức, cá nhân tiếp nhận CTRCNTT	Khối lượng năm gần nhất - năm 2023 (kg)
1	Giấy carton	2.822	Công ty TNHH TM-XD Xử lý môi trường Thanh Long	2.379
2	Bao bì nilon			
3	Vải vụn, chỉ vụn			
4	Dụng cụ bảo hộ lao động thải bỏ....			

Tổng khối lượng	2.822		2.379
------------------------	--------------	--	--------------

Tổng khối lượng chất thải rắn công nghiệp thông thường trong năm 2024 là 2.822 tấn. Công ty đã thực hiện ký hợp đồng với Công ty TNHH MTV Môi Trường Thành Tài Phát để thu gom, vận chuyển chất thải rắn công nghiệp thông thường theo hợp đồng số 08/24CN ngày 01/08/2023 (Hợp đồng có hiệu lực đến ngày 31/07/2024) và hợp đồng với Công ty TNHH TM-XD Xử lý môi trường Thanh Long để thu gom, vận chuyển chất thải rắn sinh hoạt và công nghiệp thông thường theo hợp đồng số ngày 01/07/2024 (Hợp đồng có hiệu lực đến ngày 01/07/2025) để thu gom, vận chuyển rác thải rắn công nghiệp thông thường với tần suất 1 lần/tuần.

4.3. Thống kê chất thải rắn nguy hại

- Nguồn phát sinh: Chất thải nguy hại phát sinh từ dự án bao gồm: bóng đèn huỳnh quang thải; giẻ lau dính nhàu nhớt thải; can thùng dầu nhớt thải; dầu nhớt thải.

- Công ty thực hiện phân loại CTNH ngay tại nguồn.

- Hình thức lưu trữ: Chất thải nguy hại giai đoạn hiện hữu được tập kết tại nhà chứa CTNH rộng 15m², với tường cao 2,5m, mái lợp tôn, được chia làm 3 ngăn. Bên trong nhà chứa CTNH đặt các thùng kín có biển dấu hiệu cảnh báo, dán nhãn phân loại mã CTNH theo quy định.

Bảng 5.6. Bảng thống kê chất thải nguy hại trong năm 2024

Tên chất thải	Mã CTNH	Khối lượng - năm 2024 (kg)	Phương pháp xử lý	Tổ chức, cá nhân tiếp nhận CTNH	Khối lượng năm gần nhất - năm 2023 (kg)
Bóng đèn huỳnh quang và các loại thủy tinh hoạt tính thải	16 01 06	41	PH-HR-CL	Công ty Cổ phần Nước-Môi trường Bình Dương – Chi nhánh xử lý chất thải (Mã QLCTNH: 1-2-3-4-5-6. 028.VX)	125
Dầu nhớt thải	17 02 04	10	PT-TĐ		23
Giẻ lau	18 02 01	0	TĐ		0
Thùng đựng dầu nhớt thải	18 01 01	09	TC		12
Tổng khối lượng		60			163

- **Phương pháp xử lý:** TC (Tận thu/tái chế); TH (Trung hoà); PT (Phân tách/chiết/ lọc/kết tủa); OH (Oxy hoá); SH (Sinh học); ĐX (Đồng xử lý); TĐ (Thiêu đốt); HR (Hoá rắn); CL (Cô lập/đóng kén); C (Chôn lấp); TR (Tẩy rửa); SC (Sơ chế); Khác (ghi rõ tên phương pháp).

Tổng khối lượng chất thải rắn nguy hại trong năm 2024 là 60 kg. Công ty không tự xử lý chất thải nguy hại tại cơ sở mà đã thực hiện ký hợp đồng với Chi nhánh xử lý chất thải - Công ty Cổ phần –Tổng Công ty Nước - Môi trường Bình Dương (Đã chuyển đổi thành Công ty TNHH Một thành viên Liên hợp Khoa học – Công nghệ - Môi trường BIWASE theo văn bản số 20/TB-KHCNMT.TCKT ngày 09/07/2024 của Công ty Cổ phần –Tổng Công ty Nước - Môi trường Bình Dương) để thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải nguy hại theo hợp đồng số 2329-RNH/HĐ-KT/23 ngày 02/11/2023 (hiệu lực 03 năm kể từ ngày ký).

5. Kết quả kiểm tra, thanh tra về bảo vệ môi trường đối với cơ sở

5.1. Kết quả kiểm tra, thanh tra về bảo vệ môi trường của cơ quan có thẩm

quyền đối với cơ sở trước thời điểm lập báo cáo đề xuất cấp Giấy phép môi trường

Trong 2 năm 2023, 2024, Cơ sở không có đợt kiểm tra, thanh tra về bảo vệ môi trường.

5.2. Trường hợp vi phạm về bảo vệ môi trường của Cơ sở

Cơ sở không có vi phạm nào về bảo vệ môi trường.

CHƯƠNG VI. KẾ HOẠCH VẬN HÀNH THỬ NGHIỆM VÀ CHƯƠNG TRÌNH QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG CỦA CƠ SỞ

1. Kế hoạch vận hành thử nghiệm công trình xử lý chất thải của cơ sở

Theo điểm h Khoản 1 Điều 31 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP Quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường của Chính Phủ ngày 10/1/2022 đã quy định trường hợp dự án không phải thực hiện vận hành thử nghiệm như sau: “Công trình xử lý chất thải của cơ sở, khu sản xuất, kinh doanh, dịch vụ tập trung, cụm công nghiệp khi đề nghị cấp lại giấy phép môi trường nhưng không có thay đổi so với giấy phép môi trường thành phần hoặc giấy phép môi trường đã cấp”. Do đó căn cứ theo quy định, Cơ sở không thực hiện vận hành thử nghiệm.

Vì vậy, cơ sở sẽ không lập kế hoạch vận hành thử nghiệm các công trình xử lý chất thải.

2. Chương trình quan trắc chất thải (tự động, liên tục và định kỳ) theo quy định của pháp luật

2.1. Chương trình quan trắc môi trường định kỳ

2.1.1. Quan trắc nước thải

Căn cứ quy định tại khoản 2 Điều 97 Nghị định 08/2022/NĐ-CP quy định chi tiết một số điều của Luật bảo vệ môi trường thì cơ sở không thuộc đối tượng phải thực hiện quan trắc tự động, liên tục và quan trắc định kỳ nước thải.

2.1.2. Quan trắc bụi, khí thải công nghiệp

Căn cứ theo Phụ lục XXIX ban hành kèm theo Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính Phủ thì dự án, cơ sở không thuộc loại hình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ có nguy cơ gây ô nhiễm môi trường xả bụi, khí thải công nghiệp lớn ra môi trường chỉ phải thực hiện quan trắc khí thải định kỳ khi tổng lưu lượng của các công trình, thiết bị xả bụi, khí thải công nghiệp từ 50.000 m³/giờ trở lên. Do đó Cơ sở không thuộc đối tượng phải thực hiện quan trắc khí thải định kỳ.

2.2. Chương trình quan trắc tự động, liên tục chất thải

Căn cứ theo quy định tại Điều 97, Điều 98 của Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 thì cơ sở không thuộc đối tượng phải thực hiện quan trắc nước thải, khí thải tự động, liên tục. Vì vậy, cơ sở không thực hiện chương trình quan trắc nước thải tự động, liên tục.

2.3. Hoạt động quan trắc môi trường định kỳ, quan trắc môi trường tự động, liên tục khác theo quy định của pháp luật có liên quan hoặc theo đề xuất của chủ cơ sở

Không có.

3. Kinh phí thực hiện quan trắc môi trường hàng năm

Kinh phí thực hiện quan trắc môi trường hằng năm tại Cơ sở được dự kiến khoảng 40.000.000 đồng/năm.

CHƯƠNG VII. CAM KẾT CỦA CHỦ CƠ SỞ

Công ty TNHH Vina Chang Tai là chủ cơ sở “Cải tạo nhà máy sản xuất đồ lót cao cấp, công suất từ 1.544.098 sản phẩm/năm lên 2.750.000 sản phẩm/năm” xin cam kết về các nội dung sau:

- Cam kết về tính chính xác, trung thực của hồ sơ đề nghị cấp giấy phép môi trường.

- Chúng tôi cam kết rằng những thông tin, số liệu nêu trên là đúng sự thật, nếu có gì sai trái, chúng tôi hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật.

- Cam kết việc xử lý chất thải đáp ứng các quy chuẩn, tiêu chuẩn kỹ thuật về môi trường và các yêu cầu về bảo vệ môi trường khác có liên quan trong quá trình hoạt động:

+ Chất lượng môi trường không khí và tiếng ồn khu vực xung quanh đạt Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia QCVN 26:2016/BYT, QCVN 02:2019/BYT, QCVN 03:2019/BYT, QCVN 24:2016/BYT, QCVN 22:2016/BYT;

+ Cam kết vận hành hệ thống thu gom, xử lý nước thải sinh hoạt đảm bảo toàn bộ nước thải của hệ thống xử lý nước thải công suất 50 m³/ngày.đêm vận hành liên tục đảm bảo xử lý nước thải phát sinh tại cơ sở, nước thải sau xử lý đạt QCVN 14:2008/BTMNT, cột A, K=1 trước khi đầu nối vào cống thoát nước chung của khu vực trên đường N2, sau đó chảy ra suối Siệp – rạch Tân Vạn – sông Đồng Nai.

+ Chất thải rắn, chất thải nguy hại được thu gom, lưu trữ và xử lý theo quy định, cam kết thực hiện đúng theo Nghị định số 08/2022/NĐ-CP của Chính phủ và Thông tư số 02/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường. Chủ cơ sở ký hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý theo quy định.

- Cam kết đền bù và khắc phục ô nhiễm môi trường trong trường hợp có sự cố, rủi ro môi trường xảy ra do hoạt động của cơ sở.

- Khắc phục sự cố và bồi thường kịp thời những thiệt hại nếu có sự cố xảy ra gây ô nhiễm môi trường cho dân cư khu vực xung quanh.

- Không xả nước thải chưa đạt quy chuẩn, tiêu chuẩn hiện hành ra môi trường và vào nguồn nước.

- Chủ cơ sở cam kết nghiêm túc thực hiện chương trình quản lý và giám sát môi trường như đã trình bày tại chương VI trong báo cáo đề xuất cấp Giấy phép môi trường, thực hiện các biện pháp để giảm thiểu tối đa những ảnh hưởng đến môi trường nhằm đảm bảo phát triển bền vững.

- Thực hiện nghiêm chỉnh Luật bảo vệ môi trường số 72/2020/QH14 ngày 17/11/2020 của Nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam.

- Chịu trách nhiệm trước pháp luật Nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam nếu có bất kỳ hành vi vi phạm nào về các hoạt động bảo vệ môi trường của Cơ sở./.

PHỤ LỤC BÁO CÁO

PHẦN PHỤ LỤC

PHỤ LỤC 1

VĂN BẢN PHÁP LÝ

SỞ KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ
TỈNH BÌNH DƯƠNG
PHÒNG ĐĂNG KÝ KINH DOANH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

**GIẤY CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ DOANH NGHIỆP
CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN MỘT THÀNH VIÊN**

Mã số doanh nghiệp: 3700228069

Đăng ký lần đầu: ngày 07 tháng 11 năm 2007

Đăng ký thay đổi lần thứ: 6, ngày 09 tháng 01 năm 2024

1. Tên công ty

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY TNHH VINA CHANG TAI
Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: VINA CHANG TAI UNDERWEAR
CO.,LTD

Tên công ty viết tắt:

2. Địa chỉ trụ sở chính

183/2A, Khu C, Khu phố Đông An, Phường Tân Đông Hiệp, Thành phố Dĩ An, Tỉnh Bình Dương, Việt Nam

Điện thoại: 06503750802

Fax: 06503750804

Email: *hungktvct@yahoo.com*

Website:

3. Vốn điều lệ : 60.000.000.000 đồng.

Bằng chữ: Sáu mươi tỷ đồng

4. Thông tin về chủ sở hữu

Tên tổ chức: TOTAL SAFETY DEVELOPMENT CO.,LTD

Mã số doanh nghiệp/Quyết định thành lập số: 252061

Ngày cấp: 09/10/1997 Nơi cấp: Phòng đăng ký Công ty trực thuộc Virgin Islands
Anh Quốc

Địa chỉ trụ sở chính: *Tropic Isle Building, P.O. Box 438, Road Town, Tortola, British Virgin Islands*

5. Người đại diện theo pháp luật của công ty

* Họ và tên: LIN, HSIU-CHUAN

Giới tính: Nam

Chức danh: Tổng giám đốc

Sinh ngày: 15/11/1952 Dân tộc: Quốc tịch: Trung Quốc
(Đài Loan)

Loại giấy tờ pháp lý của cá nhân: Hộ chiếu nước ngoài

Số giấy tờ pháp lý của cá nhân: 361853088

Ngày cấp: 28/03/2023 Nơi cấp: Đài Loan

Địa chỉ thường trú: 210 CHIAN HSENG RD, TOU-LIU CITY, YUN - LIN HSIEN,
Trung Quốc (Đài Loan)

Địa chỉ liên lạc: 210 CHIAN HSENG RD, TOU-LIU CITY, YUN - LIN HSIEN, Trung
Quốc (Đài Loan)

* Họ và tên: LIN CHIU JUNG

Giới tính: Nữ

Chức danh: Giám đốc

Sinh ngày: 22/12/1955 Dân tộc: Quốc tịch: Trung Quốc
(Đài Loan)

Loại giấy tờ pháp lý của cá nhân: Hộ chiếu nước ngoài

Số giấy tờ pháp lý của cá nhân: 360074661

Ngày cấp: 14/01/2022 Nơi cấp: Đài Loan

Địa chỉ thường trú: 210 CHIAN HSENG RD, TOU-LIU CITY, YUN - LIN HSIEN,
Trung Quốc (Đài Loan)

Địa chỉ liên lạc: 183/2A, Khu C, Khu phố Đông An, Phường Tân Đông Hiệp, Thành
phố Dĩ An, Tỉnh Bình Dương, Việt Nam

* Họ và tên: LIN CHIH YUN

Giới tính: Nữ

Chức danh: Phó Giám đốc

Sinh ngày: 07/01/1984 Dân tộc: Quốc tịch: Trung Quốc
(Đài Loan)

Loại giấy tờ pháp lý của cá nhân: Hộ chiếu nước ngoài

Số giấy tờ pháp lý của cá nhân: 311138268

Ngày cấp: 18/05/2015 Nơi cấp: Đài Loan

Địa chỉ thường trú: 210 CHIAN HSENG RD, TOU-LIU CITY, YUN - LIN HSIEN,
Trung Quốc (Đài Loan)

Địa chỉ liên lạc: 183/2A, Khu C, Khu phố Đông An, Phường Tân Đông Hiệp, Thành
phố Dĩ An, Tỉnh Bình Dương, Việt Nam

CÔNG CHỨNG VIÊN

KT **TRƯỞNG PHÒNG**
PHÒNG TRƯỞNG PHÒNG



Vũ Thị Yến

Lâm Ngọc Thịnh

GIẤY CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ ĐẦU TƯ

Mã số dự án: 9857471056

Chứng nhận lần đầu: ngày 18 tháng 01 năm 1997

(Giấy phép đầu tư số 1814/GP ngày 18/01/1997 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư,

Giấy chứng nhận đầu tư số 461023000226 ngày 04/11/2007

của Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Dương)

Chứng nhận điều chỉnh lần thứ 6: ngày 23 tháng 8 năm 2023

Căn cứ Luật Đầu tư số 61/2020/QH14 ngày 17 tháng 6 năm 2020.

Căn cứ Nghị định số 31/2021/NĐ-CP ngày 26 tháng 3 năm 2021 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Luật Đầu tư năm 2020.

Căn cứ Thông tư số 03/2021/TT-BKHĐT ngày 09 tháng 4 năm 2021 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư quy định mẫu văn bản, báo cáo liên quan đến hoạt động đầu tư tại Việt Nam, đầu tư từ Việt Nam ra nước ngoài và xúc tiến đầu tư.

Căn cứ Quyết định số 38/2016/QĐ-UBND ngày 05 tháng 10 năm 2016 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Dương về việc ban hành quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Dương.

Căn cứ Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp mã số 3700228069 do phòng Đăng ký kinh doanh - Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Dương cấp đăng ký lần đầu ngày 07 tháng 11 năm 2007 và đăng ký thay đổi lần thứ 5 ngày 28 tháng 6 năm 2023.

Căn cứ Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư số 9857471056 (số cũ 461023000226) do Bộ Kế hoạch và Đầu tư chứng nhận lần đầu ngày 18 tháng 01 năm 1997 và Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Dương chứng nhận thay đổi lần thứ 5 ngày 20 tháng 5 năm 2020.

Căn cứ bản đề nghị điều chỉnh Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư và hồ sơ kèm theo do đại diện theo ủy quyền của CÔNG TY TNHH VINA CHANG TAI nộp ngày 17 tháng 8 năm 2023.

SỞ KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ TỈNH BÌNH DƯƠNG

Chứng nhận:

DỰ ÁN NHÀ MÁY SẢN XUẤT QUẦN ÁO LÓT PHỤ NỮ; mã số dự án 9857471056 (số cũ 461023000226) do Bộ Kế hoạch và Đầu tư chứng nhận lần đầu ngày 18 tháng 01 năm 1997 và Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Dương chứng nhận thay đổi lần thứ 5 ngày 20 tháng 5 năm 2020;

đăng ký điều chỉnh cập nhật thông tin hộ chiếu người đại diện nhà đầu tư.



Thông tin về dự án đầu tư sau khi điều chỉnh như sau:

Nhà đầu tư: TOTAL SAFETY DEVELOPMENT CO., LTD; Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 252061 do phòng Đăng ký công ty trực thuộc British Virgin Islands cấp ngày 9 tháng 10 năm 1997; trụ sở đăng ký Tropic Isle Buiding, P.O. Box 438, Road Town, Torola, British Virgin Islands.

Đại diện bởi: Ông LIN HSIU CHUAN; sinh ngày 15 tháng 11 năm 1952; quốc tịch Trung Quốc (Đài Loan); hộ chiếu số 361853088 do Bộ Ngoại giao Đài Loan cấp ngày 28 tháng 3 năm 2023; địa chỉ thường trú và chỗ ở hiện nay tại 210 Chian Hseng Rd., Tou-Liu City, Yun-Lin, Đài Loan, Trung Quốc; chức vụ: Tổng Giám đốc.

Tổ chức kinh tế thực hiện dự án đầu tư: CÔNG TY TNHH VINA CHANG TAI; mã số doanh nghiệp 3700228069 do phòng Đăng ký kinh doanh - Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Dương cấp đăng ký lần đầu ngày 07 tháng 11 năm 2007 và đăng ký thay đổi lần thứ 5 ngày 28 tháng 6 năm 2023; địa chỉ trụ sở chính tại 183/2A, khu C, khu phố Đông An, phường Tân Đông Hiệp, thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương.

Đăng ký thực hiện dự án đầu tư với nội dung như sau:

Điều 1: Nội dung dự án đầu tư

1. Tên dự án đầu tư: NHÀ MÁY SẢN XUẤT QUẦN ÁO LÓT PHỤ NỮ.

2. Mục tiêu dự án:

Số TT	Mục tiêu hoạt động	Mã ngành theo VSIC	Mã ngành CPC
01	Sản xuất quần áo lót phụ nữ.	1410	
02	Thực hiện quyền xuất khẩu, quyền nhập khẩu, quyền phân phối bán buôn, quyền phân phối bán lẻ (không thành lập cơ sở bán lẻ) các hàng hóa không thuộc danh mục cấm xuất khẩu, nhập khẩu hoặc không được phân phối theo quy định của pháp luật Việt Nam hoặc không thuộc diện hạn chế theo cam kết quốc tế trong các điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên.		

Đối với các hàng hóa thuộc diện quản lý chuyên ngành, kinh doanh có điều kiện, doanh nghiệp chỉ được thực hiện quyền phân phối sau khi được cơ quan quản lý chuyên ngành cấp giấy phép kinh doanh, giấy tờ có giá trị tương đương và/ hoặc đủ điều kiện kinh doanh theo quy định pháp luật.

Đối với các trường hợp phải cấp Giấy phép kinh doanh để thực hiện hoạt động mua bán hàng hóa và các hoạt động liên quan trực tiếp đến hoạt động mua bán hàng hóa theo quy định tại khoản 1 Điều 5 Nghị định số 09/2018/NĐ-CP ngày 15 tháng 01 năm 2018 của Chính phủ về việc quy định chi tiết Luật Thương mại và Luật Quản lý ngoại thương về hoạt động mua bán hàng hóa và các hoạt

động liên quan trực tiếp đến mua bán hàng hóa của nhà đầu tư nước ngoài, tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài tại Việt Nam, tổ chức kinh tế thực hiện dự án đầu tư có trách nhiệm liên hệ Sở Công thương để thực hiện thủ tục cấp Giấy phép kinh doanh theo đúng quy định

3. Quy mô dự án: Doanh thu 5.500.000 đô la Mỹ/năm.

4. Địa điểm thực hiện dự án: 183/2A khu C, khu phố Đông An, phường Tân Đông Hiệp, thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương.

5. Diện tích đất và nhà xưởng dự kiến sử dụng: 8.178,13 m².

6. Tổng vốn đầu tư của dự án: 100.000.000.000 (Một trăm tỷ) Việt Nam đồng, tương đương 5.000.000 (Năm triệu) đô la Mỹ (tỷ giá quy đổi theo các năm 2007, 2020 và 2021).

Trong đó vốn góp để thực hiện dự án là 60.000.000.000 (Sáu mươi tỷ) đồng Việt Nam, tương đương 3.000.000 (Ba triệu) đô la Mỹ, chiếm tỷ lệ 60% tổng vốn đầu tư.

Giá trị, tỷ lệ và phương thức góp vốn như sau:

Số TT	Tên nhà đầu tư	Số vốn góp		Tỷ lệ %	Phương thức góp vốn	Tiến độ góp vốn
		VND	Tương đương USD			
1	Total Safety Development Co., Ltd	60.000.000.000	3.000.000	100	Tiền mặt	Đã góp đủ

7. Thời hạn hoạt động của dự án: 50 (năm mươi) năm kể từ ngày 18 tháng 01 năm 1997.

8. Tiến độ thực hiện dự án đầu tư: Theo báo cáo của doanh nghiệp, dự án đã hoạt động.

Điều 2: Các ưu đãi, hỗ trợ đầu tư

1. Ưu đãi về thuế thu nhập doanh nghiệp:

Cơ sở pháp lý của ưu đãi: Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp, các văn bản hướng dẫn có liên quan và các quy định của các điều ước quốc tế mà nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam là thành viên.

2. Ưu đãi về thuế nhập khẩu:

Cơ sở pháp lý của ưu đãi: Luật Thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu và các văn bản hướng dẫn, điều chỉnh có liên quan và các quy định của các điều ước quốc tế mà nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam là thành viên.

3. Ưu đãi về miễn giảm tiền thuê đất, tiền sử dụng đất, thuế sử dụng đất:



Cơ sở pháp lý của ưu đãi: Luật Đất đai, các văn bản hướng dẫn có liên quan và các quy định của các điều ước quốc tế mà nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam là thành viên.

4. Ưu đãi khấu hao nhanh, tăng mức chi phí được khấu trừ khi tính thu nhập chịu thuế (nếu có): Theo quy định của pháp luật hiện hành.

5. Ưu đãi và hỗ trợ đầu tư đặc biệt (nếu có): Theo quy định của pháp luật hiện hành.

Điều 3: Các điều kiện đối với nhà đầu tư thực hiện dự án

1. Nhà đầu tư, tổ chức kinh tế phải làm thủ tục đăng ký cấp tài khoản sử dụng trên Hệ thống thông tin quốc gia về đầu tư theo quy định của pháp luật.

2. Nhà đầu tư phải tuân thủ và đáp ứng điều kiện đầu tư theo quy định của pháp luật Việt Nam và các điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên.

3. Tổ chức kinh tế thực hiện dự án đầu tư chỉ được triển khai hoạt động đối với các lĩnh vực đầu tư kinh doanh có điều kiện khi đáp ứng các điều kiện và/hoặc được cấp Giấy phép/Giấy chứng nhận/chứng chỉ hành nghề hoặc văn bản xác nhận... theo quy định pháp luật liên hành; chấp hành quy định của Luật Đầu tư, Luật Doanh nghiệp, Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư và các quy định về bảo vệ môi trường, phòng chống cháy nổ, an toàn lao động và quy định pháp luật khác có liên quan đến lĩnh vực hoạt động đầu tư kinh doanh đã đăng ký.

4. Tổ chức kinh tế thực hiện dự án đầu tư có trách nhiệm thực hiện chế độ báo cáo hoạt động đầu tư theo quy định tại Điều 72 Luật Đầu tư và cập nhật đầy đủ, kịp thời, chính xác các thông tin liên quan vào Hệ thống thông tin quốc gia về đầu tư theo quy định tại Điều 71 Luật Đầu tư và chịu sự kiểm tra và giám sát của các cơ quan nhà nước có thẩm quyền theo quy định của pháp luật.

5. Tổ chức kinh tế thực hiện dự án đầu tư chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính chính xác, trung thực và đảm bảo quyền sử dụng hợp pháp, sử dụng đúng mục đích theo quy định của pháp luật đối với địa điểm thực hiện dự án đã đăng ký. Cơ quan đăng ký đầu tư không giải quyết tranh chấp phát sinh (nếu có) liên quan đến địa điểm thực hiện dự án đăng ký của nhà đầu tư.

6. Dự án sẽ chấm dứt hoạt động theo quy định tại Điều 48 Luật Đầu tư và các văn bản hướng dẫn, điều chỉnh có liên quan.

7. Trường hợp nhà đầu tư không thực hiện đúng các quy định trên, cơ quan nhà nước có thẩm quyền xử lý vi phạm của nhà đầu tư theo đúng quy định của pháp luật Việt Nam.

Điều 4:

Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư này có hiệu lực kể từ ngày ký và thay thế Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư số 9857471056 (số cũ 461023000226) do Bộ Kế hoạch và Đầu tư chứng nhận lần đầu ngày 18 tháng 01 năm 1997 và Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Dương chứng nhận thay đổi lần thứ 5 ngày 20 tháng 5 năm 2020.



2
PH
CH
HAN
BIN

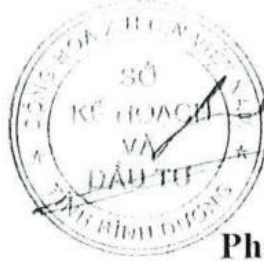
Điều 5:

Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư này được lập thành 02 (hai) bản gốc; nhà đầu tư được cấp 01 (một) bản và 01 (một) bản lưu tại Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Dương và được đăng tải lên Hệ thống thông tin quốc gia về đầu tư.

Sao gửi:

- UBND tỉnh Bình Dương;
 - UBND thành phố Dĩ An;
 - Các Sở: TNMT, CT, XD, TC, TTTT, VHTTDL, KHCN, LĐTBXH, NgV;
 - Cục: Thuế, Thống kê, Hải quan;
 - LĐLĐ tỉnh, BHXH tỉnh, NHNN tỉnh;
 - Công an tỉnh, Bộ CHQS tỉnh;
 - Phòng ĐKKD, Ttra Sở;
 - Lưu KTĐN (Q).
- (PTr số: ~~64~~/T8-2023)

GIÁM ĐỐC



Phạm Trọng Nhân

CHỨNG THỰC BẢN SAO ĐÚNG VỚI BẢN CHÍNH
Số chứng thực: 13-12-2024 Quyền số: SCT/BS

13-12-2024

CÔNG CHỨNG VIÊN



Vũ Thị Yến

ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH SÔNG BÉ
Số: 165/1CV-UB

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc Lập - Tự Do - Hạnh Phúc

Sông bé, ngày 14 tháng 10 năm 1996.

V/v giá thuê đất dự án sản xuất
các loại quần áo lót nam, nữ của
Cty Chang Tai Under Wear Ltd.

Kính gửi: - CTY CHANG TAI UNDER WEAR Ltd.(Đài loan)
- SỞ ĐỊA CHÍNH.
- TT.HỘI ĐỒNG ĐẦU TƯ TỈNH SÔNG BÉ.

Xét đề nghị của Công ty CHANG TAI UNDER WEAR Ltd.(Đài loan)
xin đầu tư dự án sản xuất các loại quần áo lót nam, nữ 100% vốn nước ngoài
tại Sông bé và tờ trình số 281/TT-ĐTNN ngày 14/10/1996 của Hội đồng Đầu
tư Tỉnh về các mức giá liên quan đất đai của dự án trên, UBND Tỉnh có ý
kiến như sau:

1. Thuận quy hoạch 1,5 ha đất tại xã Tân Đông Hiệp, huyện Thuận
An, tỉnh Sông bé cho Công ty đầu tư dự án nêu trên.

2. Giá cho thuê đất: 0,4USD/m²/năm.

Chi phí đền bù giải toả 4USD/m², tiền đóng góp ngân sách địa
phương đầu tư cơ sở hạ tầng bên ngoài hàng rào khu công nghiệp
3USD/m². Hai khoản chi phí này chủ đầu tư nộp một lần ngay sau khi dự án
được cấp giấy phép đầu tư.

3. Giao Sở Địa chính hướng dẫn chủ dự án lập hồ sơ thuê đất theo quy
định hiện hành để bổ túc hồ sơ đầu tư.

13-12-2024

Nơi nhận:

- Như trên.
- Lưu VP, Chí.

CÔNG CHỨNG VIÊN



Vũ Thị Yến

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 399 /HĐ/TĐ

Bình Dương, ngày 25 tháng 9 năm 1997

HỢP ĐỒNG THUÊ ĐẤT

- Căn cứ Luật đất đai ngày 14/7/1993 của Nước CHXHCNVN.
- Căn cứ quyết định 1417/TC/TC.ĐN ngày 3/12/1994 của Bộ Tài chính.
- Căn cứ giấy phép đầu tư số : 1814/GP ngày 18/01/1997 của Kế hoạch và Đầu tư.
- Căn cứ quyết định thuê đất số : 2570/QĐ.UB ngày 12 / 9 /1997 của UBND Tỉnh .

1- Bên cho thuê đất : (bên A)

- Đại diện: SỞ ĐỊA CHÍNH TỈNH BÌNH DƯƠNG.
- Họ tên: CAO MINH HUỆ
- Chức vụ: GIÁM ĐỐC
- Quốc tịch: VIỆT NAM
- Trụ Sở: Phường Phú Thọ . Thị Xã Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương.
- Điện thoại: (065) 822367 - 822252 - 827198.

2- Bên Thuê đất (bên B)

- Đại diện : CÔNG TY TNHH VINA CHANG TAI.
- Họ tên : LIN HSIU CHUAN
- Chức vụ : TỔNG GIÁM ĐỐC.
- Quốc tịch : ĐÀI LOAN.
- Trụ Sở Chính thức : Xã Tân Đông Hiệp, Huyện Thuận An, Tỉnh Bình Dương.
- Tài khoản :

Hai bên thỏa thuận ký hợp đồng thuê đất với các điều khoản sau đây:

Điều 1:

1. Bên A cho bên B thuê khu đất có diện tích : 8.178,13 m² (Tám ngàn một trăm bảy mươi tám phẩy mười ba mét vuông đất) tại : Xã Tân Đông Hiệp, Huyện Thuận An, Tỉnh Bình Dương để sử dụng vào mục đích : sản xuất quần áo lót phụ nữ.



2. Vị trí khu đất được xác định theo tờ bản đồ địa Chính tỉ lệ 1/500 và sơ đồ vị trí tỉ lệ 1/5000 do Trung Tâm Dịch Vụ Địa Chính xác lập ngày 21/07/1997 kèm theo.

Bản đồ này là một bộ phận của hợp đồng.

3. Việc cho thuê đất không làm mất quyền sở hữu của Nhà nước Việt Nam đối với khu đất và mọi tài nguyên nằm trong lòng đất.

Điều II:

Việc xây dựng các công trình trên khu đất thuê phải phù hợp với mục đích đã ghi trong điều 1 của Hợp đồng này, phù hợp với giấy phép đầu tư và đúng theo luận chứng KTKT sơ đồ thiết kế được cấp thẩm quyền phê duyệt.

Điều III:

1- Trong thời gian thực hiện hợp đồng, bên B không được chuyển giao khu đất cho tổ chức, cá nhân khác nếu chưa được cơ quan có thẩm quyền của Nhà nước Việt nam cho phép.

Trong thời gian thực hiện hợp đồng, bên A đảm bảo quyền sử dụng đất của bên B, không chuyển giao quyền sử dụng khu đất trên cho bên thứ 3 khi chưa được bên B thỏa thuận.

2- Trường hợp bên B bị phân chia, sát nhập hoặc chuyển nhượng tài sản, hợp đồng cho tổ chức, cá nhân khác mà tạo nên pháp nhân mới thì chủ đầu tư mới phải làm lại thủ tục thuê đất, thời hạn thuê đất là thời hạn còn lại của hợp đồng này. bên B phải chịu mọi chi phí phát sinh khi chuyển giao thửa đất thuê.

3- Trong thời gian hợp đồng có hiệu lực, nếu bên B muốn trả lại toàn bộ hoặc một phần khu đất thuê trước thời hạn, bên B phải thông báo cho bên A thời điểm kết thúc hợp đồng tính đến lúc bàn giao giao mặt bằng.

4- Hợp đồng thuê đất hết hiệu lực trong các trường hợp sau đây:

- Hết thời hạn thuê đất theo quy định tại điều IV của hợp đồng này.
- Một trong hai bên vi phạm nghiêm trọng các điều khoản của hợp đồng ảnh hưởng đến quyền lợi của bên kia mà không thể giải quyết bằng thương lượng.

- Bên B bị giải thể trước thời hạn hoặc bị phá sản.

- Sản xuất kinh doanh không đúng ngành nghề theo quy định của giấy phép đầu tư.

HỒ
CHÍ
LAN
B11

CHUYÊN

- Bên thuê đất không thực hiện các nghĩa vụ tài chính về việc thuê đất theo quy định của pháp luật Việt nam.

- Bên thuê đất bị thu hồi quyết định cho thuê đất hoặc giấy phép đầu tư trước thời hạn.

Điều IV:

1- Thời hạn thuê đất : 25 năm (Hai mươi lăm năm) kể từ ngày cấp giấy phép đầu tư số : 1814/GP ngày 18/01/1997.

2- Tiền thuê đất : $0,4 \text{ USD/m}^2/\text{năm}$ (theo điều 7 của giấy phép đầu tư số : 1814/GP ngày 18/01/1997).

*Tiền thuê đất 1 năm : $8.178,13 \text{ m}^2 \times 0,4 \text{ USD/m}^2/\text{năm} = 3.271,252 \text{ USD}$.

* Mức tiền thuê đất này được xác định lại sau mỗi chu kỳ 5 năm và có tỉ lệ gia tăng không vượt quá 15% so với lần công bố trước đó.

3- Số tiền thuê đất được trả theo phương thức : mỗi năm thanh toán hai lần chậm nhất ngày 30/5 và 30/11 với số tiền thuê đất cả năm là : $3.271,252 \text{ USD}$.

4- Tiền thuê đất được tính từ ngày : 17/9/97.

5- Nơi nộp tiền thuê đất:

- Tại tài khoản 741 Kho bạc Nhà nước tỉnh Bình Dương, nếu thanh toán bằng tiền đồng Việt nam và được tính theo tỉ giá tại thời điểm thanh toán.

- Tại tài khoản : 710A00060 Ngân hàng công thương tỉnh Bình Dương, nếu thanh toán bằng ngoại tệ.

6- a. Căn cứ vào công văn : 1651/CV.UB ngày 14/10/1996 của UBND Tỉnh, Công Ty phải có trách nhiệm đóng góp ngân sách địa phương xây dựng cơ sở hạ tầng bên ngoài hàng rào khu công nghiệp là : 3 USD/m^2 sau khi cấp giấy phép đầu tư.

b. Ngoài tiền thuê đất phải trả theo hợp đồng, bên thuê đất phải trả một khoản tiền đền bù (vì là đất công do đó việc đền bù Công Ty Vina Chang Tai phải làm việc cụ thể với các ngành chức năng Tài Chính Vật Giá Cục Thuế , đơn vị được giao khu đất trên để nộp tiền vào ngân sách nhà nước).

Điều V:

Tranh chấp giữa hai bên trong quá trình thực hiện hợp đồng trước hết phải được giải quyết bằng thương lượng, trường hợp không thể thương lượng được thì tranh chấp sẽ được đưa ra Tòa án để giải quyết theo luật pháp Việt nam. Quyết định của cơ quan xét xử khi có hiệu lực pháp luật, hai bên có trách nhiệm thi hành.

Điều VI:

1- Bên A có trách nhiệm cung cấp các văn bản liên quan đến việc xác định quyền và nghĩa vụ của bên B, cụ thể:

- a- Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.
- b- Quyết định cho thuê đất.
- c- Biên bản cắm mốc, bàn giao đất.

2- Bên B có trách nhiệm thực hiện việc sử dụng đất đúng luật pháp Việt Nam và các quy định trong hợp đồng này.

3- Việc thuê nhà xưởng hoặc tài khoản khác (nếu có) thì nằm ngoài phạm vi hợp đồng thuê đất này.

CHỨNG THỰC BẢN SÁO ĐÚNG VỚI BẢN CHỮ
Số chứng thực.....Quyền số.....SCT/BS

13-12-2024

Điều VII:

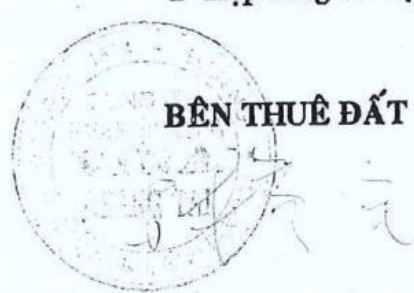
1- Hợp đồng thuê đất được ký ngày 25 / 9 /1997 tại Sở Địa chính tỉnh Bình Dương và được lập thành 08 bản, bên A 06 bản, bên B 02 bản và gửi Sở Tài chính- Vật giá, Cục thuế, Kho bạc Nhà nước, Bộ kế hoạch và đầu tư, Tổng cục Địa chính để theo dõi quản lý.

2- Hợp đồng có hiệu lực kể từ ngày ký.

CÔNG CHỨNG VIỆN



BÊN THUÊ ĐẤT



LIN HSIU CHUAN

BÊN CHO THUÊ ĐẤT



Vũ Thị Yến

Lưu Minh-Không

UBND TỈNH BÌNH DƯƠNG
SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG

SỐ: 468/000/PKHĐ.TĐ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự Do - Hạnh Phúc

Thủ Dầu Một, ngày 24 tháng 12 năm 2006.

PHỤ KIỆN HỢP ĐỒNG THUÊ ĐẤT

(Hợp đồng số: 399/HĐ-TĐ ngày 25/9/1997)

- Căn cứ Luật Đất đai năm 2003.
- Căn cứ Điều 3 Giấy phép đầu tư ngày 18/01/1997 Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Dương về việc điều chỉnh thời gian thuê đất cho Công ty TNHH VINA CHANG TAI.
- Căn cứ Hợp đồng thuê đất số: 2688/HĐ-TĐ ngày 27/09/1997 giữa Sở Địa chính (nay là Sở Tài nguyên và Môi trường) và Công ty TNHH VINA CHANG TAI.

I. Bên cho thuê đất: (Bên A)

- Đại diện : SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG TỈNH BÌNH DƯƠNG.
- Họ tên : BÙI VĂN HAI.
- Chức vụ : PHÓ GIÁM ĐỐC SỞ.
- Trụ sở : phường Phú Hòa, thị xã Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương.
- Điện thoại : (0650) 822367 - 822252 - 827198.

II. Bên thuê đất: (Bên B)

- Đại diện : CÔNG TY TNHH VINA CHANG TAI.
- Họ tên : LIN-HSIU-CHUAN.
- Chức vụ : TỔNG GIÁM ĐỐC.
- Trụ sở : xã Tân Đông Hiệp, huyện Thuận An, tỉnh Bình Dương.

Hai bên thỏa thuận ký phụ kiện sửa đổi bổ sung một số điều khoản của Hợp đồng thuê đất số: 399/HĐ-TĐ ngày 25/09/1997. Cụ thể như sau:

Điều I: Khoản 01, Điều IV của Hợp đồng thuê đất số: 399/HĐ-TĐ ngày 25/09/1997 được sửa đổi như sau:

Thời gian thuê đất từ 25 năm kể từ ngày 18/01/1997 lên 50 năm kể từ ngày 18/01/1997.

Điều II: Phụ kiện này là một bộ phận không tách rời của Hợp đồng thuê đất số: 399/HĐ-TĐ ngày 18/01/1997, các điều khoản khác của hợp đồng thuê đất vẫn giữ nguyên giá trị pháp lý.



- Phụ kiện hợp đồng được ký tại Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bình Dương ngày 27/02/2006 có hiệu lực kể từ ngày ký và được lập thành 08 bản và có giá trị pháp lý như nhau, mỗi bên giữ 01 bản. Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bình Dương có trách nhiệm gửi hợp đồng thuê đất đến Sở Tài chính, Cục Thuế, Kho bạc Nhà nước, Sở Tài nguyên và Môi trường để theo dõi quản lý.

TỔNG GIÁM ĐỐC
CÔNG TY TNHH VINA CHANG TAI



LIN HSIU CHUAN

GIÁM ĐỐC
SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG



PHÓ GIÁM ĐỐC

Trần Văn Hai

CHỨNG THỰC BẢN SAO ĐÚNG VỚI BẢN CHÍNH
Số chứng thực.....Quyển số.....SCT/BS

13-12-2024

CÔNG CHỨNG VIÊN



Vũ Thị Yến



Không ghi vào
khu vực này

GIẤY NỘP TIỀN VÀO NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC

Tiền mặt ☐ chuyển khoản ☒
(Đánh dấu X vào ô tương ứng)

Mẫu số: C1- 02/NS
Mã hiệu:.....
Số:.....

Người nộp thuế: **CÔNG TY TNHH VINA CHANG TAI**

Mã số thuế: **3 7 0 0 2 2 8 0 6 9**

Địa chỉ: **183/2A, Khu C, Khu phố Đông An, Phường Tân**

Đông Hiệp,

Thành Phố Dĩ An, Tỉnh, TP: Bình Dương

Người nộp thay: Mã số thuế:

Địa chỉ:

Huyện: Tỉnh, TP:

Đề nghị NH (KBNN): **SACOMBANK chi nhánh Dĩ An Bình Dương . TK số: 050004125654**

(hoặc) nộp tiền mặt để chuyển cho KBNN: **KHO BẠC THỊ XÃ DĨ AN**

Để ghi thu NSNN ☒ TK: **1054277.7111.25957** hoặc nộp vào TK tạm thu số :

Cơ quan quản lý thu: **CHI CỤC THUẾ THỊ XÃ DĨ AN** Mã số:

Tờ khai HQ, QĐ số : ngày : Loại hình XNK :

(hoặc) Bảng kê Biên lai số: ngày

STT	Nội dung các khoản nộp NS	Mã chương	Mã ngành KT (K)	Mã NDKT (TM)	Kỳ thuế	Số tiền
3	Thu từ đất SXKD (đất ở) tại đô thị 2021	754	0	1603	2021	3,586,928
Tổng cộng						3,586,928

CHỨNG THỰC BẢN SAO ĐÚNG VỚI BẢN CHÍNH
Số chứng thực: 441/2024/CT/BS

Tổng số tiền ghi bằng chữ : **Ba triệu năm trăm tám mươi sáu ngàn chín trăm hai mươi tám đồng**

PHẦN KBNN GHI

Mã quỹ: Mã ĐBHC: Mã TK:

Mã KBNN: Mã nguồn NS: Có TK:

ĐỐI TƯỢNG NỘP TIỀN

Ngày 13 tháng 01 năm 2024

Người nộp tiền

Kế toán trưởng

Thủ trưởng

Kế toán

NGÂN HÀNG A

Ngày 13 tháng 01 năm 2024

Kế toán trưởng

GIÁM ĐỐC

NGÂN HÀNG B LIN CHIU JUNG

Ngày.....tháng.....năm.....

Kế toán

Kế toán trưởng

KHO BẠC NHÀ NƯỚC

Ngày.....tháng.....năm.....

Thủ quỹ

Kế toán

Kế toán trưởng

Nội dung thay đổi và cơ sở pháp lý	Xác nhận của cơ quan có thẩm quyền
Kèm theo Giấy chứng nhận này có Trang bổ sung số: 01	

Người được cấp Giấy chứng nhận không được sửa chữa, tẩy xóa hoặc bổ sung bất kỳ nội dung nào trong Giấy chứng nhận; khi bị mất hoặc hư hỏng Giấy chứng nhận phải khai báo ngay với cơ quan cấp Giấy.



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢN SAO



GIẤY CHỨNG NHẬN

QUYỀN SỬ DỤNG ĐẤT

QUYỀN SỞ HỮU NHÀ Ở VÀ TÀI SẢN KHÁC GẮN LIỀN VỚI ĐẤT

I. Người sử dụng đất, chủ sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất

CÔNG TY TNHH VINA CHANG TAI.

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty TNHH một thành viên. Mã số doanh nghiệp: 3700228069. Đăng ký lần đầu ngày 07/11/2007, đăng ký thay đổi lần thứ 4 ngày 15/04/2020 do phòng đăng ký kinh doanh - Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Dương cấp.

Địa chỉ trụ sở chính: 183/2A, khu C, khu phố Đông An, phường Tân Đông Hiệp, thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương..

CX 763943

II. Thừa đất, nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất

1. Thừa đất:

- a) Thừa đất số: 1756, tờ bản đồ số: 39
 b) Địa chỉ: phường Tân Đông Hiệp, thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương
 c) Diện tích: 8.178,1m², (bằng chữ: Tám nghìn một trăm bảy mươi tám phẩy một mét vuông)
 d) Hình thức sử dụng: Sử dụng riêng
 đ) Mục đích sử dụng: Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp
 e) Thời hạn sử dụng: đến ngày 18/01/2047
 g) Nguồn gốc sử dụng: Nhà nước cho thuê đất trả tiền thuê đất hàng năm

2. Nhà ở: -/-

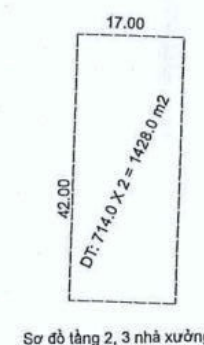
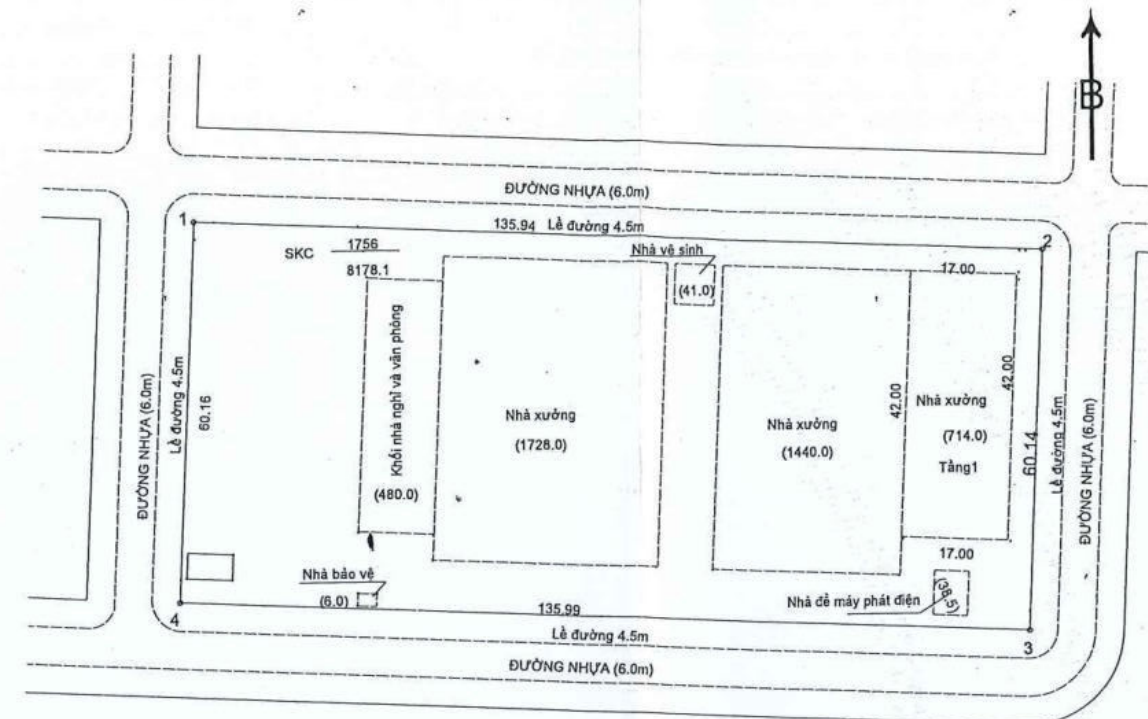
3. Công trình xây dựng khác:

Tên công trình: Nhà máy sản xuất đồ lót cao cấp và nhà xưởng của Công ty TNHH Vina Chang Tai

Hạng mục công trình	Diện tích xây dựng (m ²)	Diện tích sàn (m ²) hoặc công suất	Hình thức sở hữu	Cấp công trình	Thời hạn sở hữu
Nhà xưởng	714	2.142	Sở hữu riêng	III	-/-
Xưởng sản xuất	1.728	1.728	Sở hữu riêng	III	-/-
Nhà xưởng	1.440	1.800	Sở hữu riêng	III	-/-
Khối nhà nghỉ và văn phòng	480	480	Sở hữu riêng	III	-/-
Nhà để máy phát điện	38,5	38,5	Sở hữu riêng	IV	-/-
Nhà WC công nhân	41	41	Sở hữu riêng	IV	-/-
Nhà bảo vệ	6	6	Sở hữu riêng	IV	-/-



III. Sơ đồ thừa đất, nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất



4. Rừng sản xuất là rừng trồng: -/-

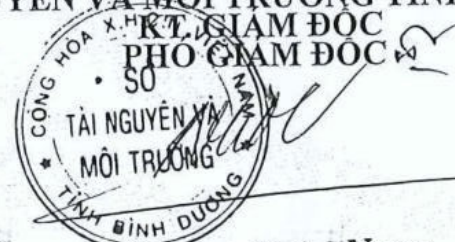
5. Cây lâu năm: -/-

6. Ghi chú:

- Chứng nhận bổ sung quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất (nhà xưởng, DT sản 2142m²) trên thửa đất đã được cấp Giấy chứng nhận (GCN QSDĐ số K 940147 ngày 27/9/1997).
- Cấp đổi Giấy chứng nhận công trình số 150250/CNCT ngày 05/01/1999 và số 150863/CNCT ngày 19/6/2003 do Sở Xây dựng tỉnh Bình Dương cấp, đã đăng ký biến động ngày 26/11/2020
- Cập nhật số thửa đất mới là 1756, tờ bản đồ số 39.

Bình Dương, ngày 29 tháng 12 năm 2020

SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG TỈNH BÌNH DƯƠNG



Số vào sổ cấp GCN: CT73289

Phạm Xuân Ngọc

IV. Những thay đổi sau khi cấp giấy chứng nhận

Nội dung thay đổi và cơ sở pháp lý	Xác nhận của cơ quan có thẩm quyền

TRANG BỔ SUNG GIẤY CHỨNG NHẬN

Thửa đất số: 1756

Tờ bản đồ số: 39

Số phát hành GCN: CX 763943

Số vào sổ cấp GCN: CT73289

Nội dung thổ pháp lý	Xác nhận của cơ quan có thẩm quyền
Thế chấp bằng tài sản gắn liền với đất tại Ngân hàng Mega International Commercial Bank Co., Ltd – Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh (Đ/c: Tầng 1, Tòa nhà The Landmark, số 5B Tôn Đức Thắng, phường Bến Nghé, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh) theo hồ sơ số 220408-0030. CHỨNG THỰC BẢN SAO DÙNG VỚI BẢN CHÍNH Số chứng thực 045774 Quyền số 12 CT/BS Ngày 11-12-2024 VĂN PHÒNG CÔNG CHỨNG BẾN NGHÉ CÔNG CHỨNG VIÊN  Hoàng Vũ Huyền Trang	PHÓ GIÁM ĐỐC 13.04.2022  Nguyễn Thị Tuyết 

Trang bổ sung này luôn phải đính kèm Giấy chứng nhận mới có giá trị pháp lý.

Trang bổ sung số: 01

QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt Báo cáo đánh giá tác động môi trường
Dự án cải tạo nhà máy sản xuất đồ lót cao cấp, công suất từ 1.544.098 sản phẩm/năm lên 2.750.000 sản phẩm/năm tại số 183/2A khu C, khu phố Đông An, phường Tân Đông Hiệp, thị xã Dĩ An của Công ty TNHH Vina Chang Tai

GIÁM ĐỐC SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 23 tháng 6 năm 2014;

Căn cứ Nghị định số 18/2015/NĐ-CP ngày 14 tháng 02 năm 2015 của Chính phủ quy định về quy hoạch bảo vệ môi trường, đánh giá môi trường chiến lược, đánh giá tác động môi trường và kế hoạch bảo vệ môi trường;

Căn cứ Thông tư số 27/2015/TT-BTNMT ngày 29 tháng 5 năm 2015 của Bộ Tài nguyên và Môi trường về đánh giá môi trường chiến lược, đánh giá môi trường chiến lược, đánh giá tác động môi trường và kế hoạch bảo vệ môi trường;

Căn cứ Quyết định số 16/2015/QĐ-UBND ngày 27 tháng 4 năm 2015 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Dương quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bình Dương;

Căn cứ Quyết định số 50/2015/QĐ-UBND ngày 05 tháng 11 năm 2015 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Dương về việc ủy quyền thẩm định, phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường, đề án bảo vệ môi trường chi tiết và phương án cải tạo, phục hồi môi trường trong hoạt động khai thác khoáng sản; kiểm tra, xác nhận hoàn thành công trình bảo vệ môi trường và hoàn thành phương án cải tạo phục hồi môi trường đối với các dự án nằm ngoài khu công nghiệp thuộc thẩm quyền của Ủy ban nhân dân tỉnh;

Theo đề nghị của Hội đồng thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường Dự án của Công ty TNHH Vina Chang Tai họp ngày 31 tháng 8 năm 2017 tại hội trường Chi cục Bảo vệ môi trường;

Xét nội dung báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án cải tạo nhà máy sản xuất đồ lót cao cấp, công suất từ 1.544.098 sản phẩm/năm lên 2.750.000 sản phẩm/năm tại số 183/2A khu C, khu phố Đông An, phường Tân Đông Hiệp, thị xã Dĩ An, tỉnh Bình Dương của Công ty TNHH Vina Chang Tai đã được chỉnh sửa, bổ sung gửi kèm Văn bản số 1610/2017/CV-VC ngày 16 tháng 10 năm 2017 của Công ty TNHH Vina Chang Tai;

Xét đề nghị của Chi cục trưởng Chi cục Bảo vệ môi trường tại Tờ trình số 303/TTTr-CCBVMT ngày 02 tháng 11 năm 2017,



QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt nội dung báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án cải tạo nhà máy sản xuất đồ lót cao cấp, công suất từ 1.544.098 sản phẩm/năm lên 2.750.000 sản phẩm/năm tại số 183/2A khu C, khu phố Đông An, phường Tân Đông Hiệp, thị xã Dĩ An, tỉnh Bình Dương của Công ty TNHH Vina Chang Tai với các nội dung chính sau đây:

Phạm vi, quy mô, công suất của Dự án:

1.1 Vị trí thực hiện: số 183/2A khu C, khu phố Đông An, phường Tân Đông Hiệp, thị xã Dĩ An, tỉnh Bình Dương.

1.2 Ngành nghề hoạt động: sản xuất đồ lót cao cấp.

1.3 Quy mô: 2.750.000 sản phẩm/năm.

2. Yêu cầu bảo vệ môi trường đối với Dự án:

2.1 Các yêu cầu về xử lý chất thải:

- Tách riêng hệ thống thoát nước mưa và nước thải; nước thải phải được thu gom, xử lý đạt Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp QCVN 40:2011/BTNMT, cột A, $K_q = 0,9$, $K_f = 1,2$ (cho từng hệ thống xử lý nước thải) trước khi thải ra môi trường.

- Khí thải phải được xử lý đạt Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ (QCVN 19:2009/BTNMT, cột B), Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với một số chất hữu cơ (QCVN 20:2009/BTNMT) trước khi thải ra môi trường;

- Tiếng ồn, độ rung phải đảm bảo đạt Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn (QCVN 26:2010/BTNMT), quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung (QCVN 27:2010/BTNMT);

- Các chất thải rắn phải được thu gom, quản lý và xử lý đúng quy định tại Nghị định số 38/2015/NĐ-CP ngày 24 tháng 4 năm 2015 của Chính phủ về quản lý chất thải và phế liệu;

- Quản lý chất thải nguy hại theo đúng quy định tại Thông tư số 36/2015/TT-BTNMT ngày 30 tháng 6 năm 2015 của Bộ Tài nguyên và Môi trường về quản lý chất thải nguy hại.

2.2 Các yêu cầu về phòng chống và khắc phục sự cố:

Thực hiện các biện pháp quản lý và kỹ thuật để phòng chống và khắc phục các sự cố do cháy, nổ, các rủi ro và sự cố môi trường khác.

2.3 Các yêu cầu về chế độ kiểm tra, giám sát nguồn thải:

- Thực hiện chương trình giám sát môi trường và các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường khác như đã đề xuất trong báo cáo đánh giá tác động môi trường; cập nhật, lưu giữ số liệu giám sát để cơ quan nhà nước về bảo vệ môi trường kiểm tra khi cần thiết.

- Lắp đặt thiết bị quan trắc nước thải theo quy định tại Điều 71 và Điều 72 của Quy định bảo vệ môi trường tỉnh Bình Dương ban hành kèm theo Quyết định số 13/2016/QĐ-UBND ngày 16 tháng 6 năm 2016 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Dương.

Điều 2. Chủ dự án có trách nhiệm:

- Lập và gửi kế hoạch quản lý môi trường của dự án để niêm yết công khai theo quy định pháp luật.

- Thực hiện nghiêm túc các yêu cầu về bảo vệ môi trường đối với dự án và các nội dung về bảo vệ môi trường khác đã đề xuất trong báo cáo đánh giá tác động môi trường.

- Trong quá trình thực hiện nếu dự án có những thay đổi so với báo cáo đánh giá tác động môi trường đã được phê duyệt, chủ dự án phải có văn bản báo cáo và chỉ được thực hiện những thay đổi sau khi có văn bản chấp thuận của cơ quan phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường.

Điều 3. Quyết định phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án là cơ sở để các cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền xem xét, quyết định các bước tiếp theo của dự án theo quy định tại Khoản 2 Điều 25 Luật Bảo vệ môi trường.

Điều 4. Ủy nhiệm Chi cục Bảo vệ môi trường thực hiện kiểm tra các nội dung bảo vệ môi trường trong báo cáo đánh giá tác động môi trường đã được phê duyệt tại Quyết định này.

Điều 5. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký./.

Nơi nhận:

- Bộ Tài nguyên và Môi trường
- UBND tỉnh (báo cáo);
- Sở XD, Sở CT;
- UBND thị xã Dĩ An;
- Chủ dự án;
- Lưu: VT, CCBVMT, T.Giang.5

CÔNG CHỨNG VIÊN



Vũ Thị Yến

GIÁM ĐỐC



Phạm Danh



GIẤY PHÉP XẢ NƯỚC THẢI VÀO NGUỒN NƯỚC

GIÁM ĐỐC SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG

Căn cứ Luật Tài nguyên nước ngày 21 tháng 06 năm 2012;

Căn cứ Nghị định số 201/2013/NĐ-CP ngày 27 tháng 11 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Tài nguyên nước;

Căn cứ Thông tư số 27/2014/TT-BTNMT ngày 30 tháng 5 năm 2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định việc đăng ký khai thác nước dưới đất, mẫu hồ sơ cấp, gia hạn, điều chỉnh, cấp lại giấy phép tài nguyên nước;

Căn cứ Quyết định số 16/2015/QĐ-UBND ngày 27 tháng 4 năm 2015 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Dương Ban hành Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Tài nguyên và Môi trường;

Căn cứ Quyết định số 04/2019/QĐ-UBND ngày 11 tháng 3 năm 2019 của UBND tỉnh Bình Dương ban hành quy định quản lý tài nguyên nước trên địa bàn tỉnh;

Căn cứ Quyết định số 13/2016/QĐ-UBND ngày 16 tháng 6 năm 2016 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Dương về việc ban hành Quy định bảo vệ môi trường tỉnh Bình Dương;

Xét đơn đề nghị cấp giấy phép xả nước thải vào nguồn nước ngày 28 tháng 12 năm 2021 của Công ty TNHH Vina Chang Tai và hồ sơ kèm theo;

Xét đề nghị của Trưởng phòng Tài nguyên nước, Khoáng sản và Khí tượng thủy văn tại Tờ trình số 25/TTr-TNNKSKTTV ngày 15 tháng 2 năm 2022,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Cho phép Công ty TNHH Vina Chang Tai, ngành nghề: sản xuất quần áo lót phụ nữ tại địa chỉ số 183/2A khu C, khu phố Đông An, phường Tân Đông Hiệp, thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương được xả nước thải vào nguồn nước với các nội dung chủ yếu sau:

1. Nguồn nước tiếp nhận nước thải: suối Siệp – rạch Tân Vạn – sông Đồng Nai;

2. Vị trí xả nước thải:

- Tọa độ vị trí xả nước thải vào suối Siệp: X: 1207881 ; Y: 696590

- Địa chỉ: phường Tân Đông Hiệp, thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương;

3. Phương thức xả nước thải: tự chảy;



4. Chế độ xả nước thải: 24 giờ/ngày đêm;
5. Lưu lượng xả nước thải lớn nhất: 70 m³/ngày đêm;
6. Chất lượng nước thải sau hệ thống xử lý:

Đối với hệ thống xử lý có công suất 50 m³/ngày đêm và hệ thống xử lý có công suất 20 m³/ngày đêm phải đạt Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp QCVN 40:2011/BTNMT, cột A, $k_q = 0,9$; $k_r = 1,2$ đối với các thông số pH, BOD₅, COD, SS, tổng N, tổng P, amoni, coliform;

7. Thời hạn của giấy phép: 03 năm, kể từ ngày ký.

Điều 2. Các yêu cầu đối với Công ty TNHH Vina Chang Tai:

1. Tuân thủ các nội dung quy định tại Điều 1 của Giấy phép này.
2. Thực hiện quan trắc nước thải và nước nguồn tiếp nhận như sau:
 - a) Quan trắc nước thải:

Quan trắc định kỳ lưu lượng, chất lượng nước thải sau xử lý với vị trí, thông số, tần suất quan trắc như sau:

- Vị trí quan trắc: nước thải sau 02 hệ thống xử lý;
- Các thông số quan trắc chất lượng nước thải theo quy định tại Khoản 6, Điều 1 của Giấy phép này;
- Tần suất quan trắc chất lượng nước thải: ba (03) tháng/lần;
- Tần suất quan trắc lưu lượng nước thải: mỗi ngày một (01) lần vào cùng một thời điểm.

- b) Quan trắc nguồn nước tiếp nhận:

- Vị trí quan trắc chất lượng nguồn tiếp nhận: một (01) điểm trên suối Siệp cách vị trí xả thải 30m về phía hạ nguồn.
- Thông số quan trắc: các chỉ tiêu pH, COD, BOD, TSS, Nitrit, Nitrat, Phosphat, Amoni, Coliform theo quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước mặt QCVN 08-MT:2015/BTNMT, cột A2.
- Tần suất quan trắc: ba (03) tháng/lần.

3. Thu gom, vận hành hệ thống xử lý nước thải theo đúng quy trình, thiết kế nêu trong hồ sơ, bảo đảm các thông số chất lượng nước thải luôn đạt quy định tại Khoản 6, Điều 1 của Giấy phép này trước khi xả vào nguồn tiếp nhận. Chịu trách nhiệm trước pháp luật khi có bất kỳ thông số nào vượt quá mức quy định của Giấy phép và ngưng ngay việc xả nước thải để thực hiện các biện pháp khắc phục.

4. Thực hiện đúng các cam kết như đã nêu trong hồ sơ đề nghị cấp phép.
5. Chịu sự kiểm tra, giám sát của Sở Tài nguyên và Môi trường.

6. Thực hiện báo cáo hoạt động xả nước thải vào nguồn nước theo Điều 10 Thông tư số 31/2018/TT-BTNMT ngày 26 tháng 12 năm 2018 của Bộ Tài nguyên

và Môi trường gửi về Sở Tài nguyên và Môi trường trước ngày 30 tháng 01 của năm tiếp theo;

7. Thực hiện các nghĩa vụ theo quy định tại Khoản 2 Điều 38 của Luật Tài nguyên nước;

Điều 3. Công ty TNHH Vina Chang Tai được hưởng các quyền hợp pháp theo quy định tại Khoản 1 Điều 38 của Luật Tài nguyên nước và các quyền lợi hợp pháp khác theo quy định của pháp luật.

Điều 4. Giấy phép này có hiệu lực kể từ ngày ký. Khi giấy phép hết hạn, Công ty TNHH Vina Chang Tai phải thực hiện việc cấp phép xả thải theo quy định của Luật bảo vệ môi trường năm 2020./

Nơi nhận:

- Cục Quản lý Tài nguyên nước;
- Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Dương;
- Công ty TNHH Vina Chang Tai;
- UBND TP. Dĩ An;
- Chi cục BVMT;
- Lưu: VT.

CHỨNG THỰC BẢN SAO ĐÚNG VỚI BẢN CHÍNH
Số chứng thực 26179 Quyền số SCT/BS

13-12-2024

CÔNG CHỨNG VIÊN



Vũ Thị Yến



KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC
SỞ
TÀI NGUYÊN VÀ
MÔI TRƯỜNG
Nguyễn Ngọc Thúy

GIẤY PHÉP XÂY DỰNG

Công trình : Tường rào công ty TNHH VINA CHANG TAI.

- Căn cứ QĐ số 195/QĐ-UB ngày 20/01/1997 của UBND Tỉnh Bình Dương v/v ban hành bản qui định thực hiện điều lệ quản lý đầu tư và xây dựng.
- Căn cứ QĐ 198/QĐ-UB ngày 20/01/1997 của UBND Tỉnh Bình Dương v/v qui định cấp giấy phép xây dựng.
- Căn cứ công văn số 1132/CV-UB ngày 17/4/1997 của UBND Tỉnh Bình Dương v/v bố trí dự án Công Ty TNHH Vina Chang Tai tại khu dân cư Đồng An, xã Đồng Hiệp, Huyện Thuận An, Tỉnh Bình Dương.
- Căn cứ giấy phép đầu tư số 1814/GP cấp ngày 18/01/1997 của Bộ Trưởng Bộ Kế Hoạch đầu tư và biên bản giao đất của CT.XNK Becamex lập ngày 19/04/1997.
- Căn cứ công văn số 2504/CV-UB ngày 27/12/1996 của UBND Tỉnh Sông Bé v/v giá cho thuê đất của công ty TNHH Vina CHANGTAI.
- Xét đơn xin xây dựng tường rào ngày 17/4/1997 và thành phần hồ sơ của công ty TNHH Vina CHANGTAI.

SỞ XÂY DỰNG TỈNH BÌNH DƯƠNG

I/- Cấp giấy phép xây dựng công trình : Tường rào Công Ty TNHH Vina CHANGTAI. Với các nội dung và điều kiện như sau :

- 1/- Qui mô cấu trúc công trình :
 - Chu vi tường rào : 382md theo bản đồ phân lô khu đất xác định vị trí mốc ranh đất của khu đất Đ1 theo bản đồ phân lô.
 - Kết cấu công trình : móng cột BTCT, đà kiềng BTCT, tường rào xây gạch block có giằng đầu tường cao 2,95m, đầu tường có miềng chai, có cọc sắt giằng kèm gai.
- 2/- Xây dựng trên khu đất có diện tích : 8.160 m².
- 3/- Địa điểm xây dựng : tại ấp Đồng An, xã Tân Đồng Hiệp, Huyện Thuận An- Tỉnh Bình Dương.

- | | |
|-------------|----------------------------|
| + Đông giáp | : Đường đất (hiện tại). |
| + Tây giáp | : Đường đất (hiện tại). |
| + Nam giáp | : Đường đất (Hiện tại). |
| + Bắc giáp | : Đường đất (Hiện tại).. |

4/- Chỉ giới xây dựng công trình :

- Các vị trí mốc định vị theo mốc bản đồ phân lô đất của Công Ty XNK Becamex (cách mép mặt đường hoàn chỉnh 4m).

II/- Điều kiện thực hiện :

- Chủ đầu tư phải xây dựng công trình theo đúng nội dung cho phép.
- Chủ đầu tư phải chấp hành đầy đủ các qui định Nhà Nước về bảo đảm hành lang bảo vệ đường bộ, đường điện, cấp thoát nước, vệ sinh môi trường, không làm ảnh hưởng đến các công trình xung quanh.
- Chủ đầu tư chỉ được giao nhận thầu với đơn vị có tư cách pháp nhân hành nghề trên địa bàn Tỉnh Bình Dương và chấp hành các qui định về quản lý đầu tư và xây dựng hiện hành.
- Trước khi thi công công trình chủ đầu tư phải báo cho Sở Xây Dựng và Sở Địa Chính, công ty XNK Becamex đến xác định cọc tim mốc CT tại hiện trường. Mọi sự vi phạm về quản lý xây dựng đều bị xử lý theo qui định hiện hành. Giấy phép này có giá trị 01 năm kể từ ngày ký.

GIÁM ĐỐC SỞ XÂY DỰNG

Nơi nhận :

- UBND Tỉnh (thay b/c).
- CT- TNHH Vina CHANGTAI.
- CT.XNK Tỉnh Bình Dương.
- Lưu.

CHỨNG THỰC BẢN SAO ĐÚNG VỚI BẢN CHÍNH
Sở chứng thực.....Quyển số.....SCT/BS

13-12-2024

CÔNG CHỨNG VIÊN

Nguyễn Văn Thiệu



Vũ Thị Yến

QUYẾT ĐỊNH CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN

V/V: PHÊ DUYỆT BÁO CÁO THẨM ĐỊNH HỒ SƠ THIẾT KẾ KỸ THUẬT
CÔNG TRÌNH : NHÀ MÁY SẢN XUẤT ĐỒ LÓT CAO CẤP CỦA CÔNG TY TNHH VINA CHANGTAI.

ỦY BAN NHÂN DÂN

- Căn cứ luật tổ chức HĐND và UBND ngày 21/06/1994.
- Căn cứ luật đầu tư nước ngoài tại Việt Nam .
- Căn cứ vào Nghị Định số : 12/CP ngày 18/02/1997 của Chính Phủ qui định chi tiết thi hành luật đầu tư nước ngoài tại Việt Nam và Thông Tư số : 01/BXD-CSXD ngày 15/04/1997 của Bộ Trưởng Bộ Xây Dựng " Hướng dẫn về quản lý xây dựng các công trình có vốn đầu tư nước ngoài và nhà thầu nước ngoài nhận thầu xây dựng tại Việt Nam"
- Xét hồ sơ thẩm định thiết kế kỹ thuật công trình: Nhà máy sản xuất đồ lót cao cấp của công ty TNHH VINA CHANGTAI kèm theo báo cáo v/v thẩm định hồ sơ TKKT công trình số 93 /BC-XD ngày 16 / 01 / 1998 của sở xây dựng.

QUYẾT ĐỊNH

ĐIỀU 1:

Chấp thuận thiết kế kỹ thuật công trình : Nhà máy sản xuất đồ lót cao cấp của công ty TNHH VINA CHANGTAI gồm các hạng mục sau:

- Nhà Xưởng: Nhà công nghiệp 1 tầng cấp 3 khẩu độ 35m, bước cột 6m, DTXD: 1680m². Cấu trúc: Móng, cột bằng BTCT, tường bao xây gạch, giằng cột và sânô máng nước bằng BTCT, cửa đi và cửa sổ nhôm kính, cửa đi chính nhôm cuốn. Vỉ kèo, dòn tay bằng thép, tấm lợp tole sóng vuông, không có trần, nền đổ BT láng đá mài kẻ Joint kính.
- Khối nghỉ và văn phòng: (liền vách nhà xưởng). Nhà 1 tầng cấp 3, DTXD: 480m². Cấu trúc: Móng, cột, giằng móng, giằng cột, sânô máng nước bằng BTCT. Tường bao xây gạch, cửa đi và cửa sổ nhôm kính, thanh kèo và dòn tay bằng thép, mái lợp tole sóng vuông + bông thủy tinh cách nhiệt, trần thạch cao khung nhôm loại nổi, nền đổ BT láng đá mài kẻ Joint kính.

- Nhà CANTEEN + Bếp: Nhà dạng nhà công nghiệp 1 tầng cấp 3, DTXD: 336m². Cấu trúc: Móng, cột bằng BTCT, tường bao xây gạch, vì kèo và dòn tay bằng thép, mái lợp tole sóng vuông, trần thạch cao, cửa đi và cửa sổ nhôm kính, nền đổ BT láng đá mài kẻ Joint kính.

- Nhà vệ sinh công nhân: Nhà 1 tầng cấp 3, DTXD: 40,96m². Cấu trúc: Móng, cột bằng BTCT, tường bao xây gạch, cửa đi nhôm kính, cửa sổ sắt kính, dòn tay gỗ, mái lợp tole sóng vuông, trần sợi thủy tinh khung kim loại, nền đổ BT lát gạch ceramic 200x200 nhám.

- Nhà bảo vệ: Nhà trệt cấp 3. DTXD: 6m². Cấu trúc: Móng, cột, sàn mái bằng BTCT, tường bao xây gạch, cửa đi và cửa sổ nhôm kính, nền đổ BT lát gạch bông.

- Nhà để máy phát điện: Nhà trệt cấp 3, DTXD: 44m². Cấu trúc: Móng, cột, sàn mái bằng BTCT, tường bao xây gạch, cửa đi sắt kính, nền đổ BT láng xi măng.

- Tháp nước và hồ nước ngầm: Quy mô cấp 3, dung tích tháp nước: 18m³; Dung tích hồ nước: 94m³. Cấu trúc: Móng cột đáy hồ, đáy tháp, thành hồ, thành tháp, giằng đều bằng BTCT.

Công trình có hệ thống thu lỏi chống sét.

Công trình xây dựng tại: Xã Tân Đông Hiệp, huyện Thuận An, tỉnh Bình Dương trên khu đất có diện tích: 8.178,13m² theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 61 183-QSĐĐ/1997 ngày 27/09/1997 do UBND tỉnh Bình Dương cấp, có kèm theo hợp đồng thuê đất số/HĐ-TĐ ngày 25/09/1997 giữa sở Địa chính Bình Dương và công ty TNHH Vina Changtai.

Chủ đầu tư là : Công ty TNHH Vina Changtai.

Có địa chỉ tại : Xã Tân Đông Hiệp - Huyện Thuận An - Tỉnh Bình Dương.

Được phép đầu tư XD theo giấy phép đầu tư số : 1814/GP ngày 18/01/1997 do Bộ kế hoạch và đầu tư cấp.

ĐIỀU II:

Công trình được tiến hành XD theo thiết kế đã được thẩm định và theo văn bản này kể từ ngày 17 tháng 1 năm 1998 với các điều kiện sau:

1/ Mặt bằng công trình đã được đền bù, giải phóng và có văn bản bàn giao của địa phương .

2/ Đã chuẩn bị điều kiện an toàn XD để khởi công xây dựng công trình .

3/ Đã có thông báo ngày khởi công cho UBND cấp Tỉnh và Huyện Sở tại trước khi khởi công XD công trình .



ĐIỀU III:

Chủ đầu tư phải hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật VN nếu xâm phạm các quyền lợi hợp pháp của người có liên quan khi tiến hành xây dựng công trình và phải thực hiện các qui định khác của pháp luật Việt Nam liên quan.

Quyết định này có hiệu lực từ ngày ký, sau 1 năm công trình chưa được tiến hành xây dựng hoặc đã khởi công xây dựng nhưng để ngất quảng trên 1 năm thì chủ đầu tư phải báo cáo lý do và xin gia hạn.

NƠI NHẬN:

- Cty TNHH Vina Changtai.
- Sở Xây Dựng.
- UBND Huyện Thuận An.
- Ban QL các khu CN.
- Lưu văn phòng.

THỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH
CHỦ TỊCH



CHỨNG THỰC BẢN SAO ĐÚNG VỚI BẢN CHÍNH
Số chứng thực.....Quyển số.....SCT/BS

13-12-2024

CÔNG CHỨNG VIÊN



Vũ Thị Yến

SỞ XÂY DỰNG BÌNH DƯƠNG

Số : 33 /HD-XD

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc Lập - Tự Do - Hạnh PhúcBình Dương, ngày 19 tháng 05 năm 1997

HỢP ĐỒNG LẬP BẢN VẼ HIỆN TRẠNG

Công trình : Vina Chang tại
Nhà máy SX trang phục Lở

- Căn cứ QĐ số 120/QĐ-UB ngày 09/01/1997 của UBND Tỉnh Bình Dương v/v qui định chức năng quyền hạn, nhiệm vụ và cơ cấu tổ chức của Sở Xây Dựng Tỉnh Bình Dương.

- Căn cứ quyết định số 284/QĐ-UB ngày 23/11/1990 của giám đốc Sở Xây Dựng về việc thành lập nhóm thiết kế xây dựng và quy hoạch.

THỎA THUẬN HỢP ĐỒNG

1/- ĐẠI DIỆN BÊN B :

Ong : Nguyễn Văn Nhứt

Ong Hà-Ngươn-Khánh

Chức vụ : Giám đốc Sở xây Dựng.

Chức vụ : kế Toán Trưởng.

2/- ĐẠI DIỆN BÊN A (bên đặt hàng)

Ong, bà :

Chức vụ :

Ong, bà :

Chức vụ :

ĐIỀU 1 : hai bên thỏa thuận ký kết hợp đồng gồm các điều khoản sau đây :

STT	Tên công trình	Số m ² XD	Giá TK phí	Tỷ lệ thu	Thành tiền
01/-	Nhà Xưởng	1.680	27.000	1/3	15.120.000
02	Nhà vệ sinh CN	40,96	26.200	"	357.717
03	Nhà bảo vệ	06	26.200	"	52.400
04	Như phát triển	44	26.200	"	384.266
05	Nhà để xe + dép	226,31	26.200	"	1.976.440
06	Công trình rào	382 md	300.000 x 3,1%	"	1.184.200
					19.075.023

Lấy tròn : 19.075.000

Tổng giá trị hợp đồng : 19 875.000 đ
 Thời gian bàn giao hồ sơ :

ĐIỀU II : Sau khi ký hợp đồng, bên A ứng trước số tiền là :
 Số tiền còn lại bên A có trách nhiệm chuyển trả hết, chậm nhất là 10 ngày sau
 khi hai bên ký biên bản bàn giao hồ sơ đã hoàn chỉnh.

ĐIỀU III : Hợp đồng sau khi đã ký kết hai bên không được hủy bỏ từng phần
 hoặc toàn bộ hợp đồng. Nếu vì lý do gì đó cần điều chỉnh thì phải có sự thương lượng
 và thỏa thuận giữa 2 bên.

ĐIỀU IV : Hợp đồng có giá trị về pháp lý kể từ ngày ký và 2 bên có trách
 nhiệm thi hành các quy định hiện hành của Nhà Nước về các chế độ hợp đồng.
 Hợp đồng này lập thành 04 bản. Mỗi bên giữ 02 bản.

Những điều cần chú ý thêm :

CHỨNG THỰC BẢN SAO ĐÚNG VỚI BẢN CHÍNH
 Số chứng thực.....Quyển số.....SCT/BS.....

13-12-2024

CÔNG CHỨNG VIỆN

Hợp đồng này lập tại Sở Xây Dựng Bình Dương.

TÀI VỤ BÊN B

[Signature]



ĐẠI DIỆN BÊN B
 GIÁM ĐỐC



Nguyễn Văn Nhiên

TÀI VỤ BÊN A

ĐẠI DIỆN BÊN A



[Signature]



Số: 4211/1998/BB-XD

BIÊN BẢN KIỂM TRA HOÀN CÔNG**Công Trình :** Công ty TNHH Vina Changtai

(Nhà máy sản xuất trang phục lót)

Địa chỉ : Ấp Đông An - xã Tân Đông Hiệp

Huyện Thuận An - Tỉnh Bình Dương.

Hôm nay vào lúc 2h ngày 14/4/1998.

Chúng tôi gồm có :

- | | |
|---------------------------|--------------------------------------|
| - Bà Đoàn-Bích-Thủy | ĐD.Sở Xây Dựng. |
| - Bà Nguyễn Thị Thanh Hảo | ĐD.Sở Xây Dựng. |
| - Ông Shih Chao Yuan | Giám đốc công ty TNHH Vina Changtai. |

Chúng tôi cùng tiến hành kiểm tra hoàn công hạng mục công trình của Công Ty TNHH Vina Changtai.

Qua hồ sơ hiện có và kiểm tra thực tế chúng tôi nhận thấy như sau :

I/- Hồ sơ thủ tục xây dựng công trình :

- 1/- Hợp đồng thuê đất số 399/HĐ/TĐ ngày 25/9/1997 giữa Sở Địa Chính và công ty TNHH Vina Changtai.
- 2/- Giấy phép đầu tư số 1814/GP ngày 18/01/1997 do Bộ kế hoạch và đầu tư cấp.
- 3/- Hợp đồng kinh tế thi công hồ nước-tháp nước nhà để máy phát điện giữa công ty TNHH xây dựng Hữu Phương và công ty Vina Changtai.
- 4/- Quyết định của UBND v/v phê duyệt b/c thẩm định hồ sơ thiết kế kỹ thuật của công ty Vina Changtai số 173/QĐ-UB ngày 17/01/1998.
- 5/- Quyết định của UBND v/v phê chuẩn báo cáo đánh giá tác động môi trường số 1885/QĐ-UB ngày 2/7/1997.
- 6/- Giấy phép XD tường rào công ty TNHH Changtai số 74/GP-XD ngày 19/4/1997.
- 7/- Hợp đồng kinh tế số 0297/HĐ ngày 23/7/1997 giữa công ty TNHH Vina Changtai và công ty TNHH XD và thương mại Thiên Nam.
- 8/- Biên bản nghiệm thu bàn giao hệ thống cấp nước chữa cháy vách tường số 030398/BBNT-BH ngày 23/3/1998.
- 9/- Chứng chỉ hành nghề xây dựng số 1172 ngày 13/8/1997 mã số đăng ký 081.024.Q1 của công ty TNHH xây dựng thương mại Thiên Nam.

II/- Phần kiểm tra hạng mục đã xây dựng :

1/- Xưởng sản xuất :

- Nhà công nghiệp 1 tầng - cấp 3.
- DTXD : 1.680 m².
- Kết cấu : Móng, cột : BTCT, tường bao xây gạch, giằng cột và sê nô máng nước bằng BTCT, cửa đi và cửa sổ nhôm kính, sắt kính, vì kèo, đòn tay bằng thép, tấm lợp tole sóng vuông, không trần nền đổ BT láng đá mài kẻ joint kính.

2/- Khối nghỉ và văn phòng :

- Nhà 01 tầng cấp 3.
- DTXD : 480 m².
- Kết cấu : Móng, cột giằng móng, giằng cột sê nô máng nước bằng BTCT. Tường xây gạch, cửa đi và cửa sổ nhôm kính, thanh kèo và đòn tay bằng thép, mái lợp tole sóng vuông + bông thủy tinh cách nhiệt, trần thạch cao khung nhôm loại nổi, nền đổ BT láng đá mài kẻ joint kính.

3/- Nhà căn teen + Bếp :

- Nhà công nghiệp 1 tầng cấp 3.
- DTXD : 336 m².
- Kết cấu : Móng, cột : BTCT, tường bao xây gạch, vì kèo và đòn tay bằng thép, mái lợp tole sóng vuông, trần thạch cao, cửa đi và cửa sổ nhôm kính, nền đổ BT láng đá mài kẻ joint kính.

4/- Nhà WC công nhân :

- Nhà 01 tầng cấp 3.
- Diện tích : 40,96 m².
- Kết cấu : Móng cột BTCT, tường bao xây gạch, cửa đi nhôm kính, cửa sổ sắt kính, đòn tay gỗ, mái lợp tole sóng vuông, trần sợi thủy tinh khung kim loại, nền đổ BT lát gạch bông.

5/- Nhà để máy phát điện :

- Nhà trệt cấp 3.
- Diện tích : 44 m².
- Kết cấu : Móng cột sàn mái : BTCT, tường bao xây gạch, cửa đi sắt kính, nền đổ BT láng XM.

6/- Nhà để xe CN và để nón dép CN :

- Nhà trệt cấp 4A.
- Diện tích XD nhà để xe : 218,28 m².
- Diện tích XD nhà để nón dép CN : 16,05 m².

- Kết cấu : móng BT, cột sắt Φ 60, nền XMBT, kèo và đòn tay bằng thép, mái lợp tole, không vách.

7/- Tháp nước và hồ nước ngầm :

- Dung tích tháp 18 m^3 .
- Dung tích hồ nước : 94 m^3 .
- Móng cột, đáy hồ, đáy tháp, thành hồ, thành tháp, giếng, đều bằng BTCT.

8/- Nhà bảo vệ :

- Nhà cấp 3, trệt.
- DTXD : 6 m^2 .
- Kết cấu : Móng cột sàn mái bằng BTCT, tường bao xây gạch, cửa đi và cửa sổ nhôm kính, nền đổ BT lát gạch bông.

9/- Cổng tường rào : gồm cổng chính và cổng phụ.

- Tổng chiều dài : 357,04md.
- Tường xây gạch Block 190×390 .
- Móng đà kiềng cột BTCT.

III/- Các kiểm tra khác :

- Phòng cháy chữa cháy cho công trình : Không kiểm tra.
- Vệ sinh môi trường : Không kiểm tra.
- Kết cấu, chất lượng và độ bền của công trình : Không kiểm tra.
- Phần cấp nước : công ty khoan giếng để sử dụng.
- Phần thoát nước : công ty có hệ thống thoát nước bằng hố ga.

IV/- Kết luận và kiến nghị :

1/- Hồ sơ thiết kế kỹ thuật công trình có phát sinh và thay đổi :

* Thay đổi :

+ Đối với nhà xưởng :

- Cửa đi trong khoảng 5-6 có thêm 01 cửa sắt xếp.
- Tại trục 2.3 có thêm cửa sắt cuốn.
- Mỗi cửa sổ S1 đều có bông sắt ô vuông bảo vệ.
- Thêm 02 vách thạch cao tại trục 8 - 9 (chiều ngang).
- Thêm 02 vách thạch cao tại trục D.E (chiều dài).
- Vách thạch cao có độ cao 2,5m có 01 cửa đi và 03 cửa sổ.

+ Khối văn phòng :

- Vách ngăn dự kiến được thay thế bằng vách thạch cao phát sinh 3 cửa sổ, bỏ 01 cửa đi, vách ngăn trong thêm 01 cửa đi (vách ngăn này nằm theo chiều dài tại trục C, chiều ngang trục 6-7).

- Toàn bộ cửa bên ngoài (cửa sổ - cửa đi) đều gắn thêm cửa sắt kính.

+ Khối nghi :

- Thêm 01 vách ngăn bằng thạch cao cách trục 2 là 1,2m và có cửa ô cửa rộng 1,3m, toàn bộ cửa bên ngoài đều có đặt thêm lớp cửa kính khung sắt.

+ Nhà máy phát điện :

- Thay đổi vị trí cửa sắt DX tại mặt đứng cửa trục 1.3 và thêm bông gió ở trục 3.1.

+ Cổng tường rào và nhà bảo vệ :

- Không ghi kích thước chiều cao tường rào 2,9m.
- Không ghi chú tường rào.
- Chiều cao nhà bảo vệ theo thiết kế cao 3300 thực tế 3.650.

* Phát sinh :

- Nhà xe : Diện tích : 218,28m².
- + Nhà cấp 4A cột sắt Φ 60, kèo sắt, đòn tay sắt.
- Nhà để nón dép công nhân : Diện tích : 16,05 m².
- + Nhà cấp 4A, cột sắt Φ 60. Kèo, đòn tay sắt. Ngoài ra, tổng thể sân vườn, đường nội bộ đã được thi công ngoài nội dung GPXD được cấp.

Nhìn chung công trình xây dựng có phát sinh và thay đổi nhưng không ảnh hưởng về mặt quy hoạch tổng thể kiến trúc công trình, riêng phần chất lượng công trình chủ đầu tư tự chịu trách nhiệm.

2/- Phần PCCC Công Ty TNHH Vina Changtai cần liên hệ với phòng cảnh sát PCCC Bình Dương để được hướng dẫn thực hiện.

3/- Phần tác động đến môi trường công ty TNHH Vina Changtai phải có đánh giá tác động môi trường được phê duyệt và thực hiện theo QĐ phê duyệt.

4/- Đề nghị Ban giám đốc Sở Xây Dựng Bình Dương chấp thuận hoàn công công trình sau khi thực hiện các yêu cầu trên.

ĐẠI DIỆN SỞ XÂY DỰNG

ĐD. CÔNG TY TNHH VINA CHANGTAI

Đoàn-Bích-Thủy Nguyễn Thị Thanh Hảo



SỞ XÂY DỰNG BÌNH DƯƠNG

Số : ...621.../1998/CV-XD

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc Lập - Tự Do - Hạnh Phúc

Bình Dương, ngày 02 tháng 7 năm 1998

V/v Kiểm tra xây dựng
hoàn công các hạng mục
công trình.

Kính gửi : Công ty TNHH Vina Changtai
(Nhà máy sản xuất trang phục lót)
Địa chỉ : Ấp Đông An - xã Tân Đông Hiệp
Huyện Thuận An - Tỉnh Bình Dương.

- Căn cứ quyết định số 120/QĐ-UB ngày 09/01/1997 của UBND Tỉnh Bình Dương v/v qui định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Xây Dựng Bình Dương.
- Căn cứ quyết định số 198/QĐ-UB ngày 20/01/1997 của UBND Tỉnh Bình Dương v/v ban hành bản qui định cấp giấy phép xây dựng các công trình trên địa bàn Tỉnh Bình Dương.
- Căn cứ quyết định số 255/QĐ-UB ngày 27/01/1997 của UBND Tỉnh Bình Dương v/v Ban hành bản quy định tạm thời về quản lý Nhà Nước đối với nhà ở đô thị, nhà ở các xã và nhà xưởng thuộc Tỉnh Bình Dương.
- Căn cứ biên bản kiểm tra hoàn công số 471/1998/BB-XD ngày 14/4/1998 của Sở Xây Dựng Tỉnh Bình Dương.
- Giấy phép đầu tư số 1814/GP ngày 18/01/1997 do Bộ kế hoạch và đầu tư cấp.
- Qua xem xét hồ sơ bản vẽ hoàn công.

SỞ XÂY DỰNG CÓ Ý KIẾN NHƯ SAU :

I/- Hạng mục công trình xây dựng :

1/- Xưởng sản xuất :

- Nhà công nghiệp 1 tầng - cấp 3.
- DTXD : 1.680 m².
- Kết cấu : Móng, cột :BTCT, tường bao xây gạch, giằng cột và sê nô máng nước bằng BTCT, cửa đi và cửa sổ nhôm kính, sắt kính, vì kèo, đòn tay bằng thép, tấm lợp tole sóng vuông, không trần nền đổ BT láng đá mài kẻ joint kính.

2/- Khối nghỉ và văn phòng :

- Nhà 01 tầng cấp 3.
- DTXD : 480 m².
- Kết cấu : Móng, cột giằng móng, giằng cột sê nô máng nước bằng BTCT. Tường xây gạch, cửa đi và cửa sổ nhôm kính, thanh kèo và đòn tay bằng thép,

mái lợp tole sóng vuông + bông thủy tinh cách nhiệt, trần thạch cao khung nhôm loại nổi, nền đổ BT láng đá mài kẻ joint kính.

3/- Nhà căn teen + Bếp :

- Nhà công nghiệp 1 tầng cấp 3.
- DTXD : 336 m².
- Kết cấu : Móng, cột : BTCT, tường bao xây gạch, vì kèo và đòn tay bằng thép, mái lợp tole sóng vuông, trần thạch cao, cửa đi và cửa sổ nhôm kính, nền đổ BT láng đá mài kẻ joint kính.

4/- Nhà WC công nhân :

- Nhà 01 tầng cấp 3.
- Diện tích : 40,96 m².
- Kết cấu : Móng cột BTCT, tường bao xây gạch, cửa đi nhôm kính, cửa sổ sắt kính, đòn tay gỗ, mái lợp tole sóng vuông, trần sợi thủy tinh khung kim loại, nền đổ BT lát gạch bông.

5/- Nhà để máy phát điện :

- Nhà trệt cấp 3.
- Diện tích : 44 m².
- Kết cấu : Móng cột sàn mái : BTCT, tường bao xây gạch, cửa đi sắt kính, nền đổ BT láng XM.

6/- Nhà để xe CN và để nón dép CN :

- Nhà trệt cấp 4A.
- Diện tích XD nhà để xe : 218,28m².
- Diện tích XD nhà để nón dép CN : 16,05 m².
- Kết cấu : móng BT, cột sắt Φ 60, nền XMBT, kèo và đòn tay bằng thép, mái lợp tole, không vách.

7/- Tháp nước và hồ nước ngầm :

- Dung tích tháp 18 m³.
- Dung tích hồ nước : 94 m³.
- Móng cột, đáy hồ, đáy tháp, thành hồ, thành tháp, giằng, đều bằng BTCT.

8/- Nhà bảo vệ :

- Nhà cấp 3 trệt.
- DTXD : 6 m².
- Kết cấu : Móng cột sàn mái bằng BTCT, tường bao xây gạch, cửa đi và cửa sổ nhôm kính, nền đổ BT lát gạch bông.

9/- Cổng tường rào : gồm cổng chính và cổng phụ.

- Tổng chiều dài : 357,04md.
- Tường xây gạch Block 190x390.
- Móng đà kiềng cột BTCT.

II/- Địa điểm xây dựng:

- Công trình được XD tại Ấp Đông An - xã Tân Đông Hiệp Huyện Thuận An - Tỉnh Bình Dương.
- Hợp đồng thuê đất số 399/HĐ/TĐ ngày 25/9/1997 giữa Sở Địa Chính và công ty TNHH Vina Changtai.

III/- Ý kiến Kết luận :

1/- Hồ sơ thiết kế kỹ thuật công trình có phát sinh và thay đổi :

* Thay đổi :

+ Đối với nhà xưởng :

- Cửa đi trong khoảng 5-6 có thêm 01 cửa sắt xếp.
- Tại trục 2.3 có thêm cửa sắt cuốn.
- Mỗi cửa sổ S1 đều có bông sắt ô vuông bảo vệ.
- Thêm 02 vách thạch cao tại trục 8 - 9 (chiều ngang).
- Thêm 02 vách thạch cao tại trục D.E (chiều dài).
- Vách thạch cao có độ cao 2,5m có 01 cửa đi và 03 cửa sổ.

+ Khối văn phòng :

- Vách ngăn dự kiến được thay thế bằng vách thạch cao phát sinh 3 cửa sổ, bỏ 01 cửa đi, vách ngăn trong thêm 01 cửa đi (vách ngăn này nằm theo chiều dài tại trục C, chiều ngang trục 6-7).

- Toàn bộ cửa bên ngoài (cửa sổ - cửa đi) đều gắn thêm cửa sắt kính.

+ Khối nghỉ :

- Thêm 01 vách ngăn bằng thạch cao cách trục 2 là 1,2m và có cửa ô cửa rộng 1,3m, toàn bộ cửa bên ngoài đều có đặt thêm lớp cửa kính khung sắt.

+ Nhà máy phát điện :

- Thay đổi vị trí cửa sắt DX tại mặt đứng cửa trục 1.3 và thêm bông gió ở trục 3.1.

+ Cổng tường rào và nhà bảo vệ :

- Không ghi kích thước chiều cao tường rào 2,9m.
- Không ghi chú tường rào.
- Chiều cao nhà bảo vệ theo thiết kế cao 3300 thực tế 3.650.

* Phát sinh :

- Nhà xe : Diện tích : 218,28m².

+ Nhà cấp 4A cột sắt Φ 60, kèo sắt, đòn tay sắt.

- Nhà để nón dép công nhân : Diện tích : 16,05 m².

+ Nhà cấp 4A, cột sắt Φ 60. Kèo, đòn tay sắt. Ngoài ra, tổng thể sân vườn, đường nội bộ đã được thi công ngoài nội dung GPXD được cấp.

Nhìn chung công trình xây dựng có phát sinh và thay đổi nhưng không ảnh hưởng về mặt quy hoạch tổng thể kiến trúc công trình, riêng phần chất lượng công trình chủ đầu tư tự chịu trách nhiệm.

- Công ty TNHH Vina Changtai được phép đưa công trình vào sử dụng theo nội dung phần I và theo quy định chung .

IV/- Công ty TNHH Vina Changtai.

- 1/- Phải đảm bảo an toàn PCCC theo đúng qui định của công an PCCC Tỉnh Bình Dương.
 - 2/- Phải đảm bảo hệ thống cấp thoát nước, vệ sinh môi trường, không làm ảnh hưởng đến các công trình lân cận và môi trường xung quanh.
 - 3/- Phần tác động đến môi trường công ty TNHH Vina Changtai thực hiện theo quyết định được phê duyệt.
 - 4/- Bảo đảm an toàn sử dụng điện theo quy định.
 - 5/- Chủ đầu tư công trình chịu trách nhiệm về an toàn, bền vững công trình.
- Mọi vi phạm chủ công trình hoàn toàn chịu trách nhiệm và sẽ bị xử lý theo qui định của pháp luật hiện hành.

Nơi nhận :

- UBND Tỉnh (b/c).
- Công ty TNHH Vina Changtai.
- UBND Huyện Thuận An.
- Lưu VP.SXD.

GIÁM ĐỐC SỞ XÂY DỰNG



Nguyễn Văn Khiển

à

n -

và

ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH BÌNH DƯƠNG

☸ ❖ ☸

Số: 237/QĐ-CT

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

----- 000 -----

Bình Dương, ngày 22 tháng 04 năm 2003

QUYẾT ĐỊNH CỦA CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN

Về việc chấp thuận thiết kế kỹ thuật và xây dựng

Công trình xưởng sản xuất đồ lót cao cấp (giai đoạn 2) của Công ty
trách nhiệm hữu hạn VINA CHANGTAI

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN

- Căn cứ luật tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 21/06/1994.

- Căn cứ luật đầu tư nước ngoài tại Việt Nam.

- Căn cứ Nghị Định số 24/2000/NĐ-CP ngày 31/07/2000 của Chính Phủ quy định chi tiết thi hành luật đầu tư nước ngoài tại Việt Nam và Thông Tư số 16/BXD-CSXD ngày 11/12/2000 của Bộ Trưởng Bộ Xây Dựng “ Hướng dẫn về quản lý xây dựng các công trình có vốn đầu tư nước ngoài và nhà thầu nước ngoài nhận thầu xây dựng tại Việt Nam ”

- Xét hồ sơ thẩm định thiết kế công trình xưởng sản xuất đồ lót cao cấp (giai đoạn 2) của Chủ đầu tư là Công ty trách nhiệm hữu hạn Vina Changtai.

QUYẾT ĐỊNH

Điều 1: Chấp thuận thiết kế kỹ thuật công trình: Xưởng sản xuất đồ lót cao cấp (giai đoạn 2) do Công ty trách nhiệm hữu hạn xây dựng và tư vấn thiết kế CDE thành phố Hồ Chí Minh thiết lập, gồm các hạng mục sau:

1/ Nhà xưởng:

- Qui mô: Nhà 1 tầng, cấp 3.
- Diện tích: 30m x 48m = 1.440m².
- Cấu trúc: Móng, cột, đà kiềng, giằng tường, giằng đầu cột bằng bê tông cốt thép. Tường xây gạch. Cửa cuốn và cửa kính khung



sắt. Vì kèo, đòn tay, giằng mái bằng thép. Mái lợp tole, không có trần. Nền đổ bê tông.

2/ Nhà ký túc xá:

- Qui mô: Nhà 2 tầng, cấp 3.
- Diện tích: Diện tích nền = $9,5\text{m} \times 12,3\text{m} = 116,85\text{m}^2$.
Diện tích sàn tầng 2 = $9,5\text{m} \times 14,1\text{m} = 133,95\text{m}^2$. Tổng diện tích = $250,8\text{m}^2 + 18\text{m}^2$ phòng cầu thang lên mái.
- Cấu trúc: Móng, cột, đà kiềng, đà và sàn tầng 2, đà và sàn mái bằng bê tông cốt thép. Tường xây gạch. Cửa kính khung nhôm. Nền và sàn lát gạch ceramic.

3/ Hạ tầng: Công trình có thiết kế hệ thống thoát nước và điện chiếu sáng.

Công trình xây dựng trên lô đất có diện tích $8.178,13\text{m}^2$. Tại xã Tân Đông Hiệp, huyện Dĩ An, tỉnh Bình Dương.

Theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 183-QSĐĐ/1997 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Dương cấp ngày 27/09/1997.

Chủ đầu tư là: Công ty trách nhiệm hữu hạn Vina Changtai.

Có địa chỉ tại: Tân Đông Hiệp, huyện Dĩ An, tỉnh Bình Dương. Được phép đầu tư xây dựng theo giấy phép đầu tư số 1814/GP ngày 18/01/1997 do Bộ Kế hoạch và đầu tư cấp đã được thiết kế phù hợp với quy định của pháp luật Việt Nam và đạt tiêu chuẩn kỹ thuật.

Về an toàn công trình đã được cơ quan chuyên môn thẩm định thiết kế: Sở Xây Dựng tỉnh Bình Dương tại văn bản số82...../BC-XD ngày 20...../01...../2003.

Điều 2: Công trình được tiến hành xây dựng theo thiết kế đã được thẩm định và theo văn bản này kể từ ngày tháng 01 năm 2003. Quyết định này thay thế giấy phép xây dựng. Với các điều kiện sau:

1/ Mặt bằng công trình đã được đền bù, giải phóng và có văn bản bàn giao của địa phương.

2/ Đã chuẩn bị điều kiện an toàn xây dựng để khởi công xây dựng công trình.

3/ Hoàn chỉnh hồ sơ thiết kế theo mục 3 nêu trong báo cáo thẩm định số 82 /BC-XD ngày 20 tháng 01 năm 2003 của Sở Xây dựng tỉnh Bình Dương.

4/ Đã có thông báo ngày giờ khởi công cho Ủy ban nhân dân cấp Tỉnh và Huyện sở tại trước khi khởi công xây dựng công trình.

Điều 3: Chủ đầu tư phải hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật Việt Nam nếu xâm phạm các quyền lợi hợp pháp của người có liên quan khi tiến hành xây dựng công trình và phải thực hiện các quy định khác của pháp luật Việt Nam liên quan.

Điều 4: Các ông Chánh văn phòng Hội đồng nhân dân Ủy ban nhân dân Tỉnh, Giám đốc sở Xây Dựng, Ủy ban nhân dân huyện Dĩ An, Chủ đầu tư chịu trách nhiệm thi hành quyết định này.

Quyết định này có hiệu lực từ ngày ký, sau 1 năm công trình chưa được tiến hành xây dựng hoặc đã khởi công xây dựng nhưng để ngắt quãng trên 1 năm thì chủ đầu tư phải báo cáo lý do và xin gia hạn.

Nơi nhận:

- Như trên.
- Sở Xây Dựng.
- UBND huyện Dĩ An.
- Văn phòng (để Lưu).

KT. CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN

PHÓ CHỦ TỊCH

CHỨNG THỰC BẢN SAO ĐÚNG VỚI BẢN CHÍNH
Số chứng thực..... Quyển số..... SCT/BS

13-12-2024

CÔNG CHỨNG VIỆN

Trần Thị Kim Vân



Vũ Thị Yến

Số: 36.5...../BB-XD

BIÊN BẢN KIỂM TRA XÂY DỰNG

Công trình: NHÀ XƯỞNG CỦA CÔNG TY TNHH VINA CHANG TAI
Địa chỉ: xã Tân Đông Hiệp – huyện Dĩ An - tỉnh Bình Dương.

Hôm nay, vào lúc 9 giờ 30 phút ngày 17 tháng 03 năm 2003, chúng tôi gồm có:

- | | |
|---------------------------|-----------------------|
| 1. Bà: Đoàn Bích Thủy | -Đại diện Sở Xây Dựng |
| 2. Ông: Võ Hoàng Ngân | -Đại diện Sở Xây Dựng |
| 3. Ông: LIN, HSIU - CHUAN | -T.Giám đốc Công ty |

Chúng tôi cùng tiến hành kiểm tra xây dựng các hạng mục công trình của Công Ty TNHH VINA CHANG TAI. Qua hồ sơ hiện có và kiểm tra thực tế chúng tôi nhận thấy như sau:

I. HỒ SƠ THỦ TỤC XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH:

1. Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất vào sổ số 183/QSDĐ/1997 ngày 27/09/1997 do UBND tỉnh Bình Dương cấp kèm theo hợp đồng thuê đất số 399/HĐ.TĐ ngày 25/09/1997 giữa Công Ty TNHH VINA CHANG TAI và Sở Địa chính tỉnh Bình Dương.

2. Công văn số 82/BC-XD ngày 20/01/2003 của Sở Xây dựng Bình Dương về việc thẩm định thiết kế kỹ thuật công trình nhà xưởng của Công Ty TNHH VINA CHANG TAI.

3. Quyết định số 277/QĐ.CT ngày 22/01/2003 của UBND tỉnh Bình Dương về việc chấp thuận thiết kế kỹ thuật và xây dựng công trình xưởng của Công Ty TNHH VINA CHANG TAI.

4. Giấy phép đầu tư số 1814/GP ngày 18/01/1997, số 1814/GPBS ngày 15/03/1997, số 1814/GPĐC1 ngày 16/10/1998, số 1814/GPĐC2 ngày 14/01/1999 do Bộ Kế hoạch và Đầu tư cấp; số 1814/GPĐC3-BD ngày 09/11/1999, số 1814/GPĐC4-BKH-BD ngày 20/07/2001 do UBND tỉnh Bình Dương cấp.

5. Công văn số 284/PC23 ngày 05/09/2002 của Phòng cảnh sát PCCC - Công An tỉnh Bình Dương.

6. Quyết định của UBND tỉnh Bình Dương số 1885/QĐ-UB ngày 02/07/1997 về việc phê chuẩn báo cáo đánh giá tác động môi trường nhà máy sản xuất đồ lót cao cấp của Công ty TNHH VINA CHANG TAI.

II. PHẦN KIỂM TRA HẠNG MỤC ĐÃ XÂY DỰNG:

1) Nhà xưởng:

- Quy mô: Nhà xưởng 01 tầng, cấp 3. Có gác lửng.
- Diện tích xây dựng: Tầng trệt = $30\text{m} \times 48\text{m} = 1.440 \text{ m}^2$.
Tầng lửng = $2 \times (6\text{m} \times 30\text{m}) = 360 \text{ m}^2$.
Tổng diện tích = 1800 m^2 .
- Cấu trúc: Móng, cột, đà kiềng, giằng đầu cột bằng bê tông cốt thép. Tường xây gạch. Cửa cuốn và cửa kính khung sắt. Vòi kéo, đòn tay, giằng mái bằng thép. Mái lợp tole. Sàn tầng lửng bằng gỗ. Cột, dầm bằng thép. Nền xưởng đổ bê tông xoa nhẵn.

2) Nhà ký túc xá:

- Quy mô: Nhà 02 tầng, cấp 3.
- Diện tích xây dựng: Tầng trệt = $9,5\text{m} \times 15,3\text{m} = 145,35 \text{ m}^2$.
Tầng lầu = $145,35 \text{ m}^2$.
Tổng diện tích = $290,7 \text{ m}^2$.
- Cấu trúc: Móng, cột, đà kiềng, đà, sàn tầng 2, sàn mái bằng bê tông cốt thép. Tường xây gạch. Cửa kính khung nhôm. Nền và sàn lát gạch ceramic.

III. CÁC KIỂM TRA KHÁC:

- Phòng cháy chữa cháy cho công trình: không kiểm tra.
- Vệ sinh môi trường: không kiểm tra.
- Kết cấu, chất lượng và độ bền của công trình: không kiểm tra.
- Phần nước cấp: công trình tự khoan giếng để sử dụng.
- Phần thoát nước công trình có hệ thống thoát nước cho sinh hoạt và nước mưa.

IV. KẾT LUẬN VÀ KIẾN NGHỊ:

Nhìn chung công trình đạt yêu cầu sử dụng. Riêng phần chất lượng công trình chủ đầu tư tự chịu trách nhiệm.

Công Ty TNHH VINA CHANG TAI phải thực hiện các điều sau đây:

1. Thực hiện theo nội dung công văn số 284/PC23 ngày 05/09/2002 của Phòng cảnh sát PCCC - Công An tỉnh Bình Dương.
2. Thực hiện theo quyết định của UBND tỉnh Bình Dương số 1885/QĐ-UB ngày 02/07/1997 về việc phê chuẩn báo cáo đánh giá tác động môi trường nhà máy sản xuất đồ lót cao cấp của Công ty TNHH VINA CHANG TAI.
3. Chủ đầu tư tự chịu trách nhiệm về độ an toàn và bền vững của công trình.
4. Về hệ khung kèo, đơn vị sản xuất thi công chịu trách nhiệm từ khi lắp dựng và đảm bảo an toàn trong quá trình sử dụng.
5. Chủ đầu tư thực hiện luật đất đai đối với doanh nghiệp theo quy định hiện hành.

176

3
D

17

23
PHÒNG
3 CHỨC
THÀNH
T. BÌNH

6. Phải đảm bảo hệ thống cấp thoát nước, vệ sinh môi trường không làm ảnh hưởng đến các công trình lân cận và môi trường chung quanh.
7. Bảo đảm an toàn sử dụng điện theo quy định.
8. Chủ đầu tư phải hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật nếu xâm phạm các quyền hợp pháp của người có liên quan.
9. Chủ đầu tư có trách nhiệm thực hiện luật đầu tư nước ngoài tại Việt Nam và các văn bản hướng dẫn thi hành.

Đề nghị Ban Giám Đốc Sở Xây Dựng tỉnh Bình Dương chấp thuận hiện trạng công trình đã xây dựng sau khi thực hiện các yêu cầu trên./.

Đại diện Sở Xây dựng

C.Ty TNHH VINA CHANG TAI

Đoàn Bích Thủy – Võ Hoàng Ngân



CHỨNG THỰC BẢN SAO ĐÚNG VỚI BẢN CHÍNH
Số chứng thực.....Quyển số.....SCT/BS

13-12-2024

CÔNG CHỨNG VIÊN



Vũ Thị Yến

**SỞ XÂY DỰNG
TỈNH BÌNH DƯƠNG**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số: 36.6...../CV-XD

Bình Dương, ngày 17 tháng 3 năm 2003

V/v kiểm tra xây dựng
hoàn thành công trình

Kính gửi: CÔNG TY TNHH VINA CHANG TAI

Địa chỉ: xã Tân Đông Hiệp – huyện Dĩ An - tỉnh Bình Dương.

- Căn cứ quyết định số 120/QĐ-UB ngày 09/01/1997 của Ủy ban Nhân dân tỉnh Bình Dương về việc quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Xây Dựng tỉnh Bình Dương.
- Căn cứ thông tư số 16/2000/TT-BXD ngày 11 tháng 12 năm 2000 của Bộ Xây Dựng về việc hướng dẫn về quản lý xây dựng đối với hoạt động đầu tư nước ngoài tại Việt Nam.
- Căn cứ quyết định số 225/QĐ-UB ngày 27/1/1997 của Ủy ban Nhân dân tỉnh Bình Dương về việc ban hành bản quy định tạm thời về quản lý nhà nước đối với nhà ở đô thị, nhà ở các xã và nhà xưởng thuộc tỉnh Bình Dương.
- Căn cứ biên bản kiểm tra xây dựng số: 36.5...../BB-XD ngày 17 tháng 03 năm 2003 của Sở Xây Dựng tỉnh Bình Dương.

Qua xem xét hồ sơ bản vẽ xây dựng, Sở Xây dựng có ý kiến như sau:

I. HẠNG MỤC CÔNG TRÌNH ĐÃ XÂY DỰNG:

1) Nhà xưởng:

- Quy mô: Nhà xưởng 01 tầng, cấp 3. Có gác lửng.
- Diện tích xây dựng: Tầng trệt = $30m \times 48m = 1.440 m^2$.
Tầng lửng = $2 \times (6m \times 30m) = 360 m^2$.
Tổng diện tích = $1800 m^2$.
- Cấu trúc: Móng, cột, đà kiềng, giằng đầu cột bằng bê tông cốt thép. Tường xây gạch. Cửa cuốn và cửa kính khung sắt. Vỉ kèo, đòn tay, giằng mái bằng thép. Mái lợp tole. Sàn tầng lửng bằng gỗ. Cột, dầm bằng thép. Nền xưởng đổ bê tông xoa nhẵn.

2) Nhà ký túc xá:

- Quy mô: Nhà 02 tầng, cấp 3.
- Diện tích xây dựng: Tầng trệt = $9,5m \times 15,3m = 145,35 m^2$.
Tầng lầu = $145,35 m^2$.
Tổng diện tích = $290,7 m^2$.



- Cấu trúc: Móng, cột, đà kiềng, đà, sàn tầng 2, sàn mái bằng bê tông cốt thép. Tường xây gạch. Cửa kính khung nhôm. Nền và sàn lát gạch ceramic.

II. ĐỊA ĐIỂM XÂY DỰNG:

Công trình được xây dựng tại xã Tân Đông Hiệp – huyện Dĩ An - tỉnh Bình Dương theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất vào sổ số 183/QSDD/1997 ngày 27/09/1997 do UBND tỉnh Bình Dương cấp kèm theo hợp đồng thuê đất số 399/HĐ.TĐ ngày 25/09/1997 giữa Công Ty TNHH VINA CHANG TAI và Sở Địa chính tỉnh Bình Dương.

III. Ý KIẾN VÀ KẾT LUẬN:

Nhìn chung công trình đạt yêu cầu sử dụng. Riêng phần chất lượng công trình chủ đầu tư tự chịu trách nhiệm.

Công Ty TNHH VINA CHANG TAI phải thực hiện các điều sau đây:

1. Thực hiện theo nội dung công văn số 284/PC23 ngày 05/09/2002 của Phòng cảnh sát PCCC - Công An tỉnh Bình Dương.
2. Thực hiện theo quyết định của UBND tỉnh Bình Dương số 1885/QĐ-UB ngày 02/07/1997 về việc phê chuẩn báo cáo đánh giá tác động môi trường nhà máy sản xuất đồ lót cao cấp của Công ty TNHH VINA CHANG TAI.
3. Chủ đầu tư tự chịu trách nhiệm về độ an toàn và bền vững của công trình.
4. Về hệ khung kèo, đơn vị sản xuất thi công chịu trách nhiệm từ khi lắp dựng và đảm bảo an toàn trong quá trình sử dụng.
5. Chủ đầu tư thực hiện luật đất đai đối với doanh nghiệp theo quy định hiện hành.
6. Phải đảm bảo hệ thống cấp thoát nước, vệ sinh môi trường không làm ảnh hưởng đến các công trình lân cận và môi trường chung quanh.
7. Bảo đảm an toàn sử dụng điện theo quy định.
8. Chủ đầu tư phải hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật nếu xâm phạm các quyền hợp pháp của người có liên quan.
9. Chủ đầu tư có trách nhiệm thực hiện luật đầu tư nước ngoài tại Việt Nam và các văn bản hướng dẫn thi hành.

Mọi vi phạm chủ công trình hoàn toàn chịu trách nhiệm và sẽ bị xử lý theo quy định của pháp luật hiện hành.

Nơi nhận:

- UBND Tỉnh (b/c).
- Như trên.
- UBND huyện Dĩ An.
- Lưu V/p.



GIÁM ĐỐC SỞ XÂY DỰNG

Vũ Thị Yến



Nguyễn Văn Khiếu

Bình Dương, ngày 16 tháng 01 năm 2017

GIẤY PHÉP XÂY DỰNG

Số: 171 /GPXD



1. Cấp cho: CÔNG TY TNHH VINA CHANG TAI.

- Địa chỉ trụ sở chính: 183/2A, khu C, khu phố Đông An, phường Tân Đông Hiệp, thị xã Dĩ An, tỉnh Bình Dương.

2. Được phép xây dựng các công trình thuộc dự án: Nhà xưởng được phê duyệt tại Quyết định số 1312/CVCT ngày 17/12/2016 của Công ty TNHH Vina Chang Tai.

- Theo hồ sơ thiết kế có ký hiệu: TT(01-06); KT(01-10); KC(01-11); PC(01-11); CS01.

- Đơn vị thiết kế: Công ty TNHH Tư vấn Thiết kế Xây dựng Thịnh Việt Phát lập.

- Đơn vị thẩm tra: Công ty TNHH Tư vấn Thiết kế Trung Dũng Sài Gòn.

- Gồm các nội dung sau:

+ Vị trí xây dựng công trình: tại Phường Tân Đông Hiệp, thị xã Dĩ An, tỉnh Bình Dương.

+ Mật độ xây dựng: 52,68%, hệ số sử dụng đất: 0,7.

+ Chỉ giới đường đỏ quy định: 4m tính từ mép đường lô.

+ Chỉ giới xây dựng được cấp: Định vị hạng mục công trình theo mặt bằng tổng thể.

- Tổng số công trình: 01 công trình.

2.1. Nhà xưởng:

- Loại công trình: Công trình công nghiệp.

- Cấp công trình: Cấp III; Số tầng: 03 tầng.

- Diện tích tầng 1: (17x42)= 714m²; Tầng 2: 714m²; Tầng 3: 714m²; Tổng diện tích: 2.142m²;

- Cốt nền công trình (tính từ cốt sân): +0,15m.

- Chiều cao công trình (tính từ cốt sân): 11,65m.

- Cấu trúc: Móng, khung cột, sàn bằng bê tông cốt thép. Nền bê tông. Tường xây gạch. Mái lợp tôn, xà gồ thép, kèo thép.

2.2. Các nội dung khác: Công trình có sơ đồ đấu nối điện, nước, phòng cháy chữa cháy.



3. Giấy tờ về quyền sử dụng đất: Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số K 940147 vào sổ cấp GCN: 182 QSDĐ/1997 ngày 27/9/1997, do UBND tỉnh Bình Dương cấp cho Công ty TNHH Vina Chang Tai.

4. Giấy phép có hiệu lực khởi công xây dựng trong thời hạn 12 tháng kể từ ngày cấp; quá thời hạn trên thì phải đề nghị gia hạn giấy phép xây dựng.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu: VT, T. *Paul*

KT. GIÁM ĐỐC *Paul*
PHÓ GIÁM ĐỐC
*Hoài Tê*
Nguyễn Lộc Hà

Chủ đầu tư phải thực hiện các nội dung sau đây:

1. Phải hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật nếu xâm phạm các quyền hợp pháp của các chủ sở hữu liên kề.
2. Phải thực hiện đúng các quy định của pháp luật về đất đai, về đầu tư xây dựng và Giấy phép xây dựng này.
3. Phải thông báo cho cơ quan cấp phép xây dựng trước khi khởi công xây dựng công trình.
4. Xuất trình Giấy phép xây dựng cho cơ quan có thẩm quyền khi được yêu cầu theo quy định của pháp luật và treo biển báo tại địa điểm xây dựng theo quy định.
5. Khi điều chỉnh thiết kế làm thay đổi một trong các nội dung quy định tại Khoản 1 Điều 98 Luật Xây dựng năm 2014 thì phải đề nghị điều chỉnh giấy phép xây dựng và chờ quyết định của cơ quan cấp phép

ĐIỀU CHỈNH/GIA HẠN GIẤY PHÉP

1. Nội dung điều chỉnh/gia hạn:
2. Thời gian có hiệu lực của giấy phép:

Bình Dương, ngày tháng năm

GIÁM ĐỐC

ĐIỀU CHỈNH GIẤY PHÉP

1. Nội dung điều chỉnh:

- Đồng ý cho Công ty TNHH VINA CHANG TAI được phép điều chỉnh giấy phép xây dựng số 171/GPXD ngày 16/01/2017 do Sở Xây dựng tỉnh Bình Dương cấp.

- Nội dung điều chỉnh: Điều chỉnh điểm 1 khoản 2 Giấy phép xây dựng số 171/GPXD ngày 16/01/2017.

+ Chiều cao công trình xưởng (tính từ cốt sân): 15,45m.

- Các nội dung khác không thay đổi theo Giấy phép xây dựng số 171/GPXD ngày 16/01/2017 do Sở Xây dựng tỉnh Bình Dương cấp.

2. Thời hạn có hiệu lực của Giấy phép: Giấy phép này có hiệu lực khởi công xây dựng trong thời hạn 12 tháng kể từ ngày cấp.

Bình Dương, ngày 23 tháng 3 năm 2017

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu: VT, T. *Nguyễn Thành Tài*

CHỨNG THỰC BẢN SAO ĐÚNG VỚI BẢN CHÍNH
Số chứng thực.....Quyển số.....SCT/BS

13-12-2024

CÔNG CHỨNG VIÊN



Vũ Thị Yến



Nguyễn Thành Tài

GIÁM ĐỐC *Nguyễn Thành Tài*

UBND TỈNH BÌNH DƯƠNG
SỞ XÂY DỰNG

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 1122 /SXD- QLXD
V/v thông báo kết quả thẩm định
thiết kế xây dựng công trình Công
ty TNHH Vina Chang Tai

Bình Dương, ngày 16 tháng 01 năm 2017

Kính gửi: Công ty TNHH Vina Chang Tai

Sở Xây dựng đã nhận Tờ trình của Công ty TNHH Vina Chang Tai đề nghị thẩm định Báo cáo kinh tế - kỹ thuật đầu tư xây dựng công trình Nhà xưởng của Công ty TNHH Vina Chang Tai.

Căn cứ hồ sơ trình thẩm định gửi kèm tờ trình thẩm định;

Căn cứ Kết quả thẩm tra thiết kế của Công ty TNHH Tư vấn Thiết kế Trung Dũng Sài Gòn;

Căn cứ Luật Xây dựng số 50/2014/QH13 ngày 18/6/2014;

Căn cứ Nghị định số 59/2015/NĐ-CP ngày 18/6/2015 của Chính phủ về quản lý dự án đầu tư xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 46/2015/NĐ-CP ngày 12/5/2015 của Chính phủ về quản lý chất lượng và bảo trì công trình xây dựng;

Căn cứ Thông tư số 03/2016/TT-BXD ngày 10/3/2016 của Bộ xây dựng Quy định về phân cấp công trình xây dựng và hướng dẫn áp dụng trong quản lý hoạt động đầu tư xây dựng;

Sau khi xem xét, Sở Xây dựng thông báo kết quả thẩm định thiết kế xây dựng công trình Nhà xưởng của Công ty TNHH Vina Chang Tai như sau:

I. THÔNG TIN CHUNG VỀ CÔNG TRÌNH

- Tên công trình: Nhà xưởng - Công ty TNHH Vina Chang Tai.
- Loại công trình: Công trình dân dụng; Cấp công trình: Cấp III.
- Thuộc dự án đầu tư: Nhà xưởng của Công ty TNHH Vina Chang Tai.
- Chủ đầu tư: Công ty TNHH Vina Chang Tai.
- Giá trị dự toán xây dựng công trình: 3.000.000.000 đồng.
- Nguồn vốn: Vốn khác.
- Địa điểm xây dựng: Phường Tân Đông Hiệp, thị xã Dĩ An, tỉnh Bình Dương.
- Nhà thầu thiết kế xây dựng công trình: Công ty TNHH Tư vấn Thiết kế Xây dựng Thịnh Việt Phát.

- Nhà thầu khảo sát xây dựng: Công ty Cổ phần Xây dựng Thương mại và Thiết kế Phương Anh.

II. NỘI DUNG HỒ SƠ TRÌNH THẨM ĐỊNH

1. Danh mục hồ sơ trình thẩm định:

- Tờ trình thẩm định thiết kế.
- Các bản vẽ thiết kế và các tài liệu khảo sát, thiết kế xây dựng có liên quan.
- Bản sao về hồ sơ về điều kiện năng lực của tổ chức, các cá nhân chủ nhiệm, chủ trì khảo sát, thiết kế xây dựng công trình.
- Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số K 940147 vào sổ cấp GCN: 182 QSDĐ/1997 ngày 27/9/1997, do UBND tỉnh Bình Dương cấp cho Công ty TNHH Vina Chang Tai.
- Quyết định số 1885/QĐ-UB ngày 02/7/1997 của UBND tỉnh Bình Dương về việc phê chuẩn báo cáo đánh giá tác động môi trường.

2. Các quy chuẩn kỹ thuật, quy chuẩn tiêu chuẩn chủ yếu áp dụng:

*** Các quy chuẩn áp dụng:**

- QCVN 01-2008/BXD Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về quy hoạch xây dựng.
- QCVN 06-2010/BXD Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về an toàn cháy cho nhà và công trình.
- QCVN 03-2012/BXD Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nguyên tắc phân loại, phân cấp công trình dân dụng, công nghiệp và hạ tầng kỹ thuật đô thị.
- QCVN 18-2014/BXD Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về an toàn trong xây dựng.

*** Các tiêu chuẩn áp dụng:**

- TCVN 4319-2012: Nguyên tắc cơ bản thiết kế nhà và công trình công cộng.
- TCVN 4604-2012: Xí nghiệp công nghiệp - Nhà văn phòng sản xuất - Tiêu chuẩn thiết kế.
- TCVN 2737-1995: Tiêu chuẩn tải trọng - tác động.
- TCVN 5574-2012: Kết cấu bê tông cốt thép, tiêu chuẩn thiết kế.
- TCVN 5575-2012: Kết cấu thép, tiêu chuẩn thiết kế.
- TCVN 9362-2012: Tiêu chuẩn thiết kế nền nhà và công trình.
- TCVN 4513-1988: Cấp nước bên trong, tiêu chuẩn thiết kế.
- TCVN 4474-1987: Thoát nước bên trong, tiêu chuẩn thiết kế.
- TCVN 9207-2012: Lắp đặt đường ống dây dẫn điện trong nhà, tiêu chuẩn thiết kế.
- TCVN 2622-1995: phòng cháy cho nhà và công trình.

3. Giải pháp thiết kế chủ yếu về: Kiến trúc, nền, móng, kết cấu, hệ thống kỹ thuật công trình, phòng chống cháy, nổ:

3.1. Nhà xưởng:

- Loại công trình: Công trình công nghiệp.
- Cấp công trình: Cấp III; Số tầng: 03 tầng.
- Diện tích tầng 1: $(17 \times 42) = 714m^2$; Tầng 2: $714m^2$; Tầng 3: $714m^2$; Tổng diện tích: $2.142m^2$;
- Cốt nền công trình (tính từ cốt sân): $+0,15m$.
- Chiều cao công trình (tính từ cốt sân): $11,65m$.
- Cấu trúc: Móng, khung cột, sàn bằng bê tông cốt thép. Nền bê tông. Tường xây gạch. Mái lợp tôn, xà gồ thép, kèo thép.

3.2. Các nội dung khác: Công trình có sơ đồ đầu nối điện, nước, phòng cháy chữa cháy.

III. KẾT QUẢ THẨM ĐỊNH THIẾT KẾ XÂY DỰNG

1. Điều kiện năng lực của tổ chức, cá nhân thực hiện khảo sát, thiết kế xây dựng. Năng lực cá nhân thực hiện thẩm tra thiết kế và thẩm tra dự toán xây dựng.

- Năng lực hoạt động của tổ chức thực hiện khảo sát: Công ty Cổ phần Xây dựng Thương mại và Thiết kế Phương Anh có đăng ký kinh doanh phù hợp với công việc thực hiện; các cá nhân đảm nhiệm chủ nhiệm, chủ trì thực hiện khảo sát có chứng chỉ hành nghề và năng lực phù hợp.

- Năng lực hoạt động của tổ chức thực hiện thiết kế xây dựng: Công ty TNHH Tư vấn Thiết kế Xây dựng Thịnh Việt Phát có đăng ký kinh doanh phù hợp với công việc thực hiện; các cá nhân đảm nhiệm chủ nhiệm, chủ trì thiết kế có chứng chỉ hành nghề và năng lực phù hợp.

- Năng lực hoạt động của tổ chức thực hiện thẩm tra: Công ty TNHH Tư vấn Thiết kế Trung Dũng Sài Gòn có đăng ký kinh doanh phù hợp với công việc thực hiện; các cá nhân đảm nhiệm chủ trì thẩm tra có chứng chỉ hành nghề và năng lực phù hợp.

2. Sự phù hợp của thiết kế xây dựng bước sau so với thiết kế xây dựng bước trước: hồ sơ thiết kế bản vẽ thi công công trình phù hợp với nhiệm vụ thiết kế đã được phê duyệt.

3. Sự hợp lý của các giải pháp thiết kế xây dựng công trình: giải pháp thiết kế lựa chọn hợp lý, đảm bảo khả năng chịu lực cho công trình.

4. Sự tuân thủ các tiêu chuẩn áp dụng, quy chuẩn kỹ thuật, quy định của pháp luật về sử dụng vật liệu xây dựng cho công trình: công trình thiết kế tuân thủ theo các quy chuẩn kỹ thuật, tiêu chuẩn hiện hành.

5. Sự phù hợp của các giải pháp thiết kế công trình với công năng sử dụng của công trình, mức độ an toàn công trình và đảm bảo an toàn của công trình lân cận: các giải pháp thiết kế công trình phù hợp với công năng sử dụng, đảm bảo mức độ an toàn cho công trình và các công trình lân cận.

6. Sự tuân thủ các quy định về bảo vệ môi trường, phòng, chống cháy, nổ:

- Về quy định bảo vệ môi trường: Công trình đã được UBND tỉnh Bình Dương phê chuẩn báo cáo đánh giá tác động môi trường theo Quyết định số 1885/QĐ-UB ngày 02/7/1997.

- Về quy định phòng, chống cháy, nổ: Đề nghị Chủ đầu tư thực hiện theo quy định tại Nghị định 79/2014/NĐ-CP ngày 31/7/2014 của Chính phủ về Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Phòng cháy và chữa cháy và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật phòng cháy và chữa cháy.

IV. KẾT LUẬN VÀ KIẾN NGHỊ:

Hồ sơ thiết kế bản vẽ thi công công trình Nhà xưởng của Công ty TNHH Vina Chang Tai đáp ứng các yêu cầu theo quy định, đủ điều kiện để triển khai các bước tiếp theo./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- GĐ Sở (b/c);
- P.QL HĐXD;
- Lưu: VT, Th.

CHỨNG THỰC BẢN SAO ĐÚNG VỚI BẢN CHÍNH
Số chứng thực.....Quyển số.....SCT/BS

13-12-2024

CÔNG CHỨNG VIÊN

Vũ Thị Yến

KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC



Nguyễn Lộc Hà

....., ngày tháng năm 200.....

GIẤY CHỨNG NHẬN

THẨM ĐỊNH VỀ THIẾT KẾ VÀ THIẾT BỊ PHÒNG CHÁY CHỮA CHÁY

CÔNG TRÌNH NHÀ XƯỞNG 38 x 40 và nhà ở 9,5 x 12,3
CÔNG TY TNHH VINACHANG TAI.....

- Căn cứ nghị định số 220/CP ngày 28-12-1961 của Hội đồng Chính phủ quy định nhiệm vụ, quyền hạn của lực lượng PCCC chuyên nghiệp.
- Căn cứ thông tư số 03-TTLB ngày 3-11-1989 của Liên bộ Nội vụ – Xây dựng quy định chế độ an toàn PCCC, phòng nổ trong xây dựng công trình.
- Căn cứ điều lệ về việc lập, thẩm tra, xét duyệt thiết kế các công trình xây dựng ban hành theo Nghị định số 237-HĐBT ngày 19-9-1985 của Hội đồng Bộ trưởng (nay Chính phủ)

Trưởng phòng cảnh sát phòng cháy và chữa cháy Công an Bình dương.

Thẩm định về thiết kế và thiết bị phòng cháy chữa cháy và phòng nổ cho công trình

Thuộc Nhà xưởng 38 x 40 và nhà ở 9,5 x 12,3
Sổ chứng thực Quyền số SCT/BS

Địa chỉ Tân Đông Hiệp, Dĩ An, Bình Dương 13-12-2024

Theo các bản vẽ KPI/5 ---- KPS/5, KQI/5--- KQS/5, KPI/4--- KQA/4

..... KQI/5 ---- KPS/5

CÔNG CHỨNG VIÊN

và công văn số ngày tháng năm của

Để đảm bảo an toàn về phòng cháy và chữa cháy cho công trình yêu cầu:

- Thiết kế lắp đặt hệ thống chữa cháy và thu hồi chống sét cho nhà máy.

- Trang bị 20 bình chữa cháy loại 9 lít theo quy định của PCCC.

Phòng cảnh sát PCCC sẽ cử cán bộ theo dõi việc thi công và làm thủ tục nghiệm thu về an toàn PCCC trước khi đưa công trình vào sử dụng.

T/L GIÁM ĐỐC CÔNG AN Bình dương

Trưởng phòng cảnh sát PCCC

Nơi nhận:

Như trên.

- Bộ Công an (C23) để báo cáo

- Lưu PC23

TRUNG TÁ: Anh Kiệt

Số: 10 /TD-PCCC-12.....

GIẤY CHỨNG NHẬN THẨM DUYỆT THIẾT KẾ VỀ PHÒNG CHÁY VÀ CHỮA CHÁY

Căn cứ Nghị định số 79/2014/NĐ-CP ngày 31/7/2014 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Phòng cháy và chữa cháy và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Phòng cháy và chữa cháy;

Căn cứ Điều 7 Thông tư số 66/2014/TT-BCA ngày 16/12/2014 của Bộ trưởng Bộ Công an quy định chi tiết thi hành một số điều của Nghị định số 79/2014/NĐ-CP ngày 31/7/2014 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Phòng cháy và chữa cháy và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Phòng cháy và chữa cháy;

Xét hồ sơ và văn bản đề nghị thẩm duyệt thiết kế về phòng cháy và chữa cháy số 01/2016 ngày 17/12/2016 của: CÔNG TY TNHH VINA CHANG TAI

Người đại diện là ông/bà: Lin Chiu Jung Chức danh: Giám đốc

CẢNH SÁT PC&CC TỈNH BÌNH DƯƠNG CHỨNG NHẬN:

Công trình: NHÀ XƯỞNG (17M X 42M)
Địa điểm xây dựng: 183/2A, KP Đồng An, phường Tân Đông Hiệp, thị xã Dĩ An, tỉnh Bình Dương
Chủ đầu tư/chủ phương tiện: Công ty TNHH Vina Chang Tai
Đơn vị lập dự án/ thiết kế: Công ty TNHH TV-TK-XD Thịnh Việt Phát
Đã được thẩm duyệt thiết kế về phòng cháy và chữa cháy các nội dung sau:

- Giao thông phục vụ chữa cháy;
- Khoảng cách PCCC; Điều kiện thoát nạn.
- Hệ thống cấp nước chữa cháy vách tường;
- Hệ thống báo cháy tự động;
- Hệ thống chữa cháy tự động sprinkler;

CÔNG CHỨNG VIÊN



theo các tài liệu, bản vẽ ghi ở trang 2.

Bình Dương, ngày 03 tháng 11 năm 2017

GIÁM ĐỐC

Nơi nhận:

- Công ty TNHH Vina Chang Tai
- Phòng CS PCCC số 3;
- Lưu: P2 (TDKT);



Đại tá Lê Anh Việt

**DANH MỤC TÀI LIỆU, BẢN VẼ ĐÃ ĐƯỢC THẨM DUYỆT
VỀ PHÒNG CHÁY VÀ CHỮA CHÁY**

[illegible]

**BỘ CÔNG AN
CẢNH SÁT PC&CC
TỈNH BÌNH DƯƠNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Số: 36 /CSPC&CC-P2

Bình Dương, ngày 26 tháng 01 năm 2018

V/v xác nhận nghiệm thu
hệ thống phòng cháy chữa cháy

Kính gửi: Công ty TNHH Vina Chang Tai

Xét công văn ngày 10 tháng 01 năm 2018 của Công ty TNHH Vina Chang Tai về việc nghiệm thu hệ thống PCCC đối với công trình: Nhà xưởng (17m x 42m). Địa điểm xây dựng: Khu phố Đông An, phường Tân Đông Hiệp, thị xã Dĩ An, tỉnh Bình Dương.

Căn cứ Giấy chứng nhận thẩm duyệt về PCCC số 10/TD-PCCC-P2 ngày 03/01/2017 của Cảnh sát PC&CC tỉnh Bình Dương; hồ sơ nghiệm thu hệ thống PCCC của công trình và biên bản kiểm tra nghiệm thu hệ thống PCCC ngày 25 tháng 01 năm 2018.

Cảnh sát Phòng cháy và chữa cháy tỉnh Bình Dương đồng ý nghiệm thu về phòng cháy chữa cháy đối với công trình trên với nội dung sau:

- Hệ thống báo cháy tự động, cấp nước chữa cháy vách tường, hệ thống chữa cháy tự động sprinkler lắp đặt theo đúng thiết kế được duyệt.
- Hệ thống hoạt động đúng chức năng thiết kế.

Để hệ thống luôn sẵn sàng thường trực và hoạt động theo chức năng thiết kế, đơn vị chủ quản phải có trách nhiệm duy trì hoạt động kiểm tra, bảo trì hệ thống đúng hướng dẫn và quy định.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Phòng CS PC&CC số 3;
- Lưu: P2 (TD&KT).

CHỨNG THỰC BẢN SAO ĐÚNG VỚI BẢN CHÍNH
Số chứng thực.....Quyển số.....SCT/BS

13-12-2024

CÔNG CHỨNG VIÊN

GIÁM ĐỐC

Đại tá Nguyễn Văn Đạt



Vũ Thị Yến

SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG
TỈNH BÌNH DƯƠNG
CHI CỤC BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 140 /CN-CCBVMT

Thủ Dầu Một, ngày 23 tháng 06 năm 2010

**SỔ ĐĂNG KÝ QUẢN LÝ
CHỦ NGUỒN THẢI CHẤT THẢI NGUY HẠI**
Mã số Quản lý chất thải nguy hại: 74.000 833.T

I. Thông tin chung về chủ nguồn thải:

Tên chủ nguồn thải: Công ty TNHH Vina Chang Tai.

Địa chỉ: Xã Tân Đông Hiệp, huyện Dĩ An, tỉnh Bình Dương.

Điện thoại: 0650.3750802

Fax: 0650.3750804

Tài khoản số: 010200001178 tại Ngân hàng ICBC.

Giấy chứng nhận đầu tư số: 161023000226 do Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Dương chứng nhận lần đầu ngày 07 tháng 11 năm 2007.

Quyết định phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường số: 1885/QĐ-UB do Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Dương cấp ngày 02 tháng 07 năm 1997.

Loại hình cơ sở: Công ty TNHH Hai thành viên trở lên.

II. Nội dung đăng ký:

Công ty đã đăng ký với Chi cục Bảo vệ môi trường danh sách chất thải nguy hại và danh sách chất thải khác phát sinh tại Công ty như sau:

1. Danh sách chất thải nguy hại đã đăng ký phát sinh trung bình trong 01 tháng tại Công ty:

Stt	Tên chất thải	Trạng thái tồn tại (rắn/lỏng/bùn)	Số lượng (kg/ tháng)	Mã CTNH
1	Giẻ lau, găng tay dính dầu nhớt thải	Rắn	20	18 02 01
2	Dầu nhớt thải	Lỏng	15	17 02 04
3	Bóng đèn huỳnh quang thải	Rắn	04	16 01 06
4	Can thùng đựng dầu nhớt thải	Rắn	03	18 01 01
5	Pin, ắc quy chì thải	Rắn	01	19 06 01
6	Hộp mực in thải	Rắn	01	08 02 04
Tổng cộng			44 kg	

2. Danh sách chất thải khác đã đăng ký phát sinh trung bình trong 01 tháng tại Công ty:

Stt	Tên chất thải	Trạng thái tồn tại (rắn/lỏng/bùn)	Số lượng (kg/tháng)
1	Vải vụn	Rắn	300
2	Len	Rắn	200
3	Rác thải sinh hoạt	Rắn	120
Tổng cộng:			620 kg

3. Bộ hồ sơ đăng ký chủ nguồn thải chất thải nguy hại:

- Bản sao Giấy chứng nhận đầu tư số: 461023000226 do Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Dương chứng nhận lần đầu ngày 07 tháng 11 năm 2007.

- Bản sao Quyết định phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường số: 1885/QĐ-UB do Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Dương cấp ngày 02 tháng 07 năm 1997.

III. Trách nhiệm của chủ nguồn thải :

1. Bảo vệ môi trường, phòng, chống ô nhiễm và suy thoái môi trường;
2. Tuân thủ các quy định về quản lý chất thải nguy hại tại Luật bảo vệ môi trường và các quy định liên quan;
3. Có trách nhiệm quản lý chất thải nguy hại cho đến khi chúng được tiêu hủy;
4. Thực hiện đúng các trách nhiệm được quy định tại Mục 1, phần IV của Thông tư số 12/2006/TT-BTNMT ngày 26 tháng 12 năm 2006 của Bộ Tài nguyên và Môi trường;
5. Hợp đồng với đơn vị có giấy phép hành nghề vận chuyển, xử lý chất thải nguy hại để thu gom, xử lý. Đồng thời lưu giữ chứng từ thu gom, vận chuyển, xử lý theo đúng quy định;
6. Định kỳ 06 tháng một lần, lập báo cáo về tình hình phát sinh và quản lý chất thải nguy hại gửi về Chi cục Bảo vệ môi trường theo mẫu Phụ lục 4 (A) của Thông tư số 12/2006/TT-BTNMT.
7. Khi chấm dứt hoạt động, phải thông báo bằng văn bản và nộp lại Sổ đăng ký chủ nguồn thải cho Chi cục Bảo vệ môi trường.
8. Phải điều chỉnh Sổ đăng ký chủ nguồn thải chất thải nguy hại khi:
 - Thay đổi, bổ sung về chủng loại hoặc tăng từ 15% trở lên so với số lượng chất thải nguy hại đã đăng ký;
 - Thay đổi địa điểm cơ sở nhưng không thay đổi chủ nguồn thải hoặc thay đổi chủ nguồn thải nhưng không thay đổi địa điểm cơ sở.

IV. Thời hạn hiệu lực:

Sổ đăng ký này có hiệu lực cho đến khi cần điều chỉnh theo quy định hoặc khi Công ty chấm dứt hoạt động.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu: VT, Ai 4. *ch*

PHÓ CHỦ TỊCH TỔNG PHỤ TRÁCH *✓*



Tào Mạnh Quân

EN VA
I CUC
D V E
U ONG
D UOI

UBND TỈNH BÌNH DƯƠNG
SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG

Số: 2248 /STNMT-CCBVM

V/v lập hồ sơ đề nghị cấp giấy phép
môi trường

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bình Dương, ngày 29 tháng 6 năm 2022

Kính gửi: Công ty TNHH Vina Chang Tai

Theo quy định tại Điều 39 Luật Bảo vệ môi trường năm 2020 và Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường thì các cơ sở sản xuất, kinh doanh thuộc đối tượng cấp giấy phép môi trường phải lập hồ sơ đề nghị cấp giấy phép môi trường và gửi về cơ quan có thẩm quyền để được xem xét, thẩm định. Qua rà soát, cho thấy Công ty đã đi vào hoạt động và thuộc đối tượng phải có giấy phép môi trường, tuy nhiên đến nay Công ty vẫn chưa thực hiện. Do vậy, Sở Tài nguyên và Môi trường đề nghị Công ty khẩn trương lập hồ sơ đề nghị cấp giấy phép môi trường và gửi về Sở Tài nguyên và Môi trường để được xem xét, thẩm định cấp phép; theo quy định tại điểm d khoản 3 Điều 40 và khoản 1 Điều 122 Luật Bảo vệ môi trường năm 2020 thì doanh nghiệp phải có kế hoạch phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường, trang thiết bị, công trình phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường và được lồng ghép vào nội dung cấp giấy phép môi trường.

Thành phần hồ sơ, trình tự, thủ tục, thời điểm thực hiện theo quy định tại Điều 42, 43 của Luật Bảo vệ môi trường năm 2020 và Điều 29 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

Trên đây là thông báo của Sở Tài nguyên và Môi trường, chuyển đến Quý Công ty để biết và thực hiện. /

Nơi nhận:

- Danh sách theo Phụ lục đính kèm;
- UBND tỉnh (báo cáo);
- Lưu: VT, CCBVM, Mh1100.



GIÁM ĐỐC

Ngô Quang Sự

UBND TỈNH BÌNH DƯƠNG
SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG

Số: 3143/STNMT-CCBVM

V/v lập hồ sơ đề nghị cấp giấy phép
môi trường

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bình Dương, ngày 30 tháng 8 năm 2022

Kính gửi: Công ty TNHH Vina Chang Tai

Sở Tài nguyên và Môi trường nhận được Văn bản số 01/2022 ngày 27 tháng 7 năm 2022 của Công ty TNHH Vina Chang Tai về việc lập hồ sơ đề nghị cấp giấy phép môi trường cho nhà máy sản xuất đồ lót cao cấp. Sau khi xem xét, Sở Tài nguyên và Môi trường có ý kiến như sau:

- Giấy phép xả thải vào nguồn nước được cấp theo quy định của Luật Tài nguyên nước, nội dung của giấy phép tập trung vào công trình xử lý nước thải của cơ sở (nguồn tiếp nhận nước thải, vị trí xả thải, phương thức xả nước thải,...). Công ty TNHH Vina Chang Tai đã được Sở Tài nguyên và Môi trường cấp giấy phép xả thải vào nguồn nước (giấy phép số 32/GP-STNMT ngày 17 tháng 3 năm 2022), thời hạn là 03 năm kể từ ngày ký. Theo quy định tại khoản 5 Điều 171 của Luật bảo vệ môi trường thì giấy phép xả nước thải vào nguồn nước được tiếp tục sử dụng đến hết thời hạn của giấy phép và là một phần của giấy phép môi trường.

- Giấy phép môi trường được cấp theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường, ngoài các nội dung liên quan đến công trình xử lý nước thải thì còn có công trình xử lý khí thải, quản lý chất thải rắn,... Theo quy định tại điểm d khoản 2 Điều 42 của Luật Bảo vệ môi trường năm 2020 thì cơ sở đã đi vào vận hành chính thức trước ngày Luật này có hiệu lực thì hành phải có giấy phép môi trường trong thời hạn 36 tháng kể từ ngày Luật này có hiệu lực thi hành (ngày 01 tháng 01 năm 2025).

Do vậy, Công ty phải có giấy phép môi trường theo quy định (trước ngày 01 tháng 01 năm 2025); tuy nhiên, trong quá trình hoạt động của Công ty nếu có thay đổi, điều chỉnh thuộc đối tượng phải có giấy phép môi trường theo quy định tại khoản 2 Điều 39 Luật Bảo vệ môi trường thì Công ty phải lập hồ sơ đề nghị cấp giấy phép môi trường và gửi về Sở Tài nguyên và Môi trường.

Trên đây là ý kiến của Sở Tài nguyên và Môi trường, chuyển đến Quý Công ty để biết và thực hiện. /

Nơi nhận:

- Như trên;
- Ban giám đốc (Báo cáo);
- Phòng TNN-KS (phối hợp);
- Lưu: VT, CCBVMT, T.Anh3.



Ngô Quang Sự

HỢP ĐỒNG

V/v: Thu gom, vận chuyển chất thải rắn sinh hoạt
SỐ: 09/24SH

- Căn cứ Bộ Luật Dân Sự số: 91/2015/QH13 được Quốc Hội nước CHXHCN Việt Nam thông qua ngày 24/11/2015, có hiệu lực kể từ ngày: 01/01/2017.
- Căn cứ Luật Thương Mại số: 36/2005/QH11 được Quốc Hội nước CHXHCN Việt Nam thông qua ngày 14/06/2005.
- Căn cứ vào quyết định số 23/2016/QĐ – UBND.
- Căn cứ các văn bản pháp luật hiện hành, quy định về việc thực hiện hợp đồng kinh tế.
- Căn cứ vào nhu cầu và khả năng ở hai bên.

Hôm nay, ngày 02 tháng 01 năm 2024 tại văn phòng Công Ty TNHH MTV MÔI TRƯỜNG THÀNH TÀI PHÁT chúng tôi gồm có:



**Bên A: CÔNG TY TNHH MTV MÔI TRƯỜNG THÀNH TÀI PHÁT
(Bên được thuê)**

Đại diện là ông: **DƯ THÀNH CÔNG**
CMND số: 022203217

Sinh năm: 1968
Chức vụ: Giám đốc

Là người đại diện theo pháp luật của: CÔNG TY TNHH MTV MÔI TRƯỜNG
THÀNH TÀI PHÁT

Địa chỉ: 2/22C, Đường DT 3-3, Ấp 2, Xã Đông Thạnh, Huyện Hóc Môn,
TPHCM.

Mã số, thuế: 0315029228

Điện thoại: 0902 874 599 - 0366195953

Fax:

Email: duthanhcong123@gmail.com

Số tài khoản: **060179451851** Tại ngân hàng Sacombank – chi nhánh Hóc Môn – PGD Đông thành, TP HCM.



Bên B: CÔNG TY TNHH VINA CHANG TAI (Bên Thuê)

Đại diện là Bà : **LIN CHIU JUNG**
CMND số:

Sinh năm: 1955
Chức vụ: Giám Đốc

Là người đại diện theo pháp luật của: CÔNG TY TNHH VINA CHANG TAI

Địa chỉ: 183/2A, Khu Phố Đông An, P. Tân Đông Hiệp, TP. Dĩ An, T. Bình
Dương

Mã số thuế: 3700228069

Điện thoại: 0274.3750802

Fax: 0274.3750804

Email: vinachangtai1998@gmail.com

Sau khi bàn bạc thảo luận hai bên cùng nhất trí ký kết hợp đồng vận chuyển chất
thải rắn sinh hoạt (gọi tắt là: CTRSH) với các nội dung cụ thể sau:

ĐIỀU I: NỘI DUNG HỢP ĐỒNG

- Bên A đồng ý thu gom, vận chuyển toàn bộ chất thải rắn sinh hoạt cho bên B:

+ Chu kỳ lấy rác: 3 lần/ 1 tuần
+ Địa điểm thu gom rác: Tại Công ty TNHH VINA CHANG TAI
Số: 183/2A, Khu Phố Đông An, P. Tân Đông Hiệp, TP. Dĩ An, T. Bình
Dương.

ĐIỀU II: THỜI GIAN THỰC HIỆN HỢP ĐỒNG

- Từ ngày 02/01/2024 đến 31/12/2024.

ĐIỀU III: ĐƠN GIÁ VÀ PHƯƠNG THỨC THANH TOÁN:

- Đơn giá: 1.000.000đ/ tháng (Một triệu đồng/tháng).

ĐIỀU IV: TRÁCH NHIỆM CỦA CÁC BÊN

a. Trách nhiệm bên A:

- Bảo đảm định kỳ thu gom, vận chuyển chất thải rắn sinh hoạt hết sạch tại điểm cố định, theo đúng thỏa thuận hai bên trong hợp đồng. Không chở các loại hàng hóa khác ra khỏi cổng công ty.
- Báo cho bên B kịp thời xử lý tất cả các hàng hóa bất hợp pháp, chất nổ hoặc hóa chất độc hại được tìm thấy trong CTRSH và có quyền từ chối vận chuyển các chất này.
- Thực hiện đúng quy định của bên B khi vào vận chuyển CTRSH. Chịu trách nhiệm về an toàn cho người và phương tiện trong quá trình vận chuyển CTRSH.

b. Trách nhiệm của bên B:

- Thanh toán tiền phí vận chuyển rác cho bên A đúng thời hạn theo hợp đồng.
- Cử người thường xuyên giám sát khi bên A thu gom CTRSH, kịp thời giải quyết những khó khăn vướng mắc.
- Trường hợp chất thải phát sinh quá nhiều, bên B sẽ thông báo cho bên A biết để điều động thêm người và phương tiện vận chuyển, phí phát sinh sẽ do hai bên thỏa thuận
- Tuân thủ những yêu cầu kỹ thuật xử lý CTRSH mà bên A hướng dẫn.

ĐIỀU V: ĐIỀU KHOẢN CHUNG

Hai bên cam kết thực hiện đúng các điều khoản ghi trên hợp đồng. Trong suốt thời gian thực hiện hợp đồng, nếu có khó khăn vướng mắc thì hai bên sẽ thông báo cho nhau cùng giải quyết trên tinh thần hợp tác, xây dựng. Nếu các bên không tự giải quyết được bằng thương lượng thì sẽ nhờ tòa án kinh tế Bình Dương giải quyết, phán quyết cuối cùng của tòa án sẽ buộc hai bên phải chấp hành.

Hợp đồng có hiệu lực kể từ ngày ký, được thành lập 02 bản có giá trị pháp lý như nhau, mỗi bên giữ 01 bản.

Dĩ An, Ngày 02 Tháng 01 Năm 2024



LIN CHIU JUNG



DUY THANH CÔNG

CÔNG TY TNHH TM – XD
XỬ LÝ MÔI TRƯỜNG THANH LONG

Đ/c: 1/3A, KP.Nhị Đồng 2, P.Dĩ An, Tp.Dĩ An, T.Bình Dương

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc Lập - Tự Do - Hạnh Phúc

HỢP ĐỒNG THU GOM RÁC THẢI

- Căn cứ pháp lệnh hợp đồng kinh tế ngày 25/09/1989 của hội đồng Nhà nước và Nghị Định số 17/HĐBT ngày 16/01/1990 của hội đồng Bộ Trưởng quy định chi tiết về việc thi hành pháp lệnh hợp đồng kinh tế.
- Căn cứ bộ luật dân sự của nước CHXHCN Việt Nam ngày 09/08/2006
- Căn cứ vào nhu cầu và điều kiện của hai bên.

Hôm nay, ngày 01 tháng 07 năm 2024. Đại diện hai bên gồm có:

BÊN A: CÔNG TY TNHH VINA CHANG TAI

Đại diện : LIN CHIU JUNG

Chức vụ : Giám Đốc

Địa chỉ : 183/2A, Khu C, KP. Đông An, P. Tân Đông Hiệp, TP.Dĩ An, Tỉnh Bình Dương

Điện thoại : 0274.375.0802

Fax :

Mã số thuế : 3700228069

Tài khoản :

BÊN B: CÔNG TY TNHH TM – XD XỬ LÝ MÔI TRƯỜNG THANH LONG

Đại diện : ĐẶNG VĂN TON

Chức vụ : Giám Đốc

Địa chỉ : 1/3A, KP.Nhị Đồng 2, P.Dĩ An, Tp.Dĩ An, T.Bình Dương

Điện thoại : 0650 3796407 – 0393495039

Fax : 0650 3796407

Mã số thuế : 3701 631 376

Tài khoản : 8610007108 tại Ngân Hàng TMCP Đầu Tư và Phát Triển Việt Nam – Chi nhánh
Nha Trang (BIDV bank)

Sau khi thoả thuận, hai bên cùng tiến hành thống nhất ký hợp đồng với các điều khoản sau:

ĐIỀU 1: NỘI DUNG HỢP ĐỒNG

Bên A đồng ý cho bên B tiếp nhận, vận chuyển toàn bộ lượng rác thải sinh hoạt cho bên A với đơn giá như sau:

STT	NỘI DUNG	ĐVT	ĐƠN GIÁ (VNĐ/ĐVT)
1	Phí thu gom, vận chuyển rác thải sinh hoạt và rác thải công nghiệp không nguy hại như: vải, giấy...	tháng	3.500.000

GHI CHÚ:

- Giá trên chưa bao gồm thuế GTGT.

- Chu kỳ lấy rác: Bên B thu gom, vận chuyển và xử lý rác 01 lần /tuần.(trừ ngày lễ, chủ nhật, tết)

ĐIỀU 2: PHƯƠNG THỨC THANH TOÁN

- Cuối mỗi tháng bên B sẽ xuất hoá đơn tài chính cho bên A.
- Thời hạn thanh toán: Bên A sẽ thanh toán chi phí thu gom, vận chuyển và xử lý cho bên B bằng chuyển khoản (theo thông tin trên hợp đồng) trong thời hạn 10 ngày làm việc kể từ khi bên A nhận được hoá đơn tài chính hợp lệ của bên B.

ĐIỀU 3: THỜI HẠN HỢP ĐỒNG

- Hợp đồng có hiệu lực 01 năm kể từ ngày ký.
- Hợp đồng kết thúc và xem như được thanh lý khi hai bên hoàn tất các trách nhiệm của mình đã cam kết.

ĐIỀU 4: TRÁCH NHIỆM CỦA HAI BÊN

1. TRÁCH NHIỆM CỦA BÊN A

- Tập trung rác gọn gàng và cho vào thùng chứa rác hoặc bao chứa, vị trí thuận tiện cho việc vận chuyển rác nhanh.
- Lưu giữ các loại rác thải vào dụng cụ để thu gom và đảm bảo vệ sinh môi trường.
- Cử người thường xuyên giám sát khi bên B lấy rác, kịp thời giải quyết những khó khăn trong quá trình lấy rác.
- Thanh toán tiền cho bên B theo đúng hợp đồng.
- Khi bên A có thay đổi về thông tin trên hoá đơn như: tên công ty, địa chỉ, mã số thuế thì bên A phải thông báo cho bên B trước bằng văn bản. Bên B không chịu trách nhiệm về hoá đơn đã xuất nếu chưa nhận được thông báo của bên A.

2. TRÁCH NHIỆM CỦA BÊN B

- Vận chuyển rác theo đúng thoả thuận trong hợp đồng. Không chở các hàng hoá khác ngoài nguồn rác thải ra khỏi công đơn vị.
- Khi ra vào công ty phải trình báo bảo vệ, không được tự ý đi lại trong các khu vực khác của công ty.
- Báo cho bên A kịp thời xử lý tất cả những hàng hoá bất hợp pháp, chất cháy nổ được tìm thấy trong rác và có quyền từ chối vận chuyển các chất này.
- Thực hiện đúng quy định của bên A khi vào lấy rác. Chịu trách nhiệm về người và phương tiện trong quá trình vận chuyển rác đi xử lý.

ĐIỀU 5: CAM KẾT CHUNG

- Hai bên cam kết thực hiện đúng các điều khoản trong hợp đồng. Không bên nào được tự ý thay đổi các điều khoản trong hợp đồng khi chưa có sự thoả thuận bằng văn bản giữa hai bên.
- Khi hai bên muốn chấm dứt hợp đồng thì phải thông báo cho nhau trước 30 ngày bằng văn bản và cùng nhau giải quyết các vấn đề phát sinh trên cơ sở tôn trọng quyền lợi hai bên.
- Khi có tranh chấp xảy ra, hai bên cùng bàn bạc, giải quyết trên tinh thần hợp tác, đôi bên cùng có lợi.
- Nếu các bên không giải quyết được thì nhờ toà án kinh tế giải quyết và phán quyết của toà án kinh tế là quyết định cuối cùng. Mọi chi phí xét xử do bên thua chịu.

Hợp đồng được lập thành 02 bản, mỗi bên giữ 01 bản có giá trị pháp lý như nhau.



GIÁM ĐỐC LIN CHIU JUNG



GIÁM ĐỐC
Dặng Văn Ton

Số: 949. - RSH/HĐ - KT/24

HỢP ĐỒNG

V/v xử lý chất thải sinh hoạt phát sinh trong quá trình thu gom từ các chủ nguồn
thải của Công ty TNHH Thương Mại Xây Dựng Xử Lý Môi Trường Thanh Long

- Căn cứ vào Luật Thương Mại số 36/2005/QH11 ngày 14 tháng 06 năm 2005 và Luật Dân Sự số 91/2015/QH13 ngày 24 tháng 11 năm 2015 của Nước Cộng Hòa Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam.
- Căn cứ luật bảo vệ môi trường số 72/2020/QH14 được Quốc Hội nước Cộng Hòa Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17/11/2020 và có hiệu lực kể từ ngày 01/01/2022.
- Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.
- Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.
- Căn cứ giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 3700145694 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Dương cấp ngày 07/02/2006 (chứng nhận thay đổi lần thứ 18 ngày 20/04/2023) cho Công ty CP - Tổng Công ty Nước - Môi trường Bình Dương.
- Căn cứ Giấy phép môi trường số 539/GPMT-BTNMT do Bộ Tài nguyên và Môi trường cấp cho Công ty CP - Tổng Công ty Nước - Môi trường Bình Dương ngày 25 tháng 12 năm 2023.
- Căn cứ giấy chứng nhận đăng ký hoạt động Chi nhánh Xử lý chất thải - Công ty CP - Tổng Công ty Nước - Môi trường Bình Dương, đăng ký thay đổi lần 3 ngày 08 tháng 05 năm 2023.
- Căn cứ theo nhu cầu của Công ty TNHH Thương Mại Xây Dựng Xử Lý Môi Trường Thanh Long theo giấy phép chứng nhận đăng ký kinh doanh số: 3701631376 do Sở Kế Hoạch và Đầu Tư Tỉnh Bình Dương cấp thay đổi lần thứ 13 ngày 11 tháng 10 năm 2022.

Hôm nay, ngày 24 tháng 04 năm 2024 tại Bình Dương, chúng tôi gồm:

BÊN A: CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI XÂY DỰNG XỬ LÝ MÔI TRƯỜNG THANH LONG

Địa chỉ: Số 1/3A, KP Nhị Đồng 2, Phường Dĩ An, Thành Phố Dĩ An, Tỉnh Bình Dương, Việt Nam.

Điện thoại: 0983442552

Fax :

Mã số thuế: 3701631376

Do Ông/Bà: **Đặng Văn Ton**

Chức vụ: Giám Đốc Lâm Đại Diện

Mã khách hàng: 3701631376TA00

Trang 1 *thao*

BÊN B: CHI NHÁNH XỬ LÝ CHẤT THẢI – CÔNG TY CP – TỔNG CÔNG TY NƯỚC – MÔI TRƯỜNG BÌNH DƯƠNG

Địa chỉ công ty: Số 11 Ngô Văn Trĩ, Phường Phú Lợi, TP. Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương.

Địa chỉ chi nhánh: Thửa đất số 1093 tờ bản đồ số 29 khu phố 1B, phường Chánh Phú Hòa, thị xã Bến Cát, tỉnh Bình Dương.

Điện thoại: 02743.543528/29

Fax: 02743.542907

Tên tài khoản : CN XỬ LÝ CHẤT THẢI – CTY CP – TỔNG CTY NƯỚC – MÔI TRƯỜNG BÌNH DƯƠNG

Tài khoản số 1: 650.006.9090 tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam – CN Bình Dương

Tài khoản số 2: 0841.000087337 tại Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam- CN Bắc Bình Dương

Tài khoản số 3: 1013853365 tại Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam- CN Bình Dương

Mã số thuế: 3700145694-008

Do Ông **NGÔ CHÍ THẮNG**

Chức vụ: Giám đốc CN Lâm Đại Diện

Hai bên đã cùng nhau tiến hành bàn bạc và thống nhất ký hợp đồng tiếp nhận và xử lý chất thải với những nội dung như sau:

ĐIỀU 1: NỘI DUNG THỎA THUẬN

1.1. Bên A đồng ý giao cho bên B tiếp nhận và xử lý chất thải sinh hoạt phát sinh từ quá trình thu gom từ các chủ nguồn thải của bên A.

1.2. Điều kiện lưu chứa

- Chất thải sinh hoạt được bên A thu gom, phân loại và lưu chứa trong các bao bì, thùng chứa riêng biệt; đảm bảo an toàn, không bị rò rỉ ra môi trường; đáp ứng các yêu cầu kỹ thuật và quy trình quản lý chất thải do cơ quan có thẩm quyền ban hành. Bao bì, thùng chứa do bên A tự trang bị.
- Nếu lô hàng chất thải chuẩn bị chuyển giao không được phân loại theo quy định của pháp luật hiện hành mà để lẫn các loại chất thải khác (chất thải nguy hại, chất thải công nghiệp từ hoạt động sản xuất, bùn thải, chất thải y tế,...) không nằm trong danh mục chất thải chuyển giao đính kèm hợp đồng thì bên B sẽ từ chối tiếp nhận toàn bộ lô hàng đó.

1.3. Thời gian, địa điểm, phương tiện giao nhận

- Thời gian tiếp nhận: sáng từ 7h30-11h30; chiều từ 13h-16h30 (trừ ngày lễ và ngày Tết).
- Địa điểm giao nhận: tại Chi nhánh Xử lý chất thải (Địa chỉ: Thửa đất số 1093, tờ bản đồ số 29, khu phố 1B, phường Chánh Phú Hòa, thị xã Bến Cát, tỉnh Bình Dương).
- Phương tiện vận chuyển chất thải:

61C 48119

61C 50233

61C 50291

- Địa điểm thu gom:

Chung cư Sóng Thần- KP.Nhị Đồng 1, Phường Dĩ An , TP.Dĩ An, Bình Dương

Chung cư Hoàng Long- 10/4/32 Kp Nhị Đồng 1, Phường Dĩ An , TP.Dĩ An, Bình Dương

Chung cư Opal Boulevard -- 18 Kha Vạn Cân, Phường An Bình, Tp.Dĩ An, Bình Dương

Chung cư An Bình- 9AB Đường Nguyễn Trọng Tấn, Kp.Bình Đường 2, P.An Bình, Dĩ An, Bình Dương

ĐIỀU 2: ĐƠN GIÁ VÀ PHƯƠNG THỨC THANH TOÁN

2.1. Đơn giá

Đơn giá chất thải sinh hoạt được thể hiện cụ thể trong bảng sau :

Stt	Loại chất thải	Trạng thái	Khối lượng (kg/tháng)	Đơn giá Xử Lý (đồng/kg)
01	Chất thải sinh hoạt (rác từ nhà ăn,nhà vệ sinh,văn phòng)	Rắn	200.000	600

Ghi chú: - Đơn giá này chưa bao gồm thuế GTGT

- Khi có thay đổi đơn giá, bên B sẽ báo cho bên A trước 30 ngày bằng văn bản.

2.2. Phương thức thanh toán

- Hàng tháng, căn cứ vào khối lượng chất thải được thu gom thực tế, bên B sẽ phát hành hóa đơn GTGT cho bên A trên địa chỉ mail đã cung cấp; trường hợp đến ngày 05 tháng tiếp theo Bên A chưa nhận được hóa đơn, vui lòng liên hệ Bên B qua số điện thoại 0274. 6566.292.

- Hình thức thanh toán: Tiền mặt hoặc Chuyển khoản (phí chuyển khoản do bên A chi trả). Thời gian thanh toán chậm nhất là 30 (ba mươi) ngày kể từ ngày xuất hóa đơn. Khách hàng có thể truy cập vào website: www.biwase.com.vn để xem giấy báo thanh toán (nếu chưa thanh toán) và tải hóa đơn (nếu đã thanh toán).

- Thông tin nhận hóa đơn điện tử:

Họ và tên người nhận hóa đơn điện tử	Địa chỉ email nhận hóa đơn điện tử	Số điện thoại liên hệ
Đoàn Thanh Long	vietchanh@gmail.com	0983442552

- Khi có sự thay đổi thông tin trên hóa đơn (địa chỉ xuất hóa đơn, email, số điện thoại liên hệ) bên A phải thông báo cho bên B bằng văn bản. Nếu bên A không thông báo thì bên B sẽ không chịu trách nhiệm khi đã xuất hóa đơn điện tử.
- Trong trường hợp nhà nước có thay đổi thuế suất GTGT bên B được quyền điều chỉnh theo quy định.

- Nếu Bên A không thanh toán cho Bên B theo đúng thời hạn ghi hợp đồng này thì Bên B sẽ ngưng tiếp nhận chất thải cho Bên A, đồng thời sẽ tiến hành thanh lý hợp đồng.

2.3. Điều chỉnh đơn giá:

Trong một số trường hợp sau đây có thể xem xét điều chỉnh đơn giá của hợp đồng:

- Điều chỉnh giá theo các quy định của ngành.
- Thay đổi đột biến về khối lượng hoặc quy mô so với hợp đồng đã ký (mức thay đổi trên 10%)

ĐIỀU 3: QUYỀN VÀ TRÁCH NHIỆM CỦA CÁC BÊN

3.1. Quyền và trách nhiệm của bên A

3.1.1. Quyền của bên A

- Có quyền yêu cầu bên B tiếp nhận và xử lý chất thải đúng theo Điều 01. Trong trường hợp bên A giao chất thải thấp hơn 30% khối lượng đã thỏa thuận tại Điều 2 - khoản 2.1, hai bên sẽ thỏa thuận làm phụ lục điều chỉnh khối lượng ước tính chất thải chuyển giao hoặc tiến hành thanh lý hợp đồng.
- Tạm ngưng việc giao chất thải cho bên B bằng văn bản trước 30 (ba mươi) ngày nếu bên B vi phạm hợp đồng.
- Tạm ngưng việc giao chất thải cho bên B xử lý khi hợp đồng hết hiệu lực theo Điều 05.

3.1.2. Trách nhiệm của bên A

- Thực hiện việc giao chất thải đúng như Điều 01.
- Thực hiện các quy định về phân loại rác tại nguồn, không được đưa các loại chất thải nguy hại, chất thải có thể gây cháy, nổ, chất thải công nghiệp thông thường từ hoạt động sản xuất vào chung chất thải sinh hoạt.
- Thanh toán tiền xử lý chất thải cho bên B theo Điều 2.
- Cung cấp những thông tin cần thiết về chất thải khi bên B có yêu cầu.
- Cử người cần xác định khối lượng và giao nhận chất thải.
- Nếu bên A thanh toán trễ hạn so với thời hạn thanh toán đã ký kết thì bên A sẽ phải nộp phạt cho bên B với lãi suất Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - CN Bình Dương (tính tại thời điểm bên B phát hành hóa đơn GTGT) trên tổng số tiền thanh toán trễ hạn.

Trong trường hợp bên A tạm ngưng giao chất thải cho bên B xử lý theo mục 3.1.1 Điều 3 thì bên A phải hoàn thành nghĩa vụ quyết toán công nợ cho bên B trong vòng 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tạm ngưng giao chất thải.

Trong trường hợp bên A giải thể hay phá sản theo các quy định của pháp luật, Bên A phải hoàn thành các nghĩa vụ, trách nhiệm theo các nội dung hợp đồng đã ký kết: hoàn trả thanh toán các khoản nợ cho Bên B.

- Trong thời gian còn giá trị hợp đồng, bên A không được giao chất thải cho đơn vị khác xử lý hoặc tự tiêu hủy chất thải.
- Trong thời gian thực hiện hợp đồng, bên A không được tiếp cận hoặc chào giá với các công ty, doanh nghiệp mà bên B đang ký hợp đồng. Nếu bên B phát hiện bên A cố tình

vì phạm thì bên B sẽ ngưng tiếp nhận và thanh lý hợp đồng. Đồng thời, bên A sẽ bị mất toàn bộ tiền cọc.

- Bên A hiểu và đã có được tất cả các giấy phép, chấp thuận và ủy quyền cần thiết để ký kết và thực hiện Hợp đồng này.
- Khi làm việc tại bên B, nhân viên của bên A phải đảm bảo tuân thủ chấp hành nội quy quy chế nơi làm việc, đảm bảo an toàn vệ sinh lao động, vệ sinh môi trường và phòng chống cháy nổ theo quy định của Bên B và của Pháp luật hiện hành; thực hiện theo đúng hệ thống ISO 45001:2018 để đảm bảo trật tự an toàn. Nhân viên Bên A tuyệt đối chấp hành mọi chỉ dẫn của người đại diện Bên B về việc đi lại, vị trí vận chuyển và chuyển giao chất thải.
- Bằng kinh phí của mình, Bên A đảm bảo trang bị đầy đủ các loại bảo hiểm theo quy định hiện hành có liên quan đến tài sản, nhân công khi thực hiện công việc cho bên B.
- Trong thời gian thực hiện hợp đồng, bên A không được thu gom chất thải rắn sinh hoạt ngoài tính chuyển giao cho bên B xử lý. Nếu bên A cố tình vi phạm thì bên A phải tự chịu trách nhiệm trước pháp luật về việc thu gom, vận chuyển và chuyển giao chất thải mà bên A thu gom không đúng đối tượng được phép thu gom, vận chuyển.

3.2. Quyền và trách nhiệm của bên B

3.2.1 Quyền của bên B

- Được nhận tiền do bên A thanh toán theo Điều 02.
- Bên B được quyền thông báo tạm ngưng tiếp nhận chất thải định kỳ bằng văn bản nếu trong quá trình thực hiện hợp đồng có phát sinh các trường hợp sau :
 - + Tạm ngưng tiếp nhận chất thải do bên A vi phạm hợp đồng.
 - + Tạm ngưng do bên A thanh toán trễ hạn theo quy định tại Điều 2 – khoản 2.2.
 - + Tạm ngưng do các trường hợp bất khả kháng : thiên tai, lũ lụt...
 - + Hợp đồng hết hiệu lực theo Điều 05.
- Bên B được quyền đơn phương chấm dứt hợp đồng trong trường hợp bên A vi phạm một trong các nội dung của hợp đồng này hoặc bên A vi phạm các quy định pháp luật hiện hành mà gây ảnh hưởng đến hoạt động của bên B.

3.2.2 Trách nhiệm của bên B

- Bảo đảm tuân thủ xử lý chất thải đúng như Điều 01.
- Bố trí nhân sự, phương tiện tiếp nhận chất thải của bên A giao theo đúng thời gian thỏa thuận và đảm bảo các quy định vệ sinh đô thị.

ĐIỀU 4: ĐIỀU KHOẢN CHUNG

4.1 Hai bên có nghĩa vụ thực hiện đúng các điều khoản đã cam kết trong hợp đồng, không bên nào được tự ý thay đổi nội dung hoặc đơn phương chấm dứt hợp đồng khi chưa có sự thỏa thuận bằng văn bản của hai bên. Bên nào vi phạm sẽ phải bồi thường toàn bộ thiệt hại do hành vi vi phạm của mình gây ra cho bên bị thiệt hại.

4.2 Những nội dung không nêu trong hợp đồng này nếu có phát sinh sẽ căn cứ theo các quy định của pháp luật hiện hành. Khi có tranh chấp xảy ra hai bên cùng nhau bàn bạc, giải quyết trên tinh thần hợp tác, đôi bên cùng có lợi. Nếu các bên không tự giải quyết được

các tranh chấp thì đem vụ việc ra Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương để giải quyết, phán quyết của Tòa án là quyết định cuối cùng mà hai bên phải thi hành. Mọi chi phí cho việc xét xử do bên thua kiện chịu.

- 4.3. Nếu các bên có thay đổi người đại diện ký hợp đồng hay Ban Giám đốc Công ty thì hợp đồng này vẫn có giá trị pháp lý.
- 4.4 Ngay khi ký hợp đồng thì bên A sẽ đóng cho bên B với số tiền đặt cọc là 50.000.000 đồng (Bằng chữ: năm mươi triệu đồng). Sau khi hết hạn hợp đồng nếu bên A ngưng không tái ký hợp đồng thì bên B sẽ hoàn lại số tiền trên cho bên A trong khoảng thời gian là 30 (ba mươi) ngày. Trong quá trình thực hiện hợp đồng, nếu bên A không thực hiện giao đúng khối lượng chất thải đã ký kết (khối lượng chênh lệch giảm từ 30% khối lượng đã ký kết) trong 02 tháng liên tiếp, thì bên B sẽ tiến hành thanh lý hợp đồng. Bên A chịu mất 50% tiền cọc, đồng thời bên B sẽ thông báo cho cơ quan có chức năng được biết.

ĐIỀU 5: HIỆU LỰC CỦA HỢP ĐỒNG

- 5.1 Hợp đồng này có hiệu lực kể từ ngày ký đến ngày 24 tháng 04 năm 2025. Trong vòng 30 (ba mươi) ngày trước khi hợp đồng hết hiệu lực, hai bên cùng thỏa thuận việc gia hạn hợp đồng.
- 5.2 Trong vòng 30 (ba mươi) ngày kể từ ngày ký hợp đồng hoặc trong vòng 30 (ba mươi) ngày kể từ ngày giao chất thải gần nhất mà bên A không tiếp tục giao chất thải cho bên B thì hợp đồng này đương nhiên được thanh lý theo quy định pháp luật.
- 5.3 Sau khi thời hạn hợp đồng kết thúc, trường hợp hai bên không ký lại hợp đồng mới (hoặc phụ lục hợp đồng) và sau khi hai bên thực hiện hết các nghĩa vụ của mình theo qui định của các điều khoản ghi trên thì hợp đồng đương nhiên được thanh lý.
- 5.4 Hợp đồng bao gồm 06 (sáu) trang, được lập thành 04 (bốn) bản, mỗi bên giữ 02 (hai) bản có giá trị pháp lý ngang nhau.

ĐẠI DIỆN BÊN A



GIÁM ĐỐC
Đặng Văn Tôn



ĐẠI DIỆN BÊN B

Ngô Chí Cường

Số: *229* -RCN/HĐ – KT/23

HỢP ĐỒNG

V/v xử lý chất thải công nghiệp thông thường phát sinh trong quá trình thu gom từ các chủ nguồn thải của Công ty TNHH Thương Mại Xây Dựng Xử Lý Môi Trường Thanh Long

- Căn cứ Luật Thương Mại số 36/2005/QH11 ngày 14/06/2005;
- Luật Dân Sự số 91/2015/QH13 ngày 24 tháng 11 năm 2015;
- Căn cứ Luật Bảo vệ Môi trường số 72/2020/QH14 ngày 17/11/2020;
- Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.
- Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.
- Căn cứ giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 3700145694 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Dương cấp ngày 07/02/2006 (chứng nhận thay đổi lần thứ 18 ngày 20/04/2023) cho Công ty CP - Tổng công ty Nước – Môi trường Bình Dương.
- Căn cứ Giấy phép xử lý chất thải nguy hại, mã số QLCTNH:1-2-3-4-5-6.028.VX của Công ty Cổ phần Nước – Môi trường Bình Dương do Bộ Tài nguyên và Môi trường cấp lần 3 ngày 17/12/2021 (Thay thế các giấy phép liên quan đến hoạt động hành nghề vận chuyển, xử lý chất thải nguy hại Công ty Cổ phần Nước – Môi trường Bình Dương đã được cấp phép trước đó).
- Căn cứ, giấy chứng nhận đăng ký hoạt động Chi nhánh Xử lý chất thải – Công ty CP – Tổng công ty Nước – Môi trường Bình Dương, đăng ký thay đổi lần 3 ngày 08 tháng 05 năm 2023.
- Căn cứ theo nhu cầu của Công ty TNHH Thương Mại Xây Dựng Xử Lý Môi Trường Thanh Long theo giấy phép chứng nhận đăng ký kinh doanh số: 3701631376 do Sở Kế Hoạch và Đầu Tư Tỉnh Bình Dương cấp thay đổi lần thứ 13 ngày 11 tháng 10 năm 2022.

Hôm nay, ngày 05 tháng 12 năm 2023 tại Bình Dương, chúng tôi gồm:

BÊN A: CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI XÂY DỰNG XỬ LÝ MÔI TRƯỜNG THANH LONG

Địa chỉ: Số 1/3A, Hẻm 103, Đường Nguyễn Tri Phương, Khu phố Nhị Đồng 2, Phường Dĩ An, Thành phố Dĩ An, Tỉnh Bình Dương

Điện thoại: 0983442552

Fax :

Mã số thuế: 3701631376

Do Ông/Bà: **Đặng Văn Ton**

Chức vụ: Giám Đốc Lâm Đại Diện

Mã khách hàng: 3701631376TA00

BÊN B: CHI NHÁNH XỬ LÝ CHẤT THẢI – CÔNG TY CP – TỔNG CÔNG TY NƯỚC – MÔI TRƯỜNG BÌNH DƯƠNG

Địa chỉ công ty: Số 11 Ngô Văn Trị, Phường Phú Lợi, TP. Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương.

Địa chỉ chi nhánh: Thửa đất số 1093 tờ bản đồ số 29 khu phố 1B, phường Chánh Phú Hòa, thị xã Bến Cát, tỉnh Bình Dương.

Điện thoại: 02743.543528/29

Fax: 02743.542907

Tên tài khoản : CN XỬ LÝ CHẤT THẢI – CÔNG TY CP – TỔNG CÔNG TY NƯỚC – MÔI TRƯỜNG BÌNH DƯƠNG

Tài khoản số 1: 650.006.9090 tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam – CN Bình Dương

Tài khoản số 2: 0841.000087337 tại Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam- CN Bắc Bình Dương

Tài khoản số 3: 1013853365 tại Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam- CN Bình Dương

Mã số thuế: 3700145694-008

Do Ông **NGÔ CHÍ THẮNG**

Chức vụ: Giám đốc CN Lâm Đại Diện

Hai bên đã cùng nhau tiến hành bàn bạc và thống nhất ký hợp đồng tiếp nhận và xử lý chất thải với những nội dung như sau:

ĐIỀU 1: NỘI DUNG THỎA THUẬN

1.1. Bên B đồng ý tiếp nhận và xử lý chất thải rắn công nghiệp thông thường phát sinh trong quá trình thu gom từ các chủ nguồn thải của bên A.

1.2. Điều kiện lưu chứa

- Chất thải công nghiệp thông thường được bên A thu gom, phân loại và lưu chứa trong các bao bì, thùng chứa riêng biệt; đảm bảo an toàn, không bị rò rỉ ra môi trường; đáp ứng các yêu cầu kỹ thuật và quy trình quản lý chất thải công nghiệp thông thường do cơ quan có thẩm quyền ban hành. Bao bì, thùng chứa do bên A tự trang bị.

1.3. Phương thức xác định khối lượng

- Khối lượng chất thải là tổng của khối lượng của từng loại chất thải và bao bì lưu chứa loại chất thải đó.
- Khối lượng chất thải được xác định bằng bàn cân điện tử của bên B có xác nhận của bên A.

1.4. Thời gian, địa điểm, phương tiện giao nhận

- Thời gian: tiếp nhận sáng từ 7h30-11h30; chiều từ 13h-16h30 (trừ chủ nhật, ngày lễ và ngày tết).
- Địa điểm giao nhận: tại Chi nhánh Xử lý chất thải (Địa chỉ: Thửa đất số 1093 tờ bản đồ số 29 khu phố 1B, phường Chánh Phú Hòa, thị xã Bến Cát, tỉnh Bình Dương).

Trang 2 *Thư*

- Phương tiện vận chuyển chất thải:
- 61C 51920
- 61C 50233
- 61C 50291
- 61C 48119

ĐIỀU 2: ĐƠN GIÁ VÀ PHƯƠNG THỨC THANH TOÁN

2.1. Đơn giá

Đơn giá chất thải công nghiệp thông thường được thể hiện cụ thể trong bảng sau :

Stt	Loại chất thải công nghiệp	Trạng thái tồn tại	Khối lượng (kg/tháng)	Đơn giá Xử Lý (đồng/kg)
01	Chất thải công nghiệp: nilon,dây đai,mút xốp,giấy vụn,pallet gỗ,giấy carton,rìa da,đế giày. (không dính thành phần nguy hại)	Rắn	5.000	1.400
02	Chất thải công nghiệp: Vải vụn ,nhựa thải.(không dính thành phần nguy hại)	Rắn	1.000	1.900
03	Các loại chất thải công nghiệp khác (không dính thành phần nguy hại) lá cây,tăm giấy ăn,hộp đựng thức ăn,giẻ lau dính dầu thực vật,kem,bao nylon đựng kem dơ,hộp sữa thải.bao nylon đựng tinh mùi dơ ,trùng tóc ,trùng giấy ,khẩu trang,bọc kiếng,vỏ tỏi	Rắn	1.000	1.900

Ghi chú:

- Đơn giá này chưa bao gồm thuế GTGT.
- Khi có thay đổi đơn giá, bên B sẽ báo cho bên A trước 30 ngày bằng văn bản
- Trong trường hợp bên A có nhu cầu chuyển giao cho bên B các loại chất thải ngoài Danh mục chất thải công nghiệp thông thường thì hai bên sẽ tiến hành thương thảo, thỏa thuận lại các điều kiện của Hợp đồng trước khi tiến hành giao nhận.

2.2. Phương thức thanh toán

- Vào ngày 20 hàng tháng, căn cứ vào khối lượng chất thải được tiếp nhận thực tế, bên B sẽ phát hành hóa đơn GTGT cho bên A trên địa chỉ mail đã cung cấp; trường hợp đến ngày 30 hàng tháng Bên A chưa nhận được hóa đơn, vui lòng liên hệ Bên B qua số điện thoại 0274. 6566.292.

Trang 3

- Hình thức thanh toán: Tiền mặt hoặc Chuyển khoản (phí chuyển khoản do bên A chi trả). Thời gian thanh toán chậm nhất là 30 (ba mươi) ngày kể từ ngày xuất hóa đơn. Bên A có thể truy cập vào website: www.bivnase.com.vn để xem giấy báo thanh toán (nếu chưa thanh toán) và tài hóa đơn (nếu đã thanh toán).
- Thông tin nhận hóa đơn điện tử:

Họ và tên người nhận hóa đơn điện tử	Địa chỉ email nhận hóa đơn điện tử	Số điện thoại liên hệ
Đoàn Thanh Long	vietsutxanh@gmail.com	0983442552

- Khi có sự thay đổi thông tin trên hóa đơn (địa chỉ xuất hóa đơn, email, số điện thoại liên hệ) bên A phải thông báo cho bên B bằng văn bản. Nếu bên A không thông báo thì bên B sẽ không chịu trách nhiệm khi đã xuất hóa đơn điện tử.
- Trong trường hợp nhà nước có thay đổi thuế suất GTGT bên B được quyền điều chỉnh theo quy định.
- Nếu Bên A không thanh toán cho Bên B theo đúng thời hạn ghi hợp đồng này thì Bên B sẽ ngưng tiếp nhận chất thải cho Bên A đồng thời sẽ tiến hành thanh lý hợp đồng.

ĐIỀU 3: QUYỀN VÀ TRÁCH NHIỆM CỦA CÁC BÊN

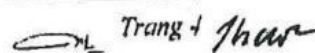
3.1. Quyền và trách nhiệm của bên A

3.1.1. Quyền của bên A

- Có quyền yêu cầu bên B tiếp nhận và xử lý chất thải đúng theo Điều 01. Trong trường hợp bên A giao chất thải thấp hơn 30% khối lượng đã thỏa thuận tại Điều 2 -- Khoản 2.1, hai bên sẽ thỏa thuận làm phụ lục điều chỉnh khối lượng ước tính chất thải chuyển giao hoặc tiến hành thanh lý hợp đồng.
- Tạm ngưng việc giao chất thải cho bên B bằng văn bản trước 30 (ba mươi) ngày nếu bên B vi phạm hợp đồng.
- Tạm ngưng việc giao chất thải cho bên B xử lý khi hợp đồng hết hiệu lực theo Điều 05.

3.1.2. Trách nhiệm của bên A

- Chịu trách nhiệm phân định chất thải theo đúng quy định về quản lý chất thải trước khi chuyển giao cho bên B.
- Thực hiện việc giao chất thải đúng như Điều 01.
- Thanh toán tiền xử lý chất thải cho bên B theo Điều 02.
- Thực hiện đúng quy trình biên bản bàn giao chất thải ngay tại thời điểm chuyển giao chất thải theo quy định hiện hành.

 Trang Thar

Được quét bằng CamScanner

- Phân loại chất thải theo quy định. Không để lẫn chất thải nguy hại, chất thải y tế, chất thải sinh hoạt, bùn thải hoặc các loại chất thải khác vào các loại chất thải thuộc Danh mục chất thải quy định tại Điều 2 – khoản 2.1.
- Tạo điều kiện thuận lợi cho bên B trong quá trình tiếp nhận chất thải. Cung cấp những thông tin cần thiết về chất thải khi bên B có yêu cầu.
- Khi làm việc tại bên B, nhân viên của bên A phải đảm bảo tuân thủ chấp hành nội quy quy chế nơi làm việc, đảm bảo an toàn vệ sinh lao động, vệ sinh môi trường và phòng chống cháy nổ theo quy định của Bên B và của Pháp luật hiện hành; thực hiện theo đúng hệ thống ISO 45001:2018 để đảm bảo trật tự an toàn. Nhân viên Bên A tuyệt đối chấp hành mọi chỉ dẫn của người đại diện Bên B về việc đi lại, vị trí vận chuyển và chuyển giao chất thải.
- Bằng kinh phí của mình, Bên A đảm bảo trang bị đầy đủ các loại bảo hiểm theo quy định hiện hành có liên quan đến tài sản, nhân công khi thực hiện công việc cho bên B.
- Cử người cần xác định khối lượng và giao nhận chất thải.
- Nếu bên A thanh toán trễ hạn so với thời hạn thanh toán đã ký kết thì bên A sẽ phải nộp phạt cho bên B với lãi suất Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - CN Bình Dương (tính tại thời điểm bên B phát hành hóa đơn GTGT) trên tổng số tiền thanh toán trễ hạn.
- Trong trường hợp bên A tạm ngưng giao chất thải cho bên B xử lý theo mục 3.1.1 Điều 3 thì bên A phải hoàn thành nghĩa vụ quyết toán công nợ cho bên B trong vòng 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tạm ngưng giao chất thải.
- Trong trường hợp bên A giải thể hay phá sản theo các quy định của pháp luật. Bên A phải hoàn thành các nghĩa vụ, trách nhiệm theo các nội dung hợp đồng đã ký kết; hoàn tất thanh toán các khoản nợ cho Bên B.
- Trong thời gian còn giá trị hợp đồng, bên A không được giao chất thải cho đơn vị khác xử lý hoặc tự tiêu hủy chất thải.
- Trong thời gian thực hiện hợp đồng, bên A không được tiếp cận hoặc chào giá với các công ty, doanh nghiệp mà bên B đang ký hợp đồng. Nếu bên B phát hiện bên A có tình vi phạm thì bên B sẽ ngưng tiếp nhận và thanh lý hợp đồng. Đồng thời, bên A sẽ bị mất toàn bộ tiền cọc.
- Bên A hiểu và đã có được tất cả các giấy phép, chấp thuận và ủy quyền cần thiết để ký kết và thực hiện Hợp đồng này.

3.2. Quyền và trách nhiệm của bên B

3.2.1 Quyền của bên B

- Được nhận tiền do bên A thanh toán theo Điều 02.
- Bên B có quyền thông báo tạm ngưng tiếp nhận chất thải bằng văn bản nếu trong quá trình thực hiện hợp đồng có phát sinh các trường hợp sau :
 - Tạm ngưng do bên A thanh toán trễ hạn theo quy định tại Điều 2 – khoản 2.2.

- Tạm ngưng do các trường hợp bất khả kháng : thiên tai, lũ lụt...
- Tạm ngưng theo yêu cầu của cơ quan có chức năng.
- Hợp đồng hết hiệu lực theo Điều 05.
- Bên B được quyền đơn phương chấm dứt hợp đồng trong trường hợp bên A vi phạm một trong các nội dung của hợp đồng này hoặc bên A vi phạm các quy định pháp luật hiện hành mà gây ảnh hưởng đến hoạt động của bên B.
- Bên B sẽ từ chối tiếp nhận toàn bộ loại hoặc lô hàng chất thải công nghiệp thông thường chuẩn bị chuyển giao của Bên A có lẫn chất thải nguy hại, chất thải y tế, chất thải rắn sinh hoạt, bùn thải hoặc các loại chất thải khác không nằm trong Danh mục chất thải đã ký kết.
- Bên B có quyền cung cấp thông tin của hợp đồng này theo luật định hoặc khi có yêu cầu từ cơ quan có thẩm quyền.
- Trong trường hợp phát hiện Bên A tự xử lý chất thải công nghiệp thông thường không đúng quy định về quản lý chất thải công nghiệp thông thường thì bên B có quyền thông báo bằng văn bản cho cơ quan có chức năng để xem xét, xử lý.

3.2.2 Trách nhiệm của bên B

- Bảo đảm tuân thủ xử lý chất thải đúng như Điều 01; quy định về xử lý chất thải công nghiệp thông thường và Giấy phép xử lý chất thải nguy hại được cấp.
- Chịu trách nhiệm khi vi phạm các quy định hiện hành về quản lý chất thải công nghiệp thông thường và Giấy phép xử lý chất thải nguy hại được cấp trong khi xử lý chất thải công nghiệp thông thường.
- Thực hiện đúng quy trình biên bản bàn giao chất thải ngay tại thời điểm chuyển giao chất thải theo quy định hiện hành.

ĐIỀU 4: ĐIỀU KHOẢN CHUNG

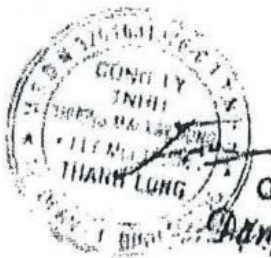
- 4.1 Hai bên có nghĩa vụ thực hiện đúng các điều khoản đã cam kết trong hợp đồng, không bên nào được tự ý thay đổi nội dung hoặc đơn phương chấm dứt hợp đồng khi chưa có sự thỏa thuận bằng văn bản của hai bên. Bên nào vi phạm sẽ phải bồi thường toàn bộ thiệt hại do hành vi vi phạm của mình gây ra cho bên bị thiệt hại.
- 4.2 Những nội dung không nêu trong hợp đồng này nếu có phát sinh sẽ căn cứ theo các quy định của pháp luật hiện hành. Khi có tranh chấp xảy ra hai bên cùng nhau bàn bạc, giải quyết trên tinh thần hợp tác, đôi bên cùng có lợi. Nếu các bên không tự giải quyết được các tranh chấp thì đem vụ việc ra Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương để giải quyết, phán quyết của Tòa án là quyết định cuối cùng mà hai bên phải thi hành. Mọi chi phí cho việc xét xử do bên thua kiện chịu.
- 4.3. Nếu các bên có thay đổi người đại diện ký hợp đồng hay Ban Giám đốc Công ty thì hợp đồng này vẫn có giá trị pháp lý.
- 4.4 Ngay khi ký hợp đồng thì bên A sẽ đóng cho bên B với số tiền đặt cọc là 30.000.000 đồng (Bằng chữ: ba mươi triệu đồng). Sau khi hết hạn hợp đồng nếu bên A ngưng không tái ký hợp đồng thì bên B sẽ hoàn lại số tiền trên cho bên A trong khoảng thời gian là 30 (ba

mười) ngày. Trong quá trình thực hiện hợp đồng, nếu bên A không thực hiện giao đúng khối lượng chất thải đã ký kết (khối lượng chênh lệch giảm từ 30% khối lượng đã ký kết) trong 02 tháng liên tiếp, thì bên B sẽ tiến hành thanh lý hợp đồng, Bên A chịu mất 50% tiền cọc, đồng thời bên B sẽ thông báo cho cơ quan có chức năng được biết.

ĐIỀU 5: HIỆU LỰC CỦA HỢP ĐỒNG

- 5.1 Hợp đồng này có hiệu lực kể từ ngày ký đến ngày 05 tháng 12 năm 2024. Trong vòng 30 (ba mươi) ngày trước khi hợp đồng hết hiệu lực, hai bên cũng thỏa thuận việc gia hạn hợp đồng.
- 5.2 Trong vòng 30 (ba mươi) ngày kể từ ngày ký hợp đồng hoặc trong vòng 30 (ba mươi) ngày kể từ ngày giao chất thải gần nhất mà bên A không tiếp tục giao chất thải cho bên B thì hợp đồng này đương nhiên được thanh lý theo quy định pháp luật.
- 5.3 Sau khi thời hạn hợp đồng kết thúc, trường hợp hai bên không ký lại hợp đồng mới (hoặc phụ lục hợp đồng) và sau khi hai bên thực hiện hết các nghĩa vụ của mình theo qui định của các điều khoản ghi trên thì hợp đồng đương nhiên được thanh lý.
- 5.4 Hợp đồng bao gồm 07 (bảy) trang, được lập thành 04 (bốn) bản, mỗi bên giữ 02 (hai) bản có giá trị pháp lý ngang nhau.

DẠI DIỆN BÊN A



GIÁM ĐỐC

Dương Văn Ton



Nga Chi Thưng

Trang 1/1

Số: ~~2329~~ -RNH/HĐ – KT/23

HỢP ĐỒNG

V/v xử lý chất thải nguy hại cho Công ty TNHH Vina Chang Tai.

- Căn cứ vào Luật Thương Mại số 36/2005/QH11 ngày 14 tháng 06 năm 2005 và Luật Dân Sự số 91/2015/QH13 ngày 24 tháng 11 năm 2015 của Nước Cộng Hòa Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam.
- Căn cứ Luật Bảo vệ Môi trường số 72/2020/QH14 được Quốc Hội nước Cộng Hòa Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17/11/2020 và có hiệu lực kể từ ngày 01/01/2022.
- Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.
- Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.
- Căn cứ giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 3700145694 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Dương cấp ngày 07/02/2006 (chứng nhận thay đổi lần thứ 18 ngày 20/04/2023) cho Công ty CP - Tổng công ty Nước – Môi trường Bình Dương.
- Căn cứ Giấy phép xử lý chất thải nguy hại, mã số QLCTNH: 1-2-3-4-5-6.028.VX , của Công ty Cổ phần Nước – Môi trường Bình Dương do Bộ Tài nguyên và Môi trường cấp lần 3 ngày 17/12/2021 (Thay thế các giấy phép liên quan đến hoạt động hành nghề vận chuyển, xử lý chất thải nguy hại Công ty Cổ phần Nước – Môi trường Bình Dương đã được cấp,phép trước đó).
- Căn cứ giấy chứng nhận đăng ký hoạt động Chi nhánh Xử lý chất thải – Công ty CP – Tổng công ty Nước – Môi trường Bình Dương, đăng ký thay đổi lần 3 ngày 08 tháng 05 năm 2023.
- Căn cứ theo sổ đăng ký quản lý chủ nguồn thải nguy hại mã số QLCT nguy hại : 74.000839.T, ngày 23 tháng 06 năm 2010 do Chi cục bảo vệ môi trường tỉnh Bình Dương cấp cho Công ty TNHH Vina Chang Tai.
- Căn cứ theo nhu cầu của Công ty TNHH Vina Chang Tai theo giấy chứng nhận đầu tư số: 461023000226 do Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Dương cấp (chứng nhận thay đổi lần đầu) ngày 07 tháng 11 năm 2007.

Hôm nay, ngày 02 tháng 11 năm 2023 tại Bình Dương, chúng tôi gồm:

BÊN A: CÔNG TY TNHH VINA CHANG TAI

Địa chỉ: 183/2A, Khu C, Khu Phố Đông An, Phường Tân Đông Hiệp, Thành Phố Dĩ An, Tỉnh Bình Dương.

Điện thoại: 0274.3750802

Fax: 0274.3750804

Tài khoản số: 5010208-001

Tại: Ngân hàng INDOVINA Sóng Thần

Mã số thuế: 3700228069

Do Ông/Bà: **Lin Chiu Jung**

Chức vụ: Giám đốc làm đại diện.

Mã khách hàng: 3700228069DA00

Ngành nghề: Trang phục lót phụ nữ.

BÊN B: CHI NHÁNH XỬ LÝ CHẤT THẢI – CÔNG TY CP – TỔNG CÔNG TY NƯỚC – MÔI TRƯỜNG BÌNH DƯƠNG

Địa chỉ công ty: Số 11 Ngõ Văn Trị, Phường Phú Lợi, Tp. Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương.

Địa chỉ chi nhánh: Thửa đất số 1093 tờ bản đồ số 29 Khu phố 1B, phường Chánh Phú Hòa, thị xã Bến Cát, tỉnh Bình Dương.

Điện thoại: 0274. 6564528/29

Fax: 02743.542907

Tên tài khoản : CN XỬ LÝ CHẤT THẢI – CÔNG TY CP – TỔNG CÔNG TY NƯỚC – MÔI TRƯỜNG BÌNH DƯƠNG

Tài khoản số 1: 6500069090 tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam – CN Bình Dương

Tài khoản số 2: 0841.000087337 tại Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam- CN Bắc Bình Dương

Tài khoản số 3: 1013853365 tại Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam- CN Bình Dương

Mã số thuế: 3700145694-008

Do Ông **NGÔ CHÍ THẮNG**

Chức vụ: Giám đốc CN Lâm Đại Diện

Hai bên đã cùng nhau tiến hành bàn bạc và thống nhất ký hợp đồng thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải với những nội dung như sau:

ĐIỀU 1: NỘI DUNG THỎA THUẬN

1.1. Bên A đồng ý giao cho bên B thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải nguy hại phát sinh trong hoạt động sản xuất của bên A.

1.2. Điều kiện lưu chứa:

- Chất thải nguy hại (CTNH) được bên A thu gom, phân loại, lưu giữ đáp ứng các yêu cầu kỹ thuật và quy trình quản lý theo quy định hiện hành trước khi giao cho Bên B. Chất thải nguy hại lưu chứa trong các bao bì, thiết bị đảm bảo an toàn, không bị rò rỉ ra môi trường, có dán nhãn CTNH và tập trung trong kho chứa có mái che. Bao bì, thùng chứa do bên A tự trang bị.
- Nếu lô hàng chất thải nguy hại chuẩn bị chuyển giao mà để lẫn chất thải nguy hại, chất thải y tế, chất thải rắn sinh hoạt, bùn thải hoặc các loại chất thải khác không nằm trong Danh mục chất thải chuyển giao trong hợp đồng thì Bên B sẽ từ chối tiếp nhận toàn bộ lô hàng bị lẫn đó. Bên A có trách nhiệm thanh toán chi phí thu gom, vận chuyển tương ứng một chuyến vận chuyển theo hợp đồng.

1.3. Phương thức xác định khối lượng

- Khối lượng chất thải là tổng của khối lượng của từng loại chất thải và bao bì lưu chứa loại chất thải đó.
- Khối lượng chất thải được xác định bằng cân tại kho bên A có xác nhận của bên B. Trong trường hợp không thể xác định được khối lượng tại kho của bên A thì sẽ căn cứ theo phiếu cân tại bàn cân điện tử của bên B.

1.4. Thời gian thu gom và địa điểm giao nhận

- Thời gian thu gom: 01 lần / tháng vào ngày thứ .15. tuần thứ .3. hàng tháng (trừ ngày lễ và ngày tết).

- Địa điểm giao nhận: tại Công ty TNHH Vina Chang Tai. (Địa chỉ: 183/2A Khu Phố Đông An, Phường Tân Đông Hiệp, Thành phố Dĩ An, Tỉnh Bình Dương).

ĐIỀU 2: ĐƠN GIÁ VÀ PHƯƠNG THỨC THANH TOÁN

2.1. Đơn giá

Stt	Tên chất thải	Trạng thái tồn tại	Mã CTNH	Phương pháp xử lý	Đơn giá xử lý đồng/kg	Đơn giá vận chuyển đồng/lần
01	Giẻ lau dính dầu nhớt thải	Rắn	18 02 01	Thiêu đốt	6.000	500.000
02	Dầu nhớt thải	Lỏng	17 02 04	Thiêu đốt	4.000	
03	Bóng đèn huỳnh quang thải	Rắn	16 01 06	Hóa rắn/chôn	20.000	
04	Can thùng đựng dầu nhớt thải	Bùn	18 01 01	Thiêu đốt	2.000	
05	Pin, acquy chì thải	Rắn	19 06 01	Phá dỡ - Tẩy rửa	10.000	
06	Hộp mực in thải	Rắn	08 02 04	Thiêu đốt	10.000	

Đơn giá của từng loại chất thải được thể hiện trong bảng sau:

Ghi chú: - Đơn giá này chưa bao gồm thuế GTGT.

- Khi có thay đổi đơn giá, bên B sẽ báo cho bên A trước 30 ngày bằng văn bản

2.2. Phương thức thanh toán

- Hàng tháng căn cứ vào khối lượng chất thải được thu gom thực tế, bên B sẽ phát hành hóa đơn GTGT cho bên A trên địa chỉ mail đã cung cấp; trường hợp Bên A chưa nhận được hóa đơn, vui lòng liên hệ Bên B qua số điện thoại **0274. 6566.292**.
- Hình thức thanh toán: Tiền mặt hoặc Chuyển khoản (phí chuyển khoản do bên A chi trả). Thời gian thanh toán chậm nhất là 30 (ba mươi) ngày kể từ ngày xuất hóa đơn. Khách hàng có thể truy cập vào website: **www.biwase.com.vn** để xem giấy báo thanh toán (nếu chưa thanh toán) và tải hóa đơn (nếu đã thanh toán).
- Thông tin nhận hóa đơn điện tử:

Họ và tên người nhận hóa đơn điện tử	Địa chỉ email nhận hóa đơn điện tử	Số điện thoại liên hệ
Từ Ngưỡng Kiến	Vinachangtai1998@gmail.com	0938388772

- Khi có sự thay đổi thông tin trên hóa đơn (địa chỉ xuất hóa đơn, email, số điện thoại liên hệ) bên A phải thông báo cho bên B bằng văn bản. Nếu bên A không thông báo thì bên B sẽ không chịu trách nhiệm khi đã xuất hóa đơn điện tử.
- Trong trường hợp nhà nước có thay đổi thuế suất GTGT bên B được quyền điều chỉnh theo quy định.

- Nếu Bên A không thanh toán cho Bên B theo đúng thời hạn ghi trên hợp đồng này thì Bên B sẽ ngưng thu gom chất thải cho Bên A đồng thời sẽ tiến hành thanh lý hợp đồng.

ĐIỀU 3: QUYỀN VÀ TRÁCH NHIỆM CỦA CÁC BÊN

3.1. Quyền và trách nhiệm của bên A

3.1.1. Quyền của bên A

- Được quyền yêu cầu bên B thu gom và xử lý chất thải đúng theo Điều 01.
- Tạm ngưng việc giao chất thải cho bên B xử lý bằng văn bản trước 30 (ba mươi) ngày nếu bên B vi phạm hợp đồng.
- Tạm ngưng việc giao chất thải cho bên B xử lý khi hợp đồng hết hiệu lực theo Điều 05.

3.1.2. Trách nhiệm của bên A

- Thực hiện việc giao chất thải đúng như Điều 01.
- Chịu trách nhiệm phân định, phân loại, xác định số lượng chất thải nguy hại theo quy định.
- Thanh toán tiền thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải cho bên B theo Điều 2. Theo định kỳ, căn cứ vào lịch thu gom đã thỏa thuận tại Điều 1- khoản 1.4, bên B đến thu gom chất thải mà bên A không giao chất thải thì bên A phải chịu chi phí vận chuyển đã thỏa thuận tại Điều 2- Khoản 2.1 cho lần đến vận chuyển đó.
- Thực hiện đúng quy trình Chứng từ CTNH ngay tại thời điểm chuyển giao chất thải theo quy định hiện hành.
- Cung cấp những thông tin cần thiết về chất thải khi bên B có yêu cầu.
- Cử người cần xác định khối lượng và giao nhận chất thải.
- Nếu bên A thanh toán trễ hạn so với thời hạn thanh toán đã ký kết thì bên A sẽ phải nộp phạt cho bên B với lãi suất Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - CN Bình Dương (tính tại thời điểm bên B phát hành hóa đơn GTGT) trên tổng số tiền thanh toán trễ hạn.
- Trong trường hợp bên A tạm ngưng giao chất thải cho bên B xử lý theo mục 3.1.1 Điều 3 thì bên A phải hoàn thành nghĩa vụ quyết toán công nợ cho bên B trong vòng 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tạm ngưng giao chất thải.
- Trong trường hợp bên A giải thể hay phá sản theo các quy định của pháp luật. Bên A phải hoàn thành các nghĩa vụ, trách nhiệm theo các nội dung hợp đồng đã ký kết; hoàn tất thanh toán các khoản nợ cho Bên B.
- Trong thời gian còn giá trị hợp đồng, bên A không được giao chất thải cho đơn vị khác xử lý hoặc tự tiêu hủy chất thải.

3.2. Quyền và trách nhiệm của bên B

3.2.1. Quyền của bên B

- Được nhận tiền do bên A thanh toán theo Điều 2.
- Bên B được quyền thông báo tạm ngưng thu gom chất thải định kỳ bằng văn bản nếu trong quá trình thực hiện hợp đồng có phát sinh các trường hợp sau :
 - + Tạm ngưng thu gom chất thải do bên A vi phạm hợp đồng.
 - + Tạm ngưng do bên A thanh toán trễ hạn theo quy định tại Điều 2 - Khoản 2.2.

- + Tạm ngưng do các trường hợp bất khả kháng : thiên tai, lũ lụt...
- + Hợp đồng hết hiệu lực theo Điều 05.
- Bên B được quyền đơn phương chấm dứt hợp đồng trong trường hợp bên A vi phạm một trong các nội dung của hợp đồng này hoặc bên A vi phạm các quy định pháp luật hiện hành mà gây ảnh hưởng đến hoạt động của bên B.
- Từ chối tiếp nhận loại CTNH không đúng với thông tin Danh mục CTNH quy định tại Điều 2 của hợp đồng.
- Từ chối tiếp nhận CTNH nếu không được lưu chứa trong bao bì, thiết bị đáp ứng yêu cầu kỹ thuật và quy trình quản lý; có khả năng không đảm bảo an toàn trong quá trình vận chuyển.
- Bên B có quyền cung cấp thông tin của hợp đồng này theo luật định hoặc khi có yêu cầu từ cơ quan có thẩm quyền.

3.2.2. Trách nhiệm của bên B

- Đảm bảo việc thu gom, vận chuyển, xử lý các loại CTNH theo Danh mục CTNH quy định tại Điều 2 hợp đồng đúng theo các nội dung của Giấy phép xử lý CTNH được cơ quan có thẩm quyền cấp.
- Bên B có trách nhiệm giữ vệ sinh trong quá trình thu gom, vận chuyển và xử lý toàn bộ lượng chất thải đã được bên A giao theo quy định.
- Thực hiện đúng quy trình Chứng từ CTNH ngay tại thời điểm chuyển giao chất thải theo quy định hiện hành.

ĐIỀU 4: ĐIỀU KHOẢN CHUNG

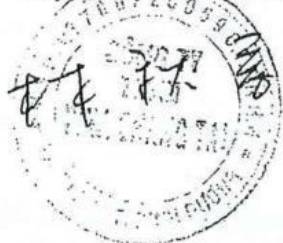
- 4.1 Hai bên có nghĩa vụ thực hiện đúng các điều khoản đã cam kết trong hợp đồng, không bên nào được tự ý thay đổi nội dung hoặc đơn phương chấm dứt hợp đồng khi chưa có sự thỏa thuận bằng văn bản của hai bên. Bên nào vi phạm sẽ phải bồi thường toàn bộ thiệt hại do hành vi vi phạm của mình gây ra cho bên bị thiệt hại.
- 4.2 Những nội dung không nêu trong hợp đồng này nếu có phát sinh sẽ căn cứ theo các quy định của pháp luật hiện hành. Khi có tranh chấp xảy ra hai bên cùng nhau bàn bạc, giải quyết trên tinh thần hợp tác, đôi bên cùng có lợi. Nếu các bên không tự giải quyết được các tranh chấp thì đem vụ việc ra Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương để giải quyết, phán quyết của Tòa án là quyết định cuối cùng mà hai bên phải thi hành. Mọi chi phí cho việc xét xử do bên thua kiện chịu.
- 4.3. Nếu các bên có thay đổi người đại diện ký hợp đồng hay Ban Giám đốc Công ty thì hợp đồng này vẫn có giá trị pháp lý.

ĐIỀU 5: HIỆU LỰC CỦA HỢP ĐỒNG

- 5.1 Hợp đồng này có hiệu lực kể từ ngày ký đến ngày 01 tháng 11 năm 2026. Trong vòng 30 (ba mươi) ngày trước khi hợp đồng hết hiệu lực, hai bên cùng thỏa thuận việc gia hạn hợp đồng.
- 5.2 Trong vòng 30 (ba mươi) ngày kể từ ngày ký hợp đồng hoặc trong vòng 30 (ba mươi) ngày kể từ ngày giao chất thải gần nhất mà bên A không tiếp tục giao chất thải cho bên B thì hợp đồng này đương nhiên được thanh lý theo quy định pháp luật.
- 5.3 Sau khi thời hạn hợp đồng kết thúc, trường hợp hai bên không ký lại hợp đồng mới (hoặc phụ lục hợp đồng) và sau khi hai bên thực hiện hết các nghĩa vụ của mình theo qui định của các điều khoản ghi trên thì hợp đồng đương nhiên được thanh lý.

5.4 Hợp đồng bao gồm 06 (sáu) trang, được lập thành 04 (bốn) bản. mỗi bên giữ 02 (hai) bản có giá trị pháp lý ngang nhau.

ĐẠI DIỆN BÊN A



CHỖ ĐÓNG

LIN CHIU JUNG



Ngô Chí Thắng

CÔNG TY CP - TỔNG CÔNG TY
NƯỚC - MÔI TRƯỜNG BÌNH DƯƠNG
CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN
LIÊN HỢP KHOA HỌC - CÔNG NGHỆ -
MÔI TRƯỜNG BIWASE

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 20/TB-KHCNMT.TCKT

Bến Cát, ngày 09 tháng 7 năm 2024

THÔNG BÁO

V/v: Chuyển đổi Chi nhánh xử lý chất thải thành Công ty TNHH Một thành viên Liên hợp Khoa học - Công nghệ - Môi trường BIWASE.

Kính gửi: - Quý khách hàng và đối tác.

- Căn cứ thông báo số 602/TB-TCTBWE ngày 05/07/2024 của Công ty CP - Tổng Công ty Nước - Môi trường Bình Dương về việc: "Thành lập Công ty TNHH Một thành viên Liên hợp Khoa học - Công nghệ - Môi trường BIWASE";

- Căn cứ theo khoản 4 điều 199 Luật doanh nghiệp: "Sau khi đăng ký doanh nghiệp, công ty bị tách và công ty được tách phải cùng liên đới chịu trách nhiệm về các nghĩa vụ, các khoản nợ chưa thanh toán, hợp đồng lao động và nghĩa vụ tài sản khác của công ty bị tách, trừ trường hợp Công ty bị tách, công ty được tách, chủ nợ, khách hàng và người lao động của công ty bị tách có thỏa thuận khác. Các công ty được tách đương nhiên kế thừa toàn bộ quyền, nghĩa vụ và lợi ích hợp pháp được phân chia theo nghị quyết, quyết định tách công ty".

Để thuận tiện trong việc giao dịch và tiếp tục thực hiện các công việc liên quan. Nay Công ty TNHH Một thành viên Liên hợp Khoa học - Công nghệ - Môi trường BIWASE đăng ký hình thức hạch toán độc lập nên thông báo đến Quý đơn vị thông tin thay đổi như sau:

STT	NỘI DUNG	THÔNG TIN CŨ	THÔNG TIN MỚI
1	Tên Công ty:	CHI NHÁNH XỬ LÝ CHẤT THẢI - CÔNG TY CP - TỔNG CÔNG TY NƯỚC - MÔI TRƯỜNG BÌNH DƯƠNG	CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN LIÊN HỢP KHOA HỌC - CÔNG NGHỆ - MÔI TRƯỜNG BIWASE
2	Mã số thuế:	3700145694	3703221375
3	Email:	phongketoanbiwase@gmail.com	ctykhcnmt.biwase@gmail.com
4	Số điện thoại:	02743.543527	0888 277 639
5	Số tài khoản:	6500069090	8600413939
6	Tại ngân hàng:	BIDV - CN Bình Dương.	BIDV - CN Bình Dương.

Kính mong nhận được sự hợp tác của Quý khách hàng và đối tác.

Trân trọng kính chào!

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu VP.



Ngo Chi Thang

THÔNG BÁO

Về việc thành lập Công ty TNHH Một thành viên
Liên hợp Khoa học – Công nghệ - Môi trường BIWASE
được tách từ Công ty CP – Tổng Công ty Nước – Môi trường Bình Dương

Kính gửi: - Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Dương ;
- Các, Sở, ban, ngành tỉnh Bình Dương;
- Ủy ban nhân dân các Huyện, Thị xã, Thành phố;
- Quý khách hàng, đối tác, nhà đầu tư, cổ đông...

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17/6/2020;
- Căn cứ Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp số 3703221375 cấp thay đổi lần 1 ngày 05 tháng 07 năm 2024 bởi Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Bình Dương cho Công Ty TNHH Một Thành Viên Liên hợp khoa học - Công nghệ - Môi trường BIWASE;
- Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty CP – Tổng Công Ty Nước – Môi Trường Bình Dương và Công Ty TNHH Một thành viên Liên hợp khoa học - Công nghệ - Môi trường BIWASE.

Để thuận tiện trong việc giao dịch và thực hiện các công việc liên quan, nay Công ty CP – Tổng Công Ty Nước – Môi Trường Bình Dương xin thông báo về việc thành lập Công Ty TNHH Một thành viên Liên hợp Khoa học - Công nghệ - Môi trường BIWASE (“**Công ty**”) với 100% vốn của Công ty CP – Tổng Công Ty Nước – Môi Trường Bình Dương trên cơ sở tách Công ty CP – Tổng Công Ty Nước – Môi Trường Bình Dương để hoạt động thay thế cho Chi nhánh Xử lý chất thải – Công ty CP – Tổng Công ty Nước – Môi trường Bình Dương. Theo đó, một số nội dung liên quan đến Công Ty TNHH Một thành viên Liên hợp Khoa học - Công nghệ - Môi trường BIWASE như sau:

1. Tên và trụ sở của Công ty

- a. Tên Công ty viết bằng tiếng Việt: **CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN LIÊN HỢP KHOA HỌC – CÔNG NGHỆ - MÔI TRƯỜNG BIWASE**

Tên Công ty viết bằng tiếng nước ngoài: **BIWASE ENVIRONMENT - TECHNOLOGY - SCIENCE COMPLEX ONE MEMBER LIMITED COMPANY**

Tên Công ty viết tắt: **CTY TNHH LIÊN HỢP KHCN MÔI TRƯỜNG BIWASE**

- b. Địa chỉ trụ sở của Công ty: **Số 39, Tổ 8, Khu phố 1B, Phường Chánh Phú Hòa, Thành Phố Bến Cát, Tỉnh Bình Dương, Việt Nam.**

2. Mẫu dấu Công ty:



Thời điểm có hiệu lực của mẫu dấu mới: Từ ngày 05 tháng 7 năm 2024

3. Chữ ký người đại diện theo pháp luật Công ty:

Chủ tịch Công ty	Giám Đốc
 PHẠM THANH HÙNG	 NGÔ CHÍ THẮNG

Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp số 3703221375 cấp thay đổi lần 1 ngày 05/07/2024 bởi Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Bình Dương cho CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN LIÊN HỢP KHOA HỌC - CÔNG NGHỆ - MÔI TRƯỜNG BIWASE được đính kèm theo thông báo này.

Trân trọng thông báo.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu VP.

NGƯỜI ĐẠI DIỆN PHÁP LUẬT
CÔNG TY CP - TỔNG CÔNG TY
NƯỚC - MÔI TRƯỜNG BÌNH DƯƠNG



TRẦN CHIẾN CÔNG

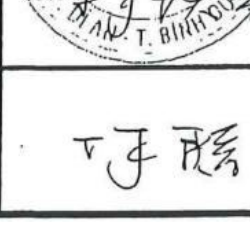
CÔNG TY TNHH VINA CHANG TAI

Đ/C: 183/2A, Khu Phố Đông An, P. Tân Đông Hiệp, TP. Dĩ An, T. Bình Dương

ĐT:

EMAIL: vinachangtai1998@gmail.com

BẢNG KÊ LƯỢNG CHẤT THẢI RẮN SINH HOẠT THÔNG THƯỜNG C/TY THÀNH TÀI PHÁT THU GOM THÁNG 01-2024

STT	NGÀY	K/L C/T SINH HOẠT (kg)	C/TY CHANG TAI KÝ NHẬN	C/TY THÀNH TÀI PHÁT KÝ NHẬN	GHI CHÚ
1	5/1/2024	15			
2	9/1/2024	13			
3	13/1/2024	19			
4	18/1/2024	17			
5	22/1/2024	12			
6	27/1/2024	10			
7	31/1/2024	14			
TỔNG CỘNG		100			

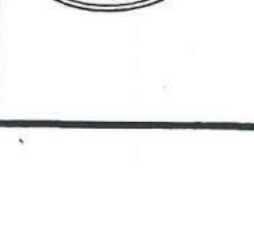
CÔNG TY TNHH VINA CHANG TAI

Đ/C: 183/2A, Khu Phố Đông An, P. Tân Đông Hiệp, TP. Dĩ An, T. Bình Dương

ĐT:

EMAIL: vinachangtai1998@gmail.com

BẢNG KÊ LƯỢNG CHẤT THẢI RẮN SINH HOẠT THÔNG THƯỜNG C/TY THÀNH TÀI PHÁT THU GOM THÁNG 02-2024

STT	NGÀY	K/L C/T SINH HOẠT (kg)	C/TY CHANG TAI KÝ NHẬN	C/TY THÀNH TÀI PHÁT KÝ NHẬN	GHI CHÚ
1	3/2/2024	12			
2	7/2/2024	9			
3	20/2/2024	15			
4	24/2/2024	13			
6	29/2/2024	9			
TỔNG CỘNG		58			

CÔNG TY TNHH VINA CHANG TAI

Đ/C: 183/2A, Khu Phố Đông An, P. Tân Đông Hiệp, TP. Dĩ An, T. Bình Dương

ĐT: EMAIL: vinachangtai1998@gmail.com

BẢNG KÊ LƯỢNG CHẤT THẢI RẮN SINH HOẠT THÔNG THƯỜNG
C/TY THÀNH TÀI PHÁT THU GOM THÁNG 03-2024

STT	NGÀY	K/L C/T SINH HOẠT (kg)	C/TY CHANG TAI KÝ NHẬN	C/TY THÀNH TÀI PHÁT KÝ NHẬN	GHI CHÚ
1	5/3/2024	17			
2	9/3/2024	10			
3	14/3/2024	18			
4	19/3/2024	20			
5	23/3/2024	14			
6	28/3/2024	18			
TỔNG CỘNG		97			

CÔNG TY TNHH VINA CHANG TAI

Đ/C: 183/2A, Khu Phố Đông An, P. Tân Đông Hiệp, TP. Dĩ An, T. Bình Dương

ĐT:

EMAIL: vinachangtai1998@gmail.com

BẢNG KÊ LƯỢNG CHẤT THẢI RẮN SINH HOẠT THÔNG THƯỜNG C/TY THÀNH TÀI PHÁT THU GOM THÁNG 04-2024

STT	NGÀY	K/L C/T SINH HOẠT (kg)	C/TY CHANG TAI KÝ NHẬN	C/TY THÀNH TÀI PHÁT KÝ NHẬN	GHI CHÚ
1	6/4/2024	22			
2	10/4/2024	14			
3	15/4/2024	20			
4	19/4/2024	18			
5	23/4/2024	10			
6	27/4/2024	15			
TỔNG CỘNG		99			

CÔNG TY TNHH VINA CHANG TAI

Đ/C: 183/2A, Khu Phố Đông An, P. Tân Đông Hiệp, TP. Dĩ An, T. Bình Dương

ĐT:

EMAIL: vinachangtai1998@gmail.com

**BẢNG KÊ LƯỢNG CHẤT THẢI RẮN SINH HOẠT THÔNG THƯỜNG
C/TY THÀNH TÀI PHÁT THU GOM THÁNG 05-2024**

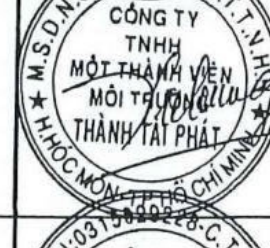
STT	NGÀY	K/L C/T SINH HOẠT (kg)	C/TY CHANG TAI KÝ NHẬN	C/TY THÀNH TÀI PHÁT KÝ NHẬN	GHI CHÚ
1	4/5/2024	18			
2	9/5/2024	16			
3	14/5/2024	27			
4	18/5/2024	20			
5	24/5/2024	10			
6	30/5/2024	13			
TỔNG CỘNG		104			

CY TNHH VINA CHANG TAI

183/2A, Khu Phố Đông An, P. Tân Đông Hiệp, TP. Dĩ An, T. Bình Dương

EMAIL: vinachangtai1998@gmail.com

**BẢNG KÊ LƯỢNG CHẤT THẢI RẮN SINH HOẠT THÔNG THƯỜNG
C/TY THÀNH TÀI PHÁT THU GOM THÁNG 06-2024**

STT	NGÀY	K/L C/T SINH HOẠT (kg)	C/TY CHANG TAI KÝ NHẬN	C/TY THÀNH TÀI PHÁT KÝ NHẬN	GHI CHÚ
1	5/6/2024	15			
2	10/6/2024	18			
3	15/6/2024	27			
4	19/6/2024	22			
5	24/6/2024	12			
6	28/6/2024	11			
TỔNG CỘNG		105			

CÔNG TY TNHH VINA CHANG TAI

Đ/C: 183/2A, Khu Phố Đông An, P. Tân Đông Hiệp, TP. Dĩ An, Tỉnh Bình Dương

EMAIL:vinachangtai1998@gmail.com

ĐT:

BẢNG KÊ LƯỢNG CHẤT THẢI RẮN SINH HOẠT THÔNG THƯỜNG CÔNG TY TNHH TM XD XLMT THANH LONG THU GOM RÁC THẮNG 07/2024

STT	NGÀY	K/L CHẤT THẢI SINH HOẠT	C/TY CHANG TAI KÝ NHẬN	C/TY THANH LONG KÝ NHẬN	GHI CHÚ
1	05/07/2024	12			
2	12/07/2024	15			
3	19/07/2024	18			
4	26/07/2024	15			
TỔNG CỘNG		60			

CÔNG TY TNHH VINA CHANG TAI

Đ/C: 183/2A, Khu Phố Đông An, P. Tân Đông Hiệp, TP. Dĩ An, Tỉnh Bình Dương

EMAIL:vinachangtai1998@gmail.com

ĐT:

BẢNG KÊ LƯỢNG CHẤT THẢI RÀN SINH HOẠT THÔNG THƯỜNG CÔNG TY TNHH TM XD XLMT THANH LONG THU GOM RÁC THÁNG 08/2024

STT	NGÀY	K/L CHẤT THẢI SINH HOẠT	C/TY CHANG TAI KÝ NHẬN	C/TY THANH LONG KÝ NHẬN	GHI CHÚ
1	02/08/2024	12		 <i>Lê Thị Bé Tư</i>	
2	09/08/2024	15		 <i>Lê Thị Bé Tư</i>	
3	16/08/2024	18		 <i>Lê Thị Bé Tư</i>	

4	23/08/2024	14		 <i>Lê Chi Bé Cui</i>	
5	30/08/2024	11		 <i>Lê Chi Bé Cui</i>	
TỔNG CỘNG		70			

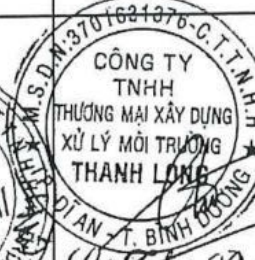
CÔNG TY TNHH VINA CHANG TAI

Đ/C: 183/2A, Khu Phố Đông An, P. Tân Đông Hiệp, TP. Dĩ An, Tỉnh Bình Dương

EMAIL:vinachangtai1998@gmail.com

ĐT:

BẢNG KÊ LƯỢNG CHẤT THẢI RẮN SINH HOẠT THÔNG THƯỜNG CÔNG TY TNHH TM XD XLMT THANH LONG THU GOM RÁC THÁNG 09/2024

STT	NGÀY	K/L CHẤT THẢI SINH HOẠT	C/TY CHANG TAI KÝ NHẬN	C/TY THANH LONG KÝ NHẬN	GHI CHÚ
1	06/09/2024	14		 <i>Lê Thị Bé Tư</i>	
2	13/09/2024	13		 <i>Lê Thị Bé Tư</i>	
3	20/09/2024	16		 <i>Lê Thị Bé Tư</i>	
4	27/09/2024	17		 <i>Lê Thị Bé Tư</i>	
TỔNG CỘNG		60			

CÔNG TY TNHH VINA CHANG TAI

Đ/C: 183/2A, Khu Phố Đông An, P. Tân Đông Hiệp, TP. Dĩ An, Tỉnh Bình Dương

EMAIL:vinachangtai1998@gmail.com

ĐT:

BẢNG KÊ LƯỢNG CHẤT THẢI RẮN SINH HOẠT THÔNG THƯỜNG CÔNG TY TNHH TM XD XLMT THANH LONG THU GOM RÁC THÁNG 10/2024

STT	NGÀY	K/L CHẤT THẢI SINH HOẠT	C/TY CHANG TAI KÝ NHẬN	C/TY THANH LONG KÝ NHẬN	GHI CHÚ
1	04/10/2024	21		 <i>Lê Thị Bé Tư</i>	
2	11/10/2024	18		 <i>Lê Thị Bé Tư</i>	
3	18/10/2024	20		 <i>Lê Thị Bé Tư</i>	

4	25/10/2024	21		 <i>Lê Thị Bé Tư</i>	
TỔNG CỘNG		80			

CÔNG TY TNHH VINA CHANG TAI

Đ/C: 183/2A, Khu Phố Đông An, P. Tân Đông Hiệp, TP. Dĩ An, Tỉnh Bình Dương

ĐT:

EMAIL:vinachangtai1998@gmail.com

BẢNG KÊ LƯỢNG CHẤT THẢI RẮN SINH HOẠT THÔNG THƯỜNG CÔNG TY TNHH TM XD XLMT THANH LONG THU GOM RÁC THÁNG 11/2024

STT	NGÀY	K/L CHẤT THẢI SINH HOẠT	C/TY CHANG TAI KÝ NHẬN	C/TY THANH LONG KÝ NHẬN	GHI CHÚ
1	01/11/2024	16		 <i>Lê Thị Bé Tư</i>	
2	08/11/2024	20		 <i>Lê Thị Bé Tư</i>	
3	15/11/2024	22		 <i>Lê Thị Bé Tư</i>	

4	22/11/2024	18			
5	29/11/2024	19			
TỔNG CỘNG		95			

CÔNG TY TNHH VINA CHANG TAI

Đ/C: 183/2A, Khu Phố Đông An, P. Tân Đông Hiệp, TP. Dĩ An, Tỉnh Bình Dương

ĐT:

EMAIL:vinachangtai1998@gmail.com

BẢNG KÊ LƯỢNG CHẤT THẢI RẮN SINH HOẠT THÔNG THƯỜNG CÔNG TY TNHH TM XD XLMT THANH LONG THU GOM RÁC THÁNG 12/2024

STT	NGÀY	K/L CHẤT THẢI SINH HOẠT	C/TY CHANG TAI KÝ NHẬN	C/TY THANH LONG KÝ NHẬN	GHI CHÚ
1	06/12/2024	23		 <i>Lê Chi Bé Tư</i>	
2	13/12/2024	27		 <i>Lê Chi Bé Tư</i>	
3	20/12/2024	26		 <i>Lê Chi Bé Tư</i>	

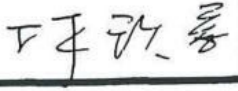
4	27/12/2024	29		 <i>Lê Thị Bé Tư</i>	
TỔNG CỘNG		105			

CÔNG TY TNHH VINA CHANG TAI

Đ/C: 183/2A, Khu Phố Đông An, P. Tân Đông Hiệp, TP. Dĩ An, T. Bình Dương

ĐT: EMAIL: vinachangtai1998@gmail.com

BẢNG KÊ LƯỢNG CHẤT THẢI CÔNG NGHIỆP THÔNG THƯỜNG C/TY THÀNH TÀI PHÁT THỦ GOM THÁNG 01-2024

STT	NGÀY	K/L C/T CÔNG NGHIỆP (kg)	C/TY CHANG TAI KÝ NHẬN	C/TY THÀNH TÀI PHÁT KÝ NHẬN	GHI CHÚ
1	6/1/2024	43			
2	13/1/2024	48			
3	20/1/2024	60			
4	27/1/2024	48			
TỔNG CỘNG		199			

CÔNG TY TNHH VINA CHANG TAI

Đ/C: 183/2A, Khu Phố Đông An, P. Tân Đông Hiệp, TP. Dĩ An, T. Bình Dương

ĐT:

EMAIL: vinachangtai1998@gmail.com

BẢNG KÊ LƯỢNG CHẤT THẢI CÔNG NGHIỆP THÔNG THƯỜNG C/TY THÀNH TÀI PHÁT THU GOM THÁNG 02-2024

STT	NGÀY	K/L C/T CÔNG NGHIỆP (kg)	C/TY CHANG TAI KÝ NHẬN	C/TY THÀNH TÀI PHÁT KÝ NHẬN	GHI CHÚ
1	3/2/2024	38			
2	17/2/2024	40			
3	24/2/2024	43			
TỔNG CỘNG		121			

CÔNG TY TNHH VINA CHANG TAI

Đ/C: 183/2A, Khu Phố Đông An, P. Tân Đông Hiệp, TP. Dĩ An, T. Bình Dương

ĐT: EMAIL: vinachangtai1998@gmail.com

**BẢNG KÊ LƯỢNG CHẤT THẢI CÔNG NGHIỆP THÔNG THƯỜNG
C/TY THÀNH TÀI PHÁT THU GOM THÁNG 03-2024**

STT	NGÀY	K/L C/T CÔNG NGHIỆP (kg)	C/TY CHANG TAI KÝ NHẬN	C/TY THÀNH TÀI PHÁT KÝ NHẬN	GHI CHÚ
1	2/3/2024	36			
2	9/3/2024	42			
3	16/3/2024	33			
4	23/3/2024	38			
5	30/3/2024	47			
TỔNG CỘNG		196			

CÔNG TY TNHH VINA CHANG TAI

Đ/C: 183/2A, Khu Phố Đông An, P. Tân Đông Hiệp, TP. Dĩ An, T. Bình Dương

ĐT:

EMAIL: vinachangtai1998@gmail.com

BẢNG KÊ LƯỢNG CHẤT THẢI CÔNG NGHIỆP THÔNG THƯỜNG C/TY THÀNH TÀI PHÁT THU GOM THÁNG 04-2024

STT	NGÀY	K/L C/T CÔNG NGHIỆP (kg)	C/TY CHANG TAI KÝ NHẬN	C/TY THÀNH TÀI PHÁT KÝ NHẬN	GHI CHÚ
1	6/4/2024	40			
2	13/4/2024	37			
3	20/4/2024	43			
4	27/4/2024	45			
TỔNG CỘNG		165			

CÔNG TY TNHH VINA CHANG TAI

Đ/C: 183/2A, Khu Phố Đông An, P. Tân Đông Hiệp, TP. Dĩ An, T. Bình Dương

ĐT:

EMAIL: vinachangtai1998@gmail.com

BẢNG KÊ LƯỢNG CHẤT THẢI CÔNG NGHIỆP THÔNG THƯỜNG C/TY THÀNH TÀI PHÁT THU GOM THÁNG 05-2024

STT	NGÀY	K/L C/T CÔNG NGHIỆP (kg)	C/TY CHANG TAI KÝ NHẬN	C/TY THÀNH TÀI PHÁT KÝ NHẬN	GHI CHÚ
1	4/5/2024	52			
2	11/5/2024	42			
3	18/5/2024	37			
4	25/5/2024	36			
TỔNG CỘNG		167			

CÔNG TY TNHH VINA CHANG TAI

Đ/C: 183/2A, Khu Phố Đông An, P. Tân Đông Hiệp, TP. Dĩ An, T. Bình Dương

ĐT:

EMAIL: vinachangtai1998@gmail.com

BẢNG KÊ LƯỢNG CHẤT THẢI CÔNG NGHIỆP THÔNG THƯỜNG C/TY THÀNH TÀI PHÁT THU GOM THÁNG 06-2024

STT	NGÀY	K/L C/T CÔNG NGHIỆP (kg)	C/TY CHANG TAI KÝ NHẬN	C/TY THÀNH TÀI PHÁT KÝ NHẬN	GHI CHÚ
1	1/6/2024	43			
2	8/6/2024	36			
3	15/6/2024	30			
4	22/6/2024	28			
5	29/6/2024	42			
TỔNG CỘNG		179			

CÔNG TY TNHH VINA CHANG TAI

Đ/C: 183/2A, Khu Phố Đông An, P. Tân Đông Hiệp, TP. Dĩ An, Tỉnh Bình Dương

EMAIL:vinachangtai1998@gmail.com

ĐT:

BẢNG KÊ LƯỢNG CHẤT THẢI CÔNG NGHIỆP THÔNG THƯỜNG

CÔNG TY TNHH TM XD XLMT THANH LONG THU GOM RÁC THÁNG 07/2024

STT	NGÀY	K/L CHẤT THẢI SINH HOẠT	C/TY CHANG TAI KÝ NHẬN	C/TY THANH LONG KÝ NHẬN	GHI CHÚ
1	05/07/2024	28			
2	12/07/2024	31			
3	19/07/2024	34			
4	26/07/2024	27			
TỔNG CỘNG		120			

CÔNG TY TNHH VINA CHANG TAI

Đ/C: 183/2A, Khu Phố Đông An, P. Tân Đông Hiệp, TP. Dĩ An, Tỉnh Bình Dương

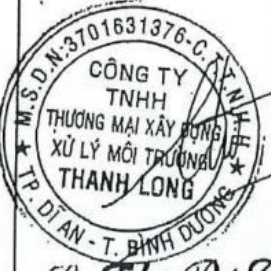
EMAIL:vinachangtai1998@gmail.com

ĐT:

BẢNG KÊ LƯỢNG CHẤT THẢI CÔNG NGHIỆP THÔNG THƯỜNG

CÔNG TY TNHH TM XD XLMT THANH LONG THU GOM RÁC THẮNG 08/2024

STT	NGÀY	K/L CHẤT THẢI SINH HOẠT (Kg)	C/TY CHANG TAI KÝ NHẬN	C/TY THANH LONG KÝ NHẬN	GHI CHÚ
1	02/08/2024	28		 Lê Thị Bé Tư	
2	09/08/2024	31		 Lê Thị Bé Tư	
3	16/08/2024	28		 Lê Thị Bé Tư	
4	23/08/2024	23		 Lê Thị Bé Tư	

5	30/08/2024	20	 	
TỔNG CỘNG		130		

Lê Thị Bé Tư

CÔNG TY TNHH VINA CHANG TAI

Đ/C: 183/2A, Khu Phố Đông An, P. Tân Đông Hiệp, TP. Dĩ An, Tỉnh Bình Dương

EMAIL:vinachangtai1998@gmail.com

ĐT:

BẢNG KÊ LƯỢNG CHẤT THẢI CÔNG NGHIỆP THÔNG THƯỜNG

CÔNG TY TNHH TM XD XLMT THANH LONG THU GOM RÁC THÁNG 09/2024

STT	NGÀY	K/L CHẤT THẢI SINH HOẠT (Kg)	C/TY CHANG TAI KÝ NHẬN	C/TY THANH LONG KÝ NHẬN	GHI CHÚ
1	06/09/2024	25		 <i>Lê Chi Bé Tư</i>	
2	13/09/2024	29		 <i>Lê Chi Bé Tư</i>	
3	20/09/2024	32		 <i>Lê Chi Bé Tư</i>	
4	27/09/2024	24		 <i>Lê Chi Bé Tư</i>	
TỔNG CỘNG		110			

CÔNG TY TNHH VINA CHANG TAI

Đ/C: 183/2A, Khu Phố Đông An, P. Tân Đông Hiệp, TP. Dĩ An, Tỉnh Bình Dương

EMAIL:vinachangtai1998@gmail.com

ĐT:

BẢNG KÊ LƯỢNG CHẤT THẢI CÔNG NGHIỆP THÔNG THƯỜNG

CÔNG TY TNHH TM XD XLMT THANH LONG THU GOM RÁC THÁNG 10/2024

STT	NGÀY	K/L CHẤT THẢI SINH HOẠT (Kg)	C/TY CHANG TAI KÝ NHẬN	C/TY THANH LONG KÝ NHẬN	GHI CHÚ
1	04/10/2024	28		 <i>Lê Thị Bé Tư</i>	
2	11/10/2024	36		 <i>Lê Thị Bé Tư</i>	
3	18/10/2024	32		 <i>Lê Thị Bé Tư</i>	
4	25/10/2024	34		 <i>Lê Thị Bé Tư</i>	

CÔNG TY TNHH VINA CHANG TAI

Đ/C: 183/2A, Khu Phố Đông An, P. Tân Đông Hiệp, TP. Dĩ An, Tỉnh Bình Dương

EMAIL:vinachangtai1998@gmail.com

ĐT:

BẢNG KÊ LƯỢNG CHẤT THẢI CÔNG NGHIỆP THÔNG THƯỜNG CÔNG TY TNHH TM XD XLMT THANH LONG THU GOM RÁC THÁNG 11/2024

STT	NGÀY	K/L CHẤT THẢI SINH HOẠT (Kg)	C/TY CHANG TAI KÝ NHẬN	C/TY THANH LONG KÝ NHẬN	GHI CHÚ
1	01/11/2024	26		 <i>Lê Thị Bé Tư</i>	
2	08/11/2024	31		 <i>Lê Thị Bé Tư</i>	
3	15/11/2024	33		 <i>Lê Thị Bé Tư</i>	

4	22/11/2024	28		 <i>Lê Chi Bé Cu</i>	
5	29/11/2024	27		 <i>Lê Chi Bé Cu</i>	
TỔNG CỘNG		145			

CÔNG TY TNHH VINA CHANG TAI

Đ/C: 183/2A, Khu Phố Đông An, P. Tân Đông Hiệp, TP. Dĩ An, Tỉnh Bình Dương

EMAIL:vinachangtai1998@gmail.com

ĐT:

BẢNG KÊ LƯỢNG CHẤT THẢI CÔNG NGHIỆP THÔNG THƯỜNG CÔNG TY TNHH TM XD XLMT THANH LONG THU GOM RÁC THÁNG 12/2024

STT	NGÀY	K/L CHẤT THẢI SINH HOẠT (Kg)	C/TY CHANG TAI KÝ NHẬN	C/TY THANH LONG KÝ NHẬN	GHI CHÚ
1	06/12/2024	284		 <i>Lê Chi Bé Tư</i>	
2	13/12/2024	296		 <i>Lê Chi Bé Tư</i>	
3	20/12/2024	281		 <i>Lê Chi Bé Tư</i>	

4	27/12/2024	299		 <i>Lê Thị Bé Tư</i>	
TỔNG CỘNG		1160			

TỈNH / THÀNH PHỐ
BÌNH DƯƠNG

CHỨNG TỪ CHẤT THẢI NGUY HẠI

Số: 4307 / 2024 / 1-2-3-4-5-6. 028.VX

1. Chủ CS DV XL CTNH 1: CHI NHÁNH XỬ LÝ CHẤT THẢI

CÔNG TY CP - TỔNG CÔNG TY NƯỚC - MÔI TRƯỜNG BÌNH DƯƠNG

Địa chỉ văn phòng: Số 11, Ngõ Văn Trị, Phường Phú Lợi, TP.Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương

Địa chỉ cơ sở/dại lý: Số 29, Khu phố 1B, P.Chánh Phú Hòa, TX.Bến Cát, Tỉnh Bình Dương

Mã số QLCTNH: 1-2-3-4-5-6. 028.VX

ĐT: 02743.542.906

ĐT: 02743.543.644

Fax: 02743.542.907

Số Giấy phép môi trường
539/GPMT-BTNMT

2. Chủ xử lý CTNH 2:

Mã số QLCTNH:

Địa chỉ văn Phòng:

ĐT:

Địa chỉ cơ sở:

ĐT:

3. Chủ nguồn thải:

Mã số QLCTNH:

Địa chỉ văn Phòng:

ĐT:

Địa chỉ cơ sở:

ĐT:

4. Khai CTNH chuyển giao (sử dụng cho bảng kê khai CTNH không chỉ đủ)

Số TT	Loại CTNH	Mã CTNH	Phương pháp xử lý #
1)	Bong bóng	160106	HR
2)	Dầu nhớt	170204	TD
3)	Chất thải lỏng	180101	TD

Ghi lần lượt ký hiệu của phương pháp xử lý: TC (Tận thu/tái chế); PT (Phân tách/chiết/ lọc/ kết tủa); OH (Oxy hoá); SH (Sinh học); DX (Đồng xử lý); CL (Cải tạo); SC (Sơ chế); Khác (tên phương pháp).

5. Xuất khẩu CTNH (nếu có) Nước nhập khẩu:

Cửa khẩu nhập:

Số hiệu phương tiện:

Cửa khẩu xuất:

7. Xác nhận việc tiếp nhận đủ số lượng và loại CTNH như kê khai ở mục 4

Số hiệu phương tiện vận chuyển: 01037714

7.1. Họ tên người nhận thay mặt CS DV XL CTNH 1:

Nguyễn Huỳnh Tấn Giao

Ký:

Gioc

Ngày:

11/3/24

7.2. Họ tên người nhận thay mặt CS DV XL CTNH 2:

Ký:

Ngày:

6. Chủ nguồn thải xác nhận đã thống nhất để kê khai chính xác các thông tin ở mục 1-4 (hoặc 5)

Ngày:

tháng:

năm:



8. Chủ CS DV XL CTNH (cuối cùng) xác nhận đã hoàn thành việc xử lý an toàn tất cả CTNH bằng phương pháp như kê khai ở mục 4



Ngày:

tháng:

năm:

Nguyễn Hoàng Lân
PHÓ GIÁM ĐỐC

@ Liên số

1

2

3

4

Ghi chú: (ghi rõ trong trường hợp lô CTNH trong chứng từ không được xử lý quá 6 tháng từ ngày tiếp nhận từ CNT)

CHỨNG TỪ CHẤT THẢI NGUY HẠI

SS:.....6648...../2024

1. Chủ CS DV XL CTNH 1: CHỈ NHANH XỬ LÝ CHẤT THẢI

Số giấy phép môi trường: 539/GPMT-BTNMT

CÔNG TY CP - TỔNG CÔNG TY NƯỚC - MÔI TRƯỜNG BÌNH DƯƠNG

ĐT: 02743.542.906

Địa chỉ văn phòng: Số 11, Ngõ Văn Trĩ, Phường Phú Lợi. TP.Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương

DT: 02743.543.644

Địa chỉ cơ sở/dại lý: Số 29, Khu phố 1B, P.Chánh Phú Hòa , TX.Bến Cát, Tỉnh Bình Dương

Fax: 02743.542.907

2. Chủ xử lý CTNH 2: Giấy phép môi trường/Mã số QLCTNH(nếu có):.....

Địa chỉ văn Phòng:ĐT:

Địa chỉ cơ sở: DT:

3. Chủ nguồn thải: Công ty TNHH Vĩnh Ngọc Thạch An. Giấy phép môi trường/Mã số QLCTNH (nếu có): 76.000.889.T

Địa chỉ văn Phòng: DT:

Địa chỉ cơ sở: KP-Diệm An, T.Đ. Dương Hòa, P.Đ. Đ.Đ. DT:

4. Kê khai CTNH chuyển giao (sử dụng theo bảng phụ lục cho bằng dưới đây nếu không chỉ định)

[illegible]

Ghi lần lượt ký hiệu của phương pháp xử lý đã áp dụng đối với từng CTNH: TC (Tạo thuận khí); TH (Trung hoà); PT (Phân tách/chiết/ lọc/ kết tủa); OH (Oxy hoá); SH (Sinh học); ĐX (Đóng vùi); ĐP (Đốt); HR (Hoà rắn); CL (Cố lập/đóng kết); C (Chôn lấp); SC (Sơ chế); Khác (tên phương pháp).

5. Xuất khẩu CTNH (nếu có) Nước nhập khẩu:

Số hiệu phương tiện: Ngày xuất cảnh: Địa điểm xuất:

7. Xác nhận việc tiếp nhận đủ số lượng và loại CTNH như sau: Số hiệu phương tiện vận chuyển: 6.1.0.815.3

7.1. Họ tên người nhận thay mặt CS DV XL CTNH 1: Võ Văn Chấn Ký: Ngày: 21/9/24

7.2. Họ tên người nhận thay mặt CS DV XL CTNH 2:Ký:.....Ngày:.....

6. Chủ nguồn thải xác nhận đã thống nhất để kê khai chính xác các thông tin ở mục 1-4 (hoặc 5)

ngày 02/8/2016 năm 2016

B. Chủ CS DV XL CTNH (cuối cùng) xác nhận đã hoàn thành việc xử lý an toàn tất cả CSNV bị nhiễm độc theo phương pháp như kê khai ở mục 4

ngày 11 tháng 11 năm 2024



Nguyễn Hoàng Lân
PHÓ GIÁM ĐỐC

GIÁM ĐỐC

LIN CHU JUNG

@ Liên số

10

2□

3 ☐4 ☒

Ghi chú:.....(ghi rõ trong trường hợp lô CTNH trong chứng từ không được xử lý quá 6 tháng từ ngày tiếp nhận từ CNT)

SD: 10781 / 2024

Fax: 02743.542.907

Địa chỉ cơ sở:ĐT:

Địa chỉ cơ sở: Đoàn An - Xã Tân Lập - Huyện Tân Lập - Tỉnh Bình Định DT: 04 - 30

Ghi chú:.....(ghi rõ trong trường hợp lô CTNH trong chứng từ không được xử lý quá 6 tháng từ ngày tiếp nhận từ CNT)

TỈNH / THÀNH PHỐ
BÌNH DƯƠNG

CHỨNG TỬ CHẤT THẢI NGUY HẠI

Số: 12760 /2024

1. Chủ CS DV XL CTNH 1: CHI NHÁNH XỬ LÝ CHẤT THẢI

CÔNG TY CP - TỔNG CÔNG TY NƯỚC - MÔI TRƯỜNG BÌNH DƯƠNG

Địa chỉ văn phòng: Số 11, Ngõ Văn Trị, Phường Phú Lợi, TP.Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương

Địa chỉ cơ sở/dại lý: Số 29, Khu phố 1B, P.Chánh Phú Hòa, TX.Bến Cát, Tỉnh Bình Dương

Số giấy phép môi trường: 539/GPMT-BTNMT

ĐT: 02743.542.906

ĐT: 02743.543.644

Fax: 02743.542.907

2. Chủ xử lý CTNH 2: Giấy phép môi trường/Mã số QLCTNH(nếu có):.....

Địa chỉ văn Phòng:ĐT:.....

Địa chỉ cơ sở:ĐT:.....

3. Chủ nguồn thải: Công Ty TNHH Lina Giấy phép môi trường/Mã số QLCTNH(nếu có): T1 000 8391

Địa chỉ văn Phòng:ĐT:.....

Địa chỉ cơ sở: Tân Đông Hiệp, TX. Dĩ An, Bình DươngĐT:.....

4. Kê khai CTNH chuyển giao (sử dụng tiếp theo phải ghi rõ bảng dưới đây nếu không chỉ rõ)

Số TT	Tên CTNH	Trạng thái tồn tại			Mã CTNH	Số lượng (kg)	Phương pháp xử lý #
		Rắn	Lỏng	Bùn			
1)	Bong, chất lỏng màu trắng	✓			160106	03	HR
2)	Các thùng chứa dầu nhớt	✓			160101	05	TD

Ghi lần lượt ký hiệu của phương pháp xử lý đã áp dụng đối với toàn CTNH: TO (Tuyệt nhiên), BT (Phân tách/chiết/ lọc/kết tủa); OH (Oxy hoá); SH (Sinh học); ĐX (Đóng gói); ĐT (Đốt); HR (Hoá rắn); GL (Cò lập/dóng kết); C (Chôn lấp); SC (Sơ chế); Khác (tên phương pháp).

5. Xuất khẩu CTNH (nếu có) Nước nhập khẩu:

Số hiệu phương tiện:

Ngày xuất khẩu:

Ngày nhập khẩu:

7. Xác nhận việc tiếp nhận đủ số lượng và loại CTNH như kê khai ở mục 4

Số hiệu phương tiện vận chuyển: C1C 3221U

7.1. Họ tên người nhận thay mặt CS DV XL CTNH 1: NG H Tân Giao Ký: Tân Giao Ngày 19/12/24

7.2. Họ tên người nhận thay mặt CS DV XL CTNH 2:Ký:.....Ngày:.....

6. Chủ nguồn thải xác nhận đã thống nhất để kê khai chính xác các thông tin ở mục 1-4 (hoặc 5)

BD, ngày 19 tháng 7 năm 24



LIN CHIH YUN

8. Chủ CS DV XL CTNH (nếu có) xác nhận đã hoàn thành việc xử lý an toàn tất cả CTNH theo pháp luật như kê khai ở mục 4

ngày 19/12/24 năm 2024



Nguyễn Hoàng Lân

PHÓ GIÁM ĐỐC

@ Liên số

Ghi chú:(ghi rõ trong trường hợp lô CTNH trong chứng tử không được xử lý quá 6 tháng từ ngày tiếp nhận từ CNT)

SO: 14549 / 2024

GIAM ĐỐC ☐ **LƯU CHỮ** ☐ **2** ☐ **3** ☐ **4** ☒

Ghi chú: (ghi rõ trong trường hợp là CTNH trong chứng từ không được xử lý quá 6 tháng từ ngày tiếp nhận từ CNT)

TH / THÀNH PHỐ
BÌNH DƯƠNG

CHỨNG TỪ CHẤT THẢI NGUY HẠI

Số: 16831 /2024

192

1. Chủ CS DV XL CTNH 1: CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN LIÊN HỢP KHOA HỌC - CÔNG NGHỆ - MÔI TRƯỜNG BIWASE

Số giấy phép môi trường: 539/GPMT-BTNMT
ĐT: 02743.542.906

Địa chỉ văn phòng: Số 39, Tổ 8, Khu phố 1B, Phường Chánh Phú Hoà, Thành Phố Bến Cát, Tỉnh Bình Dương

ĐT: 02743.543.644

Địa chỉ cơ sở/dại lý: Số 39, Tổ 8, Khu phố 1B, Phường Chánh Phú Hoà, Thành Phố Bến Cát, Tỉnh Bình Dương

Fax: 02743.542.907

2. Chủ xử lý CTNH 2: Giấy phép môi trường/Mã số QLCTNH(nếu có):

Địa chỉ văn Phòng:ĐT:

Địa chỉ cơ sở:ĐT:

3. Chủ nguồn thải: Công ty TNHH Vĩnh Cường Giấy phép môi trường/Mã số QLCTNH(nếu có): 740008391

Địa chỉ văn Phòng:ĐT:

Địa chỉ cơ sở: Tricong tiếp DA 30ĐT:

4. Kê khai CTNH chuyển giao (sử dụng thêm trang phụ lục cho bảng dưới đây nếu không chỉ đủ)

Số TT	Tên CNTH	Trạng thái tồn tại			Mã CTNH	Số lượng (kg)	Phương pháp xử lý #
		Rắn	Lỏng	Bùn			
1	Bao bì nhựa quang	✓			160106	2	HR

Ghi lần lượt ký hiệu của phương pháp xử lý đã áp dụng đối với từng CTNH: TC (Tận thu/tái chế); TH (Trung hoà); PT (Phân tách/chiết/loọc/kết tủa); OH (Oxy hoá); SH (Sinh học); ĐX (Đồng xử lý); TĐ (Thiêu đốt); HR (Hoá rắn); CL (Cò lập/dóng kén); C (Chôn lấp); SC (Sơ chế); Khác (tên phương pháp).

5. Xuất khẩu CTNH (nếu có) Nước nhập khẩu: Cửa khẩu nhập:

Số hiệu phương tiện: Ngày xuất cảng: Cửa khẩu xuất:

7. Xác nhận việc tiếp nhận đủ số lượng và loại CTNH như kê khai ở mục 4

Số hiệu phương tiện vận chuyển: 91C 57716

7.1. Họ tên người nhận thay mặt CS DV XL CTNH 1: Ông T. Trần Giao Ký: Giao Ngày: 20/9/24

7.2. Họ tên người nhận thay mặt CS DV XL CTNH 2: Ký: Ngày:

6. Chủ nguồn thải xác nhận đã thống nhất để kê khai chính xác các thông tin ở mục 1-4 (hoặc 5)

Ngày: 22/9/2024 năm: 24



Lưu Chí Trung

8. Chủ CS DV XL CTNH (cuối cùng) xác nhận đã hoàn thành việc xử lý an toàn tất cả CTNH theo phương pháp như kê khai ở mục 4

Ngày: 22/9/2024 năm: 24



Nguyễn Hoàng Lân

PHÓ GIÁM ĐỐC

© Liên số

1

2

3

4

Ghi chú: (ghi rõ trong trường hợp lô CTNH trong chứng từ không được xử lý quá 6 tháng từ ngày tiếp nhận từ CNT)

Số: 11958/2024

Ghi chú:..... (ghi rõ trong trường hợp là CTNH trong chứng từ không được xử lý quá 6 tháng từ ngày tiếp nhận từ CNT)

CHỨNG TỪ CHẤT THẢI NGUY HẠI

Số: 21115 / 2024

Chủ CS DV XL CTNH 1: CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN LIÊN HỢP KHOA HỌC - CÔNG NGHỆ - MÔI TRƯỜNG BIWASE

Số giấy phép môi trường: 292/GPMT-BTNMT

ĐT: 02743.542.906

Địa chỉ văn phòng: Số 39, Tổ 8, Khu phố 1B, Phường Chánh Phú Hoà, Thành Phố Bến Cát, Tỉnh Bình Dương

ĐT: 02743.543.644

*Địa chỉ cơ sở/đại lý: Số 39, Tổ 8, Khu phố 1B, Phường Chánh Phú Hoà, Thành Phố Bến Cát, Tỉnh Bình Dương

Fax: 02743.542.907

2. Chủ xử lý CTNH 2: Giấy phép môi trường/Mã số QLCTNH(nếu có):.....

Địa chỉ văn Phòng:ĐT:

Địa chỉ cơ sở:ĐT:

3. Chủ nguồn thải: Công ty TNHH Vina. Giấy phép môi trường/Mã số QLCTNH (nếu có): 14.000.839.1

Địa chỉ văn Phòng:.....ĐT:.....

Địa chỉ cư trú: 183/2A KP Đông An P.7 Quận Dong Hiệp DT:

4. Kê khai CTNH chuyển giao (sử dụng thêm trang phụ lục cho bảng dưới đây nếu không chỉ đủ)

[illegible]

Ghi lần lượt ký hiệu của phương pháp xử lý đã áp dụng đối với từng CTNH: TC (Tận thu/tái chế); TH (Trung hoà); PT (Phân tách/chiết/loọc/kết tủa); OH (Oxy hoá); SH (Sinh học); ĐX (Đồng xử lý); TĐ (Thiêu đốt); HR (Hoá rắn); CL (Cố lập/đóng kết); C (Chôn lấp); SC (Sơ chế); Khác (tên phương pháp).

5. Xuất khẩu CTNH (nếu có) Nước nhập khẩu:..... Cửa khẩu nhập:.....

Số hiệu phương tiện:..... Ngày xuất cảnh:..... Cửa khẩu xuất:.....

7. Xác nhận việc tiếp nhận đủ số lượng và loại CTNH như kê khai ở mục 4

Số hiệu phương tiện vận chuyển: 1H13494

7.1. Họ tên người nhận thay mặt CS DV XL CTNH 1: Uông Anh Khoa Kỳ: KL Ngày: 15/11/201

7.2. Họ tên người nhận thay mặt CS DV XL CTNH 2: Ký: Ngày:

6. Chủ nguồn thải xác nhận đã thống nhất để kê khai chính xác các thông tin ở mục 1-4 (hoặc 5)

BD ngày 15/06 tháng 11 năm 2024

8. Chủ CS DV Y... (cùng) xác nhận đã hoàn thành việc xử lý
an toàn tất cả NH bằng sự đồng ý pháp như kê khai ở mục 4

..... CÔNG TY TNHH tháng 11 năm 2014



LIN CHIU JUNG



Nguyễn Hoàng Lân
PHÓ GIÁM ĐỐC

@ Liên số

10

2□

3 ☐4 ☒

Ghi chú:.....(ghi rõ trong trường hợp lô CTNH trong chứng từ không được xử lý quá 6 tháng từ ngày tiếp nhận từ CNT)

CHỨNG TỪ CHẤT THẢI NGUY HẠI

Số:/2024

1. CHỦ CS DV XL CTNH 1: CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN LIÊN HỢP KHOA HỌC - CÔNG NGHỆ - MÔI TRƯỜNG BIWASE

Số giấy phép môi trường: 292/GPMT-BTNMT

DT: 02743.542.906

Địa chỉ văn phòng: Số 39, Tổ 8, Khu phố 1B, Phường Chánh Phú Hoà, Thành Phố Bến Cát, Tỉnh Bình Dương

DT: 02743.543.644

Địa chỉ cơ sở/dại lý: Số 39, Tổ 8, Khu phố 1B, Phường Chánh Phú Hoà, Thành Phố Bến Cát, Tỉnh Bình Dương

Fax: 02743.542.907

2. Chủ xử lý CTNH 2: Giấy phép môi trường/Mã số QLCTNH(nếu có):.....

Địa chỉ văn Phòng:ĐT:

Địa chỉ cơ sở:ĐT:

3. Chủ nguồn thải: Công ty TNHH Vĩnh Hưng. Giấy phép môi trường/Mã số QLCTNH (nếu có): 79000.8397

Địa chỉ văn Phòng:ĐT:

Địa chỉ cư sở: 183/2A KP. Dông An P. Tân Đông Hiệp. Huyện Dĩ An Bb

4. Kê khai CTNH chuyển giao (sử dụng thêm trang phụ lục cho bảng dưới đây nếu không chi đủ)

[illegible]

Ghi lần lượt ký hiệu của phương pháp xử lý đã áp dụng đối với từng CTNH: TC (Tận thu/tái chế); TH (Trung hoà); PT (Phân tách/chiết/loọc/kết tủa); OH (Oxy hoá); SH (Sinh học); ĐX (Đống xử lý); TD (Thiêu đốt); HR (Hoá rắn); CL (Cố lập/đóng kết); C (Chôn lấp); SC (Sơ chế); Khác (tên phương pháp).

5. Xuất khẩu CTNH (nếu có) Nước nhập khẩu:..... Cửa khẩu nhập:.....

Số hiệu phương tiện:.....Ngày xuất cảng.....Cửa khẩu xuất:.....

7. Xác nhận việc tiếp nhận đủ số lượng và loại CTNH như kê khai ở mục 4

Số hiệu phương tiện vận chuyển: 01 FM 3490

7.1. Họ tên người nhận thay mặt CS DV XL CTNH 1: Nguyễn Văn Khoa Ký: [Signature] Ngày: 20/12/2020

7.2. Họ tên người nhận thay mặt CS DV XL CTNH 2: Ký: Ngày:

6. Chủ nguồn thải xác nhận đã thống nhất để kê khai chính xác các thông tin ở mục 1-4 (hoặc 5)

8. Chủ CS DV XL CTNH (cuối cùng) xác nhận đã hoàn thành việc xử lý an toàn tất cả CTNH bằng các phương pháp như kê khai ở mục 4

....., ngày..... tháng..... năm.....



@ Liên số

10

20

3 ☒4 ☐

Ghi chú:.....(ghi rõ trong trường hợp lô CTNH trong chứng từ không được xử lý quá 6 tháng từ ngày tiếp nhận từ CNT)



HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG

SX

Từ ngày: 12/12/2023 đến ngày: 11/1/2024

CÔNG TY CP - TỔNG CÔNG TY NƯỚC -
MÔI TRƯỜNG BÌNH DƯƠNG
11 Ngõ Văn Trĩ - P. Phú Lợi
TP. TDM - T. Bình Dương

Mã số thuế: 3700145694

Điện thoại: (0274) 3740530

Ký hiệu: 1K24TTN

Số: 249476

Chi nhánh: CHI NHÁNH CẤP NƯỚC DĨ AN - CÔNG TY
CP - TỔNG CÔNG TY NƯỚC - MÔI TRƯỜNG BÌNH
DƯƠNG

Số BL: 244234

Tên Khách Hàng: CÔNG TY TNHH VINA CHANG TAI

Địa chỉ KH: 183/2A, KHU C, KHU PHỐ ĐÔNG AN, P. TÂN ĐÔNG HIỆP, TP. DĨ AN, T. BÌNH DƯƠNG
DCLD: KHUC KDC ĐÔNG AN, TÂN ĐÔNG HIỆP, DA

Mã số thuế KH: 3700228069

Danh bộ 8107.0205.36		Kỳ/Năm 01/2024	Khoản 0	Chi số cũ 73.258	Chi số mới 73.722	M ³ Tiêu thụ 464
M ³ chia ra	Đơn giá	Tiền nước		Số tiền phải trả		
SX: 464	13.800	6.403.200		Tiền nước: 6.403.200 Tiền thuế GTGT 5% : 320.160 Phí BV môi trường : 0		
Tổng số tiền phải trả: 6.723.360				Ngày 13 tháng 01 năm 2024 TỔNG GIÁM ĐỐC		
Bằng chữ: Sáu triệu bảy trăm hai mươi ba ngàn ba trăm sáu mươi đồng				Signature Valid Ký bởi: CÔNG TY CP - TỔNG CÔNG TY NƯỚC - MÔI TRƯỜNG BÌNH DƯƠNG Ký ngày: 13/01/2024 10:06:23		



HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG

SX

Từ ngày: 12/1/2024 đến ngày: 11/2/2024

CÔNG TY CP - TỔNG CÔNG TY NƯỚC -
MÔI TRƯỜNG BÌNH DƯƠNG
11 Ngõ Văn Trĩ - P. Phú Lợi
TP. TDM - T. Bình Dương

Mã số thuế: 3700145694

Điện thoại: (0274) 3740530

Ký hiệu: 1K24TTN

Số: 665828

Chi nhánh: CHI NHÁNH CẤP NƯỚC DĨ AN - CÔNG TY
CP - TỔNG CÔNG TY NƯỚC - MÔI TRƯỜNG BÌNH
DƯƠNG

Số BL: 661118

Tên Khách Hàng: CÔNG TY TNHH VINA CHANG TAI

Địa chỉ KH: 183/2A, KHU C, KHU PHỐ ĐÔNG AN, P. TÂN ĐÔNG HIỆP, TP. DĨ AN, T. BÌNH DƯƠNG
DCLD: KHUC KDC ĐÔNG AN, TÂN ĐÔNG HIỆP, DA

Mã số thuế KH: 3700228069

Danh bộ 8107.0205.36		Kỳ/Năm 02/2024	Khoán 0	Chỉ số cũ 73.722	Chỉ số mới 74.121	M ³ Tiêu thụ 399
M ³ chia ra	Đơn giá	Tiền nước		Số tiền phải trả		
SX: 399	13.800	5.506.200		Tiền nước: 5.506.200 Tiền thuế GTGT 5%: 275.310 Phí BV môi trường: 0		
Tổng số tiền phải trả: 5.781.510 Bằng chữ: Năm triệu bảy trăm tám mươi một ngàn năm trăm mười đồng				Ngày 17 tháng 02 năm 2024 TỔNG GIÁM ĐỐC Signature Valid Ký bởi: CÔNG TY CP - TỔNG CÔNG TY NƯỚC - MÔI TRƯỜNG BÌNH DƯƠNG Ký ngày: 17/02/2024 09:18:43		



HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG

SX

Từ ngày: 12/2/2024 đến ngày: 11/3/2024

CÔNG TY CP - TỔNG CÔNG TY NƯỚC -
MÔI TRƯỜNG BÌNH DƯƠNG
11 Ngô Văn Trĩ - P. Phú Lợi
TP. TDM - T. Bình Dương

Mã số thuế: 3700145694

Điện thoại: (0274) 3740530

Ký hiệu: 1K24TTN

Số: 998352

Chi nhánh: CHI NHÁNH CẤP NƯỚC DĨ AN - CÔNG TY
CP - TỔNG CÔNG TY NƯỚC - MÔI TRƯỜNG BÌNH
DƯƠNG

Số BL: 990951

Tên Khách Hàng: CÔNG TY TNHH VINA CHANG TAI

Địa chỉ KH: 183/2A, KHU C, KHU PHỐ ĐÔNG AN, P. TÂN ĐÔNG HIỆP, TP. DĨ AN, T. BÌNH DƯƠNG
DCLD: KHUC KDC ĐÔNG AN, TÂN ĐÔNG HIỆP, DA

Mã số thuế KH: 3700228069

Danh bộ 8107.0205.36		Kỳ/Năm 03/2024	Khoán 0	Chi số cũ 74.121	Chi số mới 74.452	M ³ Tiêu thụ 331
M ³ chia ra	Đơn giá	Tiền nước		Số tiền phải trả		
SX: 331	13.800	4.567.800		Tiền nước: 4.567.800 Tiền thuế GTGT 5% : 228.390 Phí BV môi trường : 0		
Tổng số tiền phải trả: 4.796.190 Bằng chữ: Bốn triệu bảy trăm chín mươi sáu ngàn một trăm chín mươi đồng				Ngày 13 tháng 03 năm 2024 TỔNG GIÁM ĐỐC Signature Valid Ký bởi: CÔNG TY CP - TỔNG CÔNG TY NƯỚC - MÔI TRƯỜNG BÌNH DƯƠNG Ký ngày: 13/03/2024 16:19:50		



HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG

SX

Từ ngày: 12/3/2024 đến ngày: 11/4/2024

CÔNG TY CP - TỔNG CÔNG TY NƯỚC -
MÔI TRƯỜNG BÌNH DƯƠNG
11 Ngõ Văn Trĩ - P. Phú Lợi
TP. TDM - T. Bình Dương

Mã số thuế: 3700145694

Điện thoại: (0274) 3740530

Ký hiệu: 1K24TTN

Số: 1370201

Chi nhánh: CHI NHÁNH CẤP NƯỚC DĨ AN - CÔNG TY
CP - TỔNG CÔNG TY NƯỚC - MÔI TRƯỜNG BÌNH
DƯƠNG

Số BL: 1362390

Tên Khách Hàng: CÔNG TY TNHH VINA CHANG TAI

Địa chỉ KH: 183/2A, KHU C, KHU PHỐ ĐÔNG AN, P. TÂN ĐÔNG HIỆP, TP. DĨ AN, T. BÌNH DƯƠNG
DCLD: KHUC KDC ĐÔNG AN, TÂN ĐÔNG HIỆP, DA

Mã số thuế KH: 3700228069

Danh bộ 8107.0205.36		Kỳ/Năm 04/2024	Khoán 0	Chỉ số cũ 74.452	Chỉ số mới 74.943	M ³ Tiêu thụ 491
M ³ chia ra	Đơn giá	Tiền nước		Số tiền phải trả		
SX: 491	13.800	6.775.800		Tiền nước: 6.775.800 Tiền thuế GTGT 5% : 338.790 Phí BV môi trường : 0		
Tổng số tiền phải trả: 7.114.590 Bằng chữ: Bảy triệu một trăm mười bốn ngàn năm trăm chín mươi đồng				Ngày 13 tháng 04 năm 2024 TỔNG GIÁM ĐỐC Signature Valid Ký bởi: CÔNG TY CP - TỔNG CÔNG TY NƯỚC - MÔI TRƯỜNG BÌNH DƯƠNG Ký ngày: 13/04/2024 09:27:37		



HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG

SX

Từ ngày: 12/4/2024 đến ngày: 11/5/2024

CÔNG TY CP - TỔNG CÔNG TY NƯỚC -
MÔI TRƯỜNG BÌNH DƯƠNG
11 Ngõ Văn Trĩ - P. Phú Lợi
TP. TDM - T. Bình Dương

Mã số thuế: 3700145694

Điện thoại: (0274) 3740530

Ký hiệu: 1K24TTN

Số: 1751313

Chi nhánh: CHI NHÁNH CẤP NƯỚC DĨ AN - CÔNG TY
CP - TỔNG CÔNG TY NƯỚC - MÔI TRƯỜNG BÌNH
DƯƠNG

Số BL: 1735633

Tên Khách Hàng: CÔNG TY TNHH VINA CHANG TAI

Địa chỉ KH: 183/2A, KHU C, KHU PHỐ ĐÔNG AN, P. TÂN ĐÔNG HIỆP, TP. DĨ AN, T. BÌNH DƯƠNG
DCLD: KHUC KDC ĐÔNG AN, TÂN ĐÔNG HIỆP, DA

Mã số thuế KH: 3700228069

Danh bộ 8107.0205.36		Kỳ/Năm 05/2024	Khoán 0	Chỉ số cũ 74.943	Chỉ số mới 75.349	M ³ Tiêu thụ 406
M ³ chia ra	Đơn giá	Tiền nước		Số tiền phải trả		
SX: 406	13.800	5.602.800		Tiền nước: 5.602.800 Tiền thuế GTGT 5% : 280.140 Phí BV môi trường : 0		
Tổng số tiền phải trả: 5.882.940 Bằng chữ: Năm triệu tám trăm tám mươi hai ngàn chín trăm bốn mươi đồng				Ngày 14 tháng 05 năm 2024 TỔNG GIÁM ĐỐC Signature Valid Ký bởi: CÔNG TY CP - TỔNG CÔNG TY NƯỚC - MÔI TRƯỜNG BÌNH DƯƠNG Ký ngày: 14/05/2024 14:29:34		



HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG

SX

Từ ngày: 12/5/2024 đến ngày: 11/6/2024

CÔNG TY CP - TỔNG CÔNG TY NƯỚC -
MÔI TRƯỜNG BÌNH DƯƠNG
11 Ngõ Văn Trị - P. Phú Lợi
TP. TDM - T. Bình Dương

Mã số thuế: 3700145694

Điện thoại: (0274) 3740530

Ký hiệu: 1K24TTN

Số: 2114895

Chi nhánh: CHI NHÁNH CẤP NƯỚC DĨ AN - CÔNG TY
CP - TỔNG CÔNG TY NƯỚC - MÔI TRƯỜNG BÌNH
DƯƠNG

Số BL: 2105050

Tên Khách Hàng: CÔNG TY TNHH VINA CHANG TAI

Địa chỉ KH: 183/2A, KHU C, KHU PHỐ ĐÔNG AN, P. TÂN ĐÔNG HIỆP, TP. DĨ AN, T. BÌNH DƯƠNG
DCLD: KHUC KDC ĐÔNG AN, TÂN ĐÔNG HIỆP, DA

Mã số thuế KH: 3700228069

Danh bộ 8107.0205.36		Kỳ/Năm 06/2024	Khoản 0	Chỉ số cũ 75.349	Chỉ số mới 75.642	M ³ Tiêu thụ 293
M ³ chia ra	Đơn giá	Tiền nước		Số tiền phải trả		
SX: 293	13.800	4.043.400		Tiền nước: 4.043.400 Tiền thuế GTGT 5% : 202.170 Phí BV môi trường : 0		
Tổng số tiền phải trả: 4.245.570 Bằng chữ: Bốn triệu hai trăm bốn mươi lăm ngàn năm trăm bảy mươi đồng				Ngày 13 tháng 06 năm 2024 TỔNG GIÁM ĐỐC Signature Valid Ký bởi: CÔNG TY CP - TỔNG CÔNG TY NƯỚC - MÔI TRƯỜNG BÌNH DƯƠNG Ký ngày: 13/06/2024 09:47:52		



HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG

SX

Từ ngày: 12/6/2024 đến ngày: 11/7/2024

CÔNG TY CP - TỔNG CÔNG TY NƯỚC -
MÔI TRƯỜNG BÌNH DƯƠNG
11 Ngõ Văn Trĩ - P. Phú Lợi
TP. TDM - T. Bình Dương

Mã số thuế: 3700145694

Điện thoại: (0274) 3740530

Ký hiệu: 1K24TTN

Số: 2531434

Chi nhánh: CHI NHÁNH CẤP NƯỚC DĨ AN - CÔNG TY
CP - TỔNG CÔNG TY NƯỚC - MÔI TRƯỜNG BÌNH
DƯƠNG

Số BL: 2512300

Tên Khách Hàng: CÔNG TY TNHH VINA CHANG TAI

Địa chỉ KH: 183/2A, KHU C, KHU PHỐ ĐÔNG AN, P. TÂN ĐÔNG HIỆP, TP. DĨ AN, T. BÌNH DƯƠNG
DCLD: KHUC KDC ĐÔNG AN, TÂN ĐÔNG HIỆP, DA

Mã số thuế KH: 3700228069

Danh bộ 8107.0205.36		Kỳ/Năm 07/2024	Khoản 0	Chỉ số cũ 75.642	Chỉ số mới 75.907	M ³ Tiêu thụ 265
M ³ chia ra	Đơn giá	Tiền nước		Số tiền phải trả		
SX: 265	13.800	3.657.000		Tiền nước: 3.657.000 Tiền thuế GTGT 5% : 182.850 Phí BV môi trường : 0		
Tổng số tiền phải trả: 3.839.850 Bằng chữ: Ba triệu tám trăm ba mươi chín ngàn tám trăm năm mươi đồng				Ngày 16 tháng 07 năm 2024 TỔNG GIÁM ĐỐC Signature Valid Ký bởi: CÔNG TY CP - TỔNG CÔNG TY NƯỚC - MÔI TRƯỜNG BÌNH DƯƠNG Ký ngày: 16/07/2024 14:16:29		



HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG

SX

Từ ngày: 12/7/2024 đến ngày: 11/8/2024

CÔNG TY CP - TỔNG CÔNG TY NƯỚC -
MÔI TRƯỜNG BÌNH DƯƠNG
11 Ngõ Văn Trị - P. Phú Lợi
TP. TDM - T. Bình Dương

Mã số thuế: 3700145694

Điện thoại: (0274) 3740530

Ký hiệu: 1K24TTN

Số: 2844896

Chi nhánh: CHI NHÁNH CẤP NƯỚC DĨ AN - CÔNG TY
CP - TỔNG CÔNG TY NƯỚC - MÔI TRƯỜNG BÌNH
DƯƠNG

Số BL: 2827932

Tên Khách Hàng: CÔNG TY TNHH VINA CHANG TAI

Địa chỉ KH: 183/2A, KHU C, KHU PHỐ ĐÔNG AN, P. TÂN ĐÔNG HIỆP, TP. DĨ AN, T. BÌNH DƯƠNG
DCLD: KHUC KDC ĐÔNG AN, TÂN ĐÔNG HIỆP, DA

Mã số thuế KH: 3700228069

Danh bộ 8107.0205.36		Kỳ/Năm 08/2024	Khoán 0	Chỉ số cũ 75.907	Chỉ số mới 76.153	M ³ Tiêu thụ 246
M ³ chia ra	Đơn giá	Tiền nước		Số tiền phải trả		
SX: 246	13.800	3.394.800		Tiền nước: 3.394.800 Tiền thuế GTGT 5% : 169.740 Phí BV môi trường : 0		
Tổng số tiền phải trả: 3.564.540 Bằng chữ: Ba triệu năm trăm sáu mươi tư ngàn năm trăm bốn mươi đồng				Ngày 13 tháng 08 năm 2024 TỔNG GIÁM ĐỐC Signature Valid Ký bởi: CÔNG TY CP - TỔNG CÔNG TY NƯỚC - MÔI TRƯỜNG BÌNH DƯƠNG Ký ngày: 13/08/2024 14:00:35		



HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG

SX

Từ ngày: 12/8/2024 đến ngày: 11/9/2024

CÔNG TY CP - TỔNG CÔNG TY NƯỚC -
MÔI TRƯỜNG BÌNH DƯƠNG
11 Ngõ Văn Trĩ - P. Phú Lợi
TP. TDM - T. Bình Dương

Mã số thuế: 3700145694

Điện thoại: (0274) 3740530

Ký hiệu: 1K24TTN

Số: 3235066

Chi nhánh: CHI NHÁNH CẤP NƯỚC DĨ AN - CÔNG TY
CP - TỔNG CÔNG TY NƯỚC - MÔI TRƯỜNG BÌNH
DƯƠNG

Số BL: 3225258

Tên Khách Hàng: CÔNG TY TNHH VINA CHANG TAI

Địa chỉ KH: 183/2A, KHU C, KHU PHỐ ĐÔNG AN, P. TÂN ĐÔNG HIỆP, TP. DĨ AN, T. BÌNH DƯƠNG
DCLD: KHUC KDC ĐÔNG AN, TÂN ĐÔNG HIỆP, DA

Mã số thuế KH: 3700228069

Danh bộ 8107.0205.36		Kỳ/Năm 09/2024	Khoán 0	Chi số cũ 76.153	Chi số mới 76.406	M ³ Tiêu thụ 253
M ³ chia ra	Đơn giá	Tiền nước		Số tiền phải trả		
SX: 253	13.800	3.491.400		Tiền nước: 3.491.400 Tiền thuế GTGT 5% : 174.570 Phí BV môi trường : 0		
Tổng số tiền phải trả: 3.665.970				Ngày 13 tháng 09 năm 2024 TỔNG GIÁM ĐỐC		
Bằng chữ: Ba triệu sáu trăm sáu mươi lăm ngàn chín trăm bảy mươi đồng				Signature Valid Ký bởi: CÔNG TY CP - TỔNG CÔNG TY NƯỚC - MÔI TRƯỜNG BÌNH DƯƠNG Ký ngày: 13/09/2024 09:37:39		



HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG

SX

Từ ngày: 12/9/2024 đến ngày: 11/10/2024

CÔNG TY CP - TỔNG CÔNG TY NƯỚC -
MÔI TRƯỜNG BÌNH DƯƠNG
11 Ngõ Văn Trĩ - P. Phú Lợi
TP. TDM - T. Bình Dương

Mã số thuế: 3700145694

Điện thoại: (0274) 3740530

Ký hiệu: 1K24TTN

Số: 3643688

Chi nhánh: CHI NHÁNH CẤP NƯỚC DĨ AN - CÔNG TY
CP - TỔNG CÔNG TY NƯỚC - MÔI TRƯỜNG BÌNH
DƯƠNG

Số BL: 3627296

Tên Khách Hàng: CÔNG TY TNHH VINA CHANG TAI

Địa chỉ KH: 183/2A, KHU C, KHU PHỐ ĐÔNG AN, P. TÂN ĐÔNG HIỆP, TP. DĨ AN, T. BÌNH DƯƠNG
DCLD: KHUC KDC ĐÔNG AN, TÂN ĐÔNG HIỆP, DA

Mã số thuế KH: 3700228069

Danh bộ 8107.0205.36		Kỳ/Năm 10/2024	Khoán 0	Chỉ số cũ 76.406	Chỉ số mới 76.660	M ³ Tiêu thụ 254
M ³ chia ra	Đơn giá	Tiền nước		Số tiền phải trả		
SX: 254	13.800	3.505.200		Tiền nước: 3.505.200 Tiền thuế GTGT 5%: 175.260 Phí BV môi trường: 0		
Tổng số tiền phải trả: 3.680.460 Bằng chữ: Ba triệu sáu trăm tám mươi ngàn bốn trăm sáu mươi đồng				Ngày 15 tháng 10 năm 2024 TỔNG GIÁM ĐỐC Signature Valid Ký bởi: CÔNG TY CP - TỔNG CÔNG TY NƯỚC - MÔI TRƯỜNG BÌNH DƯƠNG Ký ngày: 15/10/2024 14:09:27		



HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG

SX

Từ ngày: 12/10/2024 đến ngày: 11/11/2024

CÔNG TY CP - TỔNG CÔNG TY NƯỚC -
MÔI TRƯỜNG BÌNH DƯƠNG
11 Ngõ Văn Trĩ - P. Phú Lợi
TP. TDM - T. Bình Dương

Mã số thuế: 3700145694

Điện thoại: (0274) 3740530

Ký hiệu: 1K24TTN

Số: 3990684

Chi nhánh: CHI NHÁNH CẤP NƯỚC DĨ AN - CÔNG TY
CP - TỔNG CÔNG TY NƯỚC - MÔI TRƯỜNG BÌNH
DƯƠNG

Số BL: 3977734

Tên Khách Hàng: CÔNG TY TNHH VINA CHANG TAI

Địa chỉ KH: 183/2A, KHU C, KHU PHỐ ĐÔNG AN, P. TÂN ĐÔNG HIỆP, TP. DĨ AN, T. BÌNH DƯƠNG
DCLD: KHUC KDC ĐÔNG AN, TÂN ĐÔNG HIỆP, DA

Mã số thuế KH: 3700228069

Danh bộ 8107.0205.36		Kỳ/Năm 11/2024	Khoản 0	Chỉ số cũ 76.660	Chỉ số mới 76.956	M ³ Tiêu thụ 296
M ³ chia ra	Đơn giá	Tiền nước		Số tiền phải trả		
SX: 296	13.800	4.084.800		Tiền nước: 4.084.800 Tiền thuế GTGT 5%: 204.240 Phí BV môi trường: 0		
Tổng số tiền phải trả: 4.289.040 Bằng chữ: Bốn triệu hai trăm tám mươi chín ngàn không trăm bốn mươi đồng				Ngày 13 tháng 11 năm 2024 TỔNG GIÁM ĐỐC Signature Valid Ký bởi: CÔNG TY CP - TỔNG CÔNG TY NƯỚC - MÔI TRƯỜNG BÌNH DƯƠNG Ký ngày: 13/11/2024 10:32:32		



HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG

SX

Từ ngày: 12/11/2024 đến ngày: 11/12/2024

CÔNG TY CP - TỔNG CÔNG TY NƯỚC -
MÔI TRƯỜNG BÌNH DƯƠNG
11 Ngõ Văn Trị - P. Phú Lợi
TP. TDM - T. Bình Dương

Mã số thuế: 3700145694

Điện thoại: (0274) 3740530

Ký hiệu: 1K24TTN

Số: 4356188

Chi nhánh: CHI NHÁNH CẤP NƯỚC DĨ AN - CÔNG TY
CP - TỔNG CÔNG TY NƯỚC - MÔI TRƯỜNG BÌNH
DƯƠNG

Số BL: 4344817

Tên Khách Hàng: CÔNG TY TNHH VINA CHANG TAI

Địa chỉ KH: 183/2A, KHU C, KHU PHỐ ĐÔNG AN, P. TÂN ĐÔNG HIỆP, TP. DĨ AN, T. BÌNH DƯƠNG
DCLD: KHUC KDC ĐÔNG AN, TÂN ĐÔNG HIỆP, DA

Mã số thuế KH: 3700228069

Danh bộ 8107.0205.36		Kỳ/Năm 12/2024	Khoán 0	Chỉ số cũ 76.956	Chỉ số mới 77.211	M ³ Tiêu thụ 255
M ³ chia ra	Đơn giá	Tiền nước		Số tiền phải trả		
SX: 255	13.800	3.519.000		Tiền nước: 3.519.000 Tiền thuế GTGT 5%: 175.950 Phí BV môi trường : 0		
Tổng số tiền phải trả: 3.694.950 Bằng chữ: Ba triệu sáu trăm chín mươi tư ngàn chín trăm năm mươi đồng				Ngày 12 tháng 12 năm 2024 TỔNG GIÁM ĐỐC Signature Valid Ký bởi: CÔNG TY CP - TỔNG CÔNG TY NƯỚC - MÔI TRƯỜNG BÌNH DƯƠNG Ký ngày: 12/12/2024 10:33:30		

**CÔNG TY ĐIỆN LỰC BÌNH DƯƠNG**

Mã số thuế (Tax Code): 0300942001-014

Địa chỉ (Address): Số 233, Đường 30 tháng 4, Phường Phú Thọ, Thành phố Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương, Việt Nam

Điện thoại (Phone Number): 19001006-19009000

Thông tin thanh toán (Payment Information): Điện Lực Dĩ An - Số TK: 0031000666001 - Tại NH: Ngân hàng TMCP An Bình

**HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG
(VAT INVOICE)**

Bản thể hiện của hóa đơn điện tử

(Electronic invoice display)

Ngày (Date) 02 tháng (month) 02 năm (year) 2024

Ký hiệu (Serial): 1K24THB

Số (No): 111940

Họ tên người mua hàng (Buyer name):

Tên đơn vị (Company name): Công ty TNHH VINA CHANG TAI

Mã số thuế (Tax code): 3700228069

Địa chỉ (Address): 183/2A Khu C, Kp.Đông An, P.Tân Đông Hiệp, TP Dĩ An, Tỉnh Bình Dương

Mã khách hàng (Customer's Code): PB04020015839

Số tài khoản (Account No):

Hình thức thanh toán (Payment method): TM/CK

Đồng tiền thanh toán (Payment currency): VND

STT (No.)	Tên hàng hóa, dịch vụ (Description)	ĐVT (Unit)	Số lượng (Quantity)	Đơn giá (Unit price)	Thành tiền (Amount)
A	B	C	I	2	3=1x2
1	Điện tiêu thụ tháng 1 năm 2024 từ ngày 01/01/2024 đến ngày 31/01/2024 (kèm theo bảng kê số 1350720305 ngày 02 tháng 02 năm 2024)	kWh	26.200	-	51.109.500
Cộng tiền hàng (Total amount):					51.109.500
Thuế suất GTGT (VAT rate): 8%					Tiền thuế GTGT (VAT amount): 4.088.760
Tỷ giá (Exchanged rate):					Tổng cộng tiền thanh toán (Total payment): 55.198.260
Số tiền bằng chữ (Amount in words): Năm mươi lăm triệu một trăm chín mươi tám nghìn hai trăm sáu mươi đồng.					

Người mua hàng (Buyer)

Người bán hàng (Seller)

Được ký bởi: CÔNG TY ĐIỆN LỰC BÌNH DƯƠNG
Ngày ký: 02/02/2024 14:26:55

**CÔNG TY ĐIỆN LỰC BÌNH DƯƠNG**

Mã số thuế (Tax Code): 0300942001-014

Địa chỉ (Address): Số 233, Đường 30 tháng 4, Phường Phú Thọ, Thành phố Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương, Việt Nam

Điện thoại (Phone Number): 19001006-19009000

Thông tin thanh toán (Payment Information): Điện Lực Dĩ An - Số TK: 0031000666001 - Tại NH: Ngân hàng TMCP An Bình

**HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG
(VAT INVOICE)**Bản thể hiện của hóa đơn điện tử
(Electronic invoice display)

Ngày (Date) 03 tháng (month) 03 năm (year) 2024

Ký hiệu (Serial): 1K24THB

Số (No): 288914

Họ tên người mua hàng (Buyer name):

Tên đơn vị (Company name): Công ty TNHH VINA CHANG TAI

Mã số thuế (Tax code): 3700228069

Địa chỉ (Address): 183/2A Khu C, Kp.Đông An, P. Tân Đông Hiệp, TP Dĩ An, Tỉnh Bình Dương

Mã khách hàng (Customer's Code): PB04020015839

Số tài khoản (Account No):

Hình thức thanh toán (Payment method): TM/CK

Đồng tiền thanh toán (Payment currency): VND

STT (No.)	Tên hàng hóa, dịch vụ (Description)	ĐVT (Unit)	Số lượng (Quantity)	Đơn giá (Unit price)	Thành tiền (Amount)
A	B	C	1	2	3=1x2
1	Điện tiêu thụ tháng 2 năm 2024 từ ngày 01/02/2024 đến ngày 29/02/2024	kWh	15.900	-	30.760.600
	(kèm theo bảng kê số 1360828877 ngày 03 tháng 03 năm 2024)				
Cộng tiền hàng (Total amount):					30.760.600
Thuế suất GTGT (VAT rate): 8%		Tiền thuế GTGT (VAT amount):			2.460.848
Tỷ giá (Exchanged rate):		Tổng cộng tiền thanh toán (Total payment):			33.221.448
Số tiền bằng chữ (Amount in words): Ba mươi ba triệu, hai trăm hai mươi một nghìn bốn trăm bốn mươi tám đồng.					

Người mua hàng (Buyer)

Người bán hàng (Seller)

✓ Được ký bởi: CÔNG TY ĐIỆN LỰC BÌNH DƯƠNG
Ngày ký: 03/03/2024 10:12:48

**CÔNG TY ĐIỆN LỰC BÌNH DƯƠNG**

Mã số thuế (Tax Code): 0300942001-014

Địa chỉ (Address): Số 233, Đường 30 tháng 4, Phường Phú Thọ, Thành phố Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương, Việt Nam

Điện thoại (Phone Number): 19001006-19009000

Thông tin thanh toán (Payment Information): Điện Lực Dĩ An - Số TK: 0031000666001 - Tại NH: Ngân hàng TMCP An Bình

**HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG
(VAT INVOICE)**

Bản thể hiện của hóa đơn điện tử

(Electronic invoice display)

Ngày (Date) 03 tháng (month) 04 năm (year) 2024

Ký hiệu (Serial): 1K24THB

Số (No): 402300

Họ tên người mua hàng (Buyer name):

Tên đơn vị (Company name): Công ty TNHH VINA CHANG TAI

Mã số thuế (Tax code): 3700228069

Địa chỉ (Address): 183/2A Khu C, Kp.Đông An, P. Tân Đông Hiệp, TP Dĩ An, Tỉnh Bình Dương

Mã khách hàng (Customer's Code): PB04020015839

Số tài khoản (Account No):

Hình thức thanh toán (Payment method): TM/CK

Đồng tiền thanh toán (Payment currency): VND

STT (No.)	Tên hàng hóa, dịch vụ (Description)	ĐVT (Unit)	Số lượng (Quantity)	Đơn giá (Unit price)	Thành tiền (Amount)
A	B	C	1	2	3=1x2
1	Điện tiêu thụ tháng 3 năm 2024 từ ngày 01/03/2024 đến ngày 31/03/2024 (kèm theo bảng kê số 1373828079 ngày 03 tháng 04 năm 2024)	kWh	29.400	-	57.589.500
Cộng tiền hàng (Total amount):					57.589.500
Thuế suất GTGT (VAT rate): 8%					Tiền thuế GTGT (VAT amount): 4.607.160
Tỷ giá (Exchanged rate):					Tổng cộng tiền thanh toán (Total payment): 62.196.660
Số tiền bằng chữ (Amount in words): Sáu mươi hai triệu một trăm chín mươi sáu nghìn sáu trăm sáu mươi đồng.					

Người mua hàng (Buyer)

Người bán hàng (Seller)

✓ Được ký bởi: CÔNG TY ĐIỆN LỰC BÌNH DƯƠNG
Ngày ký: 03/04/2024 14:42:35



CÔNG TY ĐIỆN LỰC BÌNH DƯƠNG

Mã số thuế (Tax Code): 0300942001-014

Địa chỉ (Address): Số 233, Đường 30 tháng 4, Phường Phú Thọ, Thành phố Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương, Việt Nam

Điện thoại (Phone Number): 19001006-19009000

Thông tin thanh toán (Payment Information): Điện Lực Dĩ An - Số TK: 0031000666001 - Tại NH: Ngân hàng TMCP An Bình



HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG (VAT INVOICE)

Bản thể hiện của hóa đơn điện tử

(Electronic invoice display)

Ngày (Date) 03 tháng (month) 05 năm (year) 2024

Ký hiệu (Serial): 1K24THB

Số (No): 513134

Họ tên người mua hàng (Buyer name):

Tên đơn vị (Company name): Công ty TNHH VINA CHANG TAI

Mã số thuế (Tax code): 3700228069

Địa chỉ (Address): 183/2A Khu C, Kp.Đông An, P.Tân Đông Hiệp, TP Dĩ An, Tỉnh Bình Dương

Mã khách hàng (Customer's Code): PB04020015839

Số tài khoản (Account No):

Hình thức thanh toán (Payment method): TM/CK

Đồng tiền thanh toán (Payment currency): VND

STT (No.)	Tên hàng hóa, dịch vụ (Description)	ĐVT (Unit)	Số lượng (Quantity)	Đơn giá (Unit price)	Thành tiền (Amount)
A	B	C	1	2	3=1x2
1	Điện tiêu thụ tháng 4 năm 2024 từ ngày 01/04/2024 đến ngày 30/04/2024	kWh	28.900	-	56.470.200
	(kèm theo bảng kê số 1384599013 ngày 03 tháng 05 năm 2024)				
Cộng tiền hàng (Total amount):					56.470.200
Thuế suất GTGT (VAT rate): 8%		Tiền thuế GTGT (VAT amount):			4.517.616
Tỷ giá (Exchanged rate):		Tổng cộng tiền thanh toán (Total payment):			60.987.816
Số tiền bằng chữ (Amount in words): Sáu mươi triệu chín trăm tám mươi bảy nghìn tám trăm mười sáu đồng.					

Người mua hàng (Buyer)

Người bán hàng (Seller)

Được ký bởi: CÔNG TY ĐIỆN LỰC BÌNH
DƯƠNG
Ngày ký: 03/05/2024 13:52:27

**CÔNG TY ĐIỆN LỰC BÌNH DƯƠNG**

Mã số thuế (Tax Code): 0300942001-014

Địa chỉ (Address): Số 233, Đường 30 tháng 4, Phường Phú Thọ, Thành phố Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương, Việt Nam

Điện thoại (Phone Number): 19001006-19009000

Thông tin thanh toán (Payment Information): Điện Lực Dĩ An - Số TK: 0031000666001 - Tại NH: Ngân hàng TMCP An Bình

**HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG
(VAT INVOICE)**Bản thể hiện của hóa đơn điện tử
(Electronic invoice display)

Ngày (Date) 03 tháng (month) 06 năm (year) 2024

Ký hiệu (Serial): 1K24THB

Số (No): 624163

Họ tên người mua hàng (Buyer name):

Tên đơn vị (Company name): Công ty TNHH VINA CHANG TAI

Mã số thuế (Tax code): 3700228069

Địa chỉ (Address): 183/2A Khu C, Kp.Đông An, P.Tân Đông Hiệp, TP Dĩ An, Tỉnh Bình Dương

Mã khách hàng (Customer's Code): PB04020015839

Số tài khoản (Account No): 003 1000 666 001 Tại

Hình thức thanh toán (Payment method): TM/CK

Đồng tiền thanh toán (Payment currency): VND

STT (No.)	Tên hàng hóa, dịch vụ (Description)	ĐVT (Unit)	Số lượng (Quantity)	Đơn giá (Unit price)	Thành tiền (Amount)
A	B	C	1	2	3=1x2
1	Điện tiêu thụ tháng 5 năm 2024 từ ngày 01/05/2024 đến ngày 31/05/2024 (kèm theo bảng kê số 1395244670 ngày 03 tháng 06 năm 2024)	kWh	30.300	-	59.460.300
Cộng tiền hàng (Total amount):					59.460.300
Thuế suất GTGT (VAT rate): 8%					Tiền thuế GTGT (VAT amount): 4.756.824
Tỷ giá (Exchanged rate):					Tổng cộng tiền thanh toán (Total payment): 64.217.124
Số tiền bằng chữ (Amount in words): Sáu mươi bốn triệu hai trăm mười bảy nghìn một trăm hai mươi bốn đồng.					

Người mua hàng (Buyer)

Người bán hàng (Seller)

Được ký bởi: CÔNG TY ĐIỆN LỰC BÌNH
DƯƠNG
Ngày ký: 03/06/2024 16:15:49

**CÔNG TY ĐIỆN LỰC BÌNH DƯƠNG**

Mã số thuế (Tax Code): 0300942001-014

Địa chỉ (Address): Số 233, Đường 30 tháng 4, Phường Phú Thọ, Thành phố Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương, Việt Nam

Điện thoại (Phone Number): 19001006-19009000

Thông tin thanh toán (Payment Information): Điện Lực Dĩ An - Số TK: 0031000666001 - Tại NH: Ngân hàng TMCP An Bình

**HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG
(VAT INVOICE)**

Bản thể hiện của hóa đơn điện tử

(Electronic invoice display)

Ngày (Date) 02 tháng (month) 07 năm (year) 2024

Ký hiệu (Serial): 1K24THB

Số (No): 687221

Họ tên người mua hàng (Buyer name):

Tên đơn vị (Company name): Công ty TNHH VINA CHANG TAI

Mã số thuế (Tax code): 3700228069

Địa chỉ (Address): 183/2A Khu C, Kp.Đông An, P.Tân Đông Hiệp, TP Dĩ An, Tỉnh Bình Dương

Mã khách hàng (Customer's Code): PB04020015839

Số tài khoản (Account No): 003 1000 666 001 Tại

Hình thức thanh toán (Payment method): TM/CK

Đồng tiền thanh toán (Payment currency): VND

STT (No.)	Tên hàng hóa, dịch vụ (Description)	ĐVT (Unit)	Số lượng (Quantity)	Đơn giá (Unit price)	Thành tiền (Amount)
A	B	C	D	2	3=1x2
1	Điện tiêu thụ tháng 6 năm 2024 từ ngày 01/06/2024 đến ngày 30/06/2024	kWh	27.200	-	53.549.000
	(kèm theo bảng kê số 1404123772 ngày 02 tháng 07 năm 2024)				
Cộng tiền hàng (Total amount):					53.549.000
Thuế suất GTGT (VAT rate): 8%		Tiền thuế GTGT (VAT amount):			4.283.920
Tỷ giá (Exchanged rate):		Tổng cộng tiền thanh toán (Total payment):			57.832.920
Số tiền bằng chữ (Amount in words): Năm mươi bảy triệu tám trăm ba mươi hai nghìn chín trăm hai mươi đồng.					

Người mua hàng (Buyer)

Người bán hàng (Seller)

✓ Được ký bởi: CÔNG TY ĐIỆN LỰC BÌNH DƯƠNG
Ngày ký: 02/07/2024 16:06:59

**CÔNG TY ĐIỆN LỰC BÌNH DƯƠNG**

Mã số thuế (Tax Code): 0300942001-014

Địa chỉ (Address): Số 233, Đường 30 tháng 4, Phường Phú Thọ, Thành phố Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương, Việt Nam

Điện thoại (Phone Number): 19001006-19009000

Thông tin thanh toán (Payment Information): Điện Lực Dĩ An - Số TK: 0031000666001 - Tại NH: Ngân hàng TMCP An Bình

**HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG
(VAT INVOICE)**

Bản thể hiện của hóa đơn điện tử

(Electronic invoice display)

Ngày (Date) 03 tháng (month) 08 năm (year) 2024

Ký hiệu (Serial): 1K24THB

Số (No): 779891

Họ tên người mua hàng (Buyer name):

Tên đơn vị (Company name): Công ty TNHH VINA CHANG TAI

Mã số thuế (Tax code): 3700228069

Địa chỉ (Address): 183/2A Khu C, Kp.Đông An, P.Tân Đông Hiệp, TP Dĩ An, Tỉnh Bình Dương

Mã khách hàng (Customer's Code): PB04020015839

Số tài khoản (Account No): 003 1000 666 001 Tại

Hình thức thanh toán (Payment method): TM/CK

Đồng tiền thanh toán (Payment currency): VND

STT (No.)	Tên hàng hóa, dịch vụ (Description)	ĐVT (Unit)	Số lượng (Quantity)	Đơn giá (Unit price)	Thành tiền (Amount)
A	B	C	I	2	3=1x2
1	Điện tiêu thụ tháng 7 năm 2024 từ ngày 01/07/2024 đến ngày 31/07/2024	kWh	29.200	-	57.456.600
	(kèm theo bảng kê số 1416254287 ngày 03 tháng 08 năm 2024)				
Cộng tiền hàng (Total amount):					57.456.600
Thuế suất GTGT (VAT rate): 8%					Tiền thuế GTGT (VAT amount): 4.596.528
Tỷ giá (Exchanged rate):					Tổng cộng tiền thanh toán (Total payment): 62.053.128
Số tiền bằng chữ (Amount in words): Sáu mươi hai triệu không trăm năm mươi ba nghìn một trăm hai mươi tám đồng.					

Người mua hàng (Buyer)

Người bán hàng (Seller)

✓ Được ký bởi: CÔNG TY ĐIỆN LỰC BÌNH
DƯƠNG
Ngày ký: 03/08/2024 11:33:40

**CÔNG TY ĐIỆN LỰC BÌNH DƯƠNG**

Mã số thuế (Tax Code): 0300942001-014

Địa chỉ (Address): Số 233, Đường 30 tháng 4, Phường Phú Thọ, Thành phố Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương, Việt Nam

Điện thoại (Phone Number): 19001006-19009000

Thông tin thanh toán (Payment Information): Điện Lực Dĩ An - Số TK: 0031000666001 - Tại NH: Ngân hàng TMCP An Bình

**HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG
(VAT INVOICE)**

Bản thể hiện của hóa đơn điện tử

(Electronic invoice display)

Ngày (Date) 03 tháng (month) 09 năm (year) 2024

Ký hiệu (Serial): 1K24THB

Số (No): 948279

Họ tên người mua hàng (Buyer name):

Tên đơn vị (Company name): Công ty TNHH VINA CHANG TAI

Mã số thuế (Tax code): 3700228069

Địa chỉ (Address): 183/2A Khu C, Kp. Đông An, P. Tân Đông Hiệp, TP Dĩ An, Tỉnh Bình Dương

Mã khách hàng (Customer's Code): PB04020015839

Số tài khoản (Account No): 003 1000 666 001 Tại

Hình thức thanh toán (Payment method): TM/CK

Đồng tiền thanh toán (Payment currency): VND

STT (No.)	Tên hàng hóa, dịch vụ (Description)	ĐVT (Unit)	Số lượng (Quantity)	Đơn giá (Unit price)	Thành tiền (Amount)
A	B	C	D	E	F=1x2
1	Điện tiêu thụ tháng 8 năm 2024 từ ngày 01/08/2024 đến ngày 31/08/2024	kWh	29.200	-	57.540.500
	(kèm theo bảng kê số 1425935666 ngày 03 tháng 09 năm 2024)				
Cộng tiền hàng (Total amount):					57.540.500
Thuế suất GTGT (VAT rate): 8%		Tiền thuế GTGT (VAT amount):			4.603.240
Tỷ giá (Exchanged rate):		Tổng cộng tiền thanh toán (Total payment):			62.143.740
Số tiền bằng chữ (Amount in words): Sáu mươi hai triệu một trăm bốn mươi ba nghìn bảy trăm bốn mươi đồng.					

Người mua hàng (Buyer)

Người bán hàng (Seller)

✓ Được ký bởi: CÔNG TY ĐIỆN LỰC BÌNH DƯƠNG
Ngày ký: 03/09/2024 14:13:31

**CÔNG TY ĐIỆN LỰC BÌNH DƯƠNG**

Mã số thuế (Tax Code): 0300942001-014

Địa chỉ (Address): Số 233, Đường 30 tháng 4, Phường Phú Thọ, Thành phố Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương, Việt Nam

Điện thoại (Phone Number): 19001006-19009000

Thông tin thanh toán (Payment Information): Điện Lực Dĩ An - Số TK: 0031000666001 - Tại NH: Ngân hàng TMCP An Bình

**HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG
(VAT INVOICE)**

Bản thể hiện của hóa đơn điện tử

(Electronic invoice display)

Ngày (Date) 03 tháng (month) 10 năm (year) 2024

Ký hiệu (Serial): 1K24THB

Số (No): 1073388

Họ tên người mua hàng (Buyer name):

Tên đơn vị (Company name): Công ty TNHH VINA CHANG TAI

Mã số thuế (Tax code): 3700228069

Địa chỉ (Address): 183/2A Khu C, Kp.Đông An, P.Tân Đông Hiệp, TP Dĩ An, Tỉnh Bình Dương

Mã khách hàng (Customer's Code): PB04020015839

Số tài khoản (Account No): 003 1000 666 001 Tại

Hình thức thanh toán (Payment method): TM/CK

Đồng tiền thanh toán (Payment currency): VND

STT (No.)	Tên hàng hóa, dịch vụ (Description)	ĐVT (Unit)	Số lượng (Quantity)	Đơn giá (Unit price)	Thành tiền (Amount)
A	B	C	I	2	3=1x2
1	Điện tiêu thụ tháng 9 năm 2024 từ ngày 01/09/2024 đến ngày 30/09/2024	kWh	24.300	-	47.712.100
	(kèm theo bảng kê số 1438534236 ngày 03 tháng 10 năm 2024)				
Cộng tiền hàng (Total amount):					47.712.100
Thuế suất GTGT (VAT rate): 8%		Tiền thuế GTGT (VAT amount):			3.816.968
Tỷ giá (Exchanged rate):		Tổng cộng tiền thanh toán (Total payment):			51.529.068
Số tiền bằng chữ (Amount in words): Năm mươi một triệu năm trăm hai mươi chín nghìn không trăm sáu mươi tám đồng.					

Người mua hàng (Buyer)

Người bán hàng (Seller)

✓ Được ký bởi: CÔNG TY ĐIỆN LỰC BÌNH
DƯƠNG
Ngày ký: 03/ 10/ 2024 15:01:59

**CÔNG TY ĐIỆN LỰC BÌNH DƯƠNG**

Mã số thuế (Tax Code): 0300942001-014

Địa chỉ (Address): Số 233, Đường 30 tháng 4, Phường Phú Thọ, Thành phố Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương, Việt Nam

Điện thoại (Phone Number): 19001006-19009000

Thông tin thanh toán (Payment Information): Điện Lực Dĩ An - Số TK: 0031000666001 - Tại NH: Ngân hàng TMCP An Bình

**HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG
(VAT INVOICE)**

Bản thể hiện của hóa đơn điện tử

(Electronic invoice display)

Ngày (Date) 04 tháng (month) 11 năm (year) 2024

Ký hiệu (Serial): 1K24THB

Số (No): 1187166

Họ tên người mua hàng (Buyer name):

Tên đơn vị (Company name): Công ty TNHH VINA CHANG TAI

Mã số thuế (Tax code): 3700228069

Địa chỉ (Address): 183/2A Khu C, Kp.Đông An, P.Tân Đông Hiệp, TP Dĩ An, Tỉnh Bình Dương

Mã khách hàng (Customer's Code): PB04020015839

Số tài khoản (Account No): 003 1000 666 001 Tại

Hình thức thanh toán (Payment method): TM/CK

Đồng tiền thanh toán (Payment currency): VND

STT (No.)	Tên hàng hóa, dịch vụ (Description)	ĐVT (Unit)	Số lượng (Quantity)	Đơn giá (Unit price)	Thành tiền (Amount)
A	B	C	1	2	3=1x2
1	Điện tiêu thụ tháng 10 năm 2024 từ ngày 01/10/2024 đến ngày 31/10/2024	kWh	29.200	-	59.529.000
	(kèm theo bảng kê số 1449731856 ngày 04 tháng 11 năm 2024)				
Cộng tiền hàng (Total amount):					59.529.000
Thuế suất GTGT (VAT rate): 8%		Tiền thuế GTGT (VAT amount):			4.762.320
Tỷ giá (Exchanged rate):		Tổng cộng tiền thanh toán (Total payment):			64.291.320
Số tiền bằng chữ (Amount in words): Sáu mươi bốn triệu hai trăm chín mươi một nghìn ba trăm hai mươi đồng.					

Người mua hàng (Buyer)

Người bán hàng (Seller)

✓ Được ký bởi: CÔNG TY ĐIỆN LỰC BÌNH DƯƠNG
Ngày ký: 04/ 11/ 2024 00:46:18



CÔNG TY ĐIỆN LỰC BÌNH DƯƠNG

Mã số thuế (Tax Code): 0300942001-014

Địa chỉ (Address): Số 233, Đường 30 tháng 4, Phường Phú Thọ, Thành phố Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương, Việt Nam

Điện thoại (Phone Number): 19001006-19009000

Thông tin thanh toán (Payment Information): Điện Lực Dĩ An - Số TK: 0031000666001 - Tại NH: Ngân hàng TMCP An Bình



HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG
(VAT INVOICE)

Bản thể hiện của hóa đơn điện tử
(Electronic invoice display)

Ngày (Date) 03 tháng (month) 12 năm (year) 2024

Ký hiệu (Serial): 1K24THB

Số (No): 1295510

Họ tên người mua hàng (Buyer name):

Tên đơn vị (Company name): Công ty TNHH VINA CHANG TAI

Mã số thuế (Tax code): 3700228069

Địa chỉ (Address): 183/2A Khu C, Kp.Đông An, P.Tân Đông Hiệp, TP Dĩ An, Tỉnh Bình Dương

Mã khách hàng (Customer's Code): PB04020015839

Số tài khoản (Account No): 003 1000 666 001 Tại

Hình thức thanh toán (Payment method): TM/CK

Đồng tiền thanh toán (Payment currency): VND

STT (No.)	Tên hàng hóa, dịch vụ (Description)	ĐVT (Unit)	Số lượng (Quantity)	Đơn giá (Unit price)	Thành tiền (Amount)
A	B	C	1	2	3=1x2
1	Điện tiêu thụ tháng 11 năm 2024 từ ngày 01/11/2024 đến ngày 30/11/2024	kWh	26.598	-	54.797.734
	(kèm theo bảng kê số 1460355477 ngày 03 tháng 12 năm 2024)				
Cộng tiền hàng (Total amount):					54.797.734
Thuế suất GTGT (VAT rate): 8%		Tiền thuế GTGT (VAT amount):			4.383.819
Tỷ giá (Exchanged rate):		Tổng cộng tiền thanh toán (Total payment):			59.181.553
Số tiền bằng chữ (Amount in words): Năm mươi chín triệu một trăm tám mươi mốt nghìn năm trăm năm mươi ba đồng.					

Người mua hàng (Buyer)

Người bán hàng (Seller)

Được ký bởi: CÔNG TY ĐIỆN LỰC BÌNH
DƯƠNG
Ngày ký: 03/12/2024 14:16:02



Công ty Điện lực Bình Dương

Điện Lực Dĩ An

Số 233 đường 30/4 Phường Phú Thọ-TP Thủ Dầu Một-Tỉnh Bình Dương

MST: 0300942001-014

Số tài khoản: 0031000666001 - Ngân hàng TMCP An Bình

EVN

19001006-19009000

THÔNG BÁO TIỀN ĐIỆN

(Không thay thế hóa đơn)

Khách hàng

Công ty TNHH VINA CHANG TAI

Địa chỉ

183/2A Khu C, Kp.Đông An, P.Tân Đông Hiệp, TP Dĩ An, Tỉnh Bình Dương

Điện thoại

0938388772

Email

vinachangtai1998@gmail.com

Mã số thuế

3700228069

Địa chỉ sử dụng điện

183/2A Khu C, Kp.Đông An, P.Tân Đông Hiệp, TP Dĩ An, Tỉnh Bình Dương

Mục đích sử dụng điện

100 % Sản xuất - Giờ bình thường
100 % Sản xuất - Giờ cao điểm
100 % Sản xuất - Giờ thấp điểm

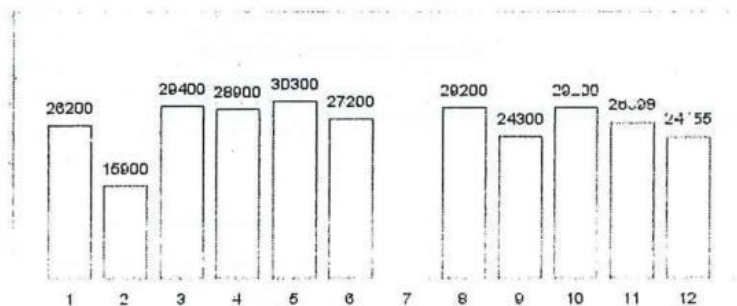
Cấp điện áp sử dụng

Từ 22kV đến dưới 35kV

TÌNH HÌNH SỬ DỤNG ĐIỆN CỦA KHÁCH HÀNG

Kỳ hóa đơn: Tháng 12/2024 (31 ngày từ 01/12/2024 đến 31/12/2024)

CÔNG TỶ ĐO ĐẾM	HỆ SỐ NHÂN	CHỈ SỐ MỚI	CHỈ SỐ CŨ	DIỆN TIÊU THỤ (kWh)
19087852				
Khung giờ bình thường	100	11.384,52	11.210,38	17.414
Khung giờ cao điểm	100	2.541,38	2.487,02	5.436
Khung giờ thấp điểm	100	724,63	711,58	1.305
				Tổng: 24.155



☐ Mức tiêu thụ của khách hàng năm hiện tại ☐ Mức tiêu thụ của khách hàng năm trước

TỔNG SỐ TIỀN THANH TOÁN

KHUNG GIỜ MUA ĐIỆN	ĐƠN GIÁ (đồng/kWh)	SẢN LƯỢNG (kWh)	THÀNH TIỀN (đồng)
Khung giờ bình thường	1.749	17.414	30.457.086
Khung giờ cao điểm	3.242	5.436	17.623.512
Khung giờ thấp điểm	1.136	1.305	1.482.480
Tổng điện năng tiêu thụ (kWh)		24.155	
Tổng tiền điện chưa thuế (đồng)			49.563.078
Thuế suất GTGT			8%
Thuế GTGT (đồng)			3.965.046
Tổng cộng tiền thanh toán (đồng)			53.528.124

Bằng chữ: Năm mươi ba triệu năm trăm hai mươi tám nghìn một trăm hai mươi bốn đồng.



Mã khách hàng

PB04020015839



Số tiền thanh toán

53.528.124 / ĐỒNG



Hạn thanh toán

09/01/2025

Để tránh phát sinh các chi phí phạt vi phạm hợp đồng và lãi suất phạt chậm trả, đề nghị Quý khách hàng thanh toán đúng hạn

THANH TOÁN TRỰC TUYẾN

Vui lòng truy cập địa chỉ <https://www.cskh.evnspsc.vn/> và nhập mã thanh toán để thực hiện dịch vụ hoặc quét mã QR Code để thanh toán trực tuyến:



THÔNG TIN LIÊN HỆ

Trung tâm CSKH EVNSPC

12 Thi Sách, phường Bến Nghé, Quận 1, Tp. HCM, Việt Nam

19001006-19009000

cskh@evnspsc.vn



TCT Điện lực miền Nam EVNSPC

Tải ứng dụng CSKH trên IOS và Android



IOS



Android

Được ký bởi: CÔNG TY ĐIỆN LỰC BÌNH DƯƠNG
Ngày ký: 04/01/2025

PHỤ LỤC 2

KẾT QUẢ PHÂN TÍCH

Số : 355-03/24-3.5/ KQPT

Tp.HCM, ngày 12 tháng 04 năm 2024

KẾT QUẢ KHẢO SÁT ĐO ĐẠC MÔI TRƯỜNG**1/ Địa điểm lấy mẫu : CÔNG TY TNHH VINA CHANG TAI****2/ Địa chỉ : 183/2A, khu C, KP.Đông An, P.Tân Đông Hiệp, Tp.Dĩ An, tỉnh Bình Dương****3/ Thời gian nhận mẫu : 02/04/2024****4/ Loại mẫu : 355-03/24-3.5NT. Nước thải sau HTXLNT công suất 50m³/ngày đêm (X=613048; Y=1207225)****KẾT QUẢ PHÂN TÍCH CHẤT LƯỢNG NƯỚC THẢI**

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Kết quả	Giới hạn phát hiện (MDL) /Phạm vi đo	QCVN 40 : 2011/BTNMT (Cột A) Kq=0,9; Kf=1,2	Phương pháp phân tích
1	pH*(27,4 ⁰ C)	-	6,14	2÷12	5,5 - 9	TCVN 6492:2011
2	Tổng chất rắn lơ lửng (TSS)*	mg/L	31	1,5	54	SMEWW 2540.D:2023
3	Nhu cầu oxy hóa học (COD)*	mg/L	54	2,0	81	SMEWW 5220.C:2023
4	Nhu cầu oxy sinh học (BOD ₅)*	mg/L	26	1,0	32,4	TCVN 6001-1:2021
5	Tổng nitơ**	mg/L	4,80	1,50	21,6	TCVN 6638:2000
6	Tổng photpho (tính theo P)**	mg/L	1,22	0,016	4,32	TCVN 6202:2008
7	Amoni (NH ₄ ⁺ tính theo N)*	mg/L	1,20	0,010	5,4	TCVN 6179-1:1996
8	Dầu, mỡ khoáng*	mg/L	KPH	0,3	5,4	SMEWW 5520.B&F:2023
9	Asen (As)*	mg/L	KPH	60×10 ⁻⁵	0,054	TCVN 6626:2000
10	Thủy ngân (Hg)*	mg/L	KPH	25×10 ⁻⁵	0,0054	TCVN 7877:2008
11	Chì (Pb)*	mg/L	KPH	0,0023	0,108	SMEWW 3111.B:2023
12	Cadimi (Cd)*	mg/L	KPH	0,00015	0,054	SMEWW 3111.B:2023
13	Coliform*	MPN/100mL	2.100	2	3.000	SMEWW 9221.B:2023

Ghi chú: Kết quả phân tích có giá trị trên mẫu thử

(*): Các chỉ tiêu đã được Bộ Tài Nguyên và Môi Trường công nhận

(**): Chỉ tiêu đã được Bộ Tài Nguyên và Môi Trường & Vilas công nhận;

KPH: Không phát hiện (< MDL)**BỘ PHẬN ĐO ĐẠC
PHÂN TÍCH MÔI TRƯỜNG**

Quách Văn Duy

**KT. GIÁM ĐỐC TRUNG TÂM
PHÂN TÍCH MÔI TRƯỜNG**

Hà Thủy Ngọc Diễm

Kết quả nhanh - chính xác - đáng tin cậy

BM02-TT17, Lần BH 03; SĐ 00 (02/10/2023)

Số : 355-03/24-3.5/ KQPT

Tp.HCM, ngày 12 tháng 04 năm 2024

KẾT QUẢ KHẢO SÁT ĐO ĐẶC MÔI TRƯỜNG

1/ Địa điểm lấy mẫu : CÔNG TY TNHH VINA CHANG TAI

2/ Địa chỉ : 183/2A, khu C, KP.Đông An, P.Tân Đông Hiệp, Tp.Dĩ An, tỉnh Bình Dương

3/ Thời gian nhận mẫu : 02/04/2024

4/ Loại mẫu : 355-03/24-3.5NM.Nước mặt suối Siệp

KẾT QUẢ PHÂN TÍCH NƯỚC MẶT

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Kết quả	Giới hạn phát hiện (MDL)/ Phạm vi đo	QCVN 08: 2023/BTNMT (Mức B - Bảng 2)	Phương pháp phân tích
1	pH*(27,5 ⁰ C)	-	6,74	2÷12	6,0 – 8,5	TCVN 6492:2011
2	Tổng chất rắn lơ lửng (TSS)*	mg/L	24	1,5	≤ 100	SMEWW 2540.D:2023
3	Nhu cầu oxy hóa học (COD)*	mg/L	11	2,0	≤ 15	SMEWW 5220.C:2023
4	Nhu cầu oxy sinh học (BOD ₅)*	mg/L	5	1,0	≤ 6	TCVN 6001-1:2021
5	Amoni (NH ₄ ⁺ tính theo N)**	mg/L	0,20	0,010	0,3 ^(d)	TCVN 6179-1:1996
6	Nitrit (NO ₂ ⁻ , tính theo N)*	mg/L	KPH	0,006	0,05 ^(d)	SMEWW 4500-NO ₂ ⁻ .B:2023
7	Nitrat (NO ₃ ⁻ , tính theo N)*	mg/L	1,93	0,020	-	TCVN 6180:1996
8	Phosphat (PO ₄ ³⁻ , tính theo P)**	mg/L	0,054	0,011	-	TCVN 6202:2008
9	Coliform*	MPN/ 100mL	4.800	2	≤ 5.000	SMEWW 9221.B:2023
10	Tổng dầu, mỡ*	mg/L	KPH	0,3	5,0 ^(d)	SMEWW 5520.B:2023

Ghi chú: Kết quả phân tích có giá trị trên mẫu thử

(*): Các chỉ tiêu đã được Bộ Tài Nguyên và Môi Trường công nhận

(**): Chỉ tiêu đã được Bộ Tài Nguyên và Môi Trường & Vilas công nhận

(d): QCVN 08:2023/ BTNMT - Bảng 1. Giá trị giới hạn tối đa các thông số ảnh hưởng tới sức khỏe con người

KPH: Không phát hiện (< MDL)

BỘ PHẬN ĐO ĐẶC
PHÂN TÍCH MÔI TRƯỜNG

Quách Văn Duy

KT. GIÁM ĐỐC TRUNG TÂM
PHÓ GIÁM ĐỐC

Hà Thủy Ngọc Diễm

Kết quả nhanh - chính xác - đáng tin cậy

BM02-TT17, Lần BH 03; SĐ 00 (02/10/2023)

Số : 670-06/24-3.2/ KQPT

Tp.HCM, ngày 29 tháng 06 năm 2024

KẾT QUẢ KHẢO SÁT ĐO ĐẠC MÔI TRƯỜNG

1/ Địa điểm lấy mẫu : CÔNG TY TNHH VINA CHANG TAI

2/ Địa chỉ : 183/2A, khu C, KP.Đông An, P.Tân Đông Hiệp, Tp.Dĩ An, tỉnh Bình Dương

3/ Thời gian lấy mẫu : 20/06/2024

4/ Loại mẫu : Vi khí hậu, Tiếng ồn, ánh sáng

5/ Phương pháp thực hiện:

STT	Chỉ tiêu	Phương pháp thực hiện	Phạm vi đo
1	Tiếng ồn*	TCVN 7878-2:2018	30 ÷ 120 dBA
2	Nhiệt độ*	QCVN 46:2012/BTNMT	0 ÷ 50°C
3	Độ ẩm*	QCVN 46:2012/BTNMT	0÷100%RH
4	Ánh sáng	Máy đo ánh sáng TES 1335	0÷400.000 Lux

BẢNG KẾT QUẢ ĐO VI KHÍ HẬU, TIẾNG ÒN, ÁNH SÁNG

Điểm Đo	Cường độ ồn (dBA)	Nhiệt độ (°C)	Độ ẩm (%)	Ánh sáng (Lux)
670-06/24-3.2KKXQ1.Khu vực xưởng cắt của nhà xưởng 2 (X=6103088; Y=1208101)	64	26,5	64,7	635
670-06/24-3.2KKXQ2.Khu vực xưởng may của nhà xưởng (X=612998; Y=1207178)	68	28,0	65,2	611
QCVN 22:2016/BYT QCVN 24:2016/BYT QCVN 26:2016/BYT	≤ 85	18 - 32	40 - 80	≥ 500

*Ghi chú: Đã loại trừ tiếng ồn do các phương tiện giao thông**(*) : Các chỉ tiêu đã được Bộ Tài Nguyên và Môi Trường công nhận***BỘ PHẬN ĐO ĐẠC
PHÂN TÍCH MÔI TRƯỜNG****Bùi Mạnh Hiệp**

**KT. GIÁM ĐỐC TRUNG TÂM
PHÓ GIÁM ĐỐC**

**TRUNG TÂM
CÔNG NGHỆ
MÔI TRƯỜNG
COSHET**

Hà Thủy Ngọc Diễm

Kết quả nhanh - chính xác - đáng tin cậy

BM02-TT17, Lần BH 03; SĐ 00 (02/10/2023)

Số : 670-06/24-3.2/ KQPT

Tp.HCM, ngày 29 tháng 06 năm 2024

KẾT QUẢ KHẢO SÁT ĐO ĐẠC MÔI TRƯỜNG

1/ Địa điểm lấy mẫu : CÔNG TY TNHH VINA CHANG TAI

2/ Địa chỉ : 183/2A, khu C, KP.Đông An, P.Tân Đông Hiệp, Tp.Dĩ An, tỉnh Bình Dương

3/ Thời gian lấy mẫu : 20/06/2024

4/ Loại mẫu : Chất lượng không khí

5/ Phương pháp lấy mẫu và phân tích:

STT	Chỉ tiêu	Phương pháp lấy và bảo quản mẫu	Phương pháp phân tích môi trường	Giới hạn phát hiện (MDL)/Phạm vi đo
1	Tổng bụi lơ lửng (TSP)*	TCVN 5067:1995	TCVN 5067:1995	0,010 mg/m ³
2	CO*	SOP_K01-LM	SOP_K01-PT	0,044 mg/m ³
3	SO ₂ *	TCVN 5971:1995	TCVN 5971:1995	0,015 mg/m ³
4	NO ₂ *	TCVN 6137:2009	TCVN 6137:2009	0,006 mg/m ³

KẾT QUẢ CHẤT LƯỢNG KHÔNG KHÍ

Chỉ tiêu Điểm đo	Bụi (mg/m ³)	CO (mg/m ³)	SO ₂ (mg/m ³)	NO ₂ (mg/m ³)
670-06/24-3.2KKXQ1.Khu vực xưởng cắt của nhà xưởng 2 (X=6103088; Y=1208101)	0,65	3,06	0,061	0,053
670-06/24-3.2KKXQ2.Khu vực xưởng may của nhà xưởng (X=612998; Y=1207178)	0,73	2,86	0,079	0,067
QCVN 02:2019/BYT ^(a) QCVN 03:2019/BYT ^(a)	6,25	15,625	3,90625	3,90625

*Ghi chú: Kết quả phân tích chỉ có giá trị tại thời điểm đo đạc**(*) : Các chỉ tiêu đã được Bộ Tài Nguyên và Môi Trường công nhận**(a) Giá trị giới hạn tiếp xúc ca làm việc tính theo thời lượng tiếp xúc thực tế của công ty (48 giờ/tuần)**Kết quả thử nghiệm được tính ở nhiệt độ 25°C và áp suất tuyệt đối 760 mm thủy ngân, tương đương mg/Nm³.***BỘ PHẬN ĐO ĐẠC
PHÂN TÍCH MÔI TRƯỜNG**

Bùi Mạnh Hiệp

**KT. GIÁM ĐỐC TRUNG TÂM
PHÓ GIÁM ĐỐC****Kết quả nhanh - chính xác - đáng tin cậy**

BM02-TT17, Lần BH 03; SĐ 00 (02/10/2023)

Số : 670-06/24-3.2/ KQPT

Tp.HCM, ngày 29 tháng 06 năm 2024

KẾT QUẢ KHẢO SÁT ĐO ĐẠC MÔI TRƯỜNG

1/ Địa điểm lấy mẫu : CÔNG TY TNHH VINA CHANG TAI

2/ Địa chỉ : 183/2A, khu C, KP.Đông An, P.Tân Đông Hiệp, Tp.Dĩ An, tỉnh Bình Dương

3/ Thời gian lấy mẫu : 20/06/2024

 4/ Loại mẫu : 670-06/24-3.2NT1. Nước thải sau HTXLNT công suất 50m³/ngày đêm
(X=613038; Y=1207223)

KẾT QUẢ PHÂN TÍCH CHẤT LƯỢNG NƯỚC THẢI

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Kết quả	Giới hạn phát hiện (MDL) / Phạm vi đo	QCVN 40 : 2011/BTNMT (Cột A) Kq=0,9; Kf=1,2	Phương pháp phân tích
-	Lấy và bảo quản Nước thải*	-	-	-	-	TCVN 6663-1:2011, TCVN 5999:1995, TCVN 6663-3:2016
-	Lấy và bảo quản mẫu vi sinh*	-	-	-	-	TCVN 8880:2011
1	pH*(29,8 ⁰ C)	-	7,82	2÷12	5,5 - 9	TCVN 6492:2011
2	Tổng chất rắn lơ lửng (TSS)*	mg/L	42	1,5	54	SMEWW 2540.D:2023
3	Nhu cầu oxy hóa học (COD)*	mg/L	38	2,0	81	SMEWW 5220.C:2023
4	Nhu cầu oxy sinh học (BOD ₅)*	mg/L	20	1,0	32,4	TCVN 6001-1:2021
5	Tổng nitơ**	mg/L	4,20	1,50	21,6	TCVN 6638:2000
6	Tổng photpho (tính theo P)**	mg/L	0,14	0,016	4,32	TCVN 6202:2008
7	Amoni (NH ₄ ⁺ tính theo N)*	mg/L	1,40	0,010	5,4	TCVN 6179-1:1996
8	Dầu, mỡ khoáng*	mg/L	KPH	0,3	5,4	SMEWW 5520.B&F:2023
9	Asen (As)*	mg/L	KPH	60×10 ⁻⁵	0,054	TCVN 6626:2000
10	Thủy ngân (Hg)*	mg/L	KPH	25×10 ⁻⁵	0,0054	TCVN 7877:2008
11	Chì (Pb)*	mg/L	KPH	0,0023	0,108	SMEWW 3111.B:2023
12	Cadimi (Cd)*	mg/L	KPH	0,00015	0,054	SMEWW 3111.B:2023
13	Coliform*	MPN/100mL	2.600	2	3.000	SMEWW 9221.B:2023

Ghi chú: Kết quả phân tích có giá trị trên mẫu thử

(*): Các chỉ tiêu đã được Bộ Tài Nguyên và Môi Trường công nhận

(**): Chỉ tiêu đã được Bộ Tài Nguyên và Môi Trường & Vilas công nhận; KPH: Không phát hiện (< MDL)

**BỘ PHẬN ĐO ĐẠC
PHÂN TÍCH MÔI TRƯỜNG**

Bùi Mạnh Hiệp


Kết quả nhanh - chính xác - đáng tin cậy

BM02-TT17, Lần BH 03; SĐ 00 (02/10/2023)

Số : 670-06/24-3.2/ KQPT

Tp.HCM, ngày 29 tháng 06 năm 2024

KẾT QUẢ KHẢO SÁT ĐO ĐẠC MÔI TRƯỜNG

1/ Địa điểm lấy mẫu : CÔNG TY TNHH VINA CHANG TAI

2/ Địa chỉ : 183/2A, khu C, KP.Đông An, P.Tân Đông Hiệp, Tp.Dĩ An, tỉnh Bình Dương

3/ Thời gian lấy mẫu : 20/06/2024

4/ Loại mẫu : 670-06/24-3.2NM.Nước mặt suối Siệp

KẾT QUẢ PHÂN TÍCH NƯỚC MẶT

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Kết quả	Giới hạn phát hiện (MDL)/ Phạm vi đo	QCVN 08: 2023/BTNMT (Mức B - Bảng 2)	Phương pháp phân tích
-	Lấy và bảo quản mẫu Nước mặt*	-	-	-	-	TCVN 6663-1:2011, TCVN 6663-3:2016, TCVN 5994:1995, TCVN 6663-6:2018, TCVN 6663-4:2018
-	Lấy và bảo quản mẫu vi sinh*	-	-	-	-	TCVN 8880:2011
1	pH*(29,4 ⁰ C)	-	6,51	2÷12	6,0 – 8,5	TCVN 6492:2011
2	Tổng chất rắn lơ lửng (TSS)*	mg/L	38	1,5	≤ 100	SMEWW 2540.D:2023
3	Nhu cầu oxy hóa học (COD)*	mg/L	13	2,0	≤ 15	SMEWW 5220.C:2023
4	Nhu cầu oxy sinh học (BOD ₅)*	mg/L	6	1,0	≤ 6	TCVN 6001-1:2021
5	Amoni (NH ₄ ⁺ tính theo N)**	mg/L	0,28	0,010	0,3 ^(d)	TCVN 6179-1:1996
6	Nitrit (NO ₂ ⁻ tính theo N)*	mg/L	KPH	0,006	0,05 ^(d)	SMEWW 4500-NO ₂ ⁻ .B:2023
7	Nitrat (NO ₃ ⁻ tính theo N)*	mg/L	0,94	0,020	-	TCVN 6180:1996
8	Phosphat (PO ₄ ³⁻ tính theo P)**	mg/L	0,078	0,011	-	TCVN 6202:2008
9	Coliform*	MPN/100mL	4.300	2	≤ 5.000	SMEWW 9221.B:2023
10	Tổng dầu, mỡ*	mg/L	KPH	0,3	5,0 ^(d)	SMEWW 5520.B:2023

Ghi chú: Kết quả phân tích có giá trị trên mẫu thử

(*): Các chỉ tiêu đã được Bộ Tài Nguyên và Môi Trường công nhận

(**): Chỉ tiêu đã được Bộ Tài Nguyên và Môi Trường & Vilas công nhận

(d): QCVN 08:2023/ BTNMT - Bảng 1. Giá trị giới hạn tối đa các thông số ảnh hưởng tới sức khỏe con người

KPH: Không phát hiện (< MDL)**BỘ PHẬN ĐO ĐẠC
PHÂN TÍCH MÔI TRƯỜNG**

Bùi Mạnh Hiệp

**Kết quả nhanh - chính xác - đáng tin cậy**

BM02-TT17, Lần BH 03; SĐ 00 (02/10/2023)

Số: 670-06/24-3.2/ KQPT

Tp.HCM, ngày 29 tháng 06 năm 2024

KẾT QUẢ KHẢO SÁT ĐO ĐẶC MÔI TRƯỜNG

1/ Địa điểm lấy mẫu : CÔNG TY TNHH VINA CHANG TAI

2/ Địa chỉ : 183/2A, khu C, KP.Đông An, P.Tân Đông Hiệp, Tp.Dĩ An, tỉnh Bình Dương

3/ Thời gian lấy mẫu : 20/06/2024

4/ Loại mẫu : 670-06/24-3.2NU. Nước uống tại vòi (X=613013; Y=1207218)

KẾT QUẢ PHÂN TÍCH CHẤT LƯỢNG NƯỚC

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Kết quả	Giới hạn phát hiện (MDL) / Phạm vi đo	QCVN 01-1 :2018/BYT	Phương pháp phân tích
-	Lấy mẫu Nước sạch để phân tích hóa *	-	-	-	-	TCVN 6663-1:2011 TCVN 6663-3:2016 TCVN 6663-5:2009
-	Lấy mẫu Nước sạch để phân tích vi sinh vật *	-	-	-	-	TCVN 8880:2011
1	pH* (27,6C)	-	6,73	2 ~ 12	Trong khoảng 6,0 – 8,5	TCVN 6492:2011
2	Độ đục*	NTU	0,05	0,01 ~ 1000	2	SMEWW 2130B:2017
3	Độ màu*	mg/L (Co-Pt)	KPH	1,5	15	SMEWW 2120C:2017
4	Mùi vị	-	Không có mùi vị lạ	-	Không có mùi, vị lạ	SMEWW 2150.B:2017 + SMEWW 2160.B:2017
5	Hàm lượng Clorua*	mg/L	18,5	1,5	250 (hoặc 300)	TCVN 6194:1996
6	Chỉ số Pecmanganat*	mg/L	KPH	0,15	2	TCVN 6186:1996
7	Hàm lượng Clorin*	mg/L	KPH	0,039	-	SMEWW 4500-Cl.G:2017
8	Độ cứng, tính theo CaCO ₃ *	mg/L	10,2	1,5	300	TCVN 6224:1996
9	Hàm lượng Mn*	mg/L	KPH	0,012	0,1	SMEWW 3111B:2017
10	Hàm lượng Sắt*	mg/L	KPH	0,018	0,3	TCVN 6177:1996 (ISO 6332:1988)
11	Hàm lượng As*	mg/L	KPH	63×10^{-5}	0,01	TCVN 6626:2000
12	Escherichia coli*	CFU/ 250mL	< 1 ⁽ⁱ⁾	1	<1	TCVN 6187-1:2019 (ISO 9308-1:2014)
13	Coliforms*	CFU/ 250mL	< 1 ⁽ⁱ⁾	1	<3	TCVN 6187-1:2019 (ISO 9308-1:2014)
14	Hàm lượng Nitrit*	mg/L	KPH	0,006	0,05	SMEWW 4500-NO ₂ -B:2017
15	Hàm lượng Nitrat*	mg/L	0,044	0,009	2	TCVN 6180:1996 (ISO 7890-3:1988)
16	Hàm lượng Florua*	mg/L	0,27	0,006	1,5	SMEWW 4110B:2017
17	Tổng chất rắn hòa tan (TDS)*	mg/L	30	0 ~ 2.000	1000	SOP_N29:2018

Ghi chú: Kết quả phân tích có giá trị trên mẫu thử

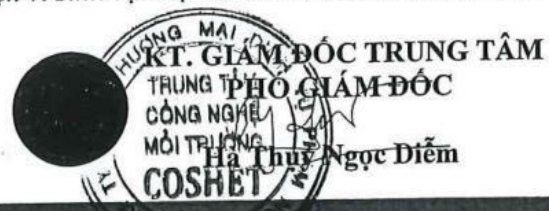
(*): Chỉ tiêu đã được Vilas công nhận (Vilas 444).

(i): Kết quả được biểu thị < 1 CFU được xem là không phát hiện vi sinh vật mục tiêu trên thể tích mẫu phân tích.

KPH: Không phát hiện (< MDL)

BỘ PHẬN ĐO ĐẶC
PHÂN TÍCH MÔI TRƯỜNG

Bùi Mạnh Hiệp



Kết quả nhanh - chính xác - đáng tin cậy

BM02-TT17, Lần BH 03; SĐ 00 (02/10/2023)



CÔNG TY TNHH MÔI TRƯỜNG DƯƠNG HUỲNH
DUONG HUYNH ENVIRONMENT COMPANY LIMITED



Số/No: 24.09.1007	KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM TEST REPORT	21/09/2024 Trang/Page: 1/1
-------------------	---	-------------------------------

Đơn vị yêu cầu/ Customer : CÔNG TY CỔ PHẦN KỸ THUẬT MÔI TRƯỜNG THIẾ
GIỚI XANH
Địa điểm lấy mẫu/ Sampling location : CÔNG TY TNHH VINA CHANG TAI
Địa chỉ/ Address : 183/2A, Khu C, khu phố Đông An, phường Tân Đông Hiệp, thành
phố Dĩ An, Bình Dương
Loại mẫu/ Type of sample : Nước thải
Ký hiệu mẫu/ Mark of sample : NT.09454 – Nước thải HTXL nước thải công suất 50m³/ ngày đêm
(X=1207 225; Y=613 048)
Ngày lấy (nhận) mẫu/ Sampling (receiving) date : 13/09/2024
Ngày thử nghiệm/ Date of testing : 13/09/2024 – 20/09/2024
Điều kiện lấy mẫu/ Sampling conditions : Mẫu khách hàng gửi; Thông tin mẫu do khách hàng cung cấp
Kết quả thử nghiệm/ Testing results :

TT No	Thông số Parameters	Đơn vị tính Unit	Phương pháp thử Test method	Kết quả Result	QCVN 40:2011/BTNMT CỘT A (K _a =0,9; K _f =1,2)
1	pH	--	TCVN 6492:2011 ^(*)	7,16	6 – 9
2	TSS	mg/L	TCVN 6625:2000 ^(*)	34	54
3	BOD ₅	mg/L	TCVN 6001-1:2008 ^(*)	16	32,4
4	COD	mg/L	SMEWW 5220C:2017 ^(*)	58	81
5	NH ₄ ⁺ N	mg/L	TCVN 6179-1:1996 ^(*)	3,39	5,4
6	Tổng Photpho	mg/L	TCVN 6202:2008 ^(*)	3,43	4,32
7	Tổng Nito	mg/L	TCVN 6638:2000 ^(*)	<6,67 ^(a)	21,6
8	Dầu, mỡ khoáng	mg/L	SMEWW 5520B&F:2017 ^(*)	KPH (MDL=0,3)	5,4
9	Coliform	MPN/100mL	SMEWW 9221B:2017 ^(*)	2,2x10 ³	3.000
10	Hg	mg/L	US EPA Method 200.8 ^(**)	KPH (MDL=0,001)	0,0054
11	As	mg/L	US EPA Method 200.8 ^(**)	KPH (MDL=0,005)	0,054
12	Pb	mg/L	US EPA Method 200.8 ^(**)	KPH (MDL=0,002)	0,108
13	Cd	mg/L	US EPA Method 200.8 ^(**)	KPH (MDL=0,005)	0,054

Ghi chú/ Note:

(*) : Phương pháp đã được Bộ Tài Nguyên và Môi Trường công nhận/ Method is accredited by MONRE.

(**) : Kết quả được thực hiện bởi nhà thầu phụ Trung tâm Kỹ thuật Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng 3/ Subcontracted test by Quality Assurance & Testing Center 3.

(a) : Giới hạn định lượng của phương pháp/Limit of Quantitation of Method (LOQ).

KPH: không phát hiện/ Not detected; MDL: giới hạn phát hiện của phương pháp/ Method detection limit.

Phụ trách phòng thử nghiệm
The officer is in charge of the laboratory

Ths. Huỳnh Ngọc Thúy



Đương Hoàng Thành

1. Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị trên mẫu phân tích và tại thời điểm đo./Test results in this test report are only valid for the testing sample and at the time of measurement.
2. Không được sao chép kết quả này, một phần hay toàn bộ nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của công ty TNHH Môi trường Dương Huỳnh./This result shall not be reproduced, party or fully, unless written approval of Duong Huynh Environment Co., LTD.

BM01-QT7.8

BH/SD:02/01

Ngày BH: 12/04/2019

TRỤ SỞ CHÍNH

528/5A Vườn Lài, P. An Phú Đông, Q.12, Tp.HCM

CN: 1527/5A Vườn Lài, P. An Phú Đông, Q.12, Tp. HCM

☎ 0949 825 262

✉ duonghuynh.vimcerts241@gmail.com

CHI NHÁNH NINH THUẬN

Số 73, Trương Định, P. Phước Mỹ,

Tp. Phan Rang - Tháp Chàm, Tỉnh Ninh Thuận

✉ duonghuynh.vimcerts241@gmail.com

CHI NHÁNH HÀ NỘI

Số 5, Ngõ 5/102, Hoàng Quốc Việt, Tổ 23,

P. Nghĩa Đô, Q. Cầu Giấy, Tp. Hà Nội

✉ duonghuynh.vimcerts241@gmail.com

🌐 http://duonghuynhenv.vn



CÔNG TY TNHH MÔI TRƯỜNG DƯƠNG HUỖNH
DUONG HUYNH ENVIRONMENT COMPANY LIMITED



Số/No: 24.10.1069	KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM TEST REPORT	03/10/2024 Trang/Page:1/1
-------------------	---	------------------------------

Đơn vị yêu cầu/ Customer : CÔNG TY CP KT MÔI TRƯỜNG THẾ GIỚI XANH
Địa điểm lấy mẫu/ Sampling location : CÔNG TY TNHH VINA CHANG TAI
Địa chỉ/ Address : 183/2A Khu C, khu phố Đông An, phường Tân Đông Hiệp, thành phố Dĩ An
Loại mẫu/ Type of sample : Nước mặt
Ký hiệu mẫu/ Mark of sample : NM.09119 – Nước mặt suối Siệp
Ngày lấy (nhận) mẫu/ Sampling (receiving) date : 25/09/2024
Ngày thử nghiệm/ Date of testing : 25/09/2024 – 02/10/2024
Điều kiện lấy mẫu/ Sampling conditions : Mẫu khách hàng gửi
Kết quả thử nghiệm/ Testing results :

TT No	Thông số Parameters	Đơn vị tính Unit	Phương pháp thử Test method	Kết quả Result
1	pH	--	TCVN 6492:2011(*)	7,04
2	TSS	mg/L	TCVN 6625:2000(*)	75
3	BOD ₅	mg/L	TCVN 6001-1:2008(*)	5
4	COD	mg/L	SMEWW 5220B:2017(*)	12
5	NH ₄ ⁺ _N	mg/L	TCVN 6179-1:1996(*)	0,148
6	NO ₂ ⁻ _N	mg/L	SMEWW 4500NO ₂ .B:2017(*)	<0,016 ^(a)
7	NO ₃ ⁻ _N	mg/L	TCVN 6180:1996(*)	0,676
8	PO ₄ ³⁻ _P	mg/L	TCVN 6202:2008(*)	<0,067 ^(a)
9	Coliform	MPN/100mL	SMEWW 9221B:2017(*)	4,6x10 ²

Ghi chú/ Note:

(*): Phương pháp đã được Bộ Tài Nguyên và Môi Trường công nhận/ Method is accredited by MONRE.

(a): Giới hạn định lượng của phương pháp/Limit of Quantitation of Method (LOQ).

KPH: không phát hiện/ Not detected; MDL: giới hạn phát hiện của phương pháp/ Method detection limit.

Phụ trách phòng thử nghiệm
The officer is in charge of the laboratory

Ths. Huỳnh Ngọc Thúy

Giám đốc
Director



Dương Hoàng Thành

1. Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị trên mẫu phân tích và tại thời điểm đo./Test results in this test report are only valid for the testing sample and at the time of measurement..

2. Không được sao chép kết quả này, một phần hay toàn bộ nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của công ty TNHH Môi trường Dương Huỳnh./This result shall not be reproduced, party or fully, unless written approval of Duong Huynh Environment Co., LTD.

BM01-QT7.8

BH/SĐ:02/01

Ngày BH: 12/04/2019

TRỤ SỞ CHÍNH

528/5A Vườn Lài, P. An Phú Đông, Q.12, Tp.HCM

ĐT: 1527/5A Vườn Lài, P. An Phú Đông, Q.12, Tp. HCM

☎ 0949 825 262

✉ duonghuynh.vimcerts241@gmail.com

CHI NHÁNH NINH THUẬN

Số 73, Trương Định, P. Phước Mỹ,

Tp. Phan Rang - Tháp Chàm, Tỉnh Ninh Thuận

✉ duonghuynh.vimcerts241@gmail.com

CHI NHÁNH HÀ NỘI

Số 5, Ngõ 5/102, Hoàng Quốc Việt, Tổ 23,

P. Nghĩa Đô, Q. Cầu Giấy, Tp. Hà Nội

✉ duonghuynh.vimcerts241@gmail.com

🌐 http://duonghuynhenv.vn



Số/No: 25.01.12	KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM TEST REPORT	08/01/2025 Trang/Page:1/3
-----------------	---	------------------------------

Đơn vị yêu cầu/ *Customer*

**: CÔNG TY CỔ PHẦN KỸ THUẬT MÔI TRƯỜNG
THẾ GIỚI XANH**

Địa điểm lấy mẫu/ *Sampling location*

: CÔNG TY TNHH VINA CHANG TAI

Địa chỉ/ *Address*

: 183/2A, Khu C, khu phố Đông An, phường Tân Đông Hiệp, Thành phố Dĩ An, Bình Dương

Ngày lấy (nhận) mẫu/ *Sampling (receiving) date* : 24/12/2024

Ngày thử nghiệm/ *Date of testing*

: 25/12/2024 – 07/01/2025

Kết quả thử nghiệm/ *Testing results*

: Xem trang tiếp theo

Phụ trách phòng thử nghiệm
The officer is in charge of the laboratory

[Handwritten signature]

Ths. Huỳnh Ngọc Thúy

Giám đốc
Director



Đường Hoàng Thành

1. Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị trên mẫu phân tích và tại thời điểm đo./Test results in this test report are only valid for the testing sample and at the time of measurement..
2. Không được sao chép kết quả này, một phần hay toàn bộ nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của công ty TNHH Môi trường Dương Huỳnh./This result shall not be reproduced, partly or fully, unless written approval of Duong Huynh Environment Co., LTD.

BM01-QT7.8

BH/SD:02/01

Ngày BH: 12/04/2019

TRỤ SỞ CHÍNH

☎ 528/5A Vườn Lài, P. An Phú Đông, Q.12, Tp.HCM ☎ Số 73, Trương Định, P. Phước Mỹ,
CN: 1527/5A Vườn Lài, P. An Phú Đông, Q.12, Tp. HCM Tp. Phan Rang - Tháp Chàm, Tỉnh Ninh Thuận
☎ 0949 825 262 ☒ duonghuynh.vincerts241@gmail.com
☒ duonghuynh.vincerts241@gmail.com

CHI NHÁNH NINH THUẬN

✉ Số 73, Trương Định, P. Phước Mỹ,
Tp. Phan Rang - Tháp Chàm, Tỉnh Ninh Thuận
✉ duonghuyth.vincerts241@gmail.com

CHI NHÁNH HÀ NỘI

✦ Số 5, Ngõ 5/102, Hoàng Quốc Việt, Tổ 23,
P. Nghĩa Đô, Q. Cầu Giấy, Tp. Hà Nội
✉ duonghuynh.vimcerts241@gmail.com
🌐 <http://duonghuynhenv.vn>



CÔNG TY TNHH MÔI TRƯỜNG DƯƠNG HUỲNH
DUONG HUYNH ENVIRONMENT COMPANY LIMITED



Số/No: 25.01.12	KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM TEST REPORT	08/01/2025 Trang/Page: 2/3
-----------------	---	-------------------------------

Loại mẫu/ Type of sample	: Nước thải
Ký hiệu mẫu/ Mark of sample	: NT.122410 – Nước thải sau HTXLNT công suất 50m ³ /ngày.đêm
Phương pháp lấy mẫu/ Sampling method	: Mẫu khách hàng gửi

TT No	Thông số Parameters	Đơn vị tính Unit	Phương pháp thử Test method	Kết quả Result	QCVN 40:2011/BTNMT CỘT A (K _d =0,9; K _f =1,2)
1	pH	--	TCVN 6492:2011 ^(*)	6,78	6 – 9
2	TSS	mg/L	TCVN 6625:2000 ^(*)	26	54
3	BOD ₅	mg/L	TCVN 6001-1:2008 ^(*)	28	32,4
4	COD	mg/L	SMEWW 5220C:2017 ^(*)	63	81
5	NH ₄ ⁺ N	mg/L	TCVN 6179-1:1996 ^(*)	2,14	5,4
6	Tổng Photpho	mg/L	TCVN 6202:2008 ^(*)	1,85	4,32
7	Tổng Nito	mg/L	TCVN 6638:2000 ^(*)	18,4	21,6
8	Dầu, mỡ khoáng	mg/L	SMEWW 5520B&F:2017 ^(*)	<1 ^(a)	5,4
9	Coliform	MPN/100mL	SMEWW 9221B:2017 ^(*)	1,7×10 ³	3.000
10	Hg	µg/L	US EPA Method 200.8 ^(**)	KPH (MDL=0,001)	0,0054
11	Pb	µg/L	US EPA Method 200.8 ^(**)	<0,005 ^(a)	0,108
12	Cd	µg/L	US EPA Method 200.8 ^(**)	KPH (MDL=0,005)	0,054
13	As	mg/L	US EPA Method 200.8 ^(**)	KPH (MDL=0,005)	0,054

Ghi chú/ Note:

(*) : Phương pháp đã được Bộ Tài Nguyên và Môi Trường công nhận/ Method is accredited by MONRE.

(**) : Kết quả được thực hiện bởi nhà thầu phụ Trung tâm Kỹ thuật Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng 3./ Subcontracted test by Quality Assurance & Testing Center 3.

(a) : Giới hạn định lượng của phương pháp/Limit of Quantitation of Method (LOQ).

KPH: không phát hiện/ Not detected; MDL: giới hạn phát hiện của phương pháp/ Method detection limit.

1. Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị trên mẫu phân tích và tại thời điểm đo./Test results in this test report are only valid for the testing sample and at the time of measurement..

2. Không được sao chép kết quả này, một phần hay toàn bộ nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của công ty TNHH Môi trường Dương Huỳnh./This result shall not be reproduced, party or fully, unless written approval of Duong Huynh Environment Co., LTD.

BM01-QT7.8

BH/SD:02/01

Ngày BH: 12/04/2019

TRỤ SỞ CHÍNH

✦ 528/5A Vườn Lài, P. An Phú Đông, Q.12, Tp.HCM
CN: 1527/5A Vườn Lài, P. An Phú Đông, Q.12, Tp. HCM
☎ 0949 825 262
✉ duonghuynh.vimcerts241@gmail.com

CHI NHÁNH NINH THUẬN

✦ Số 73, Trương Định, P. Phước Mỹ,
Tp. Phan Rang - Tháp Chàm, Tỉnh Ninh Thuận
✉ duonghuynh.vimcerts241@gmail.com

CHI NHÁNH HÀ NỘI

✦ Số 5, Ngõ 5/102, Hoàng Quốc Việt, Tổ 23,
P. Nghĩa Đô, Q. Cầu Giấy, Tp. Hà Nội
✉ duonghuynh.vimcerts241@gmail.com
🌐 http://duonghuynhenv.vn



CÔNG TY TNHH MÔI TRƯỜNG DƯƠNG HUỲNH
DUONG HUYNH ENVIRONMENT COMPANY LIMITED



Số/No: 25.01.12	KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM TEST REPORT	08/01/2025 Trang/Page: 3/3
-----------------	---	-------------------------------

Loại mẫu/ Type of sample	: Nước mặt
Ký hiệu mẫu/ Mark of sample	: NM.122402 – Nước mặt suối Siệp
Phương pháp lấy mẫu/ Sampling method	: Mẫu khách hàng gửi

TT No	Thông số Parameters	Đơn vị tính Unit	Phương pháp thử Test method	Kết quả Result	QCVN 08:2023/ BTNMT Bảng 1, Bảng 2 – Mức B
1	pH	--	TCVN 6492:2011 ^(*)	7,12	6,0 – 8,5
2	TSS	mg/L	TCVN 6625:2000 ^(*)	76	≤ 100
3	BOD ₅	mg/L	TCVN 6001-1:2008 ^(*)	5	≤ 6
4	COD	mg/L	SMEWW 5220B:2017 ^(*)	13	≤ 15
5	NH ₄ ⁺ _N	mg/L	TCVN 6179-1:1996 ^(*)	0,154	0,3
6	NO ₂ ⁻ _N	mg/L	SMEWW 4500NO ₂ .B:2017 ^(*)	0,018	0,05
7	NO ₃ ⁻ _N	mg/L	TCVN 6180:1996 ^(*)	0,682	-
8	PO ₄ ³⁻ _P	mg/L	TCVN 6202:2008 ^(*)	<0,067 ^(a)	-
9	Coliforms	MPN/100mL	SMEWW 9221B:2017 ^(*)	3,3×10 ²	≤ 1.000

Ghi chú/ Note:

(*) : Phương pháp đã được Bộ Tài Nguyên và Môi Trường công nhận/ Method is accredited by MONRE.

(a) : Giới hạn định lượng của phương pháp/Limit of Quantitation of Method (LOQ).

KPH: không phát hiện/ Not detected; MDL: giới hạn phát hiện của phương pháp/ Method detection limit.



1. Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị trên mẫu phân tích và tại thời điểm đo./Test results in this test report are only valid for the testing sample and at the time of measurement..

2. Không được sao chép kết quả này, một phần hay toàn bộ nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của công ty TNHH Môi trường Dương Huỳnh./This result shall not be reproduced, partly or fully, unless written approval of Duong Huynh Environment Co., LTD.

BM01-QT7.8

BH/SĐ:02/01

Ngày BH: 12/04/2019

TRỤ SỞ CHÍNH

↳ 528/5A Vườn Lài, P. An Phú Đông, Q.12, Tp.HCM
CN: 1527/5A Vườn Lài, P. An Phú Đông, Q.12, Tp. HCM
☎ 0949 825 262
✉ duonghuynh.vimcerts241@gmail.com

CHI NHÁNH NINH THUẬN

↳ Số 73, Trương Định, P. Phước Mỹ,
Tp. Phan Rang - Tháp Chàm, Tỉnh Ninh Thuận
✉ duonghuynh.vimcerts241@gmail.com

CHI NHÁNH HÀ NỘI

↳ Số 5, Ngõ 5/102, Hoàng Quốc Việt, Tổ 23,
P. Nghĩa Đô, Q. Cầu Giấy, Tp. Hà Nội
✉ duonghuynh.vimcerts241@gmail.com
🌐 http://duonghuynhenv.vn

Số : 823-24 / KQPT

Tp.HCM, ngày 04 tháng 01 năm 2025

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

- Đơn vị yêu cầu:** CÔNG TY CỔ PHẦN KỸ THUẬT MÔI TRƯỜNG THẾ GIỚI XANH
1/ Địa điểm lấy mẫu: CÔNG TY TNHH VINA CHANG TAI
2/ Địa chỉ: 183/2A Khu C, KP.Đông An, P.Tân Đông Hiệp, Tp.Dĩ An, tỉnh Bình Dương
3/ Thời gian lấy mẫu: 23/12/2024
4/ Mã số mẫu/Loại mẫu: 997-1.24.KKXQ1.Khu vực xưởng cắt của nhà xưởng 2
5/ Ký hiệu mẫu: 24-KKXQ-2506
6/ Phương pháp lấy mẫu và phân tích:

STT	Chỉ tiêu	Phương pháp lấy và bảo quản mẫu	Phương pháp phân tích môi trường	Giới hạn phát hiện (MDL)/Phạm vi đo
1	Ánh sáng**	Máy đo ánh sáng TES 1335	-	0÷400.000 Lux

KẾT QUẢ CHẤT LƯỢNG KHÔNG KHÍ

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Kết quả	QCVN 22:2016/BYT
1	Ánh sáng	Lux	510	≥500

Ghi chú: (**): Các chỉ tiêu đã được Sở Y Tế Thành phố Hồ Chí Minh công nhận

**BỘ PHẬN ĐO ĐẠC
PHÂN TÍCH MÔI TRƯỜNG**


Phan Hoàng Nguyên

**KT. GIÁM ĐỐC TRUNG TÂM
PHÓ GIÁM ĐỐC**



Số : 824-24 / KQPT

Tp.HCM, ngày 04 tháng 01 năm 2025

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Đơn vị yêu cầu: CÔNG TY CỔ PHẦN KỸ THUẬT MÔI TRƯỜNG THẾ GIỚI XANH
1/ Địa điểm lấy mẫu: CÔNG TY TNHH VINA CHANG TAI
2/ Địa chỉ: 183/2A Khu C, KP.Đông An, P.Tân Đông Hiệp, Tp.Dĩ An, tỉnh Bình Dương
3/ Thời gian lấy mẫu: 23/12/2024
4/ Mã số mẫu/Loại mẫu: 997-1.24.KKXQ2.Khu vực xưởng may của nhà xưởng
5/ Ký hiệu mẫu: 24-KKXQ-2507
6/ Phương pháp lấy mẫu và phân tích:

STT	Chỉ tiêu	Phương pháp lấy và bảo quản mẫu	Phương pháp phân tích môi trường	Giới hạn phát hiện (MDL)/Phạm vi đo
1	Ánh sáng**	Máy đo ánh sáng TES 1335	-	0÷400.000 Lux

KẾT QUẢ CHẤT LƯỢNG KHÔNG KHÍ

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Kết quả	QCVN 22:2016/BYT
1	Ánh sáng	Lux	570	≥500

Ghi chú: Ghi chú: (**): Các chỉ tiêu đã được Sở Y Tế Thành phố Hồ Chí Minh công nhận

**BỘ PHẬN ĐO ĐẶC
PHÂN TÍCH MÔI TRƯỜNG**


Phan Hoàng Nguyên

**KT. GIÁM ĐỐC TRUNG TÂM
THƯƠNG MẠI VÀ DỊCH VỤ
TRUNG TÂM CÔNG NGHỆ
MÔI TRƯỜNG
COSHET**

Hà Ngọc Diễm

Số : 823-24 / KQPT

Tp.HCM, ngày 04 tháng 01 năm 2025

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

- Đơn vị yêu cầu:** CÔNG TY CỔ PHẦN KỸ THUẬT MÔI TRƯỜNG THẾ GIỚI XANH
- 1/ Địa điểm lấy mẫu:** CÔNG TY TNHH VINA CHANG TAI
- 2/ Địa chỉ:** 183/2A Khu C, KP.Đông An, P.Tân Đông Hiệp, Tp.Dĩ An, tỉnh Bình Dương
- 3/ Thời gian lấy mẫu:** 23/12/2024
- 4/ Mã số mẫu/Loại mẫu:** 997-1.24.KKXQ1.Khu vực xưởng cắt của nhà xưởng 2
- 5/ Ký hiệu mẫu:** 24-KKXQ-2506
- 6/ Phương pháp lấy mẫu và phân tích:**

STT	Chỉ tiêu	Phương pháp lấy và bảo quản mẫu	Phương pháp phân tích môi trường	Giới hạn phát hiện (MDL)/Phạm vi đo
1	Tiếng ồn*	TCVN 7878-2:2018	-	30 ÷ 120 dBA
2	Nhiệt độ*	QCVN 46:2012/BTNMT	-	0 ÷ 50°C
3	Độ ẩm*	QCVN 46:2012/BTNMT	-	0÷100%RH
4	Tổng bụi lơ lửng (TSP)*	TCVN 5067:1995	TCVN 5067:1995	0,010 mg/m ³
5	CO*	TCVN 5972:1995	TCVN 5972:1995	1,5 mg/m ³
6	SO ₂ *	TCVN 5971:1995	TCVN 5971:1995	0,015 mg/m ³
7	NO ₂ *	TCVN 6137:2009	TCVN 6137:2009	0,006 mg/m ³

KẾT QUẢ CHẤT LƯỢNG KHÔNG KHÍ

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Kết quả	QCVN	
1	Tiếng ồn	dBA	60	QCVN 24:2016/BYT	≤ 85
2	Nhiệt độ	°C	29,7	QCVN 26:2016/BYT	18 - 32
3	Độ ẩm	%	72,3		40 - 80
4	Bụi	mg/m ³	0,044	QCVN 02:2019/BYT ^(a)	6,25
5	CO	mg/m ³	4,71	QCVN 03:2019/BYT ^(a)	15,625
6	SO ₂	mg/m ³	KPH		3,90625
7	NO ₂	mg/m ³	0,008		3,90625

Ghi chú: Đã loại trừ tiếng ồn do các phương tiện giao thông

(*): Các chỉ tiêu đã được Bộ Tài Nguyên và Môi Trường công nhận

(a)Giá trị giới hạn tiếp xúc ca làm việc tính theo thời lượng tiếp xúc thực tế của công ty (48 giờ/tuần)

Kết quả thử nghiệm được tính ở nhiệt độ 25°C và áp suất tuyệt đối 760 mm thủy ngân, tương đương mg/Nm³.

KPH: Không phát hiện (< MDL)

**BỘ PHẬN ĐO ĐẶC
PHÂN TÍCH MÔI TRƯỜNG**

**Kết quả nhanh - chính xác - đáng tin cậy**

BM02-TT17, Lần BH 03; SĐ 00 (02/10/2023)

Số : 824-24 / KQPT

Tp.HCM, ngày 04 tháng 01 năm 2025

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Đơn vị yêu cầu: CÔNG TY CỔ PHẦN KỸ THUẬT MÔI TRƯỜNG THẾ GIỚI XANH
1/ Địa điểm lấy mẫu: CÔNG TY TNHH VINA CHANG TAI
2/ Địa chỉ: 183/2A Khu C, KP.Đông An, P.Tân Đông Hiệp, Tp.Dĩ An, tỉnh Bình Dương
3/ Thời gian lấy mẫu: 23/12/2024
4/ Mã số mẫu/Loại mẫu: 997-1.24.KKXQ2.Khu vực xưởng may của nhà xưởng
5/ Ký hiệu mẫu: 24-KKXQ-2507
6/ Phương pháp lấy mẫu và phân tích:

STT	Chỉ tiêu	Phương pháp lấy và bảo quản mẫu	Phương pháp phân tích môi trường	Giới hạn phát hiện (MDL)/Phạm vi đo
1	Tiếng ồn*	TCVN 7878-2:2018	-	30 ÷ 120 dBA
2	Nhiệt độ*	QCVN 46:2012/BTNMT	-	0 ÷ 50°C
3	Độ ẩm*	QCVN 46:2012/BTNMT	-	0÷100%RH
4	Tổng bụi lơ lửng (TSP)*	TCVN 5067:1995	TCVN 5067:1995	0,010 mg/m ³
5	CO*	TCVN 5972:1995	TCVN 5972:1995	1,5 mg/m ³
6	SO ₂ *	TCVN 5971:1995	TCVN 5971:1995	0,015 mg/m ³
7	NO ₂ *	TCVN 6137:2009	TCVN 6137:2009	0,006 mg/m ³

KẾT QUẢ CHẤT LƯỢNG KHÔNG KHÍ

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Kết quả	QCVN	
1	Tiếng ồn	dBA	72	QCVN 24:2016/BYT	≤ 85
2	Nhiệt độ	°C	29,8	QCVN 26:2016/BYT	18 - 32
3	Độ ẩm	%	70,5		40 - 80
4	Bụi	mg/m ³	0,043	QCVN 02:2019/BYT ^(a)	6,25
5	CO	mg/m ³	5,56	QCVN 03:2019/BYT ^(a)	15,625
6	SO ₂	mg/m ³	KPH		3,90625
7	NO ₂	mg/m ³	0,008		3,90625

Ghi chú: Đã loại trừ tiếng ồn do các phương tiện giao thông

(*): Các chỉ tiêu đã được Bộ Tài Nguyên và Môi Trường công nhận; **KPH:** Không phát hiện (< MDL)

(a)Giá trị giới hạn tiếp xúc ca làm việc tính theo thời lượng tiếp xúc thực tế của công ty (48 giờ/tuần)

Kết quả thử nghiệm được tính ở nhiệt độ 25°C và áp suất tuyệt đối 760 mm thủy ngân, tương đương mg/Nm³.

KPH: Không phát hiện (< MDL)

**BỘ PHẬN ĐO ĐẠC
PHÂN TÍCH MÔI TRƯỜNG**



Phan Hoàng Nguyên

**KT. GIÁM ĐỐC TRUNG TÂM
THỦY GIÁM ĐỐC**



TRUNG TÂM
CÔNG NGHỆ
MÔI TRƯỜNG
COSHET

Kết quả nhanh - chính xác - đáng tin cậy

BM02-TT17, Lần BH 03; SĐ 00 (02/10/2023)

Số : 839-24 / KQPT

Tp.HCM, ngày 06 tháng 01 năm 2025

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Đơn vị yêu cầu:

1/ Địa điểm lấy mẫu:

2/ Địa chỉ:

3/ Thời gian nhận mẫu:

4/ Mã số mẫu/Loại mẫu:

5/ Ký hiệu mẫu:

**CÔNG TY CỔ PHẦN KỸ THUẬT MÔI TRƯỜNG THẾ GIỚI XANH
CÔNG TY TNHH VINA CHANG TAI**

183/2A, khu C, KP.Đông An, P.Tân Đông Hiệp, Tp.Dĩ An, tỉnh Bình Dương

24/12/2024

Nước uống tại vòi

24-NU-108

KẾT QUẢ PHÂN TÍCH NƯỚC UỐNG

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Kết quả	Giới hạn phát hiện (MDL) /Phạm vi đo	QCVN 01-1 :2018/BYT	Phương pháp phân tích
1	pH* (25,9C)	-	6,82	2 ~ 12	Trong khoảng 6,0 – 8,5	TCVN 6492:2011
2	Độ đục*	NTU	0,03	0,01 ~ 1000	2	SMEWW 2130B:2017
3	Độ màu*	mg/L (Co-Pt)	6	1,5	15	SMEWW 2120C:2017
4	Mùi ^(b8)	-	Không có mùi lạ	-	Không có mùi lạ	HD.PP.33/KXN.LH:2023 (a)
5	Hàm lượng Clorua*	mg/L	7,38	1,5	250 (hoặc 300)	TCVN 6194:1996
6	Chỉ số Pecmanganat*	mg/L	0,64	0,15	2	TCVN 6186:1996
7	Hàm lượng Clorin*	mg/L	KPH	0,039	-	SMEWW 4500-Cl.G:2017
8	Độ cứng, tính theo CaCO ₃ *	mg/L	22	1,5	300	TCVN 6224:1996
9	Hàm lượng Mn*	mg/L	KPH	0,012	0,1	SMEWW 3111B:2017
10	Hàm lượng Sắt*	mg/L	KPH	0,018	0,3	TCVN 6177:1996 (ISO 6332:1988)
11	Hàm lượng As*	mg/L	KPH	63×10 ⁻⁵	0,01	TCVN 6626:2000
12	Escherichia coli*	CFU/ 250mL	< 1 ⁽ⁱ⁾	1	<1	TCVN 6187-1:2019 (ISO 9308-1:2014)
13	Coliforms*	CFU/ 250mL	< 1 ⁽ⁱ⁾	1	<3	TCVN 6187-1:2019 (ISO 9308-1:2014)
14	Hàm lượng Nitrit*	mg/L	KPH	0,006	0,05	SMEWW 4500-NO ₂ -B:2017
15	Hàm lượng Nitrat*	mg/L	0,805	0,009	2	TCVN 6180:1996 (ISO 7890-3:1988)
16	Hàm lượng Florua*	mg/L	0,33	0,006	1,5	SMEWW 4110B:2017
17	Tổng chất rắn hòa tan (TDS)*	mg/L	38,6	0 ~ 2.000	1000	SOP_N29:2018

Ghi chú: Kết quả phân tích có giá trị trên mẫu thử(*): Chỉ tiêu đã được Vilas công nhận (Vilas 444).; **KPH:** Không phát hiện (< MDL)

(i): Kết quả được biểu thị < 1 CFU được xem là không phát hiện vì sinh vật mục tiêu trên thể tích mẫu phân tích.

(b8): Kết quả được thực hiện bởi nhà thầu phụ (Viện Y Tế Công Cộng TP.HCM)

(a): Phép thử đã được công nhận phù hợp theo ISO/IEC 17025:2017

**BỘ PHẬN ĐO ĐẠC
PHÂN TÍCH MÔI TRƯỜNG**

Phan Hoàng Nguyên

**Kết quả nhanh - chính xác - đáng tin cậy**

PHỤ LỤC 3

CÁC CHỨNG TỪ LIÊN QUAN ĐẾN CÔNG TRÌNH

**PHỤ LỤC 3.1. BIÊN BẢN BÀN
GIAO, NGHIỆM THU CÔNG
TRÌNH**

**PHỤ LỤC 3.2. NHẬT KÝ VẬN
HÀNH CÔNG TRÌNH**

PHỤ LỤC 3.1
**BIÊN BẢN BÀN GIAO,
NGHIỆM THU CÔNG
TRÌNH**

Bình Dương, ngày 15 tháng 1 năm 2018

BIÊN BẢN
NGHIỆM THU HOÀN THÀNH HẠNG MỤC CÔNG TRÌNH
HOẶC CÔNG TRÌNH XÂY DỰNG ĐỂ ĐƯA VÀO SỬ DỤNG

1. Công trình/hạng mục công trình: Hệ thống xử lý nước thải – thiết kế và xây dựng – công suất 20 m³/ngày.đêm

2. Dự án: Nhà máy sản xuất quần áo lót phụ nữ

3. Địa điểm xây dựng: Khu C, Khu phố Đông An, Phường Tân Đông Hiệp, Thị xã Dĩ An, Tỉnh Bình Dương

4. Thành phần tham gia nghiệm thu:

4.1 Đại diện Chủ đầu tư: CÔNG TY TNHH VINA CHANGTAI

Ông (Bà): Bà Lin Chiu Tung

Chức vụ : Giám đốc

Ông (Bà):

Chức vụ :

4.2 Đại diện Tư vấn giám sát: CÔNG TY TNHH VINA CHANGTAI (Chủ đầu tư giám sát)

Ông (Bà): Ông Tỉe Nguyễn Kiến

Chức vụ : Tổng vụ

Ông (Bà):

Chức vụ :

4.3 Đại diện Đơn vị thi công: CÔNG TY CỔ PHẦN KỸ THUẬT MÔI TRƯỜNG THẾ GIỚI XANH

Ông (Bà): Ông Hồ Huy Cư

Chức vụ : Giám đốc

Ông (Bà): Ông Nguyễn Quốc Hùng

Chức vụ : Chủ tịch

4.4 Đại diện Đơn vị thiết kế: CÔNG TY CỔ PHẦN KỸ THUẬT MÔI TRƯỜNG THẾ GIỚI XANH

Ông (Bà): Ông Hồ Huy Cư

Chức vụ : Giám đốc

Ông (Bà): Bà Cao Thị Thu Trang

Chức vụ : PP. Thiết Kế

5. Thời gian tiến hành nghiệm thu:

Bắt đầu: 8h30 ngày 15 tháng 1 năm 2018

Kết thúc: 11h0 ngày 15 tháng 1 năm 2018

Tại: Khu C, Khu phố Đông An, Phường Tân Đông Hiệp, Thị xã Dĩ An, Tỉnh Bình Dương

6. Đánh giá hạng mục công trình xây dựng, công trình xây dựng:

a. Tài liệu làm căn cứ để nghiệm thu;

- Hợp đồng thi công xây dựng công trình;

- Hồ sơ thiết kế bản vẽ thi công đã được duyệt;

- Tiêu chuẩn, quy phạm xây dựng được áp dụng: Theo tiêu chuẩn, qui phạm, tài liệu chỉ dẫn kỹ thuật chuyên môn có liên quan đến đối tượng nghiệm thu hiện hành;

- Bản vẽ hoàn công.
- b. Về tiến độ xây dựng hạng mục, công trình:
 - Ngày khởi công: 15/05/2017
 - Ngày hoàn thành: 15/01/2018
- c. Về đặc điểm biện pháp để bảo vệ an toàn lao động, an toàn phòng nổ, phòng cháy, chống ô nhiễm môi trường và an toàn sử dụng: Đạt yêu cầu
- d. Khối lượng: Kèm theo bảng khối lượng công việc hoàn thành đạt yêu cầu.
- e. Về chất lượng hạng mục công trình xây dựng, công trình xây dựng: Đạt yêu cầu
- f. Những sửa đổi trong quá trình thi công so với thiết kế được duyệt: Không có
- g. Các ý kiến khác nếu có: Không có

7. Kết luận:

Đồng ý

8. Các bên tham gia nghiệm thu:



ĐD CHỦ ĐẦU TƯ
(Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ và đóng dấu)



ĐD TƯ VẤN THIẾT KẾ & THI CÔNG
(Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ và đóng dấu)

Các thành viên tham gia nghiệm thu: (Ký và ghi rõ họ tên)

- Ông: <u>Từ Nguyễn Kiên</u> ...	Chữ ký: <u>[Signature]</u>
- Ông: <u>Nguyễn Quốc Hùng</u> ...	Chữ ký: <u>[Signature]</u>
- Ông:	Chữ ký:
- Ông:	Chữ ký:

Bình Dương, ngày 01 tháng 10 năm 2009

BIÊN BẢN
NGHIỆM THU HOÀN THÀNH HẠNG MỤC CÔNG TRÌNH
HOẶC CÔNG TRÌNH XÂY DỰNG ĐỂ ĐƯA VÀO SỬ DỤNG

1. Công trình/hạng mục công trình: Hệ thống xử lý nước thải – thiết kế và xây dựng – công suất 50 m³/ngày.đêm

2. Dự án: Nhà máy sản xuất quần áo lót phụ nữ

3. Địa điểm xây dựng: Xã Tân Đông Hiệp, Huyện Dĩ An, Tỉnh Bình Dương

4. Thành phần tham gia nghiệm thu:

4.1 Đại diện Chủ đầu tư: CÔNG TY TNHH VINA CHANGTAI

Ông (Bà): Bà Lin Chiu Tung Chức vụ : Giám đốc

Ông (Bà): Chức vụ :

4.2 Đại diện Tư vấn giám sát: CÔNG TY TNHH VINA CHANGTAI (Chủ đầu tư giám sát)

Ông (Bà): Ông Từ Nguyễn Kiến Chức vụ : Tổng vụ

Ông (Bà): Chức vụ :

4.3 Đại diện Đơn vị thi công: CÔNG TY CỔ PHẦN KỸ THUẬT MÔI TRƯỜNG THẾ GIỚI XANH

Ông (Bà): Ông Hồ Huy Cư Chức vụ : Giám đốc

Ông (Bà): Ông Võ Minh Khương Chức vụ : Chí huy trưởng

4.4 Đại diện Đơn vị thiết kế: CÔNG TY CỔ PHẦN KỸ THUẬT MÔI TRƯỜNG THẾ GIỚI XANH

Ông (Bà): Ông Hồ Huy Cư Chức vụ : Giám đốc

Ông (Bà): Ông Võ Minh Khương Chức vụ : T.P. Thiết kế

5. Thời gian tiến hành nghiệm thu:

Bắt đầu: 8h30 ngày 01 tháng 10 năm 2009

Kết thúc: 11h30 ngày 01 tháng 10 năm 2009

Tại: Xã Tân Đông Hiệp, Huyện Dĩ An, Tỉnh Bình Dương

6. Đánh giá hạng mục công trình xây dựng, công trình xây dựng:

a. Tài liệu làm căn cứ để nghiệm thu;

- Hợp đồng thi công xây dựng công trình;

- Hồ sơ thiết kế bản vẽ thi công đã được duyệt;

- Tiêu chuẩn, quy phạm xây dựng được áp dụng: *Theo tiêu chuẩn, qui phạm, tài liệu chỉ dẫn kỹ thuật chuyên môn có liên quan đến đối tượng nghiệm thu hiện hành;*

- Bản vẽ hoàn công.

b. Về tiến độ xây dựng hạng mục, công trình:

- Ngày khởi công: 10/01/2009
- Ngày hoàn thành: 01/10/2009
- c. Về đặc điểm biện pháp để bảo vệ an toàn lao động, an toàn phòng nổ, phòng cháy, chống ô nhiễm môi trường và an toàn sử dụng: Đạt yêu cầu
- d. Khối lượng: Kèm theo bảng khối lượng công việc hoàn thành đạt yêu cầu.
- e. Về chất lượng hạng mục công trình xây dựng, công trình xây dựng: Đạt yêu cầu
- f. Những sửa đổi trong quá trình thi công so với thiết kế được duyệt: Không có
- g. Các ý kiến khác nếu có: Không có

7. Kết luận:

Đồng ý

8. Các bên tham gia nghiệm thu:



ĐD CHỦ ĐẦU TƯ
(Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ và đóng dấu)



ĐD TƯ VẤN THIẾT KẾ & THI CÔNG
(Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ và đóng dấu)

LIN CHIU JUNG

Các thành viên tham gia nghiệm thu: (Ký và ghi rõ họ tên)

- Ông: ... <u>Tuế Nguyễn Kiến</u> ...	Chữ ký: <u>[Signature]</u>
- Ông: <u>Võ Minh Phương</u>	Chữ ký: <u>[Signature]</u>
- Ông:	Chữ ký:
- Ông:	Chữ ký:

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bình Dương, ngày 08 tháng 01 năm 2018

**BIÊN BẢN KIỂM TRA NGHIỆM THU VÀ BÀN GIAO
HỆ THỐNG, THIẾT BỊ PHÒNG CHÁY VÀ CHỮA CHÁY**

Chủ đầu tư: Công ty TNHH Vina Chang Tai

Công trình: Nhà xưởng (17M x 42M)

Địa điểm xây dựng: 183/2A, Kp. Đông An, P. Tân Đông Hiệp, Tx. Dĩ An, T.

Bình Dương

Đơn vị thi công hệ thống PCCC: Công ty TNHH TM & KT PCCC Phú Thịnh.

Thành phần tham gia kiểm tra nghiệm thu và bàn giao:

*** Đại diện Chủ đầu tư: Công ty TNHH VINA CHANG TAI**

1. Ông: LIN CHIU JUNG - Chức vụ: Giám đốc

2. Ông: - Chức vụ:

*** Đại diện Đơn vị thi công xây dựng: Công ty TNHH Vĩnh Thành**

Kiến Nghiệp

1. Ông: WU YEONG JEN - Chức vụ: Phó giám đốc.

2. Ông: - Chức vụ:

*** Đại diện Đơn vị thi công hệ thống PCCC: Công ty TNHH TM & KT PCCC Phú Thịnh**

1. Bà: Lê Thị Hồng Thanh - Chức vụ: Giám đốc.

2. Ông: - Chức vụ:

Tài liệu làm căn cứ để kiểm tra nghiệm thu, bàn giao:

- Bản vẽ thiết kế thi công đã được chủ đầu tư phê duyệt và được cơ quan Cảnh sát Phòng cháy và chữa cháy thẩm duyệt.

- Các biên bản thử nghiệm và nghiệm thu kỹ thuật các hạng mục PCCC giữa chủ đầu tư và đơn vị thi công hệ thống PCCC.

- Hợp đồng giữa chủ đầu tư và đơn vị thi công hệ thống PCCC.

- Các tiêu chuẩn về PCCC, chống sét.

Thời gian bắt đầu: 15 giờ 45 phút.

Thời gian kết thúc: 16 giờ 45 phút.

**BẢNG KHỐI LƯỢNG THIẾT BỊ
KIỂM TRA NGHIỆM THU, BÀN GIAO**

A. HỆ THỐNG CHỮA CHÁY VÁCH TƯỜNG VÀ CHỮA CHÁY TỰ ĐỘNG SPRINKLER				
STT	VẬT TƯ - THIẾT BỊ	ĐVT	SL	Xuất xứ
1	Ống STK DN150- 3,96mm + Phụ kiện lắp đặt	Lô	1	Hòa Phát
2	Ống STK DN125- 3,96mm + Phụ kiện lắp đặt	Lô	1	Hòa Phát
3	Ống STK DN100- 2.9mm + Phụ kiện lắp đặt	Lô	1	Hòa Phát

4	Ống STK DN65 – 2.9mm + Phụ kiện lắp đặt	Lô	1	Hòa Phát
5	Ống STK DN50 – 2.9mm + Phụ kiện lắp đặt	Lô	1	Hòa Phát
6	Ống STK DN32 - 2.6mm + Phụ kiện lắp đặt	Lô	1	Hòa Phát
7	Ống STK DN25 - 2.6mm + Phụ kiện lắp đặt	Lô	1	Hòa Phát
8	Trụ chờ tiếp nước chữa cháy (2x65)	Trụ	1	Vn
9	Tủ chữa cháy vách tường 650x 450 x 220 (dày 1.0 ly)	Hộp	9	Vn
10	Cuộn vòi DN50 -L=20m + Khớp nối	Cuộn	9	Korea
11	Van chữa cháy DN50	Cái	9	Vn
12	Lăng phun B	Cái	9	Vn
13	Trụ chữa cháy ngoài nhà F114	Trụ	1	Vn
14	Tủ chữa cháy ngoài nhà 750x 550 x 220	Hộp	1	Vn
15	Cuộn vòi DN65 -L=20m + Khớp nối	Cuộn	2	Korea
16	Lăng phun A	Cái	3	Vn
17	Đầu phun Sprinkler - 68 độ C + Chụp che	Cái	162	China
18	Bình chữa cháy Co2-5Kg	Bình	36	China
19	Bình chữa cháy MF8-8Kg	Bình	36	China
20	Máy bơm chữa cháy động cơ điện: Q=240-660m ³ /h ; H = 79-46m	Máy	1	Ebara/Vn
21	Máy bơm chữa cháy Diesel: Q=240-660m ³ /h ; H = 79-46m	Máy	1	Ebara/Hyundai
22	Máy bơm duy trì áp lực có công suất Q=2.4-10.2m ³ /h; H = 123.8-61m	Máy	1	Pentax/Vn
23	Tủ điều khiển máy bơm tự động	Tủ	1	Vn
24	Phụ kiện lắp đặt cụm bơm (Van, co, tê, mặt bít...)	Lô	1	Vn
25	Tiêu lệnh nội quy	Bộ	9	Vn
26	Vật liệu phụ lắp đặt	Lô	1	Vn
B. HỆ THỐNG BÁO CHÁY TỰ ĐỘNG				
STT	VẬT TƯ - THIẾT BỊ	ĐVT	SL	Xuất xứ
1	Trung tâm báo cháy 10 kênh	Bộ	1	Taiwan
2	Chuông báo cháy	Cái	15	Taiwan
3	Nút nhấn khẩn	Cái	15	Taiwan
4	Đầu dò khói Beam thu+phát tín hiệu GST	Bộ	6	Anh/ China
5	Đèn Exit	Cái	7	China
6	Đèn chiếu sáng sự cố	Cái	17	China
7	Dây tín hiệu 4 x 0,50mm ²	Lô	1	Vn
8	Dây tín hiệu 2 x 0,75mm ²	Lô	1	Vn
9	Ống PVC Ø16,20	Lô	1	Vn
10	Vật liệu phụ + Co tê nối ống	Lô	1	
C. HỆ THỐNG CHỐNG SÉT				
STT	VẬT TƯ - THIẾT BỊ	ĐVT	SL	Xuất xứ
1	Kim thu sét Liva- R=73M	Kim	1	Thổ Nhĩ Kỳ

2	Trụ đỡ kim STK , H=5m	Trụ	1	Vn
3	Cáp đồng trần thoát sét 50mm2	Lô	1	Vn
4	Cọc tiếp địa mạ đồng D16x2400mm	Cọc	1	Vn
5	Hộp kiểm tra điện trở	Hộp	1	Vn
6	Khoan giếng tiếp địa	Hố	1	Vn
7	Bộ dây neo kim thu sét	Bộ	1	Vn
8	Ống PVC D32mm luồn dây	Lô	1	Vn
9	vật liệu phụ	Lô	1	Vn

Kết luận:

- Hệ thống, thiết bị PCCC tại công trình được lắp đặt đúng theo hợp đồng đã ký giữa chủ đầu tư và đơn vị thi công, đảm bảo theo bản vẽ thiết kế đã phê duyệt và các yêu cầu, kiến nghị của Cơ quan Cảnh sát Phòng cháy và chữa cháy.

- Hai bên thống nhất đồng ý nghiệm thu đưa các hệ thống PCCC vào sử dụng phục vụ cho công tác PCCC tại công trình.

Biên bản được lập thành 04 bản, mỗi bên liên quan giữ 01 bản có giá trị như nhau.

THÀNH PHẦN THAM GIA

CÔNG CHỨNG VIÊN

Đại diện chủ đầu tư

Công Ty TNHH Vina Chang Tai

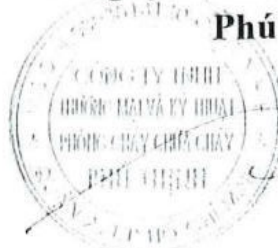


ĐD. Đơn vị thi công xây dựng
Công Ty TNHH Vĩnh Thành
Kiến Nghiệp



Xuân Jen

ĐD. Đơn vị thi công PCCC
Công ty TNHH TM & KT PCCC
Phú Thịnh



Phê Thị Hồng Thanh



PHỤ LỤC 3.2
NHẬT KÝ VẬN HÀNH
CÔNG TRÌNH

**SỔ THEO DÕI LƯU
LƯỢNG NƯỚC THẢI
NĂM 2024**

Ngày	Giờ	Chỉ số trước	Chỉ số sau	Lưu lượng	Ghi chú
01/01/2024	8h	#			
02/01/2024	8h	18013	18021	8	
03/01/2024	8h	18029	18029	8	
04/01/2024	8h	18038	18037	8	
05/01/2024	8h	18037	18045	8	
06/01/2023					
CN 07/01/2024					
08/01/2024	8h	18045	18052	7	
09/01/2024	8h	18052	18061	9	
10/01/2024	8h	18061	18071	10	
11/01/2024	8h	18071	18079	8	
12/01/2024	8h	18079	18089	10	
13/01/2024					
CN 14/01/2024					
15/01/2024	8h	18089	18096	7	
16/01/2024	8h	18096	18105	9	
17/01/2024	8h	18105	18115	10	
18/01/2024	8h	18115	18123	8	
19/01/2024	8h	18123	18132	9	
20/01/2024					
CN 21/01/2024					
22/01/2024	8h	18132	18140	8	
23/01/2024	8h	18140	18149	9	
24/01/2024	8h	18149	18157	8	
25/01/2024	8h	18157	18167	10	
26/01/2024	8h	18167	18176	9	
27/01/2024					
CN 28/01/2024					
29/01/2024	8h	18176	18183	7	
30/01/2024	8h	18183	18191	8	
31/01/2024	8h	18191	18198	7	

Ngày	Giờ	Chỉ số trước	Chỉ số sau	Lưu lượng	Ghi chú
01/02/2024	8h	18198	18207	9	
02/02/2024	8h	18207	18217	10	
03/02/2024					
CN 02/02/2024					
05/02/2024	8h	18217	18226	9	
06/02/2024	8h	18226	18236	10	
07/02/2024	8h	18236	18244	8	
08/02/2024					
09/02/2024					
10/02/2024					
CN 11/02/2024	ng/n				
12/02/2024					
13/02/2024					
14/02/2024					
15/02/2024	ng/n				
16/02/2024					
17/02/2024					
CN 18/02/2024					
19/02/2024					
20/02/2024					
21/02/2024					
22/02/2024	8h	18244	18251	7	
23/02/2024	8h	18251	18259	8	
24/02/2024					
CN 25/02/2024					
26/02/2024	8h	18259	18269	10	
27/02/2024	8h	18269	18277	8	
28/02/2024	8h	18277	18286	9	
29/02/2024	8h	18286	18294	8	

Ngày	Giờ	Chỉ số trước	Chỉ số sau	Lưu lượng	Ghi chú
01/03/2024	8h	18294	18304	10	
02/03/2024					
CN 03/03/2024					
04/03/2024	8h	18304	18313	9	
05/03/2024	8h	18313	18320	7	
06/03/2023	8h	18320	18327	7	
07/03/2023	8h	18327	18335	8	
08/03/2024	8h	18335	18343	8	
09/03/2024					
CN 10/03/2024					
11/03/2024	8h	18343	18350	7	
12/03/2024	8h	18350	18357	7	
13/03/2024	8h	18357	18363	6	
14/03/2024	8h	18363	18370	7	
15/03/2024	8h	18370	18376	6	
16/03/2024					
CN 17/03/2024					
18/03/2024	8h	18376	18381	5	
19/03/2024	8h	18381	18387	6	
20/03/2024	8h	18387	18393	6	
21/03/2024	8h	18393	18399	6	
22/03/2024	8h	18399	18405	6	
23/03/2024					
CN 24/03/2024					
25/03/2024	8h	18405	18410	5	
26/03/2024	8h	18410	18417	7	
27/03/2024	8h	18417	18423	6	
28/03/2024	8h	18423	18430	7	
29/03/2024	8h	18430	18436	6	
30/03/2024					
CN 31/03/2024					

Ngày	Giờ	Chỉ số trước	Chỉ số sau	Lưu lượng	Ghi chú
01/04/2024	8h	18436	18441	5	
02/04/2024	8h	18441	18447	6	
03/04/2024	8h	18447	18453	6	
04/04/2024	8h	18453	18460	7	
05/04/2024	8h	18460	18465	5	
06/04/2024					
CN 07/04/2024					
08/04/2024	8h	18465	18471	6	
09/04/2024	8h	18471	18477	6	
10/04/2024	8h	18477	18484	7	
11/04/2024	8h	18484	18490	6	
12/04/2024	8h	18490	18497	7	
13/04/2024					
CN 14/04/2024					
15/04/2024	8h	18497	18503	6	
16/04/2024	8h	18503	18510	7	
17/04/2024	8h	18510	18515	5	
18/04/2024	8h	18515	18520	5	
19/04/2024	8h	18520	18526	6	
20/04/2024					
CN 21/04/2024					
22/04/2024	8h	18526	18532	6	
23/04/2024	8h	18532	18539	7	
24/04/2024	8h	18539	18546	7	
25/04/2024	8h	18546	18551	5	
26/04/2024	8h	18551	18557	6	
27/04/2024					
CN 28/04/2024					
29/04/2024	ngủ				
30/04/2024	lễ				

Ngày	Giờ	Chỉ số trước	Chỉ số sau	Lưu lượng	Ghi chú
01/05/2024					
02/05/2024	8h	18557	18563	6	
03/05/2024	8h	18563	18570	7	
04/05/2024					
CN 05/05/2024					
06/05/2024	8h	18570	18575	5	
07/05/2024	8h	18575	18581	6	
08/05/2024	8h	18581	18587	6	
09/05/2024	8h	18587	18593	6	
10/05/2024	8h	18593	18599	6	
11/05/2024					
CN 12/05/2024					
13/05/2024	8h	18599	18604	5	
14/05/2024	8h	18604	18610	6	
15/05/2024	8h	18610	18616	6	
16/05/2024	8h	18616	18621	5	
17/05/2024	8h	18621	18627	6	
18/05/2024					
CN 19/05/2024					
20/05/2024	8h	18627	18633	6	
21/05/2024	8h	18633	18640	7	
22/05/2024	8h	18640	18646	6	
23/05/2024	8h	18646	18651	5	
24/05/2024	8h	18651	18657	6	
25/05/2024					
CN 26/05/2024					
27/05/2024	8h	18657	18663	6	
28/05/2024	8h	18663	18670	7	
29/05/2024	8h	18670	18676	6	
30/05/2024	8h	18676	18682	6	
31/05/2024	8h	18682	18687	5	

Ngày	Giờ	Chỉ số trước	Chỉ số sau	Lưu lượng	Ghi chú
01/06/2024					
CN 02/06/2024					
03/06/2024	8h	18688	18692	5	
04/06/2024	8h	18692	18698	6	
05/06/2024	8h	18698	18704	6	
06/06/2024	8h	18704	18710	6	
07/06/2024	8h	18710	18717	7	
08/06/2024					
CN 09/06/2024					
10/06/2024	8h	18717	18723	6	
11/06/2024	8h	18723	18729	6	
12/06/2024	8h	18729	18735	6	
13/06/2024	8h	18735	18740	5	
14/06/2024	8h	18740	18746	6	
15/06/2024					
CN 16/06/2024					
17/06/2024	8h	18746	18750	6	
18/06/2024	8h	18750	18756	6	
19/06/2024	8h	18756	18762	6	
20/06/2024	8h	18762	18769	7	
21/06/2024	8h	18769	18775	6	
22/06/2024					
CN 23/06/2024					
24/06/2024	8h	18775	18780	5	
25/06/2024	8h	18780	18786	6	
26/06/2024	8h	18786	18792	6	
27/06/2024	8h	18792	18799	7	
28/06/2024	8h	18799	18805	6	
29/06/2024					
CN 30/06/2024					

Ngày	Giờ	Chỉ số trước	Chỉ số sau	Lưu lượng	Ghi chú
01/07/2024	8h	18705	18711	6	
02/07/2024	8h	18711	18716	5	
03/07/2024	8h	18716	18721	5	
04/07/2024	8h	18721	18727	6	
05/07/2024	8h	18727	18733	6	
06/07/2024	/				
CN 07/07/2024					
08/07/2024	8h	18733	18738	5	
09/07/2024	8h	18738	18744	6	
10/07/2024	8h	18744	18750	6	
11/07/2024	8h	18750	18755	5	
12/07/2024	8h	18755	18760	5	
13/07/2024	/				
CN 14/07/2024					
15/07/2024	8h	18760	18765	5	
16/07/2024	8h	18765	18770	5	
17/07/2024	8h	18770	18776	6	
18/07/2024	8h	18776	18781	5	
19/07/2024	8h	18781	18786	5	
20/07/2024	/				
CN 21/07/2024					
22/07/2024	8h	18786	18791	5	
23/07/2024	8h	18791	18796	5	
24/07/2024	8h	18796	18801	5	
25/07/2024	8h	18801	18807	6	
26/07/2024	8h	18807	18812	5	
27/07/2024	/	18817			
CN 28/07/2024					
29/07/2024	8h	18818	18818	6	
30/07/2024	8h	18818	18823	5	
31/07/2024	8h	18823	18829	6	

Ngày	Giờ	Chỉ số trước	Chỉ số sau	Lưu lượng	Ghi chú
01/08/2024	8h	18829	18834	5	
02/08/2024	8h	18834	18840	6	
03/08/2024					
CN 04/08/2024					
05/08/2024	8h	18840	18846	6	
06/08/2024	8h	18846	18851	5	
07/08/2024	8h	18851	18856	5	
08/08/2024	8h	18856	18861	5	
09/08/2024	8h	18861	18866	5	
10/08/2024	/				
CN 11/08/2024					
12/08/2024	8h	18866	18871	5	
13/08/2024	8h	18871	18877	6	
14/08/2024	8h	18877	18883	6	
15/08/2024	8h	18883	18889	6	
16/08/2024	8h	18889	18894	5	
17/08/2024	/				
CN 18/08/2024					
19/08/2024	8h	18894	18899	5	
20/08/2024	8h	18899	18905	6	
21/08/2024	8h	18905	18911	6	
22/08/2024	8h	18911	18916	5	
23/08/2024	8h	18916	18921	5	
24/08/2024	/				
CN 25/08/2024					
26/08/2024	8h	18921	18927	6	
27/08/2024	8h	18927	18932	5	
28/08/2024	8h	18932	18938	6	
29/08/2024	8h	18938	18944	6	
30/08/2024	8h	18944	18950	6	
31/08/2024	/				

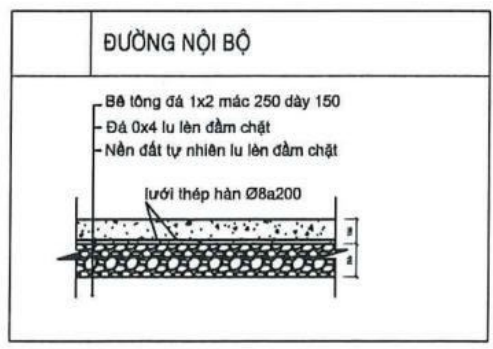
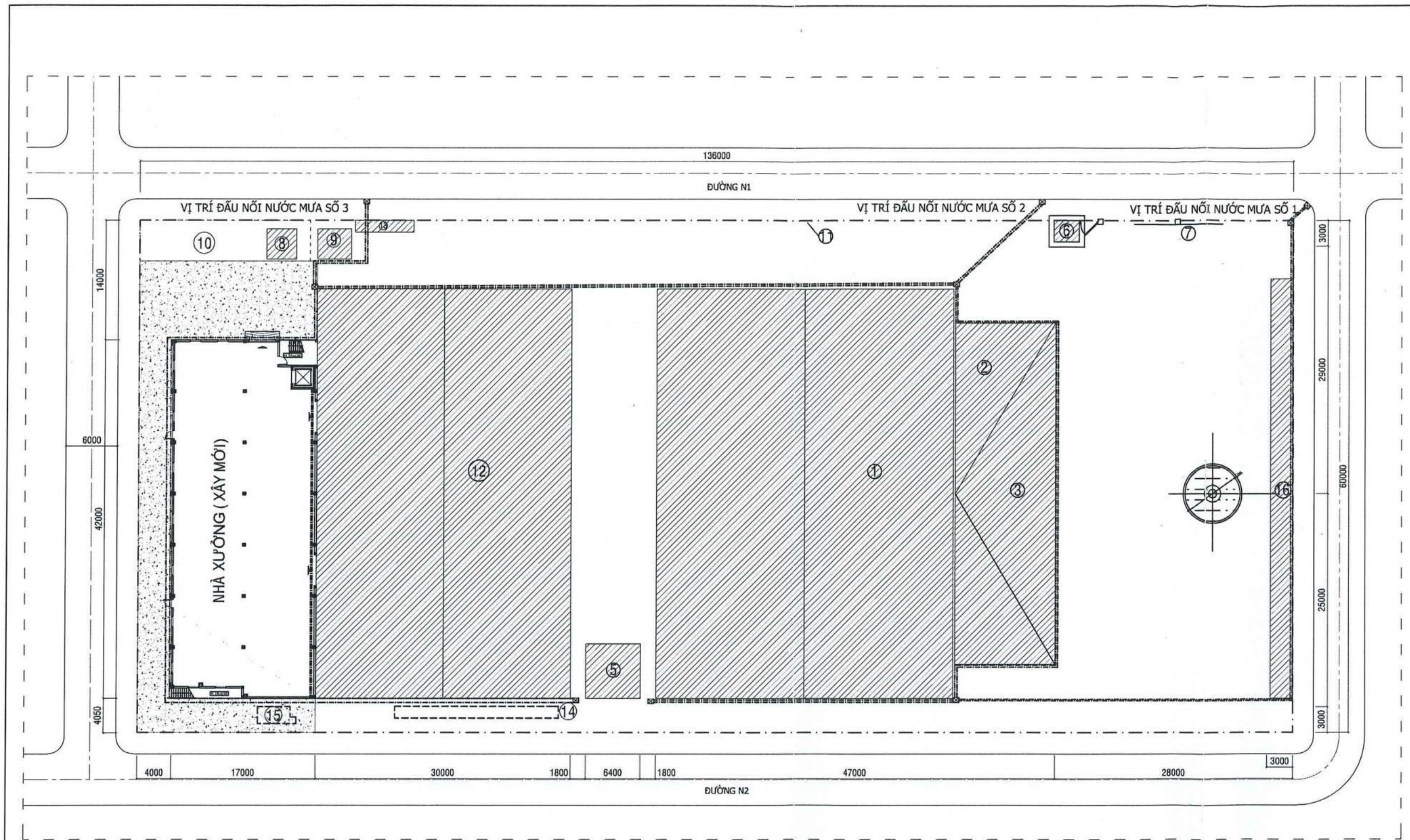
Ngày	Giờ	Chỉ số trước	Chỉ số sau	Lưu lượng	Ghi chú
CN 01/09/2024	/				
02/09/2024	/				
03/09/2024	/				
04/09/2024	8h	18950	18955	5	
05/09/2024	8h	18955	18960	5	
06/09/2024	8h	18960	18965	5	
07/09/2024	/				
CN 08/09/2024					
09/09/2024	8h	18965	18971	6	
10/09/2024	8h	18971	18976	5	
11/09/2024	8h	18976	18982	6	
12/09/2024	8h	18982	18987	5	
13/09/2024	8h	18987	18993	6	
14/09/2024	/				
CN 15/09/2024					
16/09/2024	8h	18993	18998	5	
17/09/2024	8h	18998	19003	5	
18/09/2024	8h	19003	19009 19009	6	
19/09/2024	8h	19009	19014 19014	5	
20/09/2024	8h	19014	19019 19019	5	
21/09/2024	/				
CN 22/09/2024					
23/09/2024	8h	19019	19025 19025	6	
24/09/2024	8h	19025	19030 19030	5	
25/09/2024	8h	19030	19035 19035	5	
26/09/2024	8h	19035	19041 19041	5	
27/09/2024	8h	19041	19046 19046	5	
28/09/2024	/				
CN 29/09/2024					
30/09/2024	8h	19046	19052 19052	6	

Ngày	Giờ	Chỉ số trước	Chỉ số sau	Lưu lượng	Ghi chú
01/10/2024	8h	19052	19058	6	
02/10/2024	8h	19058	19064	6	
03/10/2024	8h	19064	19070	6	
04/10/2024	8h	19070	19075	5	
05/10/2024					
CN 06/10/2024					
07/10/2024	8h	19075	19080	5	
08/10/2024	8h	19080	19086	6	
09/10/2024	8h	19086	19092	6	
10/10/2024	8h	19092	19097	5	
11/10/2024	8h	19097	19103	6	
12/10/2024					
CN 13/10/2024					
14/10/2024	8h	19103	19120	7	
15/10/2024	8h	19120	19126	6	
16/10/2024	8h	19126	19131	5	
17/10/2024	8h	19131	19136	5	
18/10/2024	8h	19136	19142	6	
19/10/2024					
CN 20/10/2024					
21/10/2024	8h	19142	19148	6	
22/10/2024	8h	19148	19153	5	
23/10/2024	8h	19153	19160	7	
24/10/2024	8h	19160	19166	6	
25/10/2024	8h	19166	19172	6	
26/10/2024		19172	19177		
CN 27/10/2024					
28/10/2024	8h	19177	19182	5	
29/10/2024	8h	19182	19188	6	
30/10/2024	8h	19188	19194	6	
31/10/2024	8h	19194	19199	5	

Ngày	Giờ	Chỉ số trước	Chỉ số sau	Lưu lượng	Ghi chú
01/11/2024	8h	19199	19204	5	
02/11/2024		19204	19209	5	
CN 03/11/2024					
04/11/2024	8h	19209	19215	6	
05/11/2024	8h	19215	19220	5	
06/11/2024	8h	19220	19226	6	
07/11/2024	8h	19226	19231	5	
08/11/2024	8h	19231	19236	5	
09/11/2024					
CN 10/11/2024					
11/11/2024	8h	19236	19240	4	
12/11/2024	8h	19240	19245	5	
13/11/2024	8h	19245	19250	5	
14/11/2024	8h	19250	19256	6	
15/11/2024	8h	19256	19261	5	
16/11/2024					
CN 17/11/2024					
18/11/2024	8h	19261	19266	5	
19/11/2024	8h	19266	19271	5	
20/11/2024	8h	19271	19277	6	
21/11/2024	8h	19277	19282	5	
22/11/2024	8h	19282	19288	6	
23/11/2024					
CN 24/11/2024					
25/11/2024	8h	19288	19293	5	
26/11/2024	8h	19293	19298	5	
27/11/2024	8h	19298	19304	6	
28/11/2024	8h	19304	19310	6	
29/11/2024	8h	19310	19315	5	
30/11/2024					

Ngày	Giờ	Chỉ số trước	Chỉ số sau	Lưu lượng	Ghi chú
CN 01/12/2024					
02/12/2024	8h	19315	19320	5	
03/12/2024	8h	19320	19325	5	
04/12/2024	8h	19325	19331	6	
05/12/2024	8h	19331	19336	5	
06/12/2024	8h	19336	19341	5	
07/12/2024					
CN 08/12/2024					
09/12/2024	8h	19341	19347	6	
10/12/2024	8h	19347	19352	5	
11/12/2024	8h	19352	19358	6	
12/12/2024	8h	19358	19364	6	
13/12/2024	8h	19364	19370	6	
14/12/2024					
CN 15/12/2024					
16/12/2024	8h	19370	19375	5	
17/12/2024	8h	19375	19380	5	
18/12/2024	8h	19380	19386	6	
19/12/2024	8h	19386	19392	6	
20/12/2024	8h	19392	19397	5	
21/12/2024					
CN 22/12/2024					
23/12/2024	8h	19397	19402	5	
24/12/2024	8h	19402	19407	5	
25/12/2024	8h	19407	19413	6	
26/12/2024	8h	19413	19418	5	
27/12/2024	8h	19418	19423	5	
28/12/2024					
CN 29/12/2024					
30/12/2024	8h	19423	19429	6	
31/12/2024	8h	19429	19435	6	

PHỤ LỤC 4
BẢN VẼ HOÀN CÔNG

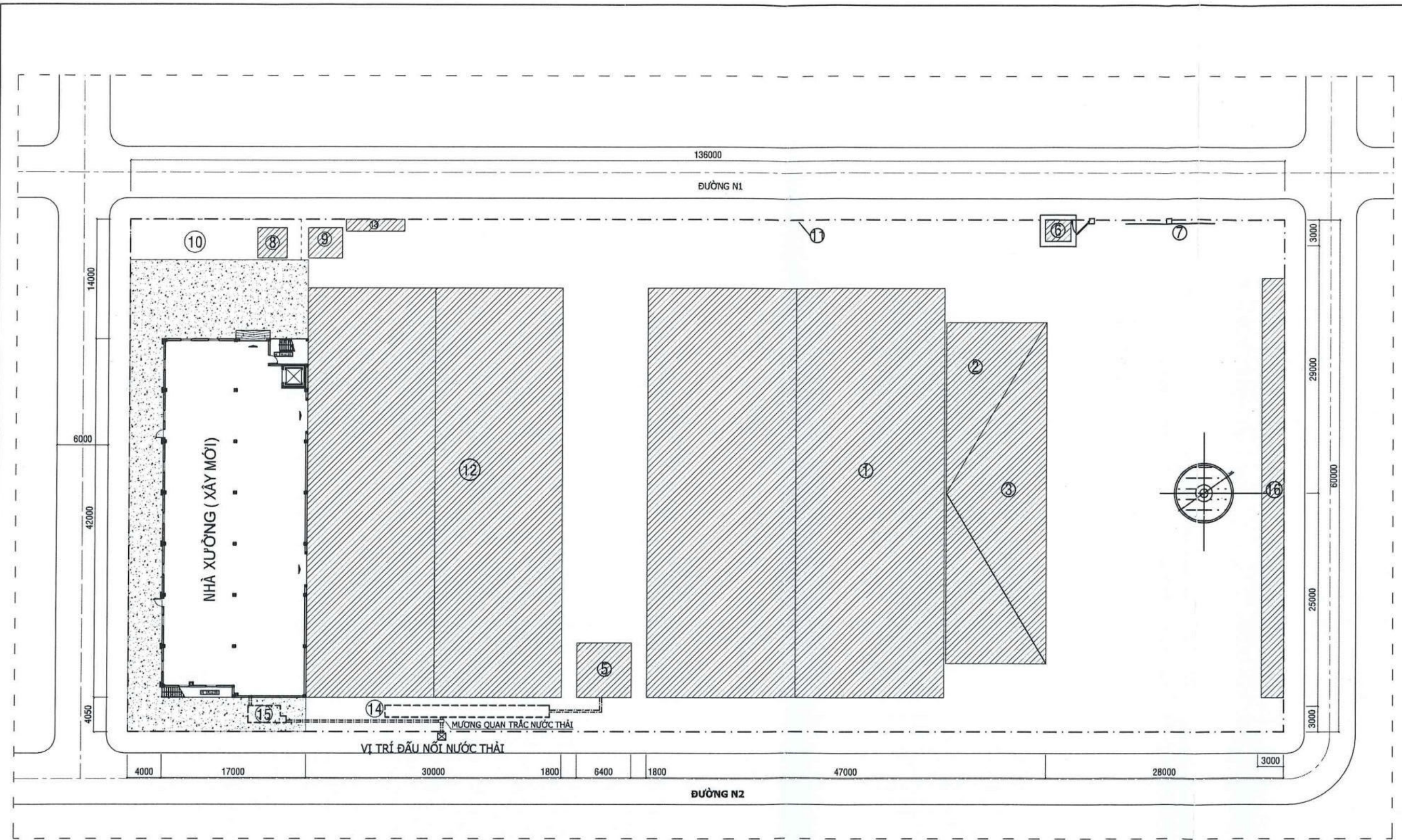


MẶT BẰNG TỔNG THỂ THOÁT NƯỚC MƯA

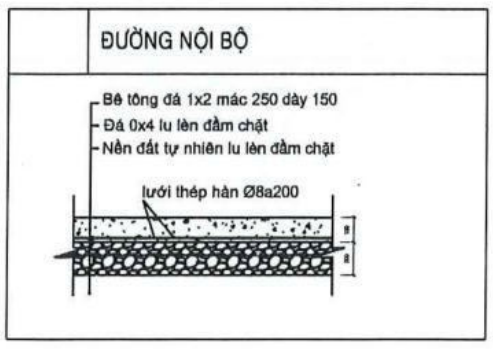
GHI CHÚ:

- | | | | | |
|--------------------|---------------------------|-------------------|---|----------------------|
| ① - NHÀ XƯỞNG | ⑤ - NHÀ VỆ SINH CÔNG NHÂN | ⑧ - TRẠM BIẾN THỂ | ⑪ - TƯỜNG RÀO | ⑭ - HTXLNT 50M3/NGÀY |
| ② - KHỐI VẮN PHÒNG | ⑥ - NHÀ BẢO VỆ | ⑨ - MÁY PHÁT ĐIỆN | ⑫ - NHÀ XƯỞNG (30X48)m | ⑮ - HTXLNT 20M3/NGÀY |
| ③ - KHỐI NGHỈ | ⑦ - CỐNG RÀO | ⑩ - HỒ NƯỚC PCCC | ⑬ - KHU CHỨA CHẤT THẢI RẮN,
CHẤT THẢI NGUY HẠI | ⑯ - NHÀ XE |

HỒ SƠ HOÀN CÔNG	
CHỦ ĐẦU TƯ Owner	
CÔNG TY TNHH VINA CHANGTAI	
GIÁM ĐỐC Director	
TỈNH BÌNH DƯƠNG	
DỰ ÁN	
NHÀ MÁY SẢN XUẤT QUẦN ÁO LỘT PHỤ NỮ	
ĐỊA ĐIỂM Location	
TÂN ĐỒNG HIỆP, DĨ AN, TỈNH BÌNH DƯƠNG	
Mục Dịch Phát Hành Issued For	
Thiết Kế Sơ Bộ	☐ Preliminary
Xin Phép	☒ Ask Permission
Thi Công	☐ Construction
Hiệu Chính Revision	
Ngày Date	Thay Đổi Change
CÔNG TRÌNH:	
NHÀ XƯỞNG	
ĐƠN VỊ: TÂN ĐỒNG HIỆP, DĨ AN, TỈNH BÌNH DƯƠNG	
HẠNG MỤC:	
TỔNG THỂ	
TÊN BẢN VẼ:	
MẶT BẰNG TỔNG THỂ THOÁT NƯỚC MƯA	
Số Hiệu : Sheet	TT-01



HỒ SƠ HOÀN CÔNG	
CHỦ ĐẦU TƯ Owner	
CÔNG TY TNHH VINA CHANGTAI	
GIÁM ĐỐC Director	
DỰ ÁN	
NHÀ MÁY SẢN XUẤT QUẦN ÁO LỘT PHỤ NỮ	
ĐỊA ĐIỂM Location	
TÂN ĐÔNG HIỆP, DĨ AN, TỈNH BÌNH DƯƠNG	
Mục Dích Phát Hành Issued For	
Thiết Kế Sơ Bộ	☐ Preliminary
Xin Phép	☒ Ask Permission
Thi Công	☐ Construction
Hiệu Chính Revision	
Ngày Date	Thay Đổi Change
CÔNG TRÌNH:	
NHÀ XỬ LÝ	
ĐƠN VỊ: TÂN ĐÔNG HIỆP, DĨ AN, TỈNH BÌNH DƯƠNG	
HẠNG MỤC:	
TỔNG THỂ	
TÊN BẢN VẼ:	
MẶT BẰNG TỔNG THỂ THOÁT NƯỚC THẢI	
Số Hiệu: Sheet	TT-01



MẶT BẰNG TỔNG THỂ THOÁT NƯỚC THẢI

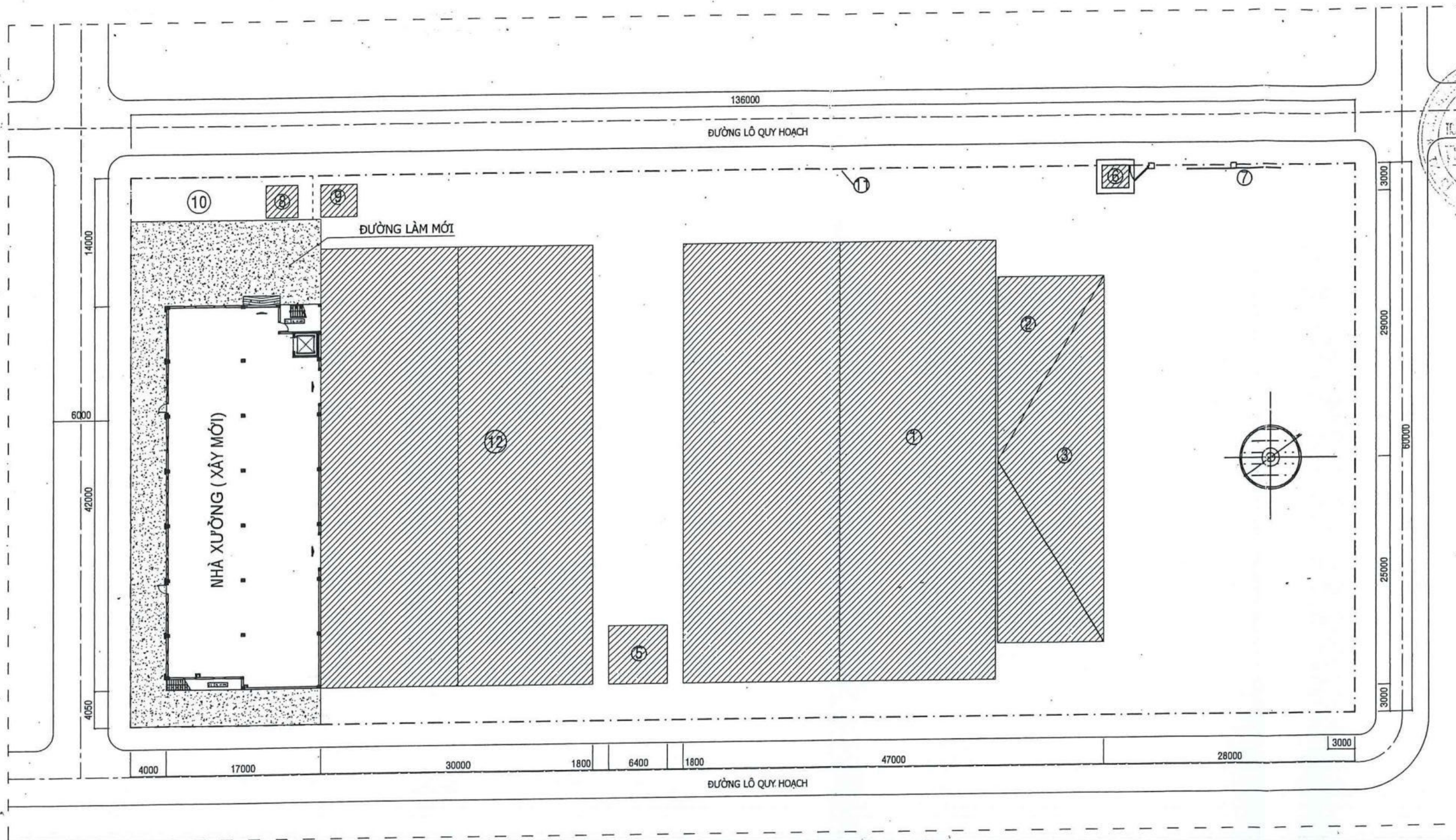
GHI CHÚ:

- | | | | | |
|--------------------|---------------------------|-------------------|---|----------------------|
| ① - NHÀ XỬ LÝ | ⑤ - NHÀ VỆ SINH CÔNG NHÂN | ⑧ - TRẠM BIẾN THỂ | ⑪ - TƯỜNG RÀO | ⑭ - HTXLNT 50M3/NGÀY |
| ② - KHỐI VẬN PHÒNG | ⑥ - NHÀ BẢO VỆ | ⑨ - MÁY PHÁT ĐIỆN | ⑫ - NHÀ XỬ LÝ (30X48)m | ⑮ - HTXLNT 20M3/NGÀY |
| ③ - KHỐI NGHỈ | ⑦ - CỐNG RÀO | ⑩ - HỒ NƯỚC PCCC | ⑬ - KHU CHỨA CHẤT THẢI RẮN,
CHẤT THẢI NGUY HẠI | ⑯ - NHÀ XE |

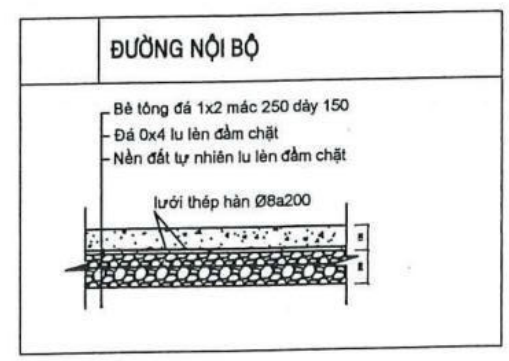
BẢN VẼ HOÀN CÔNG

CÔNG TRÌNH : NHÀ XƯỞNG CÔNG TY TNHH VINA CHANG TẠI

ĐỊA ĐIỂM : TÂN ĐÔNG HIỆP - DĨ AN - BÌNH DƯƠNG



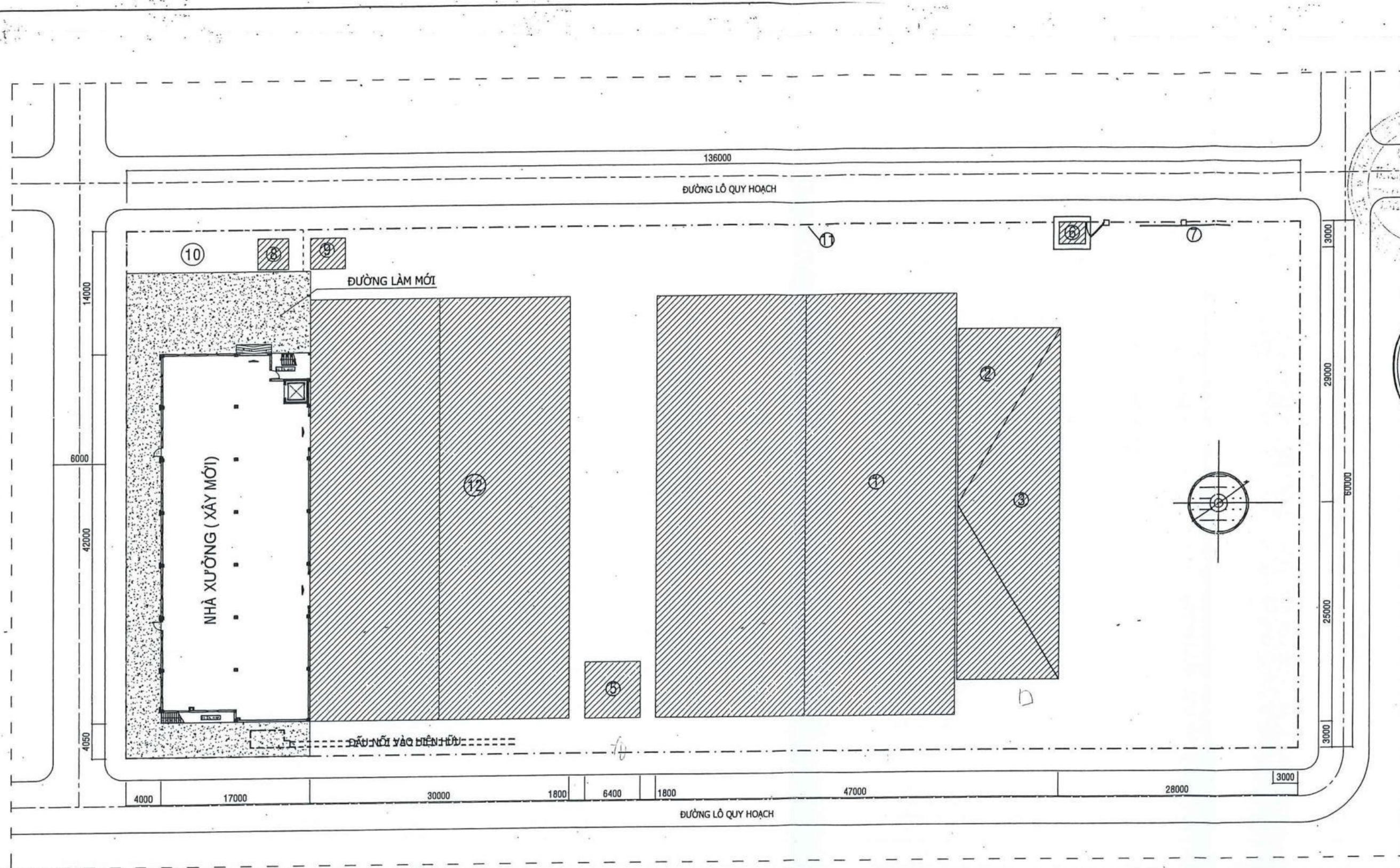
MẶT BẰNG TỔNG THỂ



GHI CHÚ:

- | | | | |
|--------------------|---------------------------|-------------------|------------------------|
| ① - NHÀ XƯỞNG | ⑤ - NHÀ VỆ SINH CÔNG NHÂN | ⑦ - CỔNG RÀO | ⑩ - HỒ NƯỚC PCCC |
| ② - KHỐI VĂN PHÒNG | ⑥ - NHÀ BẢO VỆ | ⑧ - TRẠM BIẾN THỂ | ⑪ - TƯỜNG RÀO |
| ③ - KHỐI NGHỈ | | ⑨ - MÁY PHÁT ĐIỆN | ⑫ - NHÀ XƯỞNG (30X48)m |

HỒ SƠ THIẾT KẾ	
CHỦ ĐẦU TƯ Owner	
CÔNG TY TNHH VINA CHANG TAI	
GIÁM ĐỐC Director	
ĐƠN VỊ THI CÔNG LIN CHU JUNG	
CÔNG TY TNHH VINH THÀNH NGHIỆP	
M.S.D.N: 3702481ud.2.C.TINH	
CÔNG TY TNHH VINH THÀNH NGHIỆP	
THAY ĐỔI Director	
THIẾT KẾ	
KTS. NGUYỄN HOÀNG QUÂN	
QUẢN LÝ KỸ THUẬT	
KTS. CAO VĂN NGHĨA	
Mục Dích Phát Hành Issued For	
Thiết Kế Sơ Bộ ☐ Preliminary	
Xin Phép ☒ Ask Permission	
Thi Công ☐ Construction	
Hiệu Chính Revision	
Ngày Date	Thay Đổi Change
CÔNG TRÌNH:	
NHÀ XƯỞNG	
TỔNG THỂ	
TÊN BẢN VẼ:	
MẶT BẰNG TỔNG THỂ	
Số Hiệu: Sheet	TT-01



GHI CHÚ:

① - NHÀ XƯỞNG

② - KHỐI VĂN PHÒNG

③ - KHỐI NGHỈ

MẶT BẰNG TỔNG THỂ
THOÁT NƯỚC THẢI

⑤ - NHÀ VỆ SINH CÔNG NHÂN

⑥ - NHÀ BẢO VỆ

⑦ - CỔNG RÀO

⑧ - TRẠM BIẾN THÉ

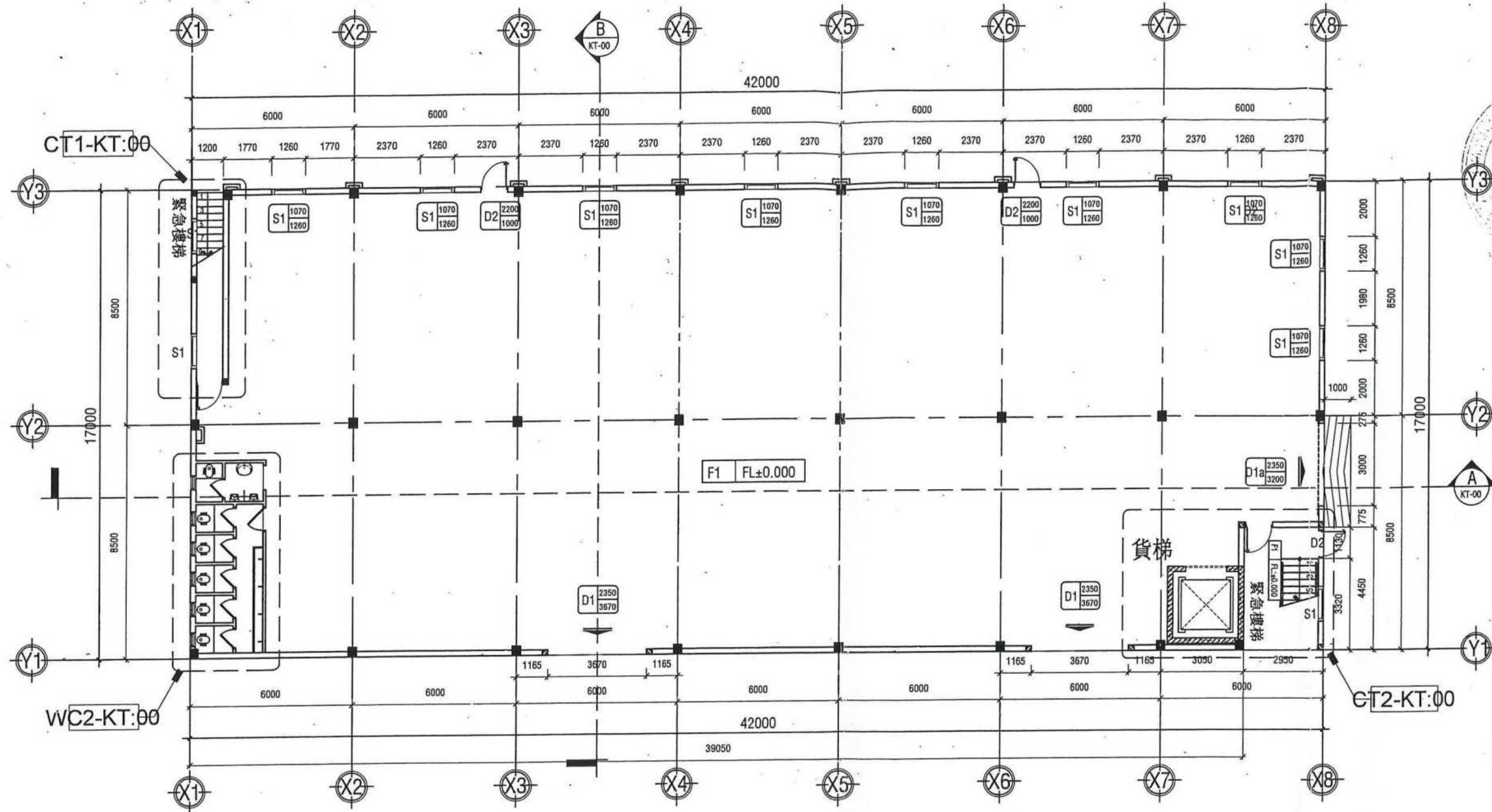
⑨ - MÁY PHÁT ĐIỆN

⑩ - HỒ NƯỚC PCCC

⑪ - TƯỜNG RÀO

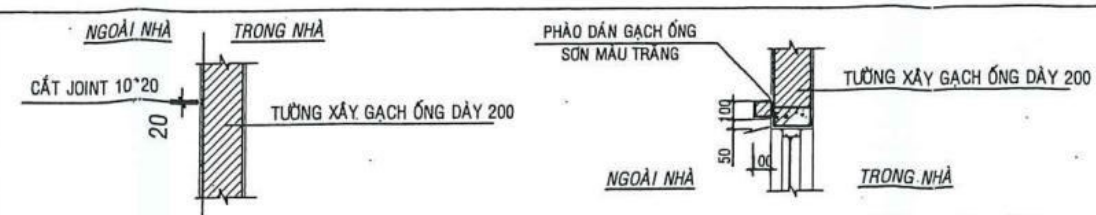
⑫ - NHÀ XƯỞNG (30X48)m

HỒ SƠ HOÀN CÔNG	
CHỦ ĐẦU TƯ Owner	
CÔNG TY TNHH VINA CHANG TAI	
GIÁM ĐỐC Director	
LƯU CHỮ JUNG	
ĐƠN VỊ THI CÔNG	
CÔNG TY TNHH VINH THÀNH NGHIỆP	
GIÁM ĐỐC Director	
KIẾN THẠNH	
THIẾT KẾ	
KTS. NGUYỄN HOÀNG QUÂN	
QUẢN LÝ KỸ THUẬT	
KTS. CAO VĂN NGHĨA	
Mục Dích Phát Hành Issued For	
Thiết Kế Sơ Bộ ☐ Preliminary	
Xin Phép ☒ Ask Permission	
Thi Công ☐ Construction	
Hiệu Chính Revision	
Ngày Date	Thay Đổi Change
CÔNG TRÌNH:	
NHÀ XƯỞNG	
HANG MỤC:	
TỔNG THỂ	
TÊN BẢN VẼ:	
MẶT BẰNG TỔNG THỂ THOÁT NƯỚC THẢI	
Số Hiệu: Sheet	TT-005

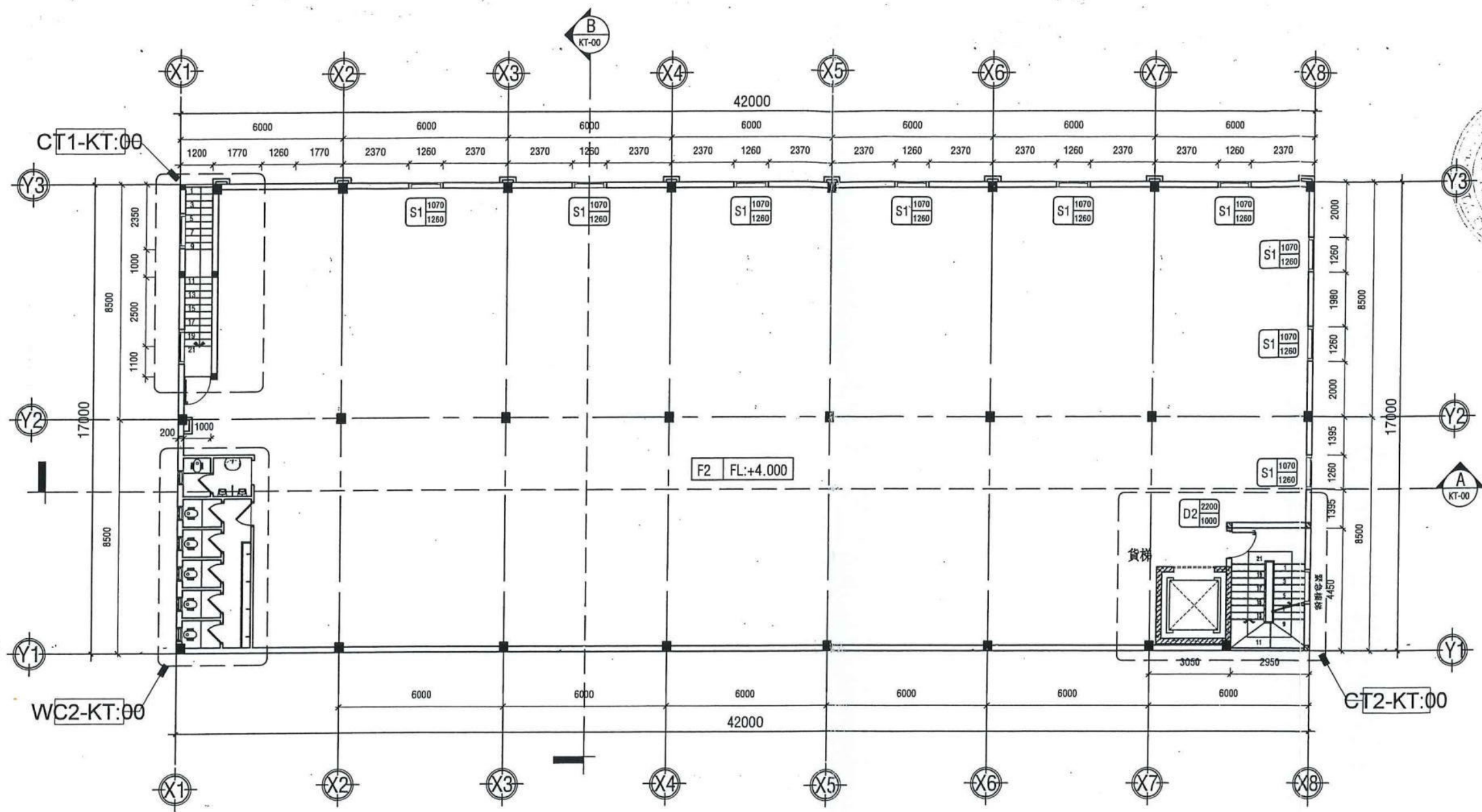


MẶT BẰNG TRỆT.TL:1/100
一樓平面圖

- Legend:
- TS: 1. TƯỜNG SƠN NƯỚC HOÀN THIỆN
 - TK: 2. PHẦN TƯỜNG GIÁP KHU XƯỞNG HIỆN HỮU
 - MT: 3. MÃI LỢP TOLE MẠ KẼM, DÂY 0.45MM

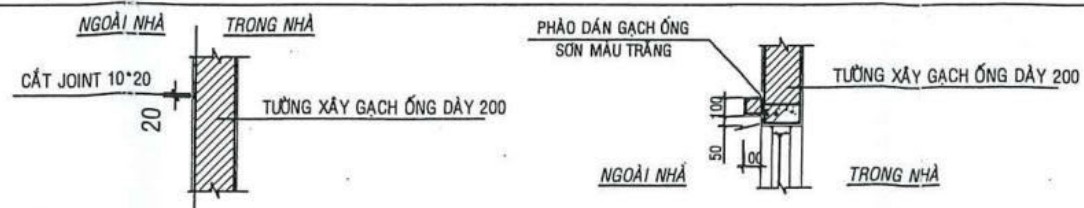


HỒ SƠ HOÀN CÔNG	
CHỦ ĐẦU TƯ Owner	
CÔNG TY TNHH VINA CHANG TAI	
GIÁM ĐỐC Director	
BỘ VỊ THI CÔNG LIN CHIU JUNG	
CÔNG TY TNHH VINH THÀNH NGHIỆP	
M.S.D.N: 3702461042.C.T.NH	
GIÁM ĐỐC Director	
VĨNH THÀNH KIẾN NGHỆP	
THIẾT KẾ	
KTS. NGUYỄN HOÀNG QUÂN	
QUẢN LÝ KỸ THUẬT	
KTS. CAO VĂN NGHĨA	
Mục Đích Phát Hành Issued For	
Thiết Kế Sơ Bộ ☐ Preliminary	
Xin Phép ☒ Ask Permission	
Thi Công ☐ Construction	
Hiệu Chính Revision	
Ngày Date	Thay Đổi Change
CÔNG TRÌNH:	
NHÀ XƯỞNG	
BỀ: TẦNG ĐỒNG HỢP, THỊ XÃ CỎ AN, TỈNH BÌNH DƯƠNG	
HANG MỤC:	
NHÀ XƯỞNG	
TÊN BẢN VẼ:	
MẶT BẰNG TRỆT	
Số Hiệu: Sheet	



MẶT BẰNG LẦU 1.TL:1/100
二樓平面圖

- TS 1. TƯỜNG SƠN NƯỚC HOÀN THIỆN
TK 2. PHẦN TƯỜNG GIÁP KHU XƯỞNG HIỆN HỮU
MT 3. MÁI LỢP TOLE MẠ KÉM, DÀY 0.45MM



HỒ SƠ HOÀN CÔNG

CHỦ ĐẦU TƯ
Owner

CÔNG TY TNHH
VINA CHANG TAI

GIÁM ĐỐC
Director

ĐƠN VỊ THI CÔNG
LIN CHU JUNG

CÔNG TY TNHH VINH
THÀNH NGHIỆP

TRƯỞNG ĐỐC
Director

VINH THẠNH
KIẾN NGHỊP

THIẾT KẾ

KTS. NGUYỄN HOÀNG QUÂN

QUẢN LÝ KỸ THUẬT

KTS. CAO VĂN NGHĨA

Mục Dích Phát Hành

Issued For

Thiết Kế Sơ Bộ

☐ Preliminary

Xin Phép

☒ Ask Permission

Thi Công

☐ Construction

Hiệu Chính

Revision

Ngày

Date

Thay Đổi

Change

CÔNG TRÌNH:

NHÀ XƯỞNG

ĐƠN VỊ THI CÔNG: TÂN ĐÔNG HỢP, THỊ XÃ CỐ AN, TỈNH BÌNH DƯƠNG

HÀNG MỤC:

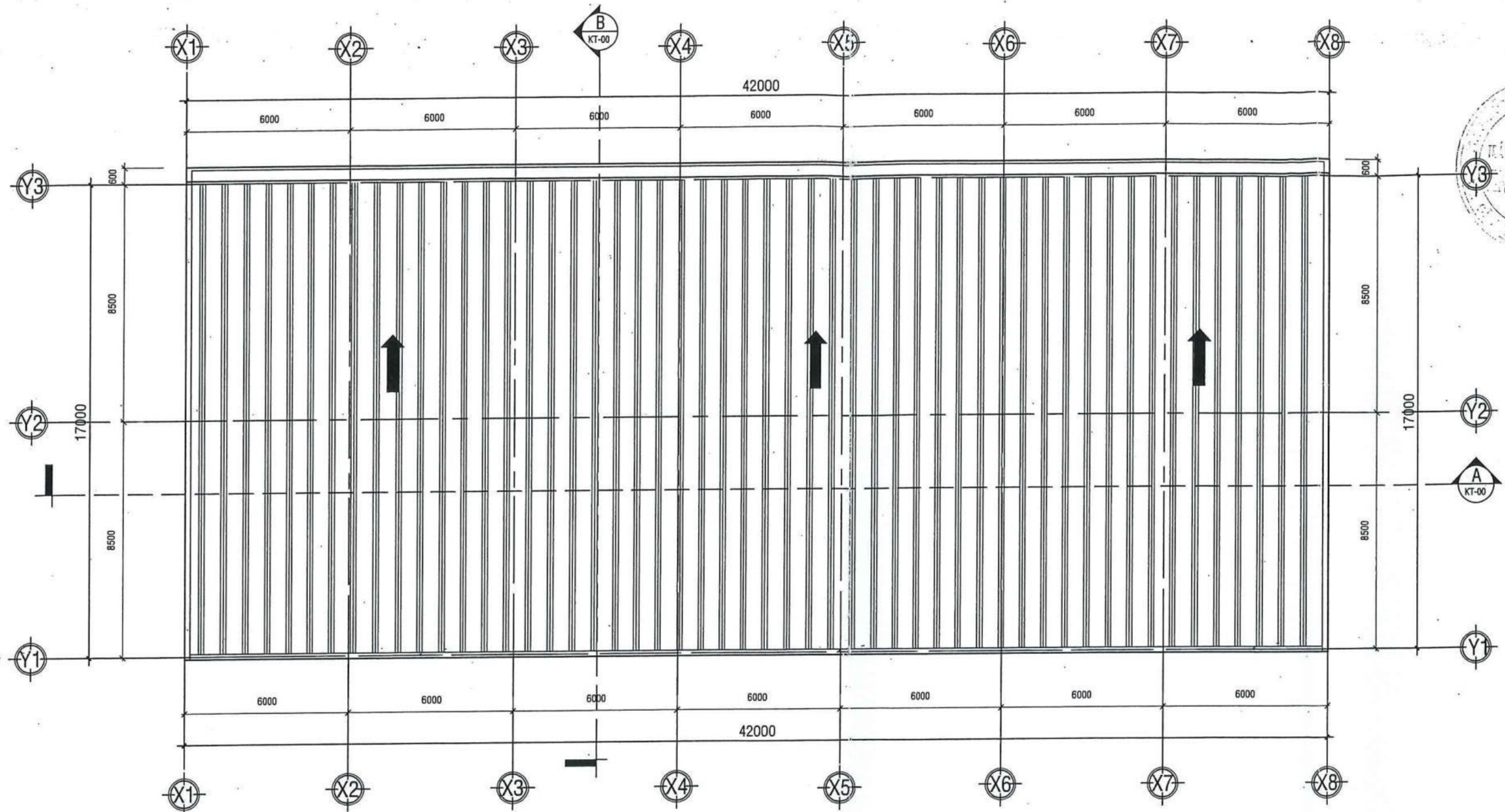
NHÀ XƯỞNG

TÊN BẢN VẼ:

MẶT BẰNG LẦU 1

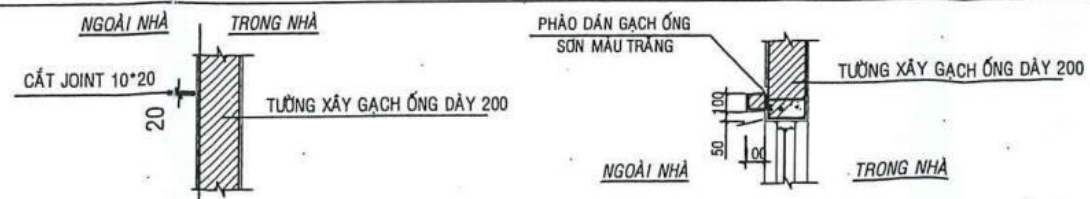
Số Hiệu:

Sheet

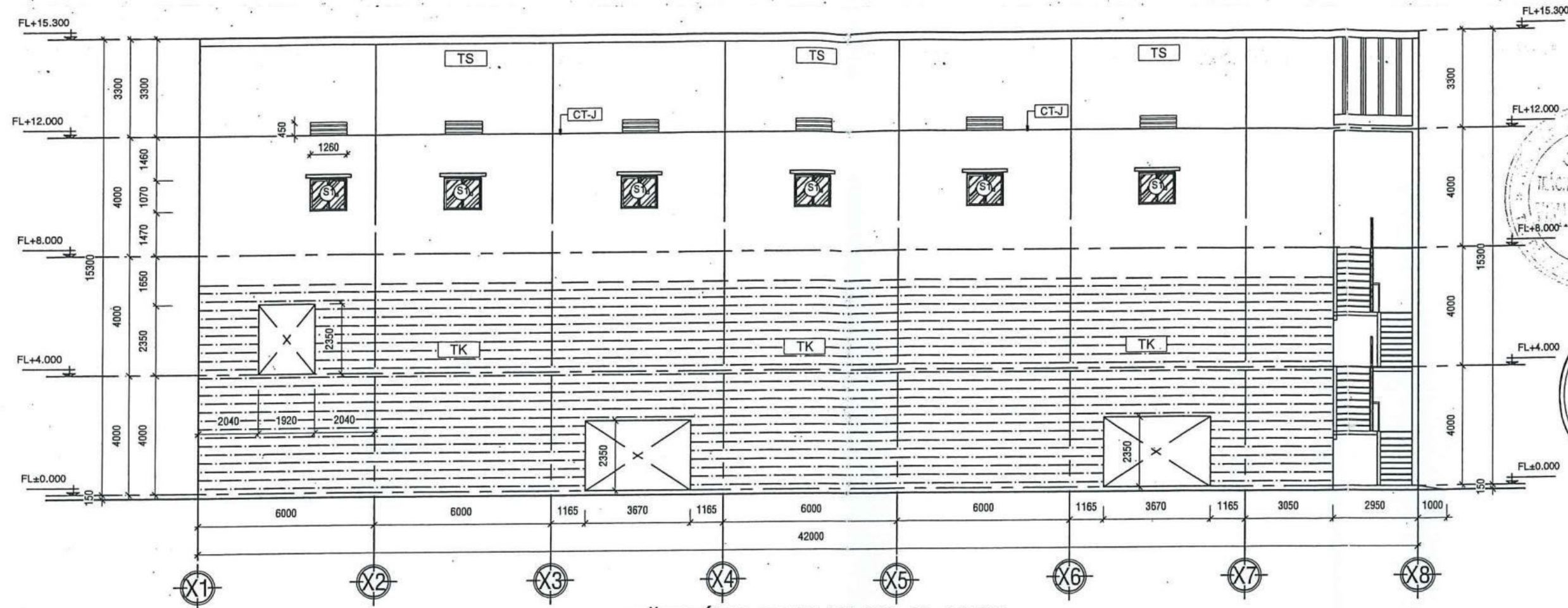


MẶT BẰNG MÁI.TL:1/100

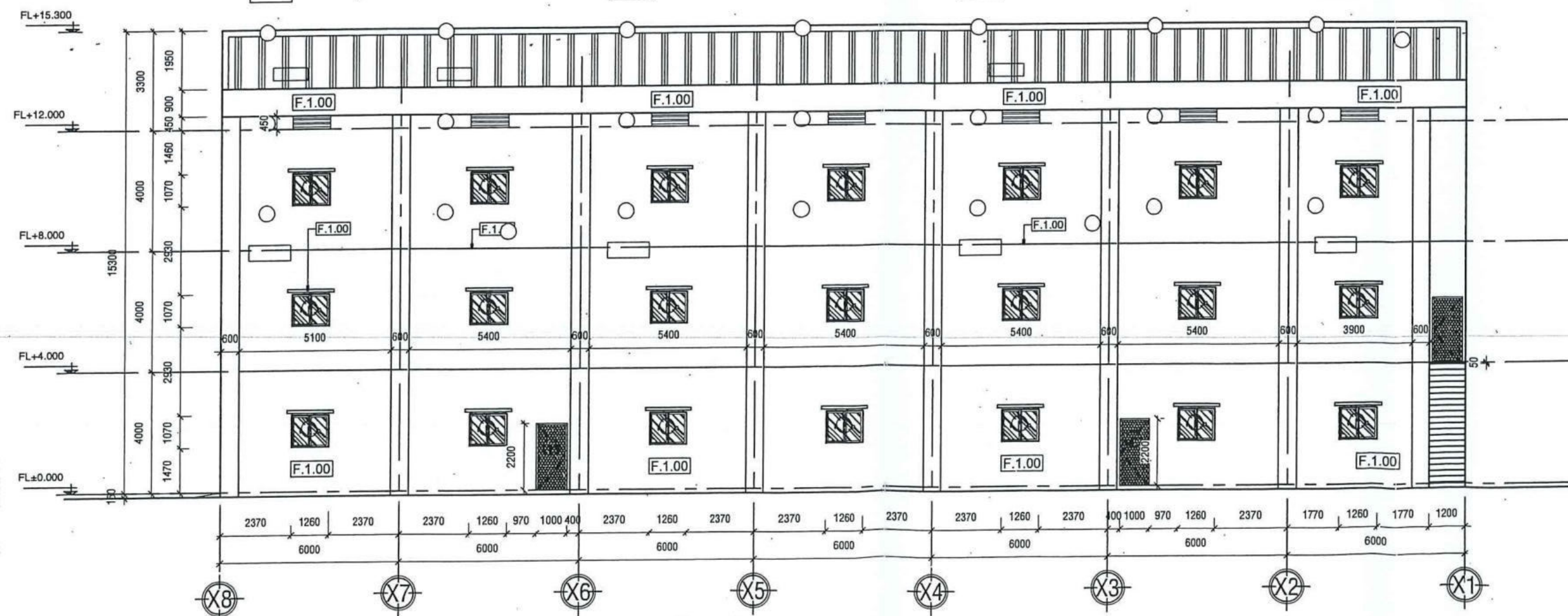
- TS 1. TƯỜNG SƠN NƯỚC HOÀN THIỆN MT 3. MÁI LỢP TOLE MẠ KẼM, DÂY 0.45MM
- TK 2. PHẦN TƯỜNG GIÁP KHU XƯỜNG HIỆN HỮU



HỒ SƠ HOÀN CÔNG	
CHỦ ĐẦU TƯ Owner	
CÔNG TY TNHH VINA CHANG TAI	
GIÁM ĐỐC Director	
ĐƠN VỊ THI CÔNG LIN CHIU JUNG	
CÔNG TY TNHH VĨNH THÀNH KIẾN NGHỊP	
CÔNG TY TNHH VĨNH THÀNH KIẾN NGHỊP	
THIẾT KẾ	
KTS. NGUYỄN HOÀNG QUÂN	
QUẢN LÝ KỸ THUẬT	
KTS. CAO VĂN NGHĨA	
Mục Dìch Phát Hành Issued For	
Thiết Kế Sơ Bộ ☐ Preliminary	
Xin Phép ☒ Ask Permission	
Thi Công ☐ Construction	
Hiệu Chính Revision	
Ngày Date	Thay Đổi Change
CÔNG TRÌNH	
NHÀ XƯỞNG	
HANG MUC:	
NHÀ XƯỞNG	
TÊN BẢN VẼ:	
MẶT BẰNG MÁI	
Số Hiệu: Sheet	

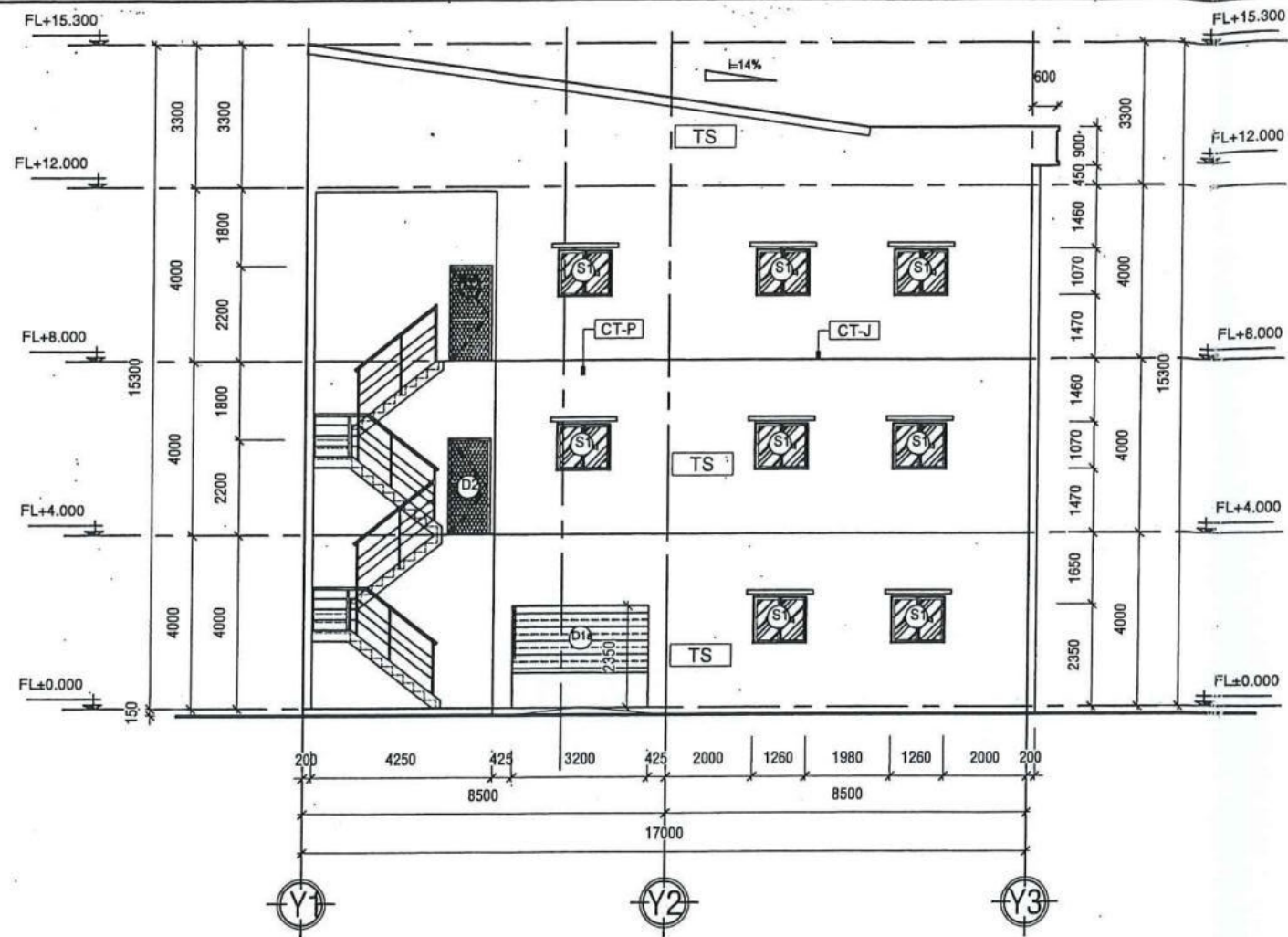


MẶT ĐỨNG TRỤC X1-X8. TL:1/100

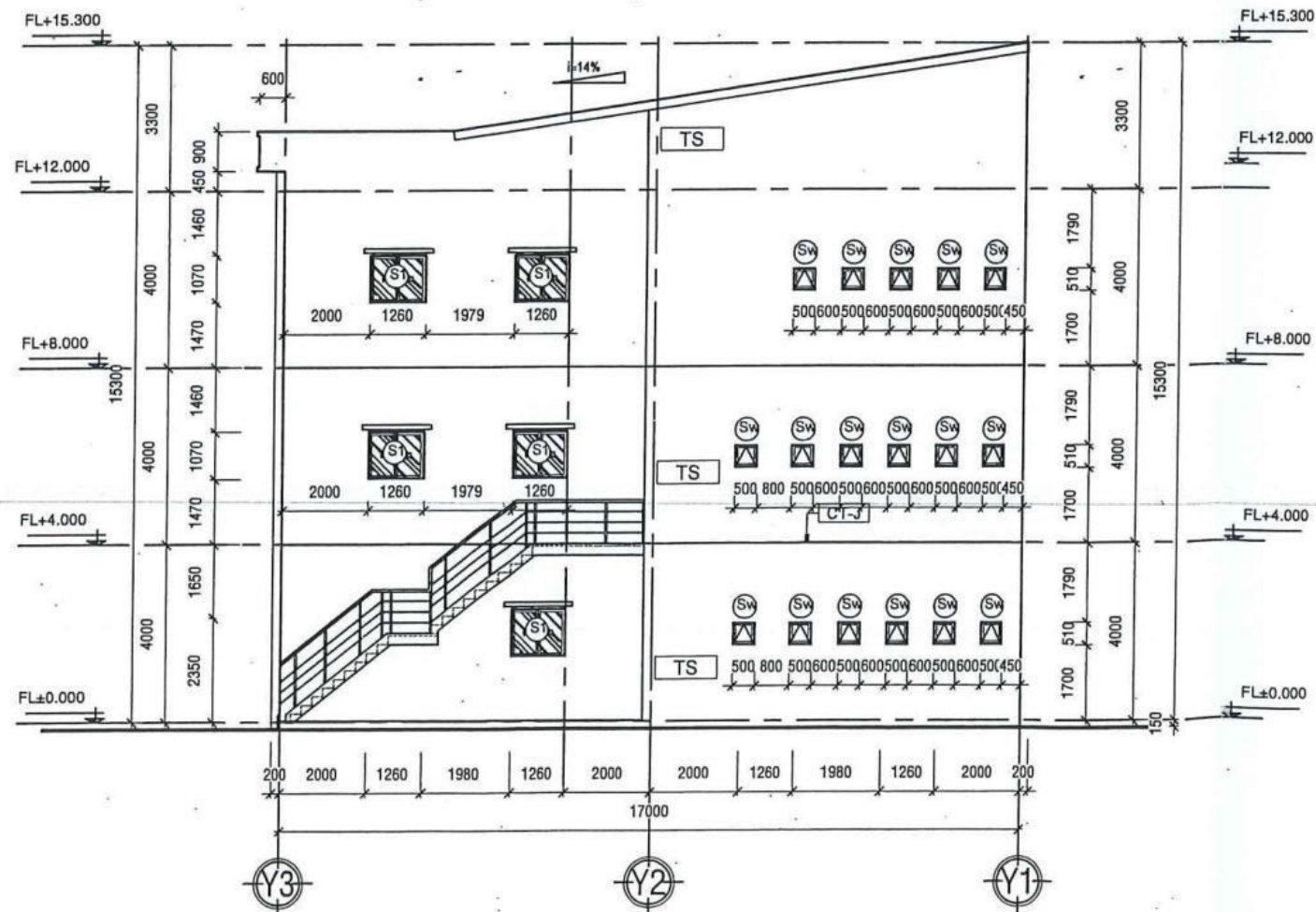


MẶT ĐỨNG TRỤC X8-X1. TL:1/100

HỒ SƠ HOÀN CÔNG	
CHỦ ĐẦU TƯ Owner	
CÔNG TY TNHH VINA CHANG TAI	
GIÁM ĐỐC Director	
ĐƠN VỊ THI CÔNG LIN CHIU JUNG	
CÔNG TY TNHH VINH THÀNH KIẾN NGHIỆP	
CÔNG TY TNHH VINH THAM KIẾN NGHIỆP	
THIẾT KẾ	
KTS. NGUYỄN HOÀNG QUÂN	
QUẢN LÝ KỸ THUẬT	
KTS. CAO VĂN NGHĨA	
Mục Dích Phát Hành Issued For	
Thiết Kế Sơ Bộ	☐ Preliminary
Xin Phép	☒ Ask Permission
Thi Công	☐ Construction
Hiệu Chính Revision	
Ngày Date	Thay Đổi Change
CÔNG TRÌNH:	
NHÀ XƯỞNG	
HÀNG MỤC:	
NHÀ XƯỞNG	
TÊN BẢN VẼ:	
MẶT ĐỨNG TRỤC X8-X1	
Số Hiệu: Sheet	



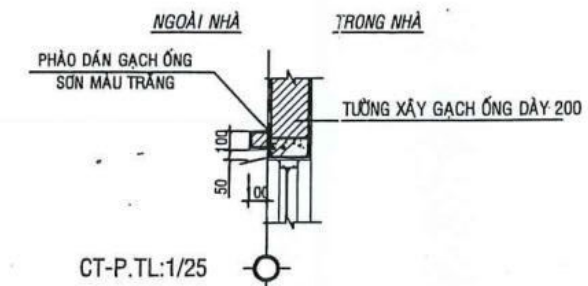
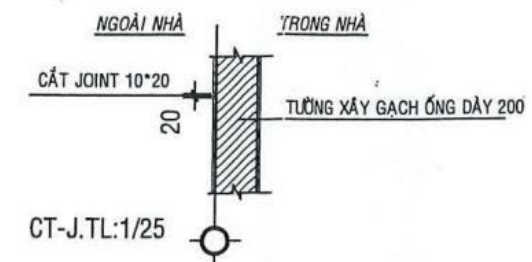
MẶT ĐỨNG TRỰC Y1-Y3. TL:1/100



MẶT ĐỨNG TRỰC Y3-Y1. TL:1/100

GHI CHÚ: (theo mặt đứng)

- TS 1. TƯỜNG SƠN NƯỚC HOÀN THIỆN
- TK 2. PHẦN TƯỜNG GIÁP KHU XƯỜNG HIỆN HỮU
- MT 3. MÃI LỢP TOLE MÀ KẼM, DÀY 0.45MM



HỒ SƠ HOÀN CÔNG

CHỦ ĐẦU TƯ
Owner

CÔNG TY TNHH
VINA CHANG TAI

GIÁM ĐỐC
Director

ĐƠN VỊ THI CÔNG
LIN CHU JUNG

CÔNG TY TNHH VĨNH
THÀNH KIẾN NGHỊP

CÔNG TY
TNHH

VĨNH THÀNH
KIẾN NGHỊP

QUẢN LÝ KỸ THUẬT
Đ. BÌNH DƯƠNG

THIẾT KẾ

KTS. NGUYỄN HOÀNG QUÂN

QUẢN LÝ KỸ THUẬT

KTS. CAO VĂN NGHĨA

Mục Dích Phát Hành
Issued For

Thiết Kế Sơ Bộ ☐ Preliminary

Xin Phép ☒ Ask Permission

Thi Công ☐ Construction

Hệ Thống
Revision

Ngày
Date

Thay Đổi
Change

CÔNG TRÌNH:

NHÀ XƯỞNG

ĐỊA ĐIỂM: TÂN BÌNH HOÀNG, THỊ XÃ CẨM AN, THỊ XÃ BÌNH DƯƠNG

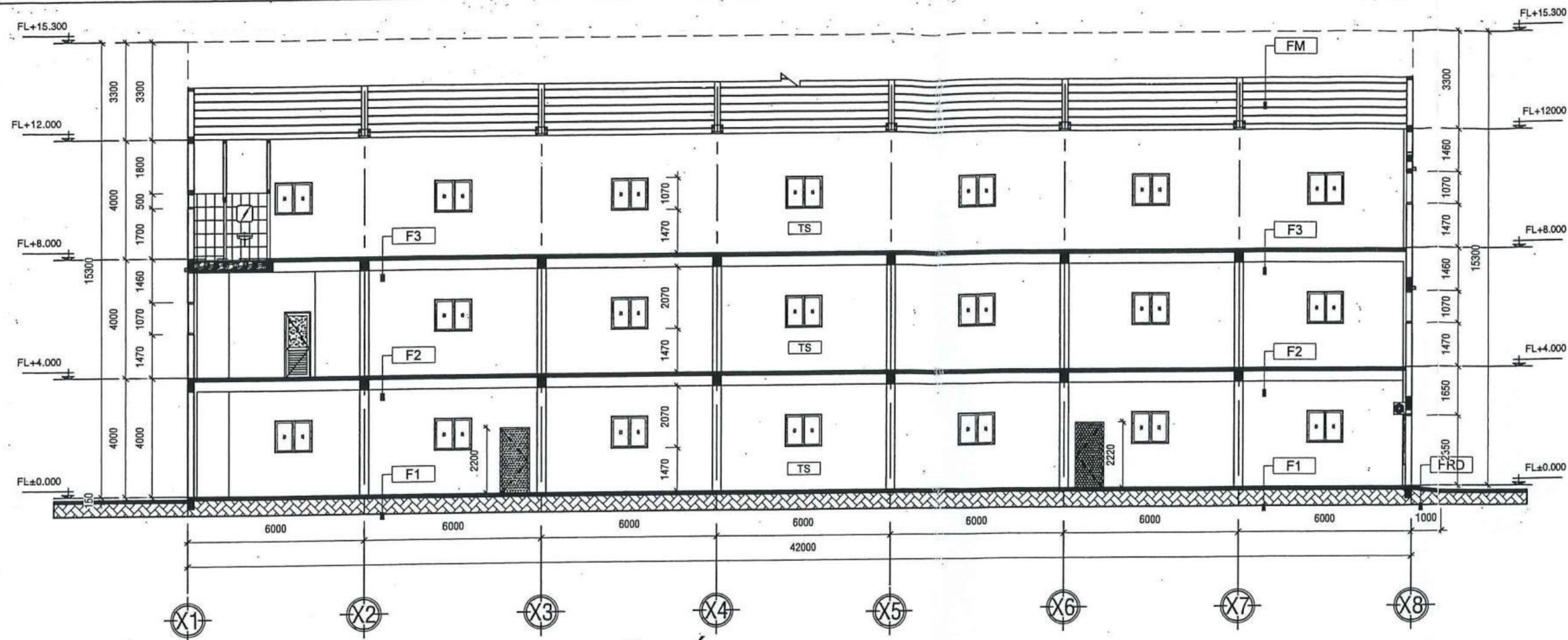
HANG MỤC:

NHÀ XƯỞNG

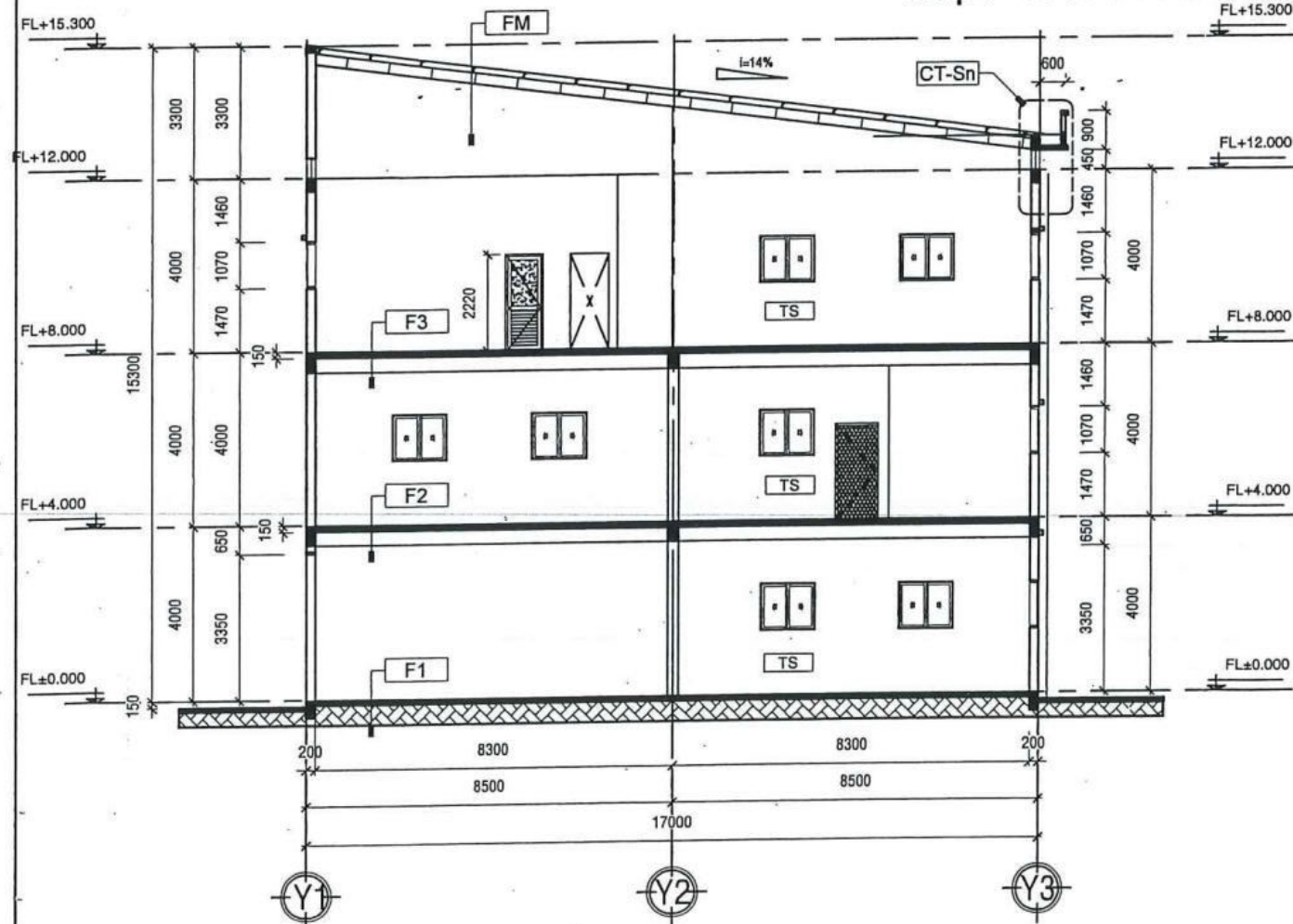
TÊN BẢN VẼ:

MẶT ĐỨNG

Số Hiệu:
Sheet



MẶT CẮT A-A. TL:1/100

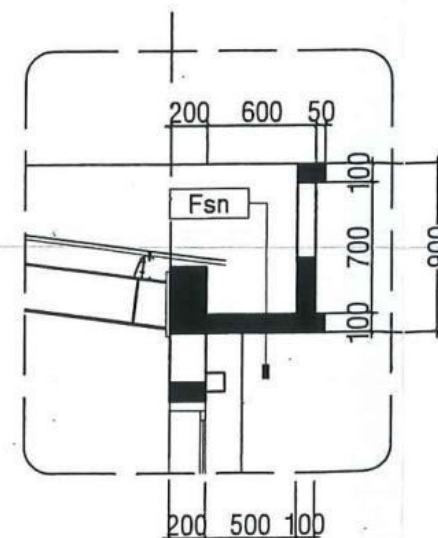


MẶT CẮT B-B. TL:1/100

GHI CHÚ: (theo mặt cắt)

- TS 1. TƯỜNG SƠN NƯỚC HOÀN THIỆN
- TK 2. PHẦN TƯỜNG GIÁP KHU XƯƠNG HIỆN HỮU
- MT 3. MÁI LỚP TOLE MẠ KÉM, DÀY 0.45MM

DIỂM TOLE ĐẦU HỖ
TOLE MẠ MÀU DÀY 0.45MM



CHI TIẾT SÊ NÔ MÁI.
CT-SN.TL:1/25

HỒ SƠ HOÀN CÔNG

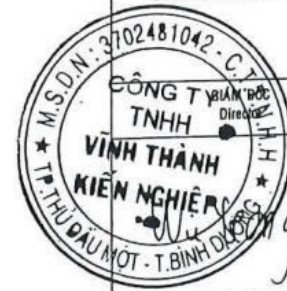
CHỦ ĐẦU TƯ
Owner

CÔNG TY TNHH
VINA CHANG TAI

GIÁM ĐỐC
Director

ĐƠN VỊ THI CÔNG
LINH CHU JUNG

CÔNG TY TNHH VINH
THÀNH KIẾN NGHIỆP



THIẾT KẾ

KTS. NGUYỄN HOÀNG QUÂN

QUẢN LÝ KỸ THUẬT

KTS. CAO VĂN NGHĨA

Mục Dích Phát Hành

Issued For

Thiết Kế Sơ Bộ

Xin Phép

Thi Công

Hiệu Chính

Revision

Ngày

Date

Thay Đổi

Change

CÔNG TRÌNH:

NHÀ XƯỞNG

NGÀY: TÂN ĐÔNG HOEP, THỨ XÁ CỬ ẤT, THÁNG NHAI DƯƠNG

HANG MỤC:

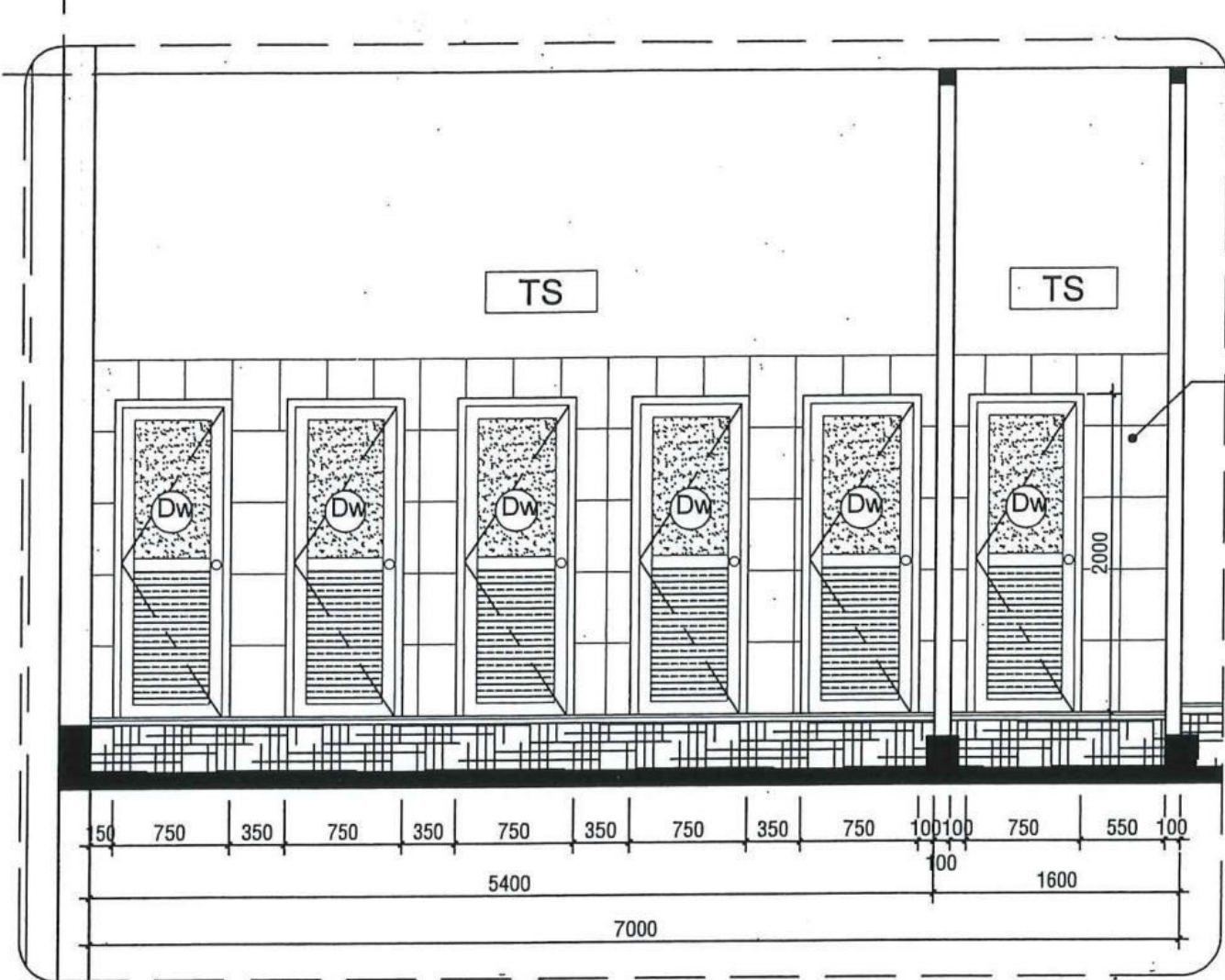
NHÀ XƯỞNG

TÊN BẢN VẼ:

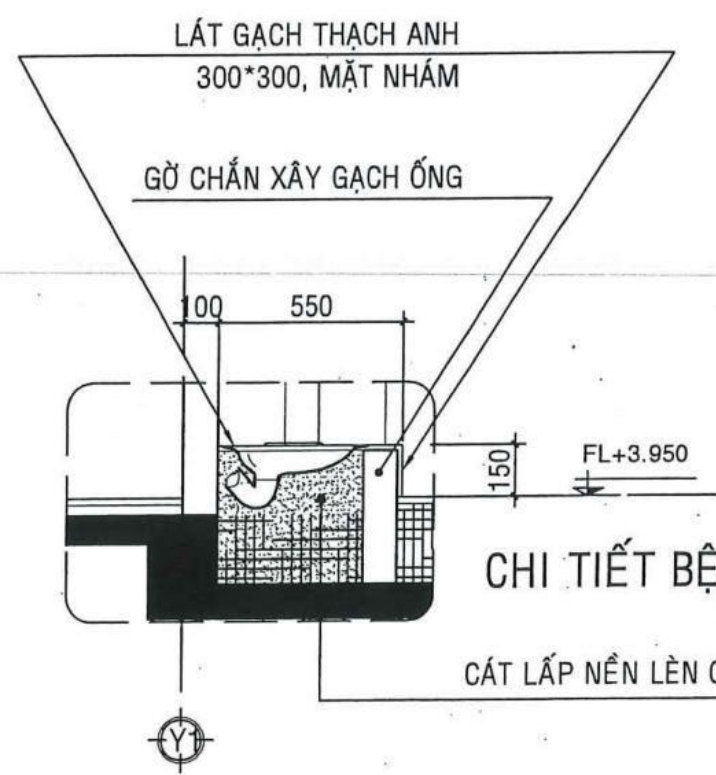
MẶT CẮT

Số Hiệu:

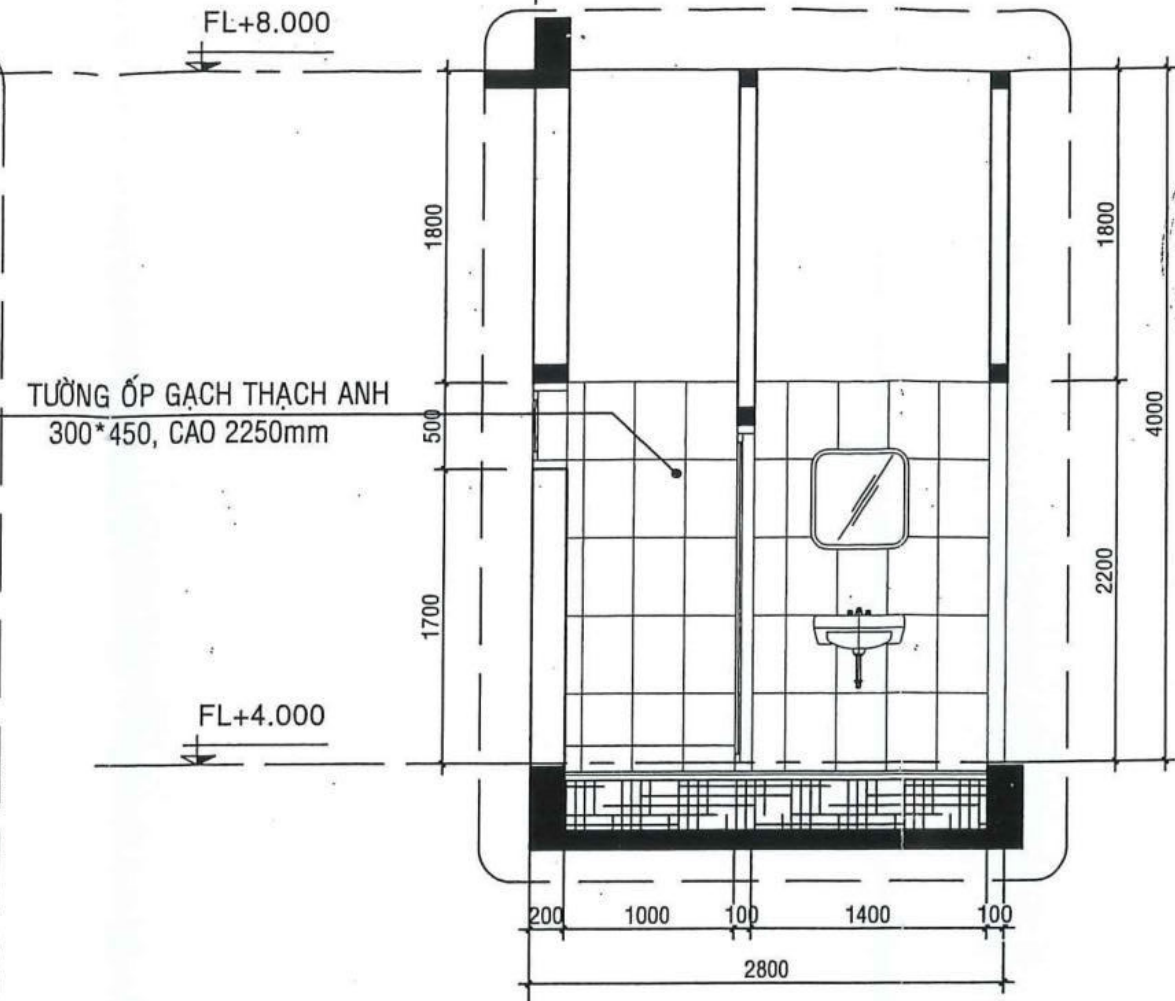
Sheet



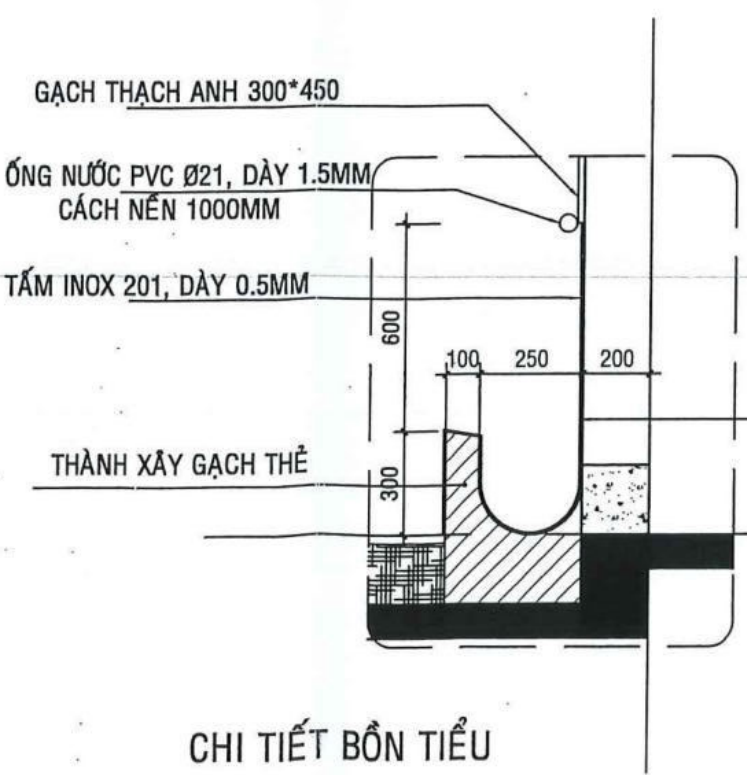
Y1
MẶT CẮT W3-W3.
TL:1/50



CHI TIẾT BỆ XỐM 2
TL:1/50
CÁT LẤP NỀN LÊN CHẶT

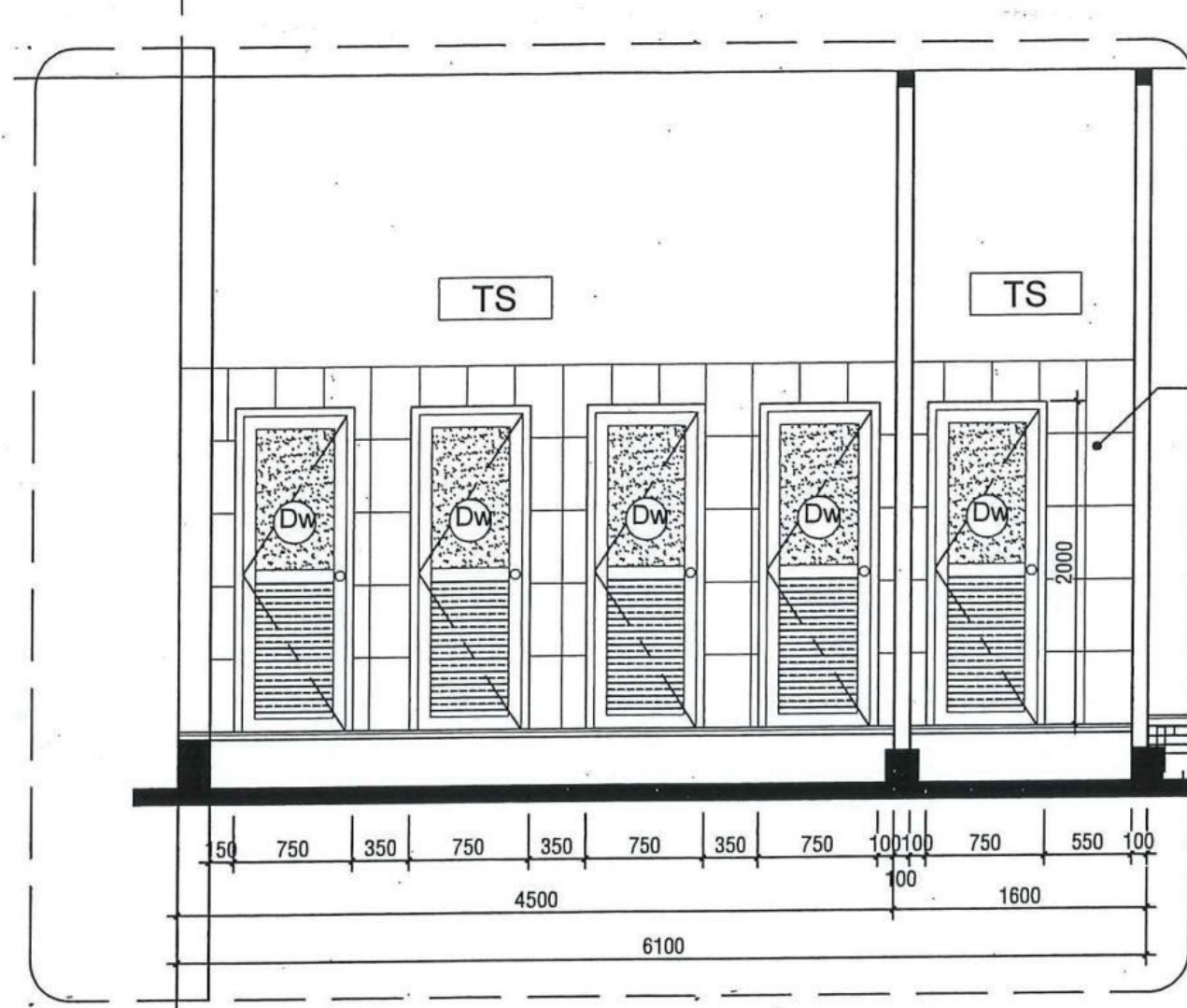


X1
MẶT CẮT W4-W4.
TL:1/50



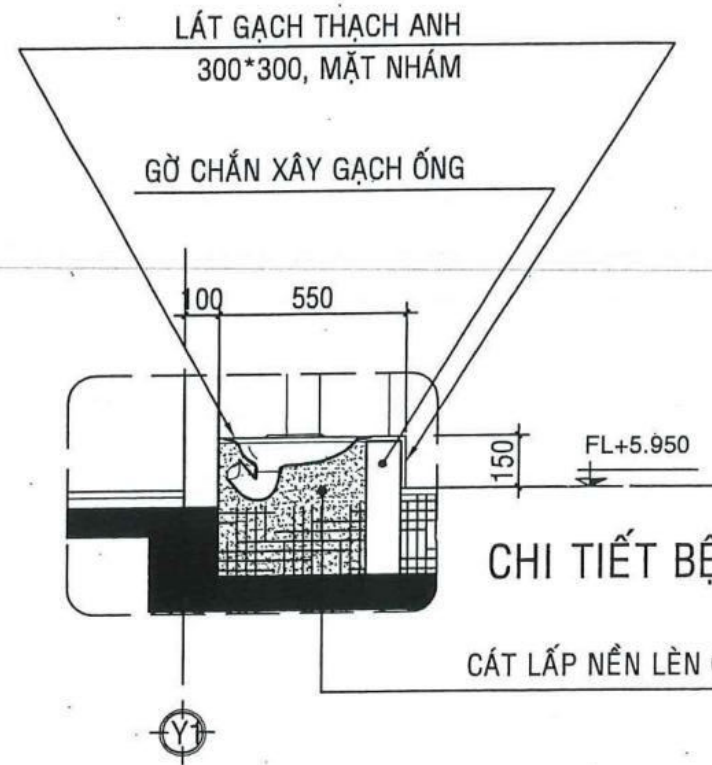
CHI TIẾT BỒN TIỂU

HỒ SƠ HOÀN CÔNG	
CHỦ ĐẦU TƯ Owner	
CÔNG TY TNHH VINA CHANG TAI	
GIÁM ĐỐC Director	
ĐƠN VỊ THI CÔNG LIN CHU JUNG	
CÔNG TY TNHH VINH THÀNH NGHIỆP	
CÔNG TY TNHH VINH THÀNH NGHIỆP	
THIẾT KẾ	
KTS. NGUYỄN HOÀNG QUÂN	
QUẢN LÝ KỸ THUẬT	
KTS. CAO VĂN NGHĨA	
Mục Đích Phát Hành Issued For	
Thiết Kế Sơ Bộ	☐ Preliminary
Xin Phép	☒ Ask Permission
Thi Công	☐ Construction
Hiệu Chính Revision	
Ngày Date	Thay Đổi Change
CÔNG TRÌNH:	
NHÀ XƯỞNG	
MẪU: TÂN CÔNG LẬP, TH. X. C. A. V. T. H. N. H. D. U. O. N. G.	
HANG MUC:	
TÊN BẢN VẼ:	
Số Hiệu: Sheet	



Y1

MẶT CẮT W1-W1.
TL:1/50

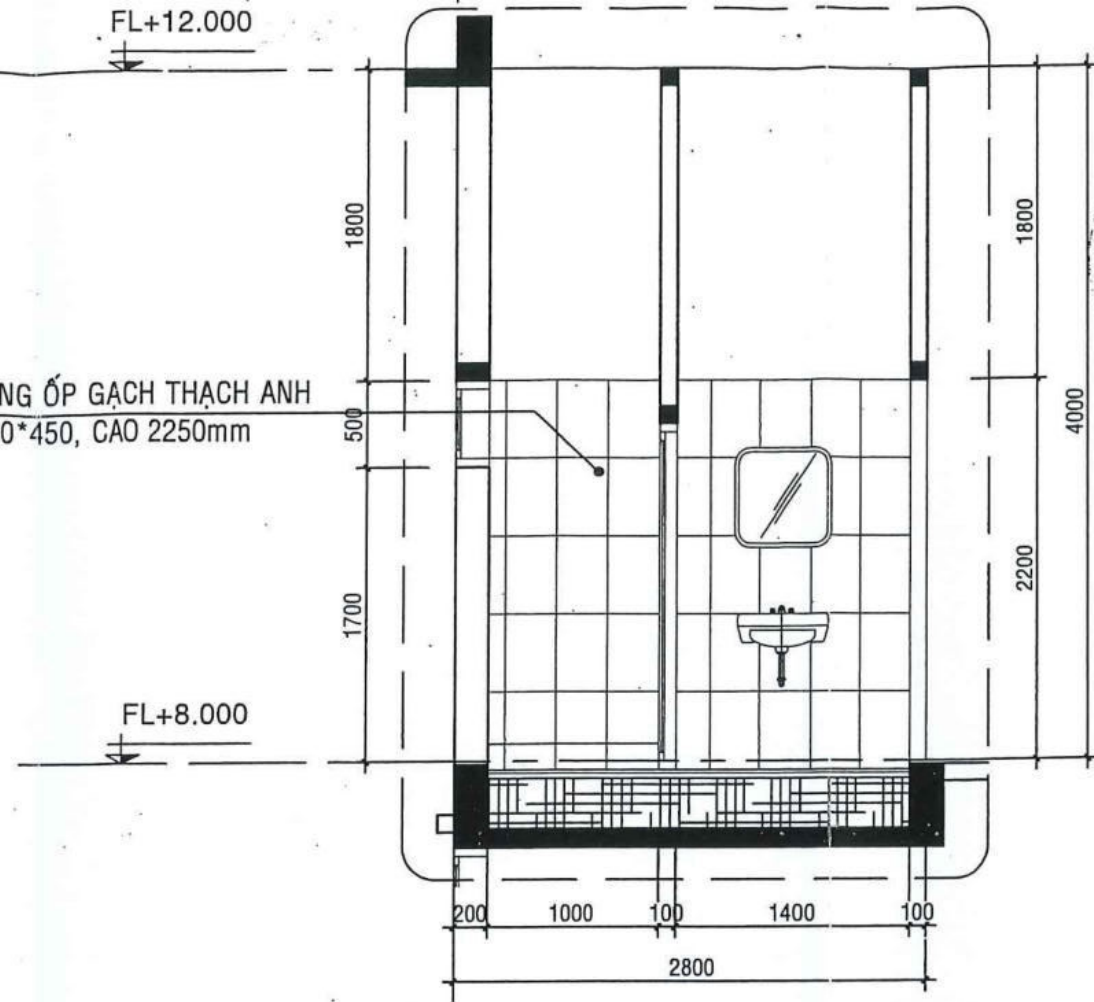


LÁT GẠCH THẠCH ANH
300*300, MẶT NHẢM

GỜ CHẮN XÂY GẠCH ỐNG

CHI TIẾT BỆ XỔM 2
TL:1/50
CÁT LẤP NỀN LÊN CHẶT

TƯỜNG ỐP GẠCH THẠCH ANH
300*450, CAO 2250mm



X1

MẶT CẮT W2-W2
TL:1/50

GẠCH THẠCH ANH 300*450

ỐNG NƯỚC PVC Ø21, DÀY 1.5MM
CÁCH NÉN 1000MM

TẤM INOX 201, DÀY 0.5MM

THÀNH XÂY GẠCH THỂ

CHI TIẾT BỒN TIỂU

QUÉT HỖN HỢP CHỐNG THẤM VIGLACERA CTST6, 01 LỚP
CAO 0.9M

HỒ SƠ HOÀN CÔNG

CHỦ ĐẦU TƯ
Owner

CÔNG TY TNHH
VINA CHANG TAI

GIÁM ĐỐC
Director

ĐƠN VỊ THI CÔNG
LINH CHU JUNG

CÔNG TY TNHH VĨNH
THÀNH KIẾN NGHỊP

CÔNG TY
VĨNH THÀNH
KIẾN NGHỊP

THIẾT KẾ

KTS. NGUYỄN HOÀNG QUÂN

QUẢN LÝ KỸ THUẬT

KTS. CAO VĂN NGHĨA

Mục Dích Phát Hành

Issued For

Thiết Kế Sơ Bộ ☐ Preliminary

Xin Phép ☒ Ask Permission

Thi Công ☐ Construction

Hiệu Chính

Revision

Ngày

Date

Thay Đổi

Change

CÔNG TRÌNH

NHÀ XƯỞNG

NGÀY: 15/08/2023, THỜI GIAN: 14h00

HANG MUC:

NHÀ XƯỞNG

TÊN BẢN VẼ:

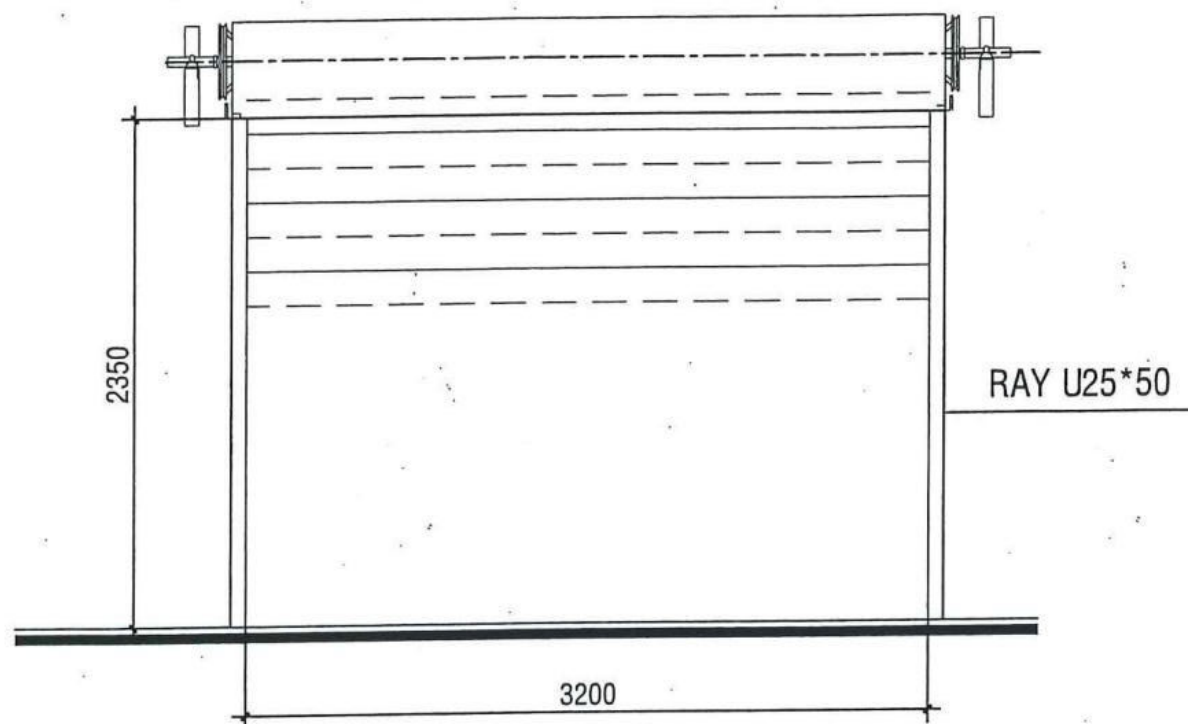
CHI TIẾT WC

Số Hiệu:

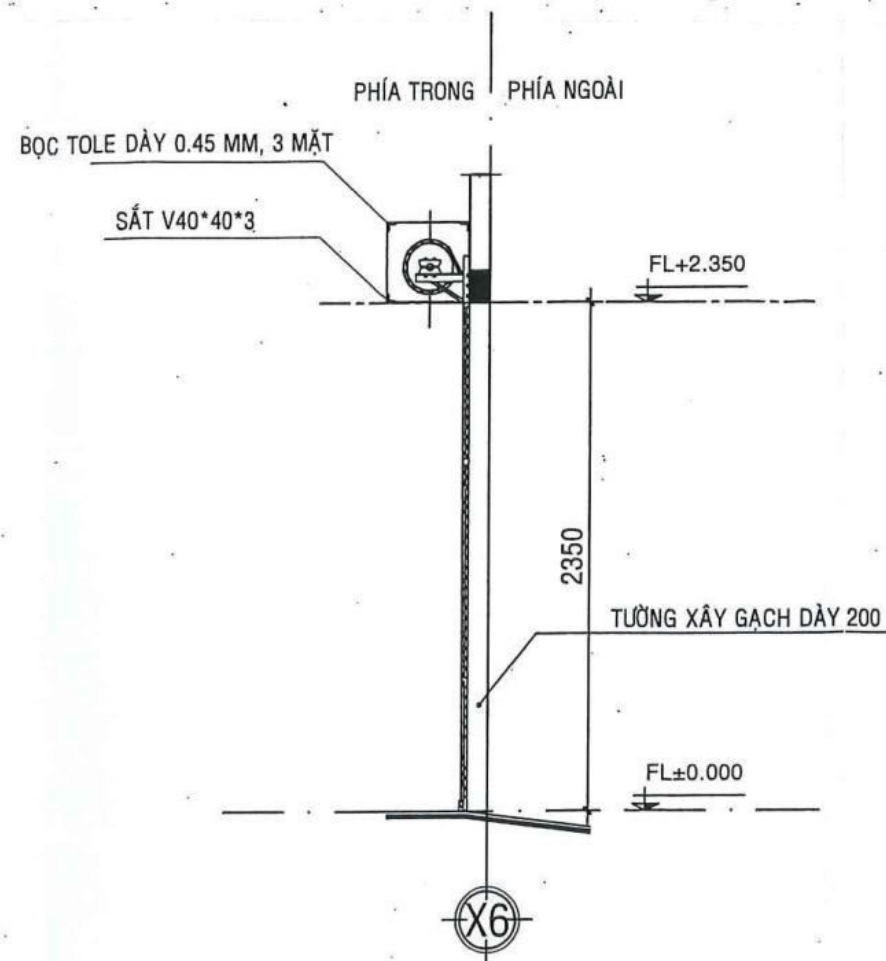
Sheet

PHỤ KIỆN THEO CỬA:

1. KHÔNG CÓ MÔ TƠ
1. KHÔNG CÓ MÔ TƠ



MẶT ĐỨNG CỦA CUỐN D1
TL:1/50

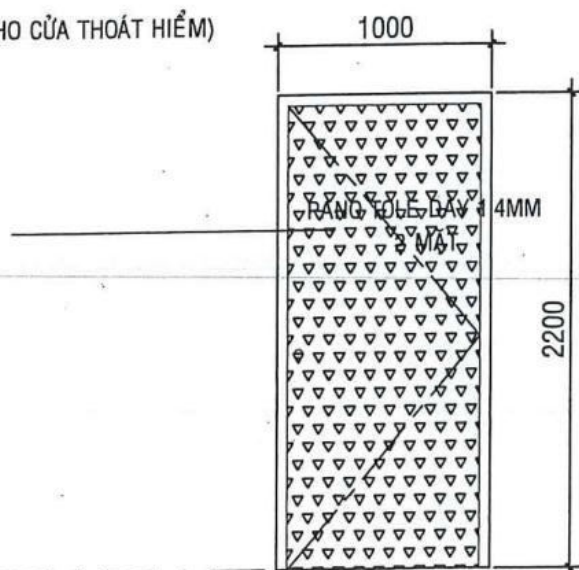


MẶT CẮT CỦA CUỐN

D1A	KÍCH THƯỚC	3200*2350. CỬA CUỐN KHÔNG CÓ MÔ TƠ
	SỐ LƯỢNG	01 BỘ
	VẬT LIỆU	CỬA CUỐN TOLE MÀU DÂY 0.45MM.

PHỤ KIỆN THEO CỬA:

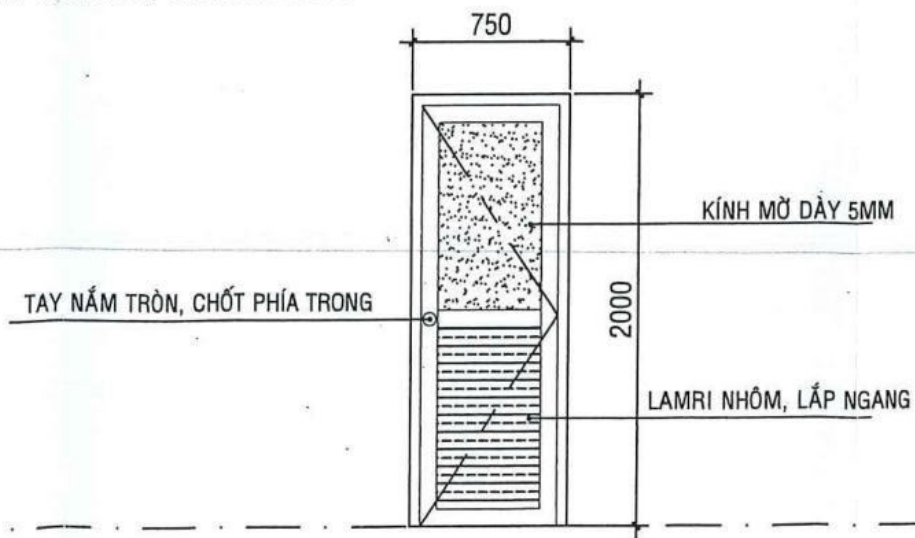
1. 03 BÀN LẾ/ CÁNH
2. 01 KHÓA ÂM (DÙNG CHO CỬA THOÁT HIỂM)



D2

PHỤ KIỆN THEO CỬA:

1. 03 BÀN LẾ/ CÁNH
2. 01 TAY NẮM TRÒN, CHỐT PHÍA TRONG



DW

D2	KÍCH THƯỚC	1000*2100. CỬA THOÁT HIỂM 01 CÁNH
	SỐ LƯỢNG	07 BỘ
	VẬT LIỆU	CỬA KHUNG SẮT HỘP, PANO TOLE 2 MẶT, SƠN CHỐNG CHÁY

DW

DW	KÍCH THƯỚC	750*2000. CỬA ĐI 01 CÁNH
	SỐ LƯỢNG	09 BỘ
	VẬT LIỆU	CỬA KHUNG NHÔM HỆ 700, MÀU TRẮNG SỮA. KÍNH MỜ DÀY 5MM

HỒ SƠ HOÀN CÔNG

CHỦ ĐẦU TƯ
Owner

CÔNG TY TNHH
VINA CHANG TAI

GIÁM ĐỐC
Director

ĐƠN VỊ THI CÔNG
LIN CHIU JUNG

CÔNG TY TNHH VĨNH
THÀNH KIẾN NGHIỆP

CÔNG TY
TNHH
VĨNH THÀNH
KIẾN NGHIỆP

THIẾT KẾ

KTS. NGUYỄN HOÀNG QUÂN

QUẢN LÝ KỸ THUẬT

KTS. CAO VĂN NGHĨA

Mục Dích Phát Hành

Issued For

Thiết Kế Sơ Bộ

☐

Preliminary

Xin Phép

☒

Ask Permission

Thi Công

☐

Construction

Hiệu Chính

Revision

Ngày

Date

Thay Đổi

Change

CÔNG TRÌNH

NHÀ XƯỞNG

HẠNG MỤC:

NHÀ XƯỞNG

TÊN BẢN VẼ:

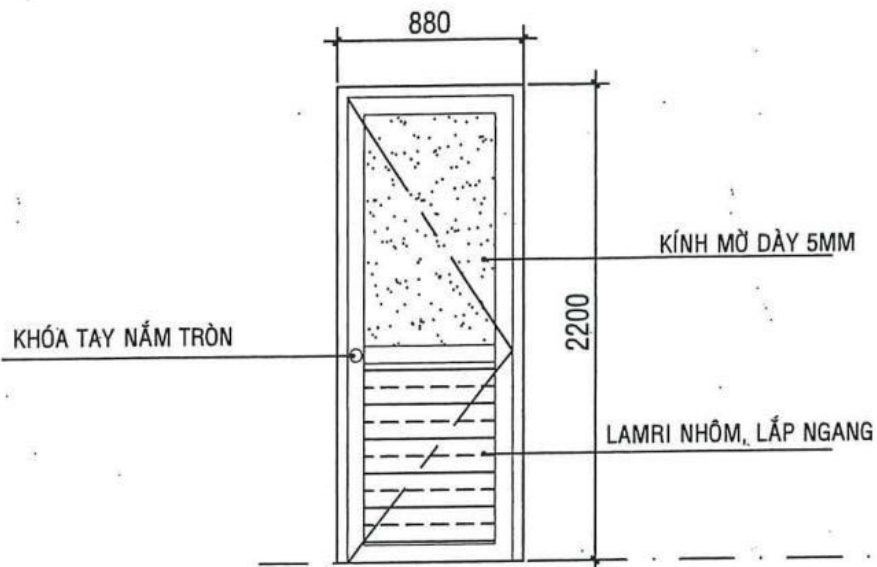
CHI TIẾT CỬA

Số Hiệu:

Sheet

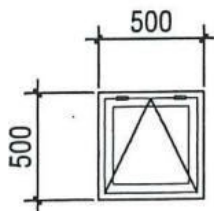
PHỤ KIỆN THEO CỬA:

1. 03 BÀN-LÉ/ CÁNH
2. 01 KHÓA TAY NẮM TRÒN



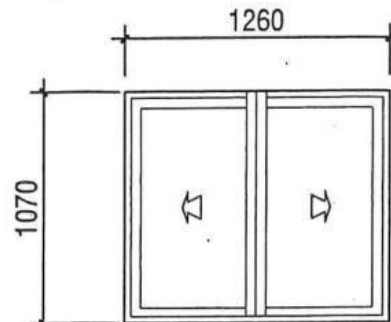
DWC

DWC	KÍCH THƯỚC	880*2200. CỬA ĐI 01 CÁNH
	SỐ LƯỢNG	02 BỘ
	VẬT LIỆU	CỬA KHUNG NHÔM HỆ 700, MÀU TRẮNG SỮA. KÍNH MỜ DÀY 5MM



SW

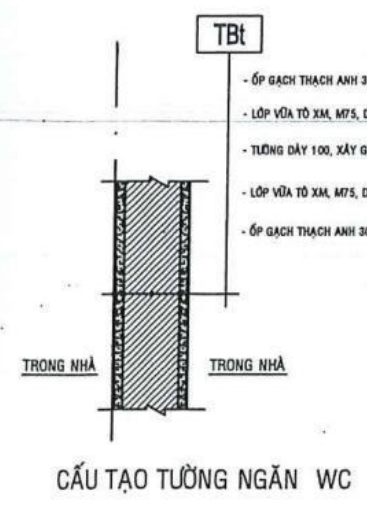
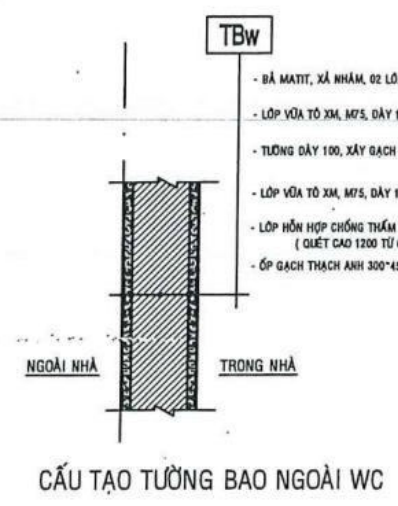
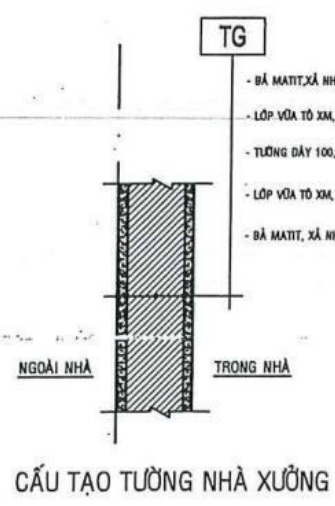
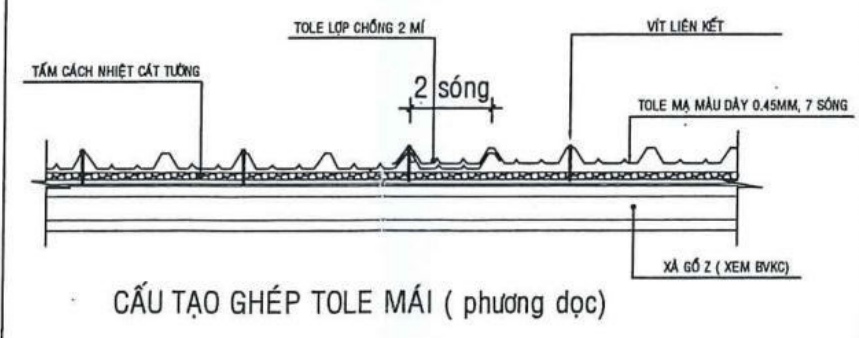
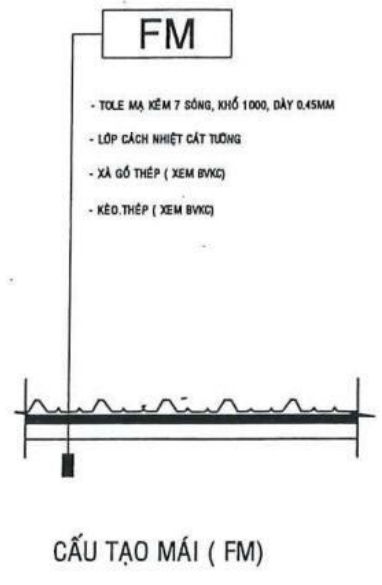
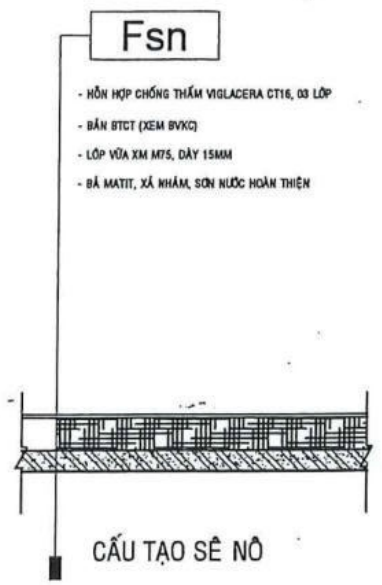
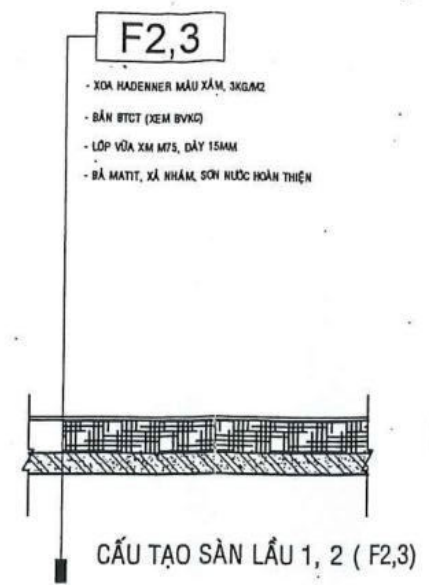
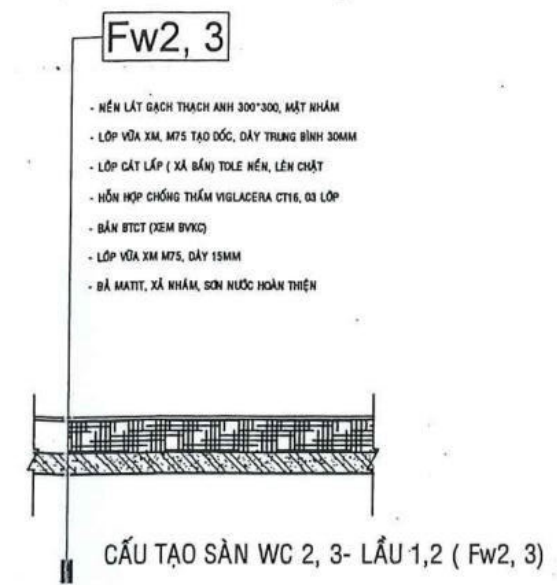
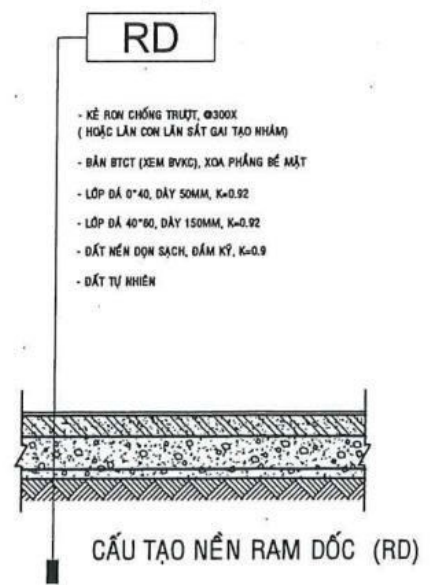
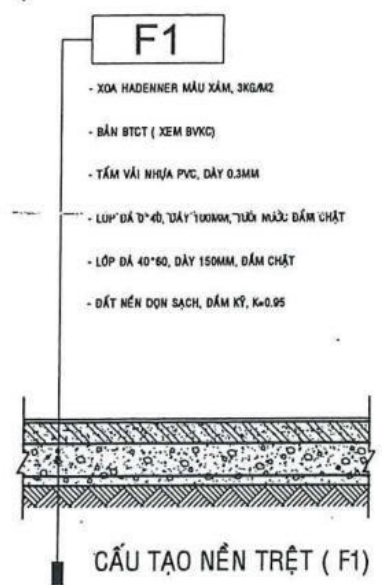
SW	KÍCH THƯỚC	500*500. CỬA LẬT 01 CÁNH
	SỐ LƯỢNG	09 BỘ
	VẬT LIỆU	CỬA KHUNG NHÔM HỆ 700, MÀU TRẮNG SỮA. KÍNH TRONG DÀY 5MM



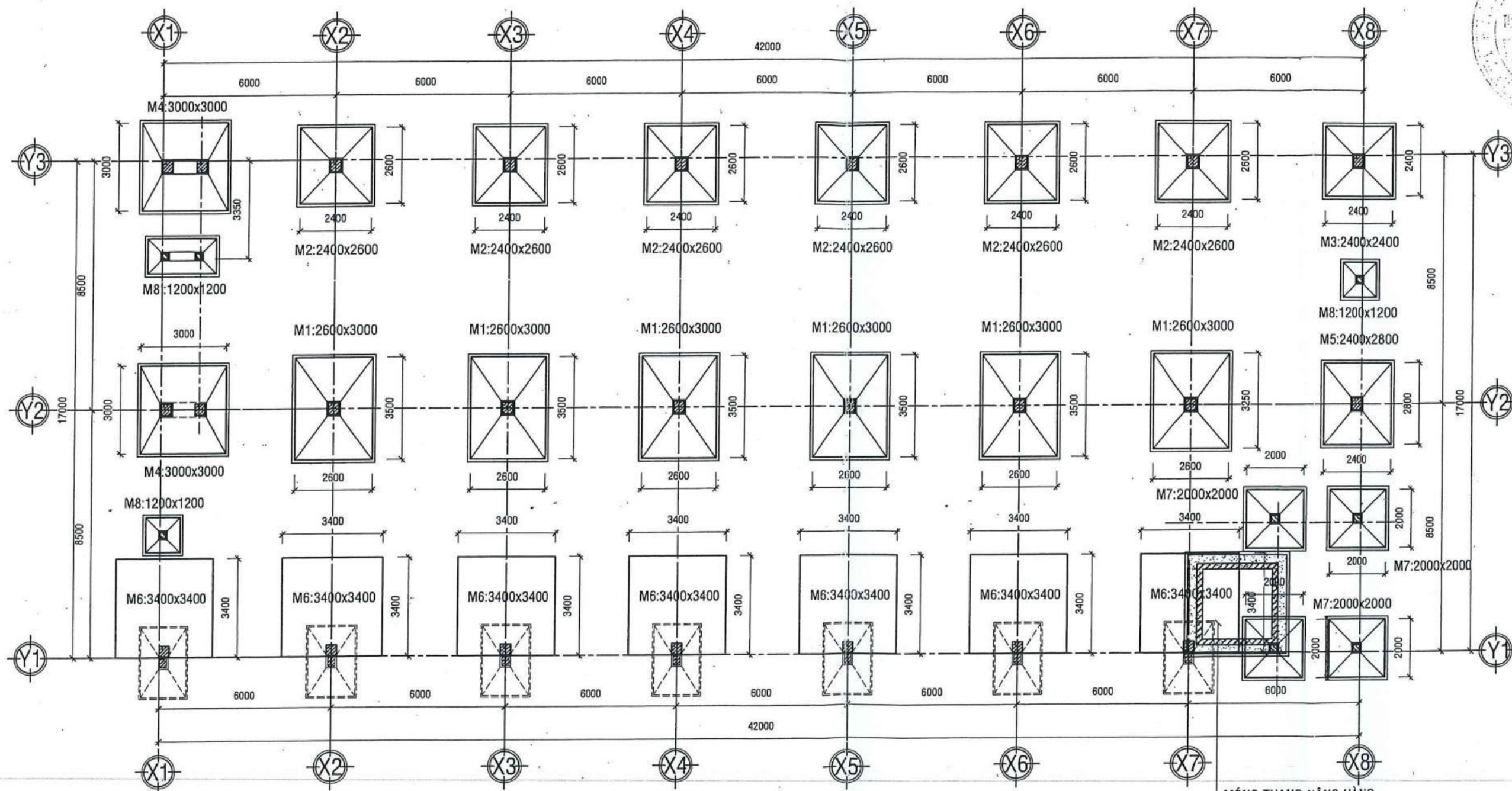
S1

S1	KÍCH THƯỚC	1260*1070. CỬA SỐ LỬA 02 CÁNH
	SỐ LƯỢNG	41 BỘ
	VẬT LIỆU	CỬA KHUNG NHÔM HỆ 700, MÀU TRẮNG SỮA. KÍNH TRONG DÀY 5MM

HỒ SƠ HOÀN CÔNG	
CHỦ ĐẦU TƯ Owner	
CÔNG TY TNHH VINA CHANG TAI	
GIÁM ĐỐC Director	
ĐƠN VỊ THI CÔNG LIN CHIU JUNG	
CÔNG TY TNHH VĨNH THÀNH KIẾN NGHIỆP	
CÔNG TY TNHH VĨNH THÀNH KIẾN NGHIỆP	
THIẾT KẾ	
KTS. NGUYỄN HOÀNG QUÂN	
QUẢN LÝ KỸ THUẬT	
KTS. CAO VĂN NGHĨA	
Mục Dích Phát Hành Issued For	
Thiết Kế Sơ Bộ ☐ Preliminary	
Xin Phép ☒ Ask Permission	
Thi Công ☐ Construction	
Hiệu Chính Revision	
Ngày Date	Thay Đổi Change
CÔNG TRÌNH:	
NHÀ XƯỞNG	
HANG MUC:	
NHÀ XƯỞNG	
TÊN BẢN VẼ:	
CHI TIẾT CỬA	
Số Hiệu: Sheet	



HỒ SƠ HOÀN CÔNG	
CHỦ ĐẦU TƯ Owner	
CÔNG TY TNHH VINA CHANG TAI	
GIÁM ĐỐC Director	
ĐƠN VỊ THI CÔNG LIN CHIU JUNG	
CÔNG TY TNHH VINH THÀNH KIẾN NGHIỆP M.SDN: 3702451042 - C.T. TNHH	
THIẾT KẾ	
KTS. NGUYỄN HOÀNG QUÂN	
QUẢN LÝ KỸ THUẬT	
KTS. CAO VĂN NGHĨA	
Mục Dích Phát Hành Issued For	
Thiết Kế Sơ Bộ	☐ Preliminary
Xin Phép	☒ Ask Permission
Thi Công	☐ Construction
Hiệu Chính Revision	
Ngày Date	Thay Đổi Change
CÓNG TRÌNH:	
NHÀ XƯỞNG	
HANG MUC:	
NHÀ XƯỞNG	
TÊN BẢN VẼ:	
CHI TIẾT KỸ THUẬT	
Số Hiệu: Sheet	



MẶT BẰNG MÓNG.TL:1/100

HỒ SƠ HOÀN CÔNG

CHỦ ĐẦU TƯ
Owner

CÔNG TY TNHH
VINA CHANG TAI

GIÁM ĐỐC
Director

ĐƠN VỊ THI CÔNG

LIN CHU JUNG

CÔNG TY TNHH VĨNH
THÀNH KIẾN NGHIỆP



THIẾT KẾ

KTS. NGUYỄN HOÀNG QUÂN

QUẢN LÝ KỸ THUẬT

KTS. CAO VĂN NGHĨA

Mục Dích Phát Hành
Issued For

Thiết Kế Sơ Bộ ☐ Preliminary

Xin Phép ☒ Ask Permission

Thi Công ☐ Construction

Hiệu Chính
Revision

Ngày
Date

Thay Đổi
Change

CÔNG TRÌNH:

NHÀ XƯỞNG

100%: TÀI ĐỒNG HỢP, TH. X. C. A. V. T. H. S. H. D. U. O. N. G.

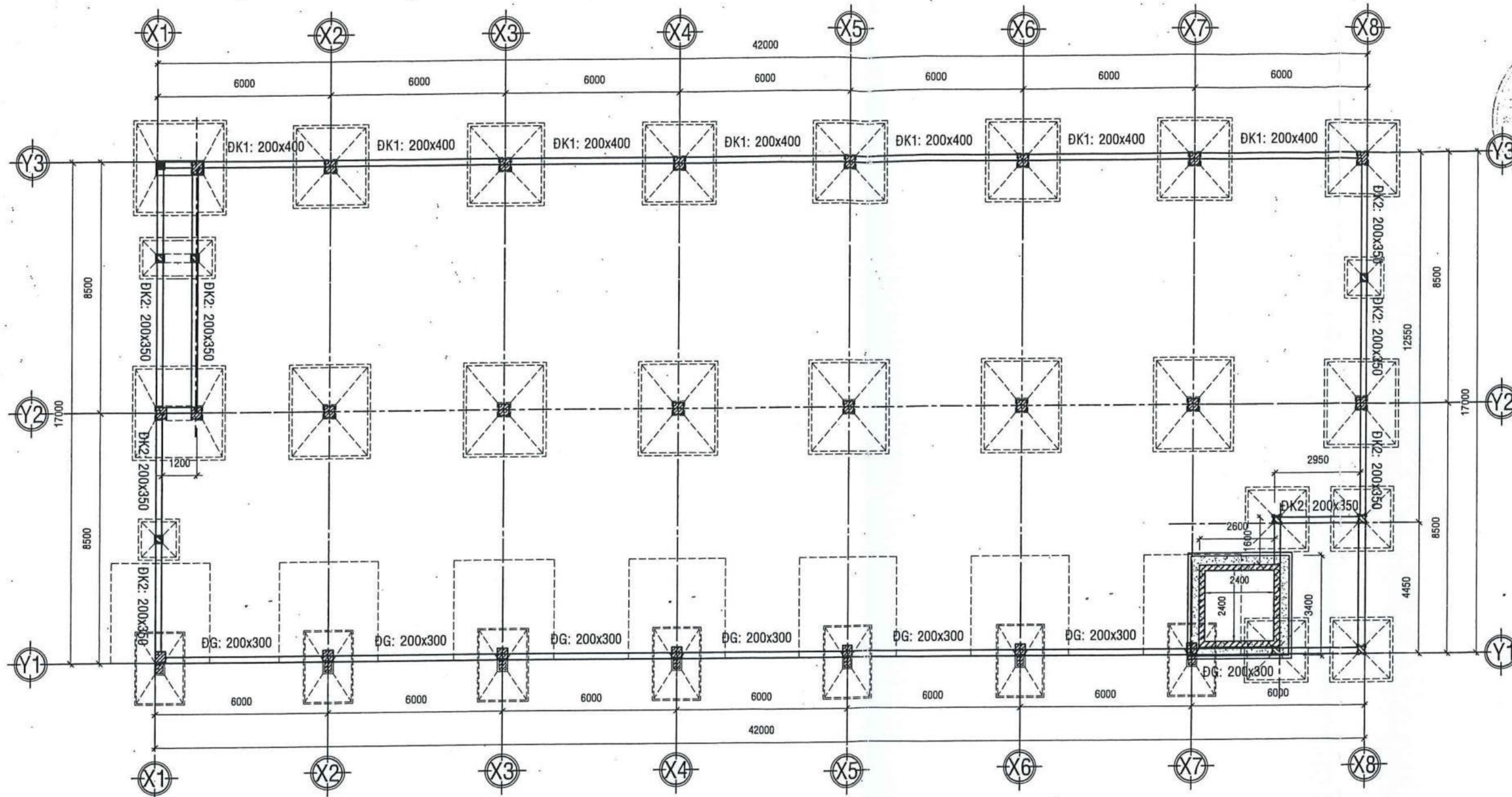
HÀNG MỤC:

NHÀ XƯỞNG

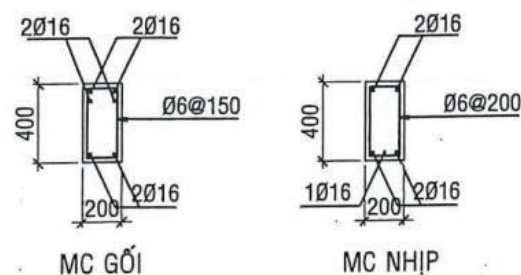
TÊN BẢN VẼ:

MẶT BẰNG MÓNG

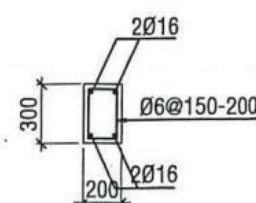
Số Hiệu:
Sheet



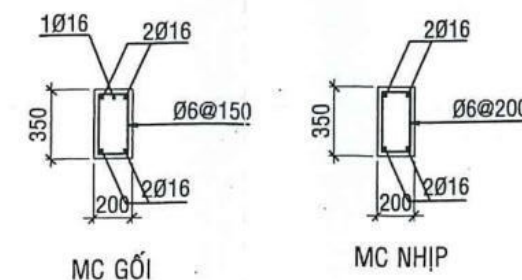
MẶT BẰNG ĐÀ KIỀNG.TL:1/100



ĐÀ KIỀNG ĐK-1(200x400)
ĐK-1 (200x400) 地樑 TỶ LỆ 1/25

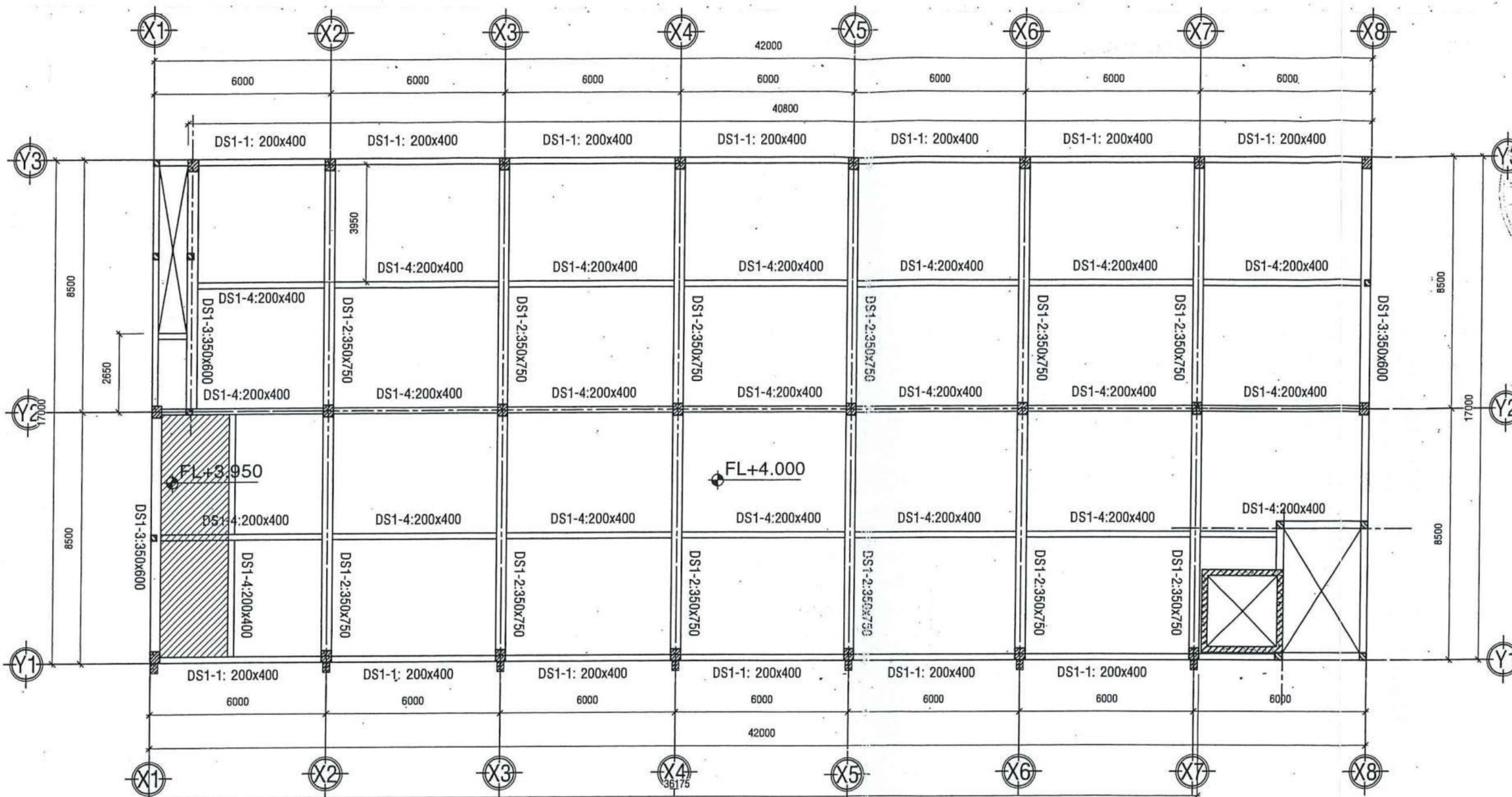


ĐÀ KIỀNG ĐG(200x300)
ĐG (200x300) 地樑 TỶ LỆ 1/25

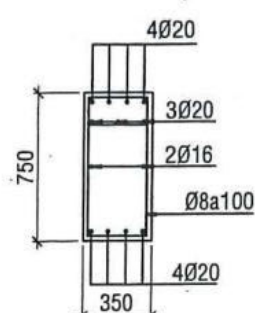


ĐÀ KIỀNG ĐK-2(200x350)
ĐK-2 (200x350) 地樑 TỶ LỆ 1/25

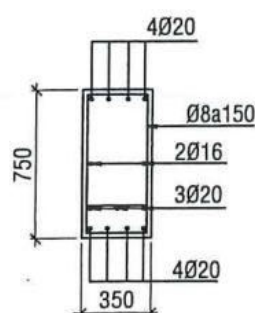
HỒ SƠ HOÀN CÔNG	
CHỦ ĐẦU TƯ Owner	
CÔNG TY TNHH VINA CHANG TAI	
GIÁM ĐỐC Director	
ĐƠN VỊ THI CÔNG LIN CHIU JUNG	
CÔNG TY TNHH VINH THÀNH KIẾN NGHIỆP	
SỐ ĐƠN: 3702461042 - C.T. NH	
THIẾT KẾ	
KTS. NGUYỄN HOÀNG QUÂN	
QUẢN LÝ KỸ THUẬT	
KTS. CAO VĂN NGHĨA	
Mục Đích Phát Hành Issued For	
Thiết Kế Sơ Bộ	☐ Preliminary
Xin Phép	☒ Ask Permission
Thi Công	☐ Construction
Hiệu Chính Revision	
Ngày Date	Thay Đổi Change
CÔNG TRÌNH:	
NHÀ XƯỞNG	
HANG MUC:	
NHÀ XƯỞNG	
TÊN BẢN VẼ:	
MẶT BẰNG ĐÀ KIỀNG	
Số Hiệu: Sheet	



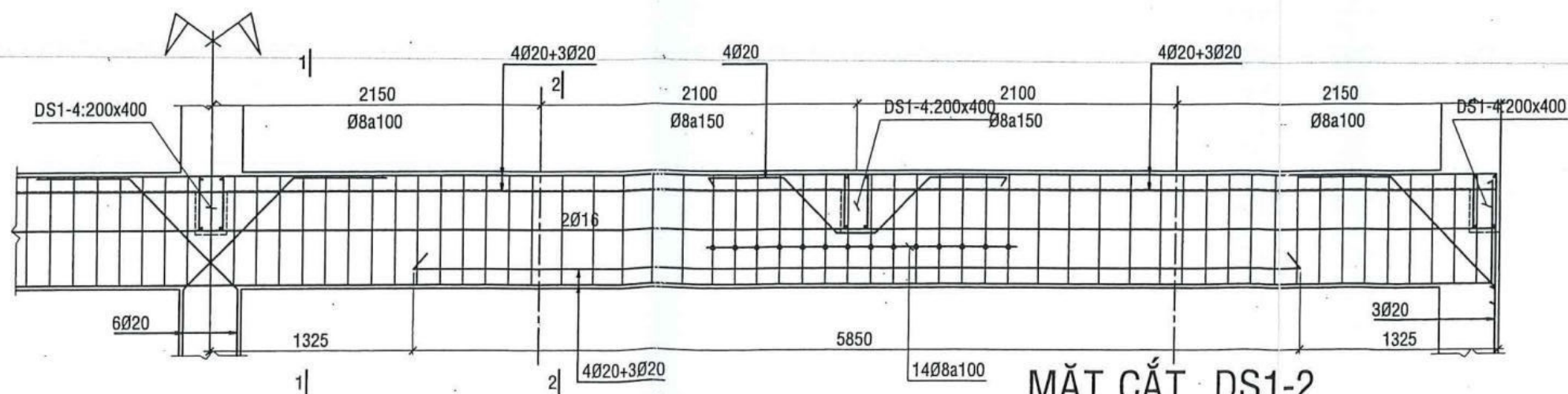
MẶT BẰNG DẦM SÀN CAO ĐỘ: +4.000.TL:1/100



MC: 1-1

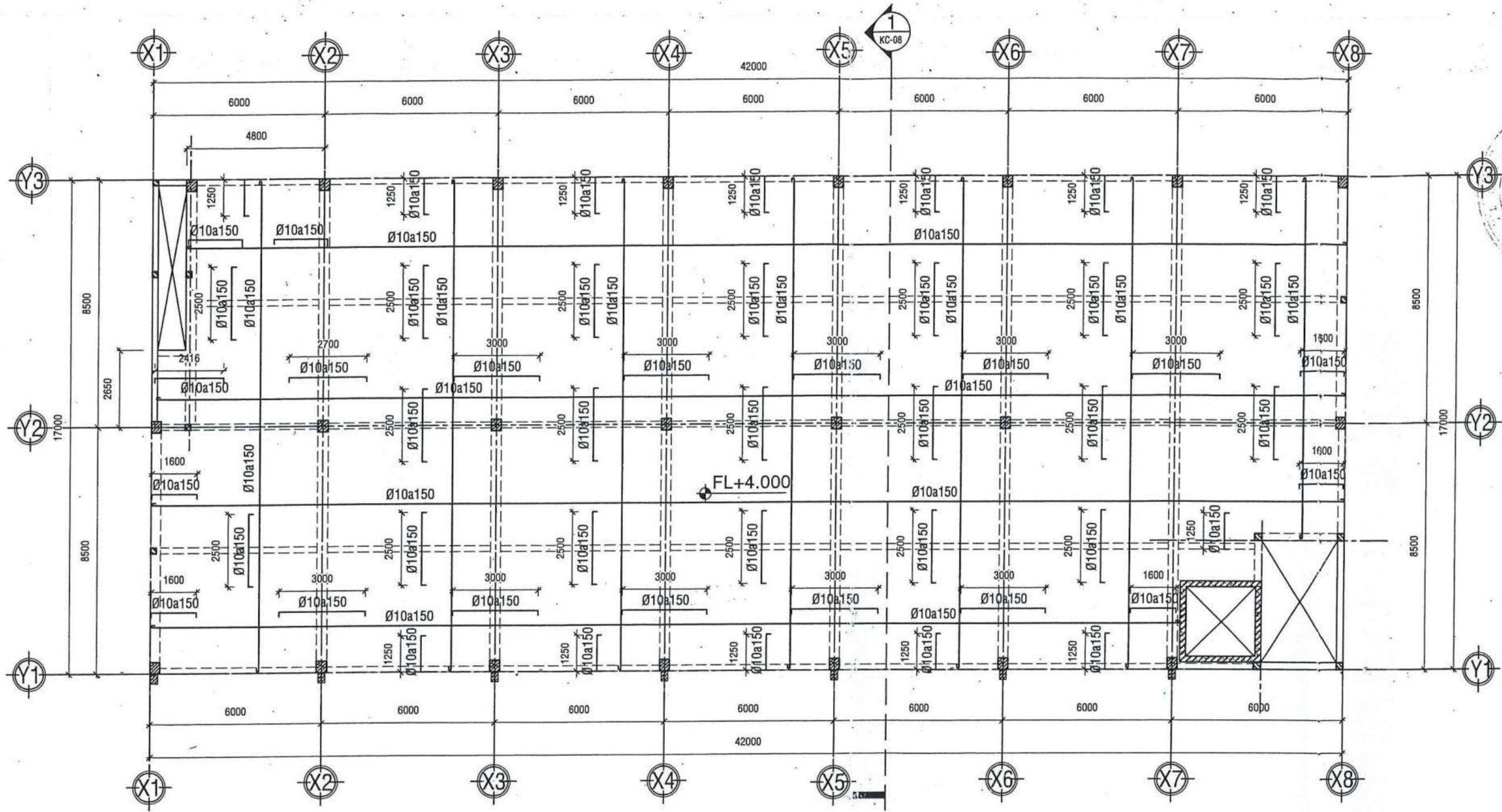


MC: 2-2

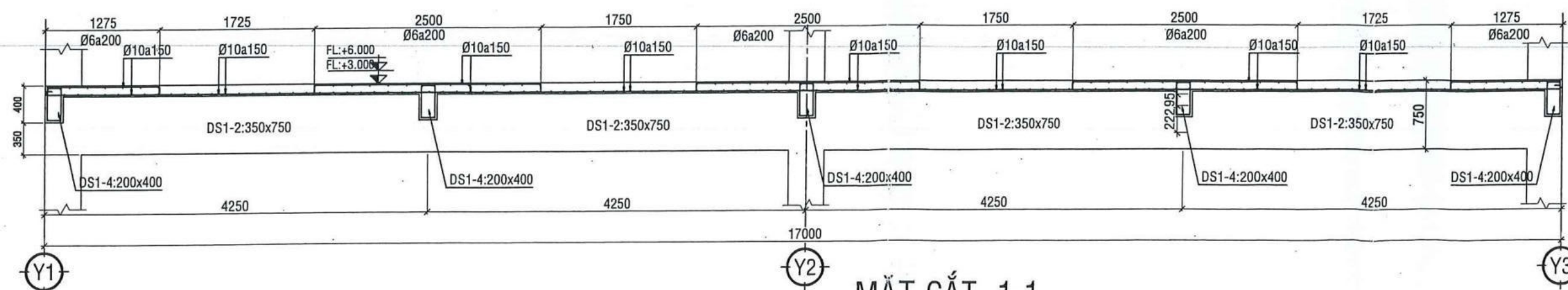


MẶT CẮT DS1-2
DS1-2断面 TỶ LỆ 1/25

HỒ SƠ HOÀN CÔNG	
CHỦ ĐẦU TƯ Owner	
CÔNG TY TNHH VINA CHANG TAI	
GIÁM ĐỐC Director	
ĐƠN VỊ THI CÔNG LIN CHU JUNG	
CÔNG TY TNHH VINH THÀNH KIẾN NGHIỆP	
THIẾT KẾ	
KTS. NGUYỄN HOÀNG QUÂN	
QUẢN LÝ KỸ THUẬT	
KTS. CAO VĂN NGHĨA	
Mục Đích Phát Hành Issued For	
Thiết Kế Sơ Bộ	☐ Preliminary
Xin Phép	☒ Ask Permission
Thi Công	☐ Construction
Hiệu Chính Revision	
Ngày Date	Thay Đổi Change
CÔNG TRÌNH:	
NHÀ XƯỞNG	
HANG MỤC:	
NHÀ XƯỞNG	
TÊN BẢN VẼ:	
MẶT BẰNG DẦM SÀN 1	
Số Hiệu: Sheet	



MẶT BẰNG THÉP SÀN CAO ĐỘ: +4.000.TL:1/100

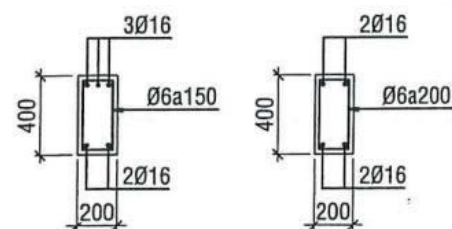


MẶT CẮT 1-1
1-1断面 1/25

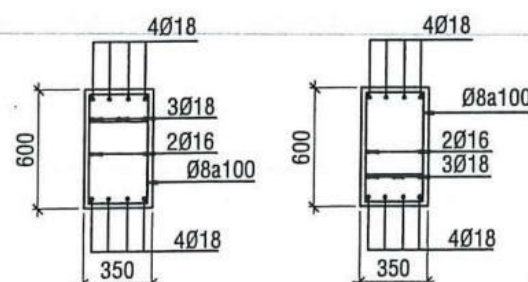
HỒ SƠ HOÀN CÔNG	
CHỦ ĐẦU TƯ Owner	
CÔNG TY TNHH VINA CHANG TAI	
GIÁM ĐỐC Director	
ĐƠN VỊ THI CÔNG LIN CHU JUNG	
CÔNG TY TNHH VINH THÀNH KIẾN NGHIỆP	
M.S.D.N: 3702431042 C.T. TNHH VĨNH THÀNH KIẾN NGHIỆP T. BÌNH DƯƠNG	
THIẾT KẾ	
KTS. NGUYỄN HOÀNG QUÂN	
QUẢN LÝ KỸ THUẬT	
KTS. CAO VĂN NGHĨA	
Mục Dích Phát Hành Issued For	
Thiết Kế Sơ Bộ ☐ Preliminary	
Xin Pháp ☒ Ask Permission	
Thi Công ☐ Construction	
Hiệu Chính Revision	
Ngày Date	Thay Đổi Change
CÔNG TRÌNH:	
NHÀ XƯỞNG	
Hạng Mục:	
NHÀ XƯỞNG	
TÊN BẢN VẼ:	
MẶT BẰNG THÉP SÀN	
Số Hiệu: Sheet	



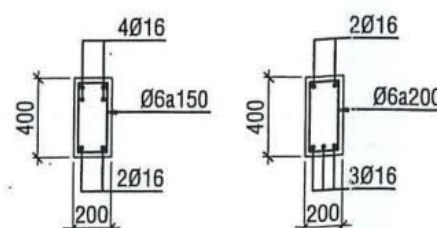
MẶT BẰNG DẦM SÀN CAO ĐỘ: +8.000.TL:1/100



MC GỐI MC NHẬP
DẦM DS1-1: 200x400



MC GỐI MC NHẬP
DẦM DS1-3: 350x600



MC GỐI MC NHẬP
DẦM DS1-4: 200x400

HỒ SƠ HOÀN CÔNG

CHỦ ĐẦU TƯ
Owner

CÔNG TY TNHH
VINA CHANG TAI

GIÁM ĐỐC
Director

ĐƠN VỊ THI CÔNG
LINH CHU LUNG

CÔNG TY TNHH VINH
THÀNH KIẾN NGHỊ



THIẾT KẾ

KTS. NGUYỄN HOÀNG QUÂN

QUẢN LÝ KỸ THUẬT

KTS. CAO VĂN NGHĨA

Mục đích Phát hành
Issued For

Thiết Kế Sơ Bộ ☐ Preliminary

Xin Phép ☒ Ask Permission

Thi Công ☐ Construction

Hiệu Chính
Revision

Ngày
Date

Thay Đổi
Change

CÔNG TRÌNH:

NHÀ XƯỞNG

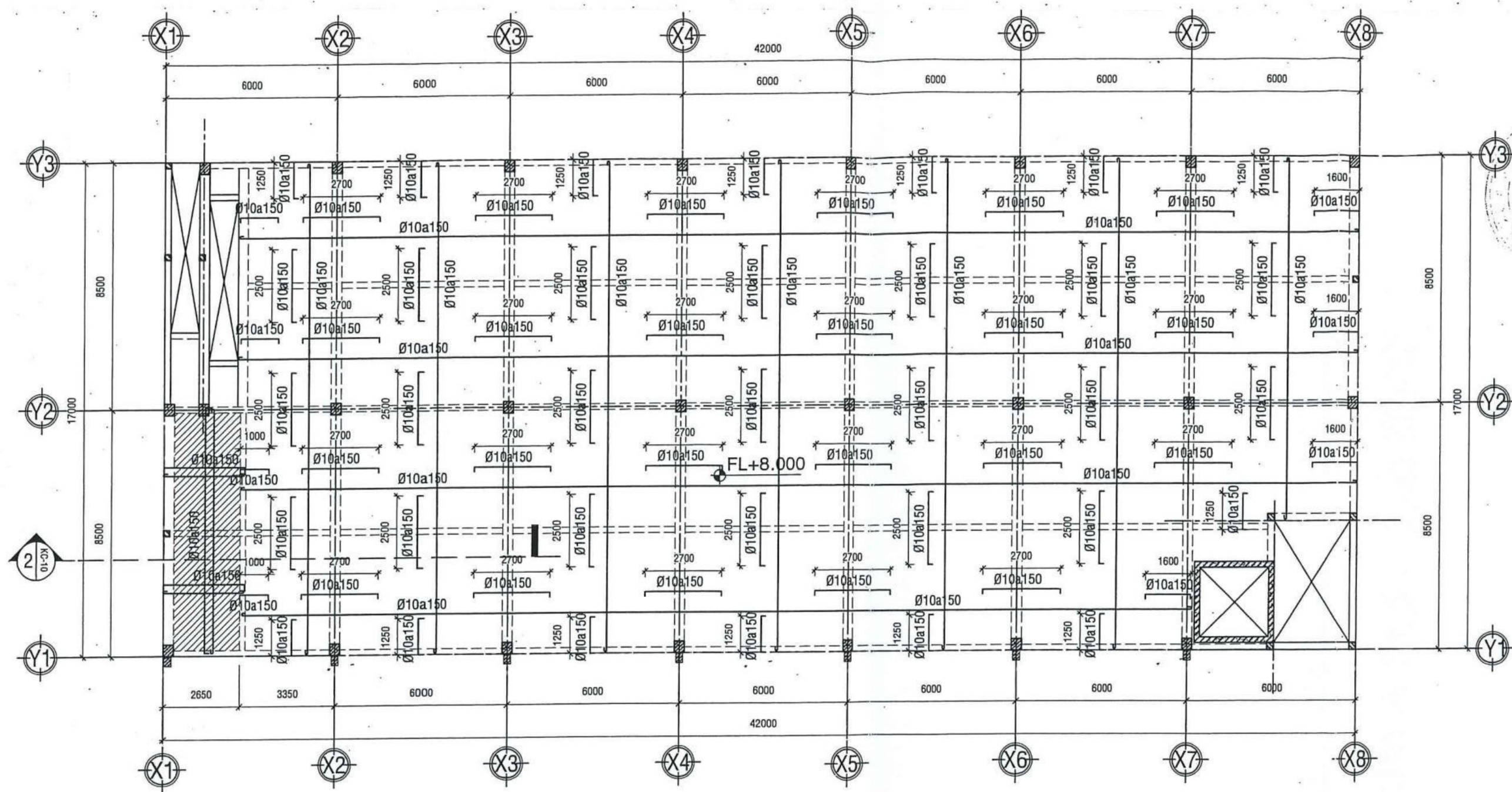
HANG MUC:

NHÀ XƯỞNG

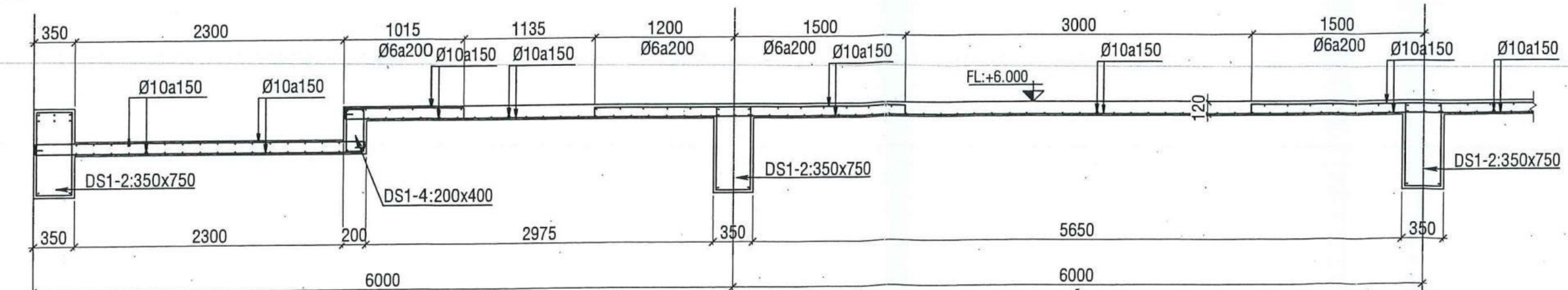
TÊN BẢN VẼ:

MẶT BẰNG DẦM SÀN 2

Số Hiệu:
Sheet

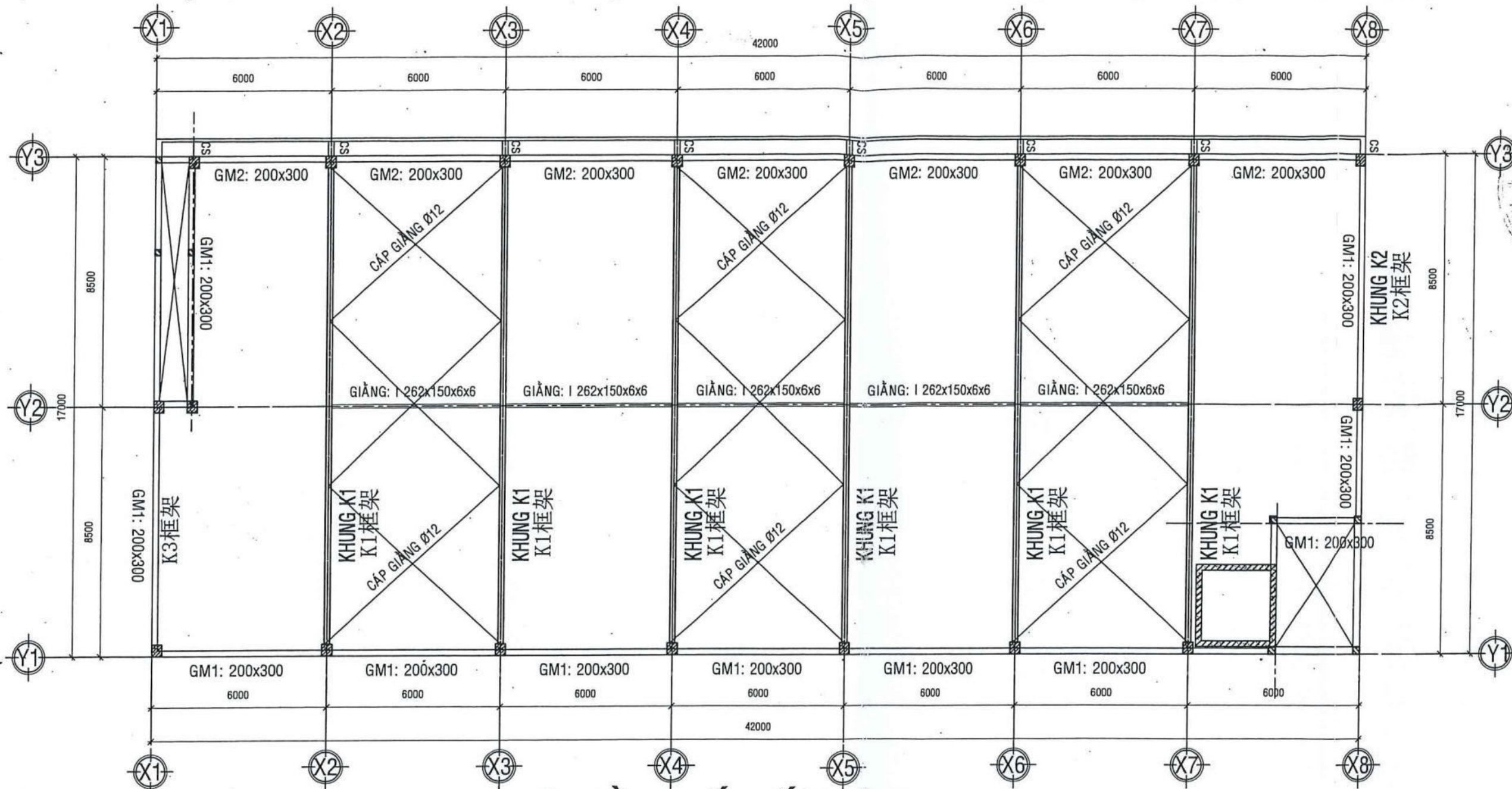


MẶT BẰNG THÉP SÀN CAO ĐỘ: +8.000.TL:1/100



MẶT CẮT 2-2
2-2断面 tỷ lệ 1/25

HỒ SƠ HOÀN CÔNG	
CHỦ ĐẦU TƯ Owner	
CÔNG TY TNHH VINA CHANG TAI	
GIÁM ĐỐC Director	
ĐƠN VỊ THI CÔNG LIN CHU JUNG	
CÔNG TY TNHH VĨNH THÀNH KIẾN NGHIỆP	
M.S.N: 3702481042 - C.T.N.H	
THIẾT KẾ	
KTS. NGUYỄN HOÀNG QUÂN	
QUẢN LÝ KỸ THUẬT	
KTS. CAO VĂN NGHĨA	
Mục Đích Phát Hành Issued For	
Thiết Kế Sơ Bộ	☐ Preliminary
Xin Phép	☒ Ask Permission
Thi Công	☐ Construction
Hiệu Chính Revision	
Ngày Date	Thay Đổi Change
CÔNG TRÌNH:	
NHÀ XƯỞNG	
TÀI ĐỒNG HỢP THỰC XÃ CỐ AN, TỈNH BÌNH DƯƠNG	
HANG MỤC:	
NHÀ XƯỞNG	
TÊN BẢN VẼ:	
MẶT BẰNG THÉP SÀN 2	
Số Hiệu: Sheet	



MẶT BẰNG KẾT CẤU MÁI.TL:1/100

支撐系與框架平面

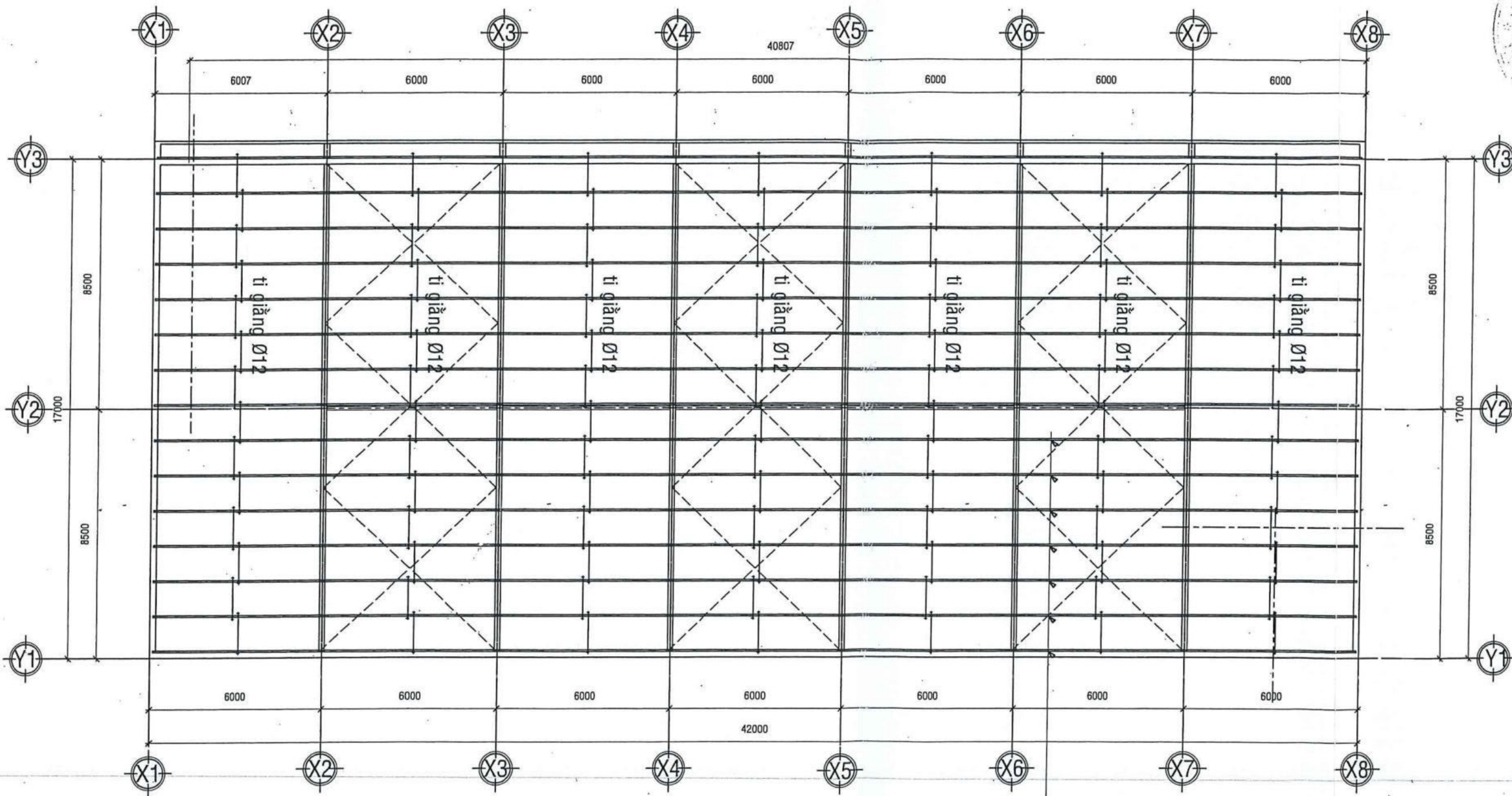
GHI CHÚ THÉP HÌNH :

- * XÀ GỖ MÁI MẠ KÉM G300: $R_a = 3000 \text{ KG/CM}^2$
鍍鋅型鋼屋頂 G300: $R_a = 3000 \text{ KG/CM}^2$
- * THÉP TẤM CHẾ TẠO KHUNG: Q345: $R_a = 3450 \text{ KG/CM}^2$
製造框架鋼板: Q345: $R_a = 3450 \text{ KG/CM}^2$
- * THÉP ĐỊNH HÌNH SS400: $R_a = 2450 \text{ KG/CM}^2$ (HOAEC TỜNG NỜONG)
定型鋼材 SS400: $R_a = 2450 \text{ KG/CM}^2$
- * BULON LIỀN KẾT KHUNG: $R_{kmin} = 4000 \text{ KG/CM}^2$ (CAÁP BEÀN 8.8)
連接框架螺栓: $R_{kmin} = 4000 \text{ KG/CM}^2$ (耐級 8.8)
- * BULON LIỀN KẾT XÀ GỖ: $R_{kmin} = 2100 \text{ KG/CM}^2$ (CAÁP BEÀN 4.6)
連接型鋼螺栓: $R_{kmin} = 2100 \text{ KG/CM}^2$ (耐級 4.6)
- * BULON NEO: SỬ DỤNG THÉP CT3, $R_a = 2100 \text{ KG/CM}^2$ (CAÁP BEÀN 5.6)
錨螺栓使用 CT3鋼, $R_a = 2100 \text{ KG/CM}^2$ (耐級 5.6)
- * QUE HÀN E-42 HOẶC LOẠI CÓ CƯỜNG ĐỘ TƯƠNG ĐƯƠNG
焊條E-42或相等強度種類
- * ĐƯỜNG HÀN PHẢI KÉO DÀI LIÊN TỤC DỌC THEO ĐƯỜNG TIẾP GIÁP CỦA CẤU KIỆN HÀN
焊接處全線之焊著兩個焊接構件。

TỶ LỆ 1/100

- * CHIỀU CAO ĐƯỜNG HÀN $h \geq 6$, VÀ BẰNG CHIỀU DÀY TẤM THÉP NHỎ NHẤT CỦA CẤU KIỆN HÀN
焊道之高度 $h \geq 6$ 及相當於鋼構件之最小厚度
- * KHI HÀN CÁC MỐI HÀN KHÔNG BỊ CHẢY RỎ
各焊縫不出現熔池缺陷或氣孔之現象。
- * CÁC LỖ ĐƯỜNG KÍNH BU LONG $D = \phi + 2 \text{ mm}$ (ϕ LÀ ĐƯỜNG KÍNH BU LONG THỰC)
各螺栓孔直徑為 $D = \phi + 2 \text{ mm}$ (ϕ - 螺栓實直徑)
- * KÍCH THƯỚC CẤU KIỆN TRƯỚC KHI CHẾ TẠO HÀNG LOẠT CẦN RÁP THỬ, ĐIỀU CHỈNH CHO PHÙ HỢP
構件尺寸在大量製造前要先安裝及調整符合
- * TOÀN BỘ KẾT CẤU KHUNG PHẢI ĐƯỢC ĐÁNH RỈ, MÀI NHẸN MẶT SƠN CHỐNG RỈ 1 LỚP, SƠN PHỦ 2 LỚP SƠN DẦU TRƯỚC KHI LẮP ĐẶT
安裝前所有框架結構要除銹、磨平, 1層塗刷防鏽漆、2層表面漆

HỒ SƠ HOÀN CÔNG	
CHỦ ĐẦU TƯ Owner	
CÔNG TY TNHH VINA CHANG TAI	
GIÁM ĐỐC Director	
ĐƠN VỊ THI CÔNG LIN CHIU JUNG	
CÔNG TY TNHH VINH THÀNH KIẾN NGHỊ	
THIẾT KẾ	
KTS. NGUYỄN HOÀNG QUÂN	
QUẢN LÝ KỸ THUẬT	
KTS. CAO VĂN NGHĨA	
Mục Dích Phát Hành Issued For	
Thiết Kế Sơ Bộ	☐ Preliminary
Xin Phép	☒ Ask Permission
Thi Công	☐ Construction
Hiệu Chính Revision	
Ngày Date	Thay Đổi Change
CÔNG TRÌNH:	
NHÀ XƯỞNG	
HANG MUC:	
NHÀ XƯỞNG	
TÊN BẢN VẼ:	
MẶT BẰNG KHUNG KÉO	
Số Hiệu: Sheet	



MẶT BẰNG XÀ GỖ MÁI
屋頂型鋼平面 1/100

C: 150x50x20x2.0 a1200

HỒ SƠ HOÀN CÔNG
CHỦ ĐẦU TƯ
Owner
CÔNG TY TNHH
VINA CHANG TAI
GIÁM ĐỐC
Director
ĐƠN VỊ THI CÔNG
LIN CHIU JUNG

CÔNG TY TNHH VINH
THÀNH KIẾN NGHIỆP
GIÁM ĐỐC
CÔNG TY
TNHH
VINH THÀNH
KIẾN NGHIỆP
THIẾT KẾ

KTS. NGUYỄN HOÀNG QUÂN
QUẢN LÝ KỸ THUẬT

KTS. CAO VĂN NGHĨA
Mục Đích Phát Hành
Issued For
Thiết Kế Sơ Bộ ☐ Preliminary
Xin Phép ☒ Ask Permission
Thi Công ☐ Construction

Hiệu Chính
Revision
Ngày
Date
Thay Đổi
Change

CÔNG TRÌNH:
NHÀ XƯỞNG
TÂN DƯƠNG HOÀNG, THỊ XÃ CỬ AN, THỊ XÃ DƯƠNG

HÀNG MỤC:
NHÀ XƯỞNG
TÊN BẢN VẼ:
MẶT BẰNG XÀ GỖ, TI GẰNG

Số Hiệu:
Sheet

TỌA MẶT CLIP-LOCK MẠ MÀU DÂY 0.45MM

CÁCH NHIỆT B2

XÀ GỖ C150x50x20x2.0 @1200, MẠ KẼM

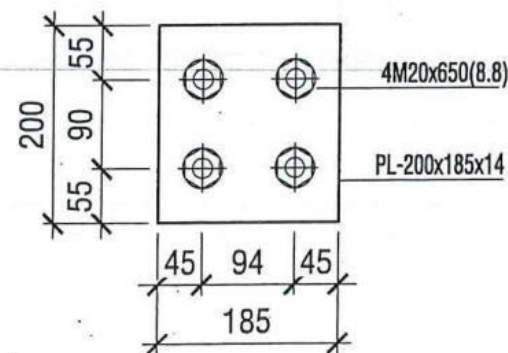
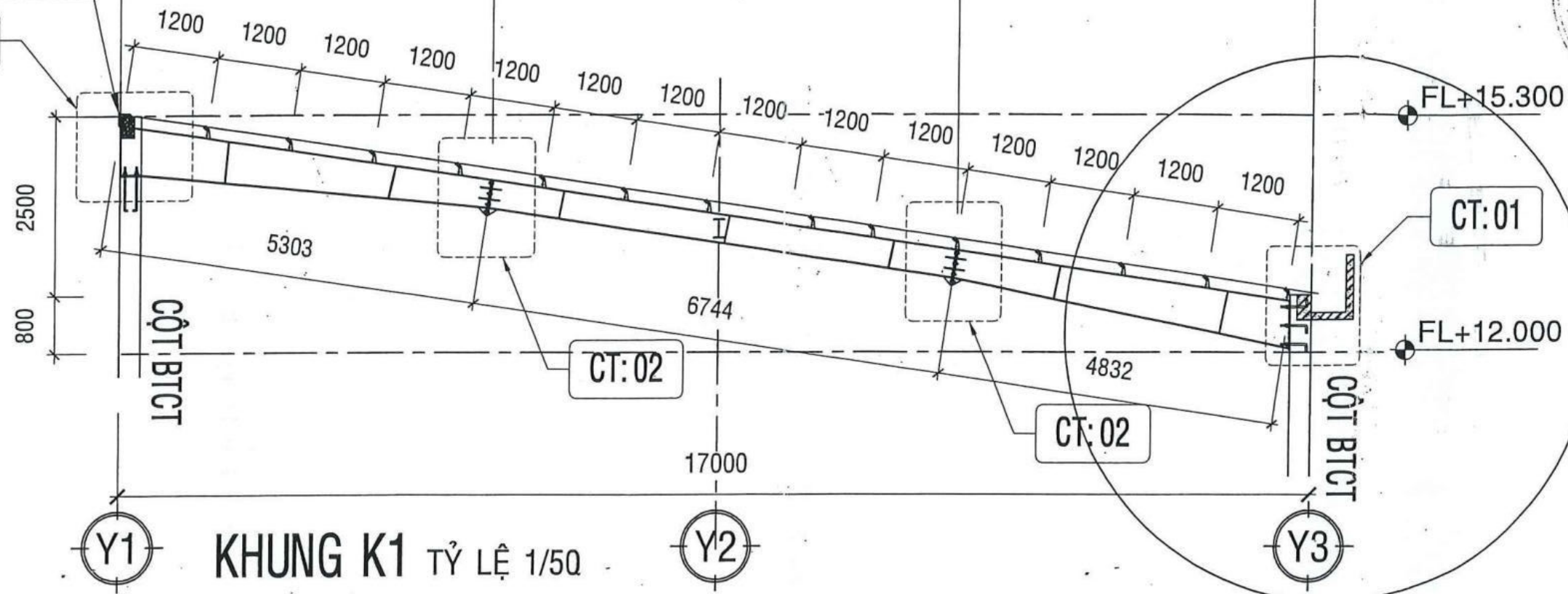
I(650-400)x185x6x10

I400x185x6x10

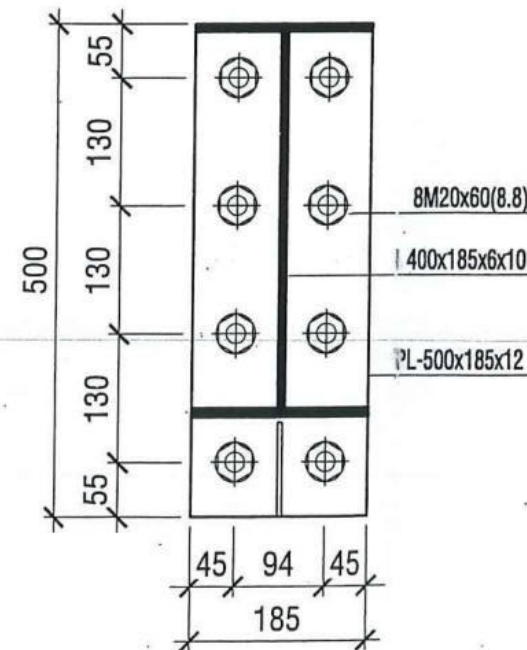
I(400-650)x185x6x10

DIỀM TOLE DÀY 0.45mm

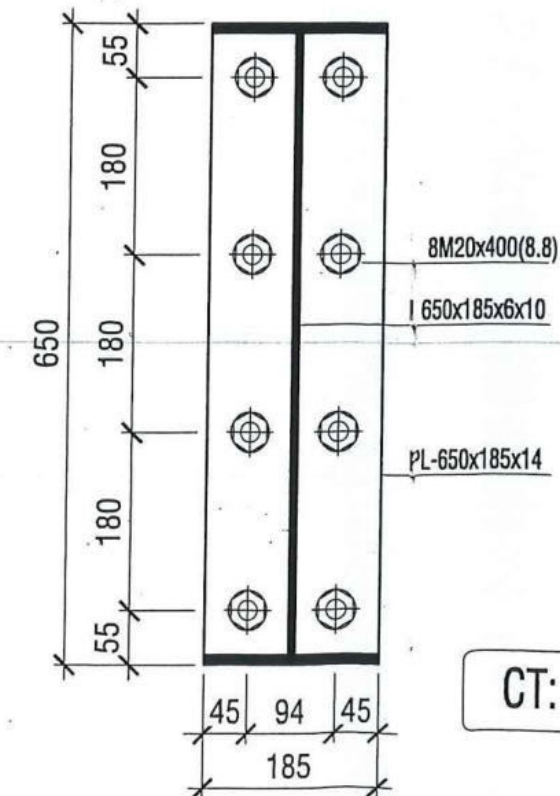
CT:03



CT:3



CT:2



CT:1

HỒ SƠ HOÀN CÔNG

CHỦ ĐẦU TƯ
Owner

CÔNG TY TNHH
VINA CHANG TAI

GIÁM ĐỐC
Director

ĐƠN VỊ THI CÔNG

LIN CHIU JUNG

CÔNG TY TNHH VINH
THÀNH KIẾN NGHIỆP



THIẾT KẾ

KTS. NGUYỄN HOÀNG QUÂN

QUẢN LÝ KỸ THUẬT

KTS. CAO VĂN NGHĨA

Mục Đích Phát Hành
Issued For

Thiết Kế Sơ Bộ ☐ Preliminary

Xin Phép ☒ Ask Permission

Thi Công ☐ Construction

Hiệu Chính
Revision

Ngày
Date

Thay Đổi
Change

CÔNG TRÌNH:

NHÀ XƯỞNG

MOI: TÂN ĐỒNG HỢP, THỊ XÃ CỬA MÈ, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

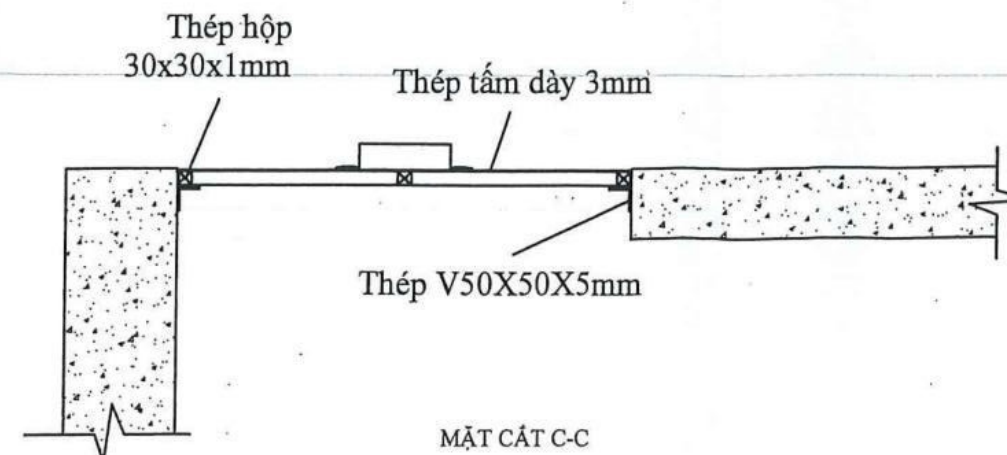
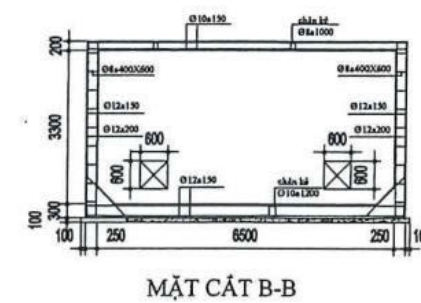
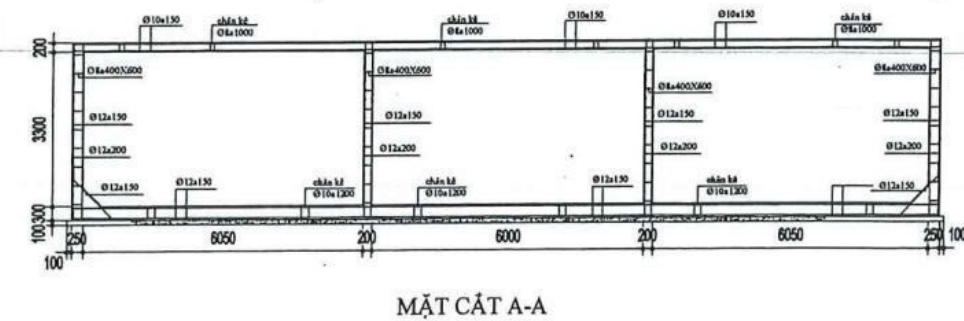
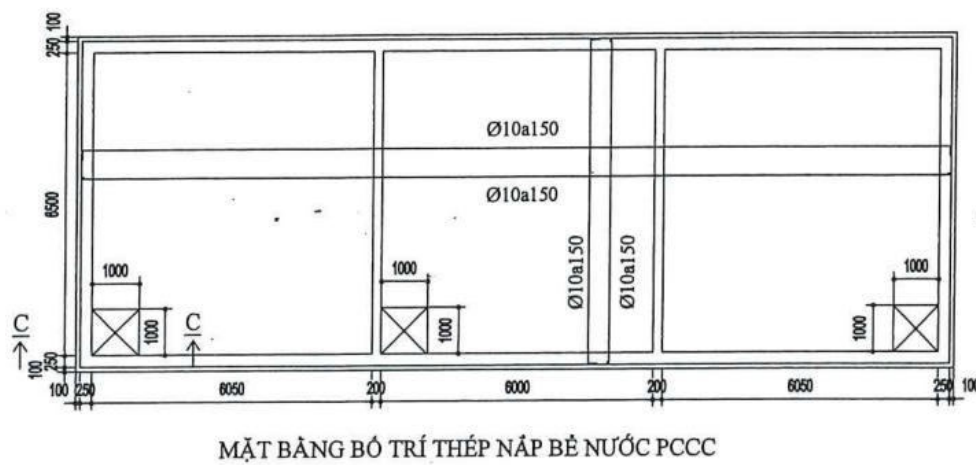
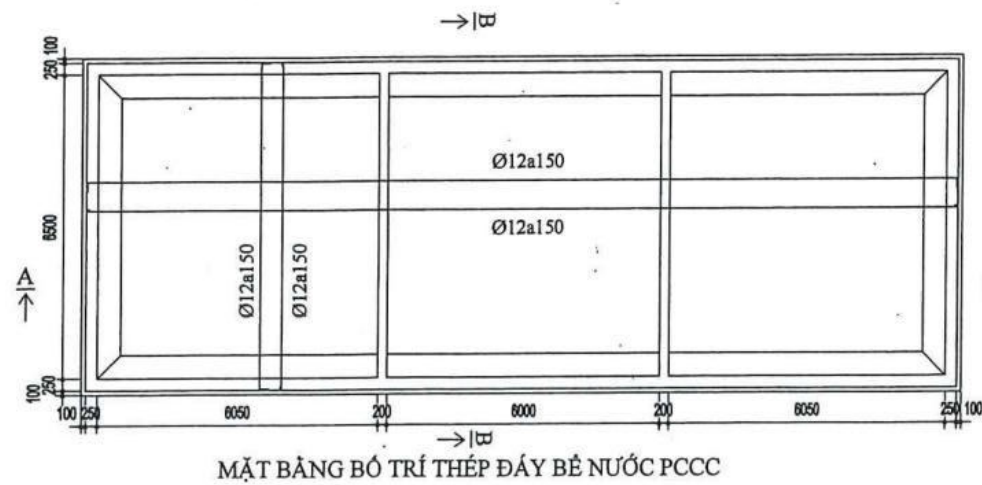
HANG MUC:

NHÀ XƯỞNG

TÊN BẢN VẼ:

CHI TIẾT KHUNG KÈO

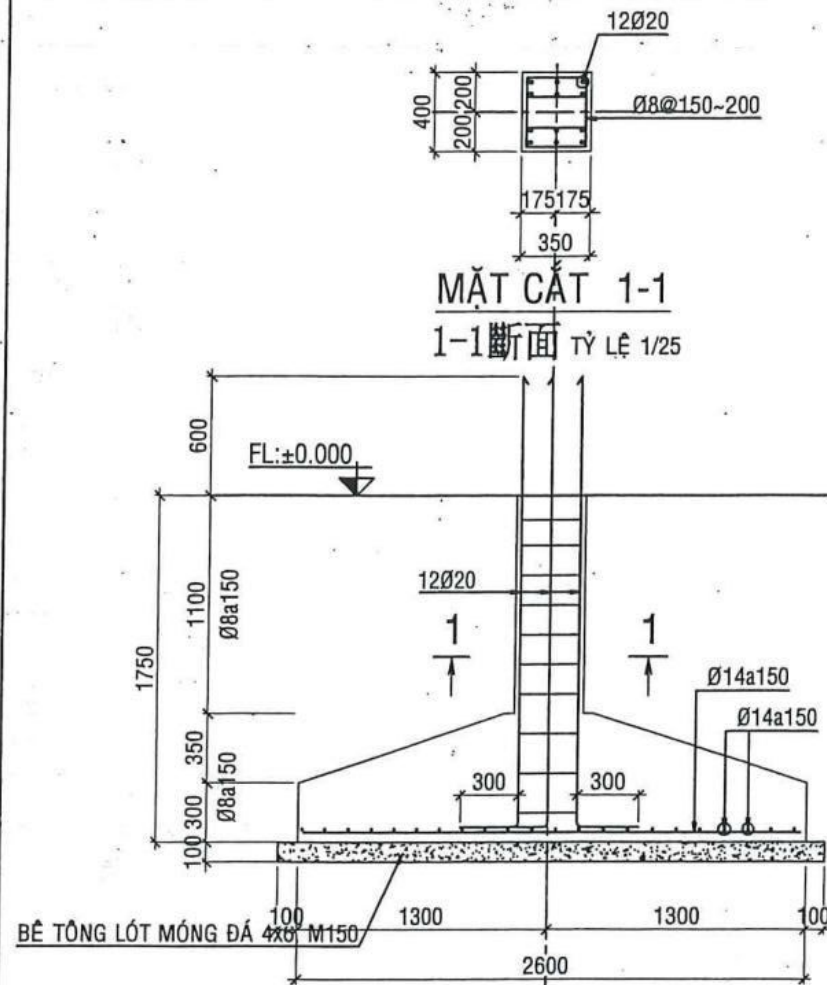
Số Hiệu:
Sheet



GHI CHÚ
 Bê tông lót đá 1x2 mác 150
 Bê tông đáy, thành, nắp đá 1x2 mác 250
 Cốt thép <Ø10, Ra=2100KG/cm2
 Cốt thép ≥Ø10, Ra=2700KG/cm2
 Mạch ngừng bê tông thành sử dụng
 thanh trương nở gốc bentonite
 Chống thấm mặt trong bể, tô
 tường bảo vệ chống thấm

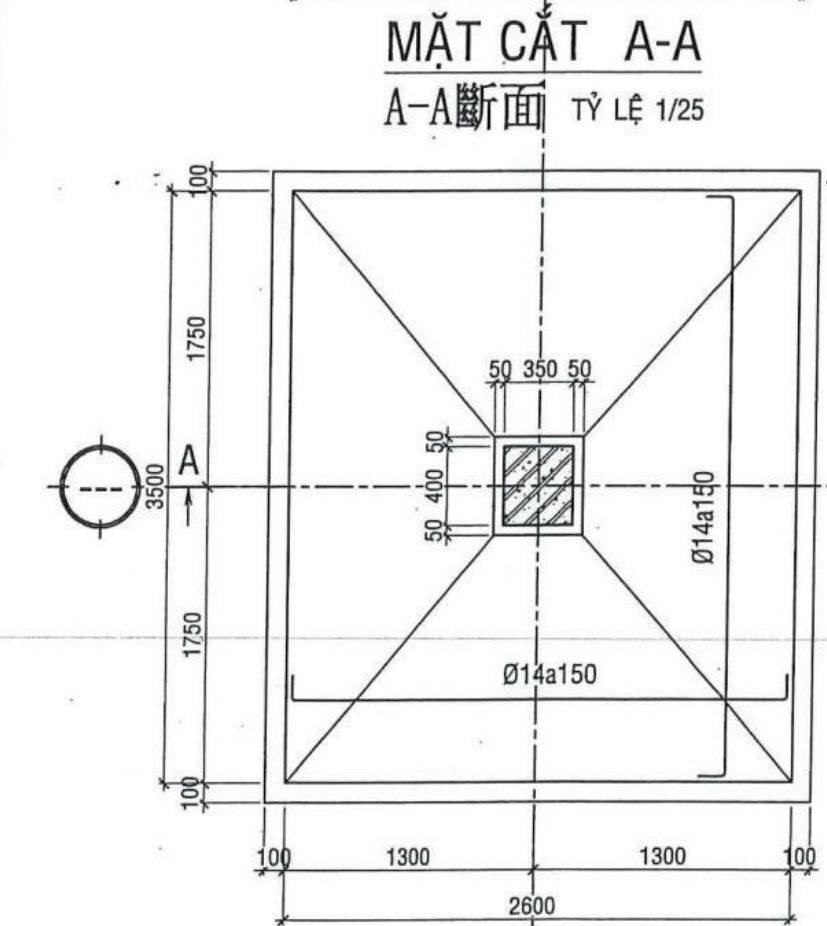


HỒ SƠ HOÀN CÔNG	
CHỦ ĐẦU TƯ Owner	
CÔNG TY TNHH VINA CHANG TAI	
GIÁM ĐỐC Director	
L. Đ. CH. LONG	
CÔNG TY TNHH VINH THÀNH KIẾN NGHIỆP	
THIẾT KẾ	
KS. LƯU NGUYỄN ÁNH SÁNG	
QUẢN LÝ KỸ THUẬT	
KTS. CAO VĂN NGHĨA	
Mục Dích Phát Hành Issued For	
Thiết Kế Sơ Bộ	☐ Preliminary
Xin Phép	☒ Ask Permission
Thi Công	☐ Construction
Hiệu Chính Revision	
Ngày Date	Thay Đổi Change
CÔNG TRÌNH:	
NHÀ XƯỞNG	
HANG MỤC:	
NHÀ XƯỞNG	
TÊN BẢN VẼ:	
HỒ PCCC	
Số Hiệu: Sheet	



MẶT CẮT 1-1

1-1断面 tỷ lệ 1/25

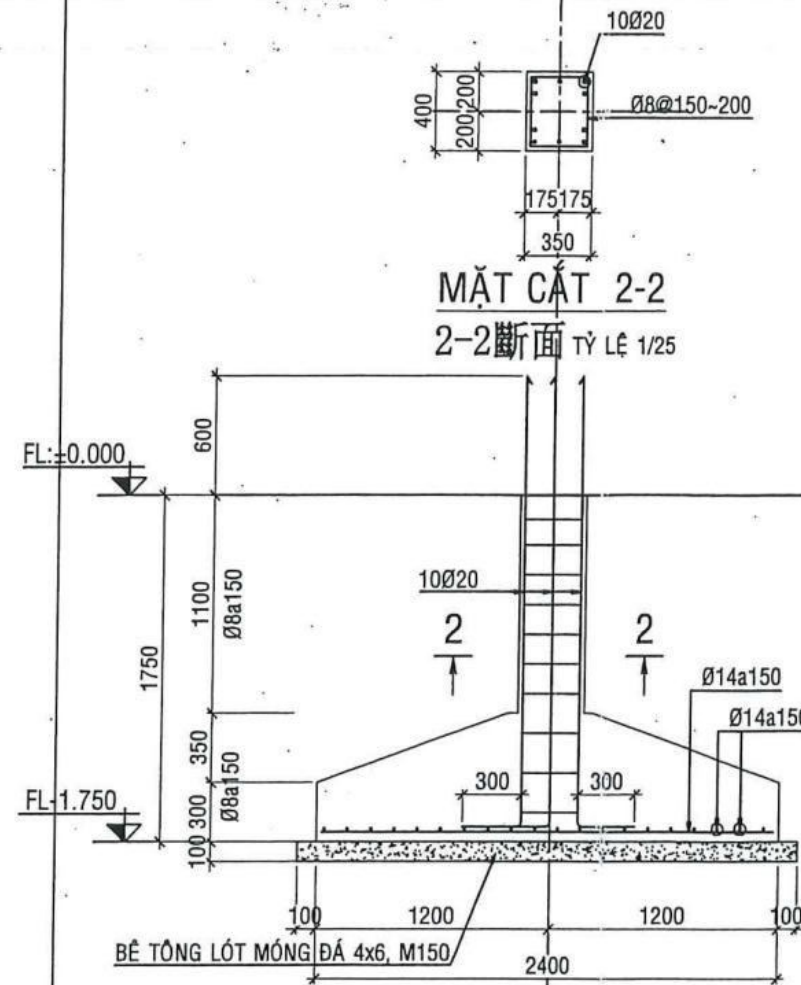


MẶT CẮT A-A

A-A断面 tỷ lệ 1/25

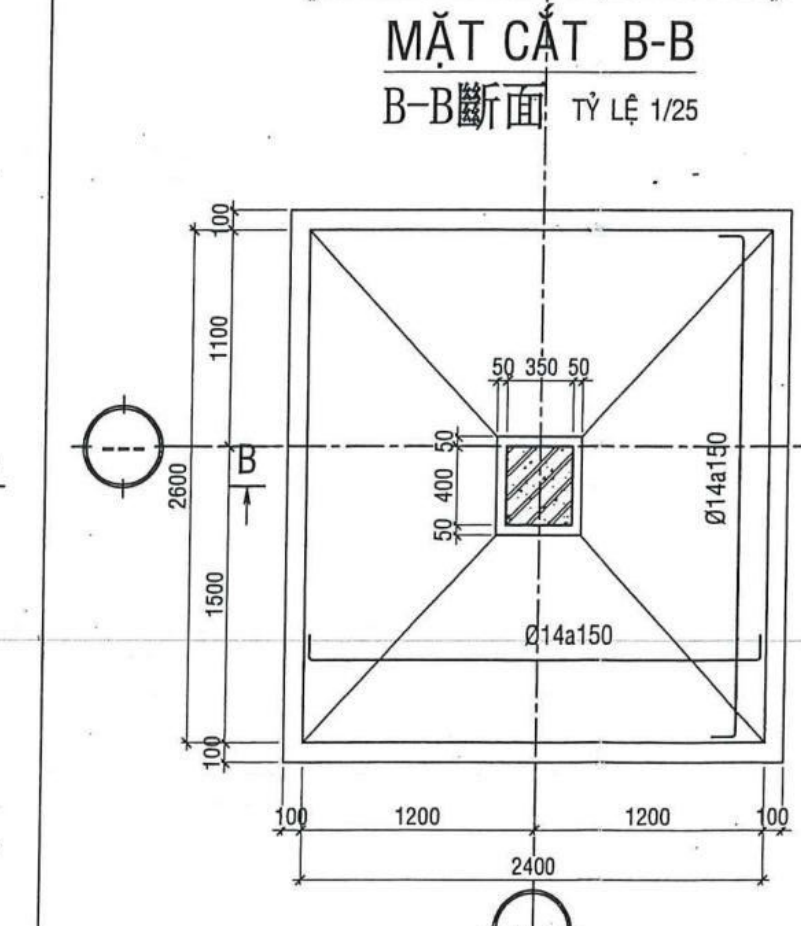
CHI TIẾT MÓNG M1-C1

M1-C1基礎細節 tỷ lệ 1/25



MẶT CẮT 2-2

2-2断面 tỷ lệ 1/25

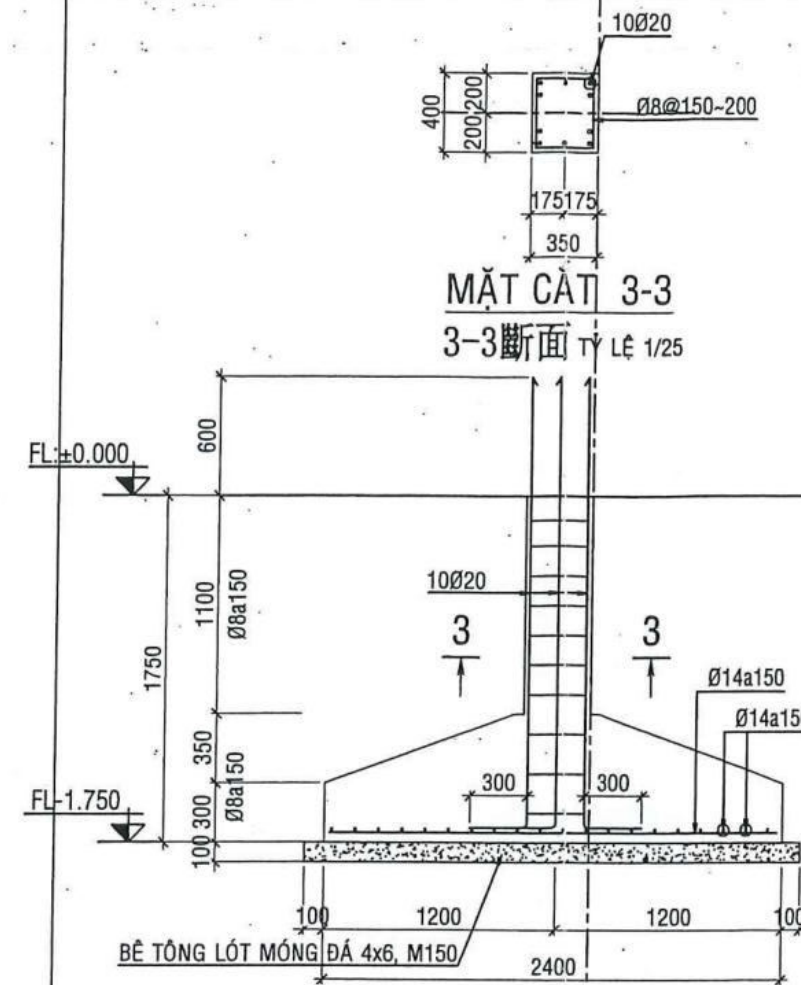


MẶT CẮT B-B

B-B断面 tỷ lệ 1/25

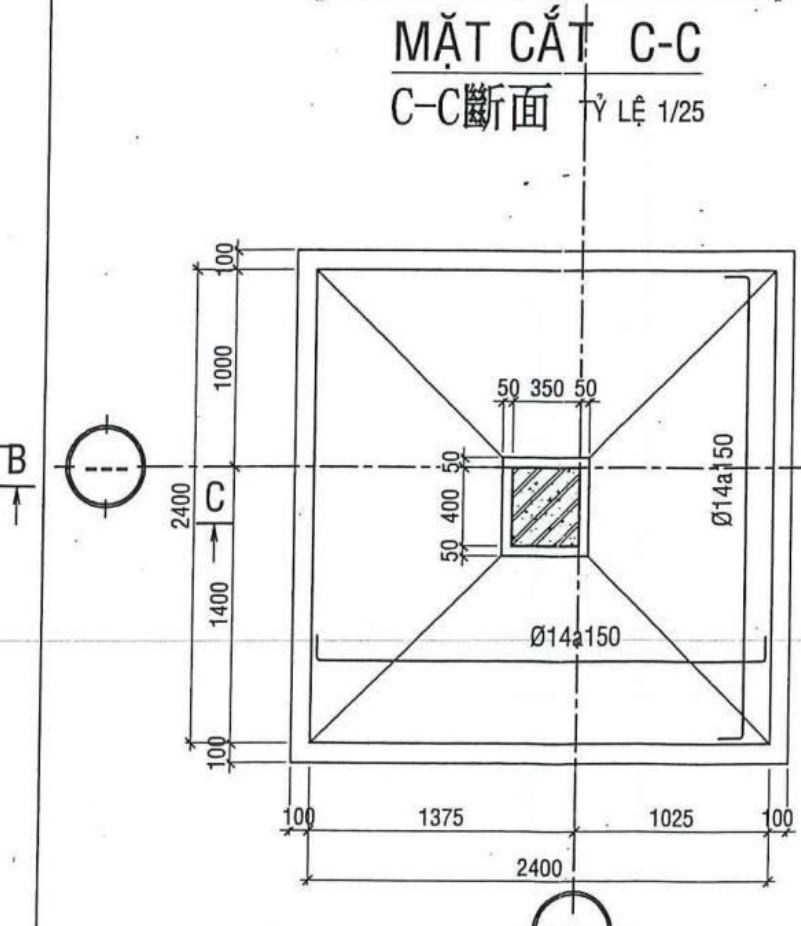
CHI TIẾT MÓNG M2-C2

M2-C2基礎細節 tỷ lệ 1/25



MẶT CẮT 3-3

3-3断面 tỷ lệ 1/25



MẶT CẮT C-C

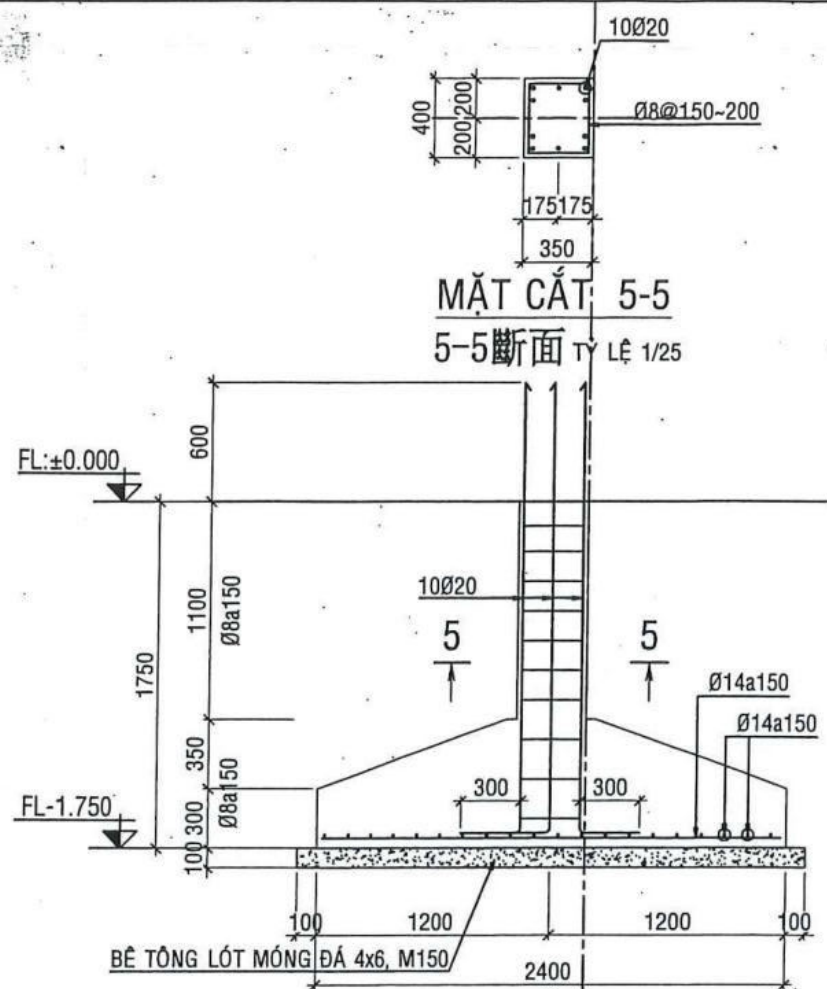
C-C断面 tỷ lệ 1/25

CHI TIẾT MÓNG M3-C2

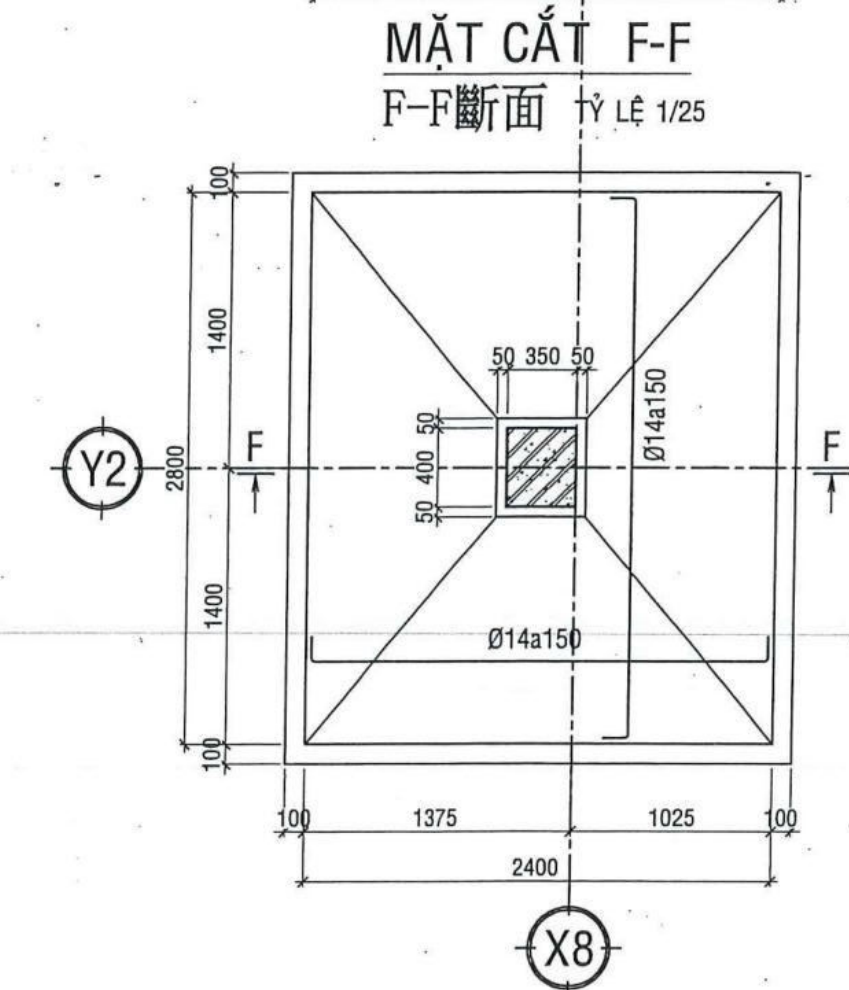
M3-C2基礎細節 tỷ lệ 1/25



HỒ SƠ HOÀN CÔNG	
CHỦ ĐẦU TƯ	Owner
CÔNG TY TNHH VINA CHANG TAI	
GIÁM ĐỐC	Director
ĐƠN VỊ THI CÔNG	
LIN CHU LUNG	
CÔNG TY TNHH VĨNH THÀNH KIẾN NGHỊ	
THIẾT KẾ	
KTS. NGUYỄN HOÀNG QUÂN	
QUẢN LÝ KỸ THUẬT	
KTS. CAO VĂN NGHĨA	
Mục đích Phát hành	Issued For
Thiết Kế Sơ Bộ	☐ Preliminary
Xin Phép	☒ Ask Permission
Thi Công	☐ Construction
Hiệu chỉnh	Revision
Ngày	Thay Đổi
Date	Change
CÔNG TRÌNH:	
NHÀ XƯỞNG	
HANG MỤC:	
NHÀ XƯỞNG	
TÊN BẢN VẼ:	
CHI TIẾT MÓNG	
Số Hiệu:	Sheet

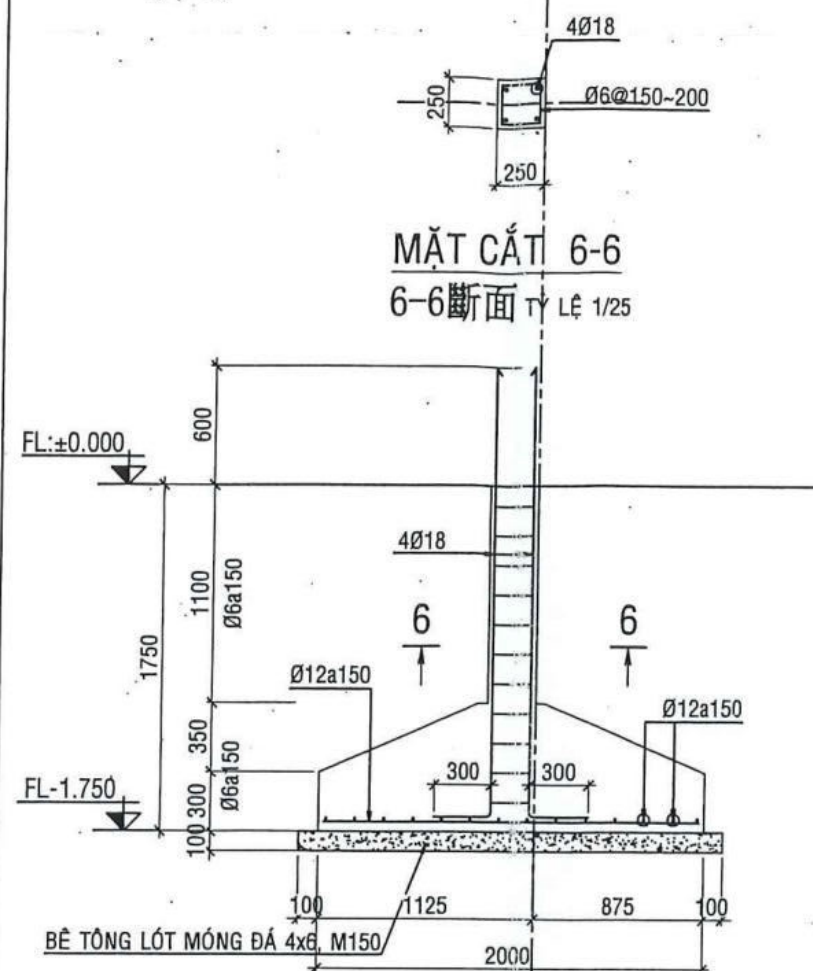


MẶT CẮT 5-5
5-5断面 TỶ LỆ 1/25

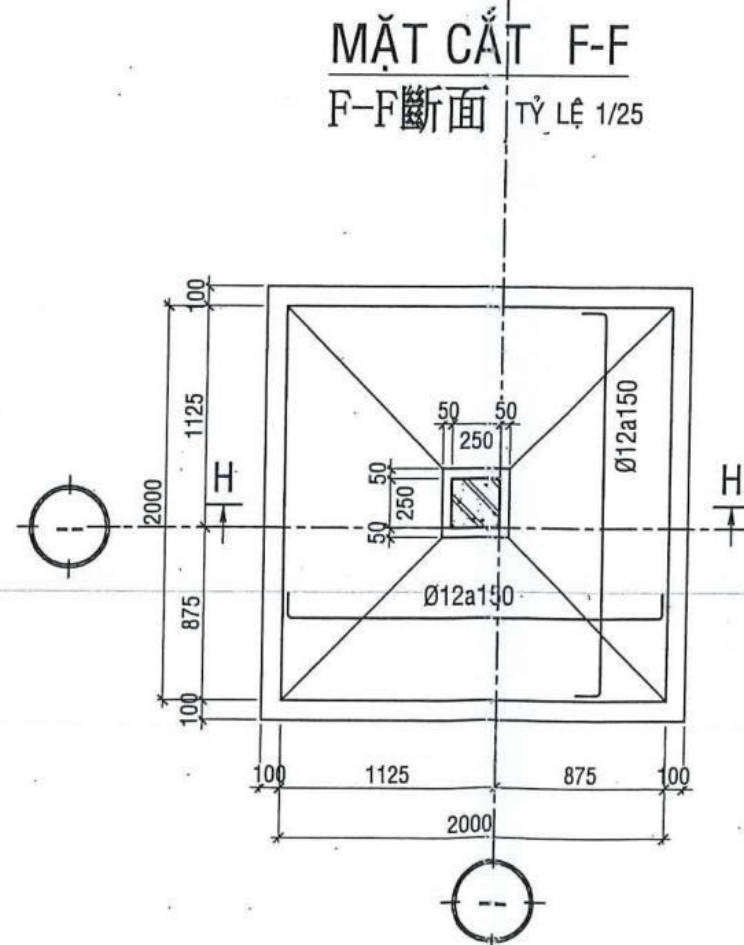


MẶT CẮT F-F
F-F断面 TỶ LỆ 1/25

CHI TIẾT MÓNG M5-C2
M5-C2基礎細節 TỶ LỆ 1/25

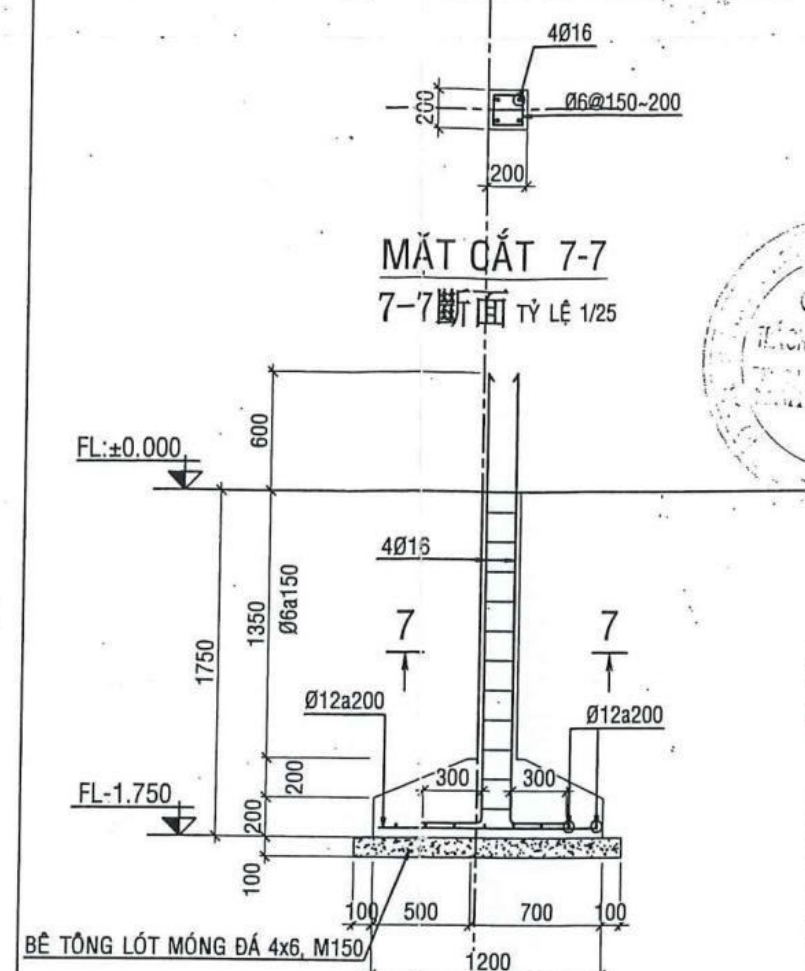


MẶT CẮT 6-6
6-6断面 TỶ LỆ 1/25

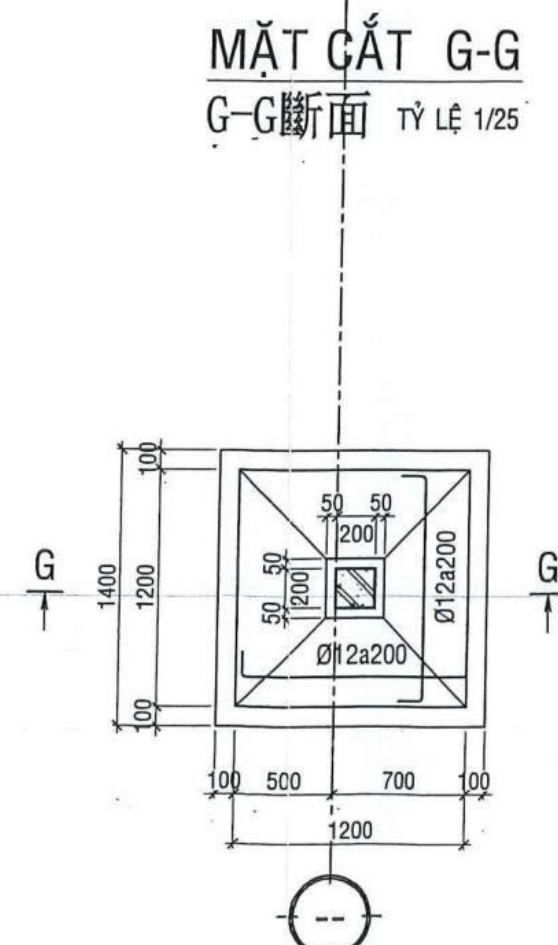


MẶT CẮT F-F
F-F断面 TỶ LỆ 1/25

CHI TIẾT MÓNG M7-C3
M7-C3基礎細節 TỶ LỆ 1/25



MẶT CẮT 7-7
7-7断面 TỶ LỆ 1/25



MẶT CẮT G-G
G-G断面 TỶ LỆ 1/25

CHI TIẾT MÓNG M8-C4
M8-C4基礎細節 TỶ LỆ 1/25

HỒ SƠ HOÀN CÔNG	
CHỦ ĐẦU TƯ Owner	
CÔNG TY TNHH VINA CHANG TAI	
GIÁM ĐỐC Director	
ĐƠN VỊ THI CÔNG LINH CHU JUNG	
CÔNG TY TNHH VINH THẠNH THÀNH KIẾN NGHIỆP M.S.D.N: 3702481042 - C.T.I.N.H	
CÔNG TY VINH THẠNH KIẾN NGHIỆP	
THIẾT KẾ	
KTS. NGUYỄN HOÀNG QUÂN	
QUẢN LÝ KỸ THUẬT	
KTS. CAO VĂN NGHĨA	
Mục Dích Phát Hành Issued For	
Thiết Kế Sơ Bộ	☐ Preliminary
Xin Phép	☒ Ask Permission
Thi Công	☐ Construction
Hiệu Chính Revision	
Ngày Date	Thay Đổi Change
CÔNG TRÌNH:	
NHÀ XƯỞNG	
ĐƠN VỊ: TÂN ĐỒNG HỢP, THỊ XÃ CỎ A, THỊ XÃ BẮC DƯƠNG	
HANG MỤC:	
NHÀ XƯỞNG	
TÊN BẢN VẼ:	
CHI TIẾT MÓNG	
Số Hiệu: Sheet	



NHÀ THẦU/CONTRACTOR:

CÔNG TY CỔ PHẦN KỸ THUẬT MÔI TRƯỜNG THẾ GIỚI XANH/GREENWORLD ENVIRONMENTAL TECHNOLOGY CORPORATION

42/36D UNG VĂN KHIÊM - PHƯỜNG 25 - QUẬN BÌNH THẠNH - TP.HCM. 42/36D UNG VAN KHIEM, WARD 25, BINH THANH DIST, HO CHI MINH CITY

www.greenworld.vn

Email: gw54@greenworld.vn

Tel: (84.28) 3898 2224

BẢN VẼ HOÀN CÔNG AS-BUILT DRAWING

CÔNG TRÌNH

PROJECT

ĐỊA ĐIỂM

LOCATION

CHỦ ĐẦU TƯ

INVESTOR

: HỆ THỐNG XỬ LÝ NƯỚC THẢI - THIẾT KẾ VÀ XÂY DỰNG - CÔNG SUẤT: 20 M³/NGÀY ĐÊM

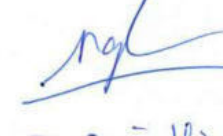
: WASTEWATER TREATMENT SYSTEM - DESIGN AND CONSTRUCT - CAPACITY: 20 M³/DAY NIGHT

: KHU C, KHU PHỐ ĐỒNG AN, PHƯỜNG TÂN ĐÔNG HIỆP, THỊ XÃ DĨ AN, TỈNH BÌNH DƯƠNG

: AREA C, DONG AN QUARTER, TAN DONG HIEP WARD, DI AN TOWN, BINH DUONG PROVINCE

: CÔNG TY TNHH VINA CHANGTAI

: VINA CHANGTAI UNDERWEAR COMPANY LIMITED

CÔNG TY CỔ PHẦN KỸ THUẬT MÔI TRƯỜNG THẾ GIỚI XANH		
BẢN VẼ HOÀN CÔNG		
Ngày 15/01 năm 2018		
Người lập	Người kiểm tra công trình	Tư vấn giám sát trưởng/ Giám sát chủ đầu tư
 Nguyễn Việt Đại	 Nguyễn Quốc Hùng	 Tư Ngang Kiên

Bình Dương, 1/2018

BINH DUONG, 1/2018



NHÀ THẦU/CONTRACTOR:

CÔNG TY CỔ PHẦN KỸ THUẬT MÔI TRƯỜNG THẾ GIỚI XANH/GREENWORLD ENVIRONMENTAL TECHNOLOGY CORPORATION

42/36D UNG VĂN KHIÊM - PHƯỜNG 25 - QUẬN BÌNH THẠNH - TP.HCM. 42/36D UNG VAN KHIEM, WARD 25, BINH THANH DIST, HO CHI MINH CITY

www.greenworld.vn

Email: gw54@greenworld.vn

Tel: (84.28) 3898 2224

BẢN VẼ HOÀN CÔNG AS-BUILT DRAWING

CÔNG TY CỔ PHẦN KỸ THUẬT MÔI TRƯỜNG THẾ GIỚI XANH		
BẢN VẼ HOÀN CÔNG		
Ngày 15/01 năm 2018		
Người lập	Chủ trì thiết kế công trình	Tư vấn giám sát trưởng / Giám sát chủ đầu tư
 Nguyễn Việt Đức	 Nguyễn Quốc Hùng	 Tệp Nguyễn Kiên

CÔNG TRÌNH

: HỆ THỐNG XỬ LÝ NƯỚC THẢI - THIẾT KẾ VÀ XÂY DỰNG - CÔNG SUẤT: 20 M³/NGÀY ĐÊM

PROJECT

: WASTEWATER TREATMENT SYSTEM - DESIGN AND CONSTRUCT - CAPACITY: 20 M³/DAY NIGHT

ĐỊA ĐIỂM

: KHU C, KHU PHỐ ĐỒNG AN, PHƯỜNG TÂN ĐÔNG HIỆP, THỊ XÃ DĨ AN, TỈNH BÌNH DƯƠNG

LOCATION

: AREA C, DONG AN QUARTER, TAN DONG HIEP WARD, DI AN TOWN, BINH DUONG PROVINCE

CHỦ ĐẦU TƯ

: CÔNG TY TNHH VINA CHANGTAI

INVESTOR

: VINA CHANGTAI UNDERWEAR COMPANY LIMITED

CHỦ ĐẦU TƯ / INVESTOR
CÔNG TY TNHH VINA CHANGTAI
VINA CHANGTAI UNDERWEAR COMPANY LIMITED



GIÁM ĐỐC

LIN CHIU JUNG

ĐƠN VỊ THI CÔNG / THE CONSTRUCTION UNIT
CÔNG TY CP KỸ THUẬT MÔI TRƯỜNG THẾ GIỚI XANH
GREENWORLD ENVIRONMENTAL TECHNOLOGY CORP



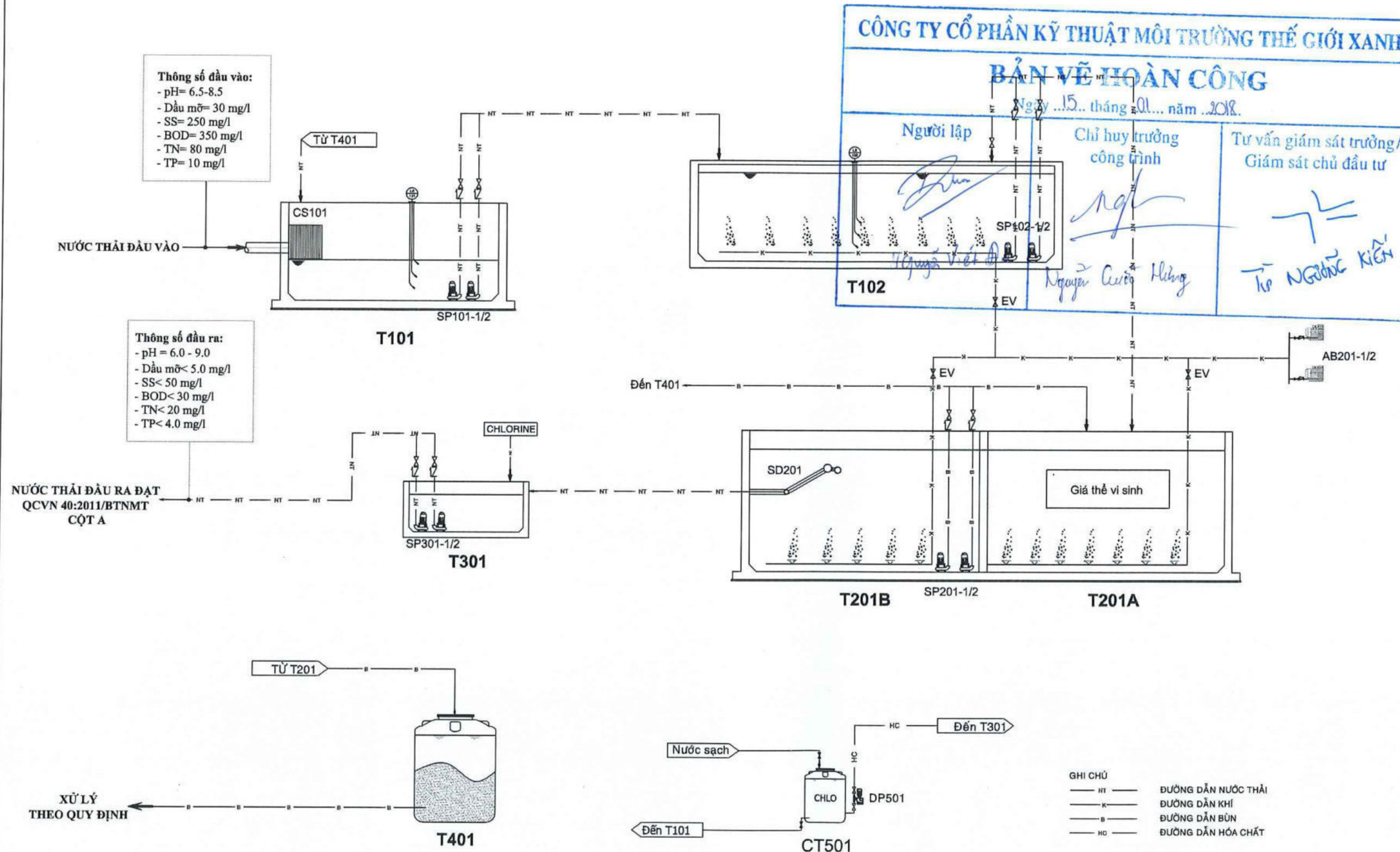
GIÁM ĐỐC

Hồ Huy Cường

Bình Dương, 1/2018

BINH DUONG, 1/2018

QUY TRÌNH CÔNG NGHỆ HỆ THỐNG XỬ LÝ NƯỚC THẢI SINH HOẠT CÔNG SUẤT: 20 M³/NGÀY ĐÊM



Thông số đầu vào:
- pH= 6.5-8.5
- Dầu mỡ= 30 mg/l
- SS= 250 mg/l
- BOD= 350 mg/l
- TN= 80 mg/l
- TP= 10 mg/l

Thông số đầu ra:
- pH = 6.0 - 9.0
- Dầu mỡ < 5.0 mg/l
- SS < 50 mg/l
- BOD < 30 mg/l
- TN < 20 mg/l
- TP < 4.0 mg/l

CÔNG TY CỔ PHẦN KỸ THUẬT MÔI TRƯỜNG THẾ GIỚI XANH

BẢN VẼ HOÀN CÔNG

Ngày ...15... tháng ...01... năm ...2018.

Người lập: *[Signature]*
 Chỉ huy trưởng công trình: *[Signature]*
 Tư vấn giám sát trưởng/ Giám sát chủ đầu tư: *[Signature]*

Tên: NGUYỄN KIẾN

KÝ HIỆU	T101	T102	T201A	T201B	T301	T401
HẠNG MỤC	Hố thu	Bể điều hòa	Bể G.SBR 1st - Ngăn MBBR	Bể G.SBR 1st	Bể khử trùng	Bể chứa bùn
KÍCH THƯỚC	1.0*0.7*2.5	2.5*1.6*2.5	1.5*1.6*2.5	2.5*1.6*2.5	1.0*0.7*2.5	2m ³
SỐ LƯỢNG	01	01	01	01	01	01

GHI CHÚ

— NT — ĐƯỜNG DẪN NƯỚC THẢI

— K — ĐƯỜNG DẪN KHÍ

— B — ĐƯỜNG DẪN BÙN

— HC — ĐƯỜNG DẪN HÓA CHẤT

GHI CHÚ

NOTE

- Bản vẽ chỉ mang tính chất tham khảo trong giai đoạn khảo sát địa điểm.
 - Cao +0.0 trong bản vẽ tương ứng với Cao độ mặt bằng hoàn thiện.
 - Hồ sơ thiết kế công nghệ này là một phần tài sản của Công ty GreenWorld đã được đăng ký bản quyền. Chúng tôi nghiêm cấm việc sao chép và phổ biến dưới mọi hình thức nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của công ty GreenWorld.

CHỦ ĐẦU TƯ
INVESTOR

CÔNG TY TNHH VINA CHANGTAI

GIÁM ĐỐC
DIRECTOR

CÔNG TRÌNH
PROJECT

HỆ THỐNG XỬ LÝ NƯỚC THẢI

ĐỊA ĐIỂM
SITE

KHU C, KP. DÔNG AN, P. TÂN DÔNG HIỆP
TX. DĨ AN, T. BÌNH DƯƠNG

HẠNG MỤC
ITEM

HỆ THỐNG XỬ LÝ XỬ LÝ NƯỚC THẢI
CÔNG SUẤT: 20 M³/NGÀY ĐÊM

TÊN BẢN VẼ
DRAWING TITLE

SƠ ĐỒ CÔNG NGHỆ

CÔNG TY CỔ PHẦN KỸ THUẬT MÔI TRƯỜNG THẾ GIỚI XANH

GREENWORLD

42/36D LUNG VÂN KIỆM, P.25, Q.BÌNH THẠNH, TP.HCM
 Tel : 08.38982224 - 08.22160414 Fax : 08.35129062
 Email: gw54@greenworld.vn
 Website: www.greenworld.vn

GIÁM ĐỐC
DIRECTOR

CHỦ TRƯỞNG
MAJOR ARCH

HỒ HUY CƯ

THIẾT KẾ
DESIGNED BY

CAO THỊ THU TRANG

VẼ
DRAWN BY

NGUYỄN VIỆT ĐỨC

KIỂM TRA
CHECKED BY

CAO THỊ THU TRANG

HỒ SƠ TK
DOCUMENT

BẢN VẼ SỐ
DRAWING No

TỔNG SỐ BV
TOTAL DRW

NGÀY HT
DATE

05-2017

PFD-01/01

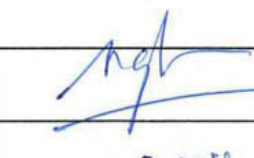
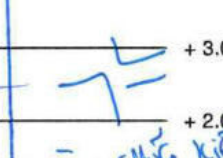
08

CAO TRÌNH CÔNG NGHỆ HỆ THỐNG XỬ LÝ NƯỚC THẢI
CÔNG SUẤT: 20 M3/NGÀY ĐÊM

CÔNG TY CỔ PHẦN KỸ THUẬT MÔI TRƯỜNG THE GIỚI XANH

BẢN VẼ HOÀN CÔNG

Ngày ...15... tháng ...01... năm ...2018

Người lập	Chỉ huy trưởng công trình	Tư vấn giám sát trưởng Giám sát chủ đầu tư
 Nguyễn Việt Đức	 Nguyễn Quốc Hùng	 Trần Văn Khoa

GHI CHÚ
NOTE

Bản vẽ chỉ mang tính chất tham khảo trong giai đoạn khảo sát địa điểm. Các số liệu trong bản vẽ tương ứng với Cao độ mặt bằng hoàn thiện. Hồ sơ thiết kế công nghệ này là một phần tài sản của Công ty GreenWorld và được đăng ký bản quyền. Chúng tôi nghiêm cấm việc sao chép và phổ biến dưới mọi hình thức nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của công ty GreenWorld.

CHỦ ĐẦU TƯ
INVESTOR

CÔNG TY TNHH VINA CHANGTAI



CÔNG TRÌNH
PROJECT

HỆ THỐNG XỬ LÝ NƯỚC THẢI

ĐỊA ĐIỂM
SITE

KHU C, KP. ĐÔNG AN, P. TÂN ĐÔNG HIỆP
TX. ĐI AN, T. BÌNH DƯƠNG

HẠNG MỤC
ITEM

HỆ THỐNG XỬ LÝ XỬ LÝ NƯỚC THẢI
CÔNG SUẤT: 20 M3/NGÀY ĐÊM

TÊN BẢN VẼ
DRAWING TITLE

CAO TRÌNH HỆ THỐNG



CÔNG TY CỔ PHẦN KỸ THUẬT
MÔI TRƯỜNG THE GIỚI XANH

GREENWORLD

42/36D UNG VĂN KIỆM, P.25, Q.BÌNH THẠNH, TP.HCM
Tel: 08.39982224 - 08.22160414 Fax: 08.35129062
Email: gw54@greenworld.vn
Website: www.greenworld.vn



CHỦ TRÌ
MAJOR ARCH

HỒ HUY CƯ

THIẾT KẾ
DESIGNED BY

CAO THỊ THU TRANG

VẼ
DRAWN BY

NGUYỄN VIỆT ĐỨC

KIỂM TRA
CHECKED BY

CAO THỊ THU TRANG

HỒ SƠ TK
DOCUMENT

BẢN VẼ SỐ
DRAWING No

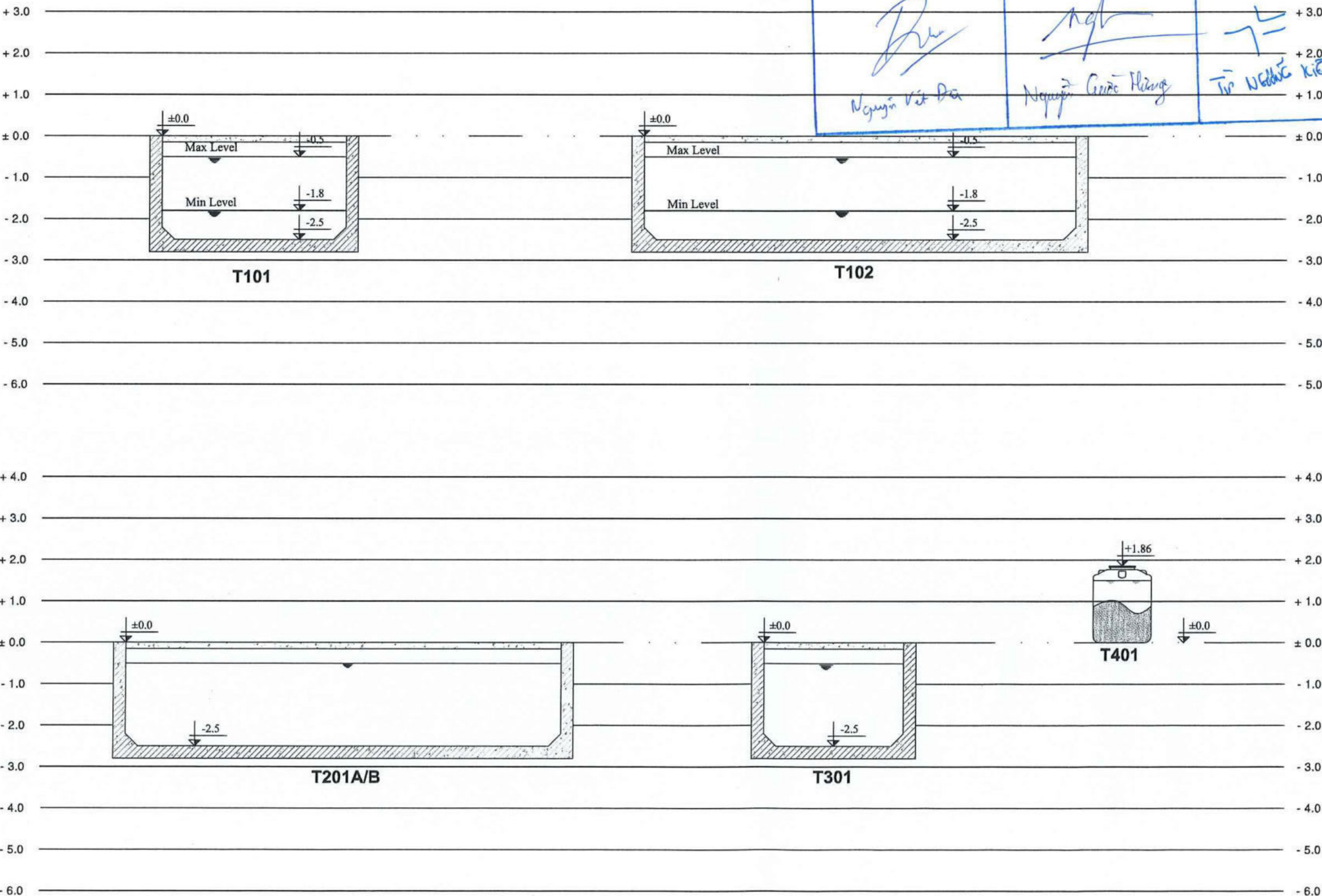
TỔNG SỐ BV
TOTAL DRWS

NGÀY HT
DATE

05-2017

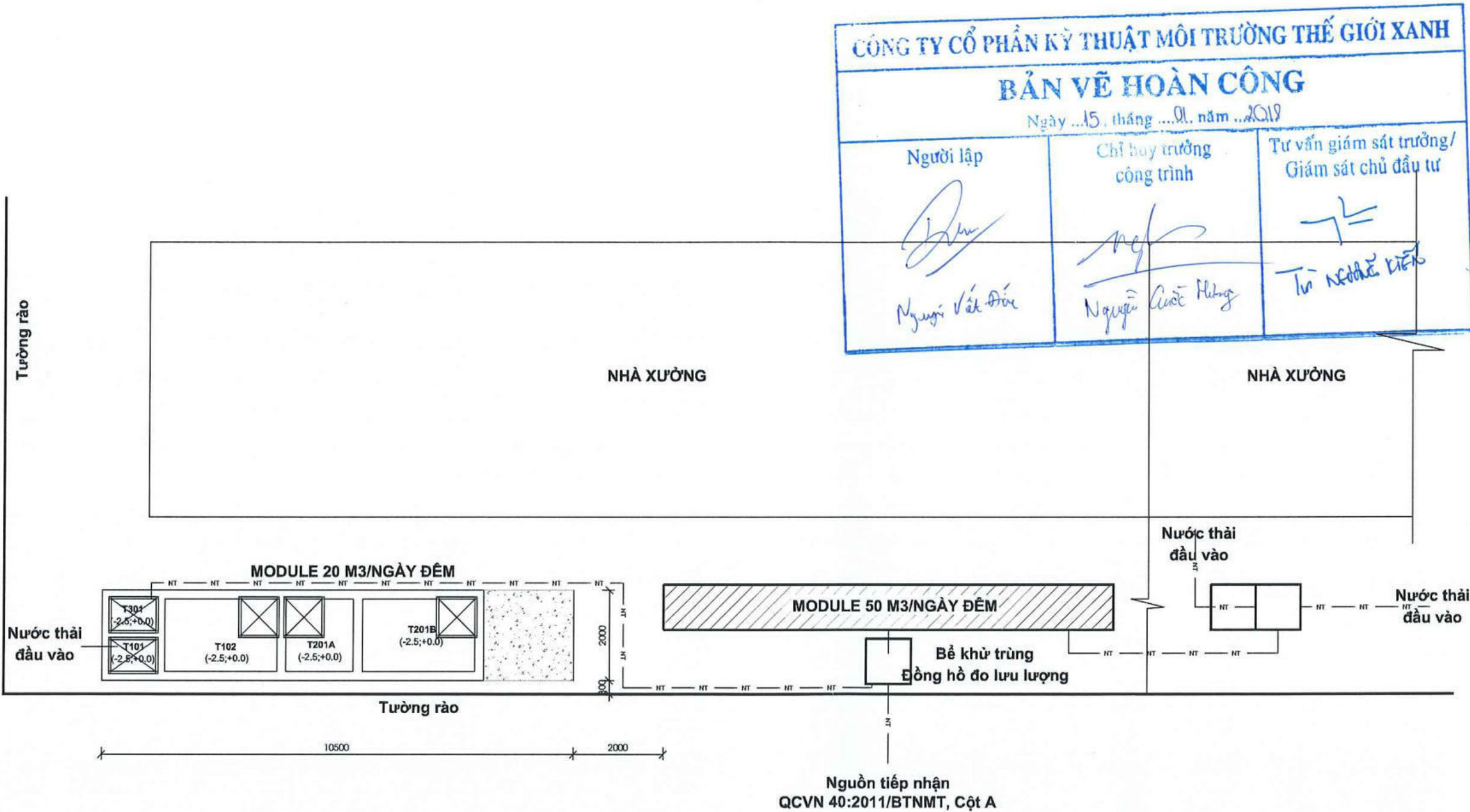
CT-01/01

08



MẶT BẰNG VỊ TRÍ HỆ THỐNG XỬ LÝ NƯỚC THẢI CÔNG SUẤT: 70 M³/NGÀY ĐÊM

Tỉ lệ: 1/100



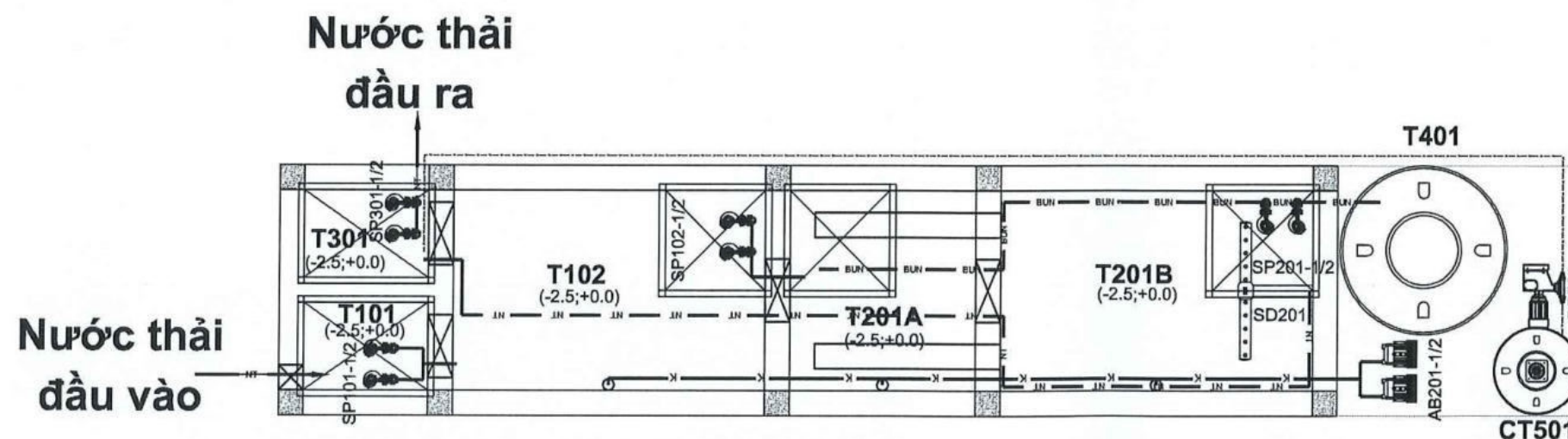
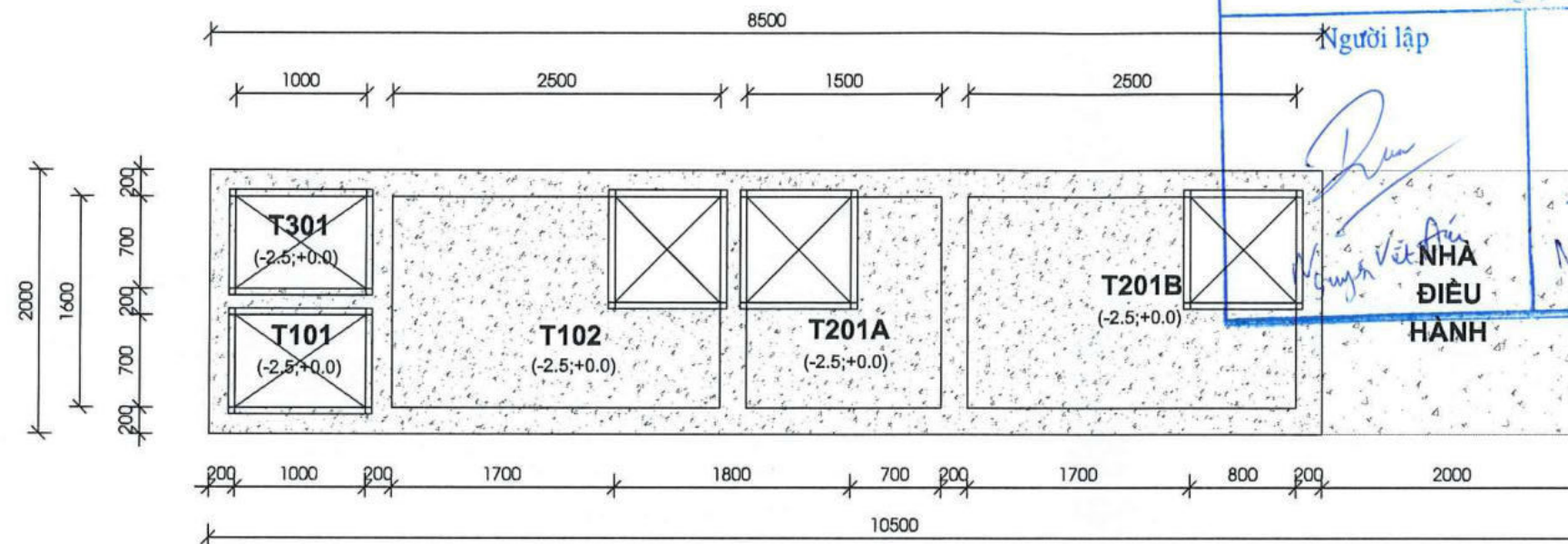
KÝ HIỆU	T101	T102	T201A	T201B	T301	T401
HẠNG MỤC	Hồ thu	Bể điều hòa	Bể G.SBR 1st - Ngăn MBBR	Bể G.SBR 1st	Bể khử trùng	Bể chứa bùn
KÍCH THƯỚC	1.0*0.7*2.5	2.5*1.6*2.5	1.5*1.6*2.5	2.5*1.6*2.5	1.0*0.7*2.5	2m ³
SỐ LƯỢNG	01	01	01	01	01	01

CÔNG TY CỔ PHẦN KỸ THUẬT MÔI TRƯỜNG THẾ GIỚI XANH		
BẢN VẼ HOÀN CÔNG		
Ngày ...15... tháng ...01... năm ...2017		
Người lập	Chỉ huy trưởng công trình	Tư vấn giám sát trưởng/ Giám sát chủ đầu tư
Nguyễn Văn Đức	Nguyễn Quốc Hưng	Trần Nguyễn Kiệt

GHI CHÚ NOTE	
- Bản vẽ chỉ mang tính chất tham khảo trong giai đoạn chào giá - Cao độ trong bản vẽ tương ứng với Cao độ mặt bằng hoàn thiện - Hồ sơ thiết kế công nghệ này là một phần tài sản của Công ty GreenWorld đã được đăng ký bản quyền. Chúng tôi nghiêm cấm việc sao chép và phổ biến dưới mọi hình thức nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của công ty GreenWorld.	
CHỦ ĐẦU TƯ INVESTOR	
CÔNG TY TNHH VINA CHANGTAI	
CÔNG TRÌNH PROJECT	
HỆ THỐNG XỬ LÝ NƯỚC THẢI	
ĐỊA ĐIỂM SITE	
KHU C, KP. ĐÔNG AN, P. TÂN ĐÔNG HIỆP TX. DĨ AN, T. BÌNH DƯƠNG	
HẠNG MỤC ITEM	
HỆ THỐNG XỬ LÝ XỬ LÝ NƯỚC THẢI CÔNG SUẤT: 20 M ³ /NGÀY ĐÊM	
TÊN BẢN VẼ DRAWING TITLE	
MẶT BẰNG VỊ TRÍ	
CÔNG TY CỔ PHẦN KỸ THUẬT MÔI TRƯỜNG THẾ GIỚI XANH	
GREENWORLD	
42/36D UNG VĂN KIỆM, P.25, Q.BÌNH THẠNH, TP.HCM Tel: 08.39982224 - 08.22160414 Fax: 08.35129062 Email: gw54@greenworld.vn Website: www.greenworld.vn	
CHỦ TRÌ MAJOR ARCH	HỒ HUY CƯ
THIẾT KẾ DESIGNED BY	CAO THỊ THU TRANG
VẼ DRAWN BY	NGUYỄN VIỆT ĐỨC
KIỂM TRA CHECKED BY	CAO THỊ THU TRANG
HỒ SƠ TK DOCUMENT	BẢN VẼ SỐ DRAWING No
NGÀY HT DATE	05-2017
	MBDV-01/01
	08

MẶT BẰNG TỔNG THỂ HỆ THỐNG XỬ LÝ NƯỚC THẢI CÔNG SUẤT: 20 M³/NGÀY ĐÊM

Tỉ lệ: 1/50



KÝ HIỆU	T101	T102	T201A	T201B	T301	T401
HẠNG MỤC	Hố thu	Bể điều hòa	Bể G.SBR 1st - Ngăn MBBR	Bể G.SBR 1st	Bể khử trùng	Bể chứa bùn
KÍCH THƯỚC	1.0*0.7*2.5	2.5*1.6*2.5	1.5*1.6*2.5	2.5*1.6*2.5	1.0*0.7*2.5	2m ³
SỐ LƯỢNG	01	01	01	01	01	01

CÔNG TY CỔ PHẦN KỸ THUẬT MÔI TRƯỜNG THẾ GIỚI XANH

BẢN VẼ HOÀN CÔNG

Ngày 15 tháng 01 năm 2018

Người lập

Chỉ huy trưởng công trình

Tư vấn giám sát công trình / Giám sát chủ đầu tư

NHÀ ĐIỀU HÀNH

GHI CHÚ
NOTE

- Bản vẽ chỉ mang tính chất tham khảo trong giai đoạn chào giá
- Các số trong bản vẽ tương ứng với Cao độ mặt bằng hoàn thiện
- Hồ sơ thiết kế công nghệ này là một phần tài sản của Công ty GreenWorld đã được đăng ký bản quyền. Chúng tôi nghiêm cấm việc sao chép và phổ biến dưới mọi hình thức nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của công ty GreenWorld.

CHỦ ĐẦU TƯ
INVESTOR

CÔNG TY TNHH VINA CHANGTAI

CÔNG TRÌNH
PROJECT

HỆ THỐNG XỬ LÝ NƯỚC THẢI

ĐỊA ĐIỂM
SITE

KHU C, KP. ĐỒNG AN, P. TÂN ĐỒNG HIỆP
TX. DĨ AN, T. BÌNH DƯƠNG

HẠNG MỤC
ITEM

HỆ THỐNG XỬ LÝ XỬ LÝ NƯỚC THẢI
CÔNG SUẤT: 20 M³/NGÀY ĐÊM

TÊN BẢN VẼ
DRAWING TITLE

MẶT BẰNG HỆ THỐNG



CÔNG TY CỔ PHẦN KỸ THUẬT
MÔI TRƯỜNG THẾ GIỚI XANH

GREENWORLD

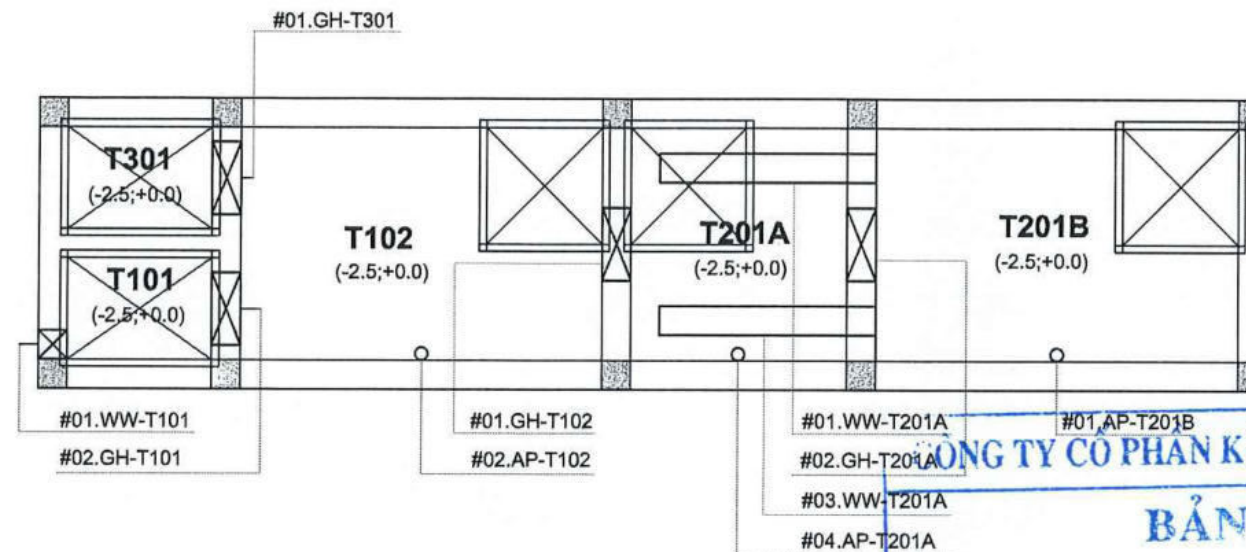
42/36D LUNG VÂN KIỆM, P.25, Q.BÌNH THẠNH, TP.HCM
Tel : 08.38982224 - 08.22160414 Fax : 08.35129062
Email: gw54@greenworld.vn
Website: www.greenworld.vn



CHỦ TRƯỞNG MAJOR ARCH	HỒ HUY CƯ	
THIẾT KẾ DESIGNED BY	CAO THỊ THU TRANG	
VẼ DRAWN BY	NGUYỄN VIỆT ĐỨC	
KIỂM TRA CHECKED BY	CAO THỊ THU TRANG	
HỒ SƠ TK DOCUMENT	BẢN VẼ SỐ DRAWING No	TỔNG SỐ BV TOTAL DRWG
NGÀY HT DATE	05-2017	MB-01/02 08

MẶT BẰNG LỖ THÔNG TƯỜNG HỆ THỐNG XỬ LÝ NƯỚC THẢI CÔNG SUẤT: 20 M³/NGÀY ĐÊM

Tỉ lệ: 1/50



Ghi chú:

TOP: Top of pipe - Đỉnh ống
TOH: Top of hole - Đỉnh lỗ thông tường
WW: Waste water - Đường nước thải
AP: Air piping - Đường khí thổi từ máy thổi khí
GH: Gas hole - Lỗ thông tường
±0.00: Cos mặt bể

Nắp bể:

- BTCT, dày 150 mm, thép Ø12 a200x200, đan 2 lớp
- Sơn chống thấm

Đáy bể:

- BTCT, dày 250 mm, thép Ø14 a200x200, đan 2 lớp
- Sơn chống thấm

BẢN VẼ HOÀN CÔNG

Ngày 15 tháng 01 năm 2018

Người lập

[Signature]

Chỉ đạo trưởng công trình

[Signature]
Nguyễn Quốc Hùng

Tư vấn giám sát trưởng/
Giám sát chủ đầu tư

[Signature]
Trần Ngọc Bình

Vị trí	Ký hiệu	Cao độ	Đặc tính đường ống	Ghi chú
T101 Hố thu ±0.0/-2.5	#01.WW-T101	TOP: -0.50	uPVC - DN200 - 6bar	Đục lỗ Ø5mm
	#02.GH-T101	TOH: -0.15	Hole - LxH: 500x200mm	
T102 Bể điều hòa ±0.0/-2.5	#01.GH-T102	TOH: -0.15	Hole - LxH: 500x200mm	
	#02.AP-T102	TOP: ±0.00	uPVC - DN90 - 6bar	
T201A G.SBR 1st ±0.0/-2.5	#01.WW-T201A	TOP: -1.80	uPVC - DN200 - 6bar	Đục lỗ Ø5mm
	#02.GH-T201A	TOH: -0.15	Hole - LxH: 500x200mm	
	#03.WW-T201A	TOP: -1.80	uPVC - DN200 - 6bar	
	#04.AP-T201A	TOP: ±0.00	uPVC - DN90 - 6bar	
T201B G.SBR 1st ±0.0/-2.5	#01.AP-T201B	TOP: ±0.00	uPVC - DN90 - 6bar	
T301 Bể khử trùng ±0.0/-2.5	#01.GH-T301	TOH: -0.15	Hole - LxH: 500x200mm	

GHI CHÚ
NOTE

- Bản vẽ chỉ mang tính chất tham khảo trong giai đoạn chào giá
- Cos +0.0 trong bản vẽ tương ứng với Cao độ mặt bằng hoàn thiện
- Hồ sơ thiết kế công nghệ này là một phần tài sản của Công ty GreenWorld đã được đăng ký bản quyền. Chúng tôi nghiêm cấm việc sao chép và phổ biến dưới mọi hình thức nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của công ty GreenWorld.

CHỦ ĐẦU TƯ
INVESTOR

CÔNG TY TNHH VINA CHANGTAI



CÔNG TRÌNH
PROJECT

HỆ THỐNG XỬ LÝ NƯỚC THẢI

ĐỊA ĐIỂM
SITE

KHU C, KP. ĐÔNG AN, P. TÂN ĐÔNG HIỆP
TX. DĨ AN, T. BÌNH DƯƠNG

HÀNG MỤC
ITEM

HỆ THỐNG XỬ LÝ XỬ LÝ NƯỚC THẢI
CÔNG SUẤT: 20 M³/NGÀY ĐÊM

TÊN BẢN VẼ
DRAWING TITLE

MẶT BẰNG LỖ THÔNG TƯỜNG

CÔNG TY CỔ PHẦN KỸ THUẬT
MÔI TRƯỜNG THẾ GIỚI XANH

GREENWORLD

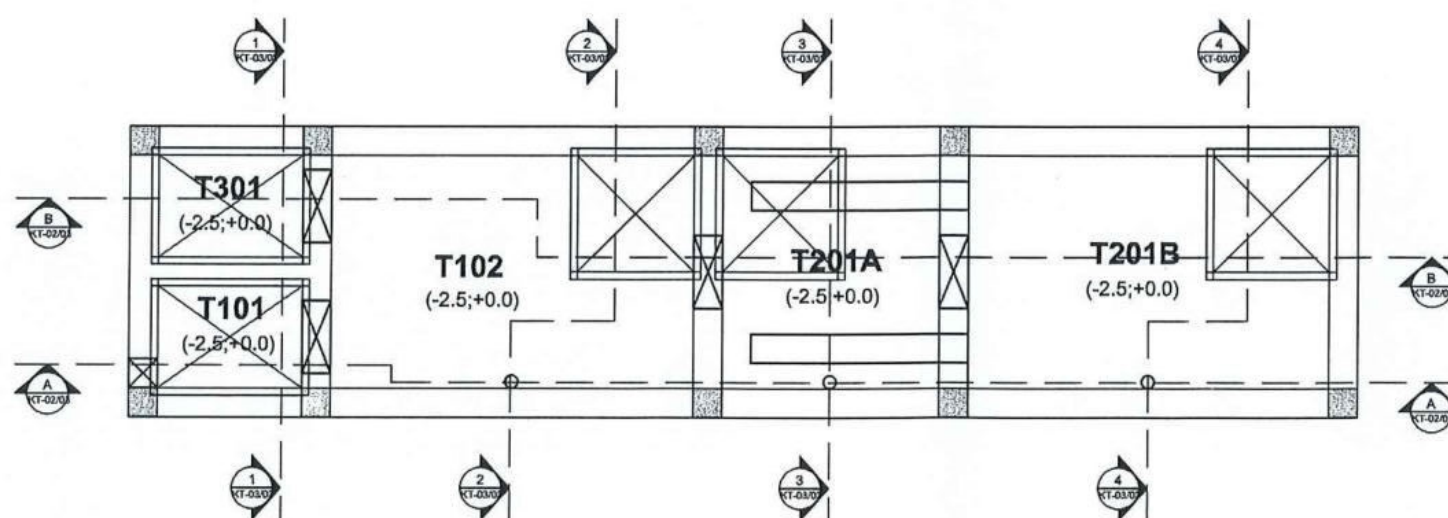
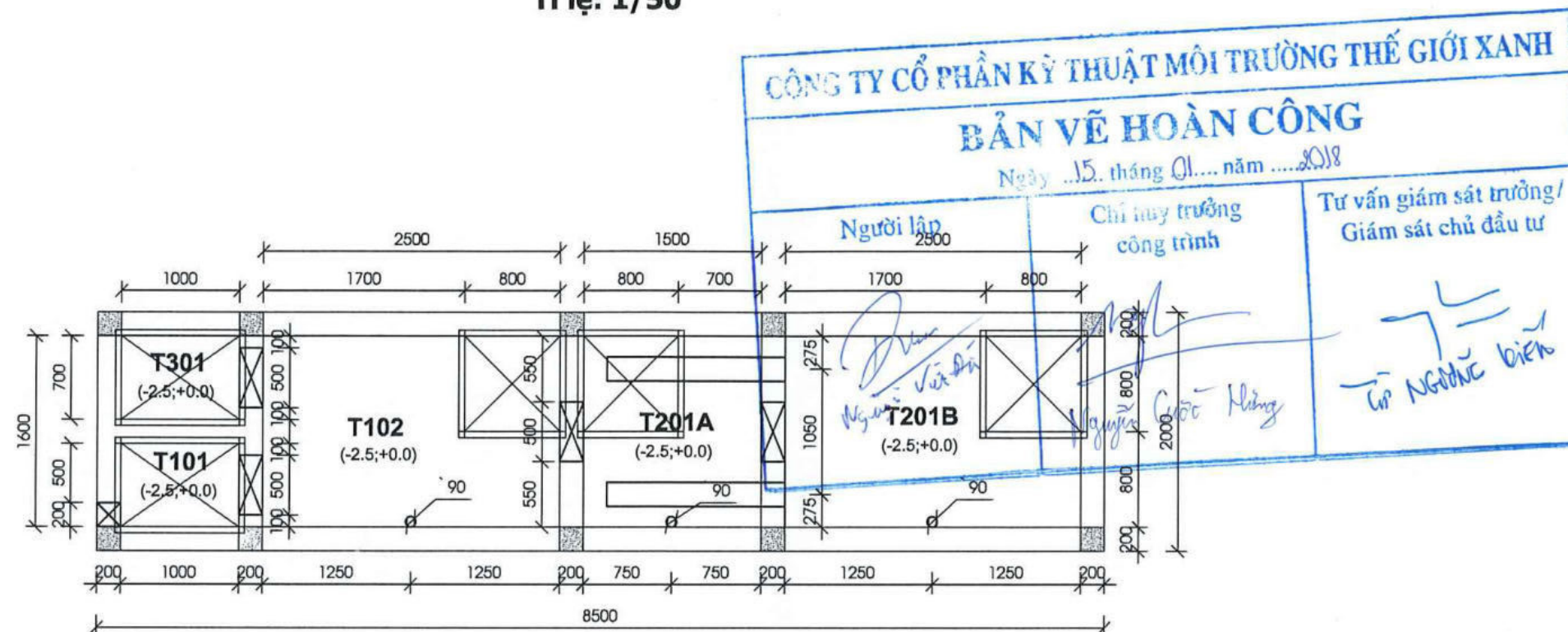
42/36D LUNG VÂN KIỆM, P.25, Q.BÌNH THẠNH, TP.HCM
Tel: 08.39982224 - 08.22160414 Fax: 08.35129062
Email: gw54@greenworld.vn
Website: www.greenworld.vn



CHỦ TRÌ MAJOR ARCH	HỒ HUY CƯ	
THIẾT KẾ DESIGNED BY	CAO THỊ THU TRANG	<i>[Signature]</i>
VẼ DRAWN BY	NGUYỄN VIỆT ĐỨC	<i>[Signature]</i>
KIỂM TRA CHECKED BY	CAO THỊ THU TRANG	<i>[Signature]</i>
HỒ SƠ TK DOCUMENT	BẢN VẼ SỐ DRAWING No	TỔNG SỐ BV TOTAL DRWS
NGÀY HT DATE	05-2017	MB-02/02 08

MẶT BẰNG HỆ THỐNG XỬ LÝ NƯỚC THẢI CÔNG SUẤT: 20 M³/NGÀY ĐÊM

Tỉ lệ: 1/50



GHI CHÚ
NOTE

- Bản vẽ chỉ mang tính chất tham khảo trong giai đoạn chào giá
- Cao +0.0 trong bản vẽ tương ứng với Cao độ mặt bằng hoàn thiện
- Hồ sơ thiết kế công nghệ này là một phần tài sản của Công ty GreenWorld đã được đăng ký bản quyền. Chúng tôi nghiêm cấm việc sao chép và phổ biến dưới mọi hình thức nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của công ty GreenWorld.

CHỦ ĐẦU TƯ
INVESTOR

CÔNG TY TNHH VINA CHANGTAI



CÔNG TRÌNH
PROJECT

HỆ THỐNG XỬ LÝ NƯỚC THẢI

ĐỊA ĐIỂM
SITE

KHU C, KP. ĐỒNG AN, P. TÂN ĐÔNG HIỆP
TX. DĨ AN, T. BÌNH DƯƠNG

HÀNG MỤC
ITEM

HỆ THỐNG XỬ LÝ XỬ LÝ NƯỚC THẢI
CÔNG SUẤT: 20 M³/NGÀY ĐÊM

TÊN BẢN VẼ
DRAWING TITLE

MẶT BẰNG HỆ THỐNG XỬ LÝ

CÔNG TY CỔ PHẦN KỸ THUẬT
MÔI TRƯỜNG THẾ GIỚI XANH

GREENWORLD

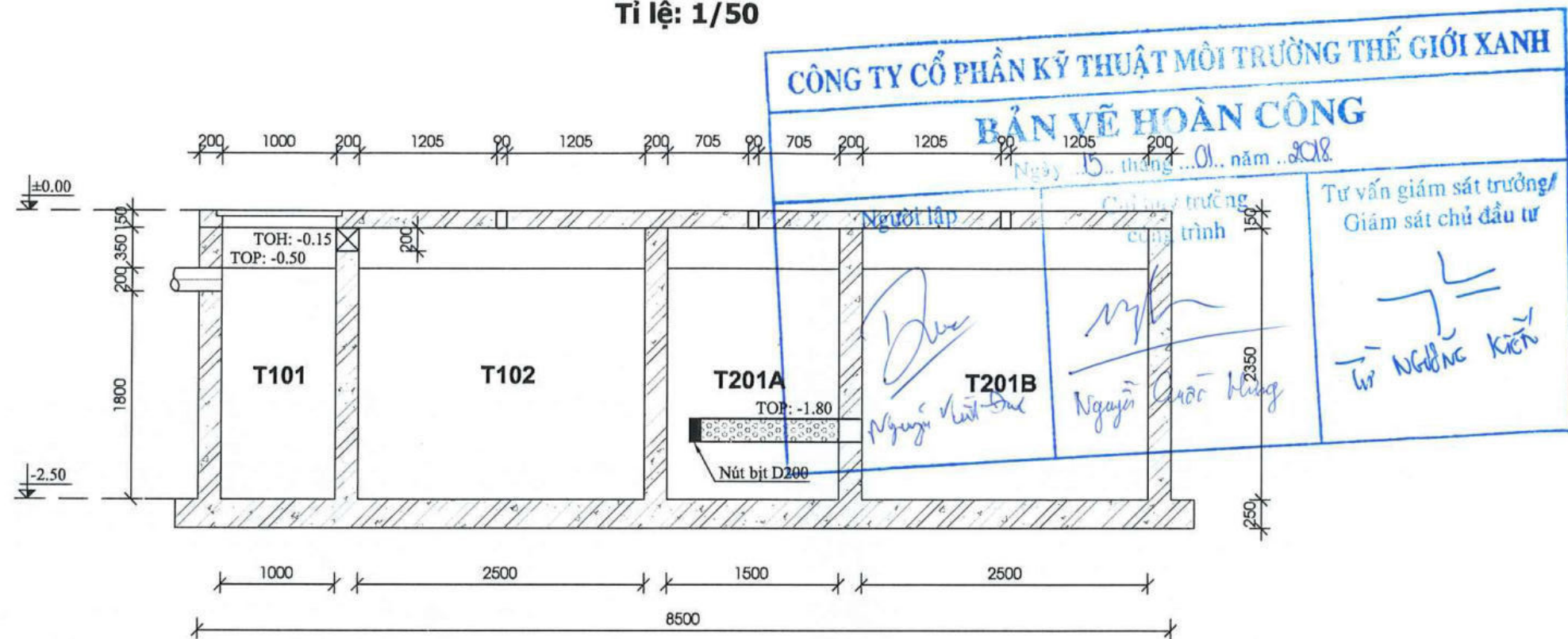
42/36D LUNG VÂN KIỆM, P.25, Q.BÌNH THẠNH, TP.HCM
Tel : 08.38982224 - 08.22160414 Fax : 08.35129062
Email: gw54@greenworld.vn
Website: www.greenworld.vn



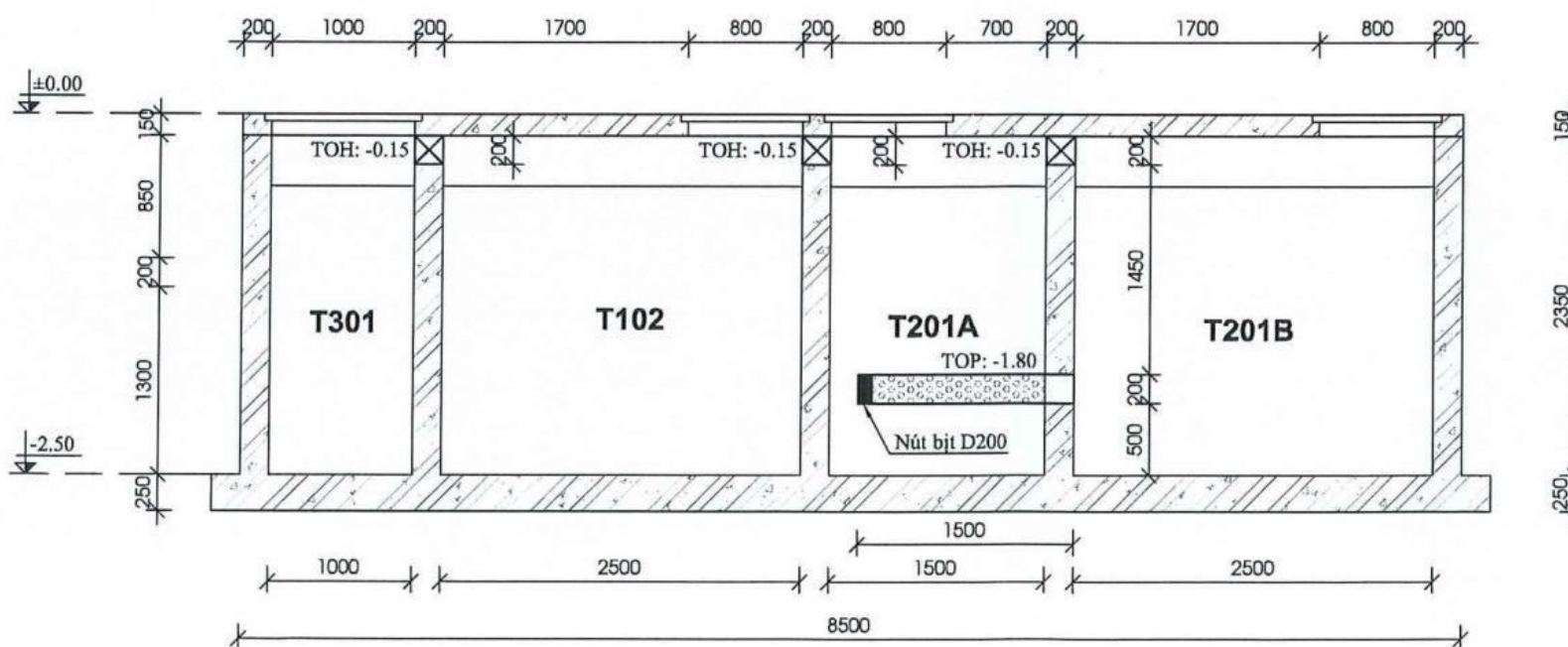
CHỦ TRÌ MAJOR ARCH	HỒ HUY CƯ	
THIẾT KẾ DESIGNED BY	CAO THỊ THU TRANG	<i>Handwritten signature</i>
VẼ DRAWN BY	NGUYỄN VIỆT ĐỨC	<i>Handwritten signature</i>
KIỂM TRA CHECKED BY	CAO THỊ THU TRANG	<i>Handwritten signature</i>
HỒ SƠ TK DOCUMENT	BẢN VẼ SỐ DRAWING No	TỔNG SỐ BV TOTAL DRWS
NGÀY HT DATE	05-2017	KT-01/03 08

MẶT CẮT A-A, B-B

Tỉ lệ: 1/50



MẶT CẮT A-A



MẶT CẮT B-B

CÔNG TY CỔ PHẦN KỸ THUẬT MÔI TRƯỜNG THẾ GIỚI XANH

BẢN VẼ HOÀN CÔNG

Ngày 15 tháng 01 năm 2018

Người lập

Chủ trì trưởng công trình

Tư vấn giám sát trưởng

Giám sát chủ đầu tư

Nguyễn Văn Đức

Nguyễn Văn Hùng

Tư NGUYỄN KIẾN

GHI CHÚ

NOTE

- Bản vẽ chỉ mang tính chất tham khảo trong giai đoạn khảo sát
- Cao độ trong bản vẽ tương ứng với Cao độ mặt bằng hoàn thiện
- Hồ sơ thiết kế công nghệ này là một phần tài sản của Công ty GreenWorld đã được đăng ký bản quyền. Chúng tôi nghiêm cấm việc sao chép và phổ biến dưới mọi hình thức nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của công ty GreenWorld.

CHỦ ĐẦU TƯ

INVESTOR

CÔNG TY TNHH VINA CHANGTAT

GIÁM ĐỐC
DIRECTOR
TÊN
VINA CHANGTAT
T. BÌNH DƯƠNG

CÔNG TRÌNH

PROJECT

HỆ THỐNG XỬ LÝ NƯỚC THẢI

ĐỊA ĐIỂM

SITE

KHU C, KP. ĐÔNG AN, P. TÂN ĐÔNG HIỆP

TX. DĨ AN, T. BÌNH DƯƠNG

HÀNG MỤC

ITEM

HỆ THỐNG XỬ LÝ XỬ LÝ NƯỚC THẢI

CÔNG SUẤT: 20 M3/NGÀY ĐÊM

TÊN BẢN VẼ

DRAWING TITLE

MẶT CẮT A-A, B-B

CÔNG TY CỔ PHẦN KỸ THUẬT

MÔI TRƯỜNG THẾ GIỚI XANH

GREENWORLD

42/36D LUNG VÂN KIỆM, P.25, Q.BÌNH THẠNH, TP.HCM

Tel : 08.38982224 - 08.22160414 Fax : 08.35129062

Email: gw54@greenworld.vn

Website: www.greenworld.vn

GIÁM ĐỐC
DIRECTOR
CÔNG TY
CỔ PHẦN
KỸ THUẬT MÔI TRƯỜNG
THẾ GIỚI XANH
HỒ HUY CƯ

CHỦ TRƯ

MAJOR ARCH

HỒ HUY CƯ

THIẾT KẾ

DESIGNED BY

CAO THỊ THU TRANG

VẼ

DRAWN BY

NGUYỄN VIỆT ĐỨC

KIỂM TRA

CHECKED BY

CAO THỊ THU TRANG

HỒ SƠ TK

DOCUMENT

BẢN VẼ SỐ

DRAWING No

TỔNG SỐ BV

TOTAL DRWS

NGÀY HT

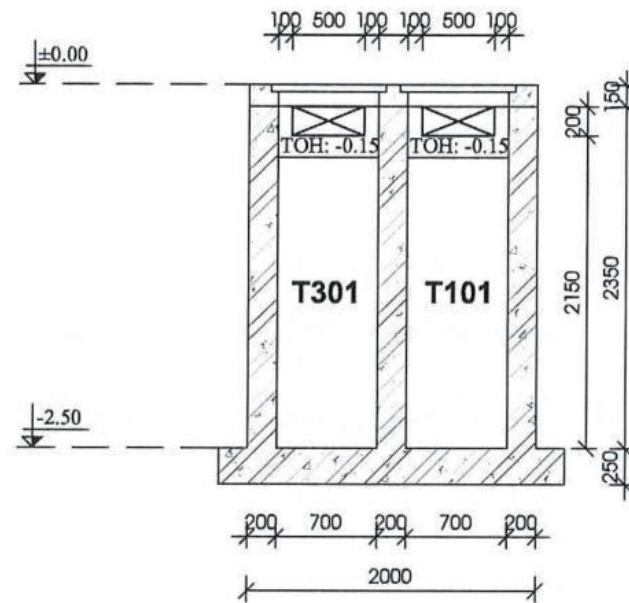
DATE

05-2017

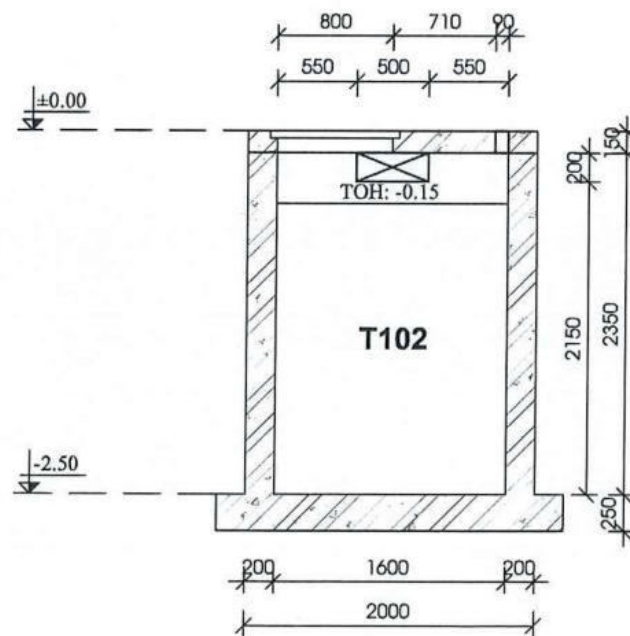
KT-02/03

08

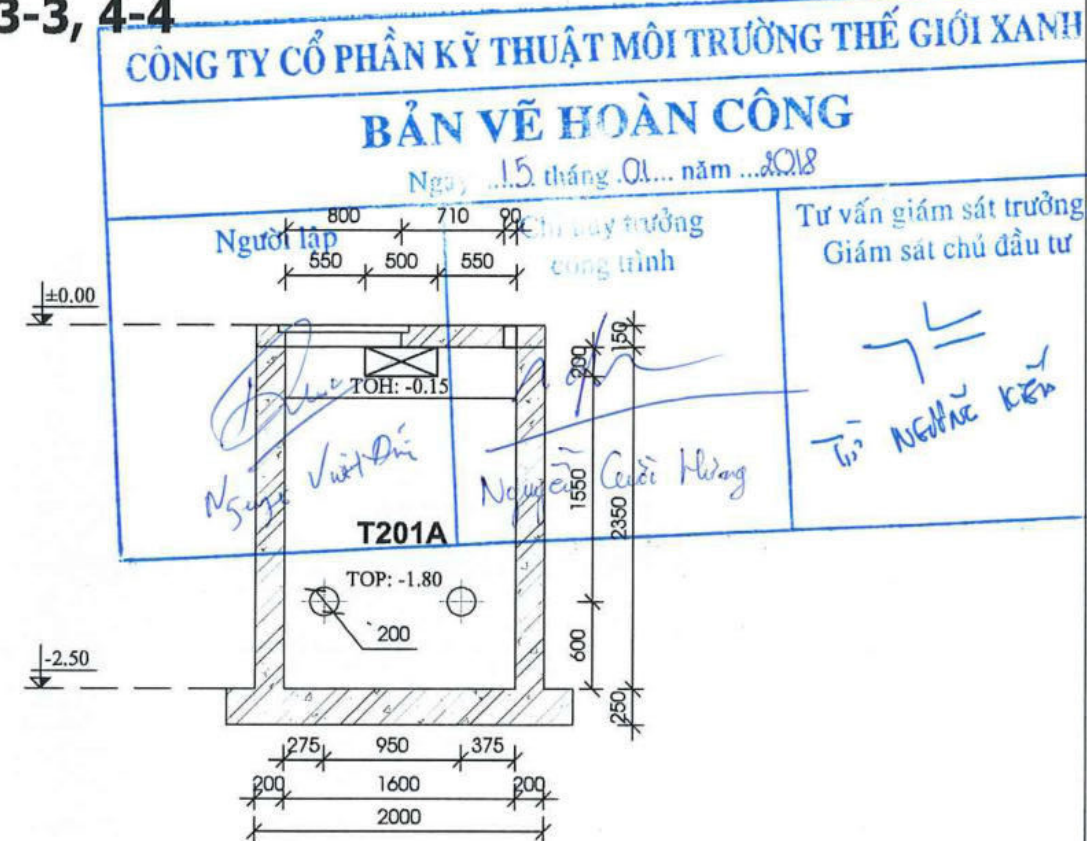
MẶT CẮT 1-1, 2-2, 3-3, 4-4
Tỉ lệ: 1/50



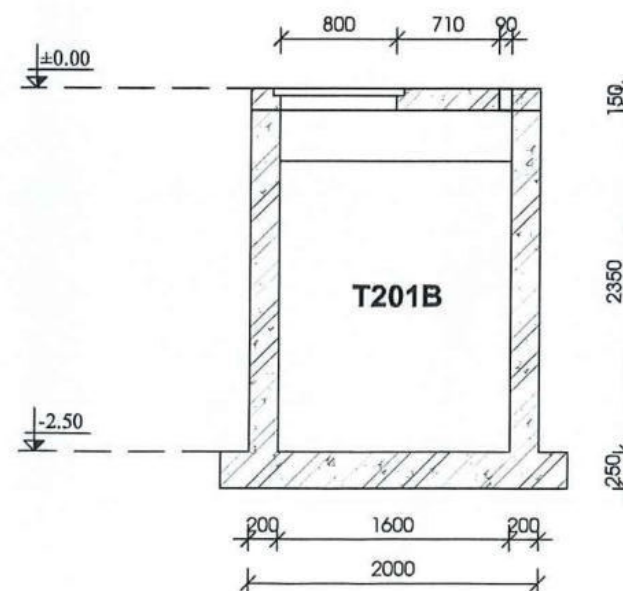
MẶT CẮT 1-1



MẶT CẮT 2-2



MẶT CẮT 3-3



MẶT CẮT 4-4

GHI CHÚ
NOTE

- Bản vẽ chỉ mang tính chất tham khảo trong giai đoạn chào giá.
- Cao +0.0 trong bản vẽ tương ứng với Cao độ mặt bằng hoàn thiện.
- Hồ sơ thiết kế công nghệ này là một phần tài sản của Công ty GreenWorld đã được đăng ký bản quyền. Chúng tôi nghiêm cấm việc sao chép và phổ biến dưới mọi hình thức nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của công ty GreenWorld.

CHỦ ĐẦU TƯ
INVESTOR

CÔNG TY TNHH VINA CHANGTAI



CÔNG TRÌNH
PROJECT

HỆ THỐNG XỬ LÝ NƯỚC THẢI

ĐỊA ĐIỂM
SITE

KHU C, KP. ĐỒNG AN, P. TÂN ĐÔNG HIỆP
TX. DĨ AN, T. BÌNH DƯƠNG

HẠNG MỤC
ITEM

HỆ THỐNG XỬ LÝ XỬ LÝ NƯỚC THẢI
CÔNG SUẤT: 20 M3/NGÀY ĐÊM

TÊN BẢN VẼ
DRAWING TITLE

MẶT CẮT 1-1, 2-2, 3-3, 4-4

CÔNG TY CỔ PHẦN KỸ THUẬT
MÔI TRƯỜNG THẾ GIỚI XANH

GREENWORLD

42/36D UNG VĂN KIỆM, P.25, Q.BÌNH THẠNH, TP.HCM
Tel: 08.39882224 - 08.22160414 Fax: 08.35129062
Email: gw54@greenworld.vn
Website: www.greenworld.vn



CHỦ TRÌ MAJOR ARCH	HỒ HUY CƯ	
THIẾT KẾ DESIGNED BY	CAO THỊ THU TRANG	
VẼ DRAWN BY	NGUYỄN VIỆT ĐỨC	
KIỂM TRA CHECKED BY	CAO THỊ THU TRANG	
HỒ SƠ TK DOCUMENT	BẢN VẼ SỐ DRAWING No	TỔNG SỐ BV TOTAL DRW
NGÀY HT DATE	05-2017	KT-03/03 08



NHÀ THẦU/CONTRACTOR:

CÔNG TY CỔ PHẦN KỸ THUẬT MÔI TRƯỜNG THẾ GIỚI XANH/GREENWORLD ENVIRONMENTAL TECHNOLOGY CORPORATION
ĐƯỜNG SỐ 1, PHƯỜNG 25, QUẬN BÌNH THẠNH, TP. HỒ CHÍ MINH

www.greenworld.vn Email: gw54@greenworld.vn Tel: 3898 2224

BẢN VẼ HOÀN CÔNG AS-BUILT DRAWING

CÔNG TY CỔ PHẦN KỸ THUẬT MÔI TRƯỜNG THẾ GIỚI XANH		
BẢN VẼ HOÀN CÔNG		
Ngày: 01 tháng 10 năm 2009		
Người lập	Chỉ huy trưởng công trình	Tư vấn giám sát trưởng / Giám sát chủ đầu tư
 Trần Văn Tuấn	 Võ Minh Phương	 Trần Ngọc Liên
CÔNG SUẤT: 50 M ³ /NGÀY ĐÊM		

CÔNG TRÌNH

: HỆ THỐNG XỬ LÝ NƯỚC THẢI - THIẾT KẾ VÀ XÂY DỰNG

PROJECT

: WASTEWATER TREATMENT SYSTEM - DESIGN AND CONSTRUCT - CAPACITY: 50 M³/DAY NIGHT

ĐỊA ĐIỂM

: XÃ TÂN ĐÔNG HIỆP, HUYỆN DĨ AN, TỈNH BÌNH DƯƠNG

LOCATION

: TAN DONG HIEP HARMET, DI AN DISTRICT, BINH DUONG PROVINCE

CHỦ ĐẦU TƯ

: CÔNG TY TNHH VINA CHANGTAI

INVESTOR

: VINA CHANGTAI UNDERWEAR COMPANY LIMITED

BÌNH DƯƠNG, THÁNG 10/2009

BINH DUONG, 10/2009



NHÀ THẦU/CONTRACTOR:

CÔNG TY CỔ PHẦN KỸ THUẬT MÔI TRƯỜNG THẾ GIỚI XANH/GREENWORLD ENVIRONMENTAL TECHNOLOGY CORPORATION
ĐƯỜNG SỐ 1, PHƯỜNG 25, QUẬN BÌNH THẠNH, TP. HỒ CHÍ MINH

www.greenworld.vn Email: gw54@greenworld.vn Tel: 3898 2224

BẢN VẼ HOÀN CÔNG AS-BUILT DRAWING

CÔNG TY CỔ PHẦN KỸ THUẬT MÔI TRƯỜNG THẾ GIỚI XANH		
BẢN VẼ HOÀN CÔNG		
Ngày .. 01.. tháng .. 10.. năm .. 2009		
Người lập	Chỉ huy trưởng công trình	Tư vấn giám sát trưởng/ Giám sát chủ đầu tư
 Trần Văn Tuấn	 Võ Ninh Phương	 Trần Nguyễn Liên
: HỆ THỐNG XỬ LÝ NƯỚC THẢI - THIẾT KẾ VÀ XÂY DỰNG - CÔNG SUẤT: 50 M ³ /NGÀY ĐÊM		

CÔNG TRÌNH

PROJECT

ĐỊA ĐIỂM

LOCATION

CHỦ ĐẦU TƯ

INVESTOR

: WASTEWATER TREATMENT SYSTEM - DESIGN AND CONSTRUCT - CAPACITY: 50 M³/DAY NIGHT

: XÃ TÂN ĐÔNG HIỆP, HUYỆN DI AN, TỈNH BÌNH DƯƠNG

: TAN DONG HIEP HARMET, DI AN DISTRICT, BINH DUONG PROVINCE

: CÔNG TY TNHH VINA CHANG TAI

: VINA CHANGTAI UNDERWEAR COMPANY LIMITED

CHỦ ĐẦU TƯ / INVESTOR
CÔNG TY TNHH VINA CHANG TAI
VINA CHANGTAI UNDERWEAR COMPANY LIMITED



GIÁM ĐỐC
LIN CHIU JUNG

ĐƠN VỊ THI CÔNG / THE CONSTRUCTION UNIT
CÔNG TY CP KỸ THUẬT MÔI TRƯỜNG THẾ GIỚI XANH
GREENWORLD ENVIRONMENTAL TECHNOLOGY CORP

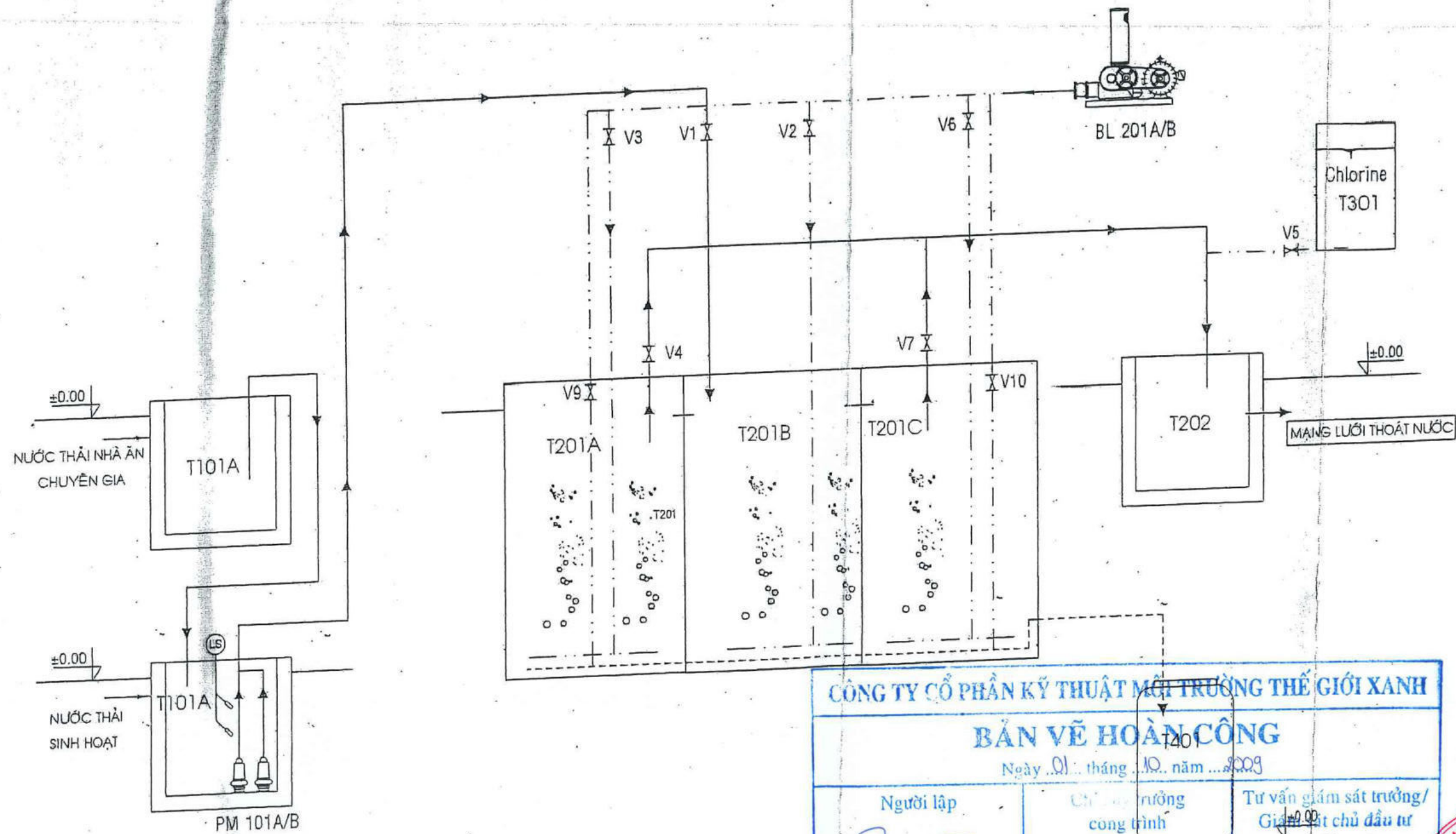


GIÁM ĐỐC
Hồ Huy Cui

BÌNH DƯƠNG, THÁNG 10/2009

BINH DUONG, 10/2009

DÂY CHUYỀN CÔNG NGHỆ XỬ LÝ NƯỚC THẢI SINH HOẠT - Q = 50M3/ngđ



GHI CHÚ:

T101A/B. HỒ THU NƯỚC THẢI

T201A/B/C. BỂ THỔI KHÍ

T202. BỂ KHỬ TRÙNG

T301. BỒN CHỨA HÓA CHẤT

T401. BỒN CHỨA BÙN

CÔNG TY CỔ PHẦN KỸ THUẬT MÔI TRƯỜNG THẾ GIỚI XANH		
BẢN VẼ HOÀN CÔNG		
Ngày ... tháng ... năm ... 2009		
Người lập <i>Trần Văn Tuấn</i>	Chỉ đạo trưởng công trình <i>P</i>	Tư vấn giám sát trưởng/ Giám sát chủ đầu tư <i>T</i>
PM 101. BƠM CHẤM NƯỚC THẢI	BL 201A/B. MÁY THỔI KHÍ	



CÔNG TRÌNH
PROJECT

TRẠM XỬ LÝ NƯỚC THẢI

CHỦ ĐẦU TƯ
INVESTOR CÔNG TY TNHH
VINACHANG TAI
Khu dân cư Đồng An - Gò Vấp - Bình Dương
ĐT: 0650.3750802 FAX: 0650.3750804

CÔNG TY CỔ PHẦN
KỸ THUẬT - MÔI TRƯỜNG

GREEN WORLD

Số 800, Đường 01, P. 25, Q. Bình Thạnh, TP. HCM
ĐT: 08. 8822224 FAX: 08. 8822224

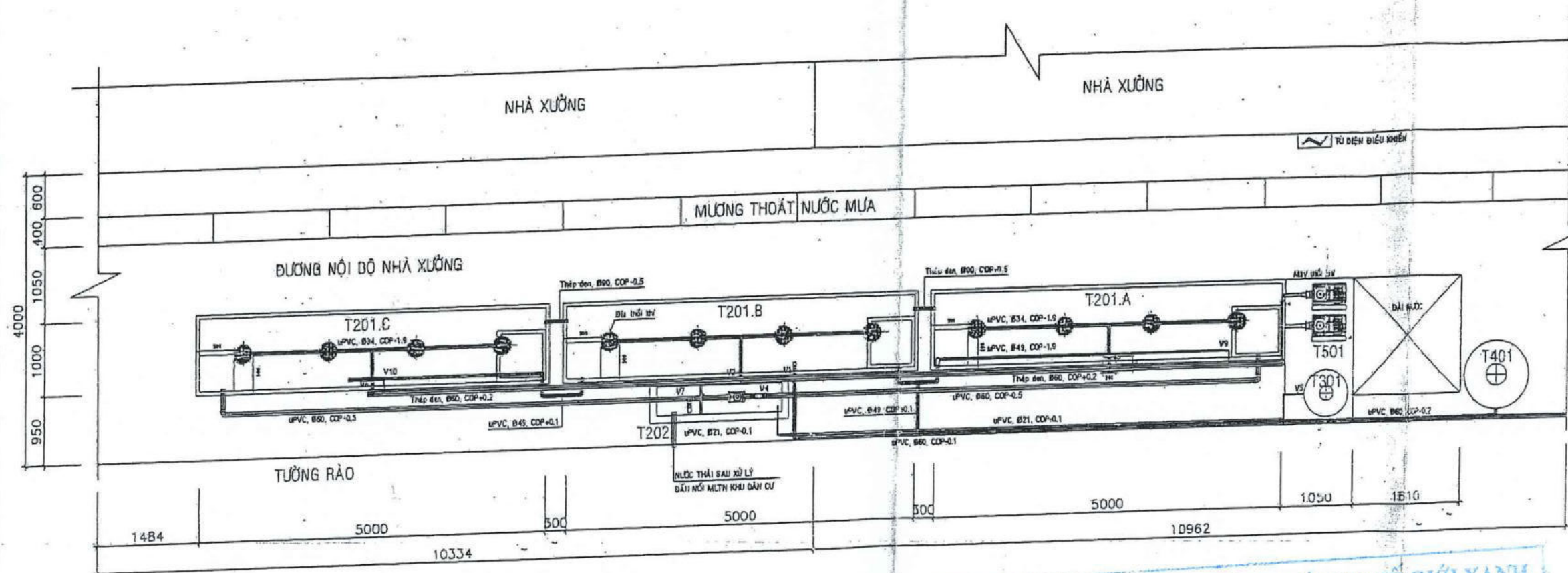
TÊN BẢN VẼ
DRAWING TITLE

DÂY CHUYỀN CÔNG NGHỆ
XỬ LÝ NƯỚC THẢI SINH HOẠT

THIẾT KẾ DESIGNED	QUẢN LÝ KT TECH. MANAGER
VẼ DRAWN BY	QUẢN LÝ KT TECH. MANAGER
Kiểm tra CHECKED BY	QUẢN LÝ KT TECH. MANAGER
HỒ SƠ TK DOCUMENT	QUẢN LÝ KT TECH. MANAGER
NGÀY KT DATE	QUẢN LÝ KT TECH. MANAGER

MẶT BẰNG CÔNG NGHỆ TRẠM XỬ LÝ NƯỚC THẢI SINH HOẠT

CÔNG SUẤT: Q=50M3/NGÀY TL: 1/75



GHI CHÚ:

T201A/B/C. BỂ THỐI KHÍ
T202. BỂ KHỬ TRÙNG
T301. BỒN CHỨA HÓA CHẤT

T401. BỒN CHỨA BÙN
T501. BÀN ĐÁY ĐẶT THIẾT BỊ
V1. VAN DẪN NƯỚC THẢI VÀO T201B

V2. VAN DẪN KHÍ VÀO T201B
V3. VAN DẪN KHÍ VÀO T201A
V4. VAN DẪN NƯỚC THẢI VÀO T202

CÔNG TY CỔ PHẦN KỸ THUẬT MÔI TRƯỜNG THẾ GIỚI XANH

BẢN VẼ HOÀN CÔNG

Ngày 01 tháng 10 năm 2009

Người lập

V3. VAN DẪN HÓA CHẤT VÀO T202

V6. VAN DẪN KHÍ VÀO T201C

V7. VAN DẪN NƯỚC THẢI VÀO T202

Chủ trì công trình

V9. VAN DẪN KHÍ BƠM BÙN VÀO T201A

V10. VAN DẪN KHÍ BƠM BÙN VÀO T201C

Tư vấn giám sát trưởng/
Giám sát chủ đầu tư



CÔNG TRÌNH
PROJECT
TRẠM XỬ LÝ NƯỚC THẢI
CHỦ ĐẦU TƯ
INVESTOR
CÔNG TY TNHH
VINACHANG TAI
Khu dân cư Bông An - DT An - Bình Dương
ĐT: 0650.3750802 FAX: 0650.3750804

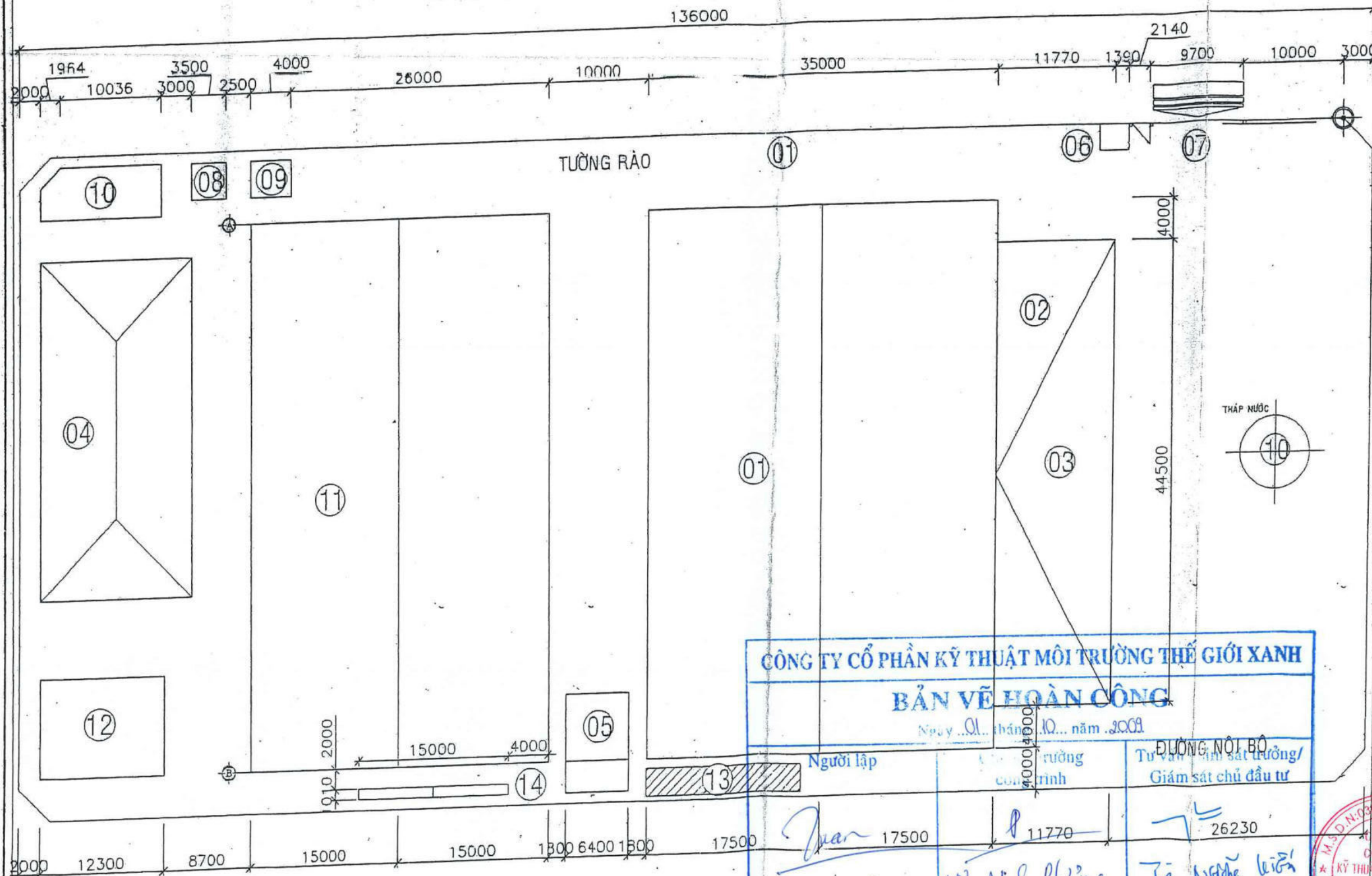
CÔNG TY CỔ PHẦN
KỸ THUẬT - MÔI TRƯỜNG
GREEN WORLD
Số 80/2, Đường D1, P.25, Q. Bình Thạnh, TP. HCM
ĐT: 08-8982236 FAX: 08-8982236

TÊN BẢN VẼ
DRAWING TITLE
MẶT BẰNG CÔNG NGHỆ
TRẠM XỬ LÝ NƯỚC THẢI SINH HOẠT

QUẢN LÝ KỸ THUẬT TECH. MANAGER	
VÕ MINH PHƯƠNG	
THIẾT KẾ DESIGNED	VÕ MINH PHƯƠNG
VẼ DRAWN BY	TRẦN VĂN TUYÊN
Kiểm tra CHECKED BY	VÕ MINH PHƯƠNG
HỒ SƠ KỸ THUẬT TECH. DOCUMENT	BẢN VẼ SỐ DRAWING NO.
NGÀY MẸT DATE	10 - 2009
	CA: 02
	OS

MẶT BẰNG ĐỊNH VỊ CHI TIẾT TRẠM XỬ LÝ NƯỚC THẢI SINH HOẠT

CÔNG SUẤT: Q=50M3/NGÀY TL: 1/400



CÔNG TY CỔ PHẦN KỸ THUẬT MÔI TRƯỜNG THẾ GIỚI XANH
BẢN VẼ HOÀN CÔNG

Ngày 01 tháng 10 năm 2009

Người lập

Tư vấn giám sát trưởng/
Giám sát chủ đầu tư

10. ĐÀI NƯỚC & HỒ CHỨA NƯỚC 13. VỊ TRÍ ĐẶT HT XL NƯỚC CẤP
 11. NHÀ XƯỞNG 14. VỊ TRÍ ĐẶT HT XL NƯỚC THẢI

GHI CHÚ:

- | | | |
|--------------------|------------------------|-------------------|
| 01. NHÀ XƯỞNG | 04. KHỐI CANTEEN + BẾP | 07. CỔNG VÀO |
| 02. KHỐI VĂN PHÒNG | 05. KHU VỆ SINH (WC) | 08. TRẠM BIẾN THÉ |
| 03. NHÀ NGHỈ | 06. NHÀ BẢO VỆ + TRỤC | 09. MÁY PHÁT ĐIỆN |



CÔNG TRÌNH
PROJECT

TRẠM XỬ LÝ NƯỚC THẢI

CHỦ ĐẦU TƯ
INVESTOR

CÔNG TY TNHH

VINACHANG TAI

Khu dân cư Đồng An - DT An - Bình Dương
ĐT: 0650.3750802 FAX: 0650.3750804

CÔNG TY CỔ PHẦN
KỸ THUẬT - MÔI TRƯỜNG

GREEN WORLD

Số 40, Đường 01, P.25, Q. Bình Thạnh, TP. HCM
ĐT: 84. 8922234 FAX: 08 8922235

TEXT BÀN VẼ
DRAWING FILE

MẶT BẰNG ĐỊNH VỊ

THIẾT KẾ DESIGNED BY	TRẦN VĂN TÚ	QUẢN LÝ KỸ THUẬT TECH. MANAGER	
Kiểm tra CHECKED BY	VÕ MINH PHƯƠNG		
HỒ SƠ TX DOCUMENT			
Ngày HT DATE	10-2009	Mô: 01	05

MẶT BẰNG ĐỊNH VỊ CHI TIẾT TRẠM XỬ LÝ NƯỚC THẢI SINH HOẠT

CÔNG SUẤT: Q=50M3/NGÀY TL: 1/100



CÔNG TRÌNH
PROJECT
TRẠM XỬ LÝ NƯỚC THẢI

CHỦ ĐẦU TƯ
INVESTOR
CÔNG TY TNHH
VINACHANG TAI
Khu dân cư Đồng An - DT An - Bình Dương
ĐT: 0650.3750802 FAX: 0650.3750804

CÔNG TY CỔ PHẦN
KỸ THUẬT - MÔI TRƯỜNG
GREEN WORLD

Số 400, Đường D1, P.25, Q. Bình Thạnh, TP. HCM
ĐT: 08. 8942221 FAX: 08. 8942221

TÊN BẢN VẼ
DRAWING TITLE

MẶT BẰNG ĐỊNH VỊ

QUẢN LÝ KT
TECH. MANAGER

THIẾT KẾ
DESIGNED

VẼ
DRAWN BY

Kiểm tra
CHECKED BY

HỒ SƠ TK
DOCUMENT

NGÀY KT
DATE

VỎ MINH PHƯƠNG

TRẦN VĂN TUẤN

VỎ MINH PHƯƠNG

BẢN VẼ SỐ
DRAWING NO.

ME: 02 05

GHI CHÚ:

- 01. NHÀ XƯỞNG
- 02. KHỐI VĂN PHÒNG
- 03. NHÀ NGHỈ

- 04. KHỐI CANTEN + BẾP
- 05. KHU VỆ SINH (WC)
- 06. NHÀ BẢO VỆ + TRẠC

- 07. CỐNG VÀO
- 08. TRẠM BIẾN THỂ
- 09. MÁY PHÁT ĐIỆN

- 10. ĐÀI NƯỚC & HỒ CHỨA NƯỚC
- 11. NHÀ XƯỞNG
- 12. NHÀ Ở

- 13. VỊ TRÍ ĐẶT HT XL NƯỚC CẤP
- 14. VỊ TRÍ ĐẶT HT XL NƯỚC THẢI

CÔNG TY CỔ PHẦN KỸ THUẬT MÔI TRƯỜNG THẾ GIỚI XANH

BẢN VẼ HOÀN CÔNG

Ngày 01... tháng 10... năm 2009

Người lập

Trần Văn Tuấn

Chủ trì trưởng
công trình

Trần Văn Tuấn

Tư vấn giám sát trưởng/
Giám sát chủ đầu tư

Trần Văn Tuấn



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc Lập - Tự Do - Hạnh Phúc

SP. 01

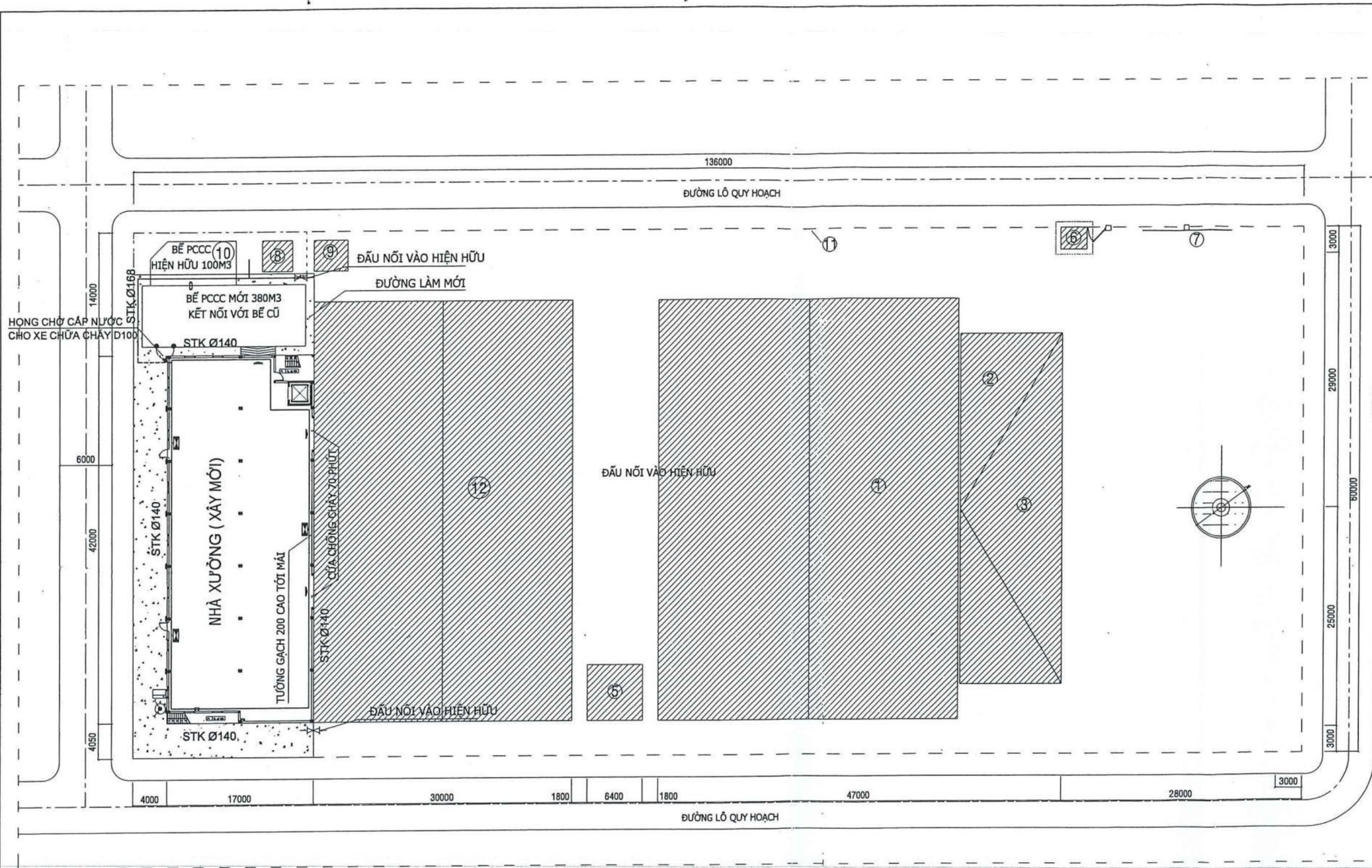
BẢN VẼ HOÀN CÔNG PCCC

CÔNG TRÌNH: NHÀ XƯỞNG (17M X 42M)

CHỦ ĐẦU TƯ: CÔNG TY TNHH VINA CHANG TAI

ĐỊA ĐIỂM: TÂN ĐÔNG HIỆP, THỊ XÃ DĨ AN, TỈNH BÌNH DƯƠNG

BÌNH DƯƠNG /2017



HỒ SƠ HOÀN CÔNG PCCC	
CHỦ ĐẦU TƯ Owner	
CÔNG TY TNHH VINA CHANG TAI	
GIÁM ĐỐC Director	
CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN VINA CHANG TAI ĐƠN VỊ THI CÔNG CÔNG TY TNHH TM & KT PCCC PHÚ THỊNH	
PHÚ THỊNH CO., LTD	
GIÁM ĐỐC Director	
CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI VÀ KỸ THUẬT PHÒNG CHÁY CHỮA CHÁY PHÚ THỊNH QUẬN 2, T. P. HỒ CHÍ MINH	
THIẾT KẾ	
KS. NGUYỄN DƯƠNG	
QUẢN LÝ KỸ THUẬT	
KS. PHẠM VĂN HOAN	
Mục Dích Phát Hành Issued For	
Thiết Kế Sơ Bộ ☐ Preliminary	
Xin Phép ☐ Ask Permission	
Thi Công ☒ Construction	
Hiệu Chính Revision	
Ngày Date	Thay Đổi Change
CÔNG TRÌNH:	
NHÀ XƯỞNG (17M X 42M)	
BỘ: TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG, T. P. HỒ CHÍ MINH	
HẠNG MỤC:	
PCCC	
TÊN BẢN VẼ:	
MẶT BẰNG TỔNG THỂ	
Số Hiệu: Sheet	PC-01

ĐƯỜNG NỘI BỘ CHỊU TẢI TRỌNG 30T
LỚP BTCT DÀY 150, MÁC 250, 1 LỚP THÉP HÀN D8@200
LỚP PVC DÀY 0.2MM
LỚP ĐÁ 0X4 DÀY 200 ĐẦM CHẶT
LỚP ĐẤT TỰ NHIÊN ĐẦM CHẶT



MẶT BẰNG TỔNG THỂ

GHI CHÚ:

① - NHÀ XƯỞNG

② - KHỐI VẬN PHÒNG

③ - KHỐI NGHỈ

⑤ - NHÀ VỆ SINH CÔNG NHÂN

⑥ - NHÀ BẢO VỆ

⑦ - CỔNG RÀO

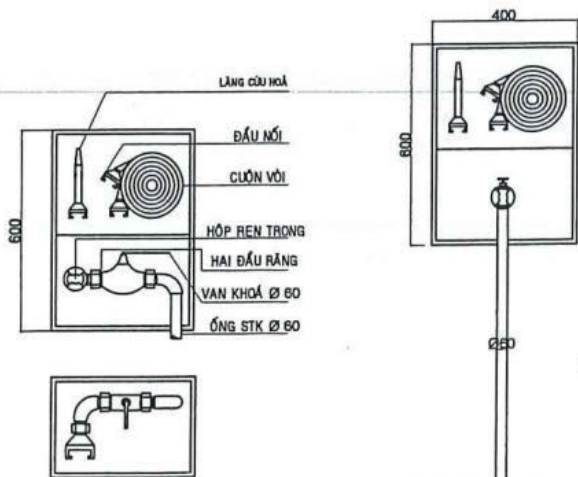
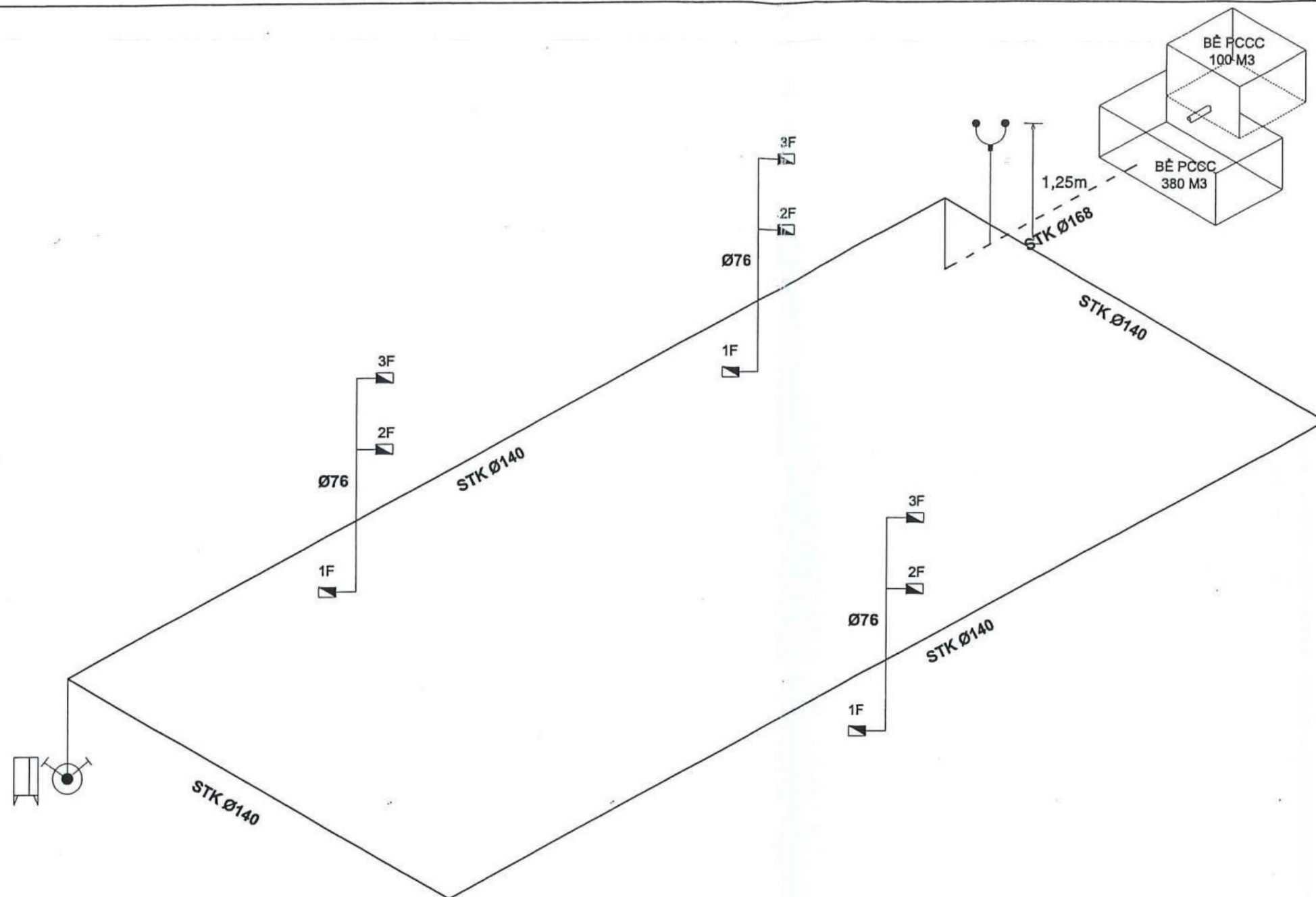
⑧ - TRẠM BIẾN THÉ

⑨ - MÁY PHÁT ĐIỆN

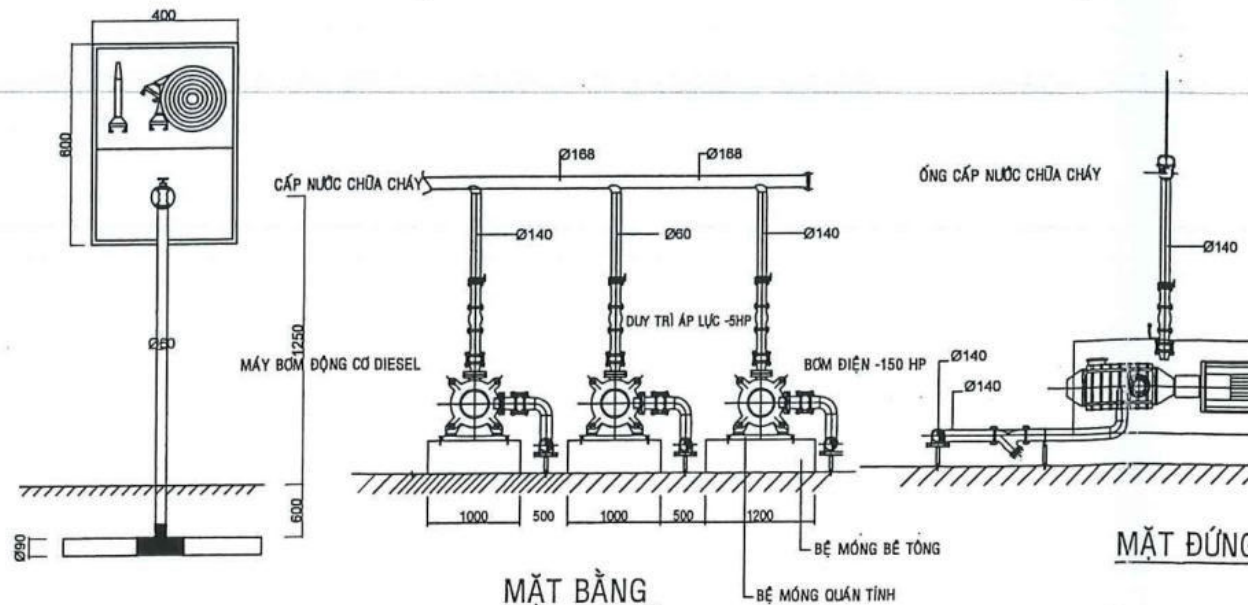
⑩ - HỒ NƯỚC PCCC

⑪ - TƯỜNG RÀO

⑫ - NHÀ XƯỞNG (30X48)m



CHI TIẾT HỘNG CẦU HOÀ



THUYẾT MINH KỸ THUẬT

CÔNG TRÌNH: NHÀ XƯỞNG - ĐƯỢC THIẾT KẾ VÀ LẮP ĐẶT HỆ THỐNG CHỮA CHÁY THEO TIÊU CHUẨN VIỆT NAM.
TCVN-3890-2009- PHÒNG CHỐNG CHÁY CHO NHÀ VÀ CÔNG TRÌNH.
TCVN-7336-2003- HỆ THỐNG CẤP NƯỚC CHỮA CHÁY- YÊU CẦU THIẾT KẾ.
A- HỆ THỐNG CẤP NƯỚC CHỮA CHÁY BAO GỒM:
1) HỆ THỐNG MÁY BƠM CHỮA CHÁY: 1 MÁY BƠM CHỮA CHÁY ĐỘNG CƠ DIESEL - Q=113L/s H=70M - 1 MÁY BƠM DUY TRÌ ÁP LỰC - SHP. 1 MÁY BƠM BƠM ĐỘNG CƠ ĐIỆN 125HP; 3 PHA 380VAC, Q=113L/s, H=70M; 4 BƠM CÓ CHỐNG RUNG DỌ, VAN MỎ, LỌC RÁC, CRUPPÉ. CÁC BƠM ĐƯỢC LẮP ĐẶT CỐ ĐỊNH TRÊN NỀN BÊ TÔNG.
2) 01 HỘNG CHỜ NẠP NƯỚC. Ø100 Ở VỊ TRÍ GẦN CỐNG RA VÀO.
3) 01 TRỤ CHỮA CHÁY NGOÀI NHÀ, 01 CUỘN VỎI.
4) CÁC BỘ HỘNG HỘNG HCC: CHI TIẾT BỘ HỘNG ĐÚNG VỎI CHỮA CHÁY, ĐẶT TẠI CÁC CỬA RA VÀO & TRONG NHÀ TẠI CÁC CẦU THANG.
5) TỦ ĐIỆN VÀ SƠ ĐỒ NỐI DÂY ĐIỀU KHIỂN BƠM ĐIỆN 380VAC. LẤY TRƯỚC CẦU ĐẠO CHÍNH.
6) BẢO TRÌ, BẢO DƯỠNG: HÀNG TUẦN PHẢI KIỂM TRA CHO NỔ VÀ CHO RA NƯỚC 2-5 PHÚT, HÀNG THÁNG PHẢI BẢO TRÌ BƠM.
THỦ ÁP LỰC ỚNG STK BẰNG HƠI NÊN TĂNG DẦN TỪ 0KG - 9 KG/cm2.

GHI CHÚ:

- MÁY BƠM CHỮA CHÁY ĐỘNG CƠ DIESEL(DIESEL FIRE PUMP)
Q = 113 L/s, H = 70m
- MÁY BƠM CHỮA CHÁY ĐỘNG CƠ ĐIỆN 125HP(ELECTRIC FIRE PUMP)
Q = 113 L/s, H = 70m
- MÁY BƠM DUY TRÌ ÁP SHP (JOCKEY PUMP)
Q = 13m3/h - H = 80m
- VALVE 1 CHIỀU (CHECK VALVE)
- VALVE 2 CHIỀU (GATE VALVE)
- ỚNG MIỀM CHỐNG RUNG (FLEXIBLE PIPE)
- ỚNG STK (STELL PIPE)
- TRỤ TIẾP NƯỚC XE CHỮA CHÁY (OUTDOOR HYDRANT)
- HỘNG CHỮA CHÁY (FIRE HYDRANT CABINET)
- TRỤ CHỮA CHÁY NGOÀI NHÀ & TỦ 2 CUỘN VỎI Ø113

HỒ SƠ HOÀN CÔNG PCCC

CHỦ ĐẦU TƯ
Owner

CÔNG TY TNHH
VINA CHANG TAI



CÔNG TY TNHH TM & KT PCCC
PHÚ THỊNH



THIẾT KẾ

KS. NGUYỄN DƯƠNG

QUẢN LÝ KỸ THUẬT

KS. PHẠM VĂN HOAN

Mục Đích Phát Hành
Issued For

Thiết Kế Sơ Bộ ☐ Preliminary

Xin Phép ☐ Ask Permission

Thi Công ☒ Construction

Hiệu Chính
Revision

Ngày
Date

Thay Đổi
Change

CÔNG TRÌNH:

NHÀ XƯỞNG (17M X 42M)

BOX: TÂN CÔNG HỘNG, TH XÁ DỄ AN, TÔI NHƯ DƯƠNG

HANG MỤC:

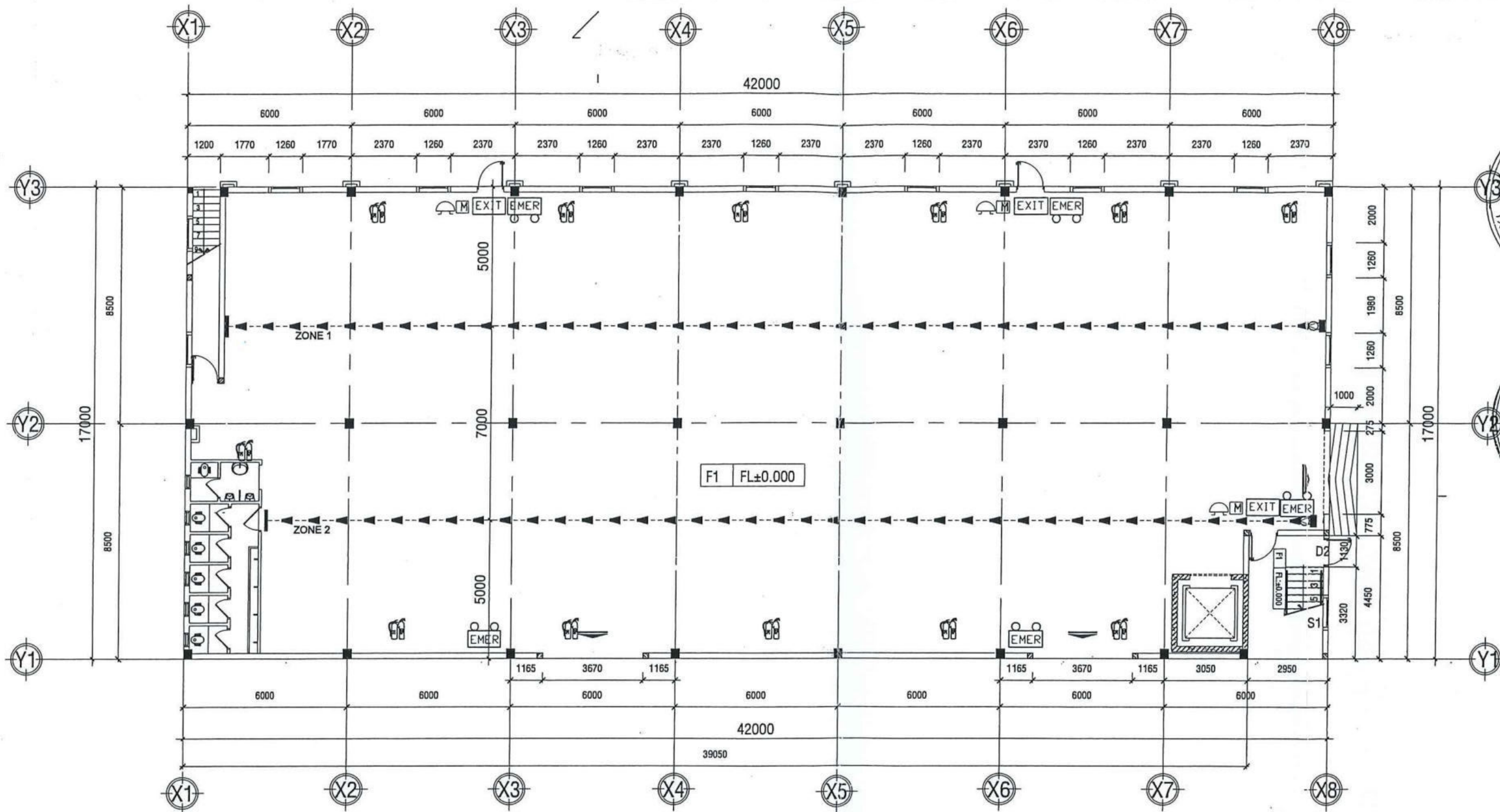
PCCC

TÊN BẢN VẼ:

SƠ ĐỒ TỔNG THỂ
PCCC

Số Hiệu:
Sheet

PC-02



MẶT BẰNG TRỆT.TL:1/100
一樓平面圖

HỒ SƠ HOÀN CÔNG PCCC

CHỦ ĐẦU TƯ
Owner

CÔNG TY TNHH
VINA CHANG TAI

GIÁM ĐỐC
Director

CÔNG TY
TRÁCH NHIỆM HUẤN LUYỆN
VINA CHANG TAI CHAU JUNG
ĐƠN VỊ CÔNG
CÔNG TY TNHH TM & KT PCCC
PHÚ THỊNH

PHÚ THỊNH CO., LTD

CÔNG TY TNHH
THƯƠNG MẠI VÀ KỸ THUẬT
PHÒNG CHÁY CHỮA CHÁY
PHÚ THỊNH
QUẬN 2, TP. HỒ CHÍ MINH
LÊ THỊ HỒNG THANH
THIẾT KẾ

KS. NGUYỄN DƯƠNG

QUẢN LÝ KỸ THUẬT

KS. PHẠM VĂN HOAN

Mục Dích Phát Hành

Issued For

Thiết Kế Sơ Bộ ☐ Preliminary

Xin Phép ☐ Ask Permission

Thi Công ☒ Construction

Hiệu Chính

Revision

Ngày

Date

Thay Đổi

Change

CÔNG TRÌNH:

NHÀ XƯỞNG (17M X 42M)

ĐƠN: TÂN DƯƠNG HỢP, TH. X. D. AN, TH. BÌNH DƯƠNG

HÀNG MỤC:

PCCC

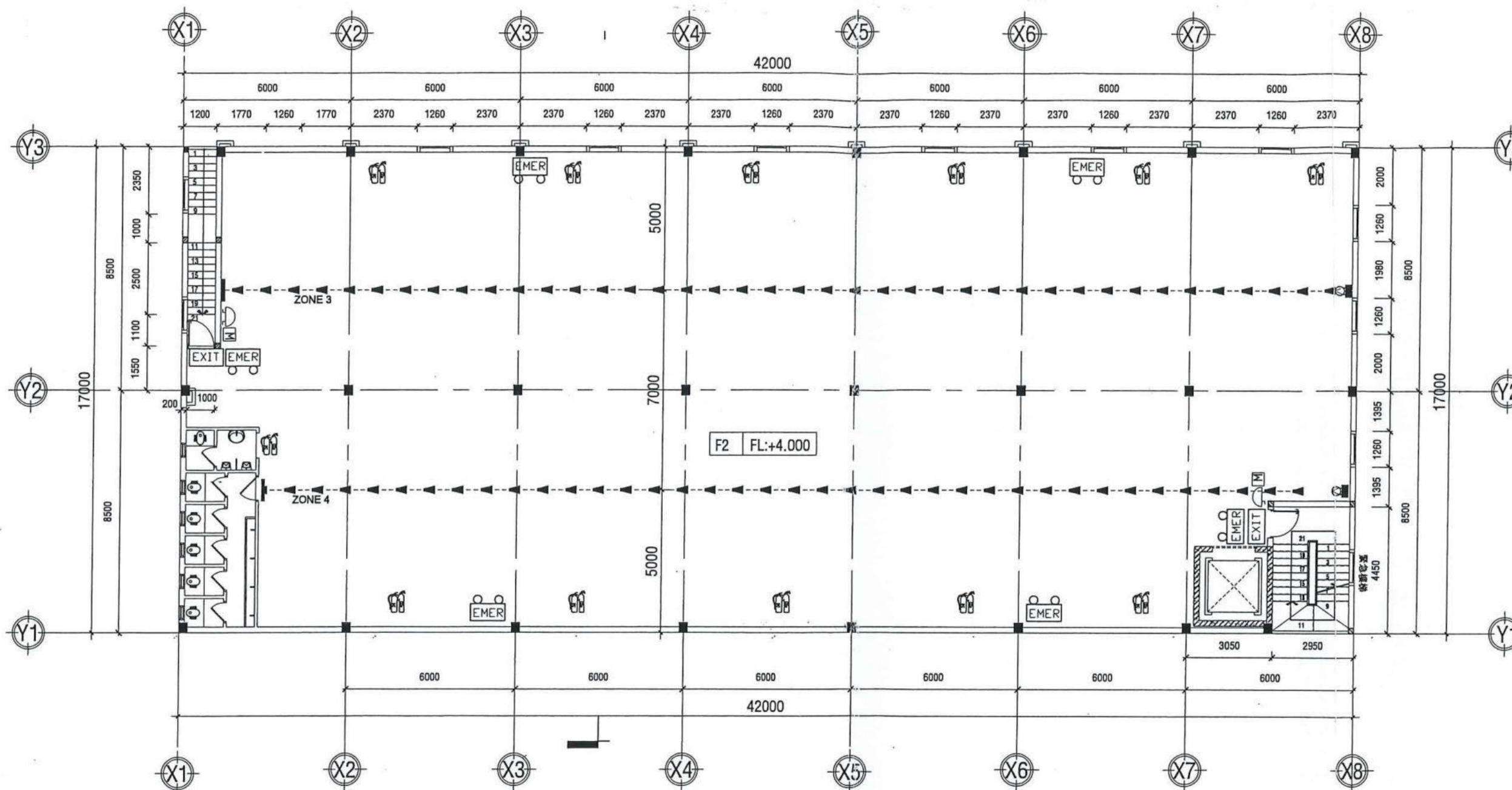
TÊN BẢN VẼ:

MẶT BẰNG BẢO CHÁY

Số Hiệu:
Sheet

PC-03

ĐÈN SỰ CÓ ĐỘ SÁNG 10 LUX CÓ ÁC QUÝ ĐỦ CHIẾU SÁNG TRONG 2 GIỜ
BÌNH CHỮA CHÁY BỒ TRÍ 50M2/ BÌNH



MẶT BẰNG LẦU 1.TL:1/100
二樓平面圖

HỒ SƠ HOÀN CÔNG PCCC

CHỦ ĐẦU TƯ
Owner

CÔNG TY TNHH
VINA CHANG TAI

GIÁM ĐỐC
Director

CÔNG TY TNHH
TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN
VINA CHANG TAI CHAU JUNG
ĐOÀN THƯỜNG
CÔNG TY TNHH TM & KT PCCC
T. BÌNH
PHÚ THỊNH

GIÁM ĐỐC
Director

CÔNG TY TNHH
HƯƠNG MẠI VÀ KỸ THUẬT
PHÒNG CHÁY CHỮA CHÁI
PHÚ THỊNH
LÊ THỊ HỒNG THANH
THIẾT KẾ

KS. NGUYỄN DƯƠNG

QUẢN LÝ KỸ THUẬT

KS. PHẠM VĂN HOAN

Mục Dích Phát Hành

Issued For

Thiết Kế Sơ Bộ ☐ Preliminary

Xin Phép ☐ Ask Permission

Thi Công ☒ Construction

Hiệu Chính

Revision

Ngày

Date

Thay Đổi

Change

CÔNG TRÌNH:

NHÀ XƯỞNG (17M X 42M)

ĐƠN: TÂN ĐỒNG HỢP, THỊ XÃ DĨ AN, TỈNH BÌNH DƯƠNG

HÀNG MỤC:

PCCC

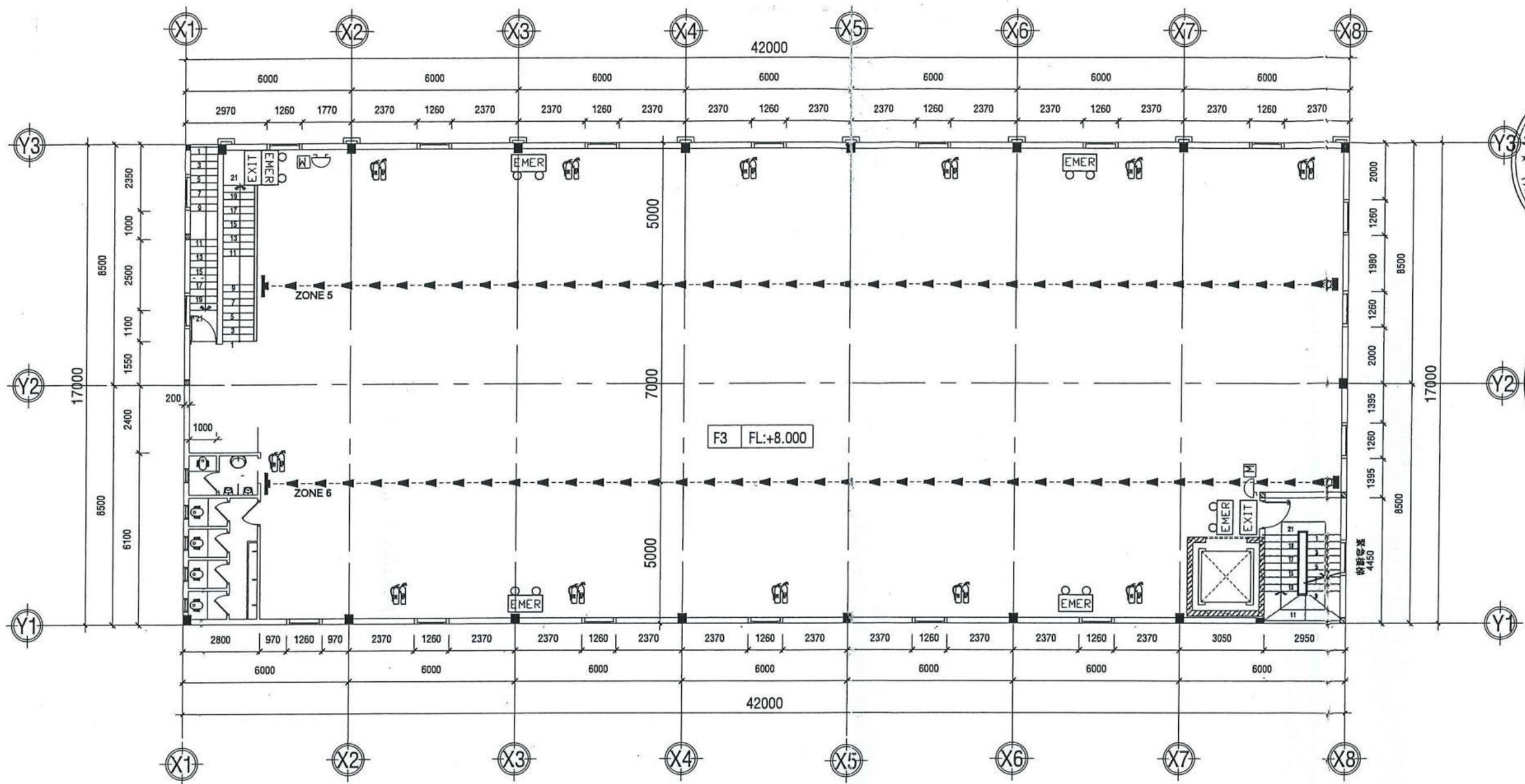
TÊN BẢN VẼ:

MẶT BẰNG BẢO CHÁY

Số Hiệu:
Sheet

PC-04

ĐÈN SỰ CÓ ĐỘ SÁNG 10 LUX CÓ ẮC QUÝ ĐỦ CHIẾU SÁNG TRONG 2 GIỜ



MẶT BẰNG LẦU 2.TL:1/100

三樓平面圖

HỒ SƠ HOÀN CÔNG PCCC

CHỦ ĐẦU TƯ
Owner

CÔNG TY TNHH
VINA CHANG TAI

GIÁM ĐỐC
Director

CÔNG TY TNHH
TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN
VINA CHANG TAI CHAU JUNG
CÔNG TY TNHH TM & KT PCCC
PHÚ THỊNH

PHÚ THỊNH CO., LTD

CÔNG TY TNHH
THƯƠNG MẠI VÀ KỸ THUẬT
PHÒNG CHÁI CHỮA CHÁY
PHÚ THỊNH
QUẬN 2, TP. HỒ CHÍ MINH
LE THỊ HỒNG THANH
THIẾT KẾ

KS. NGUYỄN DƯƠNG

QUẢN LÝ KỸ THUẬT

KS. PHẠM VĂN HOAN

Mục Dích Phát Hành

Issued For

Thiết Kế Sơ Bộ

☐ Preliminary

Xin Phép

☐ Ask Permission

Thi Công

☒ Construction

Hiệu Chính

Revision

Ngày

Date

Thay Đổi

Change

CÔNG TRÌNH:

NHÀ XƯỞNG (17M X 42M)

ĐƠN: TÂN ĐỒNG HỢP, TH. X. Đ. AN, TỈNH BÌNH DƯƠNG

HẠNG MỤC:

PCCC

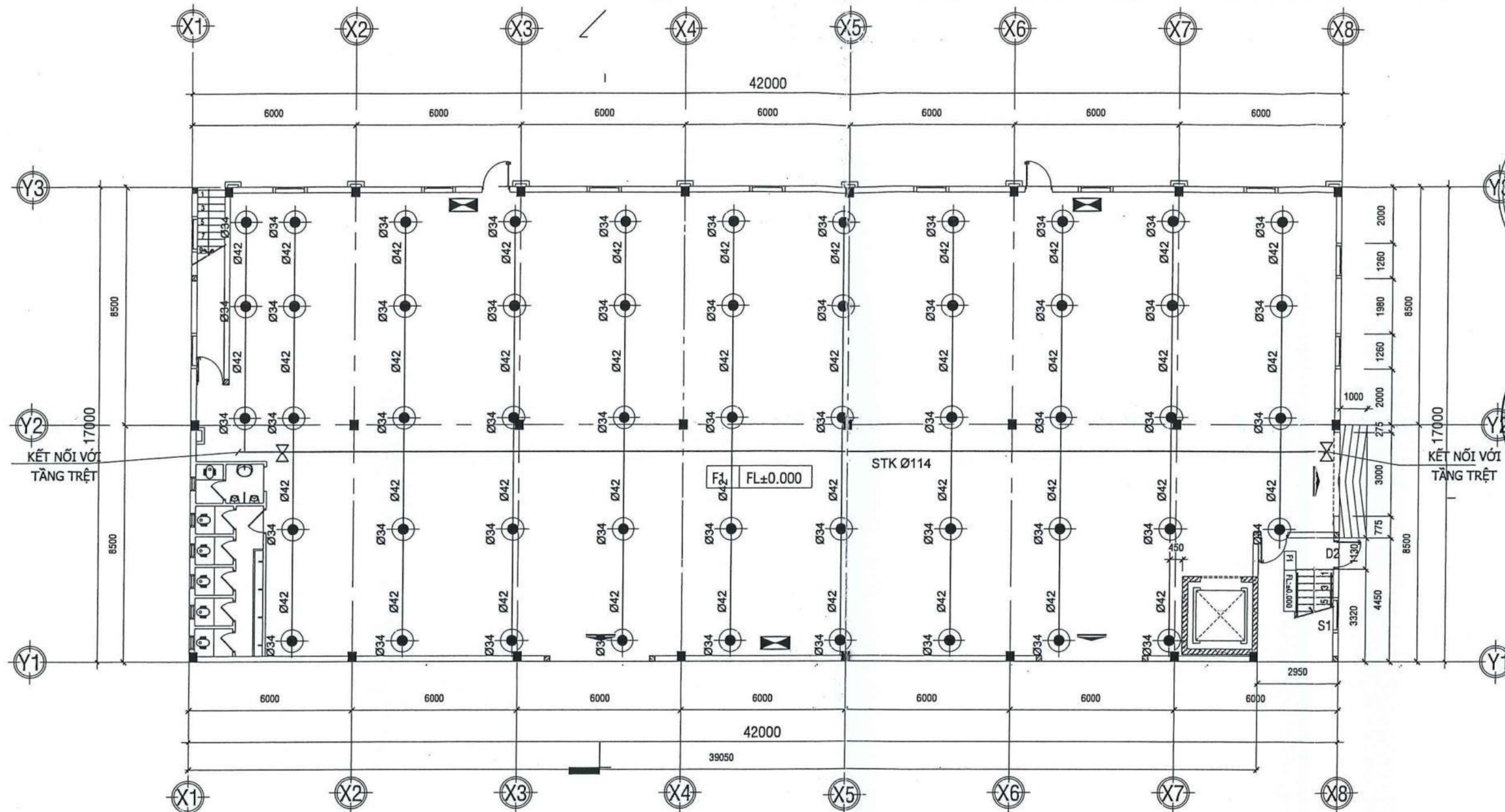
TÊN BẢN VẼ:

MẶT BẰNG BẢO CHÁY

Số Hiệu:
Sheet

PC-05

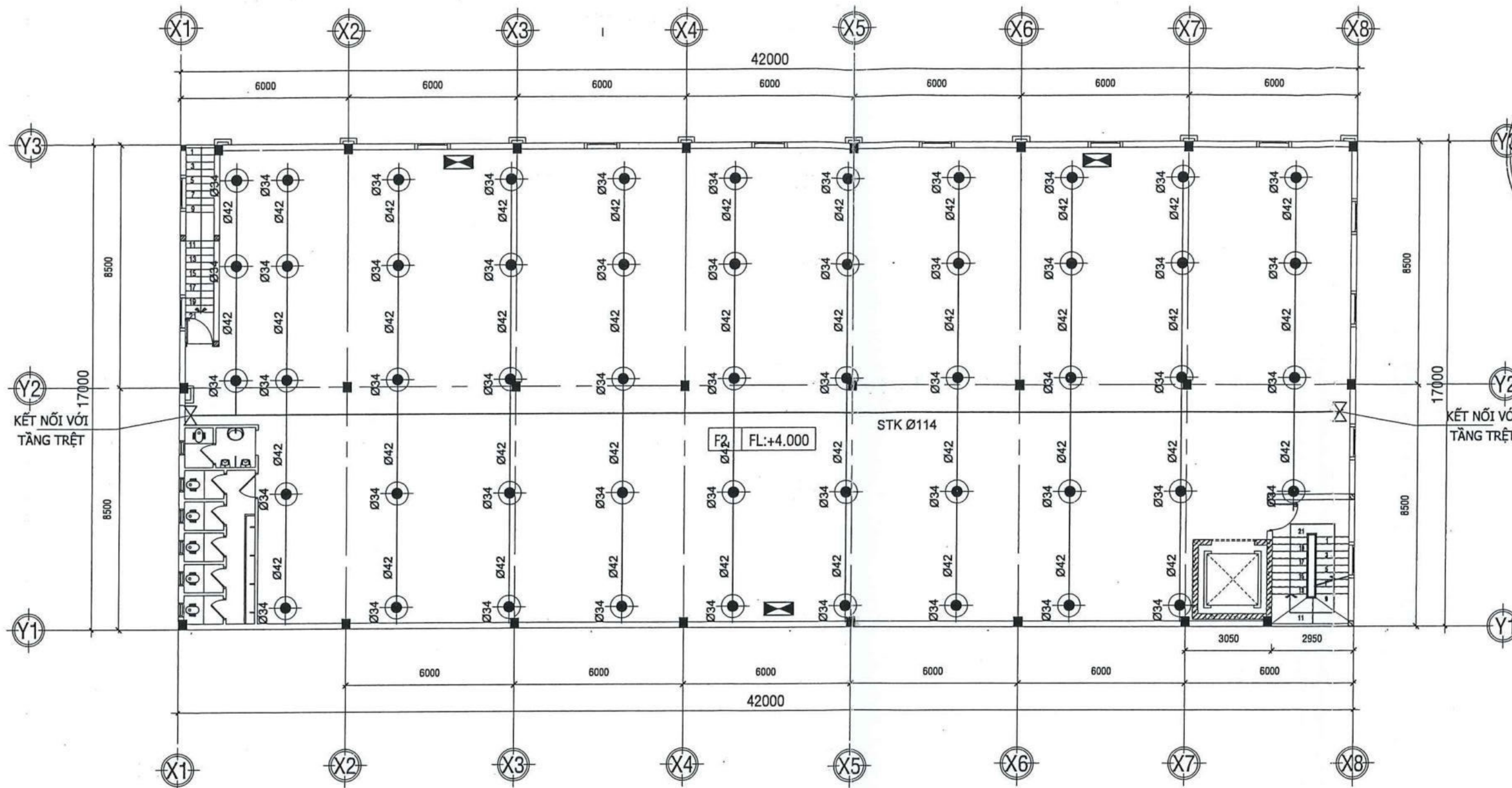
ĐẾN SỰ CÓ ĐỘ SÁNG 10 LUX CÓ ÁC QUÝ ĐỦ CHIẾU SÁNG TRONG 2 GIỜ
BÌNH CHỮA CHÁY BỒ TRÍ 50M²/ BÌNH



MẶT BẰNG TRỆT.TL:1/100
一樓平面圖

HỒ SƠ HOÀN CÔNG PCCC	
CHỦ ĐẦU TƯ Owner	
CÔNG TY TNHH VINA CHANG TAI	
GIÁM ĐỐC Director CÔNG TY TRÁCH NHIỆM ĐƠN VỊ VINA CHANG TAI ĐƠN VỊ THI CÔNG CÔNG TY TNHH TM & KT PCCC PHÚ THỊNH	
PHÚ THỊNH CO., LTD	
GIÁM ĐỐC Director CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI VÀ KỸ THUẬT PHÒNG CHÁY CHỮA CHÁY PHÚ THỊNH QUẬN 2, TP. HỒ CHÍ MINH LÀ THỊ HỒNG THANH THIẾT KẾ	
KS. NGUYỄN DƯƠNG QUẢN LÝ KỸ THUẬT	
KS. PHẠM VĂN HOAN	
Mục Dích Phát Hành Issued For	
Thiết Kế Sơ Bộ ☐ Preliminary	
Xin Phép ☐ Ask Permission	
Thi Công ☒ Construction	
Hiệu Chính Revision	
Ngày Date	Thay Đổi Change
CÔNG TRÌNH	
NHÀ XƯỞNG (17M X 42M)	
ĐƠN: TÂN DƯƠNG HỢP, TH. X. GI. AN, T. H. CH. DƯƠNG	
HANG MỤC	
PCCC	
TÊN BẢN VẼ:	
MẶT BẰNG CHỮA CHÁY	
Số Hiệu: Sheet	PC-06

ĐÈN SỰ CÓ ĐỘ SÁNG 10 LUX CÓ ÁC QUÝ ĐỦ CHIẾU SÁNG TRONG 2 GIỜ
BÌNH CHỮA CHÁY BỐ TRÍ 50M2/BÌNH



MẶT BẰNG LẦU 1.TL:1/100
二樓平面圖

HỒ SƠ HOÀN CÔNG PCCC

CHỦ ĐẦU TƯ
Owner

CÔNG TY TNHH
VINA CHANG TAI

GIÁM ĐỐC
Director



CÔNG TY TNHH TM & KT PCCC
PHÚ THỊNH



THIẾT KẾ

KS. NGUYỄN DƯƠNG

QUẢN LÝ KỸ THUẬT

KS. PHẠM VĂN HOAN

Mục Dích Phát Hành
Issued For
Thiết Kế Sơ Bộ ☐ Preliminary
Xin Phép ☐ Ask Permission
Thi Công ☒ Construction

Hiệu Chính
Revision

Ngày
Date

Thay Đổi
Change

CÔNG TRÌNH:

NHÀ XƯỞNG (17M X 42M)

HẠNG MỤC:

PCCC

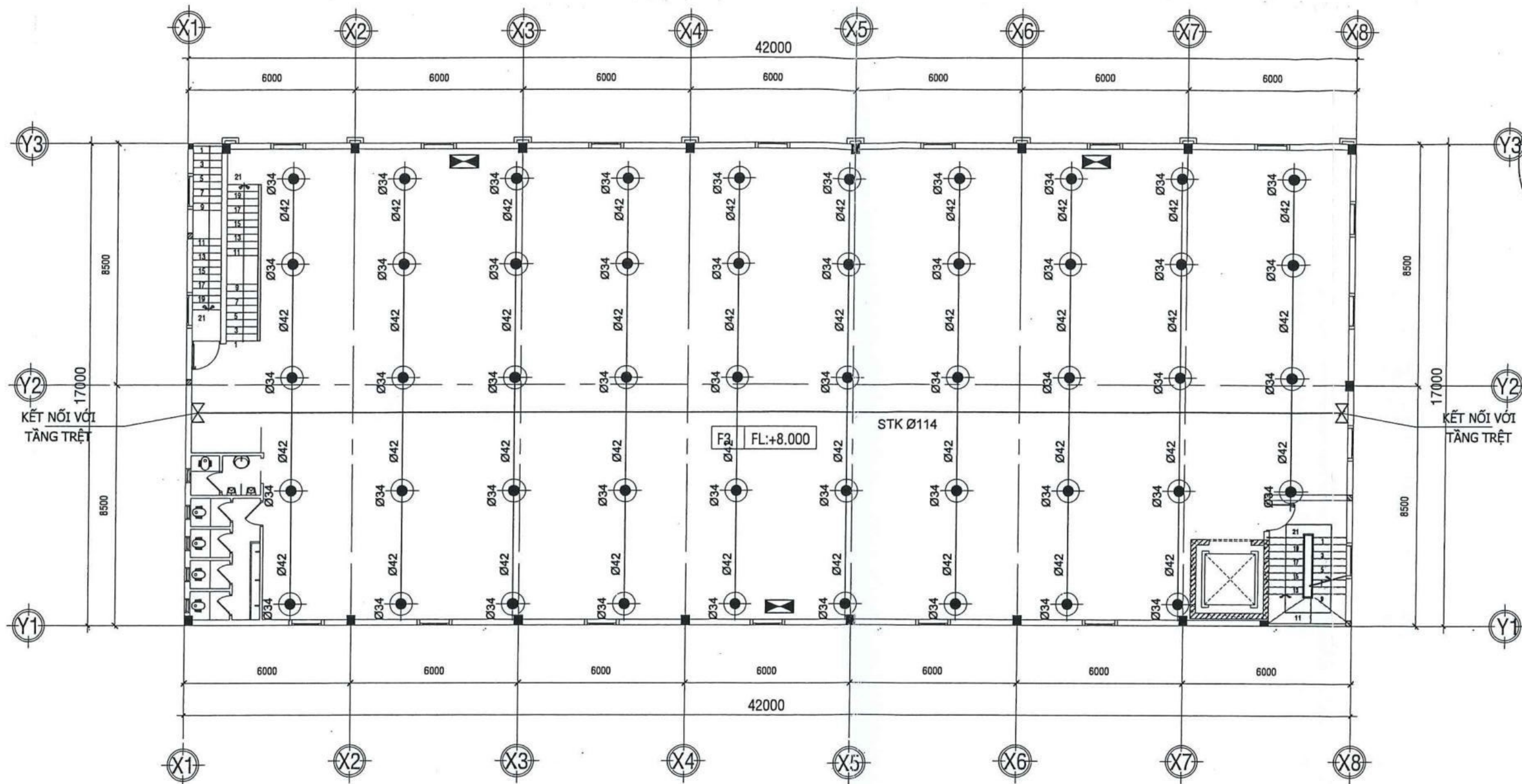
TÊN BẢN VẼ:

MẶT BẰNG CHỮA CHÁY

Số Hiệu:
Sheet

PC-07

ĐÈN SỰ CÓ ĐỘ SÁNG 10 LUX CÓ ÁC QUỴ ĐỦ CHIẾU SÁNG TRONG 2 GIỜ
BÌNH CHỮA CHÁY BỐ TRÍ 50M²/ BÌNH



MẶT BẰNG LẦU 2.TL:1/100

三樓平面圖

HỒ SƠ HOÀN CÔNG PCCC

CHỦ ĐẦU TƯ
Owner

CÔNG TY TNHH
VINA CHANG TAI

GIÁM ĐỐC
Director



CÔNG TY TNHH TM & KT PCCC
PHÚ THỊNH



KS. NGUYỄN DƯƠNG

QUẢN LÝ KỸ THUẬT

Signature

KS. PHẠM VĂN HOAN

Mục Dích Phát Hành
Issued For

Thiết Kế Sơ Bộ ☐ Preliminary

Xin Phép ☐ Ask Permission

Thi Công ☒ Construction

Hiệu Chính
Revision

Ngày
Date

Thay Đổi
Change

CÔNG TRÌNH:

NHÀ XƯỞNG (17M X 42M)

ĐƠN VỊ THIẾT KẾ: TẬP THỂ KỸ SƯ VÀ KỸ THUẬT
HANG MỤC:

PCCC

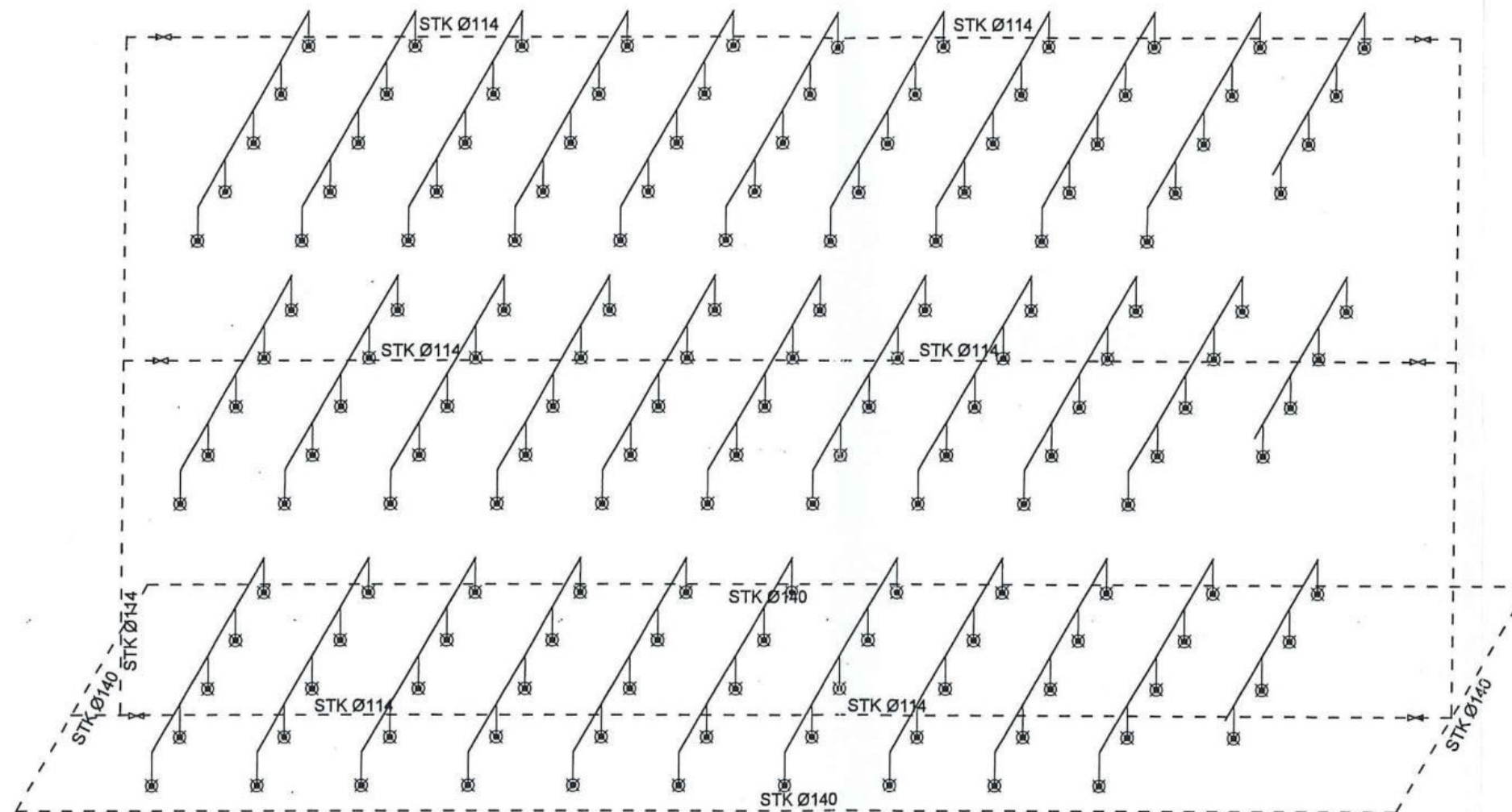
TÊN BẢN VẼ:

MẶT BẰNG CHỮA CHÁY

Số Hiệu:
Sheet

PC-08

ĐÈN SỰ CÓ ĐỘ SÁNG 10 LUX CÓ ÁC QUÝ ĐỦ CHIẾU SÁNG TRONG 2 GIỜ
BÌNH CHỮA CHÁY BỐ TRÍ 50M2/ BÌNH



SƠ ĐỒ CHỮA CHÁY TỰ ĐỘNG

HỒ SƠ HOÀN CÔNG PCCC

CHỦ ĐẦU TƯ
Owner

CÔNG TY TNHH
VINA CHANG TAI

GIÁM ĐỐC
Director



CÔNG TY TNHH TM & KT PCCC
PHÚ THỊNH



GIÁM ĐỐC
Director



THIẾT KẾ

KS. NGUYỄN DƯƠNG

QUẢN LÝ KỸ THUẬT

KS. PHẠM VĂN HOAN

Mục Dích Phát Hành

Issued For

Thiết Kế Sơ Bộ ☐ Preliminary

Xin Phép ☐ Ask Permission

Thi Công ☒ Construction

Hiệu Chính

Revision

Ngày

Date

Thay Đổi

Change

CÔNG TRÌNH:

NHÀ XƯỞNG (17M X 42M)

ĐƠN: TÂN DƯƠNG HỢP, TH. X. DI AN, TỈNH NH. DƯƠNG

HẠNG MỤC:

PCCC

TÊN BẢN VẼ:

SƠ ĐỒ
CHỮA CHÁY TỰ ĐỘNG

Số Hiệu:

Sheet

PC-09

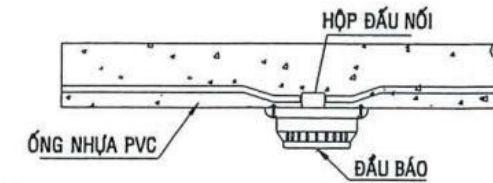
THUYẾT MINH HỆ THỐNG BÁO CHÁY TỰ ĐỘNG

HỆ THỐNG PHÒNG CHÁY CHỮA CHÁY ĐƯỢC THIẾT KẾ THEO TIÊU CHUẨN:

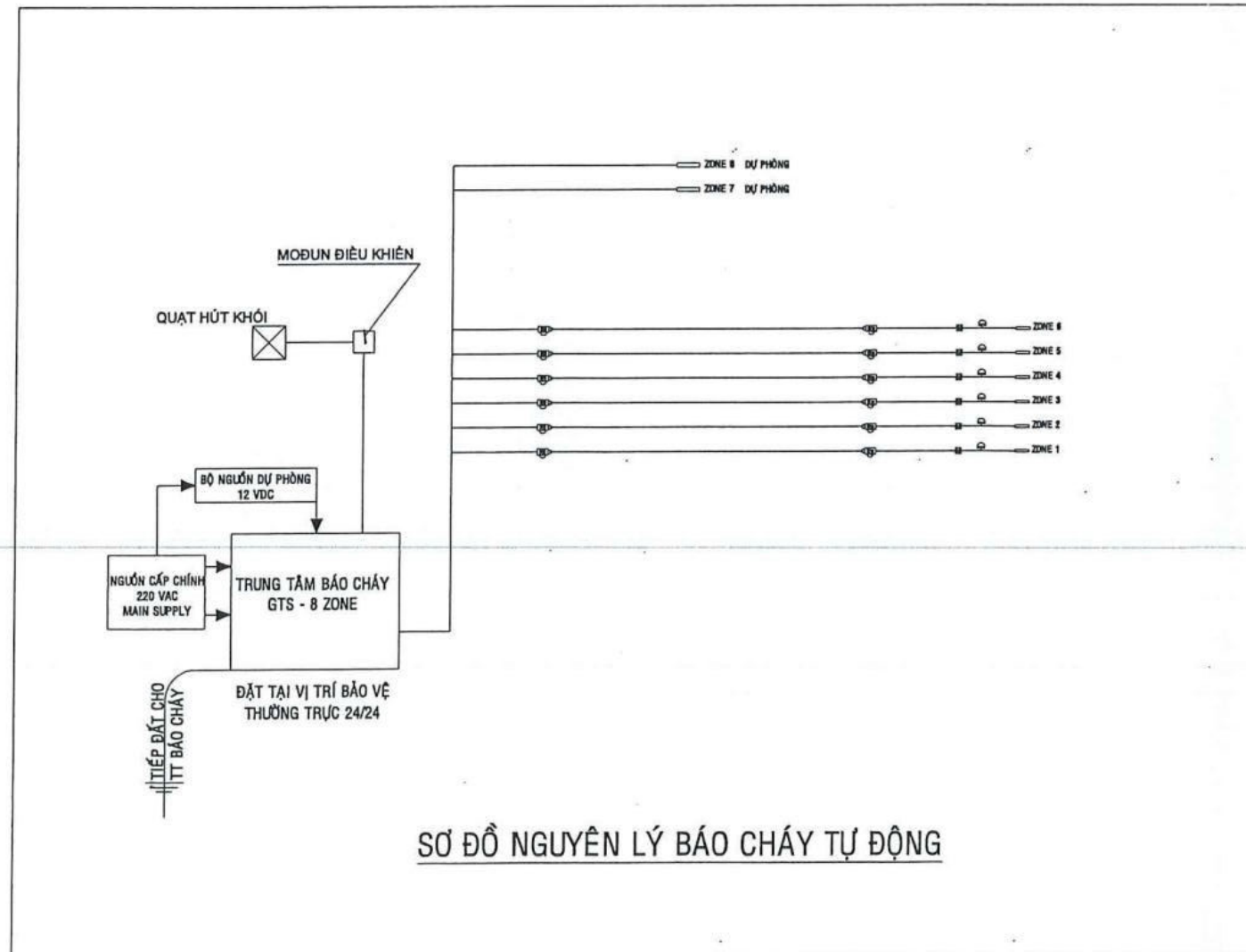
- TIÊU CHUẨN VIỆT NAM TCVN 2622-1995 PHÒNG CHÁY VÀ CHỮA CHÁY CHO NHÀ VÀ CÔNG TRÌNH
- TIÊU CHUẨN VIỆT NAM TCVN 5738-2001 HỆ THỐNG BÁO CHÁY - YÊU CẦU THIẾT KẾ
- TIÊU CHUẨN VIỆT NAM TCVN 5040-1990 THIẾT BỊ PHÒNG CHÁY VÀ CHỮA CHÁY. KÍ HIỆU HÌNH VẼ DÙNG TRÊN SƠ ĐỒ PHÒNG CHÁY - YÊU CẦU KỸ THUẬT
- TIÊU CHUẨN VIỆT NAM TCVN 7336-2003 PHÒNG CHÁY CHỮA CHÁY SPRINKLER TỰ ĐỘNG - YÊU CẦU THIẾT KẾ VÀ LẮP ĐẶT
- TIÊU CHUẨN VIỆT NAM TCVN 7435-2004 PHÒNG CHÁY CHỮA CHÁY - BÌNH CHỮA CHÁY XÁCH TAY VÀ XE ĐẨY CHỮA CHÁY
- TIÊU CHUẨN VIỆT NAM TCVN 3254-1989 AN TOÀN CHÁY VÀ YÊU CẦU CHUNG
- TIÊU CHUẨN VIỆT NAM TCVN 5760-1993 HỆ THỐNG CHỮA CHÁY VÀ YÊU CẦU CHUNG VỀ LẮP ĐẶT
- TIÊU CHUẨN VIỆT NAM TCVN 3890-2009 PHƯƠNG TIỆN PHÒNG CHÁY VÀ CHỮA CHÁY CHO NHÀ VÀ CÔNG TRÌNH
- TRANG BỊ, BỐ TRÍ, KIỂM TRA, BẢO DƯỠNG
- QUY CHUẨN KỸ THUẬT QUỐC GIA VỀ AN TOÀN CHÁY CHO NHÀ VÀ CÔNG TRÌNH QCVN 06:2010/BXD YÊU CẦU KỸ THUẬT:
- HỆ THỐNG BÁO CHÁY TỰ ĐỘNG LẮP ĐẶT TẠI NHÀ XƯỞNG
- GỒM CÁC THIẾT BỊ:
- + TRUNG TÂM BÁO CHÁY GTS - 8 ZONE.
- + ĐẦU BÁO KHÖI GTS, ĐẦU BÁO NHIỆT GTS.
- + CÔNG TẮC KHẨN . MODEL :MC 105
- + BÌNH ĐIỆN DỰ PHÒNG HITACHI 24V - 7Ah (JAPAN).
- TRUNG TÂM BÁO CHÁY CÓ DUNG LƯỢNG 8 VÙNG , THỰC TẾ LẮP ĐẶT 6 ZONE
- CÒN LẠI 2 VÙNG DỰ PHÒNG
- CÒI VÀ CÔNG TẮC KHẨN ĐƯỢC BỐ TRÍ TẠI CÁC CỬA RA VÀO NHÀ XƯỞNG
- TÂM CỦA CÔNG TẮC KHẨN ĐƯỢC LẮP CÁCH MẶT SÀN 1,5m.
- HỆ THỐNG BÁO CHÁY TỰ ĐỘNG CÓ BỘ NGUỒN DỰ PHÒNG 24VDC - 7Ah ĐỦ THỜI GIAN HOẠT ĐỘNG TRONG 12 GIỜ Ở CHẾ ĐỘ GIÁM SÁT VÀ MỘT GIỜ Ở CHẾ ĐỘ BÁO ĐỘNG .
- TRUNG TÂM BÁO CHÁY VÀ BÀN PHÍM LẬP TRÌNH ĐƯỢC NỐI TIẾP ĐẤT THEO QUI ĐỊNH HIỆN HÀNH .
- DÂY TÍN HIỆU CÓ TIẾT DIỆN 0.75mm² VÀ ĐƯỢC LUỐN TRONG ỚNG NHỰA PVC .

GHI CHÚ:

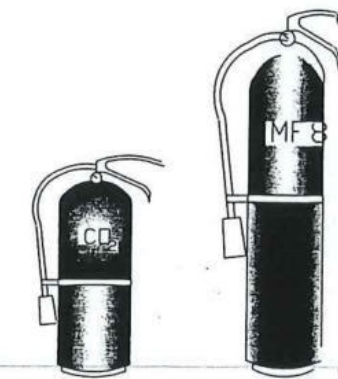
-  HỘP CHỮA CHÁY (FIRE HYDRANT CABINET)
-  CHUÔNG BÁO ĐỘNG
-  ĐIỆN TRỞ CUỐI NGUỒN
-  CÔNG TẮC KHẨN
-  TRỤ CHỮA CHÁY NGOÀI NHÀ VÀ TỦ 2 CUỘN VỎI
-  BÌNH CHỮA CHÁY KHÍ Co₂ - MT5 (5Kg)
-  BÌNH CHỮA CHÁY BỘT MFZ8 - 8Kg



CHI TIẾT LẮP ĐẶT ĐẦU BÁO, DƯỚI SÀN BÊ TÔNG



SƠ ĐỒ NGUYÊN LÝ BÁO CHÁY TỰ ĐỘNG



BÌNH BỘT MF8 - 08Kg

HỒ SƠ HOÀN CÔNG PCCC

CHỦ ĐẦU TƯ
Owner

CÔNG TY TNHH
VINA CHANG TAI

GIÁM ĐỐC
Director



PHÚ THỊNH



THIẾT KẾ

KS. NGUYỄN DƯƠNG

QUẢN LÝ KỸ THUẬT

KS. PHẠM VĂN HOAN

Mục Dích Phát Hành

Issued For

Thiết Kế Sơ Bộ ☐ Preliminary

Xin Phép ☐ Ask Permission

Thi Công ☒ Construction

Hiệu Chính

Revision

Ngày

Date

Thay Đổi

Change

CÔNG TRÌNH:

PROJECT:

HOUSE

17M X 42M

ĐƠN: TÂN ĐÔNG HỢP, TH. X. Đ. AN, TỈNH BÌNH DƯƠNG

HANG MỤC:

PROJECT

PCCC

TÊN BẢN VẼ:

PROJECT

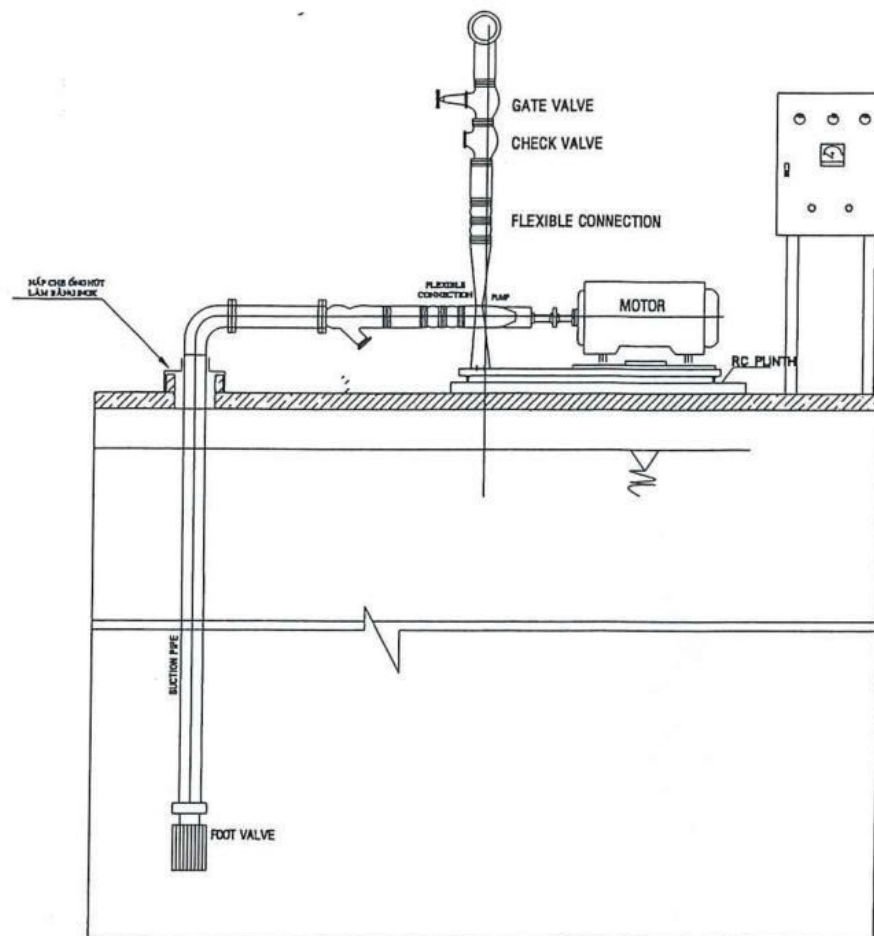
SƠ ĐỒ NGUYÊN LÝ

BÁO CHÁY TỰ ĐỘNG

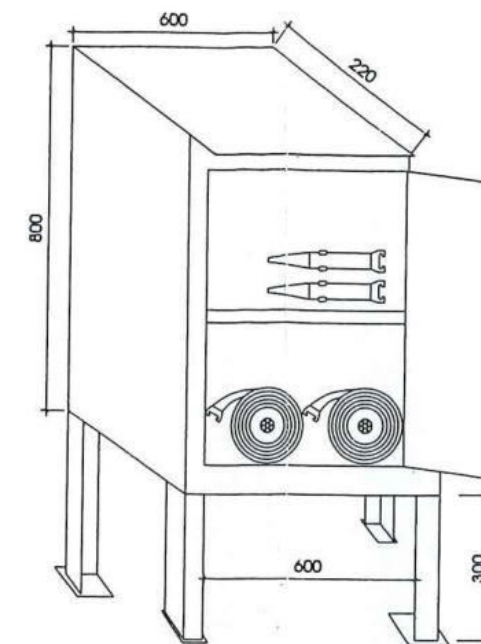
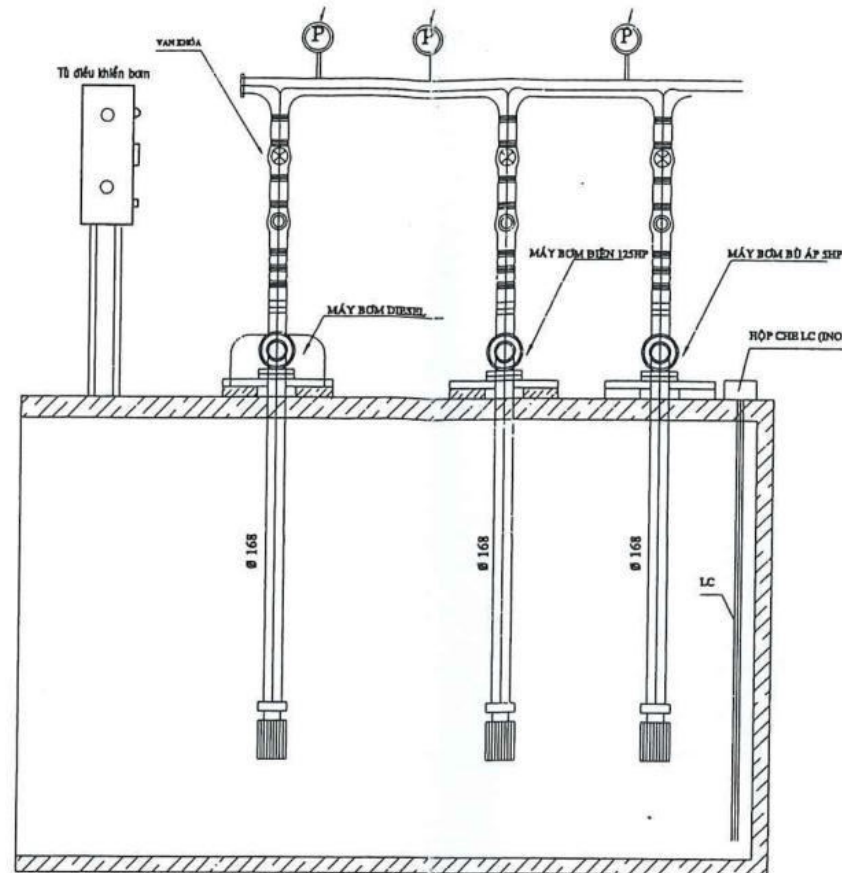
Số Hiệu:

Sheet

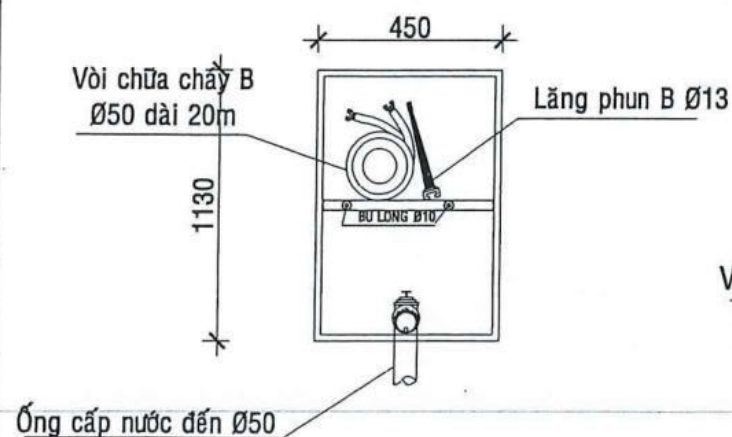
PC-10



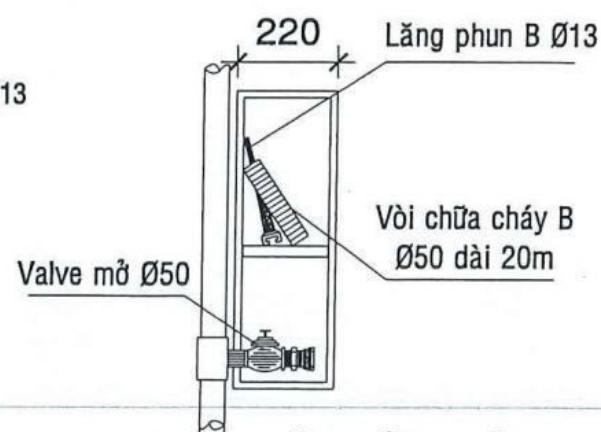
Kiểu mẫu nối ống bơm



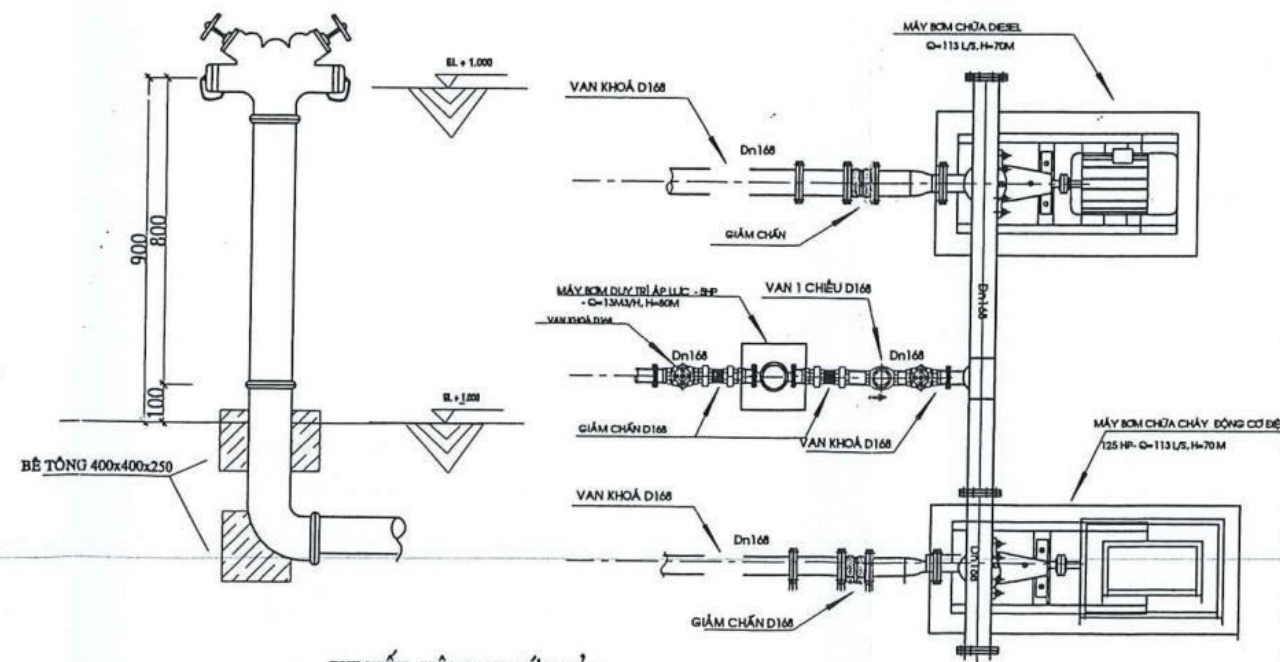
CHI TIẾT TỦ ĐỘNG VỎI CHỮA CHÁY



CHI TIẾT HỘ CỬA CHÁY



MẶT ĐỨNG BÊN



CHI TIẾT HỘ TRỤ CỬA CHÁY

CHI TIẾT CỤM BƠM HỆ THỐNG CẤP NƯỚC CHỮA CHÁY

HỒ SƠ HOÀN CÔNG PCCC

CHỦ ĐẦU TƯ
Owner

CÔNG TY TNHH
VINA CHANG TAI

GIÁM ĐỐC
Director



PHỤ THỊNH

PHỤ THỊNH



THIẾT KẾ

KS. NGUYỄN DƯƠNG

QUẢN LÝ KỸ THUẬT

KS. PHẠM VĂN HOAN

Mục Dích Phát Hành

Issued For

Thiết Kế Sơ Bộ

☐ Preliminary

Xin Phép

☐ Ask Permission

Thi Công

☒ Construction

Hiệu Chính

Revision

Ngày

Date

Thay Đổi

Change

CÔNG TRÌNH

NHÀ XƯỞNG (17M X 42M)

ĐƠN VỊ THIẾT KẾ, THỰC HIỆN VÀ KIỂM TRA

HANG MỤC

PCCC

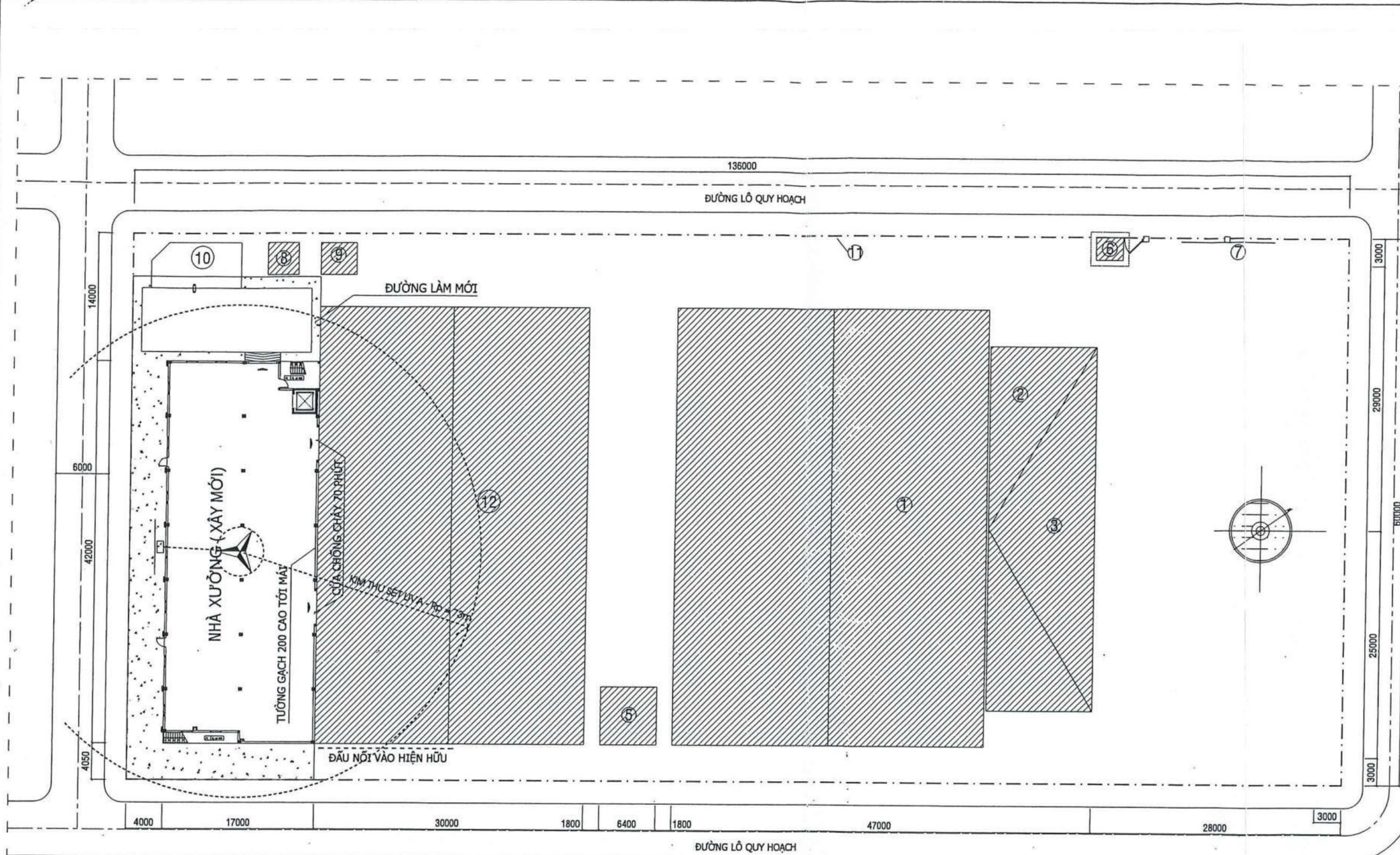
TÊN BẢN VẼ

CHI TIẾT CỤM BƠM

Số Hiệu

Sheet

PC-11



HỒ SƠ HOÀN CÔNG PCCC

CHỦ ĐẦU TƯ
Owner

CÔNG TY TNHH
VINA CHANG TAI

GIÁM ĐỐC
Director

M.S.D.N. 3700228069

CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN
VINA CHANG TAI

CÔNG TY TNHH TM & KT PCCC
T. BÌNH PHÚ THỊNH

PHÚ THỊNH

M.S.D.N. 0303513120

CÔNG TY TNHH
THƯƠNG MẠI VÀ KỸ THUẬT
PHÒNG CHÁY CHỮA CHÁY
PHÚ THỊNH

QUẬN 2 - T. P. HO CHI MINH

THIẾT KẾ

KS. NGUYỄN DƯƠNG

QUẢN LÝ KỸ THUẬT

KS. PHẠM VĂN HOAN

Mục Dích Phát Hành
Issued For

Thiết Kế Sơ Bộ ☐ Preliminary

Xin Phép ☐ Ask Permission

Thi Công ☒ Construction

Hiệu Chính
Revision

Ngày
Date

Thay Đổi
Change

CÔNG TRÌNH:

NHÀ XƯỞNG (17M X 42M)

PHẠM VĂN HOAN, TRƯỞNG XÃ AN, TỈNH BÌNH DƯƠNG

HANG MỤC:

CHỐNG SÉT

TÊN BẢN VẼ:

MẶT BẰNG TỔNG THỂ
CHỐNG SÉT

Số Hiệu:
Sheet

CS-01

ĐƯỜNG NỘI BỘ CHỊU TẢI TRỌNG 30T
LỚP BTCT DÀY 150, MẮC 250, 1 LỚP THÉP HÀN D8@200
LỚP PVC DÀY 0.2MM
LỚP ĐÁ 0X4 DÀY 200 ĐÃM CHẶT
LỚP ĐẤT TỰ NHIÊN ĐÃM CHẶT

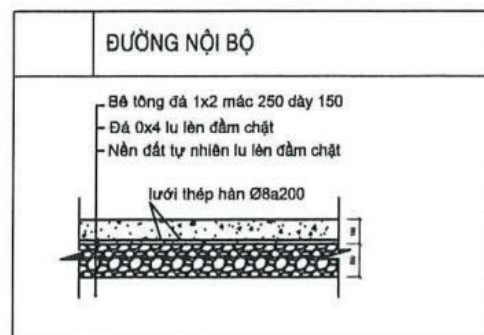
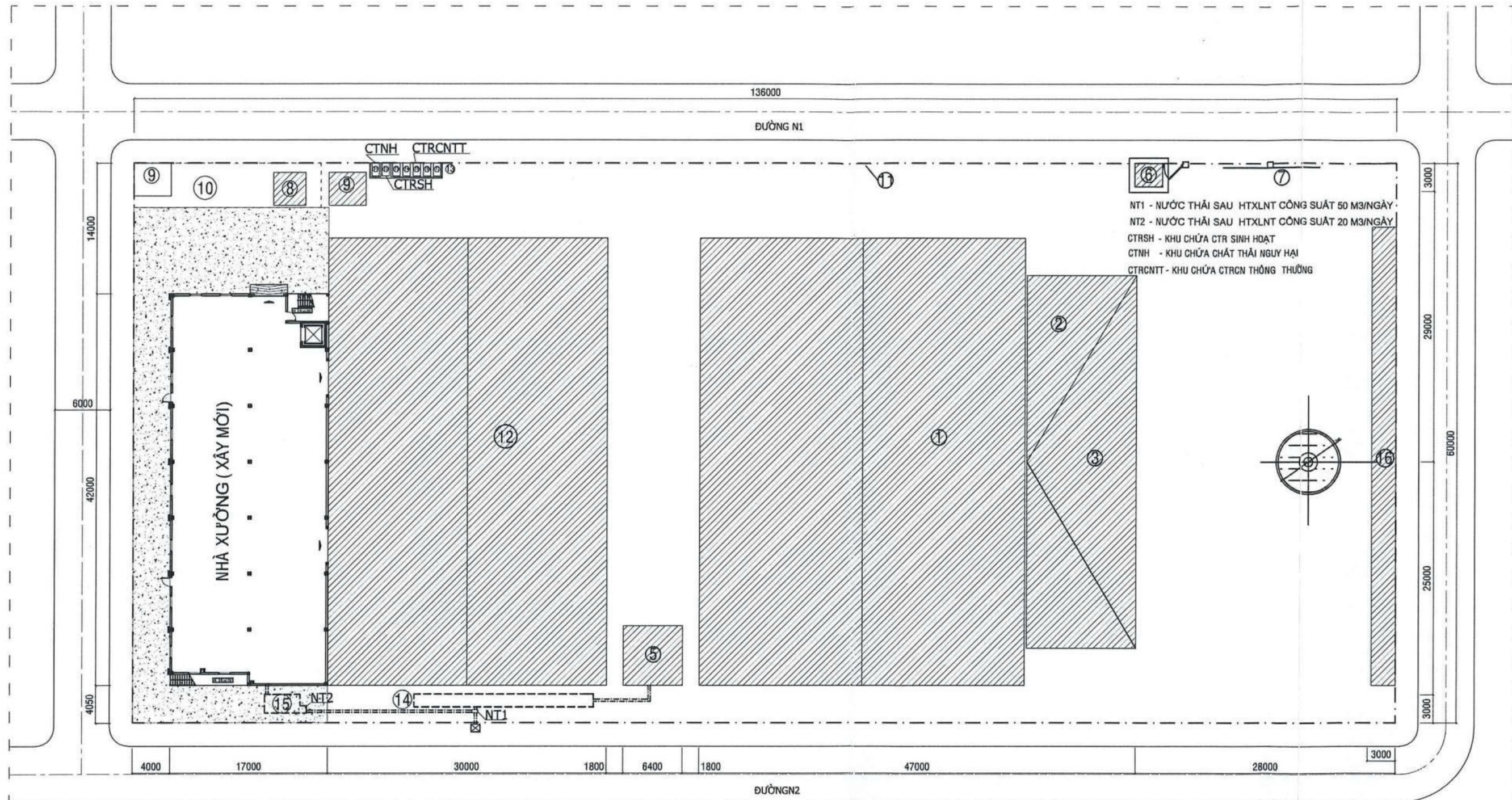


MẶT BẰNG TỔNG THỂ

GHI CHÚ:

- ① - NHÀ XƯỞNG
- ② - KHỐI VĂN PHÒNG
- ③ - KHỐI NGHỈ
- ⑤ - NHÀ VỆ SINH CÔNG NHÂN
- ⑥ - NHÀ BẢO VỆ
- ⑦ - CỔNG RÀO
- ⑧ - TRẠM BIẾN THÉ
- ⑨ - MÁY PHÁT ĐIỆN
- ⑩ - HỒ NƯỚC PCCC
- ⑪ - TƯỜNG RÀO
- ⑫ - NHÀ XƯỞNG (30X48)m

SƠ ĐỒ VỊ TRÍ LẤY MẪU GIAI ĐOẠN VẬN HÀNH



GHI CHÚ:

- | | | | | |
|--------------------|---------------------------|-------------------|-------------------------------------|----------------------|
| ① - NHÀ XƯỞNG | ⑤ - NHÀ VỆ SINH CÔNG NHÂN | ⑧ - TRẠM BIẾN THẾ | ⑪ - TƯỜNG RÀO | ⑭ - HTXLNT 50M3/NGÀY |
| ② - KHỐI VĂN PHÒNG | ⑥ - NHÀ BẢO VỆ | ⑨ - MÁY PHÁT ĐIỆN | ⑫ - NHÀ XƯỞNG (30X48)m | ⑮ - HTXLNT 20M3/NGÀY |
| ③ - KHỐI NGHỈ | ⑦ - CỔNG RÀO | ⑩ - HỒ NƯỚC PCCC | ⑬ - KHU CHỨA CHẤT THẢI | ⑯ - NHÀ XE |
| | | | T1 - KHU CHỨA CTR SINH HOẠT | |
| | | | T2 - KHU CHỨA CHẤT THẢI NGUY HẠI | |
| | | | T3-T7 - KHU CHỨA CTRCN THÔNG THƯỜNG | |

HỒ SƠ HOÀN CÔNG

CHỦ ĐẦU TƯ
Owner

CÔNG TY TNHH
VINA CHANGTAI

GIÁM ĐỐC
Director

CÔNG TY
THÀNH VIÊN

DỰ ÁN

NHÀ MÁY SẢN XUẤT
QUẦN ÁO LỘT PHỤ NỮ

ĐỊA ĐIỂM
Location

TÂN ĐỒNG HIỆP, DĨ AN,
TỈNH BÌNH DƯƠNG

Mục Đích Phát Hành
Issued For

Thiết Kế Sơ Bộ ☐ Preliminary

Xin Phép ☒ Ask Permission

Thi Công ☐ Construction

Hiệu Chính
Revision

Ngày
Date

Thay Đổi
Change

CÔNG TRÌNH:

NHÀ XƯỞNG

ĐƠN VỊ: TÂN ĐỒNG HIỆP, DĨ AN, TỈNH BÌNH DƯƠNG

HẠNG MỤC:

TỔNG THỂ

TÊN BẢN VẼ:

MẶT BẰNG TỔNG THỂ

Số Hiệu:
Sheet

TT-01